



HOÀNG QUỐC HẢI

THIÊN SƯ DỤNG NƯỚC

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

I



PHỤ NỮ
NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

Thiên sư dựng nước

Hoàng Quốc Hải

Nhà xuất bản Phụ nữ 2010



Nguồn ebook: tve-4u.org
Chuyển text và tạo ebook: Caruri
Hoàn thành: 11/2016

Tác phẩm này nhằm tôn vinh các bậc tiên hiền, tiên liệt thuộc về thời đại nhà Lý – Một thời đại đã đặt cơ sở vững chắc cho nền văn hiến và xây dựng một nước Đại Việt văn minh, giàu thịnh và hùng mạnh vào bậc nhất trong lịch sử nước nhà.

HQH

Thành Đại La, ở giữa khu vực trời đất, có thể rồng cuộn hổ ngồi, ở giữa nam bắc đông tây, tiện hình thế núi sông sau trước, đất rộng mà bằng phẳng, vật rất thịnh mà phồn vinh, xem khắp nước Việt, chỗ ấy là nơi hơn cả. Thật là chỗ tụ hội của bốn phương, là nơi thượng đô của kinh sư muôn đời...

(Trích Chiếu dời đô của vua Thái tổ Lý Công Uẩn)

“Nước ta non sông gấm vóc, nhân tài tuấn kiệt, đất nước anh linh, châu ngọc bảo bối, không cái gì là không có. Nước khác không thể nào bì được. Con hãy nên giữ nước cẩn thận”.

Lý Anh tông

(Lời dặn thái tử lúc lâm chung)

Thân như bóng chớp có rồi không

Cây cối xuân tươi, thu nào nùng

Mặc cuộc thịnh suy đừng sợ hãi

Kìa kìa ngọn cỏ giọt sương đông

Thiền sư Vạn Hạnh

Lời nhà xuất bản

Bộ tiểu thuyết lịch sử *Tám triều vua Lý* của nhà văn Hoàng Quốc Hải đã cho người đọc thấy được bức tranh của thời đại nhà Lý từ khi nó ra đời tới khi kết thúc kéo dài 216 năm (1010-1225).

Triều đại nhà Lý là triều đại đầu tiên đưa Đại Việt trở thành một quốc gia văn hiến. Bởi nó có tôn giáo, triết học, luật pháp, văn chương và lịch sử.

Việc tổ chức chính quyền đã hoàn chỉnh từ hương ấp, trấn, lộ đến triều đình, đặc biệt việc tổ chức quân đội với chính sách “Ngụ binh ư nông” là một sáng tạo vô cùng to lớn của Thái tổ Lý Công Uẩn. Hình thức này duy trì suốt cả thời đại nhà Lý và nhà Trần vẫn tiếp nối.

Một vấn đề khác có giá trị tư tưởng và sáng tạo của nhà Lý là ở chỗ dung hợp được cả ba tôn giáo: Phật – Nho – Đạo và khai thác ở mỗi tôn giáo một tính chất ưu việt nhất để làm định hướng cho sự xây dựng và phát triển xã hội. Đó là:

Xã hội Nho.

Tâm linh Phật.

Thiên nhiên Đạo.

Nhà Lý đã đưa đạo Phật vào đời sống một cách ngọt ngào, đưa văn hóa Phật giáo hòa vào văn hóa dân tộc. Vì vậy đã giải thích vì sao hàng ngàn năm qua trong mọi bước thăng trầm của lịch sử, Phật giáo luôn đồng hành với dân tộc.

Ngay việc dời đô, chọn Đại La là nơi trung tâm cho sự phát triển dài lâu của đất nước, vua mở nghiệp của nhà Lý đã có một nhân quan thấu thị, do đó Thăng Long xưa và Hà Nội nay vẫn là một trung tâm chính trị, văn hóa và kinh tế không nơi nào trong nước có thể thay thế được.

Tác giả đã công phu nghiên cứu lịch sử và văn hóa thời Lý khá kỹ lưỡng, nên đã tái hiện được lịch sử một cách trung thực. Trong đó từ sinh hoạt đời thường đến lễ hội và phong tục từ gia đình đến cung đình đều được khắc họa một cách sinh động và hợp lý.

Toàn bộ tác phẩm xuyên suốt các triều vua kéo dài 216 năm đều bám sát lịch sử nhưng không phụ thuộc vào lịch sử. Tác giả đã sử dụng các hoàn cảnh lịch sử, nhân vật lịch sử và sự kiện lịch sử một cách đúng mức chứ không lạm dụng. Ví dụ thời Lý vào các giai đoạn suy thoái nảy sinh nhiều hiện tượng dị đoan kỳ quái, nhưng tác giả chỉ điểm xuyết chứ không sa đà.

Phần hư cấu từ nhân vật đến tính cách và hoàn cảnh khiến tác phẩm mang tính chân thực hơn. Về điểm này, tác giả đã khai thác thế mạnh của bút pháp tiểu thuyết lịch sử khi viết bộ tiểu thuyết lịch sử *Bão táp triều Trần*.

Với kiến thức sâu rộng, tác giả đã cung cấp cho người đọc mang tính liên thông của cả một thời đại mà từ xưa tới nay dường như chưa có một tác giả nào làm được.

Cái khó của tác giả là tài liệu tham khảo về thời đại nhà Lý vô cùng ít ỏi. *Đại Việt sử ký toàn thư* là bộ sử lớn nhất của nước ta, ghi chép suốt 216 năm của thời đại này cũng chỉ vền vẹn gần 200 trang sách. Tác giả đã phải tìm kiếm nhiều trong các truyện dân gian, các truyền thuyết, các gia phả, thần phả, hoành phi, câu đối và bi ký tại các nơi thờ tự. Hơn hết, tác giả có so sánh đối chiếu với lịch sử của nhà Tống là thời đại song song với nhà Lý, nên cung cấp được nhiều thông tin hai chiều, khách quan; tránh được những kết luận vô đoán do thiếu tư liệu, điều rất dễ xảy ra khi viết tiểu thuyết lịch sử.

Có thể nói, *Tám triều vua Lý* là một bộ tiểu thuyết đồ sộ xứng đáng với việc tri ân các bậc tiên liệt đã làm rạng rỡ non sông Đại Việt cách đây đúng một ngàn năm. Và nó ra đời đúng dịp cả nước làm lễ đại kỷ niệm Một ngàn năm Thăng Long – Hà Nội.

Phải nói đây là tấm lòng thành kính và sự nỗ lực phi thường của tác giả, đáng được trân trọng.

Nhà xuất bản Phụ nữ xin giới thiệu tác phẩm với bạn đọc.

Lời tựa

Có thể nói, giới đại trí thức Phật giáo có ý thức xây dựng một nước Đại Việt độc lập tự chủ với một nền Việt Phật đã manh nha từ thời Đinh, Lê.

Vai trò tham dự triều chính trong cương vị quốc sư hoặc cố vấn cho nhà vua như Đỗ Pháp Thuận, Ngô Chân Lưu, Định Hương, Vạn Hạnh v.v... đã hướng cho các vị hoàng đế đi vào con đường tâm linh Phật.

Khi nhà Lê tụt dốc suy thoái tới cùng cực, với Ngọa triều Lê Long Đinh là hiện thân cho cái ác ra đi, triều thần tôn phò Lý Công Uẩn là bề tôi của Long Đinh lên ngôi nước.

Vậy là nhà Lý lấy ngôi nước bằng con đường nhân ái chứ không phải bằng bạo lực.

Lý Công Uẩn được nuôi dưỡng nơi cửa Phật từ ba tuổi. Khi sáu tuổi về ở với thiền sư Vạn Hạnh.

Ai cũng biết Vạn Hạnh là bậc thiền sư lỗi lạc, ngoài hiểu thông tam giáo, sư còn quán thông các khoa lý số, ngài là bậc tiên tri đại giác, không việc gì ở đời sư không biết trước.

Lý Công Uẩn được một bậc thầy siêu việt dạy dỗ và dẫn dắt vào đời. Thông thường các bậc đại sư nuôi đệ tử là để kế tổ truyền đăng. Nhưng Vạn Hạnh sau khi truyền dạy cho Lý Công Uẩn đủ sức giúp đời, thì ông tiến cử người học trò của mình vào giữ một chức quan võ trong triều đình nhà Lê.

Vì sao Vạn Hạnh lại đào tạo Lý Công Uẩn trở thành một chính khách, chứ không khiến ông trở thành một thiền giả. Ấy là bởi lần đầu tiên nhắc thấy Lý Công Uẩn ở chùa Kiến Sơ với sư Khánh Văn, thiền sư Vạn Hạnh đã thốt lên: “Đứa bé này không phải là người thường, sau này lớn lên tất có thể giải quyết được mọi việc khó khăn, làm vua giỏi trong thiên hạ”. (Đại Việt sử ký toàn thư Bản kỷ, quyển II).

Vậy là từ lâu, các bậc đại trí thức trong giới Phật giáo đã có hoài bão phù giúp một bậc vua anh minh, đủ tài đức xây dựng nước Nam trở thành một nước cường thịnh cùng với một nền Phật giáo đậm sắc thái văn hóa Việt.

Vạn Hạnh đã chẳng mách cho hoàng đế Lê Hoàn xuất quân phá Tống, bình Chiêm vào thời điểm nào thì toàn thắng đó ư.

Khuông Việt đã chẳng lên núi Vệ Linh lập đàn cầu thần trợ lực cho quân dân Đại Việt phá Tống đấy ư. Khuông Việt cũng từng giúp Đinh Tiên Hoàng việc nội trị và ngoại giao được nhà vua phong giữ chức tăng thống, tựa như một bậc quốc sư.

Lê Hoàn khi được ngôi nước thường băn khoăn không biết vận số vẫn dài ra sao, liền đem ý đó hỏi thiền sư Đỗ Pháp Thuận.

Đỗ Pháp Thuận khuyến cáo nhà vua bằng bài kệ:

Quốc tộ như đằng lạc,

Nam thiên lý thái bình.

Vô vi cư điện các,

Xứ xứ tức đao binh.

Nghĩa là ngôi nước phải chắc vững như một bụi mây với những sợi mây quấn quýt vào với nhau, ý nói phải đoàn kết muôn dân mới trở thành sức mạnh của cả dân tộc. Và nơi điện các, tức bộ máy triều đình phải vô vi thanh tịnh, đây ám chỉ sự trong sạch, tận tâm vì dân vì nước. Và như vậy thì ngàn dặm trời Nam đã yên hưởng thái bình, nhà vua còn phải lo gì đến việc binh đao nữa.

Thiền sư Pháp Thuận giúp Lê Hoàn hoạch định chính sách buổi sơ triều rất đặc dụng. Khi đất nước đã yên trị, Lê Hoàn phong chức tước gì sư cũng từ khước cả.

Rõ ràng là các bậc thiền sư đã tận tâm phù giúp các bậc quốc vương, nhưng chưa vị nào đáp ứng được sự đòi hỏi của lịch sử.

Nay ngôi nước đã vào tay Lý Công Uẩn, một người xuất thân từ cửa Phật, được đào tạo hết sức bài bản và xuất hiện đúng lúc mà lịch sử cần.

Vậy là vương triều Lý nảy sinh từ khát vọng lâu đời của giới trí thức Phật giáo, và người đạo diễn thiên tài lại chính là thiền sư Vạn Hạnh.

Trong hoàn cảnh lịch sử nước nhà vào giai đoạn ấy, ngoài giới trí thức Phật giáo ra, chưa xuất lộ một tầng lớp nào đủ tư cách và trí tuệ dẫn dắt dân tộc ta đi vào con đường tự cường.

Chính thể Thuận Thiên của Lý Công Uẩn tuyên cáo một đường lối chính trị hết sức công khai và minh bạch. Đó là: Tam giáo đồng nguyên.

Bởi trong xã hội đương thời đang tồn tại ba tôn giáo. Ấy là Nho – Phật – Đạo.

Thực ra mỗi tôn giáo này đều có một vị giáo chủ:

- Phật do đức Thích Ca Mâu Ni sáng lập.
- Nho, do đức Khổng Tử hoàn thiện học thuyết.
- Đạo, do Lão Tử chủ trương.

Sở dĩ nói “đồng nguyên” là bởi mục tiêu tối thượng của cả ba tôn giáo này đều hướng tới tính thiện, tính nhân văn. Và nhà Lý chiết xuất ra ở mỗi dòng đạo những điều ưu việt nhất làm định hướng căn bản cho việc xây dựng xã hội. Đó là: Xã hội Nho – Tâm linh Phật – Thiên nhiên Đạo.

Vì rằng muốn tổ chức một xã hội có kỷ cương trật tự, có lễ luật chặt chẽ thì không thể không dựa vào sự ràng buộc của tam cương^[ii], ngũ thường^[iii] của Nho giáo.

Nhưng điểm yếu nhất của Nho giáo là vị kỷ, là phân chia đẳng cấp, là trọng giàu khinh nghèo, trọng nam khinh nữ sẽ tạo ra nhiều nhân tố bất ổn cho xã hội.

Vậy muốn điều chỉnh nó thì con người phải biết tôn trọng lẫn nhau, sống trong hiếu hòa, hiếu thiện và từ bỏ lòng tham lam ích kỷ, sân hận cố chấp, để tiến tới giác ngộ mà giải thoát ra khỏi cám dỗ vật chất của đời thường, và để đạt tới sự tiến hóa ấy thời phải lấy tâm linh Phật làm cứu cánh.

Lại nữa con người cùng với muôn loài được sinh ra dưới ánh mặt trời kể cả các loài thấp sinh, noãn sinh và thảo mộc đều bình đẳng. Vì vậy Lão Tử chủ trương muôn loài phải nương tựa vào nhau, cùng tồn tại chứ không loài nào được chèn ép loài nào. Con người cũng như các loài khác phải tôn trọng thiên nhiên, như Thượng đế đã an bài. Do đó, cái thiên nhiên sinh tồn phải là thiên nhiên Đạo.

Tam giáo đồng nguyên là như vậy, và nó chính là triết lý nhân sinh cũng đồng thời là định hướng chính trị cho xã hội thời đại nhà Lý.

Nhân sinh quan đó bắt nguồn từ truyền thống văn hóa Việt tộc, và nó được thăng hoa khi gặp tính minh triết nguyên thủy của giáo lý Phật, tự khắc có một sự dung hợp kỳ lạ, như là một sự trợ duyên để dân tộc ta đến với Phật giáo. Cũng từ đó Phật giáo luôn đồng hành cùng dân tộc.

Nhà Lý tôn đạo Phật làm quốc đạo. Song không vì thế mà ức chế các dòng đạo khác. Ví dụ việc tổ chức bộ máy cai trị, vị trí của Nho giáo đã biến thành các định chế pháp luật. Còn để quản trị các tôn giáo khác, nhà nước bổ nhiệm một vị Tăng quan gọi là Hữu nhai tăng thống, một vị Đạo quan gọi là Tả nhai đạo lục.

Khi xây dựng kinh thành, ngoài các cung điện là nơi coi châu và nơi làm việc thì biểu tượng cho tôn giáo cũng được xây cất một cách tương ứng. Ví như bên hữu là chùa Vạn Tuế, bên tả là quán Thái Thanh, ở giữa là lầu Ngũ Phượng Tinh. Sự cất nhắc quan lại ở nơi tài đức, chứ không có sự phân biệt nguồn gốc tôn giáo. Tuy nhiên đã là quan lại của triều đình thì phải hiểu thông tam giáo (Phật – Nho – Lão). Việc đó về sau trở thành định chế quốc gia. Nghĩa là khi các thí sinh đã đỗ Minh kinh bác sĩ (Tiến sĩ), còn phải thi qua tam giáo. Nếu trúng tuyển mới được bổ nhiệm.

Nên nhớ cùng đồng đại với ta thời đó thì Châu Âu sa đà vào chiến tranh tôn giáo triền miên, kéo cả Châu Âu ngập chìm trong đêm trường trung cổ...

Việc tổ chức bộ máy nhà nước thời Lý thể hiện tính dân chủ, bình đẳng và chân thực của giáo lý Phật. Còn như tính bác ái, nhân văn lại được thể hiện trong chính sách cai trị của nhà Lý.

Vừa giữ ngôi nước, việc đầu tiên Lý Công Uẩn làm là bãi bỏ tất cả các hình thức xử tội man rợ của các triều đại trước như ném người vào vạc dầu, nhốt tội nhân vào các chuồng hổ, báo cho thú dữ ăn thịt, đẩy tội nhân xuống hầm rắn độc, tuốt xác người bằng các thân cây nửa già đập dập, trói người có

tội vào cọc đóng bên mép sông khi nước cạn, chờ khi nước lên ngập, chìm người đó chết dưới nước sâu, hoặc các tội như voi giày, ngựa xé v.v

Việc thứ hai là cấp tiền gạo cho dân lưu tán, vì không chịu nổi ách áp bức của cường hào, phải bỏ quê hương đi tha phương cầu thực, nay được trở về quê cũ làm ăn.

Việc thứ ba đại xá tô thuế cho cả nước trong ba năm liền.

Việc thứ tư là định ra sáu sắc thuế đánh vào các sản vật quý khai thác từ nguồn lợi của rừng và biển như: sừng tê, ngà voi, trầm hương, ngọc trai, đồi mồi, muối.

Việc thứ năm là thiên đô từ Hoa Lư về Đại La và đổi tên đô thành mới là Thăng Long.

Thăng Long là thế rồng bay lên. Quả nhiên suốt bốn trăm năm trải hai thời đại Lý – Trần, kinh đô đóng tại Thăng Long thì Đại Việt đều ở thế phát triển về mọi mặt, thế nước trở nên giàu thịnh và cả cường thịnh. Cho tới nay, khắp Đại Việt không nơi nào có thế đất đẹp nằm trong sự phát triển hài hòa và trường cửu như Thăng Long. Và đó chính là tầm nhìn xuyên thiên niên kỷ của vị vua khởi nghiệp nhà Lý.

Lý Thái tổ là bậc minh quân, đồng thời là người ái dân, được thể hiện ra bằng các hành vi cụ thể, chứ không ở lời nói suông.

Thương dân nghèo không có ruộng cày cấy, nhà nước khuyến khích nông dân khai hoang vỡ hóa các đất bãi bồi, đất bìa rừng, đất hoang hóa tùy theo công sức bỏ ra mà tha tô thuế cho từ ba, năm hoặc bảy năm, và cho làm chủ luôn đất ấy.

Hàng năm vào mùa giáp hạt, dân nghèo thường phải bán lúa non cho bọn người cho vay nặng lãi, thành thử hai sương một nắng mà người nông phu vẫn không dứt được đói nghèo.

Nhà nước đã có lệnh cấm, nhưng xem ra không có hiệu lực, bởi dân đói vẫn cứ phải bán và bọn nhà giàu đe dọa nếu kẻ nào tố cáo sẽ bị chúng cho tay chân trừng trị. Thành thử lúa đã vào máy, chắc ăn rồi thì nhà giàu mới mua, với giá chưa đầy một phần mười giá trị thực.

Nhà vua vì hành biết được tình trạng đó, liền cho lập các kho lúa của nhà nước trong các vùng nhân dân thường thiếu lương thực vào kỳ giáp hạt. Đúng dịp đó kho lúa nhà nước sẽ cho dân vay, tới khi mùa vụ gặt hái phơi phóng xong, dân lại đem tới kho nộp trả.

Làm như vậy có hai điều lợi: một là dân không còn bị người giàu bóc lột nữa. Hai là việc đổi hạt, lúa trong kho không còn bị mối mọt vì để lâu.

Có một việc các sử gia đời Lê, Nguyễn là các thời đại thượng tôn Nho học, bài xích Phật giáo đã có những phê phán bất công với Lý Thái tổ. Rằng nhà vua đã cấp độ điệp cùng lúc tới cả ngàn người vào học trong các đạo tràng để đào tạo sư tăng, lại cho xây cất cả ngàn ngôi chùa gây tổn của nhà nước và hại sức dân.

Các sử gia đâu có biết việc dựng các ngôi chùa làng vào thời đó, ở các vùng nông thôn thì chùa tranh vách đất, chứ lấy đâu ra gạch ngói. Vào thời ấy, nước ta rừng chiếm tới chín phần mười đất đai cả nước thì việc khai thác tre gỗ chẳng có gì gây tổn kém. Chắc chắn chỉ các ngôi chùa lớn trong kinh thành được xây dựng bằng gạch gỗ theo một quy mô phù hợp với kinh thành mới tạo lập.

Và chẳng các sư tăng trụ trong các chùa làng, ngoài nhiệm vụ tu trì và hướng dẫn tâm linh cho dân chúng, nhà sư còn kiêm vai trò của một thầy giáo để dạy chữ cho trẻ, lại nữa thầy chùa còn kiêm cả thầy thuốc vừa trị bệnh cho dân, vừa hướng dẫn cho dân biết sử dụng các loại cây, lá để tự chữa trị các bệnh thông thường.

Việc nhà chùa khai trí cho dân lúc này là cần thiết, bởi phần lớn các chức dịch nơi hương thôn và một phần các châu, quận đều không biết chữ. Họ phải nộp số bộ thuế má và các việc chi thu bằng các cuộn dây thường, với các nút thắt buộc thay cho các chữ số.

Vì vậy nếu nhà nước có mở trường học sẽ gặp khó khăn, vừa không có thầy dạy vừa không có người học. Do đó buổi sơ triều nhà Lý cho lập nhiều chùa làng, và thầy chùa kiêm nhiệm cả ba chức năng là phù hợp với hoàn cảnh xã hội vào thời điểm lịch sử đó.

Nhà Lý chủ về Phật, nên mọi việc làm đều xuất phát từ lợi ích của muôn dân, tức là vị tha chứ

không vị ngã. Vì vậy mọi việc chi tiêu đều sên kiệm, kể cả việc quân.

Việc tổ chức quân đội chủ yếu là quân hộ giá, quân bảo vệ kinh thành và quân trấn biên thù, vì vậy số thường binh (quân thường trực) không nhiều. Song lại dùng chính sách “Ngụ binh ư nông”. Tức là không bắt người nông phu ra khỏi ruộng đồng, mà hàng năm huy động tất cả các tiểu hoàng nam (18 tuổi) đến đại hoàng nam (20 tuổi) đều phải đi học từ một đến hai tháng vào lúc nông nhàn, để biết sử dụng các loại binh khí và kỹ xảo chiến đấu, do các đô tướng của triều đình cử về huấn luyện. Vì vậy khi nước có giặc ngoại xâm hoặc có biến động gì, huy động vài ba chục vạn quân là điều không khó. Việc tổ chức binh bị theo cách này, nhà nghiên cứu văn hóa người Pháp, ông Pierre Pasquier trong *L’Annam d’autrefois* (Nước An Nam xưa) đã từng nhận xét: “L’Annam a connu le soldat laboureur avant la Rome antique”^[iii]. Và về sau nhà Tống còn phải học.

Trong Vân đài loại ngữ Lê Quý Đôn viết: “Thái Diên Khánh làm quan ở đất Hoạt, thường theo phép hành binh của An Nam. Bộ đội chia làm các hạng chính binh và phiên binh từ cách tổ chức, huấn luyện đến tác chiến chia thành từng môn loại, biên chép tỉ mỉ thành sách, dâng lên vua Thần tông (nhà Tống) được vua khen”. (Tống Thần tông 1068-1091).

Trong mười tám năm trị vì, Lý Thái tổ đã ba lần tha tô thuế cho dân, trong đó có hai lần, mỗi lần tha ba năm, lần thứ ba cũng tha ba năm nhưng chỉ tha cho nửa số tô thuế, gộp lại là bảy năm rưỡi dân không phải nộp tô, không phải đóng thuế. Xét ra trong lịch sử cổ kim từ khi có tổ chức nhà nước, thì chưa có một nhà nước nào đã làm được một việc phi thường như triều Thuận Thiên của Lý Công Uẩn.

Lý Công Uẩn không chỉ gần dân, lo nỗi lo của dân mà ông còn dạy các hoàng tử cũng phải tự cày ruộng, trồng lúa thơm để lấy gạo đồ xôi dâng cúng tổ tiên trong các ngày giỗ, tết.

Triều Thuận Thiên đã có định hướng chính trị để xây dựng xã hội rất minh bạch, và đã xây được nền móng vững chắc cho các triều đại sau kế tiếp.

Nhìn nhận về vị vua khởi nghiệp của nhà Lý, cụ Phan Bội Châu vinh danh: “Lý Công Uẩn là vị Tổ Trung hưng thứ nhất của nước ta”.

Tiếp sang triều Lý Thái tông, nhà vua phát triển lên một bước nữa, tức là cai trị đất nước phải tuân theo luật pháp. Vì vậy vua sai triều quan san định bộ Hình luật được hoàn thành vào năm Nhâm ngọ (1042). Đây là bộ Hình luật sớm nhất của nước ta. Nhưng cơ sở cho sự ra đời của bộ Hình thư năm Nhâm Ngọ, là do nhà vua thấy việc xử kiện ở các cấp không theo một chuẩn mực thống nhất, đôi khi tùy thuộc vào tình cảm của người xử, nên có sự thiên vị. Trong dân chúng, nhất là những người nghèo thường kêu bị quan xử oan ức. Vì vậy nhà vua sai san định luật văn dựa trên sự công bằng và trên quyền lợi của số đông dân chúng, chứ không phải luật san định ra chỉ nhằm bảo vệ lợi ích cho người cầm quyền và người giàu, mà gây thiệt hại cho dân chúng thì đó chính là đầu mối của sự loạn.

Vì vậy khi luật ban ra, triều đình cử các xuất nạp quan^[iv] về tận nơi thôn cùng xóm vắng nghe ngóng, thu thập qua các vụ xét xử. Nếu điều nào dân cho là tiện (tức phù hợp với lợi ích của người dân) thì giữ nguyên, điều nào dân cho là bất tiện (không công bằng) thì nhà vua sai tu chỉnh lại.

Trong hai mươi sáu năm cầm quyền, Lý Thái tông đã thúc đẩy đất nước phát triển về mọi mặt. Sự đạo cũng như sự đời đều phát triển lành mạnh. Ấy là đối nội còn đối ngoại phía bắc khiến nhà Tống phải nể trọng, phía nam khiến Champa phải kính phục. Các chính sách đối với các đầu mục là dân tộc thiểu số miền biên địa ở phía bắc, nơi thường xảy ra tranh chấp đất đai với người Tống, nhà vua cư xử rất độ lượng, và cố kết họ thành phân giậu để bảo vệ từng tấc đất chốn biên thù. Thậm chí, nhà vua đem cả con gái mình gả cho đầu mục. Ví như việc gả công chúa Bình Dương cho châu mục châu Lạng là Thân Thiệu Thái, hoặc công chúa Kim Thành gả cho châu mục châu Phong là Lê Thuận Tông, cũng như việc tha cho Nùng Trí Cao khi y làm phản. Các việc trên sử gia đời sau không hiểu nổi ý đồ của tiền nhân, nên đã hạ bút phê phán mang tính áp đặt theo quan điểm nho học thiên cận, bất chấp hoàn cảnh lịch sử làm nảy sinh các sự kiện từ mấy trăm năm trước đó.

Lý Thái tông là một vị vua rất trọng thị việc nông tang. Nhà vua tự mình tìm ra phương pháp dẹt gấm. Ngài bắt các cung nữ cũng phải trồng dâu, chăn tằm và dẹt lụa. Chính ngài dạy cho cung nữ biết

dệt gấm, và tự mình mặc loại gấm nội ấy để thiết triều. Tiếp đó, ngài mở kho lưu trữ các loại gấm mua của nhà Tống thường để may triều phục cho các quan, nay phát hết cho mọi người đem về cho gia đình vợ con. Và từ đây tất cả các quan đều phải mặc triều phục may bằng gấm nội.

Chính nghề dệt lụa và dệt gấm lại từ trong cung cấm phổ cập cho dân chúng. Nay tại chùa Kim Liên phường Nghi Tàm còn thờ công chúa Thiều Hoa, là con gái vua Lý Thần tông đã đem nghề trồng dâu, chăn tằm và dệt lụa về dạy cho dân làng. Để nhớ ơn, khi bà viên tịch, dân lập tự thờ bà.

Gần dân và yêu dân là đường lối bất biến của các vua nhà Lý, đó chẳng phải là Phật tính trong các vị vua thiền sư nhà Lý sao?

Tuy nhiên, xây dựng cho bằng được một quốc gia văn hiến, một quốc gia giàu thịnh, một quốc gia độc lập, tự chủ sánh ngang với quốc gia hùng mạnh phương bắc cũng là mục tiêu của các vị vua thiền sư nhà Lý mà sức mạnh trí tuệ đã được các bậc thiền sư lỗi lạc khai minh từ thuở Lý Công Uẩn còn là một chú tiểu tăng núp bóng thầy Vạn Hạnh nơi chùa Lục Tổ, chùa Tiêu Sơn.

Tiếp sang thế hệ thứ ba, tức triều đại Lý Thánh tông. Vị vua này không chỉ chăm lo đến việc phát triển kinh tế (trong đó có khai mỏ: đồng, bạc, vàng) mà còn chăm lo đến việc học. Tới Lý Thánh tông các điều kiện cần và đủ cho một nền giáo dục bậc cao mới tròn đầy. Vì vậy ông sai lập Miếu văn thờ Khổng Tử và mở Quốc học viện cho các quốc tử sinh và nho sinh vào học, để chuẩn bị cho các kỳ thi đại khoa (tiến sĩ).

Hơn hết, nhà vua lo việc binh bị để chuẩn bị đối phó với âm mưu xâm lược của Tống Thần tông và Vương An Thạch đang ngày một hiển lộ.

Lý Thánh tông có hai người bề tôi kiệt xuất. Việc nội trị có Thái sư Lý Đạo Thành, việc binh bị có Thái úy Lý Thường Kiệt. Ngoài ra các nhân tài văn võ nhiều không kể xiết.

Còn như bên giáo hội thì các cao tăng giúp vua, giúp nước cũng khá nhiều như Huệ Sinh, Bản Tịch, Viên Chiếu v.v...

Lý Thánh tông là người cầm cương chính hết sức quyết đoán, nhưng biết lắng nghe và thấu hiểu lòng dân. Ông là người có trí tuệ siêu việt, và cũng là một vị vua có lòng nhân ái và tôn trọng nhân phẩm con người một cách kỳ lạ.

Sử cũ chép, có lần nhà vua xử kiện ở điện Thiên Khánh. Khi ấy công chúa Động Thiên ngồi hầu bên cạnh, vua chỉ vào công chúa bảo ngục lại rằng: “Ta yêu con ta cũng như lòng ta làm cha mẹ dân. Nhân dân nhiều người vô tình mà phạm tội, không biết mà mắc vào hình pháp, ta rất lấy làm thương xót. Từ nay về sau không cứ gì tội nặng hay nhẹ, đều nhất loạt khoan giảm”.

Lại một lần khác trời rét, vua nói với tả hữu: “Ta ở trong cung mặc áo cừu, lò sưởi ngự mà còn thấy rét. Vậy những người tù quần một manh, áo một mảnh lại phải ăn đói nữa. Vả chẳng việc quan lại xét xử liệu có được công minh”. Rồi vua sai phát chăn áo ấm và cho tù ăn no, và cấm ngục lại không được bắt tù làm việc riêng cho nhà mình.

Thông thường việc xử kiện do Thẩm hình viện phụ trách. Nhưng vua vẫn băn khoăn việc xét xử đôi khi oan ức gây tan nhà nát cửa cho những người dân thấp cổ bé họng, nên Lý Thánh tông sai lập Đô hộ phủ sĩ sư để xử lại (nay gọi là xử Giám đốc thẩm) các vụ án còn gây ngờ vực.

Song để những người làm việc trong Đô hộ phủ sĩ sư giữ được sự liêm chính, vua cho bổng mỗi người một năm là 50 quan tiền, 100 bó lúa và các thứ cá khô và muối; ngục lại mỗi người một năm 20 quan tiền và 100 bó lúa để giữ thanh liêm.

Đến đây ta có thể nói pháp luật nhà Lý có yếu tố tôn trọng nhân quyền rất cao.

Tương tự như vậy mãi đến ngày mừng 10 tháng 12 năm 1948, nhân loại mới ra được bản Tuyên ngôn nhân quyền, trong đó điều 11 khoản 1 có nội dung gần giống với luật hình nhà Lý năm Nhâm ngo (1042) và được thể hiện trong cách ứng xử của Lý Thánh tông.

Nội dung điều 11 khoản 1 như sau: “Phàm ai bị cáo dưới tội danh gì đều được coi là vô tội cho đến khi tội danh ấy được chứng minh rõ rệt trong một vụ xét xử công khai có đủ bảo đảm cho bị cáo về quyền bào chữa”.

(Nguyên văn bản tiếng Pháp: Toute personne accusée d'un acte délictueux est présumée innocente jusqu'à ce que sa culpabilité ait été l'également établie au cours d'un procès public où toutes garanties nécessaires à sa défense lui auront été assurées).

Một điều nữa có thể làm sửng sốt hậu thế, ấy là khi Lý Thánh tông băng hà vào năm 1072, bà nguyên phi Ý Lan tức Linh nhân hoàng thái hậu nhiếp chính, đã lãnh đạo quốc gia này trong đó có hai cuộc chiến tranh. Một cuộc sai Lý Thường Kiệt đem mười vạn quân sang phá tan các sào huyệt, mà tại đó nhà Tống chuẩn bị các phương tiện hậu cần và một số quân lực mưu toan xâm lược nước ta. Tiêu diệt hoàn toàn các căn cứ hậu cần của nhà Tống rồi rút quân về mà quân Tống không dám truy đuổi. Đó là vào năm 1075. Biết nhà Tống thế nào cũng trả thù, bà Ý Lan lại sai Lý Thường Kiệt lập phòng tuyến ngăn giặc tại sông Như Nguyệt (sông Cầu) và hiệu triệu toàn dân tham gia kháng chiến.

Quân Tống kéo sang bị cầm chân tại bờ bắc sông Như Nguyệt, và bị tiêu diệt tới sáu bảy phần. Chúng không chịu nổi phải chấp nhận giảng hòa rồi lui quân về Bắc vào tháng 3 năm 1077.

Tới đây có thể nói Đại Việt đã trở thành một quốc gia văn hiến, một quốc gia cường thịnh, một quốc độ Phật. Và như vậy là tâm nguyện và hoài bão của các bậc tiền bối như Pháp Thuận, Ngô Chân Lưu, Vạn Hạnh, Định Hương, Đa Bảo và xa hơn nữa là thiền sư Định Không đã viên thành, cũng tức như các vị đã tròn đầy đạo quả.

Nhân kỷ niệm Một ngàn năm về thời đại huy hoàng vào bậc nhất trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, tôi chỉ xin khái lược đôi nét rút ra từ tinh thần tự cường dân tộc được thể hiện trong nội dung bộ tiểu thuyết lịch sử TÁM TRIỀU VUA LÝ mà tôi dốc cả tâm lực và trí tuệ ra viết gần hai chục năm trời; trước hết là để tri ân các bậc tiền nhân và sau đó là cống hiến cho hết thấy quý vị độc giả mang dòng máu Việt tộc.

Hà Nội, tháng 5 năm 2010
HOÀNG QUỐC HẢI

Sơ giản phả hệ nhà Lý

Thái tổ Lý Công Uẩn lên ngôi năm 1010, băng năm 1028.

Thái tổ Lý Công Uẩn sinh các con:

- Lý Phật Mã còn có tên là Đức Chính nối ngôi, miếu hiệu là Lý Thái tông.
- Dực Thánh vương
- Khai Quốc vương
- Đông Chinh vương
- Vũ Đức vương

Lý Thái Tông sinh các con:

- Lý Nhật Tôn. Nhật Tôn nối ngôi miếu hiệu là Lý Thánh tông.
- Lý Nhật Trung

Lý Thánh Tông sinh các con:

- Lý Càn Đức. Càn Đức nối ngôi miếu hiệu là Lý Nhân tông.
- Minh Nhân vương

Lý Nhân Tông không có con, phải lấy con của người em trong họ là Sùng Hiền hầu Lý Dương Hoán, lập làm hoàng thái tử và cho nối ngôi.

Dương Hoán lên ngôi lấy miếu hiệu là Lý Thần tông.

Lý Thần Tông sinh các con:

- Lý Thiên Lộc – tuy sinh trước nhưng là con người nàng hầu nên không được lập.
- Lý Thiên Tộ được nối ngôi, miếu hiệu là Lý Anh tông.

Lý Anh Tông sinh các con:

- Lý Long Xưởng
- Lý Long Cán

Long Xưởng làm rồi cương thường không được lập. Em là Long Cán được nối ngôi, miếu hiệu là Lý Cao tông.

Lý Cao Tông sinh các con:

- Hoàng thái tử Sảm, nối ngôi miếu hiệu là Huệ tông.
- Hoàng tử Thầm

Lý Huệ Tông sinh các con:

- Công chúa Thuận Thiên
- Công chúa Chiêu Thánh

Hoang dân vô độ, Lê Long Đĩnh kiệt sức mà chết. Tả Điện tiền chỉ huy sứ Lý Công Uẩn cùng Hữu điện tiền chỉ huy sứ Nguyễn Đê, mỗi người coi 500 quân Tuỳ long^[1] canh giữ thi hài nhà vua, phòng nội loạn.

Dân trong nước hẳn còn nhớ, cách đây đúng bốn năm, khi hoàng đế Lê Hoàn vừa băng; hoàng thái tử đã lập là Lê Long Việt (tức Trung tông) lên kế vị. Lập tức các hoàng đệ là Đông Thành vương và Trung quốc vương nổi binh chống lại, nhằm tranh giành ngôi báu, kéo dài tới tám tháng mới dẹp yên.

Ba ngày sau khi tức vị^[2], Lê Long Đĩnh đang đêm đột nhập vào nội cấm, giết chết anh mình là Lê Trung tông, tự lập làm vua.

Quan Tả điện tiền chỉ huy sứ nhìn gương mặt xám ngắt như miếng thịt trâu ôi của Lê Long Đĩnh, và cả thân hình ông ta teo tóp như xác một con mèo hen chết cứng, nằm bất động trên long sàng, được phủ tấm vóc điều. Ngay cả tấm vóc điều hầu như cũng tối đen lại.

Lý Công Uẩn kinh hoàng thấy những hành vi bạo ngược của nhà vua khi còn sống đang diễn ra trong óc ông. Ông đem lòng hoài nghi: chẳng nhẽ trong cái túi da^[3] thối tha kia, chỉ chứa thuần một thứ tội ác đã được chọn lựa một cách kĩ càng của tạo hoá sao? Quan điện tiền đẩy cái nhìn vào sát gương mặt hốc hác bất động của Lê Long Đĩnh, cái gương mặt được tôn vinh là hoàng đế ấy mới có hai mươi tư tuổi đời, với bốn năm chấp chính; bằng những hành vi hung hiểm hơn cả loài dã thú, ông ta tự làm mình già đi tới cả trăm tuổi; và làm cho cả đất nước cũng già theo, xác xơ, héo úa, hoang vắng đến kiệt cùng. Nhớ khi con người kia lén giết Lê Long Việt, ta ôm xác vua mà khóc rờn rờn.

Long Đĩnh trợn đôi mắt trắng dã nhìn ta với con dao nhọn ngoen máu trong tay, vẫn tưởng y sẽ xông vào đâm ta như y vừa đâm chết người anh ruột – hoàng đế Lê Trung tông. Nhưng chẳng biết tại sao y lại “hừm” lên một tiếng, liền đó vứt phịch con dao máu xuống thêm điện rồi bỏ đi. Và cũng không hiểu tại sao khi lên ngôi, Long Đĩnh không giết mà lại còn khen ta có lòng trung, rồi vẫn cho ta ở chức này.

Trong khi quan Điện tiền còn đang suy nghĩ mông lung về tội ác của nhà vua, thì tại triều đình, các quan đã tề tựu nhóm họp. Lê Ngọa triều^[4] mất không kịp viết di chiếu, không có cô mệnh. Nhẽ đương nhiên, các quan cứ đặt ấu chúa lên ngai vàng, rồi sụp lạy mà tôn lên ngôi thiên tử. Còn chính sự, đã có các quan tả hữu phụ bất coi sóc.

Trái với điển lệ, quan Thái bảo Đào Thạc Phụ đồng dục tuyên cáo trước triều hội:

- Bớ các quan! Hôn quân đã thác! Con nối còn thơ ấu, lại chẳng biết nhân cách sau này thế nào, mà lòng dân đã từ lâu chất chứa oán hờn. Lòng dân trái lìa, các động, sách lại luôn luôn làm phản; bên ngoài thì nhà Tống nhòm ngó. Để yên thế nước, các bậc trong hàng tam công^[5] chúng tôi đã xét suy cặn nhẽ, lại tham bác thêm với các bậc khanh, sĩ và cũng đã có nhờ với các bậc tăng thống, ai ai cũng thấy chỉ có tôn quan Thân vệ tả điện tiền đô chỉ huy phó sứ Lý Công Uẩn, là người có đức độ, có tài năng, lại có uy nghi cốt cách thánh thần lên ngôi thiên tử, thì đất nước mới hưng vượng lên được. Chẳng hay ý trăm quan thế nào?

Quan Thái bảo vừa dứt lời, cả triều đình đều tung hô: Vạn tuế! Vạn vạn tuế!

Mọi người nhìn trước nhìn sau, không thấy Lý Công Uẩn đâu cả. Chợt có người nhớ ra, quan Điện tiền còn đang coi sóc thi hài nhà vua trong nội cấm. Lập tức kiệu rồng được phái đi rước ông.

Kiệu chưa ra khỏi sân rồng, thì đám quân Tuỳ long đã lấy thân làm kiệu, rước Lý Công Uẩn tới trước thêm điện. Trăm quan lạy mừng. Tả, hữu dìu Lý Công Uẩn lên ngự ngai vàng. Ông hai ba lần từ chối rồi mới gượng ngồi. Các quan dâng mũ miện, áo long cổn, đai ngọc, kiếm báu cùng ngọc tử truyền quốc.

Lý Công Uẩn cảm động rơm rớm nước mắt; ông đứng lên chấp tay vái hai vái để tỏ lòng biết ơn bá quan.

Trăm quan cúi đầu sụp lạy nhà vua bốn lạy, rồi dâng tôn hiệu: “Phụng thiên chí lý ứng vận tự tại thánh minh long hiệu duệ văn anh vũ sùng nhân quảng hiếu thiên hạ thái bình...”

Vua mới lên ngôi liền cho phá bỏ hết các vạc đầu cùng chuông hồ, báo, rần, rết, voi, ngựa là các giống vật để hành hình người có tội. Trước đây, từ thời nhà Đinh đã lập ra hình phạt này. Trong nước, hễ ai có

tội, tùy theo nặng nhẹ mà bỏ nấu trong vạc dầu sôi sinh sôi suốt đêm ngày. Hoặc ném vào chuồng cho hổ, báo ăn thịt, rắn rết hành hạ, hoặc voi giày, hoặc tứ mã phanh thây...

Lại ban chiếu, từ nay ai có việc tranh kiện nhau, nha lại đã xử nhưng nỗi oan chưa tỏ cho đến triều tâu bày, vua thân xét xử.

Khắp nước, dân chúng hồ hởi mở hội ăn mừng. Cờ phướn với hàng chữ lớn: “Thiên hạ thái bình” giăng mắc khắp nơi.

Trong dân gian đồn đại rộn lên về lời sấm loan từ mấy năm nay. Như trước đây trong thành Đại La có người khách thương thường đem hàng hóa về bán buôn tại châu Cổ Pháp, tò mò hỏi người bạn hàng về lời sấm ấy như thế nào. Ông chủ cũng là người nhanh nhẹn, cởi mở, nghe hỏi đến chuyện vùng quê mình thì lấy làm hãnh diện lắm, bèn mời khách đi xem. Ông dẫn khách tới chỗ cây gạo bị sét đánh ở đầu hương Duyên Uẩn, chỉ vào chỗ chạc ba, nơi hiện lên lơ mờ những nét chữ, mà thiền sư Vạn Hạnh đã chấp nối lại thành bài sấm ký như sau:

Thụ căn diếu diếu,

Mộc biểu thanh thanh.

Hòa đao mộc lạc,

Thập bát tử thành.

Vừa giải nghĩa, vừa chiết tự đại ý:

Vua thì non yếu,

Tôi thì cường thịnh.

Họ Lê mất,

Họ Lý nổi lên.

Lời ấy đồn khắp hang cùng ngõ hẻm, từ làng nọ sang làng kia. Lời thơ ấy trở thành lời sấm được trẻ chăn trâu hát đồng dao tại các chợ búa làng quê. Chẳng bao lâu khắp cả nước đều biết. Việc ấy cũng đã đến tai Lê Ngọa triều. Nhà vua còn bán tín bán nghi. Bỗng một hôm có người dâng quả khế ngọt, vua ăn thấy chiếc hạt mạn^[6] mới thật sự tin vào lời đồng dao. Ngài bèn cho truy tìm khắp cõi để giết người họ Lý, giết cả những kẻ hát đồng dao. Nhưng đồng dao thì cả nước hát, giết sao thấu, khiến cả bọn quan quân đi săn bắt cũng phải khiếp sợ; không biết trời sẽ giáng họa ra sao, mà lời sấm vĩ cứ đồn thổi như một vết dầu loang, không thể nào ngăn chặn được. Còn nghe nói ở chùa Ứng Thiên có con chó mẹ đẻ ra con chó trắng, xoáy lông trên lưng có văn vàng đọc ra chữ Thiên tử. Có người giảng, chó là Tuất; điềm này ứng vào năm Tuất ắt có vua mới.

Các chuyện đều đến tai, nhà vua đứng ngồi không yên, ăn ngủ không được, càng lao vào việc bắt bớ, tàn sát. Khắp các làng quê kẻ chợ, trẻ con bị bắt về triều kể có hàng trăm. Ngọa vương đã sai phanh thây, mổ bụng hàng chục trẻ nhỏ trước mặt ông, vì tội hát đồng dao. Ông cũng cho treo cổ hàng chục người họ Lý. Bữa nọ, thiền sư Vạn Hạnh vào triều kiến, nhà vua mừng lắm nhưng không đứng dậy được, vẫn cứ ngọa trên long sàng, tiếp sứ.

- Ta mong hoà thượng như con mong mẹ về chợ – Vua nói.

- Để bệ hạ phải trông chờ, tăng này thật có lỗi. Chẳng hay bệ hạ mong bần tăng tới có việc gì sai bảo?

Được lời như cời tấm lòng, nhà vua nói hết các điều chất chứa ám ảnh bấy lâu nay, như lời trẻ hát đồng dao, ăn khế có hạt mạn, trên mình chó xuất hiện hai chữ “Thiên tử”...

Thiền sư vén vạt áo cà sa ngồi tĩnh tâm rồi thông dong hỏi:

- Chẳng hay bệ hạ có còn cái hạt mạn ấy không? Có bắt được kẻ làm đồng dao không? Có bắt được con chó có xoáy lông, có hai chữ đó không?

Vua thở dài:

- Trẻ hát đồng dao, sứ đi rình nấp nơi chợ búa đồng quê đã giết được mấy chục đứa, lại bắt về đây triều. Cái hạt mạn thì quả thực ta sai vứt đi rồi. Ta cũng sai người về chùa Ứng Thiên bắt con chó con kia, nhưng tới nơi nó đã chết, nhà chùa chôn đi rồi.

- Thế bệ hạ đã giết bao nhiêu người họ Lý?

- Ta mới giết có vài chục đứa. Trông chúng như những thằng khờ.

- Chính bệ hạ biết đấy, việc đời như nước chảy như mây bay, có cái gì ngưng kết lại đâu mà lo. Con chó đã chết, cái hạt mận không còn, lời đồng dao cũng bay theo gió. Chỉ tiếc là bệ hạ đa sát quá. Nỗi oán vọng của các hồn oan ngày một chất chứa, thì bệnh tật bệ hạ ngày càng nặng thêm. Thiên sư vừa nói vừa chỉ ngón tay vào nhà vua.

Ngọa vương co rúm người lại, rồi phát cơn đau quắn quại. Nhà vua giãy giụa, mặt tái xám như không còn một hạt máu, xin thiên sư cứu mạng. Vua vốn biết sư là bậc cao tăng, đến tiên đế xưa còn phải kính phục. Mỗi khi xuất quân hay quyết việc gì lớn, đều hỏi ý sư. Nay thấy sư có ý không vui vì các việc mình làm, nên nhà vua lo lắng. Hai ba lần cầu khẩn xin sư cứu mạng.

Thiên sư khê chum năm đầu ngón tay đặt nhẹ lên huyệt bách hội của nhà vua. Chừng nhai dập miếng trầu, bệnh chỉ ngay, vua ngồi bật dậy, vái sư lia lịa.

Thiên sư bèn nói:

- Bệ hạ đừng tin vào những lời đồn đại hoang đường mà giết người dân vô tội. Nếu bắt tội thì phải bắt kẻ làm đồng dao, chớ sao lại đi giết kẻ hát đồng dao? Chúng trong trắng như thiên thần. Giết chúng ắt trời bắt phải đền tội.

- Nhưng ta không bắt được kẻ làm ra đồng dao.

- Bệ hạ bắt làm sao được người làm ra đồng dao. Bởi đó là lời của thần xui trẻ hát. Vì thế không ai dạy mà chúng đều thuộc nằm lòng. Nếu không, tại sao bệ hạ ăn quả khế lại có hạt mận. Đó chẳng phải là cơ trời sao. Thế mà lại đi bắt người dân vô tội về giết.

Nhìn chòng chọc vào mắt nhà vua giây lát, thiên sư lại hỏi:

- Bệ hạ có biết quan Tả điện tiền đô chỉ huy phó sứ của ngài họ gì không?

Nhà vua oằn người chịu cơn đau vừa ập đến, đáp lời qua hơi thở gấp:

- Công Uẩn họ Lý. Sư còn lạ gì mà phải hỏi ta. Nhưng y là người tận trung. Điều này ta biết từ sau vụ Trung tông bị hại. Chính mắt ta thấy y ẵm xác Trung tông vừa chết, máu me đầy người. Y khóc Trung tông trước mặt ta.

- Vậy chớ bao giờ thì bệ hạ trừ khử quan Điện tiền? – Vạn Hạnh hỏi rồi đưa mắt nhìn xoáy sâu vào gương mặt hốc hác của nhà vua.

- Không đâu! Không đâu! Ta không ngu dại đến mức đi giết người bề tôi trung dũng như quan điện tiền của ta.

- Vì sao lại thế?

- Ta nói rồi, y là bề tôi trung của ta. Vả lại, vợ Công Uẩn là nghĩa nữ của tiên đế. Ta với y ngoài nghĩa vua tôi còn có tình huynh đệ. Hơn nữa, y là đệ tử của đại sư, hóa nên các người đều là thân tín, là ân nhân của ta. Cớ sao ta còn hoài nghi nữa.

Nhà vua lại ôm bụng kêu rống lên:

- Ối đau quá! Đau quá! Xin đại sư mở lượng cứu mạng! Cứu mạng!

Vạn Hạnh nhìn vào đáy mắt nhà vua, ôn tồn khuyên bảo:

- Bệ hạ muốn sinh mệnh được dài lâu, cơ đồ được trường cửu, phải lo làm việc thiện, trồng cây đức thì mới mong chuyển nghiệp được. Chỉ khi nào dân của bệ hạ không bị chết thảm, không còn cảnh đói rét cơ hàn, lòng bệ hạ tự nhiên thanh thản, bệnh tật trong người ắt tiêu tan.

Lạ thay, thiên sư vừa dứt lời, nhà vua lập tức hết cơn đau.

Thiên sư từ giã nhà vua về sơn tự.

Vua vừa mừng rỡ, vừa khiếp sợ oai lực của thiên sư. Thật ra, thiên sư còn nghe được nhiều chuyện lạ kỳ nữa, nhưng sư không muốn kể cho hôn quân nghe. Chẳng hạn đêm nọ sư đang tham thiền lại nghe như rót vào tai từ bốn phía ngôi mộ của thân phụ Lý Công Uẩn đều có tiếng người thần ngâm thơ.

Nguyên do ngôi mộ cha Công Uẩn có nhiều sự lạ, là bởi câu chuyện về hai người đàn ông, đàn bà, làm công quả bị đuổi ra khỏi chùa. Vì rằng cái người làm vải tự nhiên có chữa, không giấu được ai nữa, thì khai là một bữa đang làm việc sau chùa, thấy mệt và buồn ngủ, bèn ngả lưng lên phiến đá nằm nghỉ. Rồi

thiếp ngủ lúc nào không biết, và trong giấc ngủ mơ thấy có người thần đến giao cấu. Từ ấy trong người cứ rạo rức, rạo rức hoài, và bụng thì cứ mỗi ngày mỗi phình to ra, chẳng biết thế nào.

Thế nhưng tăng chúng lại nói y thị ăn nằm với cái người đàn ông kia.

Hai người bị đuổi, kéo nhau ra dựng một túp lều bên bờ rừng làm nơi trú ngụ, và sống với nhau như vợ chồng. Ban ngày họ tảo vào trong làng xóm làm thuê làm mướn. Một bữa nọ trời đã sẩm chiều, người đàn ông đi làm về tới giếng nước gần nhà, bỗng dừng lại định uống vì khát quá. Từ đâu đó xuất hiện mấy người đàn ông đến gây sự. Lời qua tiếng lại, xô đi đẩy tới, người đàn ông nọ hững hờ chân tụt xuống giếng. Mấy kẻ lạ mặt sợ quá bỏ đi. Người đàn ông quờ quạng dưới đáy giếng sâu thăm thẳm, được một lúc rồi chìm xuống mà chết.

Người đàn bà bụng mang dạ chửa đi làm về, lại vào bếp hí húi thổi cơm. Nấu xong, chờ mãi không thấy chồng về, sốt ruột, nàng bèn đốt đuốc đi tìm chồng và réo gọi lạc cả giọng. Trong đêm tối chỉ có tiếng vọng của núi rừng đáp lời nàng, nghe ghê rợn như tiếng của loài ma quái giỡn nạt. Mãi quá nửa đêm, không biết thần linh xui khiến thế nào nàng lại soi đuốc vào lòng giếng. Thấy xác người nổi, nhận đúng là chồng, nàng hét lên một tiếng rồi ngất đi.

Sớm hôm sau vừa tỉnh dậy, nàng toan ngó xuống giếng nhìn mặt người quá cố một lần nữa, rồi vào trong xóm, trong làng nhờ người mai táng. Lạ thay! Nàng không thấy cái giếng đâu nữa và chợt nhận ra mình đang nằm trên một gò đất cao. Nàng bước đi vài bước, thấy đất dưới chân mát lạnh và sứt lún. Định thần nàng mới nhận ra là mỗi vừa đùn đắp đêm qua. Người đàn bà bất hạnh vừa thương chồng, vừa thương đứa con trong bụng, lại tủi cho thân phận của chính mình, cứ ngồi khóc tức tưởi tới quá chiều. Bỗng có một người đi qua thấy tiếng khóc than thảm thiết, biết rằng thiếu phụ này chồng vừa chết, và cái gò mỗi đùn kia chính là ngôi mộ Trời táng cho chồng chị ta.

Thương tình, khách bèn khuyên:

- Nhà chị kia, phúc trời ban cho lớn vậy mà không biết tạ đi, sao lại còn khóc. Mộ ấy là kết phát đế vương đấy. Liệu mà tu nhân tích đức.

Chưa kịp nhìn xem ai dạy bảo, chưa kịp hỏi han vài lời thì khách đã biến đi đằng nào mất tăm.

Rồi người đàn bà ấy cũng kiếm được miếng ăn, sống cho qua ngày đoạn tháng. Sinh nở mẹ tròn con vuông, gắng nuôi được đến khi con lên ba tuổi khỏe mạnh. Lại nghĩ đến tương lai của thằng bé lớn lên phải có người dạy bảo, phải được học hành. Người mẹ đành liêu đem con đến chùa Kiến Sơ hương Phù Đổng, nhờ nhà sư Khánh Văn nuôi giùm và nhờ Phật Đà che chở. Nhìn đứa bé tướng mạo khác thường, sư bèn nhận lời và đặt cho cái tên là “Công Uẩn”, lại cho mang họ Lý của sư để đăng vào sổ bộ của thiền môn. Tới năm Công Uẩn sáu tuổi, nhân một bữa sư Vạn Hạnh ghé thăm sư Khánh Văn bên chùa Kiến Sơ, hương Phù Đổng; vừa chợt nhìn thấy trên đầu Công Uẩn như có vàng hào quang, Vạn Hạnh bèn vẫy lại xem kỹ từ đầu mày khoé mắt. Sư vui lắm. Một lát sau, nhân vừa uống trà vừa đàm đạo về Phật sự và cả thế sự nữa với sư Khánh Văn, hai người trò chuyện rất là tâm đầu ý hợp.

Vạn Hạnh ra về. Khánh Văn theo tiễn mãi tới cổng chùa mà vẫn còn lưu luyến. Chợt sư Vạn Hạnh nhìn thẳng vào mặt Khánh Văn nói, giọng hết sức nghiêm trang:

- Thằng bé mà sư đệ nuôi đó có tướng lạ lắm. Thật là kỳ tướng. Vậy chớ sư đệ kiếm đâu ra đứa bé này?

Khánh Văn bèn thuật lại chuyện ba năm về trước. Lại kể từ khi trở thành người nhà Phật, thằng bé ngoan ngoãn và sáng dạ như thế nào.

- Mới có sáu tuổi chữ nghĩa đã lầu thông. Chép kinh văn, tự hiểu được nghĩa, không cần đệ phải giảng giải.

Vạn Hạnh bèn nắm lấy tay Khánh Văn nói nhỏ:

- Ta nói điều này sư đệ phải giữ kín, lộ ra có kẻ biết, nó sẽ sát hại thằng bé mất. Ban nãy ta nói thằng bé có kỳ tướng là ta còn giảm đi mấy bậc đấy. Thực ra nó có tướng đế vương. Đây đích thị là bậc minh vương thánh đế trời ban cho nước ta, ban cho Đạo ta, để gỡ cho thế nước đang lâm vào trì bế, nát rối. Sư đệ phải bảo trọng tài sản cho nước. Nói xong thiền sư toan quay bước.

Nghe Vạn Hạnh nói, Khánh Văn vừa mừng rỡ, vừa lo sợ, sư bèn kéo vạt áo cà sa của sư Vạn Hạnh lại

và nói một cách chân tình:

- Việc quốc gia đại sự lớn lắm, mà Phật sự cũng lớn lắm, đệ không kham nổi cả hai việc được đâu. Sư huynh đạo cao vọng trọng, oai lực như thần, đến quốc vương còn phải kính nể, đệ giao thẳng bé này cho sư huynh nuôi dạy thành tài, đệ hứa sẽ giữ kín mồm miệng, xin sư huynh yên lòng.

- Thiện tai! Thiện tai!

Và từ bữa ấy, Công Uẩn theo hầu thầy Vạn Hạnh. Thiền sư Vạn Hạnh từ khi thu nhận Công Uẩn làm đệ tử, ngài để hết cả tâm lực và trí lực của mình vào việc giáo dưỡng một chân tài, mà ngài hy vọng là để dùng vào việc chấn hưng đất nước, chấn hưng Phật Đạo.

Lại nói đến chuyện đêm đêm thiền sư Vạn Hạnh nghe như rót vào tai mình từ bốn phía ngôi mộ cha của Công Uẩn, có tiếng người thần ngâm thơ. Sư ghi lại được tất cả, rồi viết vào ván gỗ, sai người đem đóng vào bốn hướng mộ. Sư lại đến tận mộ kiểm xét cẩn thận, thắp hương trò chuyện với sơn thần, thổ địa. Trước khi về, sư còn đọc một bài kệ, như là một sự trấn yểm, cũng là nhời nhắn bảo con cháu sau này, nếu có sự di đảo thất lạc, thì cứ theo lời kệ mà tìm, ắt sẽ thấy phần mộ tổ tông. Lời kệ như sau:

Đông hữu Vũ Long hạp

Nam hữu Vũ Long pha.

Tây hữu Hạc Lâm quán,

Bắc hữu Trấn Hải trì.^[7]

Đại loại những chuyện như thế nhiều vô kể. Và cũng từ bữa ấy, Ngọa vương lâm trọng bệnh, việc giết người vì thế không xảy ra nữa.

Kịp khi Ngọa triều mất, Lý Công Uẩn được tôn lên ngôi hoàng đế. Cả nước, ai cũng bảo lòng trời tựa họ Lý. Vì vậy dân chúng đều đem lòng ngưỡng mộ sùng kính vua mới. Những nơi xa kinh thành, dân còn lập hương án bái vọng về triều.

Lý Công Uẩn còn tuyên dụ trước bá quan rằng: Nhờ có các khanh, ta mới được vẻ vang như thế này. Vậy ai giữ chức nào ở triều trước vẫn cho ở nguyên chức ấy lại ban nhất loạt mỗi người tước năm tư. Và khuyến dụ mọi người phải gắng sức hoàn thành trách phận để đem phúc hạnh đến cho muôn nhà. Vua còn đặc cách thăng thưởng cho những người có công lớn, và cất nhắc người trong thân tộc, như đem con gái trưởng là công chúa An Quốc gả cho Đào Cam Mộc, lại phong Mộc làm Tín nghĩa hầu. Đào Cam Mộc vốn là Chi hậu hầu cận Ngọa triều Lê Long Đĩnh, được nhờn tiền thấy không biết bao nhiêu tội ác của nhà vua khiến lòng ông đau đớn khôn nguôi. Ông cũng được chứng kiến cả hành vi trung nghĩa của Lý Công Uẩn, khi Lê Long Đĩnh giết anh mình là Lê Trung tông. Công Uẩn đã ôm xác vua cũ mà khóc lóc tỏ lòng trung. Rồi khi về với vua mới, Công Uẩn không a dua xu phụ vào các tội ác cùng các việc làm thất đức của Ngọa triều hoàng đế.

Cảm mến tấm lòng trung nghĩa ấy của Công Uẩn, kịp khi Ngọa vương vừa mất, Đào Cam Mộc nhân lúc vắng người liền ngỏ ý:

- Mới rồi chúa thượng ngu tối, bạo ngược, làm nhiều điều bất nhân bất nghĩa, nên trời trách phạt, không cho hưởng hết tuổi thọ. Con nối lại thơ ấu, sao đáng đáng được việc nước trong tình thế khó khăn này. Đình thần chán ghét. Bách tính ngong ngóng mong tìm chân chúa. Sao ông không nhân lúc vận dụng mưu cao, trên thuận mệnh trời, dưới theo lòng dân lấy nước mà cứ khư khư giữ mãi tiểu tiết làm gì. Lý Công Uẩn nghe Đào Cam Mộc nói đã tin tới tám chín phần, nhưng vẫn còn một chút hơi ngờ vực, bèn giả vờ nạt:

- Sao ông lại nói những lời diệt tộc như thế, tôi phải bắt ông nộp quan trên.

Không chút nao núng, Đào Cam Mộc thẳng thắn đáp:

- Tôi thấy cơ trời, vận nước, lòng dân bày xếp ra như vậy thì nói vậy. Nay ông lại muốn đi cáo giác tôi, vậy thì xin nói để ông biết, Mộc này không phải là đứa ươn hèn, sợ chết.

Biết Đào Cam Mộc thật lòng, Lý Công Uẩn lựa lời an ủi:

- Ông đã có lòng như thế, tôi là hạng người nào lại nỡ đi cáo giác. Chỉ sợ rằng mình đức mỏng chẳng xứng ở ngôi cao, lại nữa chuyện chưa đi tới đâu mà đã tiết lộ ra thì chết cả lũ, nên muốn răn ông đó thôi.

Trong khi ấy các quan vừa bàn tán vừa nghe ngóng. Xem ra không có ai nghĩ đến việc đưa con của

Ngọ vương lên nối dòng đại thống nữa.

Lựa lúc thuận tiện, Đào Cam Mộc lại nói với Lý Công Uẩn:

- Từ lâu trẻ con hát đồng dao lời sấm khắp trong nước. Ai cũng bảo họ Lý sẽ phát. Việc ấy tưởng ông còn lạ gì. Sự thế đã lộ ra như thế rồi. Hoạ đây, phúc đấy; quyền biến thì chuyển họa thành phúc chỉ là chuyện trong gang tấc.

Đào Cam Mộc ngừng lời, đoạn nhìn thẳng vào mắt Lý Công Uẩn và với vẻ quả quyết ông giục:

- Việc gấp lắm rồi, ông sớm liệu quyết đi, bỏ lỡ vận hội lại suốt đời ôm hận.

Lý Công Uẩn rưng rưng cảm động nói:

- Giã ơn ông đã đặt kỳ vọng vào ta. Quả thật lòng ta đang rối, lại chẳng biết ý tứ các quan trong triều ra làm sao, ý tứ bách tính ra làm sao. Xin ông hãy vì ta mà dò xét, có như thế nào thì ta mới dám quyết.

Đào Cam Mộc cũng thấy sự băn khoăn của Lý Công Uẩn là xác đáng nên ông tìm cách gặp quan Hữu điện tiền đô chỉ huy sứ Nguyễn Đê. Nhân lúc sấm chiều, trời như tối lại, ông kéo Nguyễn Đê vào một góc khuất nói:

- Tôi có điều tâm huyết muốn bày tỏ cùng ông.

- Có chuyện gì đấy quan Chi hậu. Phải chăng ông gần gũi hoàng thượng, có di chiếu hay cố mệnh hoàng thượng ký thác nơi ông chăng?

- Không, không phải thế đâu. Xưa nay tôi với ông là chỗ tâm phúc, có điều gì mà phải giấu nhau. Tình thế này không thể đặt thẳng nhai ranh ba tuổi lên ngôi tôn được đâu. Họ Lê mệt rồi, nòi giống ấy phản phúc không gây dựng lại làm gì.

Dứt lời, Đào Cam Mộc nhìn thẳng vào mắt Nguyễn Đê và tiếp:

- Chắc tướng quân còn nhớ các việc diễn ra năm Canh Thìn (980) do Lê Hoàn tư thông với Dương thị đã lập mưu giết cha con Đinh Tiên Hoàng rồi vu cho Đỗ Thích, lại tự phong cho mình làm nhiếp chính.

Thấy cơ đồ nhà Đinh có nguy cơ mất về tay kẻ khác, nên Đinh quốc công cùng phụ thân của tướng quân phối cùng các tướng nổi lên định trừ Lê Hoàn. Chẳng may sự việc không thành, các vị đều rơi vào tay y và thất lạc. Nhờ có hai vị cao tăng là Pháp Thuận và Vạn Hạnh nên tướng quân không những không bị trả thù mà còn được đặt vào chỗ then máy, hiện nắm trong tay toàn bộ quân cấm vệ cùng với vị phó của ông là Tả điện tiền đô chỉ huy phó sứ Lý Công Uẩn. Bây giờ mới là lúc ông phải ra tay, phải dùng quân cấm vệ chặn ngay các đường hiểm yếu nội bất xuất ngoại bất nhập, phòng có biến. Rồi bàn bạc trong triều chọn lấy người đức độ tài cán biết đường chặn dắt muôn dân, làm vững thế nước mà lập. Chớ có hấp tấp đặt lũ cáo cầy hùm sói lên ngôi tôn, ắt chúng sẽ hút hết máu mủ của dân lành, chẳng chóng thì chày sẽ dẫn đến cái hoạ tiêu vong cả đất nước chỉ vì sự ngu hèn và tham ác của chúng.

Nắm chặt lấy bàn tay Nguyễn Đê, Chi hậu Đào Cam Mộc thì thầm:

- Ông có nhớ mấy ngày trước đây nhà vua đau đớn dữ dội, bèn triệu đại lão hoà thượng Vạn Hạnh vào triều chữa trị không? Đây, chính cái bữa ấy, sau khi ở điện Trường Xuân ra thì Hoà thượng gặp tôi, người dẫn lại: “Trong bảy ngày nữa, tức là ngày Ất Ty, bệnh nhà vua ắt tái phát. Đau trong bảy ngày rồi cứ thế mà đi. Nhà vua đi vào giờ Dậu ngày Tân Hợi”. Ông đã thấy nhà vua phát bệnh đúng vào ngày Ất Ty chưa, còn hôm nay là ngày gì?

Nhìn trừng trừng vào mắt Đào Cam Mộc, Hữu điện tiền đô chỉ huy sứ Nguyễn Đê nói:

- Hôm nay chẳng là ngày Tân Hợi sao mà ông Chi hậu còn phải hỏi.

- Vậy thì quả như nhờ đại lão hoà thượng Vạn Hạnh đã nói. Lúc này là giờ gì rồi, nếu đúng như hòa thượng nói thì giờ Dậu nhà vua tắt thở. Thì giờ chẳng còn mấy nữa, quân cấm vệ đang ở trong tay ông, xoay chuyển thế cuộc thế nào cũng ở một tay ông, nhược bằng bỏ lỡ dịp này, tay chân của Long Đĩnh độc chiếm ngôi tôn, liệu ông và những người chính trực có còn đất sống?

- Ta rất cảm kích những điều ông nói. Bấy lâu ta rất băn khoăn, đôi lúc cũng muốn ra tay trừ khử hôn quân, ngặt vì chưa tìm được người tâm phúc. Thật ra, hôn quân không chỉ là kẻ thù của dòng họ Nguyễn nhà ta, mà y còn là kẻ thù của cả nước. Mấy bữa nay thấy bệnh tình của hôn quân ngày một trầm trọng, các quan trong ngoài đã xôn xao. Ta với vài người đã có tính tới chuyện tôn ai lên ngôi báu. Trước kia khi hôn

quân còn hung hãn tàn ác, mọi người đều nghĩ, cứ trừ được hôn quân thì ai đứng đầu trăm họ cũng được, miễn không phải đưa hôn quân này. Nay thì khác, mọi người đã bình tâm xét định, việc đưa người lên nắm giữ ngôi tôn là trao mệnh nước vào tay họ, nên không thể để cho đưa ngu hèn, hung hiểm, tư kỷ, bè đảng nắm giữ được; mà phải tìm cho được người đức độ khoan dung, người có đầu óc thông tuệ nhìn xa thấy rộng, kiến thức hơn đời, lại phải là người có lòng vị nhân chứ không vị kỷ.

Được, được, ông khỏi lo, quyền chỉ huy quân cấm vệ vẫn nằm trong tay ta, kẻ nào ho he ta bóp chết. Ta sẽ phái Tả điện tiền chỉ huy phó sứ nắm một nửa số quân Tùy long, còn ta giữ một nửa. Ta sẽ đóng chặt bốn cửa thành, các điện Trường Xuân, Cực Lạc, Bách Bảo Thiên Tuế... cùng cả khu cấm thành đến một cánh chim cũng không lọt vào được. Nhưng điều ta cùng mọi người quan hoài nhất trong lúc này là đặt ai lên ngôi báu, ông đã có dự liệu gì chưa, thử nói ta nghe.

Đào Cam Mộc ra vẻ suy tư, trầm ngâm một lát rồi đáp:

- Tôi nói chỉ sợ ông cho là thiên vị, là thiên cận.

- Trời ơi, lúc này mà ông còn so đo, còn không tin nhau nữa thì việc lớn hỏng mất.

- Thì xem các quan lớn trong triều đây, ai có đức thì tôn lên. Ông thử cân nhắc xem quan Tri khu mật viện Trần Cảo, quan Thái bảo Đào Thạc Phụ, hai người ấy liệu có ai xứng đáng không?

- Các ông ấy là người tốt, chứ chưa phải là người tài đức mà cả nước tìm kiếm.

- Thế thì còn một người nữa, người này thì đức độ có, trí tuệ có, cương dũng có, xứng đáng để dân nước tôn thờ nhưng có hai nhược điểm.

- Nhược điểm thế nào, ông nói mau ta nghe.

- Thứ nhất là tuổi còn trẻ. Thứ nhì là quan cấp chưa cao.

Nguyễn Đê vỗ ngay lấy cái người mà Đào Cam Mộc vừa nói:

- Sao ông thiên cận thế, người như vậy đất nước đang cần. Tuổi trẻ là cần thiết cho đất nước. Tuổi trẻ có sức nghĩ sức làm, dám nghĩ dám làm các việc lớn việc lạ mà lớp người già e ngại. Còn quan chức chưa cao thì có gì lạ. Từ lâu ta đã nghiệm thấy một điều tưởng như vô tình mà hóa ra chủ ý rằng triều đình đã hoàn tất được các cơ quan then máy để loại bỏ người tài. Bởi thế, sao nó còn dám sắp đặt người tài vào các cơ quan then máy để có chức trọng quyền cao. Vậy người đó là ai, ông nói mau ta nghe.

Đào Cam Mộc mỉm cười nhìn thẳng vào đôi mắt hau háu chờ đợi của Nguyễn Đê, buông một câu hỏi lửng:

- Ông thử nghĩ, cái người như tôi vừa nói có lẫn khuất trong triều đình không?

- Tôi sao có óc bao quát và có mối quan hệ rộng được như ông mà biết.

- Người đó ở cạnh ông đấy. Ông thử bình tâm nhìn lại xem có đúng như nhời tôi nói không?

Nguyễn Đê reo lên:

- Đúng rồi! Tả điện tiền đô chỉ huy phó sứ Lý Công Uẩn. Quả con người này hội được cái đức mà ông vừa nói. Thôi được, ta phải đi đây. Nói xong Nguyễn Đê đi liền.

Thật ra thì từ bữa thiền sư Vạn Hạnh ghé thăm Lê Ngọa triều tại cung Bách Bảo Thiên Tuế vừa bước ra khỏi cửa khuyết gặp ngay Chi hậu nội nhân Đào Cam Mộc cũng vừa tới.

Đào Cam Mộc từ lâu nghe danh đại lão thiền sư trong lòng rất cảm phục, bèn cúi rạp xuống xá thiền sư một xá, miệng nói:

- Nam mô A-di-đà Phật! Con kính chào đại lão hòa thượng.

Thiền sư Vạn Hạnh không đáp lời mà nhìn thẳng vào gương mặt Đào Cam Mộc, bỗng ngài vẫy Cam Mộc đi theo về chùa Thiên Phúc. Phân ngôi chủ khách xong, sư nói:

- Thấy ông là người hiền lành phúc hậu, nên ta không nỡ không cứu. Đoạn sư chỉ vào ẩn đường Đào Cam Mộc nói: – Hung khí tụ ở đây. Diêm này ứng vào sinh mệnh nhà vua, vì ông là người trông nom việc hầu hạ trong cung. Không cẩn thận trước cái chết sắp tới của nhà vua, ông phải lãnh án tru di.

Đào Cam Mộc mặt mày tái xám, sụp lạy:

- Con can cỏ con lạy đại lão hòa thượng, ngài là Bồ tát tại thế, xin ngài cứu mạng cho con.

Sư lim dim đôi mắt như người xuất hồn, giây lâu ngài mở bừng đôi mắt sáng chói như có hào quang

chiếu rọi vào gương mặt Đào Cam Mộc, khiến người Mộc nóng bừng lên, mặt đỏ gay.

Sư thông thả nói:

- Được! Ta sẽ cứu ông, nhưng phải làm đúng các điều ta dặn.

Đào Cam Mộc nói líu cả lưỡi:

- Con xin nhất nhất nghe theo lời đại lão Bồ tát dạy bảo.

- Ta chưa đạt tới cõi của chư vị Bồ tát. Nhưng nghe ta nói đây.

- Dạ! Dạ con đang nghe.

- Nhà vua sẽ tắt thở vào giờ Dậu ngày Tân Hợi tháng Hợi này.

Đào Cam Mộc nhắm tịt: – Vậy là chỉ còn mười bốn ngày nữa, nhưng nhà vua đã có triệu chứng gì nguy kịch đâu mà có thể chết?

Độc được ý nghĩ của viên Chi hậu cục nội nhân, thiền sư nói:

- Trong bảy ngày nữa, tức ngày Ất Ty, nhà vua ắt phát bệnh. Đau dữ dội trong bảy ngày rồi cứ thế mà đi. Lúc nhà vua không kêu ca gì nữa, ấy là lúc tắt thở. Ông nhớ kỹ điều ta dặn đây. Thiền sư nhìn một lần nữa gương mặt Đào Cam Mộc, xem có thể nói ra được điều tối mật thuộc về thiên cơ không. Dường như yên tâm, sư nói: – Khi nhà vua phát bệnh, thế nào cũng cho đòi quan thái y. Nhưng trước khi mời thái y, ông phải cấp báo cho hai quan Tả Hữu điện tiền chỉ huy sứ Lý Công Uẩn và Nguyễn Đê biết, để họ giám sát. Nếu không, ông sẽ can tội giết vua đấy!

Đào Cam Mộc cung đầu xuống đất vái tạ thiền sư lia lịa.

Quả nhiên, đúng đầu giờ Mão, ngày Ất Ty, Đào Cam Mộc cho bê nước ngũ vị hương vào nội tắm dâng nhà vua rửa mặt, Ngọa triều vung tay hất tung chậu nước đổ lênh láng ra thềm ngọc, ướt cả long sàng, liền lúc kêu thét lên vì đau đớn. Hỏi đau ở đâu, nhà vua chỉ lung tung. Thấy ứng lời của đại lão thiền sư, trong lòng Cam Mộc hết đổi run sợ bèn cho triệu gấp hai viên Tả Hữu điện tiền, nắm giữ toàn bộ cấm binh canh phòng nội tắm và cấm thành.

Một lát sau Lý Công Uẩn, Nguyễn Đê có mặt. Hai quan tả hữu điện tiền chỉ huy sứ nhìn gương mặt nhà vua, đều cảm thấy có điều gì nghiêm trọng sắp xảy ra. Hai vị liền chia quân canh gác bốn cửa hoàng thành, canh gác các cung thất, nghiêm cấm sự ra vào của tất cả mọi người. Còn trong nội tắm, thì đến cả hoàng hậu cũng không được lui tới. Cắt đặt canh phòng các ngõ, rồi hai quan điện tiền mới cho triệu thái y ty và thái y chức đến chẩn bệnh cho vua.

Các thái y xoay trở đến toát mồ hôi, vẫn không tìm ra được căn bệnh đang hành hạ nhà vua. Bệnh gì mà bạo liệt thế này, sờ vào bất cứ chỗ nào trong ngọc thể, nhà vua cũng rú gào lên thật là đau đớn. Tâm thần nhà vua mỗi ngày một hoảng loạn, suy sụp. Các thái y đã xoay đủ tứ chứng, nhưng cứ mỗi lần đổ thuốc, nhà vua lại nôn ọe ra cả mặt xanh mặt vàng.

Nhà vua phát bệnh đến ngày thứ ba thì khắp các chợ trong thành Hoa Lư, trẻ con cứ thập thò từng tốp, từng tốp rờn rờn rần rần, lúc chúng xuất hiện chỗ này, lúc thì chỗ khác, chúng hát đồng dao. Những câu hát rất lạ, nghe kỹ rồi chẳng nổi được bài hát như sau:

Tật Lê trầm bắc thủy,

Lý tử thọ nam thiên.

Tứ phương can qua tịnh,

Bát biểu hạ bình an. [\[8\]](#)

Nghe thì nghe, nhưng ít người hiểu. Bỗng có cụ già râu tóc bạc phơ đi tới, mọi người xúm lại hỏi. Cụ bảo họ đọc lại từng câu rồi giảng giải: “Đây là diêm họ Lê mất, họ Lý lên. Can qua hết, thiên hạ thái bình”. Nói xong cụ biến mất.

Ai nấy đều lấy làm sung sướng vì sắp thoát khỏi cảnh đầu rơi máu chảy hàng ngày do hôn quân tác ác. Vì vậy họ nô nức hát theo lũ trẻ, dường như cả chợ, dường như cả phố phường đều hát theo lũ trẻ. Chẳng mấy chốc, lời đồng dao bay khắp kinh thành cùng với tin Ngọa triều đã chết.

Quan Tri khu mật viện Trần Cảo hấp tấp vào triều, bị cấm quân gạt lại, ông bèn rẽ vào nhà quan Thái bảo Đào Thạc Phụ bàn chuyện cơ mật.

Hai ông trừ liệu việc phò ấu chúa lên ngôi hay đi tìm chân chúa. Băn khoăn mãi Trần Cảo mở lời:

- Sinh thời nhà vua tàn ác quá. Dân chúng cả nước còn oán giận sâu sắc lắm. Nay lại đưa ấu chúa lên ngôi, ắt loạn to.

Đào Thạc Phụ hỏi lại:

- Vậy theo ông thì tìm người ấy ở đâu bây giờ?

- Ông có nghe trẻ hát đồng dao rồi chứ. Diêm trời đã chỉ ra như thế, tưởng không theo không được.

- Ý ông muốn nói đến việc tôn Tả điện tiền đô chỉ huy phó sứ Lý Công Uẩn lên ngôi quân trưởng.

- Phải! – Trần Cảo đáp gọn lỏn.

Thế là hai ông liền nhóm họp các quan đầu triều để bố cáo lập vua mới.

Đầu đuôi câu chuyện là như vậy. Cho nên khi thấy Lý Công Uẩn còn phân vân, Đào Cam Mộc đã đem ý mình đi tỏ bày, bàn thảo với những người tâm phúc. Ai cũng bảo việc nên làm. Hóa nên việc thành, công bày xếp của Đào Cam Mộc lớn lắm. Vì thế Lý Công Uẩn vừa gả con gái vừa phong tước cho Đào Cam Mộc, phần là để đáp cái ơn tri ngộ, phần là để cố kết vây cánh.

Nhưng trước hết nhà vua truy phong cho cha mình là Hiến Khánh vương, mẹ sinh là Minh Đức thái hậu. Lại phong cho anh của mình là Vũ Uy vương. Con của Vũ Uy vương là Lý Trưng Hiền được phong làm Thái úy. Hoàng thúc (chú vua) được phong là Vũ Đạo vương. Trần Cảo làm tướng công. Ngô Đình làm Khu mật sứ. Đào Thạc Phụ có công xướng xuất việc phù lập nên vẫn được giữ chức Thái bảo. Đặng Văn Hiếu làm Thái phó. Phí Xa Lỗi làm Tả kim ngô. Vệ Trú làm Hữu vũ vệ. Đặc biệt đưa Nguyễn Đê vào giữ chức Khu mật viện chánh chưởng. Hết thấy các quan triều trước đều được lưu dụng, phần đông được giữ nguyên chức cũ, bổng lộc phân chia theo thứ bậc khác nhau. Nhưng vì nước còn nghèo, kho tàng trống rỗng nên đặt ra bổng lộc cũng chỉ là sự hư đãi thôi. Và cùng một lúc nhà vua lập năm bà hoàng hậu. Hoàng hậu đích tức Lê hoàng hậu thì gọi là hoàng hậu lập giáo.

Ngoài ra nhà vua còn cử viên ngoại lang Lương Nhậm Văn và Lê Khánh Tài, là những người có sức học rộng, lại biện bác giỏi sang sứ nước Tống để kết mối bang giao.

Vua đích thân căn dặn hai vị sứ giả, và cho thêm vàng bạc để tiện việc dò tìm tin tức sâu nông, về mưu đồ của nhà Tống đối với nước ta, cùng các việc họ bài bố binh lực trên vùng biên ải hai nước.

Tạm yên công việc triều chính, nhà vua bèn xa giá trở lại gia hương tại làng Dịch Bảng, châu Cổ Pháp. Dân chúng hoan hỉ đón chào vị vua mới là người làng mình. Từ các cụ già đầu tóc bạc phơ, vận quần áo đỏ, chống gậy trúc đến các trẻ nhỏ mới lẫm chẫm biết đi, đều ra khỏi làng tới hơn một dặm để cung nghinh. Họ đem theo tất cả các thứ cờ quạt, tàn lọng hiện có trong các đền chùa, và cả trống đồng cùng chiêng, mõ khiêng vác hàng đàn. Thịnh thoảng các nhạc công lại dừng lại đánh bài nhả tụng thật là tưng bừng, khiến không khí làng quê sôi động hẳn lên chẳng khác gì ngày hội.

Vua chẳng phải ai xa lạ, chính là chú tiểu tăng ba chục năm trước, theo hầu thiền sư Vạn Hạnh tại chùa Lục Tổ của hương ấp này. Sự thân tình gần gũi ấy khiến các bậc từ trung niên tới lão niên, không ai là không có đôi chút gọi là kỷ niệm hoặc hoài niệm về tuổi ấu thơ của nhà vua. Và rồi những lời đồng dao, những huyền thoại, những bí ẩn về thân thế đức vua vẫn ngấm ngấm truyền tụng từ mấy chục năm nay, bỗng oà vỡ như là một sự báo ứng, sự linh ứng của Trời Phật.

Kiếp vua vừa tới, các cô lão, theo phong tục của hương ấp, đội ra dâng vua bảy mâm bánh giầy làm bằng gạo nếp thơm trắng phau. Nhà vua xuống kiệu, nâng các cụ đứng dậy. Và vua tự dìu cụ Mốc xóm Đông, là người cao tuổi nhất làng trở về ngôi miếu thờ thần.

Sau khi tạ thần linh tại ngôi miếu cổ, vua thân vào chùa Lục Tổ tạ ơn Phật.

Ai nấy đều ngơ ngác vì không thấy thiền sư Vạn Hạnh ra tiếp vua. Nhà chùa cho hay thiền sư mới vân du cách đây hai ngày, và ngài có dặn thế nào cũng diện kiến đức vua trong dịp nhà vua trở lại gia hương.

Trước khi về thăm lại ngôi nhà nhỏ bé của mình, vua ban lộc cho các cô lão trong hương ấp.

Trời vừa sẩm tối, cả hương Dịch Bảng bừng sáng như một đêm hội hoa đăng. Tiếng kèn, tiếng trống, tiếng đàn, tiếng phách sinh điểm nhịp cho các giọng hát cất cao, vang âm khắp các hang cùng ngõ hẻm.

Các cụ già bảo nhau: Từ tiền cổ tới giờ làng Dịch Bảng chưa bao giờ vui như thế. Cũng từ tiền cổ tới

giờ, dân Dịch Bảng chưa bao giờ được ân tứ vua ban rộng khắp như thế.

II

Vừa xong khoá lễ đêm, thiền sư Vạn Hạnh thông dong bước ra sân chùa. Ông ngửa mặt nhìn bầu trời đầy sao, hít một hơi thật sâu vào trong lồng ngực rồi đi bách bộ.

Đêm mùa xuân tĩnh mịch. Đâu đó tiếng nước suối tuôn róc rách. Xa xa tiếng nai gộ, tiếng mang tác, tiếng tắc kè từ vách núi sau chùa thả từng nhịp chắc nịch vào rừng đêm. Dưới ánh sao xanh mờ, thiền sư dừng bước trước cội thông già bên phiến đá to ước nửa chiếc chiếu trải giường, nằm khuất phía sau vườn chùa. Thiền sư cúi xuống rờ đôi bàn tay dẫn deo với cả mười ngón khum khum trên phiến đá, như rờ một vật báu. Khí đá lạnh như một con hàn xà len lỏi khắp huyết quản ông. Nhà sư rung mình ớn lạnh.

Vừa lúc chú tiểu Bảo khoác lên lưng thiền sư tấm áo kép, rồi chắp tay lễ phép thưa:

- Bạch thầy, đêm lạnh, khí núi cây rừng lam chướng, con mời thầy vào nhà nghỉ.

- Ờ, ờ, nhà sư già lơ đãng đáp. Dường như trong tâm não ông đang đeo đuổi nghĩ suy về một điều gì đó. Với phận sự kẻ bề dưới, tiểu Bảo lại nài nỉ:

- Bạch thầy, con mời thầy vào tăng đường.

- Thôi được, con để ta ở ngoài này một lát. Các việc ta khiến, con đã làm xong chưa?

- Bạch, con đã làm đúng như thầy dạy.

- Ta cho con về đi ngủ. Đêm nay ta có việc bận.

Không dám trái ý thầy, tiểu Bảo ghé qua trai đường, xem lại các vật đã bày biện: Bộ đồ trà men ngọc, lau chùi sạch sẽ, đặt ngay ngắn giữa sập gụ trải chiếu trơn, mép viền vải nâu. Chiếc ấm giỏ sơn then. Hộp trà cúc làm bằng trúc đẽng ngà lên màu sáng bóng. Chiếc siêu đất đỏ đầy nước giếng mạch, đặt trên bếp lò chất than hoa có chêm củi nôm, chỉ việc châm lửa, một loáng là sôi.

Chừng như chưa yên tâm, tiểu Bảo lại mở nắp đỉnh trầm xem đã bỏ đủ trầm chưa. Tiểu cũng không quên đảo mắt vào đĩa đèn, dầu đã rót đầy ắp. Bảy ngọn bắc mới tinh nằm quanh miệng đĩa, đều ngóc đầu lên như lũ tằm đói dâu.

Tiểu Bảo tự nhủ: lát nữa thầy ta vào, chỉ ném một mẩu đóm là đỉnh trầm kia sẽ nghi ngút toả hương thơm. Lại hươ chiếc đóm lửa một vòng, bảy ngọn bắc kia sẽ biến thành bảy ngôi sao lung linh toả sáng.

Đặt hộp đèn nhỏ xuống chiếc ghế dẫu, tiểu Bảo khép cửa lui về phòng tăng, lòng băn khoăn tự hỏi:

“Mười năm hầu hạ thầy, ta chưa bao giờ thấy thầy tiếp khách đêm đượm vẻ trang nghiêm, huyền bí như thế này”. Chàng tự hện: “Nhất định ta phải thức để rình xem khách là bậc cao tăng nào mới hạ sơn”.

Thiền sư Vạn Hạnh vén vạt áo cà sa tĩnh tọa trên phiến đá. Toàn thân nhà sư lạnh cóng như ngồi trên tảng băng. Sư toan vận khí cho cơ thể ấm nóng lên, nhưng ông đã không làm thế. Và từ đâu đó hiện về trong óc nào thiền sư cảnh huống đã diễn ra cách đây đúng ba mươi sáu năm. Ờ, có nhẽ vào tháng hai năm Giáp Tuất (974), nay là tháng hai năm Canh Tuất (1010). Năm ấy Lý Công Uẩn chào đời. Ta đang ở chùa Lục Tổ hương Dịch Bảng, theo học Đạo với Thiền Ông đạo giả. Nghe nói ở hương Thái Bình có người đàn bà họ Phạm, đi cắt cỏ trâu phía sau chùa Tiêu này, gặp người thần giao cấu trên một phiến đá, sinh ra Công Uẩn. Công Uẩn được ba tuổi, Phạm thị đem đến nhờ sư Lý Khánh Văn chùa Kiến Sơ hương Phù Đồng nuôi giùm. Lại cũng nghe nói cha mẹ Công Uẩn là hai kẻ cùng làm công quả trong chùa, đầu mày cuối mắt lén vụng rồi có chửa nên phải ra khỏi chùa... Lại còn... Lại còn... Ôi thế gian thật là nhiều sự. Sinh hoá là chuyện thường hằng. Cũng may mà ta mang họ Nguyễn, nếu không việc ta nuôi dạy Công Uẩn đời lại chẳng ngờ ta cũng là cha nó không chừng. Sự thực, ta với Công Uẩn chỉ là một sự tức duyên.

Lại như chuyện nhà chùa đón nhận một đứa trẻ do thế gian trao gửi, là việc làm hết đời bình thường nơi cửa Phật. Huống hồ Khánh Văn vốn là một người đạo hạnh, thì chẳng thể nào chối bỏ một sinh linh. Việc như thế, chẳng cần phải so đo tính toán đối với một bậc chân tu. Thế nhưng miệng tiếng thế gian lại chẳng thể nào mà che bịt được. Vì vậy khắp vùng này, người ta đồn ầm lên rằng, đứa bé ấy chính là con đẻ của Khánh Văn. Và người ta đặt về giễu nhạo:

Con ai đem bỏ chùa này?

A-di-đà Phật, con thầy thầy nuôi!

Ta biết, sớm muộn rồi đứa bé cũng tìm được cha nó. Nhưng dù có tìm được hay không, người đời vẫn thiên về những điều rắc rối. Và vì thế lịch sử sẽ lao theo những dấu vết mù mờ, rồi để lại cho hậu thế một mối tơ vò rối, nỗi đời không thể dò tìm.

Từ ngày Khánh Văn ký thác Công Uẩn cho ta, trong mấy chục năm liền, ta đã bỏ không biết bao nhiêu tâm lực và sức lực trong việc giáo hoá cũng như khai mở tâm tuệ cho Công Uẩn, để Công Uẩn trở thành đấng bậc chấn dân. Nói cho đúng thì Khánh Văn đã trao cho ta trách phận bảo trọng một vật báu quốc gia. Nếu quả như nhời đồn thì nhà vua đã được hoài thai trên phiến đá này. Hoá nên phải coi phiến đá này như vật báu truyền gia của dòng họ Lý. Thì Công Uẩn đã chẳng mang họ Lý là gì. Thiền sư lấy ngón tay trỏ miết nhẹ lên trên mặt phiến đá bốn chữ mà ông thầm đọc ở trong đầu: “LÝ GIA LINH THẠCH”^[9].

Hàng chữ ấy lõm xuống như người ta dùng đục tạc vào đá. Đây cũng là một sự kỳ lạ nữa!

Thiền sư đứng dậy đi vòng về phía nhà tăng, thấy vắng ra tiếng ngáy từ trong phòng tiểu Bảo. Sư nói nhỏ: “Này con, tâm con còn vọng động nhiều lắm”.

Thiền sư nói nhỏ, nhưng nội lực của ngài thâm hậu, nên tiếng nói của ngài như tiếng chuông rót từng lời vào tai tiểu Bảo. Chàng giật mình kinh sợ, bàng hoàng thụp lạy theo tiếng vọng của bước chân thiền sư: “Lạy thầy, đệ tử trót dại, xin thầy đại xá”.

Tiểu Bảo vẫn nghe người đời đồn đại, cách đây chừng ba chục năm, thiền sư đã giúp hoàng đế Lê Hoàn được nhiều việc quốc gia trọng đại. Như việc phá Tống, bình Chiêm.

Năm ấy khi quân Tống sắp tràn sang, hoàng đế Lê Hoàn vời thiền sư đến hỏi sự thế cuộc chiến sẽ ra sao. Thầy ta đáp: “Chỉ trong bảy tám ngày là nhà vua phá xong giặc”. Quả nhiên khi quân Tống vào cõi, vua tự mình ra trận, giết chết Hâu Nhân Bảo trên ải lũy Chi Lăng. Bắt tướng giặc là Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân, đem về Hoa Lư cầm tù; đuổi lũ Tôn Toàn Hưng chạy như vịt trên sông Bạch Đằng, khiến vua tôi nhà Tống run sợ phải chấp nhận nền tự chủ của nước Nam.

Lại như khi vua toan khởi binh chinh phạt Chiêm Thành liền vấn kế thiền sư. Thầy ta lại nói: “Thời cơ đang thuận, tiến binh gấp thì thắng, để lâu ắt bất lợi”.

Quả nhiên các việc diễn ra đều đúng như sư nói. Vì vậy nhà vua sùng kính sư như bậc thầy. Khắp dân gian đều tôn sư như một bậc tiên tri đại giác. Chính vì vậy mà trong giới đạo sĩ^[10] có người tên gọi Đỗ Ngân đem lòng ghen ghét, toan ám hại sư. Dù âm mưu chưa hiển lộ, nhưng thiền sư tiên tri biết được, bèn gửi đến tặng người đó một bài thơ tứ tuyệt:

Thổ mộc sinh ra cạnh cạnh tâm (kim)

Thù ta toan định sẵn mưu ngầm

Tặng này biết chuyện lòng buồn dứt

Cả đến mai sau chẳng oán thâm.^[11]

Nhận được bài thơ, Đỗ Ngân giật mình run sợ, cho thiền sư là bậc chân nhân; tự hổ thẹn mà bỏ lòng ác. Đến đây, tiểu Bảo thừa nhận lời đồn đó là có thực. Xét như bản thân chàng, ý nghĩ tò mò vừa chợt nảy ở trong đầu, mới cách đây chừng một khắc; và tiếng ngáy vờ kia tưởng có thể lừa được sư phụ. Ai ngờ thầy biết hết cả những việc thầm kín trong não tâm ta.

Lại nói, vua Thuận Thiên^[12] về thăm gia hương, làm lễ bái tạ tổ tiên và yên ủi dân hương ấp xong, xa giá định quay về động Hoa Lư thì trời nổi sấm chớp, mây đen che kín bầu trời. Mới tháng hai mà đã có sấm, nhà vua lấy làm lạ, bèn khẩn: “Tôi là người kém đức, bất tài gặp lúc giang sơn chao đảo, quần thần tôn phò lên đứng đầu trăm họ, chưa kịp canh cải xã tắc. Không biết đã phạm lỗi lầm gì mà Trời ra oai trách giận. Nếu như chỉ là việc tuần hoàn âm dương thì xin Hoàng thiên xua tan mây mù, tôi xin ở lại qua đêm nơi thôn ố. Nhược bằng có tội, không xứng đức ở ngôi, xin trời trừng phạt, tôi không dám hối trách”.

Lạ thay, khi nhà vua vừa dứt lời khẩn thì có cơn gió mạnh ập đến cuốn hết mây mù, bầu trời lại lộ ra trong xanh như không hề có chuyện cơn có, sấm chớp. Nhà vua tự hỏi: “Trời thương ta chăng?”, “Trời răn

ta chẳng?”.

Tối đến, nhà vua đi ngủ. Quân cận vệ canh phòng nghiêm cẩn, tưởng một cánh chim bay cũng khó lọt. Bỗng cuối giờ Hợi, nhà vua giật mình choàng tỉnh, đeo gươm xốc áo ra đi như một kẻ mộng du. Quân canh bốn mặt mà không một ai hay biết. Vua đi một mạch đến chùa Ứng Thiên Tâm, tức Tiêu Sơn tự. Đức vua xộc thẳng vào nhà khách tầng đầy cánh cửa khép hờ, thấy thiền sư Vạn Hạnh đang tĩnh tọa giữa thiền sàng. Đèn đèn rực sáng. Hương trầm ngào ngạt. Tiếng siêu nước đang réo sôi o o.

Thiền sư vừa ngoái đầu lại, đúng lúc nhà vua sụp lạy:

- Bạch thầy, con về vấn an thầy.

Thiền sư Vạn Hạnh vội đỡ nhà vua và mời ngồi, rồi ông đứng chấp tay vái:

- Sự thế đã đổi thay, nhà vua là bậc thiên tử, đứng đầu trăm họ, bần tăng có lời mừng.

Lý Công Uẩn liền đứng bật dậy, dìu thiền sư ngồi vào thiền sàng. Nhà vua cởi bỏ thanh bảo kiếm dựng nơi góc cột rồi nói:

- Sư phụ cứ coi con như một đứa tiểu tăng hồi tấm bé, theo hầu thầy nơi chùa Lục Tổ. Nay con về vấn an sư phụ, để bày tỏ lòng con biết ơn thầy đã dạy dỗ, và tạo nghiệp quả cho con ra gánh vác việc đời.

Thiền sư mỉm cười. Người giơ ngón tay trở lên khua khua, như ra hiệu cho nhà vua không nói nữa, phòng có kẻ rình mò nghe ngóng.

Thiền sư định nhân phát ra một luồng ánh sáng soi tỏ gương mặt nhà vua. Rồi hai thầy trò im lặng đi vào cuộc nhân tâm đàm.

Nhà vua như nghe được từ ánh mắt thiền sư:

- Ta đã biết hết các việc vừa xảy ra tại Hoa Lư và đã báo cho các vị huynh đệ, thúc bá của nhà vua đầy đủ cả rồi.

Nhà vua tỏ lòng khâm phục tài tiên tri của sư, bèn đưa mắt hỏi:

- Bạch sư phụ, các việc cần kíp phải làm lúc này là gì?

Thầy Vạn Hạnh phát nhãn quang đáp:

- Làm ngược lại tất cả những gì ác vương Lê Long Đĩnh đã làm. Trước hết phải cứu lấy dân đang ngặt nghèo vì đói.

Nhà vua toan hỏi thiền sư về việc có nên dời đô vào lúc này, việc mở mang xây cất chùa chiền, hoàng dương Phật pháp cùng các việc canh cải xã hội, nhưng chưa kịp phóng nhãn tâm thì sư vụt đứng dậy xách siêu nước sôi vào pha trà.

Đưa mời nhà vua ly trà cúc, thiền sư nói như một sự tình cờ:

- Các việc nhà vua đã có chủ tâm, chủ kiến phải được khai triển sớm chừng nào hay chừng đó. Nhà vua nên nhớ, làm việc thiện, việc đem lại lợi ích cho dân bao nhiêu vẫn cứ là ít, hưởng hồ bệ hạ mới chân ướt chân ráo vào triều. Ta già rồi không giúp gì được nữa đâu. Vả lại nhà vua đủ sức lực và trí tuệ gánh vác việc nước. Ta chỉ lưu ý nhà vua vài việc nhỏ:

- Lo cho dân được đủ ăn, đủ mặc.

- Lo cho việc binh đủ mạnh để giữ gìn quốc thổ, bảo đảm sự yên bình cho dân, cho nước.

- Lo mở mang sự học, khai trí cho dân.

- Lo khuyến thiện nhưng chớ quên trừ ác.

- Lo cho Phật sự phát khởi để nuôi dưỡng nguồn tâm và chăm sóc tâm linh cho bách tính.

- Thiên đô cũng là việc cấp bách đó.

Muốn cho dân chúng được hưởng ân huệ này thì mỗi hương ấp phải có một ngôi chùa. Dân nước còn nghèo, chớ ham xây cất chùa lớn, chuông to khiến dân phải oằn lưng đóng góp mà oán Phật. Chỉ cần một mái tranh úp trên bốn bức tường đất với pho tượng Phật vừa phải để có nơi chốn cho người dân gửi gắm niềm tin. Điều đáng nói là phải được vị chân tu dẫn dắt. Mỗi vị tăng trụ trì ngoài chức năng tu hành và dẫn dắt tâm linh, còn phải là một thầy giáo dạy chữ cho con em trong hương ấp và giáo hoá cho dân về nội điển, khai phóng cho dân về đường trí tuệ. Nếu để dân chỉ biết cúi đầu lễ bái mà không hiểu gì về giáo lý Phật, về giác ngộ, giải thoát khiến mọi người sa vào u minh thì đó là con đường trị nước của những kẻ bạo

chúa, cốt ở sự ngu dân.

Sư Vạn Hạnh ngừng lời, dường như ngài còn muốn nói thêm một điều gì.

Nhà vua vẫn im lặng lắng nghe, ghi tâm khắc cốt từng lời sư nói.

Một lát, thiền sư lại tiếp:

- Đa Bảo thiền sư là một bậc cao tăng, đạo cao, đức trọng, nhà vua nên thỉnh ngài làm quốc sư mà vấn kế. Nên nhớ, nhà vua xuất thân từ cửa Phật, gắng đưa quốc gia trở thành quốc độ Phật.

Thiền sư im lặng, ló nhìn vào trời đêm, lát sau sư lại chậm rãi:

- Mọi việc đều thuận cả. Nhà vua về đi kéo trời sắp sáng rồi. Sư vừa dứt lời, con trống mã mật ngoài chuồng đã cất tiếng gáy vang. Rồi cả lũ gà nhà, gà rừng cùng cất cao tiếng gáy, làm vang âm cả một vùng núi rừng khe động. Tiếng gà gáy như thôi thúc nhà vua mau nhích bước chân trở về hương Dịch Bàng.

Qua các việc xảy ra từ mấy chục năm nay, Lý Công Uẩn băn khoăn tự hỏi: “Chẳng nhẽ thầy ta đã quán thông thiên địa đến bậc này ư?”. Nhà vua nghiệm thấy trăm việc, việc gì thiền sư cũng tiên liệu được cả. Mấy năm nay thiên hạ đồn ầm lên về lời sấm vĩ mà trẻ nhỏ hát đồng dao. Sấm ấy, chẳng phải từ nơi thầy ta sao?

Sự việc sớm tỏ lộ, có kẻ tố giác, chính ta đã khuyên thầy về lánh trụ tại chùa Tiêu Sơn là một ngôi chùa tĩnh mịch, nằm khuất lấp tận rừng sâu.

Lại gần đây, khi Lê Ngọa triều vừa mất, triều đình đang phân tâm, ta đã thấy có lời sấm vĩ chiêu an bá tính qua lời trẻ hát đồng dao khắp các phố, chợ kinh thành^[13].

Lời chiêu an này không phải của thầy ta còn của ai nữa. Lời chiêu như lời hịch, cuốn hút các bậc khanh, sĩ đến thứ dân quy về họ Lý. Vì vậy mới có việc tôn ta lên ngôi hoàng đế. Vậy là dạy dỗ ta nên người, không ai ngoài thiền sư Vạn Hạnh. Lại tạo lập ra triều đại mới này cũng vẫn là Vạn Hạnh thiền sư. Phải chăng Trời Phật đã sai ông bày xếp. Nam mô A-di-đà... Nhà vua kêu hồng danh đức Phật. Rồi ngài bước thẳng vào nhà hậu đường mà đám quân canh phòng vẫn không hay biết.

Trên đường về Hoa Lư, vua Thuận Thiên và đoàn tùy tùng đi bằng đội long thuyền. Con đường nhà vua đã đi lại quen thuộc nhiều năm. Khi thuyền tới vùng đất Đại La, vua sai dừng lại để ngài ngắm cảnh. Nhà vua nhớ khi còn làm một chức quan nhỏ tại Lê triều, có lần ông tháp tùng thiền sư Vạn Hạnh khi qua đất này, sư cũng lên bờ ngắm thế đất, hình sông, bóng núi. Rồi sư nói, như nhắc bảo: “Linh khí nước Nam tụ kết nơi đây”.

Lý Công Uẩn, nhìn bề ngoài, người ta ngỡ ông chỉ thiên về nghiệp võ hoặc việc nông tang. Ông có dáng người to, cao, gương mặt vuông chữ điền, vàng trán rộng, cặp mắt sáng, tóc dày, cứng, đen như mực; chân tay to; ngón tay cái cao quá đốt thứ hai của ngón tay trỏ. Đó là biểu hiện của một thứ quyền tình vô thượng. So với các tiểu tăng cùng trang lứa, Lý Công Uẩn hơi khác thường ở chỗ học đâu nhớ đấy, học một biết hai. Bởi không chỉ tiếp nhận các điều thầy giảng, hoặc các điều sách nói, mà ông còn biết suy nghiệm để tìm nhẽ phải quấy, đục trong từ phía sau những lời kinh sách dạy. Ông thường tìm đọc rộng, vượt ra ngoài khuôn khổ của nội điển^[14]. Bởi thế, ông thông hiểu cả Bách gia chư tử, tìm tới chỗ rốt ráo của y, lý và thuật số, phong thủy. Đúng là không điều gì ông không xem xét, không việc gì là ông không để tâm, để mắt tới.

Thấy ông là người vừa có cái tâm thiện, vừa có cái chí lớn, nên thiền sư Vạn Hạnh mới thâm nhận ông làm đệ tử và sư hết lòng truyền dạy cho.

Nhà vua ngửa mặt nhìn trời. Bầu trời mùa xuân trong xanh. Mặt trời đang chính ngọ. Ánh nắng tươi vàng trải khắp bốn phương. Từ đâu đó một đàn sếu ào tới vắt ngang bầu trời, như một dải lụa khổng lồ, dài tới cả mấy chục trượng. Xa kia, hồ Dâm Đàm vẫn ùn ùn bốc lên khí sương trắng đục. Nhà vua kinh ngạc, bởi chưa một lần nào qua vùng Đại La này mà ngài không thấy khí hồ bốc lên; ngay cả vào ngày hè nắng nóng hoặc mùa thu mát dịu cũng vậy thôi. Tân quân đảo mắt nhìn dòng sông chảy dài từ thượng lưu xuống hạ lưu, có dáng cong cong như hình một lưỡi kiếm, che chắn nửa phía bắc của Đại La trải rộng. Xa xanh tím tắp về phía trời tây kia, dãy núi Tản bọc lấy phần còn lại như một bức tường thành vĩ đại, tạo cho Đại La một thế đứng uy nghi, lẫm liệt. Và hồ Dâm Đàm, chính là nơi kết tụ tú khí của thế núi, mạch sông của miền đất thiêng liêng này.

Khi thuyền ngự vừa cập bến Hoa Lư, triều thần và chúng dân trăm họ với cờ, tán, xa giá, nghi trượng đã sẵn sàng nghênh đón đức vua hồi cung.

Vua Thuận Thiên vừa bước chân lên bờ, dòng người xô lấn nhau để chiêm bái dung nhan ngài. Và tiếng hô: “Đức vua thiên tuế!”, “Đức vua vạn vạn tuế!” nổi lên ầm ầm như tiếng sấm rền. Âm vang lay động cả một vùng sơn động. Triều quan và dân chúng động Hoa Lư có lạ gì quan điện tiền đô chỉ huy sứ Lý Công Uẩn. Song họ muốn tận mắt bày tỏ tấm lòng ưu trọng đối với bậc vua hiền, mà từ lâu họ khát khao mong đợi. Thật khác xa với Lê Ngọa triều. Sinh thời ông vua này cứ xa giá ra khỏi hoàng cung, là dân chúng chạy dạt đi, y hệt như một bầy dê chột trông thấy con cọp dữ. Khốn nạn cho kẻ nào không chạy kịp, nhà vua sai bắt lấy nhốt trong xe tù. Nếu cuộc đi săn ấy phải trở về tay không, thì chiếc xe tù được ném xuống sông Hoàng Long. Nếu đó là cuộc đi du ngoạn mà nhân lúc dòng sông cạn nước, vua sai đóng cọc dưới sông rồi trói người “tù” ấy vào cọc, để cho khi nước lên sẽ chìm chết họ trong lòng sông. Nhà vua nghĩ ra đủ trò ác hiểm để giết dân. Đối với vua Ngọa triều, bất cứ người dân nào mà ông ta trông thấy đều trở thành tội nhân, và nhà vua đều nghĩ ra cách giết họ một cách thật là khủng khiếp, để thoả lòng hiếu sát của ông.

Bởi thế, khi vua Thuận Thiên vừa lên ngôi đã cho phá bỏ hết các loại hình phạt man rợ, lại xuống chiếu cho ai có nỗi oan mà quan xét chưa tỏ thì được phép vào tận trong cung để tâu bày. Phương sách gần dân phát xuất từ cái tâm thiện của nhà vua, khiến từ buổi sơ triều, dân đã yêu kính vua như cha mẹ mình vậy.

Nhà vua vừa bước vào sân rồng, đã thấy một vị hoà thượng đầu đội mũ hoa sen, hai tay nâng một tờ sớ. Nhìn gương mặt vị sư già, vua thấy ngỡ ngợ. Tay đỡ tờ sớ, mắt nhà vua lại lướt trên gương mặt sư, chợt vua nhìn thấy bên tai trái nhà sư bị cụt. Vua “à” lên một tiếng:

- Quách thiền sư!
- A-di-đà Phật! Chúc thánh thượng vạn an.

Vua Thuận Thiên đỡ vị thiền sư đi vào trong cung. Cảnh tượng hãi hùng mấy năm trước hiện rõ trong óc nhà vua. Bữa ấy Ngọa triều cho vời Thiền sư Quách Ngang vào cung. Vua bày các trò chơi như bắt nhà sư kể về sự tích Phật. Liền đó sai bọn hề nhại nhà sư đến trơ trẽn, tiếp đến là tiệc ăn mía. Vua sai đem dao sắc và mía đen vào để ngài tự róc lấy. Nhìn bên phải bên trái không thấy có gì để làm đòn kê. Vua bèn kéo áo sư đang ngồi hàng ghế dưới:

- Hoà thượng ngồi nhích lại đây cho ta mượn cái đầu. Rồi vua dùng chiếc đầu trọc của sư làm đòn kê. Vua giả vờ trượt tay, lưỡi dao sắc hót cụt mất một bên tai của nhà sư, máu chảy ròng ròng. Vua thần nhiên vừa ăn mía vừa cười ha hả.

Sư không nói gì, bước ra khỏi hoàng cung vẻ mặt vẫn thanh thản. Trong khi đó quan điện tiền đô chỉ huy sứ Lý Công Uẩn lòng buồn rười. Ông lo cho số phận của hàng triệu sinh linh của đất nước này đang bị tên quỷ vương đe dọa.

Vua xem xong tờ sớ, lòng bồn thần quay hỏi thiền sư:

- Vậy chớ hoà thượng định làm lễ cầu siêu cho vong linh của Ngọa triều?

- Tâu hoàng thượng, đó là cái tâm của bần tăng.

- Hoà thượng giữ được cái tâm vô nhiễm thế là tốt. Cầu sao Phật độ cho chúng sinh hồi tâm tỉnh trí. Vua phê vào tờ sớ rồi đưa lại cho thiền sư Quách Ngang. Lại sai quan nội hầu ban cho thiền sư mười đỉnh bạc để sư làm lễ cầu siêu cho Lê Ngọa triều.

Tin hòa thượng Quách Ngang, người bị Lê Ngọa triều khi sinh thời đã róc mía trên đầu sư và phạt cụt một bên tai, nay lại đứng ra lập trai đàn cầu siêu cho kẻ bạo ngược ấy thì quả là một sự lạ. Lại còn chuyện vua Thuận Thiên ban cho sư mười đỉnh bạc thêm vào việc lập trai đàn cầu siêu cho Ngọa triều, cũng là một sự lạ được đồn thổi khắp trong ngoài thành Hoa Lư. Như thế có nghĩa rằng đức Thuận Thiên và người nhà Phật cùng có chung một tính thiện, hành xử theo cách “đĩ đức báo oán” tức là lấy ân mà trả oán để giải thoát cho chúng sinh. Thì vua chúa cũng là một chúng sinh, bởi Ngọa triều cũng là một con người chứ có khác gì. Mà với Ngọa triều thì y còn là một chúng sinh đầy trọc trọc, chưa tiến hoá.

Ở xóm đông kinh thành Hoa Lư có cư sĩ Mạnh Giác thờ Phật tại gia, ông là bậc thiện trí thức, thông tỏ mọi sự ở đời. Nghe nói, ông biết khá nhiều về lai lịch của vua Thuận Thiên. Ông nói với những người bà con xóm giềng đến dự khoá lễ chiều rằng: “Đức vua ta vốn là con Trời. Nghe nói mẫu thân ngài đi cắt cỏ trâu ở phía sau chùa Tiêu Sơn, gặp người thần giao cấu rồi sinh ra ngài. Ngài có uy nghi thiên tử từ lúc mới bẩm sinh. Đúng là Trời sai ngài xuống cứu nhân độ thế. Từ nay nước Nam ta mở mắt được rồi chứ không khốn đốn như thời hôn quân Ngọa triều nữa...”. Mọi người cứ há hốc mồm nghe ông Mạnh Giác kể về vị vua mới như kể truyện cổ tích.

Từ ngày Lý Công Uẩn được quần thần tôn phù lên ngôi cửu ngũ^[15], nhà vua lúc nào cũng lo lắng như người mặc áo cỏ khô ngồi bên đồng lửa.

Ngài lo cho dân sớm thoát cảnh lầm than. Lo sao cho đất nước yên ổn, không có trộm cướp, không có giặc giã. Lo sao cho việc hình án được rõ ràng, khoan giảm, để người dân không mắc vào vòng tội lỗi. Nhưng ngài cũng muốn thiên đô tới một nơi thoáng đãng. Kinh đô, theo ngài phải là nơi trung độ quy tụ được các vùng miền trong cả nước. Muốn vậy, kinh đô phải ở vào vị thế thuận tiện cho đường giao thông thủy bộ. Lại phải là nơi đông dân, sung túc, trù phú tiện cho việc nông việc công, việc thương và nhất là việc binh. Thế thì không đâu bằng vùng đất Đại La.

Nhìn lại, động Hoa Lư vừa nhỏ hẹp, vừa không thuận cho việc giao lưu. Đất chật, dân nghèo, thật không xứng làm đất đế đô. Và lại nhà Đinh, nhà Lê vừa lập nước, thế còn yếu lại luôn bị nhà Tống xâm lăng dọa nạt, nên phải dựa vào núi non, hang động hiểm trở cho dễ bề phòng bị. Nay thế nước đã khác xưa rồi. Ta khoan nói sức dân. Nhất định sức người sức của sẽ do đấy mà giàu thịnh lên. Còn như nhà Tống hiện đang lâm vào mặt thế. Cứ như biểu tượng trình của đoàn sứ giả ta cho sang Biện Kinh trở về, thì phía bắc nước Tống, đang bị quân Liêu uy hiếp nặng nề. Mà nội tình nước họ cũng lục đục, lo giữ nhà không xong, sao

còn dám dòm ngó đất ta. Chính lúc này mới là lúc cần phải dời đô ra giữa vùng trời đất bao la, để tỏ với thiên hạ sức mạnh của triều đại ta.

Nhà vua xăm xăm mở trap lấy ra bức hoạ đồ do ngài tự hoạ về vùng đất Đại La. Nom hình vẽ, vua hình dung rất rõ nơi mà ngài có ý lựa chọn để dời đô. Nhà vua thầm nhủ: “Đây mới đúng là đất để đô của muôn đời. Và chẳng ta lên ngôi, vừa thuận mệnh Trời, vừa hợp lòng dân. Nay Trời lại ban cho miền thẳng địa này để định đô. Thế chẳng phải là THIÊN-ĐỊA-NHÂN đều dung hợp cả sao?”.

Vua đem ý định dời đô tham bác ý tứ các quan. Lại sai tòa khâm thiên giám thử chiếu trong hoạ đồ với phân dã của các sao, xem kinh đô của ta sẽ nằm trong khu vực của sao nào sao nào, để còn xem xét sự vắn xoay của vũ trụ mà lường biết hoạ phúc của người.

Qua dò thăm ý tứ các quan mấy lần, vua bèn nhóm một buổi thiết triều. Mở đầu, vua nói:

- Trẫm muốn nhân địa lợi của thành Đại La mà dời đô, như đã nhiều lần nói với các quan. Chẳng hay ý các quan thế nào? Và chẳng, vua Vũ nhà Chu xưa đã từng dạy, chọn đô phải: “Chọn ở nơi bằng phẳng thì vô sự”.

Vậy chớ Đại La không phải là đất bằng phẳng sao? Vua đưa mắt hỏi quần thần.

Quan Thái phó Đặng Văn Hiếu bước ra khỏi ban tâu:

- Bệ hạ vì thiên hạ mà lập kế dài lâu, để trên cho công nghiệp to lớn được thịnh vượng, dưới cho dân được giàu của, nhiều người, việc lợi như thế, ai không dám không theo.

Quan Thái phó vừa dứt lời, quan Thái bảo Đào Thạc Phụ liền tiếp:

- Bệ hạ anh minh xét suy sau trước, định đô nơi linh địa ấy, dân sẽ được hưởng phúc muôn đời. Và chẳng triều đình của một nước, không thể cứ úi xui ở nơi sơn động như thế này mãi được. Lại như việc dụng binh thì Đại La là nơi đất bằng mà rộng rãi. Phía đông bắc có sông Cái ngăn cách, thời thanh bình thì nom nó như một dải lụa hồng đào xen giữa rừng xanh và đồng lúa bạt ngàn; thời tranh chiến với giặc ngoại xâm, thì nó là một lưỡi gươm thần chém thẳng vào đại binh của giặc. Phía tây nam có dãy núi Tản làm bức tường thành, tiến lui, công thủ hai đường đều ưu thế cả.

Bệ hạ đã có chủ kiến, tưởng nên kíp sai người về Đại La, lo xây cất cung điện, dinh thự sớm đi, để việc lớn mau thành.

Quan lệnh thư gia là Lương Thức, người của triều trước còn được lưu dụng, bước ra khỏi ban tâu:

- Bệ hạ tính kế trường tồn như vậy là chí phải, song thần trộm nghĩ, nhà Đinh dựng nước, nhà Lê mở mang, công ấy không phải là nhỏ. Hiềm vì Ngọa vương thất đức, nên trời bắt tuyệt diệt. Nay bệ hạ vì đức lớn mà được nước. Khắp bốn phương dân chúng đều như gà phải cáo, run sợ trông chờ ơn mưa móc của bệ hạ. Sợ rằng dời đô trong lúc này chưa thuận lòng người. Vì rằng dưới triều Lê Long Đĩnh, dân đã bị sưu cao thuế nặng, phu phen tạp dịch vất đến kiệt sức. Và lại các điện Phong Lưu, Tứ Hoa, Trường Xuân, Đại Vân... đã thật là sang quý. Còn như điện Bách Bảo Thiên Tuế tưởng đã đạt tới sự cùng xa cực xỉ. Vậy theo thiên ý của thần, chưa nên dời đô trong lúc này, xin bệ hạ lượng xét.

Phần nhiều các quan đều dựa vào ý của quan Thái phó, Thái bảo mà bàn rộng ra. Vua mừng lắm, nhưng vẫn chưa quyết. Lại một bữa khác, vua tuyên triệu đại triều hội, và cung thỉnh vài vị tăng thống đạo cao đức trọng về triều tham vấn.

Lâm triều, vua ban ý:

- Nhà Đinh, nhà Lê đã có công nhất thống thiên hạ, giang sơn thu về một mối, khiến nhà Tống cũng phải nể phục, và không dám dòm dò đất nước ta nữa.

Các triều đại ấy đều mở nghiệp và dựng nghiệp tại đất Hoa Lư này. Nơi đây, đã tạo lập biết bao lầu son gác tía, cung vàng điện ngọc nguy nga, muôn đời sau còn ghi nhớ. Nhưng sao đức nghiệp các triều đại ấy không tỏa sáng, truyền nối không được dài lâu. Trong nước thì các chúa động người Man không phục, đó đây vẫn nổi lên chống lại triều đình. Cõi xa như Lão Qua, Lâm Ấp, Chân Lạp không thần phục. Việc tiến cống họ đã lơ là, lại còn đem quân quấy nhiễu miền biên viễn, làm cho biên dân ta vô cùng điêu hạo. Phải chăng đất này không thuận cho việc trị bình, không hội đủ anh linh tú khí, không phải là nơi chốn tiêu biểu cho một quốc gia hùng cường. Lòng ta vẫn muốn thiên đô về Đại La, như nhiều lần đã bàn bạc với các

khanh. Bởi Đại La đất vừa rộng vừa bằng phẳng, vừa thuận tiện đường xe thuyền vào ra thủy bộ, vừa là nơi trung độ của cả nước. Tuy việc dời đô là rất tốn kém, vậy ý các khanh thế nào?

Ngừng một lát, như để dò thăm ý tứ các quan, xem việc thiên đô có làm cho họ phật lòng, có gây xáo trộn không. Nhìn khắp lượt, không thấy có dấu hiệu gì tỏ ra khác thường, nhà vua lại nói:

- Việc này, ta cầu lời nói thẳng, các khanh thử xem xét, cân nhắc lợi hại, cứ thực ý tỏ bày. Đây là việc quốc gia trọng đại, có quan hệ đến vận mệnh dài lâu của nước, chứ không phải việc riêng của nhà ta. Cũng không phải là việc riêng của một triều đại nào, mà nó chính là rường mối trường cửu, có quan hệ đến sinh mệnh toàn dân tộc; bởi vậy các khanh cứ bàn thảo cho ra nhẽ.

Nếu lần này, ý các khanh đều cho là chưa nên thiên đô, thời ta lập tức bỏ ý định thiên đô, vì rằng ta lấy sự hiệp thông trên dưới làm trọng, lấy xã tắc làm trọng. Nào, các khanh nói đi, không việc gì phải tìm ý lựa lời để làm đẹp lòng ta.

Triều hội im phăng phắc. Không khí bỗng chốc trở nên nặng nề khiến nhà vua có vẻ lo lắng.

Quan Ngự sử Phạm Khiêm Ích bước ra khỏi ban đầu:

- Muôn tâu bệ hạ, cứ như cái nhẽ nông sâu bệ hạ vừa phân tỏ, thời ý bệ hạ đã muốn dời đô tới tám chín phần rồi. Nhưng bệ hạ cho nói, thần cứ thực bụng tâu bày. Đúng là đất Hoa Lư nhỏ hẹp, đường bộ hiểm trở, đường sông thì ngắn, đường biển phải qua cửa Phúc Thành sóng nước dữ dằn, không năm nào không có tai họa. Quả thật đất này chỉ hợp với nước nhỏ, thế yếu phải dựa vào nơi sơn động để thủ thế, để ẩn tránh. Bởi thế việc dời đô là cần, nhưng theo ý thần, ta chưa nên làm vào lúc này.

- Vì sao vậy? – Vua hỏi.

- Tâu bệ hạ, Lê Ngọa triều tuy hoang dân và tàn bạo, nhưng công nghiệp của Đại hành^[16] hoàng đế lớn lắm. Kể từ nhà Ngô đánh đuổi quân Nam Hán lấy lại nước, đến nhà Đinh dẹp yên loạn thập nhị sứ quân, giang san thu về một mối, làm cho non sông rạng rỡ, rửa được mối nhục mất nước cả ngàn năm. Nhưng thử hỏi không có Đại hành hoàng đế chém tướng giặc Hầu Nhân Bảo trên vùng ải bắc Chi Lăng, đuổi lũ Trần Khâm Tộ, Tôn Toàn Hưng chạy như vịt, bắt bọn Quách Quân Biện, Triệu Phụng Hưng đưa về Hoa Lư cầm tù ra uy với nhà Tống sao có thể giữ yên bờ cõi. Tiến vào nam, cũng chỉ một trận là đập đổ thành trì, quét sạch vua tôi nước Champa hỗn hào, lập lại kỷ cương, khiến quân kia không dám xâm phạm cõi giới nước ta nữa. Võ công hiển hách ấy, tưởng đến Hán Cao tổ, Đường Thái tông cũng không hơn được. Chỉ tiếc các con của Đại hành không nối được chí cha, làm các điều càn rỡ khiến đế nghiệp tan tành, non sông nghiêng ngả. Ta vừa lấy nước của con cháu người ta, lại xóa sạch cả cơ đồ người ta tạo dựng, e có gì sái với huân nghiệp mà đức Đại hành đã cung hiến cho đất nước chăng?

Quan Ngự sử vừa dứt lời, quan Hữu điện tiền chỉ huy sứ Nguyễn Đê bị quan Tả tham tri huých nhẹ vào mạng sườn, ghé tai nói nhỏ:

- Ông là người đồng quân ngũ với nhà vua, lại cũng gần gũi với Lê Ngọa triều, ý tứ ông thế nào cứ nói huých toẹt ra có được không. Và lại như vua Bàn Canh nhà Thương, khi ông ta đã quyết dời đô, thì dù cả giới quý tộc có chống lại, ông ta vẫn cứ dời. Và sau đó nhà Thương trở nên cường thịnh suốt hai trăm năm sau không phải dời đô nữa.

Thế là Điện tiền chỉ huy sứ bước ra khỏi ban:

- Tâu bệ hạ, thưa các đồng liệt, quan ngự sử nói về huân nghiệp của đức Đại hành tỏ sáng như ban ngày, ai mà không kính giữ. Công ấy sẽ được ghi vào sử sách, muôn đời sau không mây may phai nhạt. Nhưng nói vậy, vẫn là nói theo đạo lý, chứ cứ thực như tôi với đức vua ta đây năm giữ quân cận vệ, gần gũi hôn quân, thời tôi thấy tội ác của chế độ bạo trị Lê Ngọa triều gieo rắc trong muôn dân, gieo rắc cả trong triều nội, thì đến trời cũng không dung, mà đất cũng không tha được, huống chi lòng người. Cho nên thiên đô là phải. Ngoài cái lợi như bệ hạ đã bày tỏ, tôi còn muốn đi cho khuất mắt, sớm ngày nào hay ngày ấy. Nói xong ông vái nhà vua hai vái, lại quay ra xá các quan một xá. Ai cũng khen ông ta bộc trực mà nho nhã như một bậc văn thần.

Lý Công Uẩn lại đảo mắt nhìn xem các quan có ai còn muốn nói. Trong lòng nhà vua vừa mừng vừa lo, thật tình tâm quân không muốn làm điều gì thất đức. Nhưng việc ổn định cương thống của một triều đại

không thể không làm sớm. Chợt thấy quan Thái phó Đặng Văn Hiếu đang nhấp nhồm, vua bèn vẫy tay cho nói. Hiếu bước ra khỏi ban:

- Tâu bệ hạ, đô thành là bộ mặt của một quốc gia. Nước Việt ta hiện đủ mạnh để rời khỏi miền sơn động. Ý của bệ hạ là sáng suốt, tưởng không nên khư khư giữ lấy cái đức nhỏ mà bỏ mất cái đạo lớn của một nước. Nếu để tỏ lòng kính ngưỡng với huân nghiệp của đức Đinh Tiên hoàng và Lê Đại hành, không gì bằng lập đền thờ hai vị ngay tại cung điện này, sau khi triều đại mới đã dời đi nơi khác. Và đặt chức lễ quan cùng một ngàn mẫu ruộng dùng vào việc nổi dời thờ tự các vị. Nói xong, quan Thái phó lui về ban ngồi.

Các quan đều xem lời quan Thái phó hợp lòng người, thuận theo đạo trời nên không ai bàn bạc gì thêm nữa.

Vua Thuận Thiên cũng lấy làm đẹp ý. Thực tình nhà vua không ngờ mọi việc lại êm xuôi, mau lẹ đến thế. Vốn kính trọng Đa Bảo thiền sư, và cũng cho việc dời đô là việc hệ trọng của một triều đại, nên trong cuộc luận bàn có tính xác quyết này, nhà vua cho thỉnh thiền sư đến tham vấn. Từ lúc khai triều tới giờ, thiền sư vẫn an tọa trên chiếc thái sư ý mà nhà vua cho kê bên tả chỗ ngài ngồi, tức là chiếc ghế cầu hiền. Thiền sư ngồi kiết già, đôi mắt khép hờ như người thiếp ngủ. Thiền sư vận áo cà sa màu vàng, đầu đội mũ hoa sen, cây thiền trượng dựng cạnh ghế. Gương mặt ngài an nhiên siêu thoát, nom ngài như một đức Phật sống. Nhà vua chợt nhớ hồi còn là một chú tiểu tăng gặp ngài về kiết hạ ở chùa Khai Quốc. Vừa trông thấy, ngài gọi lại gần dạy:

- Ta trông người cốt cách tuấn tú phi phàm, mai sau tất sẽ đứng đầu thiên hạ.

Lý Công Uẩn cả kinh sụp lạy:

- Bạch hoà thượng, đấng thánh minh hiện đang ở ngôi, thiên hạ thái bình, có sao đại sư lại dạy bảo những lời diệt tộc như vậy.

Hòa thượng mỉm cười đáp:

- Mệnh trời đã định, trốn tránh sao được. Nếu quả như nhời bàn tăng, mai này xin nhớ đến nhau.

Đến đây lời tiên đoán của Đa Bảo thiền sư cũng như của Vạn Hạnh thiền sư đều đã ứng nghiệm. Nhà vua không thể không nhớ đến con mắt nhìn suốt tám cõi của các bậc đại lão thiền sư.

Lạ thay, nhà vua vừa dừng ý nghĩ, đại sư mở bừng mắt nhìn mọi người, nhìn vua. Mắt thiền sư phát ra một thứ ánh sáng dịu mát, khiến mọi người đều có chung một cảm giác hoà ái. Vua Thuận Thiên đứng bật dậy vái đại sư hai vái, và nói:

- Kính thỉnh đại lão hoà thượng, xin hoà thượng ban cho trăm đôi lời.

Hòa thượng với tay nắm lấy cây thiền trượng ung dung đứng thẳng người dậy, gõ cây thiền trượng xuống nền điện ba lần, đi lại vài bước, chợt dừng trước ghế, vái đáp lễ nhà vua hai vái, ngài nói:

- Tâu bệ hạ, việc dời đô cũng như việc thay áo. Áo cũ đã rách vá, lại chật, thì phải may áo mới, có phải không thưa chư vị. Câu nói khôi hài của đại sư khiến mọi người cười ồ. Và vì thế mọi sự trở nên nhẹ nhàng. Sư nói tiếp: – Họ Hồng Bàng từ khi lập nước Văn Lang^[17] kế tiếp các đời vua Hùng đều đóng đô ở đất Phong Châu, kể tới hơn hai ngàn sáu trăm năm.

Nhưng khi Thục An Dương vương^[18] lập ra nhà nước Âu Lạc, lại dời đô về đất Phong Khê tức Cổ Loa thành. Rồi đến Trưng nữ vương^[19] đánh đuổi bọn đô hộ nhà Hán, lại thiên đô về Mê Linh. Và đến nhà tiền Lý, nhà Triệu^[20] khôi phục đất nước, đóng đô ở Long Biên. Tới khi nhà Ngô^[21] đuổi bọn đô hộ nhà Hậu Tấn, lại đem đô về đóng tại Cổ Loa thành. Kịp khi Đinh Bộ Lĩnh^[22] dẹp yên mười hai sứ quân, nhất thống sơn hà, đô thành được đưa về Hoa Lư. Khi nhà Lê^[23] tiếp nối, đức Đại hành hoàng đế vẫn giữ đất này làm kinh sư và bây giờ, đương kim hoàng thượng có dời đô về Đại La, là miền đất bằng phẳng ở giữa quốc gia, thời cũng là việc đương nhiên như các triều đại trước đã làm. Ngu ý của bàn tăng, việc gì mà lợi cho dân cho nước, thì khó mấy cũng nên làm, còn việc gì thiệt dân, hại nước để thu lợi về cho một số người, thì dễ mấy cũng cứ nên bỏ.

Nếu nhìn sang láng giềng, thì nhà Ân từ đất Bặc đã chuyển đô tới bốn lần đi nơi khác mà vẫn còn muốn

chuyển nữa. Nhà Chu^[24] cũng thiên đô từ phía tây về phía đông. Như Chu Công nói: “Tìm đất dựng đài thành ở chỗ giữa thiên hạ, đã là vị vua sáng của dân rồi, còn phải bàn thêm gì nữa”. Huống chi Đại La là thắng địa, là linh địa, phương Bắc thềm rỏ rãi ra mà không nuốt được. Cao Biền đào, khơi biết bao ngòi, hồ những mong đứt long mạch làm cho đất này tuyệt diệt. Thế nhưng âm mưu cơ hiểm của một nhóm người, sao chống lại được mệnh trời. Vậy chứ ta còn gì nữa để bàn? – Nói xong Hoà thượng ngồi xuống ghế, mắt khép hờ. Nom hoà thượng như mơ như thực.

Tối đây, vua Thuận Thiên bèn quyết việc dời đô về Đại La. Điều cốt yếu là công việc xây cất, bao giờ hoàn tất, triều đình sẽ dời chuyển.

Lại nói về đám cầu siêu cho Ngọa vương Lê Long Đĩnh do hoà thượng Quách Ngang đứng ra lo lễ lạy đàn chay, và đích thân thiền sư làm chủ lễ. Hành vi quảng độ lấy ân trả oán của sư, khiến không chỉ dân chúng đem lòng kính ái, mà ngay giới tu hành, giới quan lại, thế gia cũng suy tôn sư như một vị Bồ tát tại thế^[25].

Mặc dù kính trọng thiền sư Quách Ngang, song không vì thế mà dân chúng kính thành Hoa Lư có thể tha thứ cho Ngọa vương Lê Long Đĩnh.

Bởi vậy đám cầu siêu vắng ngắt. Ngoài vài chục nhà sư chay đàn, với ít chú tiểu tăng dùng vào việc sai vặt, dân chúng tịnh không một người lai vãng tới chốn đàn chay. Ngay những người hành khất cũng không thềm tới lấy đồ bố thí. Dân chúng cho đây cũng là một sự lạ chưa từng thấy.

Thiền sư Quách Ngang biết nghiệp căn của Lê Long Đĩnh quá nặng. Nhà vua đã gây biết bao tội ác, vì vậy việc trì tụng phải kéo tới bảy ngày đêm.

Lễ cầu siêu cho Ngọa vương vừa dứt, chợt có người nhớ ra từ lâu không gặp lão thi nhân (mà dân chúng thường gọi là “ông đồ gàn”) Phạm Tổ Thu ở đâu cả.

Bỗng ai đó nói, nhà thơ bị tổng giam tù cách đây hai tháng. Thật ra thì suốt đời ông là một kiếp lưu đày. Ông sống trong triều đình của Lê Long Đĩnh như sống giữa một bầy hổ, mà con hổ thọt ác hiểm nhất lại chính là nhà vua.

Mọi người đổ xô về phía các chuồng nuôi nhốt ác thú để tìm nhà thơ. Nhưng các chuồng cũi nhốt ác thú để hành hình tội nhân đã được vua Thuận Thiên sai tháo cũi, sổ chuồng cho chúng về lại chốn sơn lâm ngay từ bữa ngài mới đăng quang. Bởi vậy, chỉ còn trơ lại những dãy chuồng rỗng không.

Biết thế, nhưng mọi người vẫn cứ ngơ ngác kiếm tìm. Chợt có ai đó reo lên:

- Đây kia còn một chuồng nữa. Đó là một gian chuồng nằm khuất lấp vì có mòm núi nhô ra che chắn. Gian chuồng nhốt những con khỉ đít đỏ to cao ngang với thân người. Trong thoáng lát, mọi người đã kéo đến vây kín gian chuồng khỉ. Chỉ thuần khỉ là khỉ, không hề thấy bóng dáng nhà thơ. Những con khỉ đột, lông lá bù xù, quần tụ nhau ở một góc chuồng. Đây là gian chuồng thú bỏ sót, không có ai phá cửa cho chúng ra. Và cũng chẳng có ai cho chúng ăn uống gì. Vì sao chúng còn sống được tới nay, kể cũng là một sự lạ nữa.

Ai nấy đang bàn tán, chắc nhà thơ bị nhốt chung vào chuồng hổ, báo nên bị chúng ăn thịt lâu rồi.

Trời không có gió mà các ngọn cây rung động ào ào. Mọi người ngược nhìn, thấy cơ man nào là khỉ ở trên đỉnh các lùm cây. Và chúng trút xuống gian chuồng khỉ những trái cây đỏ mọng, những bắp ngô vàng ươm, những củ khoai, những bông lúa... Các thứ củ, quả, hoa trái làm đồ ăn do bọn chúng trút xuống, rơi bắn tứ tung cả vào đầu vào mặt những người đứng vây quanh chuồng khỉ, khiến họ phải chạy dạt ra để bọn khỉ tiếp lương nuôi nhau.

Những con khỉ đang ngồi buồn ủ rũ túm tụm vào nhau kia, chạy ùa đi tranh thức ăn, để lộ ra hình một mô đất cao, nom tựa tựa một nấm mồ.

Tới lúc này mọi người mới vỡ lẽ vì sao bầy khỉ bị nhốt chuồng, không có ai chăm sóc, cho ăn cho uống mà chúng vẫn sống được. Thì ra khỉ cũng là một loài vật có tình thương đồng loại.

Bỗng có ai đó lấy con dao quắm chặt vào những sợi mây song khoá buộc cổng. Cánh cổng mở bung ra. Nhưng không một con khỉ nào chịu rời đàn để về lại chốn sơn lâm.

Thấy vậy, mọi người hò la, ném đất, ném cây que vào chuồng, nhằm đuổi đàn khỉ ra phía cổng đã mở

toang. Nhưng chúng chống trả quyết liệt. Chúng cũng lượm đất, lượm đá ném lại đoàn người.

Mãi sau mọi người lấy củi đốt xung quanh khu chuồng trại, chỉ chừa lối cổng ra vào. Thấy lửa, đàn khỉ hoảng sợ, kêu thét chí choé, chạy lung tung, và cuối cùng thì cả đàn cũng ào chạy vào rừng như một đàn ong bốc bay vì mất ong chúa.

Đoàn người ủa vào trong lồng trại, trước họ là một gò đất do mỗi đùn nom giống hình một người nằm ngửa, chân co chân duỗi. Ai nấy đều cho là một sự lạ, đang cố đoán xem đây là điềm gì. Và có cái gì nằm trong gò mỗi này. Đang chưa hết ngạc nhiên thì ai nấy đều nhận ra, gò mỗi đang mỗi lúc một dâng cao, cao tới quá đầu, khiến người đứng bên này không nhìn thấy người đứng bên kia gò nữa. Mọi người hoảng hốt toan bỏ chạy, thì thấy chú hề cũ của Lê Ngọa triều từ đâu chạy xộc vào, tay cầm một bó hương đang bốc cháy đùng đùng. Chú hề vừa cắm bó hương vào gò mỗi vừa nói: “Hãy dừng lại, ông đồ gàn!”.

Một sự kì lạ nữa lại xảy ra trước mắt mọi người. Tức là khi lời nói của chú hề vừa dứt thì gò mỗi thôi không đùn lên nữa.

Chú hề miệng méo xệch, nước mắt chảy ròng ròng khẩn: “Ông đồ gàn Phạm Tổ Thu sống đại chết thiêng, chứng giám cho tấm lòng thành của thằng bạn hề này, trước sau vẫn tôn kính ông như một bậc thánh, như một người bạn vong niên...” – Lời khẩn lầm rầm mỗi lúc mỗi nhỏ đi không còn nghe được nữa. Khi chú hề vừa dừng lời, mọi người hỏi ngay:

- Cứ theo như nhời chú khẩn thì gò mỗi này chính là ngôi mộ của lão thi nhân Phạm Tổ Thu?

- Phải! – Chú hề xác nhận.

- Sao lại là như vậy, xin chú nói cho rõ ngọn ngành? – Một người hỏi.

Chú hề năn lại cho xô lệch vương khăn đội đầu, sửa lại cho xộc xệch thêm hàng khuy áo, rồi nói với giọng điệu nghiêm trang không có vẻ hề một chút nào.

- Hề tôi làm trò suốt đêm, ngày cũng không đủ cho cố hoàng thượng giải khuây. Vì thế, nhà vua cho vời lão thi nhân Phạm Tổ Thu đây, mà dân thường gọi yêu ông là “ông đồ gàn” vào cung, để đọc thơ cho vua nghe. Có khi còn làm thơ theo ý muốn của vua. Hoặc vua chỉ vào các đồ vật ra đề, bắt lão thi nhân phải vịnh thơ. Hoặc nhặt đâu được vế câu đối, bắt lão thi nhân phải đối. Thật ra nhà thơ được vời vào cung cấm, cũng tựa như ông bị trói buộc, giam cầm.

Hề tôi bèn hỏi: “Có phải lão thi nhân coi việc ở triều như ở tù không?” Ông cười khẩy đáp: “Cả cái xã hội này là một nhà tù vĩ đại. Vả lại lòng ta đã thành nhà tù rồi. Nhà tù trong lòng đã không xoá được thì thân ta ở đâu mà chẳng như ở tù”.

Lại một hôm vua chỉ vào chiếc lu đựng rượu, rồi hất hàm bảo lão thi nhân:

- Mà yĩnh cái này tao xem.

Nhà thơ ứng khẩu đọc luôn:

Cái lu mà yĩnh quá chừng,

Bụng to mồm bé ăn dưng ở rồi.

Bao nhiêu của cải trên đời,

Mình mà y nuốt sạch dân thời đói so.

Vua vỗ đùi đen đét khen: “Hay chả là hay!”.

Nhưng rồi tên hề nịnh, vít cổ vua xuống nói thầm: “Lão thi nhân xỏ xiên nhà vua đấy. Nó ám chỉ vua ăn hết của dân. Thế mà không trị tội lại còn khen hay”.

Lập tức nhà vua đập long án quát:

- Lôi cổ nó ra đánh một trăm trượng.

Các quan xúm vào khuyên can không được. Nhà thơ xin được nói, vua không cho. Nhưng ngài cho đổi hình phạt. Tức là sai lột hết quần áo rồi lấy bàn chông sắt chà khắp người. Đau quá, nhà thơ la hét, rồi réo gọi tên bố vua ra chửi.

Vua thích chí cười sằng sặc. Lại sai chà xát thật đau cho nhà thơ luôn miệng chửi bố mình. Trò chơi man rợ ấy kéo dài mãi rồi vua cũng chán, cũng mệt. Vua sai đem nhốt lão thi nhân vào chuồng hổ.

Bữa ấy bọn lính hổ bôn được vua cho uống say, nhẽ ra chúng phải nhốt nhà thơ vào chuồng hổ, thì chúng

lại nhốt nhăm ông vào chuồng khỉ. Nói đến đây, chú hề liền thả ra một điệu cười hích hích. Rồi lại ôm mặt khóc hu hu. Một lát chú nói tiếp: – Hề tôi vốn phục tài lão thi nhân. Bởi chỉ có lão thi nhân mới dám chửi thẳng vào mặt vua bằng những vần thơ hóc hiểm như thế. Thật ra, vua của tôi ngu lắm, có biết biện biệt hay dở thế nào đâu mà khen chê thưởng phạt, nếu không có mấy tên cận thần khuyến mãi nịnh hót mách bảo cho.

Thương tình cùng là cánh áo ngấn, đi hầu hạ chốn cung đình, chẳng may mắc nạn, tôi bèn tìm đến mấy dãy chuồng hổ, thử xem có còn sót lại chiếc xương nào thì lượm về mai táng cho bác ấy. Nhưng chẳng thấy một dấu vết gì. Tôi thầm nghĩ: “Thế là nó ăn hết cả xương rồi”. Tôi vừa khóc vừa đi lang thang về phía này. Bỗng nghe văng vẳng tiếng người ngâm thơ. Giọng giống hệt giọng “ông đồ gàn”. Thế là tôi chạy như bay như biến lại phía chuồng khỉ này. Cảnh tượng diễn ra thật lạ lùng. “Ông đồ gàn” ngồi vắt vẻo giữa chạc cây trong gian chuồng, cao giọng đọc thơ. Còn lũ khỉ ngồi tất cả dưới mặt đất như một lũ học trò ngoan ngoãn nghe thầy giảng kinh sách thánh hiền. Nhiều con nước mắt chảy hoen đầy mặt. Chắc là chúng nó xúc động bởi lời thơ. Chú hề ghìm trong họng một tiếng thở dài. Ngừng một lát, hề lại nói: – Lạ thật, đến lũ khỉ còn cảm nhận được cái hay của thơ “ông đồ gàn”, thế mà đức vua của tôi thì không chịu nổi, lại giết ông cũng bởi các vần thơ ấy. Tôi cứ đứng nghe mãi tới khi đàn khỉ đánh hơi thấy người lạ, chúng chạy dạt về một phía, khiến lão thi nhân nhìn thấy tôi. Ông mừng quá, reo lên:

- Chú hề, chú đến đây làm gì vậy?

- Tôi đi tìm bác. Vẫn nghĩ bác bị hổ ăn thịt rồi.

- Khốn nạn thân tôi, lũ lính say rượu dẫn tôi vào đây chứ không tống tôi vào chuồng cọp, nên lại phải sống.

- Thế lũ khỉ có làm phiền gì bác không?

- Lúc đầu thì có đấy. Mấy con khỉ đực đầu đàn xúm vào nạt nộ. Tôi mặc kệ chẳng thèm nói gì, chỉ cất giọng ngâm thơ. Không ngờ khi nghe thơ, mặt chúng dịu lại, rồi chúng nằm phủ phục ngay dưới chân tôi. Những con khác cũng ngoan ngoãn kéo nhau đến nằm kề.

Nghe nhà thơ nói chú hề cười ngật cười ngoẹo:

- Thế thì tôi cam đoan với bác, cụ tổ của loài khỉ này nhất định phải là một đại thi hào.

Người đứng trong chuồng kẻ ngoài chuồng nói chuyện mãi. Tôi thấy gương mặt lão gợn lên niềm vui sướng, mà những năm tháng sống trong triều đình, chưa bao giờ lão có niềm vui ấy.

Chú hề lúc lắc cái đầu, nói tiếp: – Hôm sau tôi đến thì thấy lũ khỉ trên rừng kéo nhau về nghe lão thi nhân ngâm thơ, bu kín cả gian chuồng. Vừa thấy tôi, cả bọn tức giận, chúng xô đuổi tôi chạy bán sống bán chết. Sợ quá, hôm sau tôi không đến nữa. Qua mấy ngày được biết lũ lính hổ bôn đã tìm ra ông, định đem ông vớt sang chuồng hổ. Nhưng lũ khỉ xúm vào cắn xé đám lính để cứu nhà thơ. Bọn lính tức giận rút gươm chém chết nhà thơ, rồi bỏ đi.

Chắc là lũ khỉ lôi ông về đặt nằm trên doi đất này. May ông chết gặp giờ linh, nên quan thổ thần sai âm binh đắp mả cho ông, mà người trần ta quen gọi là mối xông.

Sau này dân chúng Hoa Lư thương quý ông, đem đá xếp bao quanh gò mối ở chân núi Mã Yên. Các nhà gom góp gạch ngói đem đến xây ngôi miếu trước gò thờ ông. Mấy người có chữ nghĩa bàn nhau nên đặt tên miếu như thế nào. Người bảo nên đặt là “Trung liệt miếu”, với cớ rằng lão thi nhân Phạm Tổ Thu xứng đáng đứng vào hàng những người trung liệt. Người khác lại bác ngay, bởi nhà thơ đâu phải đũa ngu trung. Lập tức có người bảo thế thì phải đặt là “Văn Thánh linh miếu”... Nhiều tên lắm, tên nào hề tôi nghe cũng thấy hay cả. Chợt có người như sức nhớ ra bèn nói: “Phải nên tránh cái tên “văn”, tên “thơ” vì sinh thời Lê Ngọa triều vốn ghét loại người này lắm. Nhỡ tái kiếp, ông ta lại đập miếu nhà thơ mất. Chi bằng ta cứ lấy một cái tên dung dị như “Thổ thần linh miếu” chẳng hạn. Và lại, đây chỉ là một ngôi miếu nhỏ cho người đời hương khói, chứ nhà thơ có bao giờ sống nơi đền miếu”. Ai nấy đều cho là phải, vì chẳng biết thời thế đổi thay thế nào.

Kể xong, chú hề lấy tay áo chùi nước mắt. Mọi người hỏi:

- Bây giờ hề có được vào điện hầu vua mới nữa không?

- Không. Đức Thuận Thiên bảo triều đình là chốn trang nghiêm, là nơi bàn quốc sự, không thể để cho hề

tôi vào đây nói leo, pha trò nhại các quan như thời vua Ngọa triều được. Nhà vua đã cắt đất, lại phong tước lộc và ban cho tôi ba chữ “HOAN LẠC NHÂN”, chắc vua bảo tôi là kẻ suốt đời vui vẻ, nay mai tôi phải về quê quán. Chợt hề buông một tiếng thở dài: – Chỉ tiếc không được ở lại với lão thi nhân cùng ngôi miếu này.

Đêm tịch mịch, khí núi xông vào tận long sàng, khiến vua Thuận Thiên vừa chớp mắt đã lại tỉnh giấc. Tắm chân độn lông chim nhẹ bằng đã tụt xuống cuối giường. Nhà vua không kéo chăn đắp mà ngồi nhòm dậy. Ngồi tĩnh tọa giữa long sàng, tựa như khi ngồi kiết già hồi còn là một sa môn theo học thiền sư Vạn Hạnh nơi chùa Lục Tổ. Nhà vua nghe rõ từng hơi thở của mình, nghe rõ cả tiếng thì thầm của rừng cây ngay sát dưới chân hoàng thành. Tiếng mang tác rõ mồn một. Tiếng từng đàn lợn rừng chạy ào ào rung chuyển cả rừng cây, vách núi. Loáng đã bật văng, chỉ còn tiếng côn trùng rì rả như tiếng tí, tiếng trúc thoảng vương từ đâu đó. Đêm tĩnh lặng khiến nhà vua có cảm giác mơ hồ, như ngài đang sống trong một thế giới hư ảo, nơi tầng trời Đâu suất của ba ngàn Thế giới Phật. Phải tới mấy giây sau nhà vua mới nhớ lại buổi thiết triều sớm nay. Những tưởng vẫn còn những cự thần nhà Lê, vì lòng luyến nhớ chủ cũ, không muốn rời khỏi nơi sơn động này. Ai ngờ việc lại sớm êm thuận. Có đúng mọi người cũng thấy ở đây là bất tiện cho một quốc gia đang trong vận hội mở mang; hay vì các quan ngại ta, sợ oai ta nên cũng dâng lời tán dương cho qua chuyện. Rồi họ lại ngấm ngầm phản bác lại ta. Nhà vua tự hỏi. Và tự trả lời: – Ta đã dò thăm ý tứ từng người, sâu nông đều có cả, rồi mới bày tỏ sự lợi hại của việc dời đô qua mấy buổi thiết triều cho các quan bàn bạc.

Nói cho đúng thì cung điện Hoa Lư không phải là không đẹp. Bách Bảo Thiên Tuế là điện coi châu, đức Lê Đại hành cho dựng rất nguy nga, các cột đều dát vàng dát bạc rực rỡ, thềm cao chín bậc lát đá huyền. Mái điện lợp ngói hoàng lưu ly. Rồi các điện Phong Lưu, điện Tử Hoa, điện Bồng Lai, điện Cực Lạc, lầu Đại Vân... Điện, lầu nào cũng lộng lẫy không kém điện Bách Bảo Thiên Tuế. Nhất là điện Trường Xuân – nơi Lê Đại hành ngủ nghỉ thì cột dát bằng vàng, ngói lợp bằng bạc. Cách ăn ở này đã đạt tới tột cùng của sự xa hoa. Nay phải rời bỏ những cung điện, những lầu các đình tạ như thế này, sao ta không tiếc. Nhưng không thể không rời bỏ chúng. Vả lại, tâm nguyện của bá quan và trăm họ khi tôn ta lên ngôi cửu ngũ là mong ta đem lại cho dân, cho nước sự an lạc và giàu thịnh, chớ đâu họ có ý đặt ta vào ngôi vị ấy để ta thụ hưởng dục lạc.

Mặc dù nhiều cung điện sang quý, nhưng Hoa Lư cũng chỉ là nơi xó rừng, góc núi, không thể là bộ mặt của một quốc gia.

Dời đô, việc lớn đó coi như đã tạm yên. Cái còn lại trong lúc này là công việc của đám thợ sơn trảng, thợ mộc, thợ chạm, thợ hồ, thợ sơn vẽ... Tất cả đều phải gấp gáp nhưng lại phải làm đúng như bản họa mà thiền sư Vạn Hạnh đã dựng công bày xếp theo Thái cực đồ.

Mặc dù từ lâu Đại La đã là một lỵ sở, một đô thị, nhưng để trở thành quốc đô thì còn phải sắp xếp lại, phải xây cất thêm nhiều lắm. Vì vậy, từ mấy tháng nay ta đã cho xây đắp hoàng thành, xây cất các nơi đồn đóng quân cơ, các kho tích chứa quân lương, khí giới. Các đường đi lối lại, một phần làm mới, nhưng chủ yếu là ta sửa và mở rộng đường cũ sao cho xe song mã, xe tứ mã có thể tránh nhau, cho kiệu có thể quay tròn không vướng mắc. Và hệ thống đường thủy như kênh lạch nối từ trong thành ra hồ Dâm Đàm, ra sông Tô Lịch, sông Cái để thuyền bè ra vào được thuận tiện.

Các việc bây giờ phải dồn sức vào là dựng điện thiết triều, nhà thái miếu^[26], điện chí kính^[27], điện kính thiên^[28] cùng các cung thất.

Trù liệu việc dời đô xong, nhà vua nhắm tính các việc phải làm tiếp để phân phái về cho các đài, sảnh, viện. Chẳng hạn như việc cấp phát tiền gạo cho dân lưu tán dưới thời Lê Ngọa triều trở về quê cũ làm ăn. Đánh rằng ngân khố, quốc khố đều trống rỗng, ta đã có chiếu kêu gọi các nhà hào phú cho vay và họ đã ứng hợp ngoài sự mong đợi của ta. Cái chính lúc này là phải kiểm xét sự cấp phát tiền đó có đến tay người dân không, hay vẫn bị bọn nha lại, bọn hào lý ăn chặn như ở thế chế cũ. Lại nữa để cho dân khỏi thiếu đói, thời phải khích lệ dân chúng khai khẩn đất hoang hoá, bãi bồi. Ai khai khẩn được bao nhiêu, cho giữ làm tư điền, lại miễn thuế từ ba đến năm năm, gặp chỗ khó khăn gai góc hoặc đất bạc màu thì miễn thuế từ bảy đến mười năm. Rồi những người quan, quả cô đơn thì ai cứu giúp, ai nuôi nấng? Chẳng nhẽ triều đình bỏ

mặt họ đói rét, lang thang cơ cực lúc tuổi già, khi đau yếu? Lại việc học hành của con cái các nhà lương dân thì ai dạy, và chúng học ở đâu? Nhẽ nào triều đại mới không làm được việc gì để người dân nhìn thấy và sờ thấy được ư? Nhà Lý hay nhà Lê đối với người dân, rốt cuộc vẫn chỉ là miếng cơm manh áo. Tất cả các việc đó cùng với việc triều đình tha tô thuế trong ba năm liền, kể từ năm Canh Tuất (1010) này, nhà vua đã trao cho Trung thư sảnh thảo chiếu và đã bố cáo cho toàn thiên hạ biết chính sách mới của triều đình. Không những thế, nhà vua còn ban khoản về bộ máy của triều đình, nhất là các xã quan, đôi khi cả quan châu, quan lộ nhiều người còn chưa biết chữ, sổ sách xuất nhập là những cuộn dây thừng với các nút buộc thắt khác nhau. Vì vậy phải đẩy nhanh việc học thời mới có người có học vấn tham gia vào bộ máy cai trị quốc gia.

Nhà vua chợt nhớ bữa gặp thiền sư Vạn Hạnh gần đây, thầy lại răn: “Nhà vua hãy sên kiệm việc ban phát cho dân chúng các lời hay ý đẹp, mà họ thường coi như các đồ xa xỉ, không dùng vào việc gì được đâu. Hãy gắng lo cho họ những cái nhỏ nhất nhưng họ cần trong cuộc sống hàng ngày”.

Và nữa, việc giáo hoá chính các con ta, sao cho chúng giữ được cái tâm thiện, giữ được bản tính cần cù, kiệm ước, không vì được ở chốn quyền môn mà tác yêu tác quái, coi dân như cỏ rác. Hoặc giả kéo bè kết cánh với đám con cái nhà thế gia vọng tộc, mà phê phỡn, đàn đấm. Ta được quần thần cảm mến, người trong nước yêu trọng mà cho ở ngôi cao. Thật là đại phúc. Nhưng biết đâu cái hoạ chẳng đang rình rập ta từng bước. Ta không biết làm gì để chống lại các điều bất hạnh, cũng chẳng có pháp thuật gì để giữ mình ngoài các việc lo cho dân, cho nước để dân no ấm và họ tự giữ lấy nhà, giữ lấy nước. Ngoài việc giáo hoá nghiệp thiện cho dân và hoằng dương Phật pháp, để dân giữ Đạo, ta chẳng biết làm gì hơn nữa. Nhà vua đang miên viễn với những suy tư chất chứa, thì từ đâu đó ném ra một tiếng gáy gà rừng, rồi lũ gà nhà khắp kinh thành eo óc gáy theo. Đêm tĩnh lặng, tiếng gà gáy như tiếng nhạc cầm canh. Tiếng gà gáy, như gọi lại ký ức nhà vua những năm thơ trẻ trong tuổi hàn vi, nơi chùa Kiến Sơ, rồi chùa Lục Tổ. Khổ làm, khổ học lúc nào cũng bận mãi với công việc cấy cày đồng áng, lúc nào cũng cặm rọc quyển sách lời kinh. Rồi những năm mất mùa đói kém, thầy trò suốt ngày lẫn mò trong rừng báng. Hết củ báng lại đến củ mài, vừa ăn cầm hơi, vừa cứu dân tứ tán. Khá khen cho thầy ta – đức Vạn Hạnh đã không tiếc công tiếc sức rèn dạy ta đến chỗ rốt ráo của Đạo. Ngoài giáo lý Phật, thầy còn cho ta tham bác kỹ càng kinh sách của Nho gia^[29], Đạo gia^[30]. Các sách về y lý, về thuật số, về phong thủy, thầy cũng sai đọc. Thầy luôn kiểm xét cách nghĩ cách hiểu của ta. Khi lớn, ra gánh vác việc đời, việc nước, thầy lại kiểm xét cách tri, cách hành của ta. Khuôn thước đo lường của thầy là biết biện biệt phải quấy, thiện ác, là phá chấp, là đại giác, là giải thoát.

Mãi gần sáng nhà vua mới chợp mắt được một lúc, thì trà nô đã dâng nước rồi nội hoả thực lại dâng đồ điểm tâm. Bữa nay nhà vua không ra thiết triều mà ngài sai đòi các hoàng tử vào cung để răn dạy. Năm hoàng tử thông dong đi vào cùng với năm ông sư phó. Nhà vua miễn lễ cho các thầy trò và cho ngồi quay quần trên hai bộ kỷ. Vua Thuận Thiên có nhiều con, chỉ tính riêng con gái đã có tới mười ba người. Trưởng công chúa là An Quốc vừa gả cho Đào Cam Mộc, để đáp cái ơn tri ngộ. Trưởng nam của nhà vua là Lý Đức Chính sinh năm Canh Tí, nay là năm Canh Tuất vừa tròn mười tuổi. Cả năm hoàng tử, nhà vua chưa chọn lập ai bởi tuổi còn nhỏ, và nữa cũng chưa có ai tỏ lộ một khiêu năng gì khác lạ. Riêng về phần Lý Đức Chính thì nhà vua rất bằng lòng, vì chàng có đầu óc thông tuệ, học đâu nhớ đó, lại biết biện biệt nông sâu. Chàng ưa phần thâm sâu nhất trong Phật điển, mà đức giáo chủ Thích Ca Mâu Ni đã chỉ ra là phần giải thoát. Thật ra Lý Đức Chính hiểu được giáo lý Phật là nhờ ở tâm cảm, trực cảm hơn là lĩnh hội qua lý trí. Bởi với mười tuổi đời làm sao chàng có thể thấu hiểu được những điều sâu xa trong các kinh điển nhà Phật.

Nhà vua yêu quý Đức Chính cũng bởi tính hồn nhiên, nhân hậu của con trai, ngài muốn sau này hoàng tử sẽ là một đệ tử thuần thành của Phật để cùng giáo hội hoằng dương Phật pháp.

Khi cả năm ông sư phó và năm hoàng tử đã an toạ, nhà vua liền phán:

- Ta trao con ta cho các ông dạy dỗ. Việc học nho là học chữ để vào học Phật, chứ không phải cho các con ta chuyên chú vào Tứ thư^[31], Ngũ kinh^[32]. Đành rằng rồi cũng học Nho, nhưng phải khai tâm bằng học

Phật để nuôi dưỡng nguồn tâm.

Các vị sư phó đều chăm chú lắng nghe, để rồi việc hầu giảng các hoàng tử được đúng như lời răn dạy của nhà vua.

Một lát hoàng thượng nói tiếp:

- Các ông sư phó nên biết, việc giáo huấn con trẻ chủ ở sự nuôi dưỡng nguồn tâm. Cái tâm của con trẻ trong trắng như tờ giấy, như tấm vải mộc. Viết hoặc vẽ gì lên giấy, nhuộm màu gì lên vải là tùy thuộc ở người thầy. Con ta có nên người hay không là ở nơi các ông. Nếu các con ta nên người, công các ông lớn lắm. Nếu các con ta không thành người, tội các ông cũng lớn lắm.

Các ông là những người học rộng hần đã rõ: Phàm làm người là phải biết kính cần, tức là phải biết lễ nghĩa đó. Phàm làm người đều phải biết liêm sỉ. Người biết liêm sỉ thì không làm các việc trái với đạo lý, trái với lương tâm. Kẻ nào đã không biết liêm sỉ cũng không đủ tư cách làm người. Phàm làm người đều phải biết cần lao. Kẻ nào không biết cần lao chỉ là vật ăn bám, sống nhờ như loài tằm gửi, sao có thể gọi là người được.

Vậy là Kính cần – Liêm sỉ – Cần lao, thiếu một trong ba điều đó không đủ tư cách làm người.

Đối với một con người, đức thiện và lòng nhân là điều căn cốt nhất, các ông phải lưu tâm truyền dạy cho các con ta. Các ông phải ăn ở, cư xử như những điều các ông từng rao giảng. Nếu thầy dạy một đẳng, thầy cư xử một nẻo thì các con ta sẽ có cách sống giả dối, che đậy.

Phải nói kỹ để các ông biết vì sao ta phải hướng toàn xã hội đi vào con đường thiện, là bởi nước ta từ khi Ngô vương Quyền lấy được nước, chưa kịp yên vị thì ngài đã băng, các con thì còn nhỏ. Dương Tam Kha tiếm quyền làm cho triều chính rối nát dẫn đến loạn Mười hai sứ quân. Sau đó nhà Đinh lập, tiếp đến nhà Lê, rồi quân Tống xâm lăng bờ cõi. Lê Hoàn đại định, con nối là Lê Long Đĩnh bạo tàn. Vậy là trong bảy chục năm qua, nước ta trải hai cuộc xâm lăng, một cuộc nội chiến cùng một quý vương tàn phá. Lòng người quen với máu lửa, bạo tàn. Nay ta phải hoá giải tội đồ đó cho toàn dân, bằng cách đẩy lên đức thiện, vun đắp nghiệp thiện. Ta đã nghĩ suy tới cạn nhẽ, muốn làm được việc đó, không gì bằng hoằng dương Phật pháp. Các con ta trước khi được giữ quyền bính, phải là các sa môn nơi cửa Phật. Nay mai khi chúng đã cứng cáp, đã biết ít nhiều chữ nghĩa, ta sẽ gửi cho các thiền sư giáo hóa. Ở đây, con ta cũng như các sa môn khác: “bất tác bất thực”^[33].

Các ông sư phó hiểu chứ, ta muốn cả thiên hạ học điều thiện, làm việc thiện. Vậy trước hết ta phải làm điều đó, các con ta phải làm điều đó. Nếu các ông làm sai nhời ta uỷ thác, chắc các ông hiểu sự thể sẽ như thế nào. Nhà vua ngừng lời rồi gạn hỏi:

- Nào bây giờ các ông có điều gì cần bàn thảo, thử nói ta nghe.

Một vị cao tuổi nhất trong năm vị sư phó đưa tay sửa khăn áo rồi xin nói:

- Tâu bệ hạ. Các điều bệ hạ răn dạy như lời của các bậc thánh nhân, lời của các vị Bồ tát, chúng thần xin gắng hoàn thành trách phận.

Vua bằng lòng lắm. Ngài tươi cười nhìn các bậc sư phó, rồi nói với các hoàng tử:

- Các con!

Nghe vua cha gọi, cả năm vị hoàng tử bước ra khỏi chỗ, quỳ gối lắng nghe.

Vua nói:

- Ta đã uỷ thác các con cho các vị sư phó, vậy nhất nhất các con phải tuân lời thầy học. Nay mai học khá, ta sẽ gởi mỗi con tới một bậc thiền giả cao minh để tu học. Và cứ hễ đến tuổi mười lăm, ta cho các con về các vùng quê mở phủ, để có cơ hội gần dân.

Các hoàng tử dập đầu thưa:

- Chúng con xin vâng mệnh phụ hoàng.

Vừa tiễn các ông sư phó, thì cũng đúng lúc thiền sư Đa Bảo tới cáo từ nhà vua, để trở về sơn tự.

Thiền sư hươu cây thiền trượng xá nhà vua một xá, sư nói:

- Chúc nhà vua thành tựu viên mãn, thiền lão tôi xin bái biệt.

Vua Thuận Thiên nài nỉ tới hai ba lần, mời thiền sư nán lại để nhà vua xin đôi lời răn bảo, thiền sư mới

tạm ghé ngồi bên mép kỷ.

Vua mở lời:

- Bữa trước Công Uẩn tôi có mời thiền lão dự buổi thiết triều, thiền lão đã có lời chỉ dẫn. Song chắc còn nhiều điều sâu kín mà bậc trưởng lão muốn răn dạy, nhưng không tiện nói nơi triều chính. Vậy bữa nay tôi muốn lưu trưởng lão lại để được nghe cao ý.

Đa Bảo thiền sư nhìn lại sắc diện nhà vua một lần nữa, lại nhìn vào cây thiền trượng, sư cười. Nụ cười tươi rói, gương mặt phúc hậu, nom Thiền sư có nét hao hao Phật Di Lặc, là người tu theo hỉ đạo. Sư nói:

- Bậc thiền tử ở ngôi cửu ngũ, đứng đầu trăm họ, tâm sáng vắng vặc, lũ thiền tăng chúng tôi ở nơi xó rừng vách núi như ếch ngồi đáy giếng, biết gì mà dám lạm bàn, lỡ trái ý bề trên thì vong mạng. Xin bệ hạ tha cho để bản tăng sớm trở lại chốn sơn môn. Bữa trước bệ hạ cho triệu, lại được bệ hạ cho nói, lão tăng đã nói cả rồi.

Ngừng lời, Đa Bảo thiền sư lại gõ đầu cây thiền trượng xuống đất ba lần như lấy đà đứng dậy sắp đi.

Nghe những lời nói khách khí, xa vời của đại lão hoà thượng, nhà vua cảm thấy buốt nhói ở trong lòng. Vua tự nghĩ, ta mới ở ngôi được vài tháng. Vậy ta đã làm gì để cho các bậc trí giả, các bậc thức giả, các thiền giả, đạo giả xa lìa, lạnh nhạt. Các bậc thiền lão còn như vậy, thế thì dân chúng với ta sẽ là nghìn trùng cách biệt. Ta là vua của ai đây? Liệu dân có hiểu ta hay cũng coi ta với Lê Ngọa triều đều là một lũ hôn quân.

Lòng đầy bối rối, nhà vua nói:

- Xin đại lão thiền giả hãy coi Công Uẩn này như một đứa tiểu tăng như hồi còn theo hầu sư phụ Vạn Hạnh bên chùa Lục Tổ để ngài răn dạy.

- Không dám! Không dám! Bệ hạ nói sai rồi.

- Công Uẩn tôi nhờ hồng phúc của nước, được triều thần tôn phù đứng đầu trăm họ. Biết rằng tài đức chẳng bằng ai, nên trong lòng lúc nào cũng run sợ như người sắp nhảy xuống vực sâu. Tôi trộm nghĩ, đại lão thiền sư là người có con mắt tinh đời, đã đoán biết sự việc ngày nay từ ba mươi năm về trước, tôi tự xem hoà thượng với thầy tôi là hai bậc minh sư thấu thị, hai bậc thầy tri âm tri kỷ, xin một lần nữa bái làm thầy, để được khai thị. Nói rồi Lý Công Uẩn quỳ xuống vái Đa Bảo thiền sư hai vái.

Thiền sư vội vàng đỡ nhà vua dậy, giọng nghiêm nghị, ngài nói:

- Dù khiêm nhường nhà vua cũng không được làm như vậy. Bệ hạ muốn hãm thiền lão tôi vào tội khi quân sao? Bệ hạ nên nhớ, bản tăng khi trước so với chú tiểu chùa Lục Tổ là cách nhau một trời một vực. Lại như ngày nay, bệ hạ so với bản tăng cũng là một trời một vực. Sự thể đã khác hẳn xưa rồi, ngôi bậc đã đổi thay rồi. Nói vậy nhưng trong lòng lão tăng hơi hối. Không phải thiền sư không tin vào sự thành thật của nhà vua, mà bởi người muốn gạn thử lòng vua đôi chút. Đoạn thiền sư dẫn đo:

- Tâu bệ hạ, có một điều nếu bản tăng không nói ra e mắc lỗi với bệ hạ, nhưng nói ra sợ lại mắc tội với bệ hạ.

- Mong đại lão thiền sư phát tâm Bồ đề, chỉ giáo cho, Công Uẩn tôi xin sửa mình lắng nghe.

- Triều đại mới của bệ hạ các chức quan đều có cả. Nhưng sao bản tăng thấy số quan võ được cất nhắc nhiều hơn quan văn. Chắc bệ hạ đề phòng nội loạn chăng? Chức sử quan cũng chưa thấy cắt đặt. Một nước có văn hiến không thể không chăm lo đến quốc sử. Điều bản tăng bản khoản nhất là bên Ngự sử đài, các chức quan Tả Hữu gián nghị cũng chưa thấy bệ hạ trao cho ai. Hay là bệ hạ tự tin mình đã đạt tới cõi minh triết rồi, không bao giờ có thể phạm vào điều sai quấy, nên không cần có ai can gián. Lão tăng thành thật khuyên bệ hạ không nên bỏ chức quan này. Tuy đôi lúc nó có làm cho bệ hạ khó chịu. Nếu bệ hạ muốn dân giàu nước thịnh, thì bệ hạ phải luôn luôn giữ cho mình được tỉnh táo, thông sáng. Chính các chức quan này sẽ giúp bệ hạ thắp sáng con mắt tuệ, cái tâm tuệ. Nhược bằng bệ hạ còn đang tìm người xứng đáng, còn cân nhắc mà bản tăng đã sớm có lời trách, thì xin bệ hạ tha tội cho nhân giới của thiền lão đây hạn hẹp vì tuổi già.

Các điều mà thiền lão Đa Bảo lược vắn đều là các việc mà Lý Công Uẩn hoặc đã có chủ kiến, hoặc chưa nghĩ tới, hoặc chưa thấy hết ý nghĩa của công việc. Bởi triều đình mới, bộ máy mới, ông chưa kiểm tìm

được những người có chân tâm để dùng vào các việc quan yếu ấy. Thật ra ở trong nước không phải là không có các bậc chân tài, như Vạn Hạnh, Đa Bảo đó. Ngặt vì các vị đã hiển mình cho Đạo, nên chỉ thấp thoáng chút phần đời.

Lý Công Uẩn tự nhủ, thiền lão có ý trách ta trọng võ hơn văn, ngẫm răn ta không nên đi vào con đường chuyên chế, bạo tàn. Nghĩ vậy, nhà vua bèn nói:

- Đa tạ sự răn dạy của đại sư, Công Uẩn tôi xin làm theo các việc mà trưởng lão đã hằng tâm khuyên bảo. Nhân đây, Công Uẩn xin được thưa lại đôi điều để trưởng lão yên tâm. Đúng như trưởng lão đã nói, tôi cất nhắc tướng võ nhiều hơn tướng văn là để đề phòng sự trở lại của cái họa Mười hai sứ quân. Và lại triều đại mới, lòng người chưa phục, các sách, động ở các vùng xa xôi, các miền biên viễn các đầu mục thường hay nổi loạn, mà bên ngoài thì nhà Tống lúc nào cũng lăm le thôn tính. Dạ thưa thiền lão, Công Uẩn tôi bất đắc dĩ phải làm việc răn đe đó để ổn cố xã hội. Mặt khác cũng phải tỏ cho nhà Tống biết, nếu họ xâm lăng ắt chuốc lấy tai họa. Triều đình cũng đã làm các việc khác để dân chúng đỡ khổ, để nhà nhà có bát ăn, tiến tới có cái để dành, phòng khi có biến cố bất ngờ. Bữa trước, triều đình đã xuống chiếu tha toàn bộ số tô thuế ruộng đất cho cả nước trong ba năm liền, bắt đầu từ năm Canh Tuất đến hết năm Nhâm Tý. Lại chẩn cấp tiền gạo cho dân lưu tán trở về quê cũ làm ăn. Soát lại các hình án tù ngục, ai bị triều trước bắt oan uổng, lại vì có kẻ cậy quyền cậy thế chèn ép bức bách người thấp cổ bé họng, tống vào giam cầm nơi ngục thất thì nhất đán được tha, được đưa về quê cũ.

Vua Thuận Thiên vừa nói vừa liếc nhìn thiền sư Đa Bảo, thấy gương mặt ngài rạng rỡ, vẻ bằng lòng lắm. Thật tình nhà vua chỉ nói những việc mình đã làm, những điều mình đang để tâm nghiên ngẫm nên nó bộc lộ được tính trung thực của bậc chính nhân quân tử, chứng tỏ vua là bậc thông sáng.

Thiền sư Đa Bảo đã hai ba phen gật đầu tỏ ý hài lòng. Đoạn sư huơ cây thiền trượng và nói:

- Bần tăng xin hỏi nhà vua, chế độ mới lập, triều đình tha tô thuế ruộng đất ba năm liền, thì lấy gì để nuôi vỗ quan lại, binh lính. Đành rằng việc làm đó là nhân, trước bệ hạ chưa ai dám tha tô thuế ba năm liền, sau bệ hạ chưa biết thế nào, bần tăng chỉ băn khoăn về nạn quốc khố cạn kiệt. Hay là để đỡ khó khăn cho triều đình, cứ cách một năm, tha tô thuế cho dân một năm có được không.

- Đa tạ, đại sư vừa có lòng thương dân, vừa có lòng cảm thông với những bức bách của triều đình. Công Uẩn tôi cũng đã có nghĩ đến cao ý của đại sư. Ngặt vì mấy năm dưới ách áp bức của Lê Long Đĩnh, dân chúng lâm than cơ cực quá. Người dân vừa đói vừa sợ sệt như gà phải cáo. Nay dù có tha tô thuế một năm, họ cũng chưa hồi phục được về đường kinh tế, còn về đường tinh thần, họ chưa đủ lòng tin vào bộ máy cai trị mới với các quan lại mới. Vì rằng, dưới con mắt của người dân, thời nào thì quan với dân cũng như cáo với thỏ, quạ với gà mà thôi. Quan thì tham, lại thì nhùng. Thế đây, thưa đại sư, việc sinh tử của triều đại mới lúc này là lo nuôi vỗ sức dân, lo gây dựng lòng tin với dân. Công Uẩn tôi thường nghĩ, phải thương dân như cha mẹ thương con thì mới có cơ may phục hưng được thế nước. Bậc đại sư, triều đình cũng có đánh thuế, nhưng chỉ quy về sáu sắc có liên quan đến nguồn lợi khai thác từ rừng và biển mà thôi.

- Bệ hạ nghĩ như vậy là niềm phúc hạnh cho dân, cho nước. Thì ra thầy Vạn Hạnh đã truyền cho bệ hạ cái tâm Bồ tát. Thế mà ta cứ lo hão. Thiền sư Đa Bảo thở dài, ngài có vẻ như tự hồi vì đã xét nét nhà vua một cách thái quá. Như sự nhớ ra điều gì, thiền sư lại tiếp:

- Bệ hạ, bần tăng vẫn cứ băn khoăn, việc nuôi vỗ quan lại có thể sên kiếm lấy từ nguồn lợi thuế khoán nơi các sản vật của rừng, của biển như sừng tê, ngà voi, trầm hương, đồi mồi, ngọc trai, muối... hoặc thu tô ruộng quốc điền. Nhưng còn việc nuôi binh lính, sắm binh khí, mới là việc tốn kém, bệ hạ tính sao?

Vua Thuận Thiên mỉm cười vui vẻ, đoạn nhà vua quay ra nói với Đa Bảo thiền sư:

- Vậy là đại sư giám sát việc nước rất chặt, lòng tôi sung sướng như được cha mẹ vỗ về. Nếu các bậc đại trí, đại giác trong nước, ai ai cũng có lòng như đại sư thì lo gì dân không giàu, nước không mạnh.

Lý Công Uẩn bỗng hạ giọng nhưng từng lời nói nhà vua cố ý để cho ngài Đa Bảo nghe thật thấu, và còn mong được ngài chỉ giáo hơn nữa. – Việc quân, thưa đại lão thiền sư, nhà nước chỉ nuôi một đội quân tinh nhuệ rất nhỏ, gọi là chính binh. Ngoài ra, còn có đội thường binh lấy tất cả trai tráng trong nước từ mười tám đến ba mươi tuổi, mỗi năm phải tập hợp về lộ, rèn luyện trong một hai tháng, chia làm hai kỳ nông

nhàn vào tiết xuân, thu. Đội quân này phải mang lương thực từ nhà đi dùng đủ trong thời gian luyện tập. Triều đình chỉ cung cấp binh khí, cử người có võ học cao về huấn hõ. Hết thời gian rèn tập, mọi người lại trở về nhà cày ruộng.

Thừa đại sư, mọi người dân đều được rèn tập, lúc thường là dân, lúc nước có hoạ biến, tất cả họ đều là lính. Vậy là nhà nước vừa đỡ tốn kém khi phải nuôi giữ một đội thường binh quá lớn, lại vừa nuôi vỗ được sức dân, và luôn luôn có một đội quân cực lớn thả về nơi ruộng đồng nhàn nhã.

- Hay, hay lắm! Thiên sư Đa Bảo gõ cây thiền trượng xuống đất ba lần, ngài nở một nụ cười sáng khoái như nụ cười của đức Di Lặc. – Đó, cái sách đó chính là ngụ binh ư nông cấy. Làm như thế, tức là bệ hạ gửi một việc nguy hiểm vào nơi nhàn nhã. Thành tựu này ngoài tầm nghĩ hiểu của bần tăng. Vậy chớ bệ hạ đã thực thi chưa?

- Dạ triều đình đã bắt đầu làm thử tại lộ Hải Đông, lộ Đà Giang, lộ Bắc Giang; nếu việc này mà thành tựu thì từ sang năm sẽ làm đại đôn trong cả nước.

- Thế còn việc giám tu quốc sử bệ hạ nghĩ sao?

- Dạ, việc này nhất định phải làm, nhưng triều đình chưa cử được ai xứng đáng, nên chức đó còn đang khuyết. Công Uẩn tôi cũng thấy việc này hệ trọng lắm. Nó không những chỉ hệ trọng đối với hiện tại, mà còn với cả quá khứ và mai hậu nữa, cho nên không thể hồ đồ cắt cử bất kể ai vào chức đó cũng được.

- Bệ hạ nghĩ vậy thì thiền giới chúng tôi cũng an tâm, vì đất nước đã phó thác vào tay một người đáng tin cậy. Thế nhưng thưa bệ hạ, còn chức tả hữu gián nghị thì sao.

- Việc này, nhà vua có vẻ hơi bối rối – thưa trưởng lão, việc này quả Công Uẩn tôi quên khuấy, mà các quan cũng không thấy ai xứng xuất, xin trưởng lão cứ yên tâm, Công Uẩn tôi sẽ cho bổ cứu ngay nay mai.

- Bệ hạ nên lưu tâm, khi nào người trên chỉ thích nghe lời nói êm tai, thì thói xu nịnh sẽ xuất lộ ngay lập tức. Và cũng ngay lập tức bọn sâu bọ tìm được cách che tai, bịt mắt người trên. Khi người trên không thích nghe lời nói thật, nói thẳng, nói trái tai, trái ý mình nữa, thì đó là triệu chứng bại vong của nước. Muốn xã hội ổn cố, người người trung hậu, thì người dân phải được đủ ăn, đủ mặc. Muốn dân chúng trung hậu thì bộ máy triều đình phải gần dân, thấu hiểu lòng dân, không đàn áp người lương thiện, không cấm đoán những người có ý nghĩ thẳng ngay, những việc làm mới lạ. Muốn như vậy, tâu bệ hạ, triều đình phải có cái tai nghe xa muôn dặm, phải có con mắt nhìn thấu nghìn tầm, và phải có tấm lòng bao dung như trời biển. Thiên sư chống cây thiền trượng đứng thẳng dậy vái nhà vua hai vái – Bữa nay ghé triều đình chào bệ hạ, được bệ hạ cho nói, có điều gì thất thố xin bệ hạ đại xá, bần tăng xin cáo thoái.

Nhà vua hai ba lần lưu giữ, đại sư đều một mực chối từ.

Lý Công Uẩn ngùi ngùi nói: – Bạch đại lão hoà thượng, thực tâm Công Uẩn tôi muốn lưu đại sư làm quốc sư tại triều để vấn kế, xin đại sư mở lòng, để chúng sinh được nương nhờ.

Đa Bảo thiền sư xua tay: – Không nên, không nên. Kẻ tu hành này hết duyên tục rồi. Để thỉnh thoảng nghĩ được điều gì, bần tăng lại ghé thăm rồi dâng lên bệ hạ. Và trong nước còn nhiều bậc đại trí lắm, nếu bệ hạ thực lòng thì kẻ thức giả, trí giả ắt sẽ mở tâm. Thiên sư cười độ lượng – lão tăng quen sống nơi rừng núi, am thanh cảnh vắng bất nhiễm trần. Xin bệ hạ đại xá, đại xá!

Nói rồi Đa Bảo chống thiền trượng sải bước không ngoái lại nữa.

Vua Thuận Thiên theo tiễn không kịp, đành đứng vái sau lưng thiền sư.

Từ khi nhà Lý thay nhà Lê, dân chúng thấy dễ sống hơn. Người dân đi lại làm ăn không còn sợ gặp vua nữa. Như thời Lê Ngọa triều, người nào vô phúc gặp ông ta chỉ có mất mạng. Lê Long Đình là kẻ hiếu sát. Ngày nào không sát sinh, ông ta không chịu nổi. Các vật nuôi như trâu, bò, dê, lợn..., các vật hoang dã như hổ, báo, gấu, lợn rừng, hươu, nai... ông đều tự tay chọc tiết rồi mới cho nhà bếp làm lông và chế biến. Có điều lạ, ông ta giết súc vật thuần thực hơn các tay đồ tể. Con dao bầu nhọn mũi, ông chỉ thọc một nhát đúng tim, con vật chưa kịp kêu rống thì dòng máu đỏ tươi đã phụt ra và chỉ còn nghe được xác con vật đổ xuống, cũng là lúc Lê Long Đình lau dao máu vào đầu hoặc vào mặt các viên quan cận vệ đứng hầu cạnh ông.

Triều đại mới quả có chăm chút đến thân phận của người dân như tha bớt tô thuế, khuyến dân khai khẩn đất hoang, bãi bỏ và cho họ làm chủ luôn đất ấy. Vì vậy trong dân chúng nô nức không khí làm ăn.

Nhưng với người dân trong thành Đại La thì lại khác. Đúng là người dân thành Đại La chưa được hưởng trọn vẹn niềm vui thì đã có lệnh đuổi nhà. Triều đình ban chiếu: “Bất cứ ai đang cư ngụ ở phía tây thành Đại La, đều phải dời đổi về phía đông, phía nam, phía bắc. Triều đình sẽ cắt đất mới hoàn trả, lại cho mỗi hộ ba mươi hai quan tiền cùng hai mươi phương lúa... Hạn cho việc dời đổi chỗ ở từ ngày... đến ngày... Ai trái lệnh...”

Đành rằng lệnh vua ai dám cưỡng. Đành rằng đền bù có thua thiệt, nhưng đất cha ông tổ nghiệp để lại đã bao nhiêu đời, nay phải dứt ruột bỏ đi, ai mà không tiếc nuối. Và lại trong thành Đại La này chỉ có phía tây là cao ráo, nay chuyển tới nơi khác đất thấp, đầm hồ chẳng chịt, mùa nước nổi đi một bước đã phải dùng thuyền, nước ăn toét cả hai bàn chân.

Đang lúc dân chúng còn phân tâm, thì xã trưởng Lương Minh Châu đốc thúc gia nhân dỡ nhà. Xã trưởng là người giàu có nhất trong làng, ba toà nhà ngói san sát. Vườn cây, ao cá quanh năm thu lợi, nhưng ông ta không kêu ca phàn nàn. Trước buổi dỡ nhà, ông mời các bậc cao niên cùng các chủ gia đình đến nhà ông xơi nước. Ông chỉ nói đến ngày ấy ngày ấy, nhà ông chuyển về mảnh đất mới ở phía đông La Thành – nơi định cư mới của cả làng. Ông nói cười vui vẻ. Có người nghi ông ăn chặn tiền triều đình ban. Vì vậy, ông phải nói lại điều ông đã báo cáo trước toàn dân, cùng là việc ông đã cho sao tờ “chiếu” dán tại chùa làng.

Dân làng tin ông. Mọi người uống nước, ăn trà rồi ra về. Gia nhân ông lập tức dỡ nhà. Một tháng sau khi xã trưởng chuyển nhà, cả làng đều chuyển nhà. Chẳng mấy chốc ngôi làng mới đã hình thành. Nhà cửa xộc xệch, cây cối chưa kịp trồng, nom ngôi làng như một xóm dân tứ tán mới quy nhau lập ấp. Nhưng ở phía tây, tức những ngôi làng cũ mà dân đã rời đi, nhà cửa, cung điện mọc lên san sát, cứ mỗi ngày mỗi khác. Thực, mà ai cũng tưởng như mơ. Vì rằng thành Đại La từ trước tới nay, tuy đã có phố xá, có dinh thự nhưng chưa hề có cảnh nguy nga như thế này.

Công việc xây cất kinh thành đang vào lúc sắp hoàn tất, vua Thuận Thiên về thăm, và ngài kiểm xét lại từng ngôi nhà dùng vào việc gì, rồi ngài sai đặt tên.

Các quan thái bảo Đào Thạc Phụ, thái phó Đặng Văn Hiếu, Vũ Đạo vương hoàng thúc, viên ngoại lang Lý Nhân Nghĩa cùng đám thư nhi cấp táp theo hầu lúi húi ghi chép. Cung điện ở phía trước dùng làm nơi coi châu lấy tên quê Càn. Càn là Trời, là đức cương kiện, tự cường của một nước. Điện này đặt tên là điện Càn Nguyên. Bên tả điện Càn Nguyên là điện Tập Hiền, là nơi tụ hội các người hiền đức, người có văn chất cao trọng trong thiên hạ. Bên hữu điện Càn Nguyên là điện Giảng Vũ. Đây là nơi tập hợp các tướng tài, nơi huấn giảng về binh thư đồ trận của hoàng thượng và các bậc thượng trí.

Sau điện Càn Nguyên còn có hai cung làm chỗ nghỉ cho vua, đặt tên là Long An và Long Thụy. Bên tả có điện Nhật Quang, bên hữu có điện Nguyệt Minh. Phía sau hai điện đó có hai cung gọi là Thuý Hoa và Long Hoa làm chỗ ở cho cung nữ. Hướng chính nam còn có điện Cao Minh.

Đây mới chỉ là một số cung chính, còn nhiều cung khác nữa, và cả chùa Phật cũng được xây trong hoàng thành cho vua làm lễ, như chùa Hưng Thiên ngự. Lầu Ngũ Phượng tinh, xây cất theo hình ngũ giác, mà mỗi góc biểu thị một ngôi sao trong chòm sao Bắc Đẩu, lại ở vào vị trí chính giữa, cũng tức là trung cung. Bên

tả lầu Ngũ Phượng là quán Thái Thanh, bên hữu là chùa Vạn Tuế. Các cung điện, chùa, quán đều làm mái cong có thềm rồng bao quanh bốn mặt. Các cửa và cột điện đều sơn son thếp vàng, thật là lộng lẫy. Các kho tàng đều dựng ở nơi kín đáo mà thuận tiện cho việc xuất nhập. Các thành, hào bốn mặt đều nghiêm cẩn. Bốn mặt thành mở bốn cửa chính. Phía đông là cửa Tường Phù, phía tây cửa Quảng Phúc, phía nam cửa Đại Hưng, phía bắc cửa Diệu Đức.

Xem ngắm sau trước tỏ tường cùng với việc đặt tên các điện, các cung, vua lấy làm bằng lòng. Trở về Hoa Lư, vua tự mình thảo chiếu và chọn ngày dời đô.

Đêm ấy nhà vua thức suốt đêm nghĩ suy về việc thảo chiếu. Vua trai giới đúng bảy ngày đêm và trì tụng mỗi ngày ba lần trước Phật đài. Khoảng canh ba đêm thứ bảy có một vị râu tóc bạc phơ, da dẻ hồng hào, chống gậy trúc, nom cốt cách như một bậc tiên thánh. Lão trượng cúi chào nhà vua rồi nói: “Tôi là thần Long Đỗ nơi thành Đại La đến chào bệ hạ. Đất Đại La là nơi tụ kết anh linh, tú khí, nhà vua chọn đất ấy định đô là hợp lắm. Nay cung điện đã xây xong, ngày lành tháng tốt đã đến, bệ hạ còn chờ gì nữa mà không dời đô”. Nói xong, ông lão gõ ba tiếng gậy trúc lên thềm điện chào từ biệt nhà vua. Đức Thuận Thiên giật mình tỉnh dậy mới biết mình vừa mơ. Vậy là việc dời đô hợp lòng người, hợp cả ý Trời và Thần linh, nên được thần mách bảo.

Vua thắp lên một tuần nhang rồi vào ngự thư phòng viết chiếu. Lại thay, nhà vua viết một mạch, cứ như có người đọc cho vua chép vậy. Viết xong, vua đọc lại: “*Ngày xưa nhà Thương đến Bàn Canh là năm lần dời đô. Nhà Chu đến Thành vương là ba lần dời đô, há phải là các vua đời Tam đại ấy, theo ý riêng mà dời đô bậy đâu. Là vì mưu chọn chỗ ở chính giữa làm kế cho con cháu ức muôn đời; trên kính mệnh trời, dưới theo lòng dân, nếu có chỗ tiện thì dời đổi. Bởi thế ngôi truyền dài lâu, phong tục giàu thịnh. Thế mà nhà Đinh nhà Lê lại theo lòng riêng, lơ là mệnh trời, không noi theo việc cũ nhà Thương, nhà Chu, yên ở nơi quê quán, đến nỗi thế đại không dài, vận số ngắn ngủi, trăm họ hao tổn, muôn vật không nên. Trẫm rất xót thương không thể không dời đi nơi khác. Huống chi... thành Đại La, ở giữa khu vực trời đất, có thế rồng cuộn hổ ngồi, ở giữa nam bắc đông tây, tiện hình thế núi sông sau trước, đất rộng mà bằng phẳng, vật rất thịnh mà phồn vinh, xem khắp nước Việt, chỗ ấy là nơi hơn cả. Thật là chỗ hội hợp của bốn phương, là nơi thượng đô của kinh sư muôn đời*”.

Sáng ra vua sai thiết đại triều, các quan văn võ, các đài, đô, viện thảy đều có mặt. Vua cho tuyên đọc lời chiếu rồi ân cần hỏi:

- Trẫm muốn nhân địa lợi ấy mà định đô, vậy ý các khanh thế nào?

Vì đã được vua hỏi nhiều lần, lại được bàn bạc kỹ, bây giờ nghe lời “chiếu” các quan đều nói:

- Bệ hạ vì thiên hạ mà lập kế dài lâu, để trên cho cơ nghiệp to lớn được thịnh vượng, dưới cho nhân dân được giàu của nhiều người. Việc lợi như thế ai không dám không theo.

Vua mừng lắm, lại đem kể chuyện thần Long Đỗ đêm về báo mộng.

Các quan đều hoan hỷ cho rằng, thế là việc dời đô được cả Trời – Thần đều phù trợ, còn lòng dân thì háo hức trông ngóng. Vua sai quan thái bộc chọn ngày lành để dời đô.

Cả bên toà Khâm thiên giám cùng bên Thái bộc đều đã trù liệu từ trước, nên tâu:

- Đã chọn được tháng bảy ngày mừng mười là ngày lành tháng tốt, xin vua thuận cho.

Nhân bên Khâm thiên giám và bên Thái bộc đều chọn được ngày mười tháng bảy là ngày lành, vua Thuận Thiên lấy làm mãn nguyện. Vì từ khi lên ngôi đã ban bố biết bao chính lệnh, làm biết bao việc cho dân chúng khắp nước. Phải nói, từ người già đến trẻ nhỏ, từ người tu hành đến người quan, quả, cô đơn cho cả tới kẻ mắc phải tội đồ bị giam cầm nơi ngục thất, không một ai là không được ơn mưa móc. Duy chỉ có những người chết qua mấy chục năm biến loạn từ thời Thập nhị sứ quân đến hôn quân Lê Long Đĩnh gây ra. Lại trải qua hai cuộc binh dẹp quân Nam Hán và quân Tống, biết bao người đã hiến dâng cả mạng sống của mình để bảo vệ non sông đất nước, cùng biết bao sinh linh oan khuất là chưa được hưởng ân tứ của triều đình.

Nay nhà vua muốn nhân dịp thiên đô làm một lễ đại cầu siêu cho tất thảy chúng sinh. Bởi nói cho cùng, trong cuộc sinh tồn của dân tộc từ thượng cổ tới nay, công lao mở mang bờ cõi, bảo tồn cương thổ, tạo lập

vẫn hiển châu phải ở lớp người đang sống, mà trọng yếu là sự nghiệp của những người đã chết. Do vậy, cái chí của ta là muốn lập một đại đàn tràng làm lễ cầu siêu cực lớn tại kinh thành mới dựng, nhằm đền đáp công ơn những người đã khuất trên toàn cõi. Lễ đàn diễn ra đúng dịp Vu Lan, coi như đây là lễ đàn báo hiếu.

Tại các lộ, các trấn, các châu thì các quan an phủ sứ, thông phán, thiêm phán, lệnh úy, chủ bạ phải phối cùng các bậc sư tăng, đạo nhân ở lộ, trấn, châu, phủ mình mà hành lễ.

Vua còn sai soạn đồ lễ để tế cáo trời đất và thần linh thành Hoa Lư trước ngày dời đô về Đại La.

Mọi việc sắp xếp xong xuôi, đúng giờ dần ngày mười tháng bảy năm Canh Tuất (1010) vua Thuận Thiên tạm biệt dân chúng thành Hoa Lư để về Đại La.

Không biết dân chúng dậy từ lúc nào mà đã xếp hàng kín hai bên vệ đường. Thôi thì hương án, cờ quạt, tàn lọng rợp trời như ngày hội lớn. Suốt từ kinh thành tới bến Hoàng Long, kiệu vua chen giữa hai dòng người và cờ quạt.

Tiếng hô: “Hoàng thượng thiên tuế!”, “Hoàng thượng vạn tuế!” như lay động cả kinh thành.

Ngồi trong kiệu rồng, vua Thuận Thiên lòng bồi hồi xúc động đưa tay vén rèm, lộ đầu ra đáp lễ dân chúng.

Thấy nhà vua mỉm cười, dân chúng hồ hởi reo hò. Khi tới gần bến sông, đường hẹp người đông như vón lại, kiệu không thể nhích đi được. Lính cận vệ toan dẹp đường. Vua ngăn lại. Ngài xuống kiệu dẫn bộ để ulyạo trăm họ. Khi vua đi gần tới bến thì gặp một đoàn chèo non một trăm các cụ bô lão đã chờ sẵn. Các cụ gồm người trong kinh thành Hoa Lư và cả người ở các hạt lân cận. Cụ nào cũng mặc áo đỏ, quần đỏ, đội mũ đỏ.

Vua vừa toan nói đôi lời thì tất cả các cụ đều quỳ xuống, và hai cụ già nhất dâng lên bức trướng bằng vóc đại hồng, thêu chữ “TÂM” bằng chỉ dát từ vàng ròng. Khi hai cụ vừa mở bức trướng ra thì toàn thể các bô lão đồng thanh hô:

- Kính dâng hoàng thượng!

- Hoàng thượng vạn tuế!

Vua Thuận Thiên dang hai tay ra đỡ bức trướng rồi cúi đầu đáp lễ các cụ. Lòng dạt dào xúc động, vua nói:

- Vâng mệnh trời, thuận lòng dân, ta được ở ngôi cao. Hứa với trăm họ, ta sẽ lấy cái tâm của trăm họ làm tâm của mình. Vừa nói, nhà vua vừa áp bức trướng nơi có chữ “tâm” vào trước lồng ngực mình. Xúc động quá không nói được, hai hàng nước mắt vua cứ dàn ra.

Cả kinh thành lặng đi. Rồi từ đâu đó tiếng hô bật lên:

- Hoàng thượng vạn tuế!

Mọi người hô theo, tiếng hô vang vọng như tiếng sấm rền hoà cùng tiếng trống đồng khua, tiếng chiêng điểm, tiếng đàn, địch... Vua Thuận Thiên bước lên thuyền ngự trong tiếng nhạc thiều dịu dặt.

Đoàn thuyền nhổ neo, tiếng pháo nổ giòn hơn cả tiếng trống khua mau. Khói pháo dày đặc che kín vòm trời. Xác pháo bay đỏ tím mặt nước sông. Đoàn thuyền đi xa tắp, lá cờ hiệu trên nóc thuyền ngự đã bé tẹo như chiếc lá tre, mà lời đồng thanh cầu chúc của người dân thành Hoa Lư còn bay vào tới tận khoang thuyền:

- Chúc thánh thượng vạn a... a... a... a...n!

Và một lần cuối, đức Thuận Thiên hiện ra trên tầng lầu thuyền ngự, mặt hướng về dân chúng Hoa Lư, tay ngài cầm bức trướng mà trăm họ vừa dâng tặng giơ cao lên vẫy, vẫy.

Đoàn thuyền đã đi khỏi đất Hoa Lư tới mấy dặm mà chưa có cánh buồm nào bắt gió, nó vẫn cứ trườn đi với vẻ nặng nề. Vua Thuận Thiên cảm như không phải đoàn thuyền chở nặng các đồ thiết yếu của triều đình, mà nó khẳm nặng bởi tấm lòng dân chúng Hoa Lư.

Xế trưa ngày mười hai tháng bảy năm Canh Tuất đoàn thuyền ngự về tới bến sông dưới chân thành Đại La.

Tiết tháng bảy, trời thu trong vắt. Dân chúng thành Đại La đứng ken kín bờ sông và kéo dài tới mấy dặm

đường bày hương án đón vua. Vua Thuận Thiên vừa bước ra khỏi khoang thuyền, chỉ mới đặt được một bàn chân xuống bến, trời đang quang đãng bỗng cuộn lên một áng mây vàng và sà xuống như chiếc tán che trên đầu vua. Bỗng một luồng gió ào đến, xoáy đám mây đó dài ra rồi vút lao đi như một con rồng. Mọi người bật hô: Rồng vàng! Rồng vàng!

Nhà vua ngược nhìn bầu trời cao và nhận thấy bóng rồng vàng đang dần khuất và để lại phía sau một làn mây trắng vắt ngang bầu trời cao, xanh sẫm.

Đấy đó òa vỡ tiếng reo vui của dân chúng kinh thành hòa cùng tiếng pháo nổ giòn tan, tiếng trống rộn rã. Và hội thả chim của kinh thành cùng lúc mở tới mấy trăm lồng, tung cả ngàn cánh chim bồ câu lên nền trời cao trong trẻo. Mỗi đàn chim của mỗi chủ chim bay theo một hình khối khác nhau. Dân chúng kinh kỳ năm ấy khâm phục nhất đàn chim đông đảo của một chủ chim phường Thái Hòa khi vừa vút thẳng lên trời cao, cả đàn tự xếp thành hai chữ “Thuận Thiên” cứ bay liệng mãi trên bầu trời Đại La. Hội thi thả chim trong lễ rước vua về thành Đại La năm ấy, phường Thái Hòa đoạt giải nhất, được một cặp bánh dày và một quan tiền thưởng. Vua lại ban cho phường ấy một mỹ danh: “Mỹ tục khả phúng”.

Nhân chuyện có rồng vàng xuất hiện khi thuyền vua vừa cập bến sông, rồi rồng vàng ấy lại bay vút lên không, ai cũng bảo đó là Trời ứng điềm lành. Vua truyền sử quan phải chép việc này vào quốc sử, lại cho đổi tên thành cũ Đại La là kinh thành Thăng Long.

Chừng nửa tuần trăng trước khi nhà vua về ngự tại Đại La, người đã ban chiếu mở cửa kho phát cho dân chúng trong kinh thành mỗi đầu người năm đấu gạo và nửa quan tiền.

Quan sở tại tức tốc thi hành để dân chúng sớm được hưởng ơn vua, lộc nước. Lại ban khen cho các làng xóm, phường phố phải di chuyển khỏi phía tây để lấy đất xây dựng cung điện, mỗi nơi một đạo “sắc” khen, còn số tiền, số gạo thì được tăng gấp đôi so với dân khác.

Mọi người từ trẻ đến già đều hoan hỷ cho rằng vua mới có bụng thương dân. Vì thế, người ta đổ ra đường đón vua như đi trẩy hội. Đường phố được quét dọn sạch sẽ, ở mỗi đầu cung đường lại kê một hương án, cờ quạt cắm la liệt. Phố nào, làng nào cũng chăng đèn, kết hoa. Trước ngõ mỗi nhà đều treo một đèn kéo quân chạy tích “Ngô Quyền đại phá Lưu Hoảng Tháo trên sông Bạch Đằng”, hoặc “Nhị nữ Trưng vương diệt thái thú Tô Định”... Những nhà giàu có, nhà buôn, nhà quan đều treo đèn kết hoa.

Mặt trời vừa khuất, cả kinh thành bừng sáng. Người ta có cảm giác như tất cả các vì sao trên dải Ngân hà đều sà thấp xuống bầu trời Thăng Long để mừng vua mới, mừng kinh thành mới.

Khắp các nẻo trong kinh thành đều vang âm lời hô của dân chúng “Hoàng thượng thiên tuế!”, “Hoàng thượng vạn tuế!”. Và pháo hoa nở rực sáng cả bốn phương trời Thăng Long. Không khí Thăng Long thật là rộn rã. Không một nơi chốn nào trong kinh thành lại không nghe thấy tiếng pháo, tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng hò reo của các đội múa lân, múa sư tử. Khắp kinh thành, chùa nào cũng đóng lên ba hồi chuông để chào mừng vua mới, kinh thành mới. Tiếng chuông trong trẻo toả lan khắp nơi nơi và dường như những thanh âm ấy ngưng đọng trên khắp các vòm cây, các mái nhà để rồi kết tụ lại trong lòng người. Đó là dấu ấn không thể phai mờ của đất Thăng Long, của một triều đại đang trong vận hội mở mang.

Mới rạng sáng ngày hôm sau, vua đã sai mở bốn cửa cấm thành, sai mở cửa các cung điện cho dân chúng Thăng Long vào xem.

Cũng từ sáng sớm cuộc thi bơi chải đã bắt đầu tại hồ Dâm Đàm. Vua thân hành ra tận bến đưa thuyền để chia vui với dân chúng. Các phường Trích Sài, Hồ Khẩu, Vọng Thị, Yên Hoa, Nhật Chiêu, Tây Tựu... đã đưa các đội đua của mình vào bến bãi.

Lại nói xóm Bãi, nơi có thuyền vua neo đậu, dân chúng trong hương ấp từ già chí trẻ đổ hết ra bến cung nghinh. Ai nấy đều ăn mặc đẹp. Người già thì áo dài, khăn, nón chỉnh tề, trai tráng thì đội nón chóp trên gần trang kim, đóng khố điều, phô ra những thân hình tròn lẳn, những bắp vế săn chắc, con gái thì mặc váy thanh cát, áo dài mớ ba, chít khăn mỏ quạ, cô nào cũng môi thắm má hồng xinh xinh như những tổ nữ trong tranh.

Không nén được xúc động, nhà vua tiến về phía các cụ hỏi han dân tình nơi thôn ấp. Chợt vua hỏi:

- Chẳng hay làng ta đây tên gọi là gì?

Mọi người đồng thanh đáp: “Tâu hoàng thượng bản ấp thường gọi là xóm Bãi”.

Nhà vua nở nụ cười thân mật: – Xóm Bãi đúng rồi! Bởi đây là bãi đất bồi, dân ta tụ cư lập ấp, nên đặt tên đó, đúng không?

- Tâu hoàng thượng đúng thế ạ! Đúng thế ạ!

- Được rồi, cái tên mộc mạc ấy hay đấy. Nhưng để xem, ta sẽ ban cho hương ấp đây một cái tên chữ.

Một thoáng hiện trong đầu nhà vua hình ảnh dân xóm Bãi thành tâm nghênh đón với tấm lòng tri ân triều Thuần Thiên, buột miệng, vua phán rằng:

- Bái Ân! Ta ban cho dân xóm Bãi từ nay mang tên Bái Ân!

Lập tức dân làng hô vang:

- Cảm tạ hoàng thượng cho tên làng!

- Cảm tạ hoàng thượng cho tên làng!

- Hoàng thượng vạn vạn tuế!...

Tại nhà thủy đình, Ban giám thí đang phát lệnh cho các đội thuyền dàn hàng chữ nhất thì vua đến. Mọi người ủa ra đón vua. Vua vẫy tay cho ai nấy an tọa. Ngăn đám tùy tùng ở lại trên bờ, một mình vua ghé vào nhà thủy đình. Nhà vua thân mật ban lời:

- Các người cứ điều hành công việc cho dân được vui chơi. Ta đến đây là để chia vui với dân chúng, chứ không phải làm đình hoãn cuộc vui.

Thấy nhà vua nói lời giản dị, dễ gần, Ban giám thí lại cho cuộc vui tiếp tục. Một trăm hai chục chiếc thuyền của mười hai phường dự thi. Thuyền nào cũng thon dài như hình chim én. Mũi và đuôi thuyền làm theo hình đầu và đuôi rồng cao vút, lại chạm trổ tinh vi, màu sơn đậm, nom rất nổi. Các thuyền đều có kiểu dáng giống nhau, nhưng màu cờ mỗi phường mỗi khác. Từ các màu của ngũ hành xanh, đỏ, đen, trắng, vàng lại biến sang các màu thiên thanh, điệp lục, hoàng thổ... Và các đội thuyền lại sơn thuyền theo màu cờ của phường mình để cho người chấm thi và cả người xem dễ theo dõi. Các thuyền đều đóng bằng gỗ de hoặc gỗ táu mật là loại gỗ vừa dẻo dai, vừa chắc bền. Mỗi thuyền có bốn mươi trái thủ, tuổi chừng mười tám, đôi mươi. Lại thêm một người giữ lái, hai người chấp lệnh. Các trái thủ đều cởi trần, đóng khố. Khố của các chàng trai đều nhuộm theo màu sơn của thuyền.

Các trái thủ, người săn chắc, da đồng hun, bắp thịt tay, chân nổi cuộn lên như đô vật. Riêng hai viên chấp lệnh trong các thuyền là đứng tuổi, cỡ ngoài ba mươi, họ là những người đã dạn dày kinh nghiệm qua nhiều cuộc thi tài, độ sức. Việc thua được của các thuyền phải dựa vào sức mạnh của trái thủ, song quyết định cho việc thắng thua ấy lại thuộc về các viên chấp lệnh; họ chính là linh hồn của mỗi thuyền đua. Người cầm lái cũng góp phần không nhỏ vào cuộc đua. Hai viên chấp lệnh và tay chèo lái của các thuyền đều mặc áo chèn xanh, quần đỏ, thắt lưng bằng dải lụa cùng màu với màu sơn của thuyền và đầu đội khăn chữ nhân màu chàm.

Khi pháo lệnh vừa phát, các thuyền lập tức lao vút đi như mũi tên vừa tách khỏi nỏ và đẹp như một đàn bướm màu vừa vỡ tổ. Hàng ngàn mái chèo khua nước, phải nói là các mái chèo băm trên mặt nước theo tiếng hò, nhịp trống của người chấp lệnh. Các cánh thuyền rầm rập lao đi tạo thành một khuôn tranh hoành tráng và hào hùng tựa như họ đang xông vào trận thủy chiến cam go.

Nheo mắt nhìn theo đoàn thuyền đua mỗi lúc mỗi xa dần, mặt nước hồ vừa còn sóng đã tĩnh lặng, lòng nhà vua lại xao động. Quả thật Lý Công Uẩn không ngờ mình được dân chúng ái mộ đến thế. Ông đang lo phải làm gì để đem lại một nền thái bình trường cửu, cũng như đời sống ấm no cho mỗi người dân trên đất nước của ông. Đành rằng thế, nhưng ông vẫn cần có một đội quân dũng mãnh, để chặn đứng thói kiêu hãnh cùng âm mưu thôn tính của các triều đại phương Bắc. Chính hình ảnh các chàng trai trong hội đua thuyền và các thuyền đua vừa đây, đã gợi cho nhà vua nghĩ về một đội thủy binh hùng mạnh.

Vua cùng đoàn tùy tùng trở lại kinh thành được chứng kiến một cuộc vui tưng bừng. Trẻ con quây tụ thành vòng chơi trò bịt mắt bắt dê, con gái chơi trò chồng nọ chồng kia. Lại từng đám chơi trò rồng rắn, trò phụ đồng ếch, đồng chổi. Lặng lẽ là đám trẻ chơi ô ăn quan. Nhưng phần nhiều trẻ em chạy theo các đám múa lân, múa rồng hoặc đứng vây trước nhà thủy đình của phường rồi nước trên hồ Lục Thủy. Đó đây

trống nổi inh ỏi, người quây vòng trong vòng ngoài, ấy là các xối vật đang độ tài cao thấp. Cuộc vui cứ mỗi ngày mỗi náo nhiệt kéo dài đúng ba ngày ba đêm. Trong khi ấy thì tại các chùa, quán ở kinh thành và hầu khắp nước đều làm lễ cầu siêu như chiếu vua ban. Nhà vua cùng thiền sư Đa Bảo làm lễ cầu siêu tại chùa Vạn Tuế trong hoàng thành. Thiền sư thỉnh vua lên ngự ngôi chủ lễ đàn tràng.

Sớm hôm sau nhà vua thân tiếp các bậc tăng thống, các đạo gia tại điện Nhật Quang.

Cuộc gặp mặt diễn ra thật là vui vẻ. Nhiều vị thiền sư, đạo sư dâng tặng nhà vua những bài thơ, bài kệ viết trên giấy liễn hoặc thêu trên lụa. Phần nhiều các bài thơ, bài kệ nói về công đức của Phật, của vua, ca ngợi cảnh thiên hạ thái bình, hoà cốc phong đăng.

Riêng cư sĩ Công Trực là người xuất chúng về thơ, phú lại có hoa tay về thư pháp. Chữ của ông viết đẹp như một bức sơn thủy họa, không ai là không thán phục. Hôm nay nhân chuyện dời đô, ông đem đến dâng nhà vua một bài thơ của Đỗ pháp sư^[34], do chính tay ông viết trên nền giấy điệp.

Quốc tộ như đằng lạc,

Nam thiên lý thái bình.

Vô vi cư điện các,

Xứ xứ tức đao binh.^[35]

Đọc bài thơ của Đỗ pháp sư, ai cũng khen cư sĩ Công Trực là một người cao kiến. Bài thơ thật xứng hợp với cái đức của vua Thuận Thiên, lại cũng là lời chúc, lời mong cầu của muôn dân về một đất nước an lạc, một bậc minh quân đạo hạnh để phúc dài lâu cho trăm họ. Và rồi ai cũng nhớ đến Đỗ pháp sư, một bậc chân tài, chân tu, hết lòng vì nước, vì đạo pháp, nhất mực chối từ các chức tước, tiền bạc, đến cả hào quang mà vua Lê Đại hành ban thưởng ông cũng xin khước bỏ. Ông là một tài năng lớn, một nhân cách lớn của cả quốc gia này. Ông ra đi đã hơn hai chục năm, nhưng sao các bậc thức giả, các thiền gia, đạo gia vẫn cứ ngỡ như ông đang hiện hữu.

Nhân đại lễ, vua Thuận Thiên mặc hồng bào, thắt đai ngọc, đội mũ bình đỉnh tứ phương, chân đi hia thêu rồng vờn mây; nơi mắt rồng dát những viên hồng ngọc, phát hào quang. Những tua mũ thả dài từng chuỗi ngọc lấp lánh, nom gương mặt nhà vua càng thêm rực rỡ, lẫm liệt oai phong, đúng là một bậc thiên tử.

Nhân ngày lễ trọng các thiền sư, đạo sư ăn vận đúng với bậc chức sắc của mình.

Các thiền sư vào hàng hoà thượng đều vận áo cà sa màu vàng nghệ, đội mũ hoa sen, đeo chuỗi một trăm linh tám hạt bồ đề, tay chống thiền trượng, chân đi dép cỏ. Các đạo sư mặc áo đạo sĩ, đội mũ màu vàng, chân đi hài gấm. Các cư sĩ mặc áo thụng xanh, đội mũ toàn hoa sắc xanh, chân đi hài vải.

Vua ban cho các thiền sư, đạo sư, cư sĩ mỗi vị một chung trà mạn ướp sen. Nước bốc hương thơm dịu.

Sau ba tuần trà cũng là lúc vua tâu chúc tụng thật là hoan hỷ.

Một lát sau, nhà vua ngỏ ý mời tất thảy chư vị đi thăm lầu Ngũ phượng tinh. Và vua sai quan hữu nhai tăng thống^[36] Thẩm Văn Uyển thuộc đường vào ra cung cấm dẫn lộ.

Nhà vua cùng đi với các vị khách quý. Bước được vài bước, vua Thuận Thiên ngoái lại, thấy thiền sư Vạn Hạnh đi song hàng với thiền sư Đa Bảo. Tiếp đó là thiền sư Ma Ha, thiền sư Hương Nghiêm, đạo sĩ Huyền Linh, đạo sĩ Viên Sơn, cư sĩ Bảo Hoà, cư sĩ Công Trực... đó là những vị đạo cao đức trọng nổi tiếng trong cả nước, không ai không kính trọng. Bao liệt đến như Lê Long Đĩnh mà còn không dám gây khó dễ cho việc hành đạo của các vị, cũng như sự an toàn tính mạng của các tu sĩ. Nhà vua đứng lại vái các thiền sư, đạo sĩ, cư sĩ để nhường đường mời các đại lão đi trước. Nhưng mọi người đều kính cẩn mời đức vua đi trước. Trong lúc vua Thuận Thiên còn ngập ngừng, thì thiền sư Vạn Hạnh bước dẫn lên vài bước, ngang qua chỗ nhà vua đứng, sư ghé tai vua nói vừa đủ nghe:

- Nhà vua đang giữ thế nhân chủ, tại sao lại cứ phải nhường nhún như thế.

Thấy lời khuyên của thầy hữu lý, nhà vua bèn xăm xăm bước lên dẫn đầu đoàn người để leo lên lầu.

Đứng trên đỉnh lầu Ngũ Phượng tinh nhìn gần thì bao quát hết kinh thành, cả hồ Dâm Đàm, sông Nhĩ Hà^[37], các hồ Lục Thủy, sông Tô Lịch, bến Hà Khẩu, các đền đài điện các, chùa quán, thầy thầy đều hiện

ra trong tâm mắt. Xa xa về phía tây kinh kì sừng sững như bức tường thành là dãy núi Ba Vĩ, có đỉnh Tân Viên sơn cao chất ngất, quanh năm mây mù bao phủ. Đỉnh núi chìm trong mây mờ, tưởng như núi cao chạm trời, khiến cảnh trí trở nên u linh, hùng vĩ. Nhìn ngấm cảnh núi cao, sông dài, thành quách, cung điện huy hoàng, không ai không lấy làm phấn chấn về một viễn cảnh cường thịnh của giang sơn gấm vóc này.

Bồ đạo sĩ Huyền Linh ngoái lại kéo tay thiên sư Vạn Hạnh, và ông chỉ xuống chân hoàng thành nói:

- Hoà thượng cứ nhìn cái đường bao quanh hoàng thành này, sẽ thấy toàn bộ khu cung điện trở nên hình Thái cực. Ông lại phẩy tay ra xa, chỉ về phía hồ Dâm Đàm, nói tiếp: – Cái hồ sương mù kia là điểm tụ thủy nằm bên cạnh con sông Nhĩ Hà kia là điểm lưu thủy, tức là Lưỡng nghi^[38]. Trong đó cái hồ là tượng âm, dòng sông là tượng dương. Giỏi! Cực giỏi! Ai xếp đặt việc xây cất đô thành này, phải xem là một bậc thầy về phong thủy.

Thiên sư Vạn Hạnh tủm tủm cười. Ông tự hên: – Ta sẽ không nói hớ ra điều gì hết, mặc cho thiên hạ tha hồ mà ước đoán. Đoạn thiên sư hỏi lại đạo sĩ:

- Chẳng nhẽ kinh thành này được xây cất chỉ nhằm có hai điểm Thái cực – Lưỡng nghi sao thưa đạo sĩ?

-Ồ không! Trường lão thư thư cho bản đạo phóng tầm mắt ra bốn phương, tám hướng xem sao đã. Nhìn ngấm một lát, đạo sĩ tiếp – Khi đứng dưới chân hoàng thành, nhìn mọi vật cứ lẫn vào nhau không phân biệt được. Nay hoàng thượng cho đứng trên đỉnh Ngũ Phượng tỉnh nhìn vật nào ra vật ấy, tỏ sáng lắm.

- Hay lắm! Hay lắm! Thưa đại lão hoà thượng. Đạo sĩ Huyền Linh nói như reo lên với sư Vạn Hạnh. – Đại lão nhìn cho kỹ nhé. Có phải hai điện Long An, Long Thụy kia nằm chính giữa hoàng thành không? Phải rồi, nó chính là cung hoàng đạo mà bốn mặt thành lại vuông vức đều nhau, thế chẳng phải là Tứ tượng sao. Lại chính giữa mỗi mặt thành về các hướng đông, tây, nam, bắc có các cửa Tường Phù, Quảng Phúc, Diêu Đức, Đại Hưng thế chẳng phải là Bát quái thì còn là cái gì nữa. – Chà chà! Đạo sĩ tặc lưỡi: – Người chủ trương dựng kinh thành này theo Dịch lý, mà sắp đặt như vậy thật là một bậc kỳ tài quán thế. Lại còn điều này nữa bản đạo không thể không nói ra. Tức là khi mới bắt đầu xây dựng kinh thành, nhà vua đã thể hiện ngay cái phương sách hòa đồng tam giáo. Này nhé, bên tả là quán Thái Thanh, bên hữu là chùa Vạn Tuế, trung cung là lầu Ngũ Phượng tỉnh. Đó chẳng phải là biểu tượng của các tôn giáo sao? Các tôn giáo đã hòa hợp, thử hỏi còn gì có thể làm cho xã hội không yên định.

Thiên sư Vạn Hạnh vẫn lắng nghe đạo sĩ nói, xem vị đạo sĩ khăn vàng đáng kính này có chỉ ra được điều gì hay dở để ông còn kịp tu chính. Kể ra thì Huyền Linh cũng có con mắt tinh đời. Nhưng còn biết bao ý tứ sâu xa ta gói ghém trong việc tạo dựng kinh thành này, đạo sĩ làm sao mà biết được. Đến ngay nhà vua cũng không phải đã biết hết hoài vọng của ta trong việc bày xếp này.

Đạo sĩ cùng mọi người sao biết được việc ta sắp đặt điện các, cung thất theo đủ tám hướng ứng với tám quẻ càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài theo trật tự bốn mùa hoà hợp, theo sự ứng hợp tâm linh giữa thần và người, giữa người với nhật nguyệt cùng hoà hợp mà tỏ sáng, giữa người với Trời, Đất hợp hoà mà hiển lộ ra cái đức lớn của mình. Và rồi, ở mỗi đầu cung ấy, ở mỗi phương vị ấy đều có một ngôi đền hoặc một ngôi chùa là nơi kết tụ anh linh, tú khí của kinh thành. Ta kỳ công sắp đặt kinh thành này đâu phải cho ta, ngay cả Công Uẩn, người mà ta chăm chút nuôi dạy với tất cả tâm lực và trí tuệ của ta, đâu có phải ta vì y. Y chẳng qua là hiện tướng đáng tin cậy của Việt tộc mà dân chúng kỳ vọng. Ta cũng kỳ vọng y sẽ mở đầu cho một triều đại, để từ đó xây đắp cho dân tộc này, đất nước này trở thành một quốc gia văn hiến, và đủ mạnh để không còn bị lép vế, bị bắt nạt và bị đe dọa thủ tiêu... Phải, chỉ có một nền văn hiến cao, thì kẻ cầm quyền mới có đầu óc thông sáng để mở mang đất nước. Còn như dân chúng đắm chìm trong ngu muội, thì kẻ cầm quyền đều là bọn vai u thịt bắp, bất quá lũ chúng có sức khoẻ hơn người cùng tính hiếu sát của loài dã thú, để bắt nạt dân đen. Ôi, một đất nước như vậy tránh sao khỏi kiếp tội đời. Ta ước mong sao cùng với kinh thành này, tâm đạo này, Công Uẩn sẽ mở ra một thời kỳ giàu thịnh, đạo đức, trí tuệ, sáng láng dài lâu cho dòng giống Lạc – Hồng.

Đạo sĩ Huyền Linh chỉ trở nói năng đầy khoái hoạt. Thiên sư Vạn Hạnh vẫn chú ý lắng nghe, và vẫn cứ triền miên nói những điều thầm kín trong tâm não ông.

Đạo sĩ vừa dừng lời, thiên sư chấp tay đáp lễ. Vừa lúc, vua Thuận Thiên bước tới. Vạn Hạnh vái nhà

vua, vài các bậc thiền lão, đạo sĩ rồi kéo nhà vua ra góc lầu. Sư nói:

- Hoàng thượng nay đã là bậc đại trí đại giác rồi, bần tăng không cần phải nói thêm gì nữa. Duy có điều cần được hoàng thượng lưu tâm về cái hồ Dâm Đàm này. Nó là điểm tụ thủy, là nơi tích kết anh linh tú khí của kinh thành. Chính nó với dòng Nhĩ Hà tạo thành cái thế Lưỡng nghi, nhà vua biết cả rồi. Nhưng điều quan yếu của mọi thời đại là phải giữ lấy nó. Nếu vật đổi sao dời như động đất, sụt lở làm mất tiêu nó đi, thì đó là mệnh trời chẳng nói làm gì. Nhược bằng con cháu đại đột mà san lấp nó đi, thì đó là đại hoạ. Tất cả sẽ trở nên u mê ngu dại. Vì rằng nó chính là não thủy. Mất nó, là cả kinh thành này, cả đất nước này sống như một người không có óc não. Vậy ta nói để nhà vua lưu tâm mà truyền đời cho con cháu, phải giữ lấy cái não thủy này. Nên nhớ rằng: “DÂM ĐÂM TUYỆT THẮNG LONG DIỆT”. Còn như để yên long mạch, ta đã cho yểm trên Nùng sơn và trong hồ Trúc Bạch. Các thứ đó sẽ lặn chìm trong đất, trở thành mạch đất, không sợ xâm phạm. Nhà vua cứ yên tâm mà hành hoá.

Lý Công Uẩn xúc động, nói vừa đủ cho thầy nghe:

- Con xin nghiêm giữ lời sư phụ.

Xem ngắm xong, quan Hữu nhai tể tướng Thẩm Văn Uyển lại mời các thiền sư, đạo sư, cư sĩ trở về điện Tập Hiền – nơi nhà vua thiết yến.

An vị tại kinh thành mãi, Lý Công Uẩn cảm thấy trong người bức bối đứng ngồi không yên. Ông cho rằng còn nhiều việc lớn chưa thể khai thông được. Nhà vua đã có chiếu cầu hiền, cầu kế sách an dân, hưng quốc.

Nhiều người có tâm huyết, đã dâng sớ tham bàn về quốc sách mà nhà vua đang cầu tìm. Nhưng nhà vua vẫn còn băn khoăn lắm. Người thì phình mị dân quá, dân sẽ sinh kiêu bạc mà quên mất bốn phận của mình. Người thì khắc bạc quá, dễ dẫn tới khinh dân, khiến dân oán. Người quá thiên trọng về binh lực, đòi ta phải có một đội quân hùng sói, vừa giữ nhà vừa chinh phạt bốn phương để mở mang bờ cõi. Người lại nghĩ nhiều đến việc đạo, việc khai trí cho trăm họ...

Đúng là gom góp hết thảy phương lược của các bậc đại trí, đại giác lại, thời ta có phương sách hoàn hảo để dắt dẫn trăm họ đi vào cõi thiện. Thế nhưng, ta phải tận mắt thấy được cái gì trăm họ cần, đất nước cần, bởi hàng trăm việc, phải có việc làm trước, việc làm sau. Nếu lấy sau làm trước, chẳng khác người đi đầu xuống đất, thành thử muốn đạt mục đích lại trở nên mất phương hướng.

Vậy, phải gần dân thì mới hiểu được lòng dân. Gần dân thời không thể đi với nghi thức hoàng đế được. Phương sách tốt nhất là vi hành, vua nghĩ vậy.

Nhà vua bèn trao việc lưu thủ kinh sư cho hoàng thúc Vũ Đạo vương. Phụ tá là Thái phó Đặng Văn Hiếu, Tả Hữu kim ngô Phí Xa Lỗi, Vệ Trức, Tả Hữu vũ vệ Đàm Thần, Đỗ Giác.

Vua vời Hữu nhai tăng thống Thấm Văn Uyển, tướng công Trần Cảo, viên ngoại lang Lý Nhân Nghĩa, khu mật sứ Ngô Đình và nội lệnh sử^[39] Hoàng Thúc Phương lập thành đoàn vi hành dưới danh nghĩa là đi khuyến giáo. Vua sai hữu nhai tăng thống Thấm Văn Uyển làm trưởng đoàn khuyến giáo; vua và các vị khác chỉ là cư sĩ hoặc Phật tử theo đoàn.

Tuỳ tùng phục dịch gồm có năm người theo hầu, kén trong đám quân thiên thuộc, thuần những tay võ sĩ thượng thặng, cùng với hai cỗ xe song mã để chở vua và các vật dụng tuỳ thân.

Vua sai đi về hướng đông, tức là miền đồng bằng trù phú nhất để xem sự thể binh tình dân chúng ra sao. Ra khỏi kinh thành Thăng Long ba mươi dặm, quan Hữu nhai tăng thống bèn tâu:

- Xin bệ hạ thử cho vào làng kia xem sao. – Vừa nói Thấm Văn Uyển vừa chỉ vào ngôi làng trước mặt.

Vua y cho. Thế là xe ngựa và các đồ tuỳ thân để hết ở ngoài và cho hai võ sĩ ở lại trông nom. Tất cả đều đi bộ vào làng. Vua đóng giả nhà sư. Quan hữu nhai đóng làm hoà thượng. Các người khác giả làm cư sĩ và Phật tử.

Vừa hết đường cái quan thì rẽ vào đường làng. Lối đi quanh co, đường sống trâu gập ghềnh. Lúa hai bên vệ đường xanh tốt. Thảng có một hai cánh miễu rậm rạp như rừng, sừng sững giữa biển lúa xanh rờn.

Chợt nhìn thấy một lối mòn rẽ vào miễu cây um tùm, lại thấy mấy người tay giáo tay thước vừa đi khuất vào trong miễu. Vua chỉ tay cho mọi người tiến theo hướng đó. Chỉ dăm sáu chục bước chân đã vào hẳn trong miễu, hiện ra một quang cảnh khác thường. Ấy là dưới gốc mấy cây đa cổ thụ, có một dãy nhà thấp lùn như một dãy chuồng thú. Chẳng biết ở trong chứa, nhốt cái gì. Nhưng điều làm mọi người sửng sốt, là xế phía đầu hồi dãy chuồng về bên hữu đang diễn ra cảnh tra khảo. Hai tên đồ tể mình trần, đóng khố đang lấy bàn chông vả vào mặt, vào miệng một thiếu phụ mặc váy, cởi trần. Máu chảy nhoè khuôn mặt người đàn bà, tràn xuống ngực, tuôn qua hai bầu vú, nom như hai dòng sữa máu. Không nom rõ mặt thiếu phụ, nhưng cứ nghe tiếng kêu khóc, van xin thì biết người bị tra tấn vào hạng nạ dòng. Đứng sát cạnh đó là một người đàn ông vạm vỡ mặc áo thụng xanh, thắt lưng lụa màu nâu, đội khăn chữ nhân. Người này dáng mặt cau có, vừa như lơ đãng, vừa như có để tâm vào vụ tra xét kia.

Trước cảnh tượng ấy, vua Thuận Thiên đi thẳng vào nơi tra khảo. Hai võ sĩ túm chặt cánh tay hai tên đồ tể như những gọng kìm thép, khiến chúng phải thả hai chiếc bàn chông rơi phịch xuống đất. Còn người đàn ông nom có vẻ hào hoa kia mặt tròn xoe, miệng há hốc ra vì kinh ngạc, và cả sợ hãi nữa.

Vua sai mở cửa các gian chuồng, hoá ra đây là dãy nhà tù, giam người. Lùa ra được chín người. Trong

đó có một bà già tóc bạc trắng, lưng còng, mắt nhòe rĩ đỏ hoe; hai người đàn ông trạc gần năm mươi tuổi, sáu gã thiếu niên trạc tuổi từ mười lăm đến mười bảy. Đám thiếu niên mặt mũi bầm tím, hai người đàn ông phờ phạc, gầy ốm, nom như hai bộ xương khô.

Vua hỏi người đàn ông bảnh bao kia:

- Có phải đây là nhà nhốt tù không?
- Dạ phải. Người đàn ông nhìn sư (nhà vua) trả lời, giọng đã bớt run.
- Mong tôn ông bỏ lỗi, bản tăng tôi xin hỏi đây là nhà tù của lộ hay của châu^[40].
- Dạ bẩm, đây là nhà tù của làng thôi ạ.

Lại đến lượt vua Thuận Thiên kinh sợ, ông rùng mình như thể sắp đến lượt ông bị tổng giam vào dãy chuồng thú kia.

Cố nén ghìm, nhà vua hỏi tiếp:

- Vậy chớ nhà tù này các xã quan lập ra từ bao giờ?
- Dạ bẩm thiên sư, lâu lắm rồi ạ. Từ đời ông nội tôi làm xã trưởng, lại tới đời bố tôi làm xã trưởng.
- Bây giờ ai làm xã trưởng?
- Chính tôi. Nhưng các ông là ai, ở đâu đến đây mà tự tiện vào làng, lại nói năng kẻ cả làm vậy? Dường như viên xã trưởng đã hoàn hồn. Và y không chịu được cái lối hống hách tra xét của đám người lạ mặt này. Y tự trách hôm nay lại không cho gọi đội tuần đinh đi hộ vệ như mọi ngày.

- Không cần biết chúng ta là ai, nhưng phải nói cho rõ ràng những điều ta hỏi.

Trong khi vua đang nói, thì tên lính vũ vệ đã di nhẹ ngón tay trở vào mạng sườn viên xã trưởng, và ghé sát tai y nói thầm: “Tổ nội mày đấy. Mày mà nói láo là bị rút lưỡi con ạ”. Viên xã trưởng bị đau nảy bắn người lên như vừa bị ngòi châm của một con ong bò vẽ. Lại nghe nói bị “rút lưỡi”, y sợ tái mét mặt, như mặt gà rù.

- Ông nhớ lại xem, nhà tù này đã có từ mấy chục năm nay rồi, nhà sư gạn hỏi.

Nhắm tính một lát, viên xã trưởng đáp:

- Bẩm thiên ông, như vậy là tổ nội lập ra từ năm Giáp tuất (974), tính tới nay vừa tròn ba mươi sáu năm.

Lý Công Uẩn giật mình, thì ra cái nhà tù này mọc lên cùng với năm ta ra đời, tức là năm thứ 5 niên hiệu Thái Bình thời Đinh Tiên hoàng đế. Qua ba mươi sáu năm, trải ba triều đại, nó vẫn tồn tại như chưa hề biết đến có sự thay đổi nào.

Nghĩ vậy, vua bèn hỏi:

- Vậy chớ ông có biết hiện nay đang sống ở triều vua nào không?
- Dạ thưa thiên ông, đang ở đời nhà Lê mà dân chúng cứ đồn đại ngài Ngọa^[41] triều, chớ không toạ^[42] triều được, có đúng thế không ạ? Chúng tôi xa kinh thành, chẳng biết thực hư thế nào. Nói vậy, y lại sức nhớ hồi nhỏ có nghe người ta đồn đại về một lời sấm, cũng xuất hiện đâu vào năm Giáp Tuất, tức cái năm khu nhà tù này mới lập ra.

Hồi ấy trẻ con vẫn hát:

Đỗ Thích thí Đinh Đinh,

Lê gia xuất thánh minh.

Cạnh đầu đa hoành tử,

Đạo lộ tuyệt nhân hành.

Thập nhị xưng đại vương,

Thập ác vô nhất thiện.

Thập bát tử đẳng tiên^[43]

Ngẫm ra thì hai phần trên đã nghiệm lời sấm, còn phần dưới, tức cái phần “Thập bát tử đẳng tiên” ấy chẳng biết đã ứng chưa. Y lẩm nhẩm câu “Thập-bát-tử...”^[44] khiến Lý Công Uẩn nghe thấy, nhà vua lại hỏi:

- Có phải ông nói đang sống trong triều đại nhà Lê?

- Dạ phải, xã trưởng đáp.

Lý Công Uẩn thở dài tự nghĩ: ta lên ngôi tới nay đã một năm tròn. Ta đã ban bao chính lệnh như phá nhà tù, tha tô thuế, cứu giúp người nghèo. Thế mà ở đây, ở cái nơi thuận tiện đường sá, gần gũi kinh thành này. Ừ thì cho rằng nếu so với Hoa Lư thì có xa thật, nhưng đã một năm rồi mà ân tứ của triều đình vẫn chưa đến được nơi thôn ấp sao. Dân vẫn chưa biết vị vua hung bạo đã qua đời, và hiện có một người trị vì hết đời xót thương cho thân phận của họ sao. Nhưng vừa rồi ta thấy y nói “Thập-bát-tử” chẳng phải y nói về nhà Lý đấy ư? Vua lại hỏi:

- Vậy chớ ông nói “Thập-bát-tử” là ý nói về cái gì đó?

Viên xã trưởng không dám giấu giếm, y đọc lại lời đồng dao và nói thực điều y thầm nghĩ trong bụng.

Vua lại hỏi:

- Người đàn bà đang bị tra xét đây có tội gì?

- Bẩm nó chữa hoang. Nó goá chồng đã sáu, bảy năm, bỗng dưng có chữa. Làng bắt nó phải nộp khoán một con trâu, nếu không có khoán thì nó phải nói ăn nằm với ai.

- Các ông muốn biết cái người ấy để làm gì?

- Bẩm, để bắt tên đó phải nộp khoán cho làng, và bắt nó phải có bốn phận nuôi đứa bé.

- Thế nó không có trâu nộp khoán, mà nó cũng không chịu khai hay sao mà các ông tra khảo?

- Bẩm nếu nhà nó có trâu, làng đã bắt trâu rồi chứ cần gì phải bắt nó. Bẩm cũng không phải nó không khai, mà nó khai láo ạ.

- Vậy nó khai cho ai?

- Dạ, nó khai cho con.

Nhà sư quay ra nói với thiếu phụ:

- Bần tăng biết nàng không có tội tình gì. Nhưng sao nàng lại đổ thừa cho xã trưởng để chịu đòn tra?

Nghe thiền sư nói, thiếu phụ òa khóc. Một lúc lâu sau nước mắt nàng đã ráo, nhìn thẳng vào mặt nhà sư, nàng quỳ lạy:

- Xin hoà thượng thương tình, con không dám nói sai. Con thân goá bụa. Ông xã trưởng cho sống được sống, bắt chết phải chết. Cả làng này không ai dám trái ý ông. Đêm đêm ông ập đến nhà, bắt con phải mở cửa rồi lại bắt con phải hát cho ông nghe. Ít lâu sau ông không nghe con hát nữa, mà bắt con phải làm việc trắng hoa đồn mật, ngay trước mặt đứa con gái nhỏ của con. Ông còn đe, nếu không tuân theo ý ông thì ông bắt con gái của con về hầu ông. Cực chẳng đã, con phải đem thân cho ông làm điều chó ngựa. Nay ông lại chối phắt. Uy quyền trong tay ông, ông nói gì dân làng chẳng phải nghe. Nói xong, thiếu phụ lại bưng mặt khóc hu hu.

Đến nước này thì vua Thuận Thiên không còn kìm nén được nữa. Vua đã toan hạ lệnh cho võ sĩ trói gô tên xã trưởng, nhưng ngài bình tâm tra xét.

- Vậy chớ lão bà này có tội gì? – Vua quay hỏi bà lão đầu bạc.

Tên xã trưởng gục mặt không nói được điều gì nữa. Bà già hơi nặng tai không nghe được lời sư hỏi. Một người đàn ông nói dầm tiếng vào tai bà điều khách hỏi.

Gương mặt đau khổ của lão bà bỗng như rạng rỡ hẳn lên. Bà phủ phục xuống lạy nhà sư mà từ nãy bà vẫn cho là người tốt, và chắc quyền hành cao hơn ông xã trưởng. Bà nói:

- Bạch hoà thượng, thầy xã trưởng đòi lấy cả thửa vườn nhà con ở sát vườn nhà thầy, rồi đuổi bà cháu con ra mãi khu đồng không mông quạnh gần bãi sông. Con xin ông thương tình bà goá nuôi cháu mồ côi nghèo đói tha cho. Nhưng ông bảo ra vào trông thấy bà cháu con bắn mắt ông, nên ông giam, bao giờ con chịu dời nhà đi thì ông tha cho.

Sư lại hỏi mấy người đàn ông có tội gì.

Người nói vì mẹ ốm phải phụng dưỡng, nên chưa làm đủ số công mà xã trưởng bắt phải làm không cho nhà ông. Người thì đi cày cho nhà ông để trâu lồng làm gãy mũi cày. Người thì tết có thịt ăn mà không trả nợ ông...

- Thế còn mấy trẻ nhỏ kia tội tình gì? Vua quay hỏi mấy gã thiếu niên.

- Bạch hoà thượng, chúng cháu chưa đến tuổi, ông xã trưởng đã bắt đi xâu. Làm lưng vất vả lại cho ăn đói, không chịu được, chúng cháu trốn về ạ.

Xem vua tra xét sự tình, quan hữu nhai tăng thống cùng các quan nội lệnh sử, tả thị lang, viên ngoại lang, khu mật sứ đều có chung một cảm giác xót thương cho thân phận của người dân. Triều đại mới trị vì một năm rồi mà xã trưởng vẫn chưa biết. Rồi tự tiện lập nhà tù ngay cửa ngõ kinh thành bắt người vô tội giam cầm, tra tấn. Quyền bính thì cha truyền con nối suốt ba đời nay, khiến người dân không ngóc đầu lên được.

Lòng bùi ngùi, vua phán:

- Tội trạng của người ta sẽ xét sau. Bây giờ người phải lập tờ bảo chứng.

- Không được vô cớ bắt giam người vô tội. Ai phạm tội chỉ được phép lập bản văn thưa lên châu, quận.

Kẻ nào mắc trọng tội thì sai áp giải cùng bản văn tường trình lên quan trên nữa.

- Phải lập tức dỡ bỏ nhà giam và từ nay không được phép lập lại.

- Tất cả những người đã bị bắt oan này phải được bồi thường, mỗi người ba mươi quan tiền. Riêng lão bà năm mươi quan, thiếu phụ hai trăm quan. Sau này thiếu phụ sinh nở, người phải chăm sóc, nuôi nấng cả hai mẹ con cho tới khi đứa bé mười lăm tuổi.

Xã trưởng viết bảo chứng xong, vua sai quan khu mật sứ Ngô Đình áp dấu rồng của triều đình vào.

Bảo chứng lập thành ba bản, cho xã trưởng giữ một. Y nhìn dấu son triều đình lại thấy đề: “Thuận Thiên nguyên niên, cửu nguyệt sơ nhị nhật, hoàng đế khâm thử”.

Y bàng hoàng nhìn vị hoà thượng mà bủn rủn hết cả tay chân, rồi quỳ xuống rập đầu lạy:

- Con can cáo con lậy đức kim thượng. Con người trần mắt thịt, có mắt như mù, xin hoàng đế tha tội chết.

Từ nay con không dám can bậy nữa.

Vua không nói gì, sai đoàn tùy tùng tiếp tục lên đường.

Trong đợt vi hành, vua đi được ba lộ, mỗi lộ đi được mười hương. Không ở đâu là người dân không bị đè nén, bóc lột. Làng Xuân Phương không phải là làng độc nhất có nhà giam. Nhưng nó là nhà giam độc nhất tồn tại lâu dài tại một làng quê, và sự tàn bạo thì nó đứng hàng đầu. Hẳn trong thời Lê Ngọa triều, nó đã được triều đình có sắc phong tặng, vả lại Xuân Phương cũng chưa phải là làng độc nhất không biết đến tân quân, không biết đến triều đại mới. Thật ra không phải chiếu vua ban không đến nơi thôn ấp, mà lũ hương lý dìm đi không cho dân biết.

Vua sai mở đại triều hội cho các quan trong ngoài đều được dự bàn. Lại sai các quan trong đoàn vi hành bố cáo những điều mắt thấy tai nghe cho mọi người được biết.

Nghe xong, các quan đều lấy làm ngỡ ngàng. Các quan trị nhậm tại những nơi vua vi hành đến, trong lòng không khỏi run sợ.

Để giám sát và hạn chế sự lạm hành và tham nhũng của bộ máy triều đình từ xã thôn, châu quận trở lên, cùng việc bảo vệ tính mạng và cả quyền được sinh sống của người dân, vua cho các quan được phép tỏ bày các kế sách, các phương lược.

Viên ngoại lang Lý Nhân Nghĩa bước ra khỏi ban đầu:

- Chế độ mới đã tồn tại tới một năm mà ơn mưa móc của triều đình chưa tưới khắp. Người dân còn bị đè nén, áp bức, cả đến sinh mệnh và tài sản của họ đều phụ thuộc vào một tên xã trưởng hung đồ. Cách xa kinh thành mới có ba mươi dặm mà người dân còn bị kìm kẹp thế, thử hỏi tại các vùng miền khuất lấp xa xôi, thì người dân sống làm sao được. Chính lệnh của triều đình liệu có còn được tôn trọng. Nỗi oan khuất của người dân cứ chồng chất mãi không được gỡ bỏ, họ dễ rủ nhau làm loạn. Đám dân man dễ nổi lên hùng cứ, chống lại triều đình.

Vì sao vậy? Ấy là bởi từ khi Lê Long Đình trị vì đã đem cái ác, cái hiểm sát gieo rắc trên toàn cõi. Lương tâm và cả lương năng của nhân quần đều bị đánh cắp. Người hiền, người tài rủ nhau đi ở ẩn. Vì vậy, lương dân không biết dựa vào đâu. Khắp nước không còn chỗ nào cho họ trú ngụ. Họ đành cam chịu. Nay bậc thánh minh ra đời, đem sự sống, đem ấm no lại cho dân. Ngặt vì triều đình chưa dứt hết bọn hùm beo

rắn rết, từ thời Lê Ngọa triều vẫn còn nằm trong bộ máy quốc gia, từ xã phường đến châu quận. Hoá nên ân tứ vua ban vẫn chưa tới được người dân. Ấy cũng bởi một số kẻ có quyền chức muốn xã hội cứ ở mãi trong tình trạng mù mờ. Dân lúc nào cũng như gà sợ cáo thì bọn sâu mọt kia mới dễ bề lộng hành, đục khoét.

Ngừng một lát, vuốt lại khăn châu và nếp áo, viên ngoại lang lại tiếp:

- Xin bệ hạ cho thanh trừ ngay bọn sâu dân mọt nước; nếu không, người dân sẽ không biết dựa vào đâu mà phân biệt sáng tối, ác thiện. Vì thế dân sẽ oán bệ hạ. Và lại các chính lệnh của triều đình làm ra, nhất nhất người dân phải được biết, có thế bọn hào trưởng mới không lừa bịp được dân. Lý Nhân Nghĩa nói xong vái vua hai vái rồi lui về chỗ. Vua Thuận Thiên ban lời khen:

- Khanh nói rất hợp ý trẫm. Nào các người khác có điều gì phải, quấy cứ mạnh dạn nói ra. Ngay cả khi các khanh nói trái ý ta, thời đó cũng là điều để ta suy ngẫm, điều răn.

Nội lệnh sử Hoàng Thúc Phương mở chiếc túi hình kim ngư (cá vàng) lấy ra bản tâu đã được viết một số ý chính, ông giơ bản tâu lên xin nói. Vua gật đầu.

Sử gia bước ra khỏi ban, nhìn vào bản tâu lại ngừng nhìn các đồng liệt, đoạn ông quỳ xuống tâu:

- Thần là người chép sử, nên có tham bác sử các đời, từ “Chính sử” đến “Biên niên sử”, “Biệt sử”, “Tập sử” cả “Kỷ truyện” và “Sử bình”^[45] nữa, thần chưa hề thấy ở một thời nào, một chế độ nào dù khắc bạc bạo tàn như nhà Tần, cũng không có chế độ nhà tù tại các phường xã, do xã trưởng tự ý lập ra, để trừng trị lương dân. Và nó đã ngang nhiên tồn tại tới ba mươi sáu năm nay. Đây là tàn dư triều đại trước để lại, nếu bệ hạ không xoá bỏ ngay tức thì, nó sẽ là sản phẩm của triều đại mới. Vì thế dân sẽ oán bệ hạ, mà lịch sử cũng khó minh định được thiện tâm của bệ hạ, bởi các việc phi nhân tính đang tồn tại dưới triều đại Thuận Thiên. Nói xong, sử quan vái nhà vua hai vái rồi lui về chỗ.

Đến lượt quan Khu mật sứ Ngô Đình bước ra khỏi ban:

- Muôn tâu, bệ hạ lấy đức thiện để chiêu hoá thiên hạ, giáo hoá thiên hạ nhằm phân biệt với Lê Ngọa triều lấy cái ác làm rường mối trị thiên hạ.

Hào ý của bệ hạ chính là ân đức của bậc thánh quân. Song nhân thiện mà gieo xuống đất ác không bao giờ nảy mầm xanh. Vì vậy đi đôi với khuyến thiện phải trừ ác. Ngay Phật tổ cũng vậy, ngài vừa khuyến thiện vừa trừng ác, có như thế mới bảo vệ được chính pháp. Cho nên, theo ngu ý của hạ thần, triều đình phải ban hành luật pháp. Một nước có kinh đô giữa thanh thiên bạch nhật như thế này, không thể mọi sự cứ tùy tiện nơi người cầm quyền ở mỗi cấp, muốn hành hạ người dân thế nào cũng được, ví như xã trưởng xã Xuân Phương cha truyền con nối đã lập nhà tù tới ba mươi sáu năm để hãm hại người dân vô tội.

Lại nữa, một khi luật pháp đã có rồi, người làm quan cứ theo phép nước mà hành xử. Dù người phạm pháp đó là ai cũng không vì thế mà bẻ cong cán cân công lý.

Tâu bệ hạ, để các chính lệnh của triều đình đến thẳng được nơi thôn ấp, ngoài các chức dịch ra, dân còn phải được nghe, được biết, được thấu hiểu cũng như bệ hạ có thể nghe được lòng dân từ nơi thôn cùng xóm vắng, xin bệ hạ cho đặt thêm chức xuất nạp quan. Những người này có trách phận phải đem chính lệnh của triều đình phân phát bản văn, giảng giải lời văn đến tận nơi thôn ấp, theo đó nghe ngóng dân tình rồi tâu báo về triều các điều mắt thấy tai nghe. Làm được như vậy coi như tai mắt của triều đình có ở khắp mọi nơi mà bọn nha lại từ phường xã đến hương, châu, lộ không dám ngang nhiên làm các điều xằng bậy nữa.

- Phải, khanh nói chí phải, vua Thuận Thiên gật đầu tỏ vẻ hài lòng, ngài nói: – Quốc gia nào cũng phải có luật pháp. Vậy các khanh bên ngự sử đài, bên dâng văn viện khởi thảo gấp để rồi còn phải bàn thảo trong triều cho thấu đáo, sau đó mới ban bố được. Nhưng chớ có soạn luật văn chỉ có lợi riêng cho ta và các khanh mà để thiệt hại cho trăm họ, thì đây sẽ là đầu mối của mọi sự bất công. – Khanh bảo sao? – Vua Thuận Thiên nghiêng tai lắng nghe các quan nói rồi ngài phán: – Lợi quyền của ta và chư khanh phải hoà đồng vào lợi quyền của bách tính. Không có luật riêng cho một ai cả. Cho nên dù người phạm tội có là công chúa, là hoàng tử hay hoàng hậu cũng không tha. Có như thế mới gọi là công bằng. Nhà vua có vẻ hài lòng, ngài cười vui và nói tiếp: – Dù người mắc tội có là ta cũng không nhân nhượng. Nhà vua bỗng nghiêm sắc mặt nói: – Các khanh nhớ lấy lời ta. Sử quan ghi lại lời ta để nếu khi ta phạm phải bên thẳm

hình viên có muốn chiêm chước, muốn bỏ qua thì ngự sử đài phải đàn hặc, sử quan phải đem bản văn ra để đối chứng. Nếu không như thế thì phép nước không nghiêm.

Vậy các khanh gắng chăm lo phận sự, chặn dặt dân lành đừng để ta phải phiền lòng trách phạt. Các khanh nên nhớ, ta không bao giờ xử dân theo luật, đại phu theo lễ đâu. Đó chỉ là sự điều trá của lũ người có quyền chức mà tham bạo được che phủ bằng những lời lẽ hoa mỹ của luật văn. Ngừng một lát, nhà vua lại tiếp: – Để cận nhân tình, ta y cho việc đặt thêm chức xuất nạp quan. Nào các khanh, còn ai có điều gì bất như ý cũng nói ra để bàn bạc. Ta coi những lời nói thẳng trước ta, còn quý hơn vạn lần những lời tán dương nịnh hót ta.

Quan hữu nhai tăng thống Thẩm Văn Uyển, từ nãy vẫn loay hoay ghi chép các lời tâu vào kín hai tờ giấy để trong túi kim ngư. Thấy vua nhắc, ông liền bước ra khỏi ban xin nói:

- Muôn tâu bệ hạ, ở đời có ba việc lớn luôn nảy sinh sự bất như ý, cũng tức là sự đối nghịch nhau vậy. Ấy là sự quan hệ giữa người với tạo vật, giữa người với người, và nữa là giữa chính bản thân mỗi con người.

Hai sự đối nghịch trên hiện ở nước ta tạm thời yên ổn. Nhưng cái đối nghịch thứ ba ở nước ta hiện nay đang vô cùng rắc rối. Tức như người dân trong nước từ mấy chục năm nay bị xô đẩy vào vòng tao loạn. Các bậc cầm quyền khi sáng khi tối, thật là bất tường. Lại như mấy năm gần đây, Lê Long Đĩnh đã hoàn tất được cơ chế vận hành cái ác khiến nhân tâm con người trở nên rối rắm, bất định. Xã hội không định được là bởi cái tâm con người chưa định được. Muốn định cái tâm của xã hội không ai có thể làm được ngoài các tông giáo. Tức phải chiết tóa được phần tâm linh đang trì bế trong lòng người. Nghĩa là phải khai mở được cái tâm tuệ cho mọi người, mọi nhà.

Bỗng nhà vua ngắt lời quan tăng thống:

- Hiện nước ta đang hội đủ ba tông giáo: Phật – Nho – Lão. Theo ý khanh thì nước ta nên theo về tông giáo nào?

- Muôn tâu, thần xin lần lượt phân giải, tăng thống nói tiếp: – Đúng là ba học thuyết đó hiện đang đua nhau nảy nở ở nước ta. Nhưng ta phải chọn lấy một tông giáo nào phù hợp nhất với tâm thức người dân trong nước, để tôn làm chính giáo, làm quốc giáo. Nho giáo ư? Nho giáo quá thiên trọng về phần hữu vi thế tục, dân dễ nảy sinh phân tư dục, tư kỷ. Lão – Trang ư? Lão – Trang lại quá thiên trọng cái vô vi. Một xã hội hư ảo như thế, con người không có nơi nương tựa, bầu vịu. Đành rằng nó có phần siêu việt.

Một đằng chấp hữu, một đằng chấp vô. Tựu trung cả hai đạo ấy đều thái quá, mà cái gì đã thái quá lại thường hay bất cập. Cho nên chỉ có Phật giáo. Vì Phật giáo vượt lên cả hữu (có) lẫn vô (không), mới thấu hiểu được nhẽ huyền vi sống chết. Đây mới chính là con đường giải thoát cho cái tâm linh trì bế của dân tộc ta hiện nay, xin bệ hạ cân nhắc.

Nhà vua lấy làm đẹp ý, ngài cứ gật gù mãi không thôi. Một lát, vua lại nhắc:

- Nào các khanh, cứ bàn đi. Bàn cho thật cận nhẽ mới có quyết sách sát hợp với lòng dân.

Nhìn thấy Trần Cảo đang loay hoay sửa khăn, áo, vua phán:

- Tướng công^[46] có điều gì nói thử ta nghe.

Trần Cảo người cao lớn, gương mặt hồng hào, đôi mắt sáng như phát hào quang, cặp môi đỏ như tô son, tam đình ngũ nhạc đằng đối thật là một người có quý tướng. Ông mặc áo thụng tía, đội mũ phốc đầu, hai dải trãi buông thông quá ngang lưng, hai tay nâng chiếc túi kim ngư vái vua hai vái, quay lại vái các bạn đồng liệt một vái. Đoạn ông nói:

- Tâu bệ hạ, các bạn đồng liệt của thần đã dâng lên bệ hạ những lời tâm huyết và thông tuệ. Thần không có kế hay chước lạ gì để làm đẹp lòng bệ hạ. Tuy vậy, thần chỉ xin được thêm vài lời, nếu đây là chuyện về rắn thêm chân, làm rườm tai bệ hạ thì xin được tha tội.

Điều thứ nhất thần muốn nói về tâm linh, tôn giáo thế tất phải dùng kế của quan Hữu nhai tăng thống. Song thần xin bệ hạ lưu tâm về các tín ngưỡng khác của nước ta hiện còn lưu tồn nhiều lắm. Trước hết là tục thờ Mẫu đã đời đời ăn sâu bén rễ vào từng nhà, từng người. Lại còn tục thờ tạp thần, dân thần cùng nhiều loại thần linh khác, mà với đầu óc u mê, người dân tin thờ không thiếu một thứ gì. Vì vậy, trước hết

phải khai phóng dân trí, để người dân có thể tiếp nhận được đạo Phật, tiến tới loại bỏ những tạp giáo ra khỏi đời sống xã hội.

Điều thứ hai thần muốn nói, hiện nay các bậc thiền sư đạo cao đức trọng trong nước không có nhiều, mà giới sa môn cũng chẳng đáng là bao nhiêu. Lại chùa đền cũng còn thừa thối lắm. Vì vậy, muốn dẫn dắt dân chúng vào con đường Đạo, phải mở nhiều đạo tràng để chiêu tập và rèn dạy tăng chúng. Có sa môn đoàn, có sư tăng rồi lại phải có chùa cho các vị ấy trụ trì. Sao cho cứ mỗi làng quê dựng được một ngôi chùa, có một vị sư thì việc hoằng dương Phật pháp mới có cơ phát khởi. Dân ta còn nghèo, chùa chỉ cần mái tranh vách đất là được, không cần xây cất nguy nga để hao tổn sức dân, hao tổn của dân.

Điều thứ ba thần mong rằng mỗi vị sư tăng trong làng xã, ngoài việc chăm sóc phần tín ngưỡng tâm linh cho dân chúng, còn là một hương sư dạy dỗ chữ nghĩa cho con cái các nhà. Sư không chỉ là người khai tâm, mà còn phải là người khai trí, là người giáo hoá cho dân, để cải đổi phong tục.

Điều thứ tư thần nghĩ rằng, tuy đạo Phật được coi là quốc đạo, nhưng vẫn phải coi trọng các đạo khác cùng các tín ngưỡng vốn có của người mình. Chỉ cần tước bỏ các phần dị đoan do bọn đồng cốt quàng xiên gieo rắc. Thần nghĩ phải dung hợp được tất cả các tông giáo, tín ngưỡng để có một xã hội Nho, tâm linh Phật và thiên nhiên Đạo. Lại nữa, phải cấm ngặt việc kỳ thị giữa các tông giáo, nếu không thì sẽ là một đại hoạ.

Tướng công nói xong lại vái vua hai vái rồi lui về chỗ. Nhà vua mặt mày rạng rỡ. Ông không ngờ các điều ông chủ trương lại được các đại thần nói ra. Rõ ràng là vua tôi đã tâm đầu ý hợp, việc lớn ắt mau thành. Bước ra khỏi ngai, vua nói:

- Những điều các khanh nói cũng chính là điều trẫm quan hoài. Nó sẽ phải trở thành quốc sách của ta. Nay mai các đài, sảnh, viện phải xem xét để ban thành chính lệnh của ta.

Các quan ai nấy đều vui và đều có chung một dự cảm đất nước đang bước vào thời thịnh.

Hương Thiên Phúc họp bàn để xây lại chùa. Vì có ngôi chùa cổ ở phía núi sau làng, từ khi thượng toạ viên tịch không có sư về trụ, bỏ hoang phế đã gần chục năm nay. Tuy các ngày tuần tiết dân trong hương ấp vẫn vào lễ bái nhưng không có người trông nom nên phong cảnh tiêu sơ, chùa cũ nát lại gặp trận bão mấy năm trước làm tốc mái. Nắng mưa làm cho tượng cũng hoen sơn, mục gỗ. Hai pho hộ pháp nước mưa xối vào hết ngày này qua năm khác, nay đã thành hai đồng đất, cỏ mọc xanh um.

Bữa nọ có người trong làng mơ thấy vị thổ thần báo mộng: “Chùa làng ông sắp được dựng lại. Sẽ có vị cao tăng về đây trụ trì. Làng sẽ hưng thịnh, giàu của nhiều người, liệu mà chăm lo việc Phật. Ông là người có duyên phước, vậy ta báo trước cho ông hay”. Ông lão giật mình tỉnh dậy mới hay mình vừa nằm mơ. Ông định đem chuyện ấy nói với xã trưởng. Nhưng lại nghĩ, chỉ là một giấc mơ vô căn cứ, không có gì đáng nói. Ngày tháng qua đi, ông vẫn giữ kín giấc mơ ở trong lòng; ngay cả vợ con, ông cũng không muốn kể lại làm gì.

Tuy không nói với ai, nhưng hàng ngày ông vẫn lên chùa dọn cỏ, phát các cây gai mọc chen lấp đường đi lối lại, và hương đăng tuần tiết ông thường lui tới chăm sóc.

Bữa nay Ban hội đồng hương ấp cho mời ông cùng các bậc lão niên, các cư sĩ, các nhà phú hào đến để bàn việc dựng lại nếp chùa cổ của làng. Không có chỗ hội họp, làng phải ngồi nhờ tại ngôi bái đường của Đạo quán. Khi mọi người tề tựu đông đủ, hương án bày đặt trang trọng, xã trưởng mới từ cửa giữa bước vào. Ông đi cùng sứ giả của triều đình. Xã trưởng là một người đứng tuổi. Ông xã trưởng đã biết đọc, biết viết, được dân làng trọng nể. Bữa nay ông mặc áo thụng xanh, đội khăn đóng màu đen, nom ông có vẻ sáng sủa, chừng chạc hơn ngày thường. Xã trưởng vừa thắp xong tuần hương, thì viên xuất nạp quan trịnh trọng đặt tờ “chiếu” của vua lên chiếc mâm thau chân quỳ trên hương án.

Xã trưởng quỳ lạy bức chiếu thư bốn lạy. Những người có mặt đều hướng lên án thư lạy “chiếu”.

Xong đầu đó, xã trưởng bóc chiếu thư ra đọc có sự chứng kiến của xuất nạp quan^[47].

Đọc xong, xã trưởng nhắc lại một lần nữa về các chính lệnh vua ban:

- Triều đình tha các loại tô, thuế cho mọi người dân trong nước ba năm liền, để cư dân có cơ hội phục kinh tế, bắt đầu từ năm Canh Tuất (1010) đến hết năm Nhâm Tý (1012).
- Triều đình cho phép trong dân ai có sức khai phá đất hoang, bãi bồi làm đất cấy trồng, sẽ cho làm chủ đất ấy, và được miễn thuế từ năm đến mười năm tùy theo công sức bỏ ra.
- Những người già yếu, mồ côi, goá chồng, thiếu thuế từ lâu, nay đều tha cho cả.
- Các làng, xã nơi nào có chùa, quán đổ nát đều phải tu bổ lại cho khang trang. Nơi nào chùa đổ nát nặng nề phải dựng lại tốn kém gần bằng làm chùa mới, thì làm sớ tâu lên, triều đình cấp cho số tiền bạc bằng một phần mười số tiền tu bổ.
- Làng, xã nào nay mới bắt đầu dựng chùa, tạc tượng, đúc chuông tốn kém hết bao nhiêu, làm sớ tâu lên, triều đình cũng cho bằng đúng một phần mười số tốn kém đó. Tuy nhiên, việc dựng chùa tranh tre hay gỗ gạch là tùy sức dân sở tại, nghiêm cấm khiên cưỡng hoặc bức bách dân đóng góp gây tổn hại sức dân.
- Các làng, xã, phường phố trong dân, ai có nguyện vọng xuất gia tu hành, xã trưởng làm sớ khai về, triều đình sẽ cấp cho độ điệp...

Nghe được tin này, các cụ không còn tin ở tai mình nữa. Đúng là nước nhà vừa xuất hiện bậc thánh đế, lập tức trăm họ được cậy nhờ.

Cụ Mốc xóm Cửa Rừng nghe còn lồm bồm, hỏi lại:

- Các ông nói cái gì thuế má đây. Lại tăng thuế hả? Khổ thế đây. Triều đại nào cũng chỉ nhằm vào đầu người dân mà đánh thuế.

Mọi người cười ồ lên, rồi hét vào tai cụ những điều vua ban trong “chiếu”. Gương mặt cụ sáng dần lên, những nếp nhăn như dần ra. Cụ cười trơ cả hai hàng lợi. Nom cụ hồn nhiên như một đứa trẻ. Cụ lấy tay dụi vào hai mắt. Dường như cặp mắt cụ cay sè chỉ muốn khóc. Cụ nói:

- Ta đã sống trên chín mươi tuổi trời cho rồi. Từ thượng cổ chưa từng thấy có đức vua nào lại xá thuế tới ba năm liền. Mà chỉ thấy liền ba năm tăng tang thuế, tăng các sắc thuế. Người dân thời nào cũng cứ phải cần mẫn, tần tảo như con ong mật, chắt chiu từng giọt để cho vua quan xơi cả bông. Hoạ may thời nay dân mới mở mắt được chăng? Hết đói hết khổ chăng? Nói xong cụ già lại vuốt râu cười ngất. – Hãy cứ để sau ba năm xem sự thế thế nào mới biết được.

Xuất nạp quan nghe được lời này, ông nghĩ: “Lòng dân còn ngờ vực”. Hỏi lại cận kề mọi người, ghi những điều cần ghi và cả những điều tai nghe mắt thấy xong đầu đó, xuất nạp quan nói thêm:

- Khi làng cất dựng xong chùa, có sư tăng về trụ, trẻ em trong làng sẽ được đến chùa học. Nhà chùa sẽ trông nom việc học hành cho trẻ nhỏ. Để có sư tăng thì trong dân ai là người có nhân cách, có duyên nghiệp muốn xuất gia, xả tục, làng xã ghi tên tuổi khai về triều. Triều đình sẽ cấp cho độ điệp. Có độ điệp lại phải vào học trong các đạo tràng vài ba năm mới được cử về các chùa lẻ. Vừa rồi ở Thăng Long đã có hơn một ngàn người được cấp độ điệp. Lại cho dựng các chùa trong nội ngoại kinh như chùa Hưng Thiên ngự, chùa Vạn Tuế, chùa Thánh Thọ, chùa Thăng Nghiêm, chùa Cầm Y... Vua còn cho mở cửa kho phát hơn một ngàn lạng vàng, bạc đúc chuông cho các chùa Đại Giáo, chùa Hưng Thiên, chùa Thăng Nghiêm và lầu Ngũ Phụng tinh. Vua cũng cho mở đạo tràng, lập giới trường ở nhiều nơi cho các tăng đồ thụ giới.

Nghe xuất nạp quan nói xong, dân làng lấy làm mãn nguyện và hết lòng tin tưởng ở tân quân. Vì nhà vua không những lo cho dân về đường làm ăn, sinh sống, lại còn lo cả phần học hành khai trí, cả phần tôn giáo, tâm linh nữa. Chỉ có các bậc thánh đế, minh quân mới lo cho dân như cha mẹ lo cho con cái vậy. Đúng là một đức Bồ tát tại thế.

Xã trưởng hỏi dân làng:

- Lấy tiền đâu ra mà dựng chùa? Chia bố theo đầu người hoặc bố theo đầu mẫu, xin các bậc cao niên chỉ giáo.

Chưa ai trả lời được câu hỏi này. Người nằm mộng được thổ thần báo cho biết trước, tức là nhà hào phú Lý Đức Minh xin nói:

- Việc Phật là việc thiện, không nên chia bố. Vì chia bố nghĩa là ép buộc. Có người có hảo tâm muốn đóng góp nhưng vì nhà nghèo không lấy gì để đóng góp. Lại có nhà giàu, nhưng chưa phát tâm Bồ đề thì sao. Cho nên cứ để tùy tâm, ai mở lòng hiếu Phật đến đâu thì góp đến đấy. Sức có đến đâu góp đến đấy.

Mọi người đều cho lời nhà hào phú Lý Đức Minh là thuận tai.

Xã trưởng liền hỏi:

- Nếu làng không có cao kiến gì khác thì xin cho lập phả khuyến. Ông lại nói tiếp: – Và xin các vị tự tay ghi phần đóng góp của mình vào phả. Ai không ghi được thời đọc cho người khác ghi giúp. Ai vì còn phải bàn bạc cho thuận vợ thuận chồng, ghi sau cũng được. Nhưng xin thưa các cụ, bằng cách nào làng ta cũng phải dựng lại ngôi chùa cho đẹp đẽ, vững chãi, bởi đây là chiếu chỉ vua ban, không làm không được.

Ông xã trưởng vì lòng kính trọng đưa tờ phả khuyến cho cụ Mốc xóm Cửa Rừng ghi trước. Cụ đẩy tờ giấy về phía xã trưởng nói:

- Ông xã trưởng ghi giùm, tôi góp một quan tiền, hai thúng gạo tẻ.

Xã trưởng ghi xong phần cụ Mốc, đem đặt tờ phả khuyến trước nhà hào phú Lý Đức Minh.

Ông Minh nhìn vào tờ giấy rồi nắn nét viết từng chữ cho thật rõ ràng từng nét: “Tôi là Lý Đức Minh hoan hỉ góp vào việc phục hưng chính đạo số tài sản như sau:

Một ngôi nhà ngói năm gian thuần bằng gỗ lim là nhà thờ tổ phụ tôi mới làm cách đây năm năm. Một trăm thúng thóc nếp. Một trăm thúng thóc tẻ. Một trăm quan tiền. Hai chục con trâu bò. Hai mươi tám mẫu ruộng gồm tám mẫu nhất đẳng điền, mười mẫu nhị đẳng điền, mười mẫu tam đẳng điền”.

Loáng chốc phả khuyến đã ghi kín đặc năm tờ giấy. Số tiền bạc, tài sản cúng dường đủ đảm bảo cho việc hưng công sớm sửa. Vả lại đây mới chỉ là một số gia đình chưa được một phần ba làng, chắc sẽ còn nhiều người phát tâm Bồ đề.

Làng lại bàn đến việc cử người trông nom việc xây dựng, người quản lý tiền bạc chi tiêu; cả việc huy động trai tráng vào rừng đốn gỗ, việc nào việc ấy cắt đặt thật là chi tiết. Việc tru liệu gỗ gạch phải hoàn tất

trong hai tháng.

Thấm thoát đã đến ngày phạt mộc, nhà hào phú Lý Đức Minh cho hẳn cô con gái út tuổi chừng mười ba, nhan sắc chim sa cá lặn nhưng có lòng mộ đạo ra chùa nấu nước phục dịch các hiệp thợ làm việc. Có điều lạ, cô bé nhan sắc này không bao giờ để ý đến dung nhan mình, mà chỉ chăm lo phần đạo hạnh. Cha cô là một người hiếu đạo, nên thường răn các con về việc thiện ác ở đời. Gặp những năm mất mùa đói kém, cô thường theo cha đi phát chẩn cho người cơ nhỡ. Hoặc vào các tiết Vu lan^[48], Thượng nguyên^[49] cô lại theo mẹ đem lễ lạt vào chùa cúng dường, để nhà chùa làm lễ bố thí cho các cô hồn, và chẩn phát cho những người đói rách, nhếch nhác với tấm lòng yêu thương, trân trọng chứ không có chút gì cách biệt, ngượng ngùng. Hồi cô mới được một tuổi, có nhà sư đi khuyến giáo qua đây đã nói: “Cô bé này có tướng lạ. Lớn lên ắt sẽ xuất gia. Nếu gặp được các bậc thiền giả cao minh dẫn dắt, chắc sẽ thành đạo quả”.

Ngày tháng qua mau, cô bé hay ăn, chóng lớn không có bệnh tật gì, cha mẹ rất yên lòng. Càng lớn, nhan sắc càng lộ rõ. Cô đẹp một cách duyên dáng, thủy mị. Đi đứng đoan trang, nói năng bật thiệp, học một biết mười. Lại hay lam hay làm, không nề hà việc lớn việc nhỏ. Kẻ ăn người ở trong nhà được cô đối xử ngang hàng, không phân biệt chủ tớ, khiến ai cũng đem lòng trọng nể.

Nhưng đúng như vị sư già đã nói, từ năm bảy tuổi cô đã đem lòng sùng kính Phật. Hằng ngày cô thường trốn nhà lên ngôi chùa hoang quét dọn, hương khói. Lúc đầu, cha mẹ vẫn tưởng trẻ con tò mò đi kiếm chỗ chơi. Nhưng sau thấy con làm việc Phật với vẻ thành kính, ông bà họ Lý không ngăn cấm. Bởi cả hai ông bà đều cho đây là duyên nghiệp, như lời nhà sư đã tiên đoán năm nào. Trong làng đã có mấy nhà đánh tiếng, một hai xin cô về làm dâu. Mỗi lần cha mẹ hỏi han, cô đều khéo léo chối từ. Có lúc cô thủ thi nói với mẹ ý nguyện xuất gia. Bà mẹ buồn và thương con lắm, không ép con phải thành gia thất, cũng không ngăn con xuất gia. Chuyện còn đang dửng dăng thì xảy đến việc tu sửa chùa làng. Cô xin với cha mẹ:

- Phận con là gái, con không dám dự bàn việc chia hưởng gia sản do cha mẹ dành cho. Nhưng nếu quá cha mẹ thương mà cho con được phần nào, con xin hiến tất cả cho việc dựng lại chùa làng.

Cũng vì nhẽ đó, cha cô đã xẻ gần một phần ba sản nghiệp cung hiến vào việc xây chùa. Cô vui lắm, xin cha được đi phục dịch nước non cho thợ.

Trong khi hương Thiên Phúc dựng chùa thì ở Thăng Long và hầu khắp đất nước cũng xây dựng và tu bổ hàng trăm, ngàn ngôi chùa. Khắp nước, chỗ nào cũng tô tượng, đúc chuông. Đâu đâu người dân cũng hào hứng, cũng nô nức góp của, góp công cho việc hoằng dương Phật pháp.

Mấy năm liền được mùa, vừa rồi ở chùa Vạn Tuế trời mưa xuống gạo trắng đầy một sân. Hoá ra không phải việc xây cất chùa chiền tốn kém, dân chúng sẽ bị đói khổ như nhiều người lo. Rõ ràng là nhà nhà đã có cơm ăn, áo mặc. Ấy là bởi lớp dân cùng khổ cứ nương theo bóng Phật mà đi. Phật không làm giúp ai, không cho ai cái gì. Phật chỉ khuyên tự cày cấy lấy lúa gạo mà ăn. Làm dư dật ra để đề phòng các năm mất mùa và cứu giúp người cơ nhỡ. Gắng làm điều thiện, tránh điều ác. Chỉ bấy nhiêu lời khuyên thôi, lại được đức vua tạo duyên phước cho toàn dân, thế là của cải cứ nở ra, điều thiện cứ nở ra khiến cho cái đói, cái ác phải lặn lẽ ra đi. Trộm cướp cũng thưa vắng dần.

Nhờ quần thần và trăm họ hết lòng giúp rập, Lý Công Uẩn lên ngôi trong hào quang chói sáng. Ông biết, muôn dân đã đem lại vinh quang tột đỉnh cho ông, do vậy ông hết lòng đem lại ấm no, hạnh phúc cho họ.

Triều đại mới đã yên vị được năm năm. Trăm họ bớt đói khổ, tiếng rên la sầu oán đã vơi dần, vua Thuận Thiên cảm như vơi nhẹ được phần nào nỗi lo canh cánh, song ngài giận mình còn làm được ít việc quá.

Nhà vua có nhiều con: mười ba nàng công chúa và gần chục hoàng tử. Hoàng đích trưởng tử Lý Đức Chính đã vào tuổi mười lăm. Nghĩ đến việc Đại hành hoàng đế vừa băng, các con đã giết nhau để tranh đoạt ngôi tôn, khiến đất nước lâm vào rối loạn; quan tướng công Trần Cảo dâng sớ xin nhà vua sớm lập ngôi Đông cung^[50] thái tử, để chính danh vị, định danh phận. Và chọn bậc sư phó nào vừa có đức độ, lại có tài tế thế kinh bang để phò giúp thái tử.

Vua y cho. Nhưng trước khi lập, vua cho gọi các hoàng tử và các vị sư phó vào cung răn dạy:

- Ta có nhiều con, nhưng ngôi Đông cung chỉ có một. Đức Chính là trưởng tử lại tỏ rõ cái tâm thiện. Ta

nhớ có lần thiền sư Vạn Hạnh ghé thăm, hồi ấy Đức Chính chưa được một tuổi. Xem tướng mạo Đức Chính, ngài dạy: “Đứa bé này lớn lên ắt đứng đầu trăm họ. Sẽ là người có công hoằng dương Phật pháp. Y sẽ là người tải đạo đi khắp thiên hạ tựa như một con ngựa của nhà Phật vậy. Nên chẳng đặt cho cháu cái tên là Lý Phật Mã được chứ?”. Ngày ấy ta đang còn làm một chức quan nhỏ trong triều hoàng đế Lê Hoàn, nghe lời nói diệt tộc ấy ta xiết bao kinh hãi. Ta đã phải xin thiền sư giữ kín cho, nếu không sẽ là đại họa. Thiền sư cười hờn hậu bảo: “Ta là thầy ông, há không biết điều đó sao!”. Đến đây mọi việc quả như lời Thiền sư. Vậy ta đặt cho con tên ấy, chẳng hay ý con thế nào?

Nghe đến tên Phật Mã, những người em của thái tử cười ồ lên. Nhưng Phật Mã lại quỳ lạy vua cha và nói:

- Con đội ơn vua cha đã ban cho con cái tên mang tầm sứ mạng đó. Con nguyện suốt đời sẽ là một con ngựa trung thành của Phật tổ, để tải đạo của ngài đi bốn phương, như lời thiền sư Vạn Hạnh tiên đoán.

- Phật Mã, ta rất hài lòng về con. Nhà vua lại tiếp: – Ngôi thái tử ta cho Phật Mã là chính danh vị. Vì rằng Phật Mã là đích trưởng tử, là bậc đàn anh của các con. Phật Mã lại siêng năng học hành, có lòng thương kẻ khó. Không ý mình là con vua mà xa rời đám dân lao khổ. Ta biết, các con đều giỏi giang cả, nhưng danh phận đã rạch ròi, không ai được nhòm ngó ngôi đông cung nữa. Ta cũng nhắc các ông sư phó của các hoàng tử, phải giảng cho các con ta thấu hiểu đạo lý ở đời. Tiện đây ta có nhờ răn, các con phải để dạ. Chính ta, người đang nắm giữ vận mệnh của thiên hạ, cũng xuất thân từ đám nông phu lam lũ. Sáu tuổi, ta được theo hầu đức Vạn Hạnh để làm một chú tiểu tăng. Thầy thương ta dạy bảo đủ điều, học đủ các kinh sách. Nhưng vì là một sa môn ở trong sa đoàn, ta cũng phải làm việc quần quật như mọi người. Dù mới chỉ sáu tuổi, nhưng luật lệ sơn môn đã rõ ràng: “Bất tác bất thực” – không làm thì không được ăn, ai ai cũng phải tuân thủ. Ta thấy điều đó là đúng. Ngay với các con bây giờ, ta nghĩ cũng nên như vậy. Nhà vua nhìn các con một lượt, không hiểu có điều gì làm ngài băn khoăn, nên dáng vẻ hơi ngáp ngừng. Một thoáng qua đi, vua lại nói:

- Vậy nên ta ước định, từ nay trở đi, các con cứ vào tuổi mười lăm, ta cho mở phủ riêng, để các con có cơ tự lập nghiệp. Nhưng ba năm đầu, các con phải sống ở các miền quê, chỉ đến tuổi mười tám mới được về kinh. Gọi là mở phủ nơi thôn dã, nhưng chính là các con phải tự làm lấy nhà mà ở, cày cấy lấy lúa gạo mà ăn. Làm ăn phải theo lệ tục nơi hương ấp, phải học hỏi cách làm lụng của giới nông phu. Ta sẽ cấp ruộng đất cho các con. Các con cũng phải chịu mọi sắc thuế như tất cả mọi người dân khác. Không, không thể có một ngoại lệ nào đâu các ông sư phó ạ. Các ông cũng phải theo học trò của mình đi mở phủ. Thầy trò tự làm lấy mà sinh sống, số bổng của các ông, ta sẽ cho lĩnh mỗi năm một lần để gửi về quê quán phụng dưỡng cha mẹ già, đỡ đần vợ con. Ta cấm ngặt thầy trò không được ý thế cậy quyền, làm các điều xằng bậy nơi thôn ấp. Ta sẽ cho xuất nạp quan, kiểm pháp quan về tận hương ấp của các con để kiểm xét. Bổng nhà vua đổi sang nét mặt nghiêm trang: – Các ông sư phó cùng các con hãy nghe kỹ lời ta. Nếu các chính lệnh của triều đình có gì hà khắc, có gì làm phiền phức đến người dân, ta cho phép tâu về để kịp tu chỉnh hoặc bãi bỏ. Nhưng nếu chỉ theo ý riêng mình mà mạo tâu bậy bạ, thì tội nặng khó tha.

Ta nhắc lại, việc các hoàng tử đến tuổi mười lăm phải về các miền quê mở phủ để gần dân, từ nay là phép nước, các đời sau không được tự ý sửa đổi.

Ông sư phó của hoàng tử Bồ bước ra tâu:

- Bệ hạ có cho phép các hoàng tử được về báii yết theo hạn định nào không?

- Sao lại không. Ta cũng là cha mẹ chứ có phải loài vô tri vô giác đâu mà không nhớ thương con. Nhưng việc các con ta ở phủ riêng, phải được xem là cuộc du học dài ngày, bổ ích. Các hoàng tử sẽ được về cung vào các ngày tết, giỗ, hội hè. Lại khi có việc cần tâu bày thì không phải lệ thuộc điều gì hết. Nhưng ta cấm không được mượn cớ bỏ phủ về kinh để thoả mãn du hí, hưởng lạc. Nếu thế thì tội càng nặng. Một khi các hoàng tử mắc tội, thì các ông sư phó cũng phải liên lụy.

Nhìn khắp một lượt sắc diện các hoàng tử, mắt nhà vua như có một thoáng buồn lo. Đoạn vua nói:

- Nhân Phật Mã được lập làm Đông cung thái tử, do phủ tướng công và các đài, viện có sơ tâu trình, ta cũng y cho Phật Mã làm Khai Thiên vương. Nhưng nội trong tháng này phải đi mở phủ. Ta cho viên ngoại

lang Lý Nhân Nghĩa và vũ vệ tướng quân Lê Phụng Hiếu làm tả hữu theo hầu. Ta cũng cho bọn Dương Bình, Quách Thịnh, Lý Huyền Sư, Ngô An Ngữ đi theo giúp rập.

Các hoàng tử không ai dám xin với phụ vương điều gì. Nhưng nom mặt mấy người xấp xỉ với tuổi Phật Mã không giấu nổi nét buồn. Ngay cả điều đó, cũng không qua được mắt nhà vua.

Từ ngày vua vi hành đến, dân trong hương ấp Xuân Phương như được đổi đời. Viên xã trưởng tàn ác bị đày đi viễn châu. Nghe đâu phải sáu bảy năm mới được về.

Dân được quyền chọn lựa xã trưởng. Ông Lương Thanh Khiết nhà vào cỡ bậc trung, nhưng là người có học lại có hạnh, nên dân làng cố ý lựa ông. Nhà ông, bố mất sớm, mẹ phải tần tảo nuôi ba anh em ông. Ông là con cả, bà mẹ gắng cho ông theo học thầy đồ đến thông văn tự, để biết đường giữ lấy gia phả, giữ lấy hương hỏa tổ tông. Lớn lên, ông thờ mẹ hết lòng. Gặp năm mất mùa đói kém, ông ăn củ chuối cầm hơi, nhường cơm nuôi mẹ. Đã trên năm mươi tuổi, việc gì mẹ không bằng lòng gọi vào mắng chửi, ông khoanh tay nghe, không dám cãi nửa lời, và lập tức làm theo ý mẹ. Dù biết rằng làm theo ý mẹ có khi không thu được thành tựu. Nhưng ông không mong cầu lợi lộc, chỉ cốt mẹ vui lòng để tuổi già được thanh thản. Trong làng, ai cũng khen ông là người con chí hiếu.

Ấy vậy, nhiều kẻ vẫn chê ông là dở hơi. Ông biết, nhưng không để dạ. Suy ra mỗi người có một cách xử thế, họ cần tiền bạc, ông cần hiếu để. Ông không thể đem đổi hiếu lấy bạc tiền, cũng như kẻ kia không thể đem bạc tiền mua được hiếu để.

Dân làng mời ông ra làm xã trưởng. Ông một mực chối từ, lấy cớ còn phải thờ mẹ cho tròn đạo hiếu.

Biết được điều ấy, bà mẹ cho gọi ông vào hỏi sự thế. Ông cứ thực tâm trình mẹ về sở ý của mình.

Mẹ ông dạy:

- Con là người có học lại có hạnh, nên dân làng mới tin cậy nơi con. Con đã ở tuổi “tri thiên mệnh”^[51] mà con còn cố chấp. Nay nhờ Trời, Phật cho tuổi thọ, mẹ đã ngoài bảy mươi rồi, dầu sớm tối quy Phật lúc nào mẹ cũng không có gì phải ân hận. Không làm được việc lớn cho thiên hạ, sao con không gánh vác việc nhỏ nơi thôn ấp. Mẹ biết quyền hành một xã trưởng chẳng bõ bèn gì đối với con. Nhưng nếu để việc ấy rơi vào tay bọn xấu, bọn ác thì lớn bé già trẻ cả làng khổ vì nó. Con không thấy viên xã trưởng vừa rồi có khác gì loài hổ lang răn rết. Nay nhờ chính lệnh của triều đình trừ được kẻ ác kia, dân tin cậy con, tức là dân trao sinh mệnh vào tay con; nếu con khước từ, lỡ công việc lại lọt vào tay kẻ ác nữa, thì chính con là kẻ về hòa với cái ác để giết dân. Con cố chấp để khư khư giữ lấy điều hiếu nhỏ mà bỏ việc đại nghĩa, thế là con chấp kinh mà không biết tòng quyền. Thế là con vị kỷ chứ không vị nhân. Đây là chỗ mẹ không ngờ ở nhân cách của con. Bà nén giấu một tiếng thở dài, nhưng lại để rơi một giọt nước mắt.

Nghe mẹ dạy, ông Thanh Khiết chột tỉnh ngộ; ông quỳ xuống lạy mẹ mà rằng:

- Nếu không có mẹ dạy bảo, thì con trở thành người bất nghĩa với dân làng. Con xin tuân lời mẹ.

Từ ngày ông Thanh Khiết làm xã trưởng, dân trong hương ấp coi nhau như người trong một nhà. Trước hết ông tuân thánh chỉ, lo cho dân được an cư lạc nghiệp. Những người già cả không nơi nương tựa, những trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ, đều được làng cắt cho phần đất để cày cấy lấy lúa gạo mà ăn. Ai đứng ra chăm nuôi người già yếu, trẻ mồ côi không những được lĩnh phần ruộng đất ấy, mà còn được cấp thêm phân nữa số đất cấp cho người già và trẻ nhỏ. Vậy là trong làng đua nhau nuôi già, chăm trẻ, không ai còn phải sống cô đơn nữa. Những người như bà cháu bà cụ Giá sống sát nhà xã trưởng trước kia không còn sợ bị chèn ép, bức bách nữa.

Đào Thị Phúc goá phụ bị xã trưởng ép buộc tư thông, nay đã sinh đứa con trai bụ bẫm. Gia đình ba mẹ con ấy được xã trưởng bồi nộp hai trăm quan, đã dựng được nếp nhà khang trang. Xã trưởng phải lưu đày viễn châu, nhưng vợ con ở nhà tháng tháng vẫn phải chu cấp cho thằng bé ba thùng thóc đến năm nó mười lăm tuổi. Tối lúc đó, làng sẽ xét định sau.

Bà cụ Giá nuôi thằng cháu mồ côi nay đã hai mươi một tuổi. Có người mai mối thằng bé với con gái út nhà ông xã trưởng. Bà cụ sợ quá, giãy nảy lên nói với bà mối:

- Giã ơn bà thương đến bà cháu tôi. Chúng tôi phận đứa mồ côi đâu dám chòi mâm son. Xin bà giữ kín chuyện này đừng nói với ai, nhỡ đến tai ông xã trưởng thì bà cháu tôi khốn đốn to, lại bán xới thôi.

Bà mối đưa hai ngón tay ra tếm vành môi, nhả miếng bã trầu cầm tay, bà nói:

- Cụ ơi, cụ lần rồi. Cụ không biết ông xã trưởng làng mình bây giờ tốt lắm, chứ không như lão xã trưởng mắc dịch ngày trước, vua bắt lưu đầy đâu.

Bà cụ phỉ thui tới ba lần rồi mới nói:

- Bà Luyến ơi, vẫn biết rằng bà xe duyên vậy là bà thương thằng cu Sấn nhà tôi, thương tôi lắm. Nhưng tốt cũng là xã trưởng, bà ạ. Đây bà xem, nhà tôi mới chỉ chung giậu với nhà ông xã trưởng này, vừa nói cụ vừa dẫu môi sang phía nhà xã trưởng cũ, thế mà ông ấy đã ghét, đã đuổi đi cho khuất mắt. Nếu không có cuộc vi hành của nhà vua, thì bà cháu tôi đứng đường đứng chợ rồi, sao còn được ở đây. Nói thật với bà, tôi vẫn chưa hoàn hồn đâu.

Bà mỗi cười ngất, bắn cả nước quết trâu vào mặt bà cụ Giá. Năm lấy bàn tay dẫn đeo của cụ Giá, bà Luyến nói:

- Cụ ơi, tôi thề có cây cau trước nhà cụ kia, tôi mà dối trá điêu ngoa thì Trời đánh nó chết đứng ngay tắp lự.

Thấy bà Luyến thề độc, bà cụ Giá không biết sự thế thế nào, chỉ nói lời khuyên can:

- Bà ơi, đừng thề độc, ngộ nhờ nó vận vào mình thì làm thế nào. Thôi được, tôi nghe bà đây, có điều gì dạy bảo, bà cứ nói thẳng tuột ra. Bà cứ vòng vo thì đến cây cau nhà tôi nó cũng không hiểu được. Đối đáp được một câu, bà cụ Giá thích lắm, cười hỏn hển.

- Cụ ơi, tôi thề với cụ, cứ hễ trong làng còn đứa nào lớn lên mà không như đứa có đôi thì tôi ăn không ngon, ngủ không yên. Thằng Cò^[52] nhà cụ, tôi đã để mắt tới mấy năm nay rồi. Nó lam làm mà có hiếu có nhân.

- Các ông ấy bảo cháu làm khoẻ nhất làng đấy. – Bà cụ Giá nói xen vào.

- Biết là của quý, tôi mới nhắm cái cô Hים nhà ông xã trưởng cho nó. Cô bé ấy đẹp người đẹp nết đáo để cụ ạ. Tôi cứ đứng hàng buổi nom nó hái dâu, hai bàn tay nó thoăn thoắt như người múa. Nó ướm tơ mới khéo làm sao, sợi mảnh mà đều tăm tắp như sợi tóc, chẳng có mẩu gút nào. Lụa nó dệt ra, mặt cứ mịn như nhung, sờ mát rợi cả tay. Ai chả biết nhà cụ làm sao môn đăng hộ đối với nhà ông xã trưởng được. Bởi thế, tôi đã phải nói lớt với cụ thân sinh ra ông ấy rồi. Bà cụ phúc hậu lắm, nhận lời ngay. Cụ mà đã nhận lời, tôi đổ ông xã trưởng dám thoái thác. Ông ấy ăn ở có hiếu nhất làng đấy.

- Giời ơi, quý hoá quá, bà cụ Giá vội ngắt lời bà mối – Nhưng bà xem, gia cảnh nhà tôi thế này lấy gì lo cho cháu được. Cụ Giá vừa nói vừa chỉ tay vào căn buồng còn một lá thóc quây nia. Chừng ấy chỉ đủ cho hai bà cháu ăn đến vụ lúa mới thôi.

Bà mối nuốt nước trâu đánh ực một cái, hai ngón tay bà lại đưa lên tém vành môi rồi chùi vào vạt áo, bà nói giọng hồ hởi tự tin:

- Ai khiến cụ lo. Tôi cũng đã nói chuyện với ông xã trưởng rồi. Ông ấy bảo để hỏi ý kiến cụ già. Nếu cụ ưng ý thì ông ấy sẵn sàng ngay. Tôi lại ướm hỏi: – Nếu cụ nhà cho phép thì bà cháu bà cụ Giá lấy gì mà lo hỏi, lo cưới được. Thấy tôi thờ dãi, thương cho cảnh ngộ của bà cháu cụ, ông ấy bảo:

- Bà khỏi lo chuyện đó. Tôi còn lạ gì gia cảnh bà cháu cụ Giá. Nếu cụ ấy có lòng thương đến con Hים nhà tôi, vợ chồng tôi khắc lo.

- Không làm thế được đâu ông xã trưởng ơi, tôi làm ra vẻ hệ trọng, – nhà ông là chỗ càn vàng lá ngọc, dân làng sẽ dị nghị ông cưới chồng cho con.

Ông ấy cười hì hì bảo tôi:

- Thương con, ngon chuyện bà ạ. Mấy lại người ta có cười cũng chỉ cười ba tháng, chứ ai cười được ba năm. Ai cười, nhản mười cái răng, bà cứ nói cụ Giá sang chơi tôi, hai nhà bàn bạc, khó mấy cũng xong. Chỉ sợ cụ ấy chê con Hים nhà tôi vụng dại.

- Thật thế như bà? Cụ Giá nửa tin nửa ngờ hỏi lại bà mối. Thời buổi này mà vẫn còn người tốt như ông xã trưởng. Thôi thì phúc đức tại mẫu, trăm sự tôi nhờ bà. Thằng Cò nhà tôi cũng như con như cháu bà. Nó sống cô cút, xin bà thương cháu, tôi dù có chết, xin làm kiếp chó để giữ nhà cho bà, giữ nhà cho ông xã trưởng, để đền cái ơn trời bể này.

- Giời đất ơi, sao cụ lại nói năng thế làm tôi đến tổn thọ mất thôi. Bà mối giãy nảy lên rồi chắp tay vái

bà cụ Giá hai vái – Cụ ơi, bây giờ đổi đời rồi. Mọi người thương nhau lắm. Hôm rồi cụ chẳng lên chùa mà nghe hoà thượng thuyết pháp. Hoà thượng nói hay lắm, tôi không nhớ được gì cả. Nhưng đại loại là Phật dạy: “Mọi người phải thương nhau, phải siêng làm điều thiện, tránh điều ác. Phải khai khẩn đất đai, vun trồng cấy hái, sao cho không còn ai bị đói, bị rét nữa...”. Thế thì việc nhà cháu giúp cụ đây, việc ông xã trưởng thương thăng cu Sấn nhà cụ với con Lan nhà ông ấy, rồi lại đứng ra lo liệu cho các cháu thành gia thất, thì cũng là làm theo nhời Phật dạy thôi, có gì mà cụ cứ phải băn khoăn. Cụ nói cái gì đến chó với má, ơn với trả, đã thế còn gì là việc thiện nữa.

- Mà này, bà Luyến xuống giọng thì thảo, khiến bà cụ Giá tưởng lại có một việc gì quan thiết lắm đây. –
Thằng Sấn nhà cụ võ được mấy sào ở khu bãi sậy rồi?

Bà cụ Giá thở phào. – Chẳng giấu gì bà, thằng cháu Sấn nhờ giờ đang sung sức. Trước kia không dám làm. Đất hoang hoá đấy, mình công khó công nhọc bỏ sức ra khai phá. Cấy được năm trước, năm sau xã trưởng đã bắt nộp thuế, nộp tô. Ba năm sau, đất ấy lại sung vào đất công. Hồi trước, nhà cháu võ được một mảnh hai sào, xã trưởng thu lại, cháu không võ nữa, chỉ đi làm thuê làm mướn như thế một con trâu con bò thôi. Bây giờ thì phúc hạnh cho mọi nhà rồi. Trên thì nhà vua có “chiếu” ban ra, dưới thì ông xã trưởng khuyến thưởng cho ai khai phá được nhiều. Vị chi, nhà cháu đã khai được mẫu hai bà Luyến ạ, nói để bà mừng cho. Cháu còn định võ thêm tám sào nữa cho tròn hai mẫu. Hai mẫu đất cho hai bà cháu thì ung dung quá. Nếu ông xã trưởng thương tình cho cô Lan nữa thì nhà cháu dư sức làm. Vụ mùa này nhà cháu thu hoạch được bốn sào. Nhưng lúa xấu lắm. Đất mới võ còn hăng, phải vài ba vụ, đất thuần lúa mới tốt.

- Sướng thật đấy cụ nhỉ. Cứ như là chỉ qua một giấc ngủ, lúc thức dậy đã thấy mình có ruộng đất, có tài sản. Trước kia, ai dám nghĩ đến chuyện này. Đến tính mệnh còn lo nơm nớp, bởi từ làng xã đến châu quận, cấp nào cũng mặc sức hà hiếp dân, cướp của dân, tham lam, ác độc như sói, như hùm. Mà lạ thật, mấy năm nay cái đám hành khất ở các nơi hàng quán, chợ búa đi đâu mất tiêu. Dân làng cũng chẳng còn nhà nào phải đói khổ nữa. Nhà nào nhà nấy thóc ninh ních đầy bồ, ăn vụ nợ lưu vụ kia. Đến như mẹ con nhà cô Mai thân goá bụa, trước kia đói khổ là thế, mà bây giờ cũng còn dư dật đem cúng vào chùa cả trăm thăng^[53] thóc. Khi con người đã dư ăn, thì gà, lợn sinh sôi cũng mau đáo đẻ. Nhà nào cũng lợn chắt chuồng, gà đầy sân. Cả cái đám trộm đạo, cắp quế cũng mất hết. Cửa ngõ mở toang chẳng mất cái gì.

- Chả bù mấy năm trước bà Luyến nhỉ. Cứ sênh ra một tí là mất, từ con cá, lá rau, đến con gà, bát gạo. Lắm lúc tôi cứ nghĩ, mình đang sống với một lũ quỷ, chứ không phải người sống với người nữa. Bà cụ Giá cười trơ cả hai hàng lợi móm.

- Cụ ơi thế còn chuyện lương duyên các cháu thế nào? – bà Luyến nhắc lại.

- Để tôi nhờ ông nho Quế xem ngày, rồi nhờ bà dẫn tôi sang thưa chuyện với cụ nhà ông xã trưởng, có được không bà mối. Nói xong, cụ Giá lại cười, nét mặt cụ hờn hậu như trẻ lại.

- Có thể chứ. Cụ cứ đưa cái lá số tử vi của thằng cu Sấn đây, tôi đi so tuổi hai đứa trước, rồi xem ngày chạm ngõ sau.

Nhà họ Mai làng Tam Sơn là một nhà có phúc, con cái hiếu thảo, tiền của dư thừa. Mai Trọng Hựu là người có học. Ông hiểu thông tam giáo, nhưng ưu trọng hơn cả là về Phật. Trong nhà, ông lập ban thờ Phật, lại nữa hay giao du với các bậc thiền sư và các cao tăng trong vùng. Phàm các chùa tu bổ hoặc hưng công xây dựng, ông đều có cúng dường đầy đủ. Vào những năm mất mùa đói kém, ông thường bắt con cái và gia nhân bớt bữa, để thêm vào việc chẩn cấp cho người thiếu đói. Bản thân ông lúc nào cũng ung dung tự tại, đi khắp đó đây. Không một danh lam thắng tích nào của đất nước ông không lui tới. Không một bậc đạo cao đức trọng nào trong vùng, mà ông không tìm đến học hỏi, lại hay kết giao với các bậc thiện trí thức, các bậc cư sĩ. Ông không phải người xuất gia tu hành, nhưng cái đức của ông thật đáng cho cả hương ấp nhắm vào đó mà noi theo. Ông bà Mai Trọng Hựu sinh hạ được bảy người con, hai trai đầu và năm người con gái. Con cả là Mai Mạnh Minh, con thứ là Mai Trọng Mẫn. Các người con gái của ông đều nét na lam làm. Quanh năm chỉ có cày cấy, gặt hái, trồng dâu, chăn tằm, dệt vải.

Nhà ông dư dật, nhưng vẫn lấy sự kiệm cần làm đầu. Bà Mai là một người mẹ hiền thực đảm đang. Bà không cho con gái học nhiều chữ, mà chỉ rèn con về đường công, dung, ngôn, hạnh, nhưng lại hết lòng chăm sóc đến việc học cho hai người trai đầu. Điều đó khiến ông quý trọng bà.

Ông Mai dạy hai cậu con trai học hết *Tam tự kinh*^[54], rồi ông gửi các con vào chùa, nhờ nhà chùa giáo hoá.

Thuở ấy chùa Tam Sơn có thiền sư Cứu Chỉ là bậc cao tăng trong thiền giới. Ngài vốn là đệ tử của Định Hương trưởng lão thiền sư. Pháp danh của ngài do Định Hương trưởng lão đặt cho.

Nghe nói buổi sơ ngộ, ngài đến xin thụ giới Cụ túc^[55], trưởng lão hỏi:

- Thầy có hiểu nghĩa của hai chữ “cứu cánh” là thế nào không?

Ngài sững sờ hồi lâu rồi mới đáp:

- Bạch, chưa ạ!

Định Hương trưởng lão mỉm cười nói:

- Thế là Tôi và Thầy, cả hai ta cùng hiểu hai chữ “cứu cánh” rồi đó!

Ngài lấy làm ngạc nhiên, đầy vẻ suy tư.

Định Hương trưởng lão quay lại hỏi:

- Vậy là thầy hiểu rồi chứ?

Ngài Cứu Chỉ nghe đến đây chợt thấy tâm thức rung động và bừng tỉnh, vội sụp lạy chứ không đáp lời.

Nhân vậy, Định Hương trưởng lão mới đặt cho pháp danh là Cứu Chỉ, có nghĩa là tỏ ngộ ý chỉ cứu cánh của đạo thiền.

Lại nói về Mai Mạnh Minh và Mai Trọng Mẫn được cha cho theo học thiền sư Cứu Chỉ tại chùa Tam Sơn. Chùa này vốn nổi tiếng việc giáo hoá nghiêm ngặt, con cái các nhà trong vùng gửi vào đây học đông không kể xiết, có khi lên tới hàng trăm trẻ. Bởi thuở ấy chưa có trường học, chưa có thầy giáo.

Thật ra, số trẻ học thì đông, song số thành đạt không đáng kể. Mạnh Minh được cha cho theo học với thiền sư đến năm mười lăm tuổi thì bắt về nhà làm ruộng, tập cai quản gia đình vì Minh là trưởng nam. Mười năm đèn sách, Minh được thiền sư dạy cho thông cả Nho, Phật, có tham bác ít nhiều đến Lão học. Học Nho chỉ là cái cầu nối để thiền sư dẫn dắt đám tiểu sinh vào học Phật.

Mạnh Minh không trở thành sa môn, không trở thành nhà thiền học, vì cha cậu không cho cậu đi đến rẻo núi của sự học. Nhà cư sĩ này chỉ muốn cho con mình trở thành một người làm ruộng có chút ít học thức. Biết đường hiếu nghĩa. Biết biện biệt thiện ác. Biết cách làm ăn sao cho khỏi đói nghèo. Lại biết cách cư xử với họ mạc, xóm làng sao cho có đạo nghĩa, cùng là biết cách dạy con trở thành người lương thiện.

Thuở ấy Mạnh Minh cùng học với Lý Đức Chính được ba năm. Chính có dáng tuấn tú, tướng mạo đang hoàng, học hành thông tuệ. Các yếu chỉ của kinh bốn nghe thầy giảng qua một lần Chính đã hiểu và có thể truyền giảng lại cho các bạn đồng môn một cách trôi chảy. Thiền sư Cứu Chỉ thường khen: “Cậu bé này lớn

lên ất có sự nghiệp khác thường. Sẽ là người hoằng dương Phật pháp chẳng kém các bậc cao tăng”.

Đúng như thuở Đức Chính mới ra đời, thiền sư Vạn Hạnh bất chợt nhìn đã tiên đoán: “Người này lớn lên sẽ trở thành con ngựa của nhà Phật để tải đạo đi hoằng dương”. Và vì thế Đức Chính còn có tên là Phật Mã.

Sau ba năm học, Phật Mã theo cha về Hoa Lư, ngày ấy cha chàng còn là tả điện tiền chỉ huy phó sứ. Thấm thoát xa nhau đã tới gần năm năm.

Đạo trước, Lý Công Uẩn lên ngôi thiên tử, Lý Phật Mã được phong làm hoàng thái tử, Mạnh Minh sức nhớ đến người bạn học thuở thơ ấu. Mai Mạnh Minh cố hình dung lại xem Lý Phật Mã có gì khác đời không mà được sinh vào cửa cực quyền ấy. Mạnh Minh không thấy Phật Mã có gì khác thường cả. Thậm chí anh ấy còn là người bình thường như mọi người khác, đều phải tuân theo chế độ “Thấp lao tạp dịch” và “bất tác bất thực” của nhà chùa. Khác chăng là ở nơi tư chất của Lý Phật Mã sống giản dị, hoà nhập với mọi người, khiến ai nấy đều cảm mến vì dễ gần. Bỗng nhiên Mạnh Minh thấy nhớ bạn. Biết rằng giữa mình với hoàng thái tử lúc này là một trời cách biệt. Nhưng thực tình Mạnh Minh chỉ nhớ người bạn học có tên là Lý Phật Mã từ thời thơ ấu chứ Mạnh Minh có nhớ về một chàng hoàng tử nào đâu.

Chiều xuống, Mạnh Minh thấy bồn chồn, anh cứ chạy ra chạy vào vẩn vẩn vợ vợ, đảo mắt thấy phía ngoài rừng sương chiều đã giăng mờ trên các ngọn cây đỉnh núi. Và từ đâu đó văng lại tiếng vó ngựa đổ dồn, rồi một đoàn người, ngựa hiện ra trước cổng nhà.

Khách lạ, nom lại có vẻ hào hoa phong nhã, Mạnh Minh ngỡ là khách của cha mình. Nhưng sao nom các gương mặt khách còn non trẻ quá, chàng tưởng khách lạ đường đang loay hoay tìm lối; Mạnh Minh vội sửa lại chéo áo và nếp khăn đội đầu thì khách đã xuống ngựa. Trong toán đã có hai người bước tới đầu sân.

Mạnh Minh chấp tay chào khách. Khách đáp lễ rồi nhẹ hỏi:

- Thừa tôn huynh, chẳng hay đây có phải là hương Tam Sơn?

- Dạ bẩm tôn huynh đúng đấy ạ. Đây chính là hương Tam Sơn. Mạnh Minh lễ phép đáp lời và nhìn qua gương mặt khách, chàng thấy có nét vừa lạ vừa quen.

Khách lại lên tiếng:

- Xin tôn huynh cho hỏi, đây có phải là gia đình của Mạnh Minh công tử không ạ?

Mạnh Minh cảm như có gì quen lắm nơi khoé miệng chàng công tử kia. Anh nghi công tử này chính là hoàng thái tử Lý Phật Mã cùng học với anh thời thơ ấu. Nhưng sao chàng có thể biết tung tích ta? Tuy vậy, Mạnh Minh cũng phải xác nhận:

- Dạ phải. Vậy chớ tôn huynh có điều chi dạy bảo?

Khách tươi cười nắm lấy bờ vai Mạnh Minh mà lắc:

- Vậy chớ huynh cố tình không nhận ra ta sao? Ta là Lý Đức Chính mà thiền sư Cứu Chỉ – thầy chúng ta thường gọi ta là “con ngựa nhà Phật”, nào huynh đã nhận ra chưa?

Mạnh Minh lùi lại hai bước chấp tay vái hai vái:

- Đại xá! Đại xá! Xin hoàng thái tử tha tội cho kẻ có mắt cũng như đui. Bây giờ thì Mạnh Minh này nhận ra thái tử rồi. Xin mời thái tử và các tôn huynh vào nhà.

Nghe nói có thái tử đến, ông Mai Trọng Hựu ở nhà trong vội sửa soạn khăn áo.

Chưa kịp phân ngôi chủ khách thì người nhà đã dâng trà. Và ông Trọng Hựu bước ra chào thái tử:

- Thái tử vân du tới tệt xá mà không cho hay trước, để gia chủ chúng tôi sửa soạn cung nghinh, nên việc tiếp rước sơ sài quá, xin thái tử tha tội.

Thái tử biết chắc chủ nhân là cha của Mạnh Minh, chàng cúi đầu vái ông rồi nói:

- Đường đột tới nhà, làm phiền lão bá, kẻ tiểu sinh này vô cùng đắc tội, xin lão bá tha thứ.

Ông Mai Trọng Hựu nói đôi lời với thái tử cho phải đạo, rồi ông cáo lui vào nhà trong. Bởi ông biết sự có mặt của ông sẽ làm cho đám trẻ thêm lúng túng.

Thái tử ngồi, vẫn có hai chàng trai tuổi chừng đôi mươi đứng hầu không rời nửa bước. Mạnh Minh đoán là các võ sĩ cận vệ của thái tử. Đã hai ba lần chàng mời ngồi, hai người đều lễ phép chối từ.

Thái tử như hiểu ý bèn nói:

- Đây là hai dũng sĩ trong cấm quân, được quan thân vệ cho đi cùng ta. Các người hãy lui ra ngoài cho bọn ta nói chuyện. Thái tử vừa nói vừa chỉ tay ra sân, hai chàng võ sĩ cúi đầu bước ra.

- Tiểu sinh rất lấy làm lạ thừa thái tử. – Mạnh Minh nói – rằng sao thời gian cách biệt như thế mà thái tử vẫn còn nhớ đến tiểu sinh. Kỳ lạ nữa, tại sao thái tử lại biết được cả gia hương của tiểu sinh?

Lý Phật Mã cười ngất, tiếng cười của chàng mới đáng yêu làm sao. Gương mặt chàng trong sáng như một thiên thần, khi chàng cười thì từ khoé miệng, hàm răng và đôi mắt kia đều toả ra một thứ ánh sáng ấm áp khiến kẻ trò chuyện với chàng đều mất hết cảm giác e dè, và lập tức đem lòng yêu quý chàng ngay. Chính tư chất chàng có sức hấp cảm như vậy nên dù trong thời gian học, hai người không thân thiết với nhau lắm, nhưng Mạnh Minh không thể không nhớ đến chàng.

Vừa dứt tiếng cười, thái tử đáp lời:

- Tình bằng hữu lại cả tình đồng môn nữa, làm sao có thể quên nhau được. Sở dĩ ta biết được gia hương của quý hữu, là ta có ghé qua chùa thăm thầy. Tới đây mới được trưởng lão hoà thượng cho biết thầy Cửu Chỉ đã rời chùa từ lâu.

- Dạ bẩm thái tử, đạo thái tử về Trường Yên được vài tháng thì thầy Cửu Chỉ cũng biệt Tam Sơn về trụ tại chùa Diên Linh núi Long Đội. Mạnh Minh và các bạn được trưởng lão thương dạy tiếp cho mấy năm nữa.

- Chắc quý hữu muốn biết vì sao ta tìm gặp chàng phải không? – thái tử hỏi.

Mạnh Minh gật đầu xác nhận.

- Có gì đâu, trước hết là nhớ bạn. Trong hàng trăm bạn đồng môn, chọn lấy người mình yêu quý, tin cậy chưa chắc đã được một hai. Cha ta và cả thầy chúng ta luôn luôn răn dạy: “Lựa bạn phải hết sức kỹ càng. Lầm kết thân với bạn xấu, tư cách mình giảm đi, sự nghiệp cả cuộc đời có khi cũng tiêu vong. Trái lại, kết hảo được với bạn tốt, khác nào như tre ẩm bụi, như lúa tháng ba gặp mưa rào đầu hạ, mọi thứ sẽ hanh thông”. Ta về đây với quý hữu nhằm kết hảo bạn bè, vậy chớ ý quý hữu thế nào? Lý Phật Mã nói với tất cả sự chân thực, và niềm vui lộ rõ trên gương mặt rạng rỡ của chàng.

Nghe bạn nói, Mạnh Minh không tin vào tai mình nữa. Chàng tự hỏi, ở Thăng Long có biết bao nhiêu con nhà quyền quý; với bao nhiêu con cái các nhà trong hoàng thân, quốc thích, sao thái tử không kết bằng hữu lại tìm đến ta, con nhà thứ dân. Nghĩ vậy, chàng bèn đáp:

- Đa tạ thái tử đã nhớ đến tình đồng môn, Mạnh Minh tôi xin kết cỏ ngậm vành thờ thái tử trọn đời. Song có điều tôi băn khoăn, không hiểu hoàng thượng có cho phép thái tử kết thân với đám dân hạ tiện như tôi không.

- Sao quý hữu ăn nói hồ đồ vậy. Trước khi làm chức quan thân vệ rồi quan điện tiền, và cả trước khi được triều thần phò tá lên ngôi hoàng đế, cha con ta cũng là những kẻ lam lũ lăn lóc nơi ruộng đồng, như cha con quý hữu thôi chứ có hơn gì.

- Vậy chớ thái tử đã xin ý chỉ của hoàng thượng chưa?

- Chưa, ta chưa ngỏ xin điều gì với cha ta từ ngày ông đăng quang. Việc ta với quý hữu cũng chưa thể ngỏ với cha ta được; vì rằng ta chưa dám chắc Mạnh Minh đã nhận lời với ta.

Thái tử nói lời trung hậu và tỏ ra trân trọng, Mạnh Minh cảm kích vái hai vái để tạ ân thái tử.

Lý Phật Mã đáp lễ, và thái tử nói thẳng ra điều chàng muốn nói:

- Ta chẳng giấu gì Mạnh Minh, khi cha ta lập ta là hoàng thái tử, cả thiên hạ đều biết ta đã được chọn lập. Bởi vậy ta cần phải có bạn bè cố kết. Không phải đây là sự lập bè lập đảng, mà là tai mắt triều đình phải có ở khắp nơi, để nghe ngóng được tiếng nói thiết tha từ trong đám lê dân, xem họ yêu cái gì, ghét cái gì. Nếu không thì đám cận thần và lũ trung quan, vào hùa với bọn tham bần mà quyền hành chất ngất ở trong tay, chúng sẽ che tai bịt mắt từ hoàng thượng trở đi, để tha hồ mà thao túng bộ máy quốc gia, tha hồ mà vợ vét, bóc lột, hành hạ người dân. Những điều ta nói với quý hữu, chính là điều mà cha ta thường răn dạy. Hoá nên ta phải lo liệu từ khi cờ còn chưa đến tay. Và lại, vua cha đã cho ta mở phủ riêng, nhưng người bắt phải ra khỏi kinh thành, sống chung lẫn với dân thì mới dò biết được ý sâu nông của họ. Ta có ý

định về mở phủ tại vùng này, vừa có bạn bè, vừa gần gũi quê hương, chắc ta sẽ có dịp gần dân hơn.

- Thái tử chưa lên ngôi mà đã lo cho thân phận của người dân, thế là điều đại hạnh cho nước. Được thái tử sai khiến vào các việc thiện đức, thời dù gan nát, óc lầy, Mạnh Minh này cũng không dám từ nan.

- Ta hỏi thật quý hữu, nếu như ta cắm đất hương Tam Sơn này mở phủ, thì có phiền gì cho bạn không? – Thái tử hỏi Mạnh Minh một cách thành thật.

Mạnh Minh tròn xoe mắt nhìn thái tử với tấm lòng biết ơn, chàng đáp:

- Nếu được thái tử xem như tình bằng hữu mà đem lòng ái mộ nơi hương ấp quê tôi, lại về đây mở phủ cầu sự gần dân, tích thiện cho nghiệp lớn mai sau, thì Mạnh Minh này sẵn sàng cấp giáo theo hầu chờ sai khiến.

Phật Mã nắm chặt tay Mạnh Minh cảm tạ:

- Ôn tri ngộ này ta biết lấy chi đền đáp. Việc ta về mở phủ chắc chỉ nay mai. Ta về thưa lại với phụ vương, nếu người ưng thuận, ta sẽ khai triển cấp thời.

Nói rồi thái tử từ tạ. Hai người quyến luyến chẳng muốn chia tay. Mạnh Minh theo tiễn thái tử tới đầu thôn thì gặp người em gái đi hái dâu về.

Thấy anh mình đi với một công tử phong lưu, Mai Thị Minh Nguyệt cúi chào rồi đi thẳng. Hai giỏ dâu trĩu nặng hai đầu đòn gánh, khiến Minh Nguyệt phải rảo bước, làm bước đi của nàng uyển chuyển duyên dáng như người múa.

Mạnh Minh vội thưa: – Xin thái tử đại xá, cô gái đó là tiểu muội của thần. Nhà có mấy bát tấm đang kỳ ăn rồi, nên suốt ngày em nó phải tất bật.

Thái tử đang nhìn theo bóng hình người con gái, mà chỉ mới thoáng qua chàng đã xốn xang lòng dạ. Chao ôi khuôn mặt nàng mới đầy đặn phúc hậu làm sao. Gương mặt trong sáng như mặt trăng rằm cùng cặp mắt trong trẻo thơ ngây, khiến nàng có vẻ đẹp như mơ. Thái tử đang thả lòng mình theo nhịp chân nàng nhún nhảy thì nghe thấy tiếng Mạnh Minh. Chàng hơi đỏ mặt đáp lời:

- Chẳng hay tiểu muội của quý hữu đã có nơi chốn nào chưa?

- Dạ, nhà nghèo nên chưa có ai để mắt tới.

Thái tử mỉm cười từ biệt. Lòng chàng như đang chấp chới bay lên cùng vó ngựa.

Vua Thuận Thiên vừa đi tuần thú phương nam về tới Thăng Long, chưa kịp mở tiệc tẩy trần thì quan thái úy Lý Trưng Hiền đã vào tâu về các sự việc đang xảy ra tại vùng ải bắc.

Đẹp nổi nhọc mệt sang một bên, vua tươi cười hỏi:

- Thái úy đi kinh dinh vùng ải bắc có gì lạ nói ta nghe. Liệu Tống Chân tông có đi theo vết xe đổ của Tống Thái tông hồi năm Tân tỵ^[56] không?

- Muôn tâu bệ hạ, thần không bao giờ dám lơ đãng trên vùng ải bắc. Bởi người láng giềng vĩ đại của ta, lúc nào cũng nom dòm đất đai của bệ hạ, hau háu như lũ cú dòm nhà có người bệnh vậy.

Hiện nay Tống Chân tông không ra mặt, nhưng xúi bẩy lũ người man bên đó sang quấy nhiễu dân ta. Vừa rồi quân viễn thám của ta, bắt được năm đứa con đồ sang gây sự cướp của, bắt trâu của dân ta, định đem về đất Tống thì bị bắt lại. Chúng đều khai là quân của Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí.

- Đứng sau hai tên tướng người man này là kẻ nào? An Phủ sứ Quảng Tây hay viên tổng binh thành Ung Châu, hay là Tống Chân tông? – Lý Công Uẩn vội cắt ngang lời viên thái úy bằng một câu hỏi.

- Tâu hoàng thượng, thần đã tra xét kỹ đám tù binh, chúng đều khai không phải chúng đi trộm trâu, lấy lúa gạo, mà cái chính là dò biết tình hình bố trí binh lực của quân ta. Bên chúng binh lương cùng vũ khí không thiếu, chính viên tổng binh thành Ung Châu cấp cho chúng các loại máy bắn đá, hoả pháo, đao, kiếm, cung tên cùng hơn hai vạn con ngựa tốt. Còn lương thực thì lấy ở kho của lộ Quảng Tây.

Tâu bệ hạ, từ non một tháng nay, ngày nào quân man bên kia cũng tràn sang. Cứ mỗi ngày số lần và số toán mỗi tăng. Gần đây có ngày chúng dấy sang tới cả chục toán. Toán ít nhất là năm, bảy tên, nhiều nhất có tới cả trăm đứa. Chúng xâm phạm trên một dải dài tới vài chục dặm thuộc vùng đất Quảng Nguyên^[57], nhưng chủ yếu là đất châu Bình Lâm^[58]. Quân chúng đi sâu vào nội địa nước ta có chỗ tới hơn chục dặm.

- Khanh nói ta nghe cách đi đứng của chúng nó?

- Tâu bệ hạ, bọn này thường bỏ đường chính, đi theo đường tắt. Chúng đi lại, leo trèo, nói năng tỏ ra rất thông thạo không kém gì dân man nước ta.

- Thái úy có biết vì sao như vậy không? – Vua hỏi.

- Tâu bệ hạ, thần có nghĩ đến việc người man bên ta làm nội gián, dẫn đường chỉ lối cho đám quân man bên phía Tống.

- Phải, khanh nói hợp ý ta lắm. Khá khen Tống Chân tông làm việc này khôn ngoan, nhưng sao che nổi mắt ta. Hiện nay người Tống đang bị các nước Liêu, Hạ xâm lăng rất dữ. Quân Tống đã nhiều phen đại bại. Vua Tống phải xử nhũn, giảng hoà, cắt đất và hằng năm phải cống nạp cho các nước Liêu, Hạ rất hậu. Nhưng việc đó chỉ là tạm thời rồi Liêu, Hạ lại nhất tề xâm xé Trung nguyên. Nội bộ nhà Tống cũng đang chia rẽ trầm trọng. Tống Chân tông rất muốn có một cuộc chiến tranh nhỏ, mang lại chiến thắng để ông ta dẹp yên nội tình. Tiến lên phía bắc bị Liêu, Hạ chặn lại. Tiến xuống phía nam thì trận xâm lăng năm Tân Tỵ bị hoàng đế Lê Hoàn đánh cho thất điên bát đảo, vua tôi vẫn chưa hoàn hồn, nên không dám ra mặt thị oai mà núp sau đám tướng man là Đoàn Kính Chí, Dương Trường Huệ. Nay mai ắt có cuộc tiến binh lớn của người man Tống vào đất ta. Nếu trận này ta sơ hở, giặc thắng một vài nơi, gây được thanh thế thì sớm muộn quân Tống cũng lộ mặt là kẻ xâm lược, đại binh Tống sẽ tràn sang ta. Nhược bằng lũ kia đại bại, thì triều Tống coi như là một việc riêng của đám dân man nước họ, cũng như đám dân man khó trị của nước ta. Cùng lắm thì họ có chiếu thư vỗ về ta, rồi làm một vài việc giả vờ như là trách phạt người man nước họ.

- Bệ hạ anh minh, xét đoán công việc xa rộng, chúng thần không thể nghĩ hiểu tới chỗ rốt ráo như vậy. Nhưng thưa bệ hạ, thần còn nghĩ tới việc người man Nùng ở cả bên ta và bên Tống nhiều vùng còn có chung huyết thống, nên người Tống ra sức lợi dụng chỗ đó. Vậy tại sao ta không làm như họ. Ta cũng dùng người của họ vào mục đích của ta.

Vua Thuận Thiên chỉ tay vào bình rượu quý bảo Thái úy:

- Khanh quả là vị tướng có tài dụng gián. Ta ban cho Khanh một chung, tự tay rót lấy mà uống. Nhưng không phải ta làm như họ, mà phải làm hơn họ. Khanh có nhớ vì sao năm trước châu Vị Long^[59] hòa với dân man làm phản, ta phải tự tay đánh dẹp không?

- Bệ hạ ra oai để kẻ kia khiếp phục.

- Phải, chính vì thế mà ta cho sáu quân ào ạt tiến vào, thế như chẻ tre. Bọn thủ lĩnh Hà Trắc Ẩn cả sợ đem đồ đảng trốn nhủi vào rừng. Ta không cho quân bắn một mũi tên. Không đốt một nóc nhà. Không tàn phá hoa màu. Không xâm phạm của dân một cái tơ cái tóc nào. Đến đâu ta cũng phủ dụ bách tính. Kính già yêu trẻ, biếu lụa cho quà, khiến dân ơn ta. Dân ơn ta, càng oán Hà Trắc Ẩn cùng đồ đảng. Cứ để cho y lẫn trốn ít lâu, rồi ta sẽ chiêu phục, ban cho đặc ân, lại cho cai quản đất ấy, hẳn y sẽ phải tận trung với triều đình. Để rồi xem vua tôi Tống Chân tông có còn mua chuộc, còn sai khiến được người man của ta nữa không. Triều đình sẽ dùng người man làm phen dậu, để chống lại mưu đồ xúi biên dân của ta làm loạn, để bề đục nước béo cò cho họ lẫn sang đất ta.

Dừng một lát, như để thẩm định lại những gì mình đã nói, đoạn nhà vua hỏi thái úy:

- Vậy chớ ý Khanh thế nào?

- Tâu, bệ hạ hoạch định kế sách dài lâu, thần không tài nào theo kịp. Song thần là tướng võ, thần xin nói ngay vào các công việc cấp bách phải làm, kéo khi quân giặc tràn sang, ta trở tay không kịp, lại lỡ mất đại cuộc của bệ hạ.

- Ta đã đọc kỹ biểu chương cáo cấp của châu mục châu Bình Lâm. Hoàng Ân Vinh đã họa cả đồ bản nơi nào giặc man tràn sang, nơi nào chúng đang hội quân. Các việc này hẳn thái úy đã biết?

- Tâu hoàng thượng, thần có được biết. Còn đây là họa đồ thần dự liệu các nơi chiến trận sẽ diễn ra cùng kế sách đánh dẹp của thần, xin bệ hạ ngự duyệt.

Lý Công Uẩn xem xét rất kỹ các nơi mà thái úy dự tính quân địch sẽ tràn vào, cả những nơi chốn mà thái úy nghi binh dụ địch. Đoạn vua hỏi:

- Khanh định chìm chết quân giặc tại bến Kim Hoa?

- Tâu bệ hạ, đó là nghiệp của chúng tới ngày phải trả quả chứ đâu tại thần.

- Theo ta, nên dụ địch vào sâu đất ta hơn nữa. Ta muốn nhân chuyện này làm cho Tống Chân tông bề mặt, phải kiêng nể nước ta, cũng nhân chuyện này gây cho đám man dân của Tống nổi kinh hoàng để dạ, và còn là chuyện răn đe các thủ lĩnh người man ở nước ta nữa.

Nhà vua chỉ vào tấm họa đồ nói tiếp:

- Phải dụ cho đại quân của giặc vào quá bến Kim Hoa ít nhất là vài ba chục dặm. Quân ta phục sẵn từ bên bờ bắc Kim Hoa đánh dồn chúng sang đất ta, rồi cắt cầu phao chặn đường về của giặc. Cùng lúc, các cánh quân của ta đã ém trước trong rừng: tiền hậu, tả hữu nhất tề xông vào đánh. Khi quân giặc đã vón lại thì mở vòng vây cánh bắc cho giặc chạy tháo xuống sông. Giặc vốn không quen nghề đánh thủy, lại không có thuyền bè, cầu phao, chắc sẽ chết chìm gần hết. Kẻ nào thoát chết sang bờ bắc thì đã có cánh quân ém trước của ta xông ra bắt sống. Vậy là ta vẫn không bỏ kế chìm chết giặc trong lòng sông Kim Hoa của thái úy, mà ta chỉ sửa đi đôi chút cho mẻ vó nặng hơn, chẳng hay có phương hại gì không thái úy?

- Bệ hạ điều binh như thần. Phen này quân giặc ắt hết đường sống. Tâu bệ hạ, mọi việc đều gấp lắm, xin bệ hạ sớm cho lệnh tiến binh.

- Khanh có còn cần gì nữa không? Nhẽ ra bình định đám nhà man Tống này, ta chỉ cần vài vạn quân biên trấn là dẹp xong. Nhưng ý ta không muốn cho một tên nào chạy thoát, nên phiền thái úy phải ra tay. Chuyện này ta cho Dực Thánh vương cùng đi với thái úy. Dực Thánh vương nhận binh phù là chỉ trên danh nghĩa. Thực chất việc điều hành, cắt đặt cùng toàn bộ kế sách tiến lui đều ở tay thái úy. Ngoài việc phải đánh thẳng giặc, ta còn uỷ thác Thái úy kèm cặp con ta, để khi lớn, các hoàng tử phải là các tướng giỏi. Vậy trước khi đi, còn có điều gì khúc mắc, thái úy cứ nói.

- Tâu bệ hạ, ngoài số quân biên trấn, thần đã chuyển được hơn năm vạn quân lên ém kín nhem ở trên đó rồi. Xin bệ hạ cho thêm năm vạn quân nữa, lấy từ quân “tứ sương”, “tứ thánh”, “tứ thần”, “tả hữu kim ngô”, “tả hữu vũ vệ” điều thẳng lên áp sát vùng biên ải Lạng Châu, phòng bị quân Tống ở Ung Châu, nhân

cơ hội tràn sang.

- Bao giờ thì khanh cần đến số quân này? – Vua hỏi.

- Tàu, càng sớm càng tốt.

- Bao giờ thì khanh lên đường?

- Tàu, sau khi giao ước với Dực Thánh vương cùng phó đô tướng quân, thần cùng hai ngàn quân bản bộ sẽ xuất phát vào đầu giờ mùi ngày Mậu Ngọ.

- Được, mọi sự ta sẽ y lời tàu của thái úy.

Trao ấn, kiếm cho thái úy Lý Trưng Hiền xong, vua cầm tay căn dặn:

- Trẫm với thái úy, tình là anh em, nghĩa là vua tôi. Trẫm trao quân mệnh vào tay thái úy, vậy thái úy cứ theo phép quân mà điều hành, nơi mặt trận không phải chờ hỏi mệnh trẫm, kéo lỡ mất việc lớn.

Trẫm lưu tâm thái úy, phải bắt bằng được hai tên đầu sỏ Dương Trường Huệ và Đoàn Kính Chí về đây trị tội, và phải tiêu diệt gọn đội quân xâm lược này. Đây là tương kế tựu kế, ta vừa làm mất mặt Tống Chân tông, vừa đánh cho thui chột ý chí dòm dò đất ta của vua tôi nhà đại Tống.

Thái úy gắng sức hoàn thành sự nghiệp, ban sư trẫm sẽ vinh thăng, nhược bằng làm sai khác để nhục chí quân ta, thời cứ chiếu quân pháp gia hình, quyết không nương tình huynh đệ.

Thái úy cúi rạp người nhận mệnh.

Thái úy Lý Trưng Hiền dẫn hai ngàn quân bản bộ xuất chinh vào đầu giờ mùi. Để che tai bịt mắt đối phương, thái úy đóng giả làm quân tuần thú chứ không trương cờ lệnh, cờ suý.

Dực Thánh vương nhận mệnh cũng điểm năm ngàn quân chia làm hai mũi thủy, bộ cùng xuất phát vào đầu giờ tuất. Thái úy Lý Trưng Hiền giao cho phó đô tướng quân là Vũ Kim Thanh chỉ huy đạo quân này, và phải bảo trọng Dực Thánh vương. Tiếng rằng Dực Thánh vương được vua trao binh phù, nhưng việc điều hành toàn quân trong trận này lại thuộc quyền thái úy. Hoàng tử ra trận là để luyện rèn cho dạn dày chiến trận, để sau này dùng vào việc quốc gia chứ một cậu bé mười ba tuổi, hỉ mũi còn chưa sạch, biết gì đến việc binh nhung.

Để bảo mật quân cơ, đoàn quân bộ ra đi, người ngậm tăm, ngựa bỏ nhạc, cấm tất cả mọi đèn lửa ban đêm. Quân thủy giả trang làm thuyền buôn, nhất nhất không để sơ suất điều gì.

Vua Thuận Thiên cho triệu tướng công Trần Cảo, hoàng thúc Vũ Đạo vương, khu mật sứ Ngô Đình, thái phó Đặng Văn Hiếu cùng hoàng thái tử Lý Phật Mã vào điện Long An bàn quốc sự.

Mọi người tề tựu, vua liền phán:

- Giặc man Tống hỗn hào sắp đem đại binh phạm cõi bờ ta. Việc này hẳn có bàn tay của triều đình Tống Chân tông. Ta quyết ra tay, để đám man Tống từ nay không dám hỗn hào mơ tưởng xâm phạm biên dân ta. Ta cũng quyết dạy cho Tống Chân tông bài học vỡ lòng, cùng với bài học nhớ đời của cha hẳn là Tống Thái tông do hoàng đế Lê Hoàn răn bảo từ năm Tân Ty (981). Vậy việc lưu thủ kinh sư, ta giao cho hoàng thái tử Phật Mã và hoàng thúc Vũ Đạo vương đồng giám quốc.

Thái phó Đặng Văn Hiếu, khu mật sứ Ngô Đình giám sát các cơ quan trong ngoài của ta cho chặt chẽ. Việc binh kín nhem, ta ra đi không báo trước, các khanh ở nhà gắng hoàn thành trách phận, thắng trận trở về ta sẽ chiêu công ban thưởng.

Lại nói về phía quân man Tống. Thủ lĩnh của họ được đầu lĩnh thành Ung Châu triệu đến thương nghị, nếu chịu sang đánh An Nam sẽ cấp cho khí giới, lương thảo, lừa ngựa. Tống trấn Quảng Tây cũng hứa sẽ tâu xin với thiên tử cho người man lập quốc gia riêng, nếu như họ chiếm thêm được một số châu, quận của An Nam.

Đầu lĩnh của người man ở vùng Tả Giang, Hữu Giang từ lâu đã cát cứ không chịu nộp tô thuế, không đi lính đi sâu cho triều đình Tống. Thỉnh thoảng họ còn xua quân vào sâu nội địa cướp của giết người, khiến lương dân không được yên ổn làm ăn. Triều đình nhà Tống có biết việc này, nhưng cũng lờ đi. Họ sợ ra tay đánh dẹp, nhân cơ hội người An Nam lại tràn sang thì khó bề chống lại, trong khi mặt bắc quân Liêu, quân Hạ vẫn đang ráo riết đánh phá.

Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí thiện cận thấy lợi thì nhận lời liền. Vì vậy suốt ba tháng nay, y cho quân về Ung Châu chuyên chờ khí giới, quân lương, lừa ngựa. Chúng cũng đem tiền đi khắp mọi nơi mua thêm hàng vạn ngựa tốt. Trong khi đó lại cho các tốp quân nhỏ hàng ngày trà trộn vào đất ta nghe ngóng, dò la.

Hiện thời chúng đã tập hợp được đội quân đông hơn mười vạn người, lại huy động hơn mười vạn dân binh dùng vào việc vận chuyển chiến cụ, lương thảo.

Trung quân của Dương Trường Huệ đã chuyển tới gần biên ải. Nhân dịp, Đoàn Kính Chí bàn cùng Huệ rằng:

- Quân ta tuy đông, nhưng chưa trải qua trận mạc, chưa bao giờ giao chiến với quân Nam. Theo thiện ý của tại hạ, hãy phái các đội khinh binh sang thăm dò. Đánh xong rút liền. Nhưng doanh trạm quân ta cứ nhích dần sang bên kia biên ải, mỗi ngày dăm ba dặm.

Dương Trường Huệ gật đầu đáp:

- Tướng quân nói rất hợp ý tôi. Cứ theo như ý quan tổng trấn Quảng Tây thì thiên tử chỉ cắt đất phong hầu cho ta, khi ta chiếm được vài châu quận của người Nam. Nhân việc này tôi đã có thư dụ hàng viên

châu mục châu Bình Lâm là Hoàng Ân Vinh. Đã có gửi quà biếu hậu hĩnh, lại hứa cho y chức tước sau này. Chắc chỉ nay mai là có hồi âm. Cứ như ngu ý của tôi, – Dương Trường Huệ tự nhiên ngừng lời, ông ta đưa tay lên sờ nắn vành khăn, lại dùng năm ngón tay chải chải chòm râu cằm đen nhúc. Cử chỉ ấy khiến Đoàn Kính Chí cho rằng Dương Trường Huệ sắp đưa ra một kế sách mới lạ đây. Vì vậy Đoàn Kính Chí ngồi nhích về phía Huệ, người ông ta như thu nhỏ lại. Giây lâu Dương Trường Huệ lại tiếp:

- Theo ngu ý của tại hạ thì ta cứ đưa hết hai mươi vạn tinh binh cùng dân binh, với năm mươi ngàn lừa ngựa sang hết đất An Nam. Đưa được số người, ngựa ấy vào đất Bình Lâm, mặc nhiên châu ấy thuộc về ta. Ngoài hai đường bộ xuyên rừng đi sang, ta còn có đường thủy xuất phát từ Tả Giang, Hữu Giang đi thẳng vào sông Bằng Giang của họ. Đại quân ta sẽ đóng ở Ngũ Hoa. Từ đó, ta đánh chiếm các châu quận lân cận, mở ra một vùng rộng lớn thông thương cả hai bên nam – bắc. Và đấy chính là quốc gia của chúng ta. Tới lúc đó, dù vua Tống không muốn phong vương cho chúng ta cũng không được.

Đoàn Kính Chí lấy làm tâm đắc, tiếp lời:

- Tướng quân mưu việc như thần. Nhưng theo thiên ý, ta cứ nán chờ vài bữa xem Hoàng Ân Vinh phúc đáp sâu nông thế nào.

Lại nói, Hoàng Ân Vinh đang lo liệu cắt đặt việc phòng thủ và chờ viện binh của triều đình, chợt quân vào bầm:

- Xin Hoàng châu mục cho tra xét tên giặc này. Chúng tôi bắt được nó hồi đêm. Nó vượt sông bằng một chiếc thuyền mảng. Trước khi lên bờ nó còn kịp dìm thuyền.

Hoàng Ân Vinh nhìn tên giặc mặt còn non choẹt. Điều bộ nó ngơ ngác như không hiểu vì sao người ta lại bắt nó. Nó nhìn Hoàng Ân Vinh một cách ý tứ rồi đưa mắt ra hiệu như thầm nói: “Tôi có chuyện cơ mật cần thưa với ông”.

Châu mục bèn hỏi đám lính:

- Vậy chớ các người khám xét nó chưa?

- Dạ bẩm, chúng tôi khám kỹ lắm rồi, trong người nó không có một tí gì cả. Tiền bạc, giấy tờ, vũ khí đều không có. Hỏi nó chỉ lắc đầu rồi chỉ tay vào bụng, lại giơ chân giơ tay ra hiệu như đi cày đi cuốc. Chúng tôi đoán là nó không nói được tiếng người mình. Nó đói, sang ta để kiếm việc làm, kiếm ăn.

Hoàng Ân Vinh chợt loé ở trong đầu về một âm mưu gì của quân địch, cả cái nhìn tự tin của nó lại như ngấm nói một điều gì. Nghĩ vậy, ông cho những người lính lui.

- Các người về trại đi. Găng canh phòng cẩn mật, để ta tự tra xét tên giặc này.

Châu mục Hoàng Ân Vinh tự tay cởi trói cho tên giặc, rồi chỉ cho y ngồi xuống chiếc ghế đối diện với ông. Rót cho y một chén rượu, ông đặt xuống kỷ rồi nói:

- Nhà ngươi uống đi cho ấm.

Tên giặc trẻ măng, độ hai mươi tuổi, không nói năng gì, đưa tay chộp lấy chén rượu, y cứ xoay mãi trên tay một lúc lâu rồi ngửa cổ uống cạn. Lại đặt chén vào chỗ cũ, vẻ như muốn xin được uống nữa. Hoàng Ân Vinh rót cho y tới chén thứ ba. Cử chỉ của hắn vừa có phần nho nhã, lại vừa có phần thô lậu, khó hiểu. Nhưng sau chén thứ ba thì hắn úp chén xuống khay, vái Hoàng Ân Vinh hai vái, và nói:

- Đa tạ quan châu cho uống rượu.

Hắn nói bằng tiếng Nùng, thứ ngôn ngữ của chính quan châu. Hoàng Ân Vinh không ngạc nhiên. Biên dân cả hai nước đều là người Nùng. Họ hàng bên này bên kia chẳng chít. Điều lạ là hai bên biên dân đều coi nhau như bà con chứ không bao giờ coi nhau là cừu thù. Tuy vậy nếu biên tướng bên kia có xua lính sang bên này cướp bóc, lấn đất thì lập tức dân bên này sẽ chống trả quyết liệt. Vì vậy, việc biên cương, việc quốc thổ trở nên rõ ràng, còn mọi mối quan hệ khác đều gác ra lề.

Châu mục Hoàng Ân Vinh nhìn tên giặc quát hỏi:

- Ai phái ngươi sang đây? Có điều gì cứ khai thực ra đừng để ta phải tra khảo.

- Bẩm Hoàng châu mục, Dương tướng quân sai tôi mang thư tâm phúc sang dâng ngài.

- Thư đâu? – Hoàng Ân Vinh hỏi.

- Xin quan châu cho phép tôi vào “nhà sau”.

Hoàng Ân Vinh chỉ cho hắn đi ra lối sau nhà. Hắn loay hoay lấy từ hậu môn ra một cuộn giấy nhỏ bọc vài tấm sấp. Vứt vỏ ngoài đi, hắn trải tờ giấy bằng bàn tay chữ viết nhỏ li ti ra trước chiếc kỷ của quan châu.

Hoàng Ân Vinh đọc đến đâu, tai đỏ tía lên đến đấy. Ông tự nhủ: “Làm thế nào bây giờ. Giặc vừa dụ ta hàng vừa khuyên ta làm nội ứng. Rồi lại đe, nếu ta không ưng thuận thì “Đại quân kéo sang, vàng ngói khó phân”. Ta là người của triều đình, ăn lộc triều đình. Chỉ tiếc là ta đã có sớ cáo cấp về triều, mà chưa thấy có quân binh lên trợ chiến. Giả như binh giặc kéo sang, thì một nhóm quân biên trấn này, làm sao cản nổi. Không phải ta không biết tương kế tựu kế để dùng phản gián. Song không có thượng cấp ở đây mà ta tự tiện, triều đình lại nghĩ ta có bụng theo giặc thì nguy lắm...”

Hoàng Ân Vinh vừa đọc thư dụ hàng vừa vẽ ra biết bao điều lợi hại, phải quấy ở trong đầu. Ông chưa kịp hỏi thêm tên ngoại gián điều gì, thì có ngựa lưu tinh đem hoả bài về báo: “Quan thái úy sắp tới, châu mục châu Bình Lâm phải ra nghênh đón tại địa đầu châu giới”.

Hoàng Ân Vinh vội nhét lá thư vào túi, nói với tên ngoại gián vài câu nửa kín nửa hở:

- Ta có việc phải đi gấp. Tạm giam người rồi ta sẽ có thư phúc đáp sau.

Tên giặc từ nãy vẫn lo lắng, bỗng vui hẳn lên, y nói nhanh:

- Đại nhân phải cẩn trọng kéo lộ ra cả đại nhân và tôi cùng chết đấy.

- Người khỏi lo. Vậy chớ tên người là gì?

- Dạ bẩm, Trương Minh Tú, tự là Tử Minh ạ.

Hoàng Ân Vinh vẫy tên Tú theo ông ra cửa. Gọi viên ngục lại tới gần, ông nói:

- Giam tên giặc này vào ngục, cho nó ăn uống đầy đủ, đợi ta về tra xét, cấm không được đánh đập tra khảo nó.

Nói rồi ông quát ngựa cùng đám tùy tùng ra đi.

Đón được Thái úy, Hoàng Ân Vinh mừng lắm. Nhằm lúc mọi người dẫn ra, viên châu mục tiến sát lại gần Thái úy, nói nhanh:

- Châu mục tôi có điều cơ mật khẩn cấp mong được sớm trình quan Thái úy.

Nhìn vào tận đáy mắt Hoàng Ân Vinh cùng với gương mặt ông ta đầy vẻ âu lo, Thái úy chỉ vào một ngôi chùa trước mặt hạ lệnh:

- Cho ta ghé vãng cảnh chùa này.

Thế là cả đoàn người, ngựa rầm rập rẽ vào ngôi chùa cổ; nhưng ông bắt cả đám tùy tùng và lừa ngựa phải ở ngoài, chỉ có mình ông và châu mục Hoàng Ân Vinh vào trong chùa.

Đại lão hoà thượng chống cây thiền trượng, mặc áo cà sa vàng, đầu đội mũ nâu đang từ trong nhà bái đường bước ra. Hoà thượng có gương mặt phúc hậu, đôi tai to, dái tai chảy xệ xuống như tai Phật. Hai hàng lông mi bạc trắng rủ xuống, nom cụ có cốt cách của bậc tiên, Phật. Bước tới giữa sân thì gặp thái úy và châu mục, cụ dừng lại nói ngay:

- Bần tăng nghe như có sứ giả của triều đình ghé thăm chùa vì chuyện quốc sự, đã cho dọn sẵn một trai thất, xin mời chư vị cứ tùy tiện.

Nghe hoà thượng nói, Thái úy cảm như đứng trước mình là một bậc chân nhân đại giác. Ông cúi xuống xá hoà thượng và đáp lời:

- Để hoà thượng phải nhọc lòng, bản chức đây thật là đắc tội. Xin hoà thượng đại xá.

- Không nhiều lời! Không nhiều lời, hoà thượng nói và chỉ Thái úy lối vào trai phòng.

Thái úy và quan châu mục bước vào trà thất. Hương trầm thoang thoang, bộ kỷ sạch bóng, màu gỗ gụ nâu ấm áp lại sẵn có bình trà ủ nóng. Cạnh kỷ là một giá bày đủ đồ văn phòng tứ bảo.

Một tiểu tăng ló vào chào:

- Bạch các quan, tiểu tôi xin được hầu trà. Vừa nói tiểu vừa rót trà mời hai quan khách. Mùi trà thơm như ẩn như hiện nơi thành chén.

Nhận chén nước còn bốc khói, Thái úy ra hiệu cho tiểu lui ra. Khi chỉ còn hai người, thái úy hỏi:

- Chẳng hay Hoàng châu mục có tin gì quan trọng, thử nói ta nghe.

- Dạ bẩm Thái úy, đêm qua biên quân đi tuần giang bắt được một tên lính của người man Tống, y có đưa bức thư dụ hàng. Tôi tự xét đây là một việc lớn mà mình chỉ là một biên quan, nên đem dâng Thái úy để ngài xem có dùng được vào việc gì.

Nói rồi, Hoàng Ân Vinh đặt lên mặt kỷ tờ giấy nhỏ bằng bàn tay. Ông cứ cố vuốt, xoa cho mặt giấy phẳng ra để thượng quan đọc được rõ.

Đờ lấy tờ giấy, Thái úy đọc đi đọc lại tới ba lần. Mỗi lần đọc xong, gương mặt ông lại rạng rỡ hơn lên. Dường như ông tìm ra được điều gì tâm đắc đằng sau các nét chữ kia. Chợt ông hỏi:

- Hoàng châu mục đã có thư phúc đáp chưa?

- Dạ, hạ cấp chỉ là một chức quan nhỏ nên không dám tự tiện. Xin thái úy khu xử việc này.

- Vậy chứ tên lính người man Tống kia còn hay bộ hạ của ông đã giết rồi?

- Dạ bẩm Thái úy, châu mục tôi sai nhốt riêng, cho ăn uống tử tế, không đánh đập, tra khảo, chờ tôi về sẽ xét sau.

- Tốt lắm. Thái úy khen. Và ông hỏi thẳng: – Ta không nghi ngờ lòng trung của ông đối với triều đình, nhưng cho ta hỏi, có thể nào ông cứ nói thực ta nghe – Nếu như ông được toàn quyền thì việc này ông sẽ xử sự như thế nào?

- Bẩm Thái úy, khó quá, tôi nghĩ việc này có mưu sĩ người Tống đứng sau người man của họ. Chứ người man Tống làm gì có đầu óc xa rộng đến vậy. Từng phen giao tiếp với họ, tôi thấy họ còn trì頓 hơn cả tôi kia. Còn như việc khu xử như thế nào, chắc Thái úy đã có diệu kế. Nhưng cứ như ngu ý của tôi thì ta nên tương kế tựu kế.

- Thế nào là tương kế tựu kế, ông nói thử ta nghe. – Thái úy hỏi.

- Dạ bẩm Thái úy, tôi từng nghe nói: nếu kẻ địch đã dùng nội gián, thì ta dùng kế phản gián.

- Hay lắm, châu mục nói trúng ý ta. Thái úy lật đi lật lại và đọc rất kỹ thư dụ hàng của Dương Trường Huệ. Rồi ông ghé tai nói nhỏ với châu mục Hoàng Ân Vinh. Lúc chia tay, thái úy lại nhắc: “Châu mục cứ yên tâm, ta sẽ cho người đến cùng ông lo liệu. Nhất nhất không có lệnh của ta, không được tự tiện”.

Thái úy không về châu lý mà ông về thẳng trung quân.

Lại nói Lý Công Uẩn sau khi đã trao việc lưu thủ kinh sư cho hoàng thái tử Lý Phật Mã, và sai tướng công Trần Cảo, hoàng thúc Vũ Đạo vương đồng giám quốc, nhà vua bèn lui vào hậu điện nghỉ ngơi.

Nhà vua đang nghĩ: “Lần này phải đánh cho giặc man Tống một đòn chí tử, để triệt bỏ tận gốc mưu đồ thôn tính nước Nam của Tống Chân tông”. Giữa lúc ấy ngoài tào, con ngựa bạch nhà vua thường cưỡi cứ đập móng hí lên từng hồi dài. Viên giám mã tưởng nó bị đói, đem thóc, đem cỏ vào, nó không ăn, đem nước vào nó cũng không uống. Giám mã vừa bước ra khỏi chuồng, nó lại hí, lại đập móng âm ầm.

Đây là một con ngựa quý nòi Hồ của một thương nhân nước ngoài, nhân chuyến ghé đội thương thuyền qua Nam Việt mua các thứ quế, hồi, hạt tiêu, trầm hương; khi vào yết kiến nhà vua, y đem dâng ngựa quý. Chẳng biết ngựa xích thổ của Quan Vân Trường xưa đi mỗi ngày bao nhiêu dặm, chứ chú ngựa này chạy một mạch cả trăm dặm chưa cần nghỉ ngơi ăn uống gì. Từ khi được tặng ngựa quý, nhà vua hay đi tuần thú hoặc săn bắn. Ấy vậy mà bữa nay nó lại đốc chứng, cứ hí vang lên không ai dỗ dành được. “Hay nó có bệnh gì”. Viên giám mã nghĩ vậy rồi chạy vào nhà. Với vẻ hốt hoảng, hấn quỳ tâu:

- Muôn tâu thánh thượng, con tuấn mã thánh thượng thường cưỡi bỗng nhiên đốc chứng, cứ hí vang lên rồi gõ móng âm ầm. Thần đã dỗ dành, nó vẫn không nghe. Xin bệ hạ cho vờn thái y.

Vua Thuận Thiên đang nghĩ về việc đêm nay ngài sẽ đích thân lên biên thủy xem các tướng sĩ sắp vào trận đánh, mọi sự đã sẵn sàng chưa. Nghe viên giám mã tâu, nhà vua biết ngay con bạch mã này thuộc nòi linh mã, nên nó hiểu được cả ý nghĩ ta. Càng bước gần tới tào ngựa, nhà vua càng nghe rõ tiếng ngựa hí, cả tiếng móng gõ xuống sàn “bịch bịch”.

Thấy nhà vua tới, nó không đập móng nữa, mà chỉ hí dài một hồi rồi im bặt. Vua lấy tay sờ vào mặt vào lưng nó. Con ngựa vừa lắc bờm vừa rên lên như là nó biết chủ muốn nói điều gì. Một lát, nhà vua ghé tai nó nói nhỏ: “Đêm nay ta sẽ cùng người lên biên ải”.

Con ngựa hít tay nhà vua rồi lắc bờm, vẻ như nó hiểu điều nhà vua nói.

Lạ thay, từ lúc đó tới khi lên đường, nó không lồng lộn phá chuồng đòi ra, cũng không hí lên một tiếng nào nữa.

Nghiem ra, không chỉ lần này mà còn nhiều lần khác, con bạch mã luôn báo trước cho nhà vua những điềm may rủi. Vì lẽ đó, nhà vua đặt cho nó cái tên: “Bạch long thần mã”.

Trương Minh Tú nhận thư phúc đáp của Hoàng Ân Vinh, cũng gói ghém cẩn thận như khi y đem thư của Dương Trường Huệ sang vậy. Vào tới trung quân, Trương Minh Tú dâng thư và một bọc gói niêm phong kỹ càng.

Đọc thư, Dương Trường Huệ mừng lắm.

“Tướng quân biết đến gan ruột Hoàng Ân Vinh này. Ôn tri ngô ấy biết lấy chi báo đáp. Tôi với tướng quân tuy không cùng quốc thổ, nhưng lại là người đồng tông. Bấy lâu nghe danh tướng quân, vẫn muốn sang đầu dưới trướng, ngặt vì chưa lập được chút công nào làm lễ ra mắt. Cơ may lại được tướng quân sai khiến, thật là trời giúp cho tôi được về với tướng quân. Nay xin gửi biếu tướng quân 100 nén vàng để làm lễ tương kiến, và xin gửi trước vợ con sang để làm tin. Tôi tuy thân sống bên An Nam mà từ lâu lòng đã để dưới trướng tướng quân. Xin tướng quân cứ vững lòng xuất chinh. Trận thắng này sẽ đưa tướng quân lên hàng vương bá. Tôi xin hẹn ám hiệu để quân ta tiến binh vào các nẻo đường không có quân phục.

Ban ngày cứ theo hiệu cờ đen, ban đêm theo ánh lửa. Nhưng chớ đi lầm vào các nơi có đốt lửa của quân triều đình. Lửa ám hiệu bao giờ cũng là ánh lửa đôi. Tức là hai ngọn lửa cách nhau khoảng một trăm bước chân.

Thư nói chẳng hết lời, chờ hội ngộ sau ngày đại thắng.

Châu mục châu Bình Lâm, Hoàng Ân Vinh cẩn bút”.

Dương Trường Huệ chợt ngừng đầu lên vẫn thấy Trương Minh Tú chấp tay đứng hầu.

Huệ đưa hai tay nhắc gói vàng nặng trĩu rồi xoa xoa vỗ vỗ, nửa muốn mở ra, nửa lại sợ đám cận thần nhìn thấy mà sinh lòng kia khác. Huệ nhét bức thư vào túi, cất gói vàng vào tráp rồi hỏi:

- Tử Minh, người ra dẫn Hoàng phu nhân và các công tử vào đây cho ta hỏi chuyện.

- Bẩm chủ tướng, khi gần về tới đất ta, chẳng may chúng tôi bị lọt vào ổ phục kích. Chỉ có một mình tôi với người dẫn lộ, nên không dám mạo hiểm chống lại. Chắc Hoàng phu nhân và các công tử đã bỏ xác trong đám loạn quân, hoặc là bị bắt trở lại.

- Việc này ta ngờ lắm. Liệu đây có phải là kế phản gián của họ Hoàng?

- Bẩm chủ tướng, trước sau tôi vẫn thấy quan châu mục Hoàng Ân Vinh là người thực bụng, độ lượng. Còn việc vấp vào ổ phục kích thì làm sao mà tính hết được. Bởi ở vùng đất của Hoàng châu mục, ngoài quân biên trấn, còn có quân tuần thú vãng lai của triều đình. Hoàng Ân Vinh làm sao mà kiểm soát được quân triều đình. Nếu như Hoàng phu nhân cùng các công tử mà chết trong đám loạn quân chẳng nói làm gì. Điều đáng lo nhất là phu nhân và các công tử bị bắt, bị đòn tra phải khai ra thì Hoàng châu mục không tránh khỏi hoạ tru di.

- Người nói có lý. Thương thay! Thương thay! Để ta cử người đi dò la. Nhưng ta cấm người không được nói gì về việc có thư phúc đáp; mà phải nói chỉ được nhận thư miệng của Hoàng châu mục.

- Dạ, bẩm chủ tướng, tôi hiểu ý ngài.

Vậy là Dương Trường Huệ không còn điều gì nghi hoặc về Hoàng Ân Vinh nữa. Cho Trương Minh Tú lui. Ông ta đem cất giấu gói vàng nơi kín đáo nhưng trước khi giấu, ông ta còn mở ra kiểm đếm. Xong xuôi mọi việc, ông ta cho thỉnh Đoàn Kính Chí tới thương nghị. Được tin, Đoàn Kính Chí mừng lắm, vội vã lên kiệu đi liền.

Dương Trường Huệ ra tận cửa nghênh đón.

Mới đầu xuân, tiết trời còn rét ngọt, chủ nhân cho đốt lò sưởi, lại sai bày tiệc rượu. Rượu trong quân tự cất lấy, sai hâm nóng rót ra thơm lừng. Mấy ả hầu rượu non tơ dâng chuốc hai vị đầu lĩnh.

Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí là hai kẻ vô danh trong hàng hào phú, mới nổi chừng dăm bảy năm nay. Hai người ở hai bên Tả Giang và Hữu Giang, Huệ thuộc tộc Nùng, Chí thuộc tộc Thái. Hai bộ tộc man

này đều là man Tống.

Mấy năm liền mất mùa, dân chúng đói khổ, triều đình chẳng thương tình tha giảm tô thuế lại còn tăng mức thu cao, rồi bắt lính, bắt xâu hết đợt này đến đợt khác.

Giữa lúc ấy Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí phát cao cờ nghĩa, chiêu tập nhân đinh, mua sắm lừa ngựa, khí giới lập thành quân cơ chống lại triều đình: không nộp tô thuế, không đi lính, đi xâu. Chúng dân sẵn lòng hờn oán, khác nào củi nỏ chỉ cần bén một tàn than. Thế là dân về tụ dưới cờ hai họ Dương, Đoàn đông như kiến.

Mấy viên huyện lệnh lúc đầu coi thường, tới khi đám dân man thế lực hùng hậu nổi lên cướp luôn cả mấy châu quận. Quan hiệp trấn Quảng Tây có đưa đại binh về, nhưng giặc lớn không dẹp được, bèn tâu về triều.

Triều đình bàn tính mãi, người nói phải dẹp ngay, chớ để nuôi mầm loạn. Người lại nói tình thế chưa dẹp được nên chiêu vỗ.

Tống Chân tông không biết nên quyết thế nào cho phải. Lòng ông đang rối bời. Phía bắc thì quân Khiết Đan đang làm mưa làm gió. Chúng đã đoạt mất thành U Châu, Kế Châu. Triều đình cử hai hùng tướng là Tào Bân, Phạm Mỹ đi giải cứu cho hai thành U – Kế. Ngờ đâu hai tướng bị Khiết Đan hãm vào đánh cho đại bại ở cửa ải Kỳ Cầu. Nay lại đến chuyện bọn Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí làm phản ở phía nam. Cử tướng đi thì dễ, nhưng liệu có tránh được cái họa Kỳ Cầu không.

Chân tông thật sự lo lắng, nhà vua gạn hỏi quan tri khu mật viện:

- Vương Đán có kế gì nói thử ta nghe.

Thấy vua hỏi, Vương Đán biết phận mình là đại thần mà phải để vua lo, tức là mình chưa làm tròn trách phận kẻ làm tôi. Song Vương Đán còn biết nhà vua nhu nhược, có dưng kế nọ sách kia thì ngài cũng chẳng nghe.

Vương Đán nhớ cách đây không lâu, quan Tư không môn hạ thị lang, đồng bình chương sự Vương Khâm Nhược nói là có sách trời (Thiên thư) xuất hiện, phải làm lễ tế trời ở núi Thái Sơn. Vương Đán can vua không nên nghe theo lời nói nhằm mà khuyến khích cái tệ dị đoan.

Vua sợ Vương Đán cản trở việc này nên gọi vào cung cho ăn tiệc, lại ban cho hũ rượu bổ. Đán về nhà mở ra xem thì thấy toàn ngọc quý. Đán biết vua muốn tế trời để nhận Thiên thư như nhời thiên hạ đồn thổi, nên không dám can nữa.

Bây giờ vua hỏi, biết nói điều gì đây. Mà nói thì chắc gì vua đã nghe. Nhà vua chỉ thích sự yên ổn, và mọi lễ thói cứ theo như đời xưa các tiên đế đã làm mà toa rập làm theo. Tuy vậy lại không thể không nói. Vương Đán liền bước ra khỏi ban, tâu:

- Thiên tử thế thiên hành đạo. Kẻ nào xâm phạm kỷ cương, lễ luật là có ý làm đảo lộn cương thường, phải đánh dẹp ngay để giữ nghiêm phép nước. Theo thiện ý của thần, nhà vua nên gửi thêm quân cho quan hiệp trấn Quảng Tây, rồi mở một trận đánh khốc liệt, bắt kẻ kia về trị tội, làm gương cho những kẻ nào manh tâm tạo phản.

Quả là nghe đến chuyện “đánh dẹp” nhà vua đã thấy nản. Bởi mọi cuộc đánh dẹp của triều đình đều thủ bại.

Lòng vẫn phân vân, vua Chân tông bèn trở vào tế tướng Vương Khâm Nhược, hỏi:

- Khanh có kế gì giúp trẫm yên được mặt nam?

Vương Khâm Nhược xốc lại cổ áo, nắn lại chiếc mũ đội đầu, chải vuốt chòm râu rồi bước ra khỏi ban, tâu:

- Để thánh thượng phải lo toan thái quá, lỗi ở chúng thần. Nay xin có một kế mọn dân, mong thiên tử cứu xét – Trước hết phải nói đám man dân này chưa được nhuần thấm ơn mưa móc. Nay chúng khởi binh làm loạn, chẳng qua cũng như lũ giặc cỏ đi cướp bóc kiếm ăn. Triều đình dẹp lúc nào xong lúc đó. Nhưng thần thiện nghĩ không nên đánh dẹp, mà hãy khích lệ chúng đánh chiếm An Nam. Được đất An Nam, triều đình sẽ cắt thêm đất phong cho. Tức là cho lập quốc và ban ấp phong hầu.

Đám dân man này ham quyền chức, ham tiền bạc, chúng sẽ lao vào quấy nhiễu An Nam. Nếu như nó

gặm nhấm được đất ấy, thì triều đình cứ cắt đất phong hầu cho nó. Mặc nhiên người An Nam phải lo đối phó với nó, không thể nhòm ngó đất ta. Thiên tử rảnh tay, trừng trị giặc Khiết Đan trên mạn bắc. Chẳng hay ý bệ hạ thế nào?

Vương Khâm Nhược có vẻ hài lòng về kế sách của mình lắm. Ông ta tự tưởng thưởng bằng một nụ cười mỉm, rồi nói tiếp – Bệ hạ dùng kế này, là bắn một mũi tên trúng ba đích như thần đã nói, chứ không phải hai đích như xưa nay dân gian vẫn ao ước.

Chân tông dùng kế của tể tướng Vương Khâm Nhược, liền sai sứ đến vỗ về cho hai nhà Dương – Đoàn, lại cấp thêm lương thảo, khí giới, lừa ngựa qua hiệp trấn Quảng Tây và Tổng quản thành Ung Châu.

Rượu được một tuần, Dương Trường Huệ mở lời:

- Túc hạ có biết tôi mời túc hạ đến thương nghị về việc gì không?

- Ta chắc ông có thư phúc đáp của Hoàng Ân Vinh.

- Đúng vậy, ta mời túc hạ chính vì việc đó. Hoàng Ân Vinh rất mong được về dưới trướng của ta và túc hạ. Nhất là ông ta đã nhận làm nội ứng dẫn đường cho quân ta đánh chiếm đất đai, tiêu diệt quân triều đình An Nam.

- Việc ấy có gì làm bằng có?

Dương Trường Huệ bèn cất tiếng gọi:

- Tử Minh! Quân bay truyền lệnh ta đòi Tử Minh vào hầu.

Một lát, Trương Minh Tú đã có mặt.

- Bẩm chủ tướng, Tử Minh tôi đang chờ ngài sai khiến.

- Nhân có Đoàn tướng quân qua đây bàn đại sự, người đã đến gặp châu mục Hoàng Ân Vinh, có thể nào thuật lại cho tướng quân cùng nghe. Đây là việc hệ trọng có quan hệ đến sự mất còn, ta cấm người không được tự ý thêm bớt.

Đã được chủ tướng căn dặn cần phải nói những điều gì, vì thế Tử Minh nói rất trôi chảy. Chỗ nào ngờ ngờ Đoàn Kính Chí hỏi lại, đôi khi cả Dương Trường Huệ cũng đặt câu hỏi xen vào nhằm gỡ bí cho Tử Minh, khiến Tử Minh ứng đối thật là lưu loát.

Khi chỉ còn lại hai người, Dương Trường Huệ gạn hỏi:

- Vậy chớ theo túc hạ, quân ta đã tiến binh được chưa?

Đoàn Kính Chí trầm ngâm giây lâu, đáp:

- Tôi có cảm nhận như công việc của chúng ta đang làm, được trời giúp.

- Sao lại nói trời giúp, chúng ta nằm gai nếm mật, lại bỏ gần hết sản nghiệp ra gây dựng, nên anh hùng hào kiệt mới quy dưới trướng. Nay thanh thế lừng lẫy, lại đổ cho trời. Sao trời không giúp kẻ khác?

- Tướng quân cứ ngẫm lại mà xem, từ khi ta cất quân tới giờ, nhất hô bá ứng, trăm họ theo về, thế như chẻ tre. Bọn quan quân triều đình từ châu, quận đến trấn, lộ đều kiêng nể. Nay lại được triều đình hậu thuẫn việc Nam chinh, sắp xuất binh thì có người nội ứng. Rõ ràng là THIÊN-ĐỊA-NHÂN ứng hợp. Cả thần, người đều giúp. Như vậy chẳng phải là trời giúp, chẳng phải là mệnh trời sao?

Nghe lời nói lọt tai, Dương Trường Huệ gật gù đắc ý:

- Đoàn tướng quân quả là sáng suốt. Nếu tướng quân không chỉ ra chỗ vi diệu đó, hẳn là tôi không nhận rõ được mệnh trời. Vậy tới bao giờ ta mới tiến quân để tuân phục thiên mệnh.

- Trước khi tiến binh, ta nên bàn sau này nên thế nào. Ấy là tôi muốn nói việc tôi với tướng quân chiếm cứ hai vùng Tả Giang, Hữu Giang nay mai lại thôn tính thêm các châu quận của An Nam, thì việc lập quốc nên như thế nào. Ai sẽ lĩnh ấn phong hầu của thiên tử? Tôi hay tướng quân?

Nghe Đoàn Kính Chí hỏi, Dương Trường Huệ cảm thấy nóng nóng phía vành tai. Huệ tự nghĩ: “Trước khi chiếm đất, đoạt thành, y đã có lòng kia khác. Nếu y không nể mặt ta thì cũng phải biết rằng, không có ta ứng hợp, một mình y sao đủ sức vẫy vùng. Thật ra ta mới xứng chức đại vương, còn y nhận chức giả vương cũng đã là quá lắm. Con sói tham lam này không trừ khử, ắt khó cho nghiệp lớn của ta. Ngặt vì bây giờ ta lại đang rất cần y. Đối với kẻ tham, không gì bằng lấy lợi ra để nhử”. Tự xem mình đã đi nước cờ cao, Dương Trường Huệ bèn lên tiếng:

- Tôi với túc hạ tình là lân bang, nghĩa là bầu bạn. Nhưng mọi việc phải công bằng. Tính ra đường đất từ ta sang đánh An Nam, túc hạ phải đi xa hơn tôi. Thế tất túc hạ vất vả hơn tôi. Vì vậy số của cải lấy được của An Nam, bất luận cái gì đều chia làm năm phần, túc hạ ba phần, tôi hai phần.

Đoàn Kính Chí gật gù, thầm nghĩ: “Phải, y nghĩ thế là phải, nhưng còn phải tính binh ta mạnh hơn binh hãn, quân ta đánh giỏi hơn quân hãn”.

- Còn như ẩn phong hầu thuộc về ai, – Dương Trường Huệ nói tiếp. – Thuộc về cả hai chúng ta, tôi nghĩ vậy.

- Sao lại thế? – Đoàn Kính Chí vặn lại, ẩn chỉ có một mà người có hai, phải bàn dứt khoát xem ai được giữ ẩn.

Dương Trường Huệ tự thấy không thể nhường y, lại càng không thể tranh với y trong lúc này. Bởi sự thật thì đã có ẩn tén gì đâu. Mà chủ tâm của ta trước sau phải trừ khử y, hai hổ không thể sống chung một chuồng. Nghĩ vậy, Huệ lại nói:

- Túc hạ nói chí phải. Chúng ta ngang tài, cân sức, không ai có thể ngồi trên ai được. Vì vậy, đánh dẹp xong ít châu quận miền biên viễn của An Nam, thế lực của chúng ta lớn lắm. Ta xin thiên tử phong hầu, ban ẩn cho cả hai người. Nếu triều đình dùng dằng dặc bách ta, thì chúng ta sẽ tiến binh vào trung nguyên, làm thế ỷ dốc cho Khiết Đan rồi cùng tiến đánh Biện Kinh. Sự thật, ta chỉ cần dọa như thế, thiên tử cũng đã phải nghe theo mà cắt đất, ban ẩn, phong hầu cho chúng ta. Ta lại nói rõ cái nhẽ lợi hại có chúng ta làm phen giậu che chắn mặt nam, thiên tử càng yên bụng tin ta. Như thế ẩn chẳng thuộc về cả hai chúng ta, còn thuộc về ai nữa. Vả lại, có ban cho chúng ta, thiên tử cũng chẳng mất gì. Nói xong, Huệ vỗ đùi cả cười.

Đoàn Kính Chí cũng lấy làm đẹp ý cười theo. Hai viên tướng lấy làm thoả mãn vì đã thoả thuận xong việc chia chiến quả cùng ngôi thứ. Hai người cùng cười ha hả mãi không thôi.

Rồi hai người hợp bàn kế tiến binh. Suốt một ngày tranh cãi, cuối cùng hai viên thủ lĩnh đều kết ngày Mậu Ngọ, giờ ngọ tháng dần năm Giáp Dần^[60] cả hai đường thủy bộ đều tiến. Mỗi đầu lĩnh sẽ xuất năm vạn tinh binh, năm vạn dân binh, hai vạn năm ngàn lừa ngựa, thuyền bè, chiến cụ, lương thảo đầy đủ. Riêng lương thảo chỉ đem đủ dùng trong mười lăm ngày. Vậy là hai đầu lĩnh đều đã quyết tâm tử chiến với quân Nam.

Lại nói vua Thuận Thiên rời khỏi Thăng Long vào đầu giờ Hợi. Nhà vua chỉ đem theo một đô tùy long cùng vài viên đại tướng. Con Bạch long thân mã vừa được dắt ra khỏi tàu ngựa, chưa kịp đóng yên cương, nó đã đứng dựng hai chân lên như muốn bay vào không trung, rồi hí một hồi dài vang dội. Vua không dùng nghi vệ để vương mà đóng giả như lính tuần thám. Tức là đội mũ phiêu kỵ, mặc áo chên tay, giáp hộ tâm, gươm bên sườn, giáo cầm tay. Đoàn người ngựa đi xuyên rừng lội suối suốt hai ngày đêm thì tới trung quân của thái úy Lý Trưng Hiền. Thái úy lúng túng:

- Thần chưa kịp làm lễ cung nghinh, xin bệ hạ tha tội.

- Đây là chốn quân doanh chứ không phải nơi triều hội. Ta miễn lễ. Cứ tùy nghi làm việc, không được để lộ hình tích ta, kéo kẻ địch dò biết được thì hồng kế của ta. Vua nói, và ngài hỏi tiếp:

- Thái úy nói thử diệp kế phá giặc ta nghe.

Thái úy mở bản lược đồ hành binh và kế sách phá giặc ra trình vua.

Nghe Thái úy tâu trình, vua lấy làm đẹp lòng, lại hỏi:

- Có phải Thái úy định lừa gọn hai mươi vạn giặc vào khu vực này rồi dìm chết chúng ở bến Kim Hoa? Nhà vua vừa nói vừa lấy bút son khuyển vào các địa danh trên đồ bản.

- Trình bệ hạ, đúng như thế đấy ạ, Thái úy nói và cảm như nhà vua đã hiểu hết gan ruột mình.

- Thái úy cùng chư tướng nghe ta dặn mấy điều. Giặc tràn sang ta, binh đông như kiến. Chúng tiến cả hai đường thủy bộ. Cho nên mọi sự mọi việc phải hết sức cẩn trọng. Phải coi địch thủ của ta là mạnh và giảo quyệt. Nên nhớ rằng đằng sau hai viên tướng man kia, là cả triều đình nhà Tống giấu mặt. Thử hỏi, không có lương thảo, khí giới của thành Ung Châu phát ra, không có lừa ngựa cùng sự thanh viện của hiệp trấn Quảng Tây, quân kia sao dám xuất binh ra khỏi cõi? Bởi thế, trong quân doanh của man Tống không thiếu gì mưu sĩ Tống. Quân ta đánh giặc lần này, danh là quân man Tống, còn thực là quân Tống trá hình. Vì vậy

các tướng phải cùng binh sĩ hết lòng giết giặc, quyết không cho một tên nào chạy thoát trở về. Ta phải đánh, sao cho từ binh sĩ, quan tướng, lừa ngựa cho đến cả tể tướng Vương Khâm Nhược cùng Tổng Chân tông, mỗi khi nghĩ đến mảnh đất phương nam này đều rung mình sồn gáy. Ta đích thân cùng tướng sĩ chia sẻ nỗi khó nhọc nguy nan trong chiến trận, dù da ngựa bọc thây cũng cam lòng. Kẻ nào chùn bước, thói chí chính là kẻ thù của ta, kẻ thù của đất nước. Ai có công thì từ sĩ tốt đến tướng lĩnh đều được ban khen xứng đáng, tên tuổi được ghi trong sử sách, lưu truyền con cháu muôn đời.

Trước giờ lâm trận, lời nhà vua nói thiêng liêng như lời non nước, các tướng đều khắc cốt ghi tâm để truyền lại cho binh sĩ dưới quyền.

Thái úy cúi đầu:

- Thần xin lĩnh mệnh.

Nhà vua bèn trao cho Thái úy một lá cờ tiết, một thanh gươm báu và dặn:

- Ta trao toàn quyền chỉ huy việc phá giặc cho Thái úy, trong lúc cấp bách cứ tự tiện điều hành không phải hỏi lại ta, kể cả việc giữ nghiêm quân mệnh, kẻ nào có tội cứ chém trước tâu sau.

Thái úy đỡ lấy cờ, kiểm rồi lạy nhà vua hai lạy.

Vua lui về biệt doanh, ở đây không có cờ quạt, tàn lọng, không có ca sang nhã nhạc.

Lý Công Uẩn bước đi đầu hơi cúi. Ông đi dưới ngàn sao trong đêm và nhớ lại cách đây năm năm, ngày mới lên ngôi, một bữa trở lại gia hương làm lễ bái tạ tổ tông và thần, Phật trong làng rồi đêm đến ông đã đi như kẻ mộng du tới chùa Tiêu Sơn để gặp thiền sư Vạn Hạnh. Cái chính là để nghe thầy răn dạy. “Đạo làm vua phải lấy nước làm trọng. Nước phải lấy dân làm trọng. Vì không có dân chẳng những không có nước còn kể gì đến vua”. Điều thầy dạy ta không bao giờ dám nguôi quên. Ta được quần thần và trăm họ tin cậy, trong năm năm qua chưa bao giờ ta dám ngủ trọn đêm, chưa bao giờ dám nghĩ đến sự thụ hưởng phú quý mà phải lo trả cái ơn tri ngộ cho muôn dân. Lê Ngọa triều để lại cho ta một đất nước nghèo xác với cả triệu dân đói khát lang thang. Quan lại thì tham nhũng và ác độc như hùm sói. Dân chúng điêu linh. Ta đã ráng sức mà mười phần công việc chưa chắc đã được một hai.

Giận vì không làm được nhiều hơn nữa cho nước, cho dân. Ta đã cấp ruộng, đã khuyến nông, lại tha tô thuế ba năm liền, và xoá hết các khoản tô thuế mà dân còn nợ đọng, để người dân có thể ngóc đầu lên được. May, lại mấy năm liền trời cho được mùa, dân đã có bát ăn bát để, trong đất nước ta hiện không có một người nào chết vì đói cơm khát cháo. Các chùa chiền được tu bổ hoặc mới tạo dựng trong hương ấp ngày một nhiều.

Thấy ta cho dựng chùa, đúc chuông, tạc tượng, cấp độ điệp cho dân chúng xuất gia, nhiều kẻ đã bài xích ta làm hao tổn của kho, dung túng cho những đứa lừa dối nhác việc nông, trốn tránh sưu dịch. Đành rằng đã bày vẽ ra làm bất cứ việc gì cũng đều phải tốn kém. Nhưng cả một hương ấp, mấy trăm con người, lại không dựng nổi một ngôi chùa tranh, vách đất ư? Bất quá mỗi nhà chỉ góp một vài cây tre với vài ba ngày làm công quả, là có nơi để tâm linh đi về trú ngụ. Có nơi để dân làng bàn bạc việc công.

Họ đâu biết ta làm như vậy, là nhằm dựng xây sự trường cửu cho quốc gia, dân tộc. Bởi chùa không chỉ là nơi dìu dắt đạo lý, tâm linh cho bách tính, mà còn là trường học, là nơi khai trí, rèn đức cho trẻ nhỏ; biết đâu nhân tài chẳng từ cửa đó mà ra. Cứ suy như ta, nếu không có cửa Phật cùng các bậc thiền sư lỗi lạc dìu dắt, thì lúc bé chỉ là một đứa trẻ chăn trâu, lớn lên bất quá trở thành một tên điền tốt chứ biết gì đến việc đời, việc nước.

Các người bài xích ta đâu có biết dân chúng đang mê muội tin theo bọn đồng cốt. Họ đâu có biết bọn phù thủy lừa mị dân chúng, mù quáng thờ phụng bất cứ một cái gì mà chúng bảo là thần linh. Thôi thì đủ thứ từ gốc đa, gốc gạo đến viên đá bên đường; từ dâm thần, tà thần, đến ác thần... thứ gì chúng cũng đem ra hù dọa người dân thất học ngu ngơ.

Một đằng cứ để cho bọn phù thủy, bọn đồng cốt quàng xiên ấy dắt dẫn dân chúng đi vào đường quanh ngõ cụt, tổn của hại người, một đằng theo về giáo lý Phật, tu tâm dưỡng tính, khai mở trí tuệ, thiện hoá bách tính, đằng nào lợi hơn cho dân, cho nước?

Nếu đương thời vì mù quáng không hiểu ta, hậu thế vì cố chấp không hiểu ta, do đấy lịch sử coi ta như

một kẻ mê muội cuồng si Phật pháp, thì kẻ thầy cái thứ lịch sử mù loà ấy. Điều ta cần thấy nhõn tiền là phải làm cho dân sinh được no ấm, dân trí được khai mở, dân tâm được yên định, xã hội được thái bình, cái thiện được ở ngôi. Ôi, nếu làm được điều đó, thì ta dầu chết cũng không có gì phải ân hận.

Còn như kẻ lười nhác trốn tránh việc nhà, việc đời thì thời nào chẳng có. Hãy xem dưới thời Lê Long Đĩnh, triều đình không cấp độ điệp cho những người có chí hướng xuất gia, cũng không khuyến khích việc tạo dựng chùa chiền, thế nhưng người lười nhác, người lang thang cơ nhỡ vẫn đầy đường chật quán. Mà tháng ba, tháng tám người chết đói nhan nhản khắp chợ, cùng quê. Bất hạnh thay, người lười nhác nhất nước, tàn bạo nhất nước, phá hoại nhất nước lại chính là đức vua – đó là Ngọa triều Lê Long Đĩnh. Sao ngày đó, ta không thấy ai kêu ca gì hết. Hay nó đã là một đại họa tràn lan khắp nước rồi, nó nhiều quá rồi, người ta không còn kêu vào đâu được. Còn ngày nay, vì nó ít quá, nên ai cũng nhìn thấy, bởi thế họ mới kêu ca.

Nhà vua đang triền miên suy tưởng, bỗng nghe thấy âm ào như tiếng thác reo từ xa vọng lại. Đêm tịch mịch, tiếng động mỗi lúc một rõ hơn, mạnh hơn, gần hơn. Vua đang căng tai nghe động tĩnh, chợt có ngựa lưu tinh đem tìn bài về dâng. Đọc xong mấy chữ “TẶC ĐÁO BIÊN THUY”^[61] trên tìn bài, nhà vua “hừm” một tiếng, gương mặt ngài trở nên rạng rỡ. Đoạn ngài nói như một tiếng reo vui:

- Ôi Tổng Chân tông!

Sau khi cho quân đi do thám biết vợ con Hoàng Ân Vinh nhân đêm tối đã trốn thoát, việc không bại lộ, Dương Trường Huệ bèn gửi mật thư cho Ân Vinh hẹn ngày giờ tiến binh. Ân Vinh phúc đáp:

“Tôi đã nhận được thư hẹn ngày tiến binh của tướng quân. Các ám hiệu xin cứ theo như cũ. Tôi nóng lòng chờ đợi tướng quân cùng đại binh để sớm thoát khỏi cảnh cá nằm trên thớt này”.

Đúng như hai viên đầu lĩnh đã hoạch định, giờ Ngọ, ngày Mậu Ngọ, tại trung quân làm lễ tế cờ rồi hai đường thủy bộ cùng nhắm hướng nam thẳng tiến. Hai mươi vạn quân đi ào ào như bão ngàn thác đổ. Quân đi tới đâu cây cỏ nát tươm, tro bụi.

Khi vào tới đất An Nam, tướng tiên phong Quách Thịnh, Hoàng Bào dẫn ba trăm kỵ binh, nổ súng, giáo dài đi trước thăm dò, cứ theo đường có ám hiệu khói lửa như đã hẹn, quả nhiên không có quân phục.

Các tướng Chu Thiên Tước, Đinh Nhượng Thảo dẫn một đội khinh thuyền đi trước thăm dò. Suốt một dải dài mấy chục dặm ven bờ, cờ đen cắm thưa thoáng, tình ý lắm mới nhận ra. Cũng như tín hiệu lửa, tín hiệu cờ dẫn đại quân vào đường không có quân An Nam phục. Thế là năm ngày sau, hai mươi vạn quân binh, dân binh cùng hơn năm vạn lừa ngựa, hàng ngàn cỗ xe, hàng ngàn chiến thuyền, hàng chục vạn học lương cứ ùn ùn kéo vào đất Bình Lâm, Quảng Nguyên. Cờ xí rợp trời, ngựa xe chật đất. Quân tới bến Vạn Hoa thì dừng lại lập doanh trại với bốn đạo quân án ngữ bốn hướng đông, tây, nam, bắc cùng với đại trại ở trung quân là năm trại, nên gọi “Trại Ngũ hoa”. Quân đi như đi vào chỗ không người, lòng quân sinh kiêu. Suốt ngày đêm ca hát, tiệc tùng.

Tại đại trại lập hai trưởng hổ cho Dương Trường Huệ và Đoàn Kính Chí. Không ra mặt, nhưng ngày ngày Hoàng Ân Vinh đều cho người lén đem các đồ sơn hào hải vị, cùng châu báu vàng bạc đến dâng tại trại giặc kèm những lời tâng bốc hai viên đầu lĩnh, như là hai bậc đệ nhất anh hùng của cả vương triều Tống.

Dương Trường Huệ cứ đọc đi đọc lại mãi cái đoạn Hoàng Ân Vinh viết: “... Ngọn cờ của nhị vị tướng quân trở về phương Nam, phương Nam tan tác. Quân triều đình chạy một mạch về đến Thăng Long, chắc chữa hoàn hồn. Hai tướng quân không việc gì phải nhọc lòng đánh dẹp làm gì. Thiết nghĩ, nhị vị cứ kê gối cao nằm khểnh hưởng cho thoải thuê của ngon vật lạ và khí hậu ấm áp phương Nam. Tôi chắc rằng chỉ nửa tuần trăng, Lý Công Uẩn phải tự trối mình đến nộp mạng và dâng nước cho nhị vị. Khi An Nam đã lọt vào tay nhị vị rồi, thì nhị vị đòi gì thiên tử chẳng nghe theo. Tôi được biết, hiện nay mặt bắc, quân Khiết Đan đang thẳng lớn...”

Thư nói chẳng hết nhờ. Hẹn ngày hội ngộ tại Thăng Long.”

Thư và quà biếu tặng hàng ngày của Hoàng Ân Vinh, khiến hai tướng man Tống có cảm giác như họ đang dẫn đại binh tới một miền đất trù phú để tĩnh dưỡng.

Vì thế trong quân suốt ngày chè chén phê phờn. Lính uống say rồi lũng sục vào các thôn bản lục soát của cải, tìm kiếm con gái, đàn bà. Trung quân thì hết đại tiệc này đến đại tiệc khác, hầu non, gái đẹp vây bủa từng đàn. Suốt ngày đêm, nơi trưởng hổ vang lên lời ca tiếng nhạc. Suốt ngày đêm, các đầu lĩnh say sưa hành lạc.

Thấy các chủ tướng không nghĩ gì đến việc đánh dẹp, các bộ tướng liền can: – Ta đem đại quân vào đất giặc, cốt đánh tan quân nó, bắt sống vua nó, chiếm đất đoạt thành, cơ sao chủ tướng đóng quân lâu vậy, sợ trong quân sinh lòng trể nải.

Dương Trường Huệ đã ngà ngà say lại đang ôm một mỹ nữ ở trong lòng, thấy có kẻ muốn phá cuộc chơi, bực lắm, Huệ quát:

- Mày là thằng nào mà dám lên mặt dạy tao?
- Bẩm tướng quân, tôi là Quách Thịnh, xin chủ tướng lấy việc quân làm trọng.
- Kẻ kia không phải dạy ta. Ta đem đại binh qua đây, lũ chuột nhắt An Nam run sợ vỡ mật ra chết cả rồi. Quân ta không mất một mũi tên mà thu gọn mấy châu quận. Nay mai vua nó sẽ trối mình đến hàng

dưới trướng. Có sao người lại xui ta làm nhọc sức quân, phá vỡ cuộc vui của ta?

Thấy chủ tướng khinh địch, Chu Thiên Tước vội can:

- Sao chủ tướng không nghĩ đây là một “kế không thành” mà bên địch đang lừa ta. Binh pháp đã dạy: “Lấy hư làm thực, lấy thực làm hư, hư hư thực thực khiến kẻ địch không biết đâu là thực là hư”. Thần nghĩ rằng ta đang ở giữa vòng vây, xin chủ tướng nghĩ lại.

Dương Trường Huệ được ăn uống các đồ kích dục, lại có hầu non cặp kè, lòng dục bốc lên che lấp cả sự sáng suốt nên rút gươm quát:

- Ta cấm các ông không được nói việc tiến binh, khi không có lệnh ta không được tự tiện vào trướng hổ. Đi ngay!

Các tướng quay ra.

Tại trướng của Đoàn Kính Chí sự việc diễn ra cũng không hơn gì. Các tướng can mãi không được cũng nản lòng, mặc cho quân lính trốn đi tìm rượu, tìm gái xa quân doanh hàng chục dặm.

Thấm thoát quân nằm tại trại đã quá mười ngày, kho lương kho cỏ cứ vơi dần mà không có nguồn tiếp tế, viên quan quản xuất quân lương vào bẩm hai chủ tướng:

- Lương, cỏ trong kho chỉ còn được non bốn ngày nữa, xin chủ tướng liệu định.

Đúng lúc ấy lại có thư của châu mục Hoàng Ân Vinh đưa đến:

“... Hoàng Ân Vinh tôi cúi đầu bái lạy, và xin cấp báo lên nhị vị tướng quân một tin vui. Nội trong năm ngày nữa, quốc chủ tôi sẽ có đủ lương, cỏ đưa tiến tận doanh trại của đại nhân, xin đại nhân cử người tiếp nhận. Và đúng 10 ngày nữa kể từ hôm nay, quốc chủ tôi xin nộp ấn kiếm và xin rước nhị vị vào Thăng Long...”

Đọc xong, Dương Trường Huệ cả cười rồi ném tờ thư vào mặt tướng coi lương:

- Các người chỉ là đám võ phu. Ta cất quân nhân nghĩa không cần đẹp, kẻ địch khắc tan. Nay mai ta vào Thăng Long nữa, thì đến thiên tử cũng phải sợ oai ta. Lũ các người thật có mắt mà như đui.

Dương Trường Huệ lập cập chạy sang trướng của Đoàn Kính Chí báo tin vui.

Đoàn Kính Chí tỏ vẻ nghi ngờ:

- Túc hạ ạ, sao mãi không thấy Hoàng Ân Vinh ra mắt khiến tại hạ dâm ngờ. Có thể bọn ta mắc vào quỷ kế thì sao. Vài ngày nữa lương thảo hết, lòng quân chắc sinh biến. Tại hạ đã cho quân đi thám thính suốt ba chục dặm quanh vùng, tình không kiếm nổi một đấu lương thực. Nhà cửa của dân man thì tro bụi, súc vật không còn gì. Dân không có một mống nào. Tại hạ nghi An Nam dùng kế thanh dã^[62]. Xin túc hạ sớm liệu đi kẻo nguy đến nơi rồi.

Đúng lúc hai tướng đang lo bị trúng kế, lo về quân lương thì Hoàng Ân Vinh cho chở lương đến ùn ùn tới cả trăm xe. Lại dâng các đồ sơn hào hải vị cùng vàng bạc châu báu nhiều vô kể. Thư Hoàng Ân Vinh còn nói rõ: “Quốc chủ tôi sợ đại quân đi lâu ngày, lương thảo có hạn nên đưa đến sớm hơn thư hẹn. Chiều nay tạm giao hai trăm xe. Thuyền lương đang gấp rút chở từ Thăng Long lên, cập bến lúc nào, chúng tôi sai vận chuyển tới ngay lúc đó. Nếu thuận gió, đêm nay sẽ nộp thêm một ngàn xe lương, xin hai vị tướng quân cho dọn kho để thu nạp. Ngày mai vào đầu giờ tỵ, tôi xin được diện kiến để xin thể thức đầu hàng cho quốc chủ tôi”.

Thấy vậy, cả hai vị đầu lĩnh đều giải toả được mối lo. Vì vậy các cuộc vui không gì ngăn cản được.

Lại nói về phía quân Nam. Vua Thuận Thiên hằng ngày theo sát mọi diễn biến bên trại giặc và việc bài binh bố trận của thái úy Lý Trưng Hiền cùng chư tướng.

Về phía giặc, có ba điều thủ bại khiến nhà vua yên tâm:

Một là tướng giặc tuy có nghi nhưng vẫn tin vào kế trá hàng của Hoàng Ân Vinh.

Hai là lương thảo của giặc sắp cạn kiệt mà không có nguồn tiếp tế cùng quân tiếp viện.

Ba là giặc chờ quân ta đến hàng chứ không triển khai thế trận.

Về phía quân ta cũng có ba điều khiến nhà vua tin là chắc thắng.

Một là binh sĩ, vua tôi một lòng thề quét sạch giặc ngoại xâm.

Hai là quân tinh, tướng dũng đồng cam cộng khổ.

Ba là thế trận đã bày xong mà quân thù không hay biết một tí gì.

Đêm ấy, đứng giờ tý, Hoàng Ân Vinh cho ngựa lưu tinh đem hoả bài cấp báo đến trưởng hổ của Dương Trường Huệ, xin nộp kho một ngàn xe lương.

Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí bước ra khỏi trưởng nhìn bầu trời phía đông rực sáng, tiếng người tiếng ngựa ào ào liên hồi kẻ báo tin:

- Quân kia nói ta nghe, sao nộp lương lại đốt lửa sáng rực trời, ta còn thấy cả tiếng ngựa, tiếng quân là có làm sao?

Người cầm hoả bài quỳ xuống tâu:

- Bẩm đại vương, hàng ngàn xe lương đi trong đêm mà không có đèn đuốc thì đi làm sao được. Vả lại không đốt đèn, đốt đuốc binh tướng của đại vương đi tuần, ngờ là quân gian xông vào đánh giết thì làm thế nào. Còn có tiếng ngựa, là ngựa kéo xe lương. Hàng nghìn xe lương phải có hàng vạn quân tải lương, sao ngăn nổi tiếng ồn. Nếu đại vương không cho nhập, tôi sẽ về bẩm chủ tướng cho xe lương quay lại.

Được tôn vinh làm đại vương, lại nghe biện bác có lý có tình, hai vị đầu lĩnh hài lòng lắm. Đoàn Kính Chí liền phán:

- Cho người lui. Nói chủ người chờ gấp lương thực nộp kho đại vương đêm nay, không được chậm trễ nghe!

Xong, Kính Chí quay nói với Trường Huệ:

- Có nhẽ khi xe lương đến cứ một xe đổ kho của túc hạ, một xe đổ kho của tại hạ.

Dương Trường Huệ cả cười:

- Túc hạ phân mình quá, tại hạ xin chấp thuận.

Lại quay ra nói với người của Hoàng Ân Vinh.

- Tướng kia về nói với chủ người, xe lương vào đến ngã ba bến Kim Hoa thì rẽ làm hai. Cứ một xe sang tả, một xe sang hữu đi thẳng vào kho mà đổ lương, không được làm kinh động đến núi rừng và giấc ngủ của quân ta. Nghe chưa?

Tướng Nam giật mình tỏ vẻ sợ hãi, cúi đầu vái lạy:

- Bẩm đại vương cho lui để tôi về trình chủ tướng.

Nói xong viên tướng trẻ nhảy lên mình ngựa ra roi. Hai vị đầu lĩnh chia tay chui vào trưởng hổ ngủ vui. Đầu giờ tý, quân Nam đẩy một ngàn xe cỏ khô lên chặt, chạy như bay vào hai kho lương của hai vị đầu lĩnh người man Tống. Cùng một lúc phóng hoả đốt cháy rụi hai kho lương lớn nằm giữa khu vực hai mươi vạn quân; kéo theo một đội kỵ binh tinh nhuệ tay cầm đoản đao, tay cầm đuốc, lưng đeo cung tên và khiên ào ào đốt trại giặc, xông thẳng vào hai trưởng hổ định bắt sống hai viên đầu lĩnh. Thấy bốn bề lửa cháy cùng tiếng quân reo như vỡ trời, Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí vội nhóm dậy quơ lấy binh khí nhảy lên mình ngựa cầm đầu chạy. Bộ tướng của hai đầu lĩnh chạy theo hộ vệ nhưng không thoát được vòng vây. Bốn bề tiếng reo như vỡ trời đêm. *“Kho lương cháy hết rồi!”*, *“Dương Đoàn hai tướng tử trận rồi!”*, *“Chạy mau, anh em ơi!”*. Đây là quân ta đóng giả quân man Tống hò reo, khiến quân giặc càng hốt hoảng tìm đường tháo chạy. Quân man Tống vòng ngoài là dân binh, vòng trong là quân binh, giữa là kho quân lương. Họ qua nước Nam chưa gặp phải sự kháng cự nào, chỉ ăn chơi suốt ngày đêm, nên tinh thần lỏng lẻo. Kịp đến khi bị đánh bất ngờ từ trong đánh ra, phần nhiều trong số họ không kịp lấy binh khí mà quáng quàng tìm đường chạy. Họ tự giày xéo lên nhau mà chết, hoặc hàng vạn con ngựa sống tào chạy ra hỗn loạn, giày đạp lên đám quân kia chết vô số kể. Rồi những người lính An Nam thiện chiến, gươm sắc, giáo dài, sức lực dẻo dai họ chém tới mỗi tay mà quân giặc vẫn cứ ùn ùn hỗn loạn.

Tất cả các nẻo đường chạy sang đất Tống, quân ta đều bịt kín. Mờ sáng, quân giặc lần qua các dòng suối cạn khô, định men ngược lên vùng biên ải, bỗng đâu ầm một tiếng, rồi nước từ trên cao ập xuống cùng đá lăn từ hai bên sườn núi, phút chốc dòng suối đã trở thành chiếc quan tài nước, vùi chôn không biết bao nhiêu xác giặc.

Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí cùng bộ tướng không biết chạy đường nào, đành ngồi vào một góc núi tử thủ. Quân theo chừng vài chục đứa, bộ tướng dăm tên. Tất cả đều đã bị thương, không một kẻ nào

còn nổi chiếc khăn, chiếc mũ che đầu. Trường Huệ, Kính Chí đều bị cháy trụi râu, mặt bị bỏng đen nhem, áo quần rách rưới tả tơi như một lũ ăn mày. Đánh đến khoảng đầu giờ thìn, quân ta đã chém trên năm vạn thủ cấp giặc, bắt sống chừng năm vạn tên với khoảng ba vạn ngựa chiến cùng binh khí thu không biết bao nhiêu mà kể.

Hoàng Ân Vinh mặt hồng như lửa, mình mặc áo giáp, tay khiên tay giáo dẫn đầu đoàn quân đi lòng bắt tướng giặc, bỗng nghe tiếng gọi thất thanh:

- Hoàng châu mục! Hoàng châu mục! Tôi ở đây cơ mà. Nghe tiếng gọi quen quen Hoàng Ân Vinh đang dỗi mắt tìm xem người gọi ở đâu, thì người ấy đã tới trước đầu ngựa, khóc mà rằng:

- Quân ta đại bại rồi! Có phải Hoàng châu mục đi tìm Dương tướng quân, Đoàn tướng quân không?

- Đúng rồi, ta tìm hai vị ấy, nhưng người là ai?

Tên lính cười phô hai hàm răng trắng giữa cái mặt nhọ nhem bẩn thỉu:

- Hoàng châu mục không nhận ra tôi thật ư? Tôi là Trương Minh Tú tự Tử Minh đem thư dụ hàng đến tiên sinh chứ ai.

Hoàng Ân Vinh “à” lên một tiếng rồi quát:

- Vậy người phải mau mau dẫn ta đi cứu nhị vị tướng quân.

Thế là Tử Minh dẫn đường cho quân ta đi bắt hai tên đầu sỏ giặc. Sự thật, y vẫn tưởng châu mục Hoàng Ân Vinh thực bụng hàng. Tới khi quân ta trói gô đám quân tướng giặc giải đi, Tử Minh mới biết châu mục trá hàng. Cũng chính lúc này Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí mới vỡ tỉnh rằng tướng An Nam dùng châu mục Hoàng Ân Vinh vào kế phản gián, mà ngay từ lúc nhận bức thư đầu cùng một trăm nén vàng Huệ đã nghĩ tới, nhưng không ngờ tới.

Khi giải hai tên đầu lĩnh giặc tới trước trung quân, Hoàng Ân Vinh liền nói: – Như hôm qua ta đưa thư hẹn với nhị vị tướng quân, rằng giờ ty ngày hôm nay ta sẽ có mặt dưới trướng. Thế mà các vị chẳng chịu chờ ta.

Lúc này Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí mới biết mặt Hoàng Ân Vinh. Hai người tức quá hộc máu ra phun phì phì, họ nhìn Hoàng Ân Vinh với lòng căm giận đến nổi bốn mắt bật ra ngoài, con người nổ tung. Họ chết mà chưa kịp hiểu rằng mình ngu dại.

Vua Thuận Thiên sai Trung thư lệnh soạn biểu văn thắng trận dâng lên thiên tử nhà đại Tống. Lại ghi chú rằng:

“Đoàn cống sứ đem theo chiến lợi phẩm dâng thiên tử nhà đại Tống, nay mai sẽ lên đường sang thượng quốc”.

Vua sai quân chạy ngựa đến nộp ngay cho trạm tiếp sứ của nhà Tống trên địa đầu ải bắc.

Quân biên trấn Quảng Tây nghe nói hai mươi vạn quân man Tống cùng biết bao tay anh hùng hảo hán dưới trướng Đoàn Kính Chí, Dương Trường Huệ bị tiêu diệt sạch sành sanh, chỉ trong một trận đánh kéo dài từ giờ tý đến giờ thìn thì xiết bao kinh hãi. Vì vậy họ đã sai ngựa lưu tinh chạy suốt ngày đêm đem biểu văn của quốc vương An Nam về triều cho thiên tử trù liệu.

Vài ngày sau, những con ngựa, những tên lính man Tống còn sống sót bị quân ta bắt được giải đi. Dọc đường, cứ hễ trông thấy màu đen của cờ xí, màu đỏ của lửa ám hiệu là người ngựa lại hốt hoảng giày xéo lên nhau mà chạy. Và chúng lại chết thêm, chết thêm vì các thứ sắc màu kia ám ảnh.

Vua Thuận Thiên đích thân giám sát cuộc hành binh của quân triều đình, nhằm đánh bại đám quân man Tống, từ lâu vẫn mưu toan nhòm ngó mảnh đất biên thủy của nước ta. Song điều quan yếu nhất lại ở chỗ, đánh vào các mưu toan xâm lăng của triều đình nhà Tống.

Trận đại thắng này các tướng lĩnh, sĩ tốt hết thầy đều được thăng thưởng. Riêng châu mục châu Bình Lâm Hoàng Ân Vinh được nhà vua cho triệu về Thăng Long vỗ về.

Lần đầu tiên được đặt chân lên đất kinh thành hoa lệ, châu mục Bình Lâm không khỏi ngỡ ngàng, xao xuyến. Thâm tâm chàng vừa mừng, vừa lo.

Ở Thăng Long cái gì cũng có, cái gì cũng đẹp, nhưng cái gì cũng đắt. Điều làm cho Hoàng Ân Vinh ngạc nhiên nữa là con trai con gái Thăng Long sao mà đẹp thế. Họ ăn vận nom cứ như các tiên đồng, tiên nữ mà nói năng mới dịu dàng lịch thiệp làm sao.

Hoàng Ân Vinh được dẫn đi xem các cung điện trong hoàng thành, xem vườn ngự uyển, được vua ban yến, lại được đi dạo chơi phố phường ba ngày. Chàng tưởng như mình đang sống trong cõi thiên tiên.

Sau vua cho gọi vào cung, ngài dạy:

- Trong trận thắng giặc vừa qua, công của ngươi lớn lắm. Vậy ngươi có muốn ta ban thưởng cho cái gì, cứ thực nói ra.

Hoàng Ân Vinh lúng túng chẳng biết nói năng hoặc xin nhận cái gì. Mãi lâu sau chàng mới nói lúng búng trong mồm:

- Xin nhà vua cho về lại đất Bình Lâm.

Vua cười khoan hoà:

- Được! Được, rồi ta sẽ cho xe ngựa đưa khanh về đến tận nhà. Khanh nhớ rùng nhớ suốt lắm sao?

Hoàng Ân Vinh gật đầu. – Nhớ cả con nai con hoẵng nữa chứ!

Thấy Hoàng Ân Vinh chân tình mộc mạc, lại chưa thông lễ nghĩa, nhà vua đem lòng cảm mến. Vua tự nghĩ, nếu như trên biên cương phía bắc của ta được dăm bảy người tài cán, đức độ và trung dũng như Hoàng Ân Vinh, thì ta đỡ lo biết mấy. Chính những người như thế này mới thực là phen giậu, là tai mắt của ta. Chợt vua phán:

- Hoàng Ân Vinh, ta sẽ gả quận chúa, cháu gái ta cho ngươi.

Hoàng Ân Vinh đỏ mặt lúng búng đáp:

- Bệ hạ! Bệ hạ! Thần có vợ con rồi cơ mà.

Vua cười ngất. Và càng thương con người chân tình, mộc mạc ấy:

- Ta biết ngươi có vợ rồi. Nhưng ta cho ngươi thêm một vợ nữa, là cháu ta. Từ nay ngươi sẽ là quận mã, ngươi và con cháu ngươi nối đời được ăn lộc triều đình.

Sau khi ngươi đã làm lễ kết tóc cùng quận chúa, ta ban cho ngươi chức Thiên hộ, tức ăn lộc một nghìn nhà.

- Bệ hạ bảo quận mã ăn một nghìn cái nhà, ai mà ăn được nhiều thế?

Vua cười vui về câu nói ngây ngô của chàng quận mã.

- Ta nói ăn lộc một nghìn nhà, tức là một nghìn nhà dân phải đóng thuế, nộp tô cho ngươi. Ngươi dùng số tô, thuế thu được ấy mà chi dụng, biết chưa.

- Dạ, thần biết rồi ạ. Bệ hạ, như thế có nhiều quá không?

- Không nhiều đâu. Đây là chế độ do triều đình quy định, ai ở hàng nào, chức nào được hưởng lộc đến mức nào đều rõ ràng cả. Cho hưởng vậy, để biết ơn trên mà gắng hoàn thành trách phận của kẻ chăn dân. Nhưng nhà ngươi có mấy việc lớn phải làm:

- Một là lo cho dân yên ổn, không để xảy ra trộm cắp quấy nhiễu. Không để cho bọn hào trưởng, xã trưởng nơi làng bản ức hiếp dân.

- Hai là, phải lo cho dân có đất cấy trồng, khuyến giúp người dân khai phá đất đai hoang hóa, cho giữ

đất ấy làm tư điền. Lại miễn tô thuế cho họ năm năm. Nơi nào khai phá khó nhọc, tốn nhiều công sức, đất lại bạc màu thì tha tô thuế cho họ từ mười đến mười lăm năm. Người phải gắng gỏi, sao trong châu hạt của người không có người bị đói, khuyến dân giúp đỡ các người già không nơi nương tựa. Các con cô, goá phụ cũng phải lưu tâm đỡ dằn họ.

- Ba là, phải rèn luyện binh bị cho tinh, tuần cảnh nghiêm ngặt ngày đêm không cho kẻ gian, người lạ từ bên kia biên ải đột nhập vào đất ta dò xét. Muốn làm được việc ấy ngoài số quân, phải lấy dân làm tai mắt. Ai có công thì phải thưởng khen ngay, chớ có dây dưa lần lữa mà người dân nản lòng. Công lớn tâu về triều, ta sẽ khen tặng. Kẻ có lỗi thì khoan thứ, có tội phải nghiêm trị.

- Bốn là, người phải cho người sang đất họ buôn bán, làm ăn để dò la xem họ có mưu mô xâm lấn, cướp phá hoặc đặt nội gián trên đất ta không; hoặc có kẻ nào mưu mô tạo phản, người cũng phải biết từ lúc mới manh nha.

- Năm là, các trạm đổi ngựa nhằm thông đạt tin tức từ triều đình tới các miền biên viễn đặt trên đất người, phải coi sóc cho chu đáo; lúc nào cũng phải có ngựa khỏe, có quân túc trực. Các trạm đốt lửa làm hiệu suốt ngày đêm không bao giờ được tắt. Vì rằng ban ngày phải thấy khói bay lên, ban đêm phải thấy ánh lửa hồng. Cứ thế trạm nọ tiếp trạm kia, để cùng lúc ở kinh thành, ta có thể biết khắp bốn phương tám hướng trên đất ta, đang an bình, hoặc ở nơi nào đó có họa loạn.

- Sáu là, người phải săn sóc, phải đối xử tử tế với quận chúa. Cháu ta lá ngọc cành vàng, người không được phạm phu thô lậu. Vợ chồng phải tương thân như tương kính. Nếu người vì lỗ mắng mà xử tệ với quận chúa, sẽ mang trọng tội.

Nghe nhà vua nói, Hoàng Ân Vinh cảm thấy lo hơn mừng. Thật ra các việc vua nói, từ trước chàng đã có làm, nhưng mới chỉ là loáng thoáng. Nay phải làm đầy đủ; phạm vào bất cứ điều gì cũng có tội. Chàng nhẩm tính: “Vậy là ta có năm điều phải làm mà điều nào cũng hệ trọng. Ngay cả điều thứ sáu là điều ta được ban, nhưng lại không hoàn toàn thuộc về ta, như vợ ta ở nhà. Khó quá, chàng nghĩ: ước gì ta không phải làm quận mã”.

- Các điều ta nói, người đã nhớ chưa? – Vua hỏi.

- Bệ hạ, thần nhớ cả rồi.

- Từ nay người là con cháu của ta, là người tâm phúc của ta, mỗi việc làm của người đều phải cẩn trọng, không được ỷ thế làm bậy. Không được khắc bạc với dân, với lính. Từ việc dân, việc binh, nhất nhất phải làm theo luật pháp ta đã ban. Nếu cố tình phạm tội, ta sẽ trị nặng gấp đôi người thường. Người còn chưa thông lẽ nghĩa, việc ấy quận chúa sẽ dạy cho.

Vua nhìn Hoàng Ân Vinh với tấm lòng trù mến và cả sự trọng nể nữa. Nhà vua tự nghĩ: – Biên cương phải có phen giậu, phải có thân vương trấn trị.

Lại nói về nhà Tống, khi nhận được biểu chương của quan hiệp trấn Quảng Tây nói về đạo binh hai mươi vạn của Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí bị An Nam quét sạch trong thoáng chốc thì xiết đổi kinh hoàng. Tống Chân tông nghe viên hàn lâm thị độc đọc xong lời biểu, ông như rũ rời hết cả tay chân. Quần thần im lặng buồn thiu, như có quốc tang.

Lát sau, viên hàn lâm thị độc nhắc khẽ:

- Tâu hoàng thượng, còn biểu của An Nam quốc vương có đọc không ạ?

- Đọc! Chân tông buông một tiếng cộc lốc.

“Thần là mỗ quốc vương An Nam kính lạy thiên tử nhà Đại Tống.

Vừa rồi, đám giặc cỏ đứng đầu là hai tên Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí đã đại đột nghe lời xúi bẩy của kẻ xấu, dám vô lễ đem binh xâm phạm nước của thần.

Vâng mệnh thiên tử, phải giữ cho nước phen giậu của thiên triều được an lạc, thần đã sai tướng đánh dẹp, giết không còn một mống nào.

Chiến lợi phẩm thu được, đủ dùng cho binh của thần trong năm năm. Thần sẽ sai sứ đem chiến quả dâng lên thiên tử, chỉ nay mai là tới biên thủy.

Xin thiên tử gia ân cho thông sứ lộ.

Kính chúc thiên tử muôn năm trường trị”.

Lời biểu của quốc vương An Nam đọc lên làm cả triều đình kính phục.

Vương Khâm Nhược lo sợ vì đã xui Chân tông ngầm giúp đám tướng man binh khí, lương thảo, mưu lược để đánh An Nam. Cái hoạ này có kẻ nào cáo giác ra, hẳn ta sẽ mất đầu như chơi. Lại vừa rồi ta đi thương nghị với Khiết Đan, mang thất bại trở về. Nếu nhà vua gộp hai tội làm một, ta còn biết biện bác sao đây. Càng nghĩ càng thấy hối tiếc, tể tướng cúi đầu thu gọn người lại. Ông cứ tưởng làm như thế các bạn đồng liêu sẽ không nhìn thấy mình mà cáo giác. Trong khi đó, tri khu mật viện Vương Đán lại nghĩ khác. Ông cho rằng nước Nam đang cường thịnh. Không chỉ riêng việc họ vừa diệt xong hai mươi vạn quân man, có cả triều đình nhà Đại Tống đứng ở phía sau, mà còn bởi lời lẽ của Lý Công Uẩn rất là khí phách, vẫn giữ lễ với thiên tử, nhưng cũng là một việc làm bẽ mặt thiên tử. Cái giới của vị quốc vương này là lời lẽ ôn nhu không bắt bẻ vào đâu được, nhưng lại tỏ ra một đấng anh hùng, ngầm kiêu hãnh. Sự thật, muốn biết nước họ mạnh hay yếu, thịnh hay suy, cứ xem lời lẽ trong biểu của họ thì đủ biết.

Cả triều hội nghe xong hai biểu chương vẫn im phăng phắc. Tống Chân tông ngao ngán không biết sẽ khu xử việc này ra sao. Nhà vua lên tiếng:

- Các khanh thử nói ta nghe, có đúng là quân An Nam mạnh tới mức ấy không, hay chỉ là lời đồn?

Rốt cuộc chẳng có ai chịu khai khẩu, vua bèn chỉ vào Vương Khâm Nhược:

- Tể tướng nói thử ta nghe, sao trước kia khanh xui ta ngầm giúp đám man tướng này, là bản một mũi tên trúng những ba đích kia mà.

Không phải ai mà chính nhà vua cáo giác, Vương Khâm Nhược mặt tái xanh, lom khom đứng dậy:

- Muôn tâu thánh thượng, quân An Nam quả là hiếu chiến, hung hãn. Nhưng chưa hẳn họ đã diệt được hết đám quân man kia; biết đâu họ chẳng khoắc lác để dọa nạt thiên triều.

Vương Khâm Nhược nói, các quan đều thấy khó nghe, đây chỉ là lời lẽ nhằm che đậy lỗi lầm.

Binh bộ thị lang Trần Bình Niên có tiếng là người hiểu rộng, tính tình bộc trực liền xuất ban xin nói:

- Tâu bệ hạ, tể tướng là bậc quan chấp chính đầu triều. Có tài thì giúp vua nên việc. Bất tài thì làm hỏng việc của vua, của nước. Thần xin cáo hạch tể tướng Vương Khâm Nhược mấy điều:

- Một là dưới thời tiên đế, ông đã gièm pha bậc tể thần có tài kinh bang tế thế là khu mật viện trực học sĩ đồng trung thư môn hạ bình chương quân quốc trọng sự Khấu Chuẩn, đến nỗi ông này bị truất và phải đi đày, rồi chết ở Lôi Châu.

- Hai là được vua uỷ thác cho việc thương nghị với Khiết Đan, thì ông đem cái nhục về cho nước. Từ nay mỗi năm nhà Đại Tống phải nộp cho rợ Khiết mười vạn lạng bạc cùng hai mươi vạn tấm lụa. Thật là ông có tài rút cạn của kho nhà nước đem dâng cho giặc.

- Ba là ông xui vua ngầm giúp hai viên đầu lĩnh người man xâm lăng An Nam, để đem về cho vua ba mối hoạ:

- Mối hoạ thứ nhất là người man oán bệ hạ đẩy họ vào chỗ chết.

- Mối hoạ thứ hai là người An Nam oán bệ hạ, đã giúp người man xâm lấn nước họ. Vì vậy nếu có cơ hội nhất định họ sẽ quấy nhiễu Trung nguyên, để trả mối hận cừu này.

- Mối hoạ thứ ba là người Khiết Đan biết chuyện thất trận lớn lao này, sẽ càng tác quái trên mạn bắc thủy, vốn đã khốn đốn của chúng ta.

Rõ ràng là tể tướng thuộc loại “Nhất ngôn táng bang”^[63], xin bệ hạ trị tội.

Càng nghe binh bộ thị lang nói, Vương Khâm Nhược càng run sợ, mặt tái mét. Các quan thì hả lòng hả dạ, vì từ trước vẫn ghét thói gian nịnh của tể tướng mà chưa có cơ hội cáo giác. Tống Chân tông lòng đã rối, càng rối hơn. Triều hội ào ào đòi trị tội Vương Khâm Nhược.

Chân tông nói:

- Thôi được, trước hết ta truất ngôi tể tướng của Vương Khâm Nhược, giao cho bên kiểm pháp quan nghị tội. Nhưng còn việc “An Nam xin thông sứ lộ” thì làm thế nào. Lộ tiếp sứ đã có, đường đi lối lại từ trước tới nay đã có gì thay đổi đâu mà “xin thông sứ lộ”. Các khanh bàn kỹ việc này xem sao.

Tri khu mật viện Vương Đán bước ra khỏi ban:

- Tàu hoàng thượng, Binh bộ thị lang nói về tế tướng thế là rõ ràng, đầy đủ, thần chỉ nói đến việc An Nam “xin thông sứ lộ”.

Vì sao họ lại xin việc này. Thần chắc chắn là đoàn cống sứ sắp tới sẽ đông đúc như cả một đội quân, sợ rằng thiên triều có sự hiểu lầm gây khó dễ. Nên phải xin thiên tử ban lệnh xuống các trấn lộ biết mà giúp đỡ.

Lại vì sao sứ An Nam sang đông như vậy. Là bởi họ vừa chiến thắng một đạo quân lớn, chiến lợi phẩm ắt nhiều không kể xiết. Họ sẽ đem sang cống thiên tử thuần chiến lợi phẩm gồm các đồ quân dụng, binh khí, lừa ngựa của nhà Tống giúp quân man; có thể còn có tù binh hoặc đầu các viên tướng bị chém nơi chiến trận.

Họ sang đông thế là còn có ý muốn khuếch trương chiến thắng của họ. Suốt mấy ngàn dặm từ biên ải về tới Biện Kinh, dân chúng hoặc bất kỳ ai nhìn thấy họ đi ngoài đường, sẽ đem lòng sợ hãi để đời. Rồi một đồn trăm, trăm đồn ức vạn, khiến ai không được trông thấy, mà chỉ nghe thấy cũng đủ sợ oai binh sĩ An Nam. Việc đó sẽ gây dấu ấn kinh hoàng trong binh sĩ của ta, nếu như lại có một cuộc Nam chinh. Thế nhưng lại không thể không cho họ sang. Vì rằng các biểu hiện bên ngoài của họ, vẫn một lòng thờ thiên tử, nạp cống thiên triều. Nếu lần này ta khước từ, thì An Nam sẽ vin vào đấy không bao giờ triều cống nữa. Và lại nước họ đang cường thịnh, không nên làm méch lòng họ. Hãy xem bài học Khiết Đan, chỉ vì ta vùng đường khu xử, nên càng ngày họ càng lấn ta. Xin thiên tử lượng định.

Tổng Chân tông nghe lời Vương Đán, xuống chiếu cho các quan sở tại có sứ giả An Nam đi qua, các đề trạm phải tiếp sứ long trọng, cung đón đầy đủ, nhất nhất không để xảy ra điều gì sơ khoáng.

Trong khi đó triều đình An Nam lại nghị bàn việc đi sứ Tống nên như thế nào.

Khai mở, vua Thuận Thiên nói:

- Ta đã có biểu tâu thắng trận, xin thông sứ lộ lên Tống Chân tông. Vậy cống phẩm của ta lần này ra sao, các khanh thử bàn cho đến chỗ rốt ráo.

Quan tả kim ngô Phí Xa Lỗi xin được nói:

- Tàu bệ hạ, theo thiên ý của thần, sứ đoàn Nam Việt cùng các cống phẩm sang Tống triều lần này phải khác. Đây không phải là tuế cống mà là biệt cống, tức là nhân việc ta vừa thắng trận lấy lòng, nay đem chiến công ấy dâng lên thiên tử nhà Đại Tống. Quan tả kim ngô lấy làm đặc ý về lời lẽ của mình, ông giả bộ sửa lại chiếc đai mũ, vén cánh tay áo thụng rồi tiếp: – Xin bệ hạ cử hai vị chánh phó sứ văn tài lỗi lạc, biện bác thông tuệ, rồi đóng hai chiếc hòm gỗ thơm, tạc hai cái đầu người giống hình Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí để dâng cho thiên triều.

Việc này có ba cái lợi:

- Một là làm bẽ mặt Tống Chân tông và cả triều đình của ông ta, vì đã xúi giục hai tên đầu lĩnh này, và cấp binh khí, lương thảo cho chúng xâm phạm cõi bờ ta.

- Hai là “gây nổi kinh hoàng để dọa cho vua tôi nhà Tống” như nhời bệ hạ thường nói.

- Ba là nhân cơ hội ta sẽ ép nhà Tống phải nới lỏng một số điều, hoặc tôn trọng một số điều mà hai bên đã quy ước. Ví như việc đi sứ, việc tiến cống không nên bắt buộc theo chế độ một năm tiểu cống, ba năm đại cống, mà xin cho tùy tiện có điều gì cần tâu, có vật gì cần biểu thì đưa sang không kể hạn kỳ. Lại việc binh, việc dân ở biên thủy hai nước, phải tôn trọng, cấm ngặt các biên quan, biên tướng Tống cứ đẩy người sang ta làm lắm điều càn rỡ, hoặc gây rắc rối cho biên dân ta. Ví như việc họ cho dân sang xâm canh ở các vùng đất hẻo lánh của ta. Rồi đưa người sang xâm cư và cả xâm táng. Ít lâu sau họ nhận bừa đất ấy là đất của Trung Hoa.

Tả kim ngô vừa dứt lời thì thái phó Đặng Văn Hiếu bước ra khỏi ban:

- Tàu hoàng thượng, nước Nam ta vốn trọng nhân nghĩa và khiêm hoà, theo thần không nên làm điều gì gây tổn thương đến quan hệ bang giao giữa hai nước. Và lại, nhà Tống hiện là một nước yếu, nhưng yếu là so với chính họ, so với các triều đại Hán, Đường thôi chứ không phải họ yếu so với ta. Đừng có đại gì mà chọc giận con hổ bị thương, con sư tử đang ngủ.

Vậy sứ đoàn của ta số người cũng nên vừa phải, lễ dâng tiến Tống Chân tông gồm vài thứ kỳ trân bảo

vật cho nhẹ nhàng, cốt ở cái tâm hơn là cái vật. Nước họ toả khắp bốn bể, thiếu gì của ngon vật lạ. Ngoài ra, thêm một vài vật thu được trong trận thắng vừa qua, cùng với tờ biểu của bệ hạ, lời lẽ ôn nhu thế là được.

Thái phó vừa ngồi xuống thì thái úy Lý Trưng Hiền đã vội đứng lên xin nói:

- Thần trộm nghĩ, với nhà Tống, ta vẫn giữ lễ hiếu hoà, nhưng không thể không tỏ cho họ biết sức mạnh của ta. Thật ra họ không thương gì dân ta, không quý gì vua ta. Chẳng qua cái thế không nuốt được, họ phải chịu. Nói đúng ra thì Tống Thái tông đã thử nuốt hồi năm Tân tỵ (981), nhưng Lê Hoàn làm cho họ hóc cứng họng không nuốt trôi được. Xem ra các triều đại của Trung Hoa từ xưa tới nay, không một triều nào không có ít nhất từ một đến hai cuộc xâm lăng nước ta. Xưa đã thế, nay vẫn thế, còn mai sau chắc cũng lại như thế. Vậy thời tại sao tỏ lại cứ phải thương cáo. Đó là chuyện ngược đời xưa nay.

Thái úy ngừng lời, ngừng nhìn nhà vua cùng các bạn đồng liệt, ông nói tiếp: – Tâu bệ hạ, lễ cống lần này theo thiên ý của thần, chỉ nên dâng có một thứ thôi. Thái úy không nói nữa mà ngừng lại dò xem ý tứ vua và các quan.

Bổng vua giục:

- Khanh nói lễ cống chỉ có một thứ, chẳng hay thứ gì đó, nói mau!

- Tâu, xin bệ hạ cho chọn lấy năm trăm con ngựa quý trong đám năm vạn con vừa thu được của quân man Tống, cùng hơn ba trăm người đi theo đồ lễ đó. Xin bệ hạ lưu tâm, chỉ cần cái đoàn quân cống sứ ấy đi từ biên cương đến Biện Kinh, cũng đủ làm rã rời ý chí những kẻ có manh tâm xâm lăng Nam Việt.

Vua cười ha hả:

- Khanh quả thật là thâm thúy, nhưng như thế có nhiều quá không. Năm trăm ngựa Hồ là cả một đạo kỵ binh hùng mạnh của ta đấy. Quay về phía Trần Cảo vua hỏi: – Tướng công là quan đầu triều, thử nói ta nghe cao ý của ông.

- Tâu bệ hạ, ý của quan thái úy thật là thâm viễn, bệ hạ nên y chuẩn. Xưa nay việc cống nạp với biểu chương của ta đưa sang nhà Tống, cùng việc ban ấn, phong thần, phong vương của nhà Tống đối với ta, nói cho cùng hai bên đều chẳng có bên nào thật lòng yêu kính bên nào. Thế thì nhân việc đánh bại một đội quân xâm lược lớn, đánh bại mưu đồ của triều đình Tống Chân tông, tại sao không nhân việc đó mà ra uy với thiên hạ. Theo thiên ý của thần, nên cho họ số ngựa vừa đủ để ra uy, chứ không nên cho năm trăm con ngựa chiến quý, biết đâu họ chẳng dùng ngựa ấy trở lại đất ta. Năm trăm ngựa chiến quý là cả một đạo kỵ binh đáng giá.

Thần cứ nghĩ, độ hai trăm con ngựa nòi với hàng trăm kỵ mã, rầm rập kéo qua đường cái quan, đi suốt từ biên ải tới Biện Kinh, lại trưng cờ sứ nước Nam nữa thì sự răn đe là lớn lắm. Xin bệ hạ lưu tâm.

- Thôi được, ý các khanh tuy mỗi người mỗi khác, nhưng chỉ khác về tiểu dị, còn đại đồng đều giống nhau cả, đều hợp ý trẫm. Riêng việc Phí Xa Lỗi nói là dâng hai đầu tượng giác. Ta biết rồi, dù chỉ bằng gỗ, như thế bị mặt cả triều đình người ta, thật không nên. Không nên vì tức khí để gieo hận cho cả nước người ta. Nhân việc này, ta cử hai vị viên ngoại lang là Phùng Chân, Lý Thạc làm chánh phó sứ, cầm đầu sứ đoàn sang tiến đem sự khâm phục, sự trọng nể của triều đại Tống Chân tông về cho nước nhà. Các khanh phải dạy bảo sĩ tốt, không được phép làm điều gì hại đến quốc thể.

Đúng như dự đoán của các quan từ trong nước, khi đoàn cống sứ do chánh sứ viên ngoại lang Phùng Chân dẫn đại đội binh mã nhập đất Tống, thì viên quan trấn thủ biên thành cả kinh mà rằng:

- Từ xưa chưa có lệ cống sứ An Nam đem theo binh mã như vậy.

- Thì ông cứ xem biểu văn của vua nước tôi gửi thiên tử đây thì rõ.

Viên trấn thủ biên thành lắc đầu.

- Tôi đâu dám bóc niêm phong để mất đầu à?

- Vậy chứ ông không nhận được cáo văn của thiên tử nhà Đại Tống, rằng đoàn cống sứ của An Nam sẽ qua ải này sao?

- Có. Có nhận được lệnh chỉ của triều đình, chúng tôi còn phải tiếp rước các vị thật long trọng qua các đệ trạm về tới Biện Kinh kia.

- Vậy các ông còn vương bận gì không mở cổng thành tiếp sứ.

- Bởi tại các ông đi đông quá, nom người ngựa hùng dũng cứ như các ngài Bắc chinh, khiến tôi lo ngại.

- Ô, không có gì đáng ngại đâu. Đây là chiến lợi phẩm thu được do chúng tôi tiêu diệt hai chục vạn quân man, đã có biểu tâu về, thiên tử nói phải cho ngài nhìn tận mắt mới tin. Ông làm tướng giữ thành sao không xét kỹ, nếu là quân xâm lấn sao chỉ có một nhóm người, ngựa mà không có binh khí gì.

- Thôi được! Thôi được để tôi mở cửa các ông qua ải, phái bộ tiếp sứ đang chờ các vị ở trong đó.

Cho người, ngựa của sứ bộ qua ải, viên tướng giữ biên thành cứ lắc đầu khiếp phục – Trời! Trời! Họ đánh chác thế nào mà diệt gọn hai chục vạn quân, thu thuần ngựa quý. Ta chỉ mơ trạm dịch biên thủy của ta có được một hai con ngựa thiên lý. Ấy thế mà họ có cả trăm con đem cống thiên tử. An Nam giàu hể! An Nam mạnh hể!

Đoàn sứ bộ An Nam cứ ngày đi đêm nghỉ, tới các đệ trạm tiếp sứ đều được cung nghinh long trọng. Chỉ tiếc trạm nào cũng chật chội, bởi chưa bao giờ các trạm tiếp sứ phải cùng lúc đón hàng mấy trăm người, ngựa, với xe kiệu ngênh ngang như thế này.

Suốt dọc đường từ biên ải tới Biện Kinh, đoàn cống sứ An Nam đã là nỗi kinh hoàng cho binh sĩ nước Tống, và là nỗi đau đầu cho vua tôi nhà Đại Tống.

Khi sứ bộ An Nam đến Biện Kinh nghỉ ngơi được ba ngày, thì Tống Chân tông vội gặp tại điện Sùng Đức.

Phùng Chân, Lý Thạc đệ trình biểu văn của quốc vương nước ta cùng danh mục các đồ tiến cống.

Tống Chân tông đọc biểu văn xong, có đôi lời yên ủi sứ đoàn. Nhà vua không dă động gì đến việc An Nam phá tan đạo quân hai chục vạn tên của Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí.

Không để cho Chân tông lẫn trốn việc này, Phùng Chân bèn nói:

- Muôn tâu thiên tử, quốc vương thần sai chọn một trăm con ngựa nòi Hồ tốt nhất trong năm vạn ngựa thiên lý mới thu được của bọn Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí để kính dâng, của một đồng, công một nén, xin thiên tử không chê nước thần nghèo sai người thu nhận ngay đồ cống.

- Phải, phải các khanh cứ yên tâm, ta sẽ sai người thu nhận ngay. Ta cốt cái bụng của chúa tôi các khanh, lúc nào cũng giữ đạo thần tử thế đã là quý. Ta nhận đây là vị cái tình thôi, chớ nòi ngựa này thiên triều có tới hàng muôn ức vạn con.

Nghe thiên tử nói có vẻ nghịch tai, Lý Thạc bèn tâu:

- Thiên tử quả là anh minh, ngựa này chính là của thượng quốc do các đại quan ở Quảng Tây, Quảng Đông bán hoặc trợ giúp cho bọn giặc man chứ lũ người man ấy do hai đầu lĩnh Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí làm sao có được. Chúng đem sang xâm lấn nước của thần tới năm vạn con. Chúng thần bắt không để con nào chạy thoát, cùng với hai chục vạn tên xâm lược bị chôn vùi.

- Thiên tử, nước chúng thần đánh lũ người man ấy vô cùng khó nhọc, cốt để giữ yên đất phen giậu cho thiên triều, sao không thấy thiên tử ban khen?

Tống Chân tông nghe sứ nói đau tới quận lòng, nhưng vẫn cố gượng cười:

- Các khanh mới chân ướt chân ráo tới thiên triều. Bữa nay ta ban yến cũng là một sự khen. Mai đây các khanh về, ta còn ban nhiều vật quý, chỉ sợ không có sức mang đi. Tuy nhiên, Chân tông cố lờ đi chuyện Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí, cứ như là triều đình Tống không có dính líu gì vào vụ này.

Ba tháng sau, sứ giả An Nam xin về, Tống Chân tông y cho. Ngài còn ban cho mỗi người trong sứ đoàn theo thứ bậc khác nhau các loại mũ, áo, đai, lụa, vóc. Lại sắc phong cho Lý Công Uẩn làm An Nam quận vương.

Sứ ta lạy tạ, nhưng tỏ vẻ không hài lòng với chức An Nam quận vương, mà Chân tông đã hào phóng ban cho vua Thuận Thiên.

Cu Sấn sắp cưới con gái nhà xã trưởng! Tin đồn dậy khắp hương ấp. Đầu làng xó ngõ không chỗ nào là không bàn tán về cuộc hôn nhân không đăng đối này.

Sấn đi làm đồng, cánh con trai các nhà có máu mặt, bữa nay cũng kéo nhau ra đồng, họ xúm vào hỏi Sấn cho ra nhẽ:

- Nghe nói mày sắp cưới con gái ông xã trưởng phải không?

Sấn ngượng đỏ mặt, mặc dù trong lòng cu cậu rất sung sướng và cả hãnh diện nữa.

Không thấy Sấn trả lời, một chàng trai khác lại hỏi, giọng miệt thị:

- Mày không biết phận mày thế nào à Sấn? Đến bọn tao đây còn chẳng dám hỏi con gái ông xã trưởng, thế mà mày, đứa mỗc lại dám chòi mâm son?

Một chàng khác, giọng gây gổ:

- Sấn, mày khinh bọn tao hả? Liệu hồn mày. Đừng tưởng sắp làm rể nhà xã trưởng mà vênh váo là ăn đòn đấy.

Bị xúc phạm, Sấn thấy nóng nóng phía vành tai, chàng bổ mạnh lưỡi cuốc cắm phập vào đất, cán ngồng lên, rồi buông cuốc hai tay thất lại chiếc vành khố, Sấn nói:

- Các anh chẳng biết gì, lại cứ nói lấy được. Ai bảo các anh, tôi lấy con gái ông xã trưởng.

Đám thanh niên giọng hồ hởi, không giấu nổi niềm vui, họ chạy lại nắm tay Sấn hỏi gặng:

- Thật thế à Sấn. Đúng là không phải mày sắp cưới cô Lan con gái út ông xã trưởng chứ?

Sấn không ngờ mình được ông xã trưởng thương tình gả cho người con gái út, lại là việc xúc phạm đến đám trai làng. Bây giờ Sấn mới nghiệm ra rằng, cái nghèo là bạn cố hữu của cái hèn. Giả dụ nhà Sấn mà giàu xem. Dân làng ắt phải nể trọng. Quan xã, quan phủ bênh che, thử hỏi đám trai làng kia có dám mở lời sàm sỡ, hỗn hào thế không.

Sấn nhìn lại tấm thân khỏe mạnh, cường tráng của mình. Da sấn chắc màu đồng hun, bắp chân, bắp tay nổi cuộn. Làm việc gì cũng bằng bằng như trâu mòng, không ai theo kịp. Vậy chứ mình kém gì họ để họ khinh. Suy ra chỉ tại cái nghèo, Sấn thở dài, giọng uể oải đáp lời đám trai làng.

- Các anh biết cho, tôi phận côی cút, nhà nghèo đâu dám đứa mỗc mà chòi mâm son. Thế nhưng...

Sấn đang ngập ngừng thì một chàng trai khác đã cướp lời:

- Lại còn “nhưng” gì nữa.

- Thế nhưng, Sấn mạnh dạn nói tiếp: – Nhưng đích thân ông xã trưởng gọi tôi đến, và ông bảo tôi rằng, mọi việc cưới cheo, ông lo liệu tất tặn cho bà cháu tôi.

Sấn làm ra vẻ đau khổ với giọng nói ngùi ngùi: – Nếu ở vào cảnh ngộ của tôi, liệu các anh có dám cưỡng lời ông xã trưởng không, xin các anh chỉ bảo giùm cho.

Thấy Sấn không tỏ vẻ ngông nghênh, lại còn lễ độ xin lời chỉ bảo, khiến đám trai xoan tự nhiên dịu lại. Và nghĩ đến quyền uy ông xã trưởng, anh nào cũng ngài ngại.

Chàng trai lớn tuổi, con nhà hào phú đóng chiếc khố điều, bữa nay đi cùng bọn đàn em ra đây định gây sự, nếu Sấn lên mặt ta đây thì bọn họ sẽ nện cho một trận tơi bời. Thế nhưng Sấn lại rất nhã nhặn khiêm nhường, chẳng có cơ gì để đánh nhau cả. Hơn nữa, Sấn là một chàng trai lực sĩ, nhất là lúc các cậu nom thấy Sấn thất lại dải khố nâu, quả các chàng công tử khố điều cũng thấy gờm gờm. – Để tỏ mình là kẻ cả, chàng khố điều người cao dòng nói giọng đầy quyền uy:

- Thôi được, bọn tao mừng cho mày. Mày quả là tốt số vợ được vợ đẹp, con nhà giàu, lại có thần có thế. Nhìn ngược nhìn xuôi rồi chàng lên giọng răn dạy: – Mày phải biết ông xã trưởng họ Lương được cả làng kính trọng, quan trên cũng phải nể ông, nếu mày ăn ở với cô Lan có điều gì không phải để ông phàn nàn, là bọn tao lột da mày bưng trống đấy!

- Vâng ạ! Em cảm ơn các anh dạy bảo. Sấn lễ phép nhận lời cho qua chuyện.

- Thế bao giờ cưới vợ, mày có mời bọn tao không?

- Dạ, em chỉ sợ các anh chê nhà em nghèo không đến thôi ạ.

Năm chàng khổ điều tuổi choai choai từ mười bảy đến hai mươi cùng cười đắc thắng, dắt tay nhau vừa đi vừa ngêu ngao hát. Họ đi xa rồi, Sấn vẫn còn nghe văng lại một giai điệu vui vui:

... *Tình bằng có cái trống cơm*

Khen ai khéo vỗ

Chọn được ngày lành để đôi trẻ hợp duyên, ông xã trưởng bèn đến thăm bà cháu bà cụ Giá. Khách đến nhà, bà cụ cứ cuống lên chẳng biết nói thế nào, chẳng biết làm việc gì. Đến nỗi cụ quên cả mời khách ngồi. Người cụ cứ run bần bật, miệng cứng ra.

Còn Sấn thì đứng dựa cột nhìn nhạc phụ loay hoay.

Ông xã trưởng phải mở lời trước, ông vừa cười vừa nói, giọng thân tình:

- Chả là tôi xem được ngày lành cho cháu về đăng nhà cụ rồi. Tôi sang báo để hai nhà cùng lo liệu.

Nghe giọng ông xã trưởng gần gũi ấm áp, cụ Giá đã bớt sợ. Cụ sợ là bởi từ hồi còn thơ ấu tới nay, đã ngót tám chục tuổi rồi, có bao giờ cụ được tiếp xúc với các bậc quan chức thế này đâu. Xúc động quá, nước mắt bà cụ cứ chảy trào ra khắp hai bờ mi.

Ông xã trưởng nắm tay bà cụ và ấn vai cụ ngồi xuống mép giường. Ông nhìn thẳng cu Sấn, thẳng con rể ông mới vạm vỡ làm sao. Thằng bé có đôi mắt to, sáng, lông mày nét mác thật rậm mà hơi xếch, vàng trán vuông vức, mũi thẳng, cằm bạnh. Từ trước ông chỉ thoáng thấy nó đi lẫn với đám trai làng, và dân làng ai cũng khen nó nết na hiếu thảo. Ông cho như thế là đủ rồi. Con gái ông chỉ cần một tấm chồng như vậy thôi. Ai ngờ thằng bé có quý tướng, tam đình ngũ nhạc phân minh đặc cách. Nó sẽ là một con người đàn ông hoàng. Hiềm một nỗi nó không được học hành. Ông lấy làm tiếc, nếu biết nó trở thành con cái ông, thì ông cho nó vào chùa, theo học các vị thiền sư, chắc là thằng bé nên người. Tuy nhiên... phần này sẽ lo sau.

Ngoái nhìn khắp ba gian nhà bà cháu cụ Giá, ông không thấy một thứ đồ đạc nào, ngoài chiếc chõng thờ bằng tre đặt nơi gian giữa, và hai gian bên kê hai chiếc giường cầu tre của hai bà cháu. Ông cũng không ngờ, bà cháu bà cụ lại nghèo đến thế. Thôi được, ông tặc lưỡi, cũng là dịp để con gái ông tỏ sự đảm đang.

Suy nghĩ giây lâu, ông gọi Sấn vào ngồi cạnh bà cụ Giá và nói:

- Tôi biết bên này cụ và cháu đều neo người neo của. Cụ không phải lo sắm gì hết, để tiện tôi lo lễ lạt cỗ bàn cho cả hai nhà.

- Ấy chết ai lại làm thế ông xã trưởng, – bà cụ Giá giầy nẩy lên.

- Hà tất cụ phải băn khoăn, thì đăng nào nó chẳng là con cái chúng tôi. Ông xã trưởng vừa nói vừa cười thoải mái. Rồi ông tiếp: – Sắp đến ngày cưới, tôi sẽ cho gia nhân sang dựng rạp giúp cụ.

Ông xã trưởng cáo lui. Ra đến đầu ngõ, như chợt nhớ ra điều gì, ông liền quay lại gọi Sấn ra dặn bảo: “Chiều mai, con xin phép bà sang bên thầy, có chút việc thầy nhờ con”.

Sấn đỏ mặt lên vì sung sướng. Từ nhỏ, Sấn đã quen chỉ có bà, và quên không biết nói cả hai tiếng “thầy, bu”. Nay bỗng nhiên có cha có mẹ, dù là cha mẹ vợ cũng khiến Sấn sung sướng đến rồi dạ.

Ông xã trưởng cho gia nhân đón Sấn ngay từ đầu xóm. Bữa nay sang nhà nhạc phụ, Sấn không đóng khố như khi đi làm đồng hoặc lúc ở nhà với bà. Sấn mặc chiếc áo cánh thụng may bằng vải thanh cát màu chàm, quần vải mộc màu trắng, đầu vấn khăn chữ nhân, nom chừng chạc hăn ra.

Từ nhỏ, Sấn chỉ biết nhà ông phú hộ Lương Thanh Khiết qua bức tường thành, vây quanh khu đất rộng đuối tầm mắt và cao gần gấp đôi đầu người. Nhà ông chỉ để lộ ra bởi hai chiếc cổng lúc nào cũng đóng im ỉm. Cổng hướng nam để đón khách. Cổng hướng bắc để kẻ ăn người ở đi làm đồng. Nghe nói trong nhà ông có đàn chó đông tới cả trăm con. Ban ngày nhốt vào một khu nhà với chiếc sân rộng có tường cao bao bốn mặt, chỉ để mười con loáng thoáng nơi góc vườn, cổng, ngõ. Ban đêm, khi mọi người đã đi ngủ, gia nhân mới thả chó ra. Động tĩnh từ ngoài xa, một con đánh hơi, là cả bầy cùng xô lại một góc như đàn chó ngao sủa nghe đến rợn người.

Ông xã trưởng đích thân dẫn Sấn đi chào nhạc mẫu, rồi cả hai ông bà cùng đưa Sấn vào chào bà nội vợ. Cụ già, mắt kém nhìn không rõ mặt Sấn, nhưng nghe giọng nói, cụ biết nó là một đứa trẻ đàn ông hoàng. Cụ là người sống nhân hậu, nên khi biết gia cảnh bà cháu Sấn, cụ thương lắm.

- Nhích lại gần đây với bà, giọng cụ thân mật, khiến Sấn đã bớt run. Thực tình khi mới bước vào tới đầu sân nhà ông xã trưởng, nom thấy toà ngang dãy dọc, vườn rộng mênh mông, nhất là hai cây rơm như hai trái núi đứng sừng sững ngoài vườn, Sấn đủ hình dung ra số lúa gạo và kẻ ăn người ở trong nhà phải tập nập đến nhường nào.

Bà cụ lấy tay sờ sờ lên đầu, lên mặt Sấn. Cụ sờ rất kỹ đôi mắt, vầng trán và hai lưỡng quyền cùng chiếc cằm. Tay cụ cứ vuốt vuốt hoài cái đầu có mái tóc dày, đen nhức mà cứng như rễ tre.

Cụ nhoen cười, lăm bằm như người nói chuyện với chính mình: – Tông môn nó, tóc này là bướng lăm đây, sai con lăm đây. Bàn tay cụ lại sờ sờ vào cái cổ, cái gáy thẳng cu Sấn. – Gáy đầy xun xun thế này là thảo lăm. Có cái gì hàng xóm chưa hỏi, đã vác đi cho. Bàn tay già dãn deo những da cùng xương ấy lại vòng về phía miệng. Cụ bỏ qua những sợi ria lún phún cứng quơ, đặt ngón tay trở vào giữa nhân trung rồi dùng cả hai bàn tay vuốt nhẹ khuôn mặt Sấn và dừng nơi chiếc cằm nở nang của chàng trai vạm vỡ, chỉ còn vài tuần trăng nữa sẽ chính thức là cháu rể cụ. Gương mặt cụ rạng rỡ, phản chiếu sự hài lòng.

Ông xã trưởng lại dẫn Sấn lên nhà trên, nơi có bộ kỷ gụ kê làm phòng khách. Gia nhân cũng vừa đi đón được ông phó may về. Uống nước xong, ông cho đầy tớ đi mời cô Lan tới để ông sai.

Một lát, cô con gái út của ông bèn lên bước vào.

- Thừa thầy cho gọi con. Giọng cô dịu dàng, ấm áp. Cô có cặp mắt đẹp như mắt bồ câu, nước da trắng hồng. Khi nói, gương mặt cô bừng sáng. Cô không thuộc loại người đẹp sắc sảo, mà chỉ là một thôn nữ có duyên thâm, một người đôn hậu. Ở cô toát ra một tâm hồn trong lặng lạ kỳ. Và nếu như có ai đó nhìn cô mà thấy gợn vẫn gì, hẳn là chính trong lòng người đó đang tàng ẩn một âm mưu bất tường.

Bữa nay cô vận chiếc áo cánh lụa thâm, cổ tròn lá sen trùm kín vai, lớp vải viền cổ bằng là, màu trắng ngà, tay áo thụng, rộng ước đến gần chín tấc, cỡ hơn một gang rưỡi tay; ngang lưng thắt dải lụa màu chàm, mũi buông bên trái, mặc váy lụa thâm, hoa chìm.

Ông xã trưởng trao cho người con gái chùm chìa khoá và dặn:

- Con vào mở chiếc hòm cái, còn mấy súc vải bê hết ra đây cho thầy.

Lan thoăn thoắt bước về phía gian đầu hồi, nơi kê chiếc hòm cái chiếm gần nửa gian nhà. Cô bê ra năm súc vải cả thảy, và đặt vào góc kỷ, đã toan lui thì cha cô gọi giật lại.

- Đây con, ở lại đây cha bảo. Sự thật, ông xã trưởng chỉ muốn bữa nay cho hai trẻ tường mặt nhau, nên ông mượn cớ mời bác phó may tới nhà, để may quần áo cưới cho chúng.

Chỉ vào tấm vải thanh cát, ông xã trưởng bảo ông phó may:

- Chú may cho cháu Sấn đây một cặp áo dài. Trong đó một chiếc mặc thường ngày, còn một chiếc mặc vào ngày cưới. Chiếc áo cưới của cháu, ông nhớ phải may đúng kích thước triều đình đã ban, kéo ngày vui của các cháu lại có người bắt bẻ thì xui lăm. Còn mấy tấm lụa hoa kia, chú may áo dài cho cháu gái, tấm lụa đen mỏng này may váy cho cháu.

Ông phó may lấy thước ra đo. Ông cầm thỏi son non vạch các đường chéo, ngang, dọc trên tấm vải. Và số đo cũng ghi luôn lên mặt vải.

Ổng tay rộng 9 tấc.

Nách rộng 8 tấc 2 phân.

Vừa ghi số đo, ông phó may vừa nói, chẳng ra cần nhần, cũng chẳng phải là khen.

- Cậu này nom người có vẻ mảnh thế mà lại hoá cỡ đại.

- Nó lẩn mình lắm, ông xã trưởng đáp lời ông phó may. – À mà ông để chiều dài áo cưới của thằng cháu Sấn là bao nhiêu đấy?

- Dạ thưa ông xã trưởng, cứ theo quy ước triều đình ban thì áo của các quan, chiều dài cách mặt đất là hai tấc, còn dân phải ngắn hơn từ hai đến ba tấc nữa ạ. Dạ thưa ông, chúng tôi làm thợ mà không rành về thể thức, chuẩn mực thì lấy vải đâu, lấy tiền đâu mà đền cho khách; không những thế còn đắc tội nữa chứ ạ.

Đo đạc xong, ông xã trưởng cho Sấn về, còn ông phó may được giữ lại may quần áo cưới cho vợ chồng Lan đến khi nào xong. Hằng ngày ông được phục dịch ba bữa cơm. Bữa tối được nhà chủ mời thêm hai chén rượu. Nếu phải thức khâu khuya, thì được ăn thêm bữa cháo đêm. Ông phó may không phải ngồi ăn

với đám thợ cày thợ cấy, nhưng cũng không được ngồi ăn với ông bà xã trưởng. Nghĩa là ông phó may ăn cơm uống rượu một mình. Dường như ông cũng đã quen lắm với cảnh này rồi.

Làm thợ may gần trọn đời, may áo quần cho đủ loại người từ quan lại đến dân thường. Nhưng sao ông vẫn băn khoăn một điều rằng: có bao nhiêu màu đẹp, vải đẹp, để chế tác thì vua, quan giành phần hết.

Này nhé, màu đại hồng là của đẳng chí tôn. Kẻ nào lạm dùng chỉ có mất đầu.

Màu tía là sắc phục của các quan nhất, nhị phẩm. Màu đào hồng là sắc phục của hàng tam phẩm. Ngũ, lục, thất phẩm là các phẩm hàm gần cuối bậc, độc chiếm màu biếc.

Bát, cửu phẩm là thuộc hàng quan lại cuối cấp phải dùng màu xanh, tức màu thanh cát, gần với màu chàm dành cho thứ dân.

Trong đầu óc bác phó may thì có bao nhiêu màu chánh sắc tươi tắn thì vua, quan chiếm hết. Dân chúng chỉ được dùng màu xanh chàm, màu nâu và vải mộc trắng.

Vì vậy, áo cưới của các cô cậu này từ màu sắc đến vải vóc cũng đều là đơn sơ, mộc mạc.

Bác phó may lim dim đôi mắt mơ màng, ước sao có một xã hội mà ai, nước da hợp với màu nào thì may màu ấy. Ai có đủ tiền mua loại vải nào thì may loại vải ấy. Còn như bây giờ ôi thôi, mặc sai màu sắc, sai vải vóc đã kê cứu theo thứ bậc, thì cứ gọi là mất nhà mất cửa, thậm chí mất mạng như chơi. Nếu không, thì ông xã trưởng đây, hẹp gì không may cho cậu tế tử một cặp áo cưới bằng gấm lam Tàu. Và cả cô con gái ông nữa, hàng vóc, nhiều thiếu chi thứ làm đẹp thêm nhan sắc của cô trong ngày cưới.

Đã qua lâu rồi các lễ chạp ngõ, lễ hỏi, nay đến kỳ lễ cưới, bà mẹ ông xã trưởng gọi con vào hỏi:

- Con Lan là đứa cháu gái cần cơm cần sữa, mẹ thương nó. Nó lấy chồng nhà nghèo, nhưng mẹ xem thằng bé ấy rồi sẽ nên người. Con nên lo liệu chu đáo kéo cháu nó tui thân. Ngày xưa, mẹ lấy thầy con, cũng chỉ có hai bàn tay trắng, bốn bàn tay không mà nên cơ nên nghiệp. Vậy chứ con định thế nào, nói mẹ nghe.

- Thừa mẹ, ông xã trưởng vừa nói vừa nhích gần lại chỗ bà cụ, vì ông sợ mẹ nặng tai nghe không rõ. – Thừa mẹ, phần nhà mình thì chẳng có gì đáng ngại, trâu, bò, lợn, gà đầy nhà, mời khách đến đâu, giết thịt tới đó. Còn quần áo cưới của các cháu, con đón phó may về may tại nhà rồi. Lễ nghĩa tiền bạc bên nhà mình thách bao nhiêu để thiên hạ không nghĩ rằng cho không con gái, mẹ để con tính toán. Vâng thừa mẹ thách là để lấy cái tiếng thôi, con sẽ giúp bên nhà trai đủ. Cả việc chi phí ăn uống bên nhà trai, con cũng lo hết.

- Con nhớ nhé, con lo cả hai bên cũng là lo cho con mình thôi, không được viết văn tự bắt bà cụ Giá ký nợ đó nghe con. Ăn ở cốt là như cái đức. Còn của cải là ở hai bàn tay con ạ.

- Vâng thừa mẹ, con sẽ làm theo ý mẹ.

Ông xã trưởng cho dọn hẳn ba gian nhà ngang để bày biện của hồi môn cho con gái ông sắp về nhà chồng.

Ngay gian giữa, vật đầu tiên đập vào mắt ta là chiếc giành nhỏ trong lót vuông vải trắng, đựng một cục đất to bằng quả bưởi. Cục đất xắn ở góc vườn nơi gần cây mít năm thân to bè, gần bằng cây đa trước cửa đình làng. Cục đất màu phù sa đỏ đậm, khiến ta nghĩ tới những mùa màng bội thu.

Đó là năm đất hồi môn mà bất cứ người con gái nào về nhà chồng cũng được cha mẹ để chia cho. Ngay cả các cô quận chúa, công chúa đem theo mình hàng đấu ngọc, vàng, đồ trang sức về nhà chồng, cũng không thể thiếu được năm đất hồi môn.

Vì sao vậy? Ấy là bởi con người ta mới sinh ra đã được đất nâng đỡ, trong suốt cuộc đời được đất nuôi dưỡng, tới khi chết lại về với đất. Đất chính là vật thiêng mà tạo hoá ban cho con người. Bởi vậy con người không bao giờ lìa bỏ đất.

Sau giành đất là hai chiếc vai cày gỗ nhãn đỏ au. Mỗi chiếc vai cày sẽ được kèm theo một con trâu. Sau hai chiếc vai cày là năm chum đựng đầy thóc kê sát tường. Những chiếc chum màu da lươn dày dặn, mỗi chiếc chứa tới cả trăm đấu thóc giống kia, là những giống lúa tốt để cho vợ chồng cô dâu chú rể lập nghiệp.

Dưới chân những chum thóc sừng sừng là những chiếc lọ gốm màu xanh ngọc, màu huyết dụ, màu ngà

chỉ nhỏ bằng nắm tay, đựng đầy các hạt giống rau như rau cải, rau dền, mướp, bí, đậu ván, đậu đũa, mùi, thìa là, ớt...

Gian đầu bên kia là các thứ đồ đan như rổ, rá, giần, sàng, mẹt, nong, nia; gian đầu bên này treo thuần những áo váy, chăn gối của cô dâu. Kế vách kê chiếc hòm cái sáu chân, mới đóng bằng gỗ xoan đào thơm phức. Chiếc hòm ấy sẽ bỏ tất cả đồ dùng của cô dâu vào đó, rồi khiêng về nhà chồng cùng với lễ rước dâu. Trên mặt hòm cái, bày chiếc khay khảm xà cừ. Trong khay có chiếc hộp trầu bằng đồng đỏ, một quả đào bằng bạc để đựng vôi ăn trầu. Cạnh hộp trầu bạc có dây đeo chiếc vuốt hổ để kỵ nắng gió. Cạnh đó là đôi vòng đeo chân bằng bạc, mỗi chiếc vòng lại có thêm một chùm ba chiếc nhạc nhỏ bằng đầu ngón tay út. Đây là những chiếc vòng mà ông bà xã trưởng cho con gái đeo từ thuở nhỏ, nay được đem theo để rồi lại đến lượt con cô.

Mấy bữa nay người trong xóm, trong làng, kể cả người thiên hạ cứ lũ lượt kéo vào nhà ông xã trưởng để xem trưng bày của hồi môn, mà ông xã trưởng cho người con gái út được đem về nhà chồng. Thật ra đây không phải lần đầu tiên nhà ông xã trưởng trưng bày của hồi môn. Mà đây là lần thứ năm ông chia của cho con gái đi lấy chồng. Các lần trước con gái ông lấy chồng vào các nhà môn đăng hộ đối, nên người tới xem cũng vừa phải. Nhưng lần này, người đến xem đông nghịt. Bởi người ta tò mò, rằng chàng rể nhà ông xã trưởng lần này là một người nghèo vào loại nhất làng, xem ông đối xử ra sao. Mặc dù người vào xem đông, nhưng gia nhân đều chu tất; không ai là không được mời trầu, mời nước.

Làng xóm gần xa, ai tới xem của hồi môn của con gái ông xã trưởng, lúc ra về đều tấm tắc khen ông là một người nhân hậu, không phân biệt giàu nghèo.

Trước ngày cưới, bên nhà trai dẫn lễ. Mọi việc, bà cụ Giá lại phải nhờ đến bà Luyến. Bà Luyến là một bà mối biết công biết việc, biết ăn biết nói. Cả làng ai cũng gọi bà là “Bà Nguyệt”, tức là người thay tạo hoá xe duyên lành cho trai gái đến tuổi trưởng thành. Bà là người tính toán giỏi, thuyết phục giỏi. Bà đi về giữa nhà ông xã trưởng và nhà cụ Giá thoăn thoắt như một con thoi. Bàn bạc ngả ngũ lễ lạt với bên nhà gái, cần những gì những gì xong, bà tính ra thành tiền. Hết bao nhiêu, ông xã trưởng mở tráp đếm đưa tất cả cho bà, nhờ bà mua sắm hộ bà cháu bà cụ Giá. Bà Luyến là người đàn ông, bà giúp ai là giúp hết lòng, một mảy may bà cũng không thêm tơ hào.

Hôm dẫn lễ, bà mời ba ông bà cụ cao tuổi, nhà khấm khá, con cháu đầy đàn đi cùng với bà và cậu Sấn.

Dẫn đầu là bà mối mặc áo dài vải thanh cát, bê tráp quả trong đó đựng một cối trầu, một chai rượu và một bao chè.

Mấy anh con trai trong xóm được mời làm phu khiêng lễ. Thoạt tiên là ba vò rượu nếp thơm, mỗi vò một đòn khiêng, tiếp đến ba thúng đầy gạo nếp cái hoa vàng thơm nức, mỗi thúng một đòn khiêng, sau rốt là một con lợn to, phải dùng tới hai đòn mới khiêng nổi.

Bên nhà trai cũng đã dọn nhà, dựng rạp, mượn bát đĩa chuẩn bị làm cỗ bàn nấu nướng.

Thoắt đã tới ngày đại cát. Tháng giêng trời rét ngọt. Lúa má vừa cấy xong trước tết. Cỏ lúa chưa đến kỳ. Nước lúa còn ẩm ấp ruộng. Thảng có nhà lờ có bát tầm ăn rồi, hoặc đang dẹt dờ mấy lợn tơ thì hơi bận mải, còn phần đông mọi người đang rỗi việc.

Các làng đang đua nhau mở hội. Trống vật, trống chèo khuê rộn xóm thôn suốt ngày đêm. Già trẻ, gái trai đi trẩy hội từ làng này sang làng nọ nối nhau tấp nập.

Hội cũng vui mà cưới cũng vui. Dẫn đầu đám rước dâu của vợ chồng nhà Sấn là năm cặp trai gái với năm cặp “nữ” – “nường”. “Nữ” và “nường” đều đan cốt bằng tre hóp ngoài phết giấy điều. Nữ tượng trưng cho bộ phận sinh thực khí của người con trai, to và dài gấp đôi cái chày giã cua, khoảng bốn gang tay người lớn. Nường tượng trưng cho bộ phận sinh dục của người con gái to bằng chiếc nón đội đầu của mấy người lính thú. Các cặp trai gái mang nữ – nường đều vận áo dài lưng màu chàm, thắt lưng bó que màu đen, đeo mặt nạ mo nang. Họ nhảy theo nhịp ba, theo trích của ba người vỗ ba chiếc trống cơm đeo trước ngực. Các cặp trai gái vừa nhảy vừa hô... “tinh-tinh-phoọc!”. Hai hàng nam nữ bước theo nhịp. Nhịp bước rơi đúng vào tiếng “tinh”. Hai bước tiếp theo tiếng “tinh”. Sang bước thứ ba thì hàng bên trái ngoảnh về bên phải, hàng bên phải ngoảnh về bên trái, nhịp chân rơi vào tiếng “phoọc”. Đúng lúc ấy thì hai vật nữ

– nường tượng trưng kia xô khít vào nhau. Cứ lặp đi lặp lại giai điệu như thế suốt đoạn đường dài. Trẻ con và cả đám thanh niên nam nữ chạy theo những cặp nữ – nường và cùng bắt theo nhịp “tinh-tinh-phoọc!” thật là sôi động.

Tiếp đám rước nữ – nường là cụ già cao tuổi nhất làng. Dân làng thường gọi cụ là cụ Mốc. Cụ Mốc xóm Đông sức lực còn khang kiện, nhà khá giả, con cháu đầy đàn. Cụ có mái tóc bạc trắng búi gọn lại phía sau gáy. Cụ đội chiếc mũ bình đính bằng lụa màu đen. Cụ có chòm râu dài tới ngực, sợi nào sợi ấy sóng như cước. Nước da cụ hồng hào. Mình cụ khoác tấm áo thụng dài bằng gấm trổ hoa màu xanh, về cái màu xanh này chỉ các hàng quan lại thất, bát phẩm mới được mặc nhưng vì triều đình ưu trọng người già từ bậc đại lão trở lên thì được phép mặc.

Tay cụ chống hờ cây gậy trúc, hai bên tả hữu hai đứa chắt nội, một trai một gái tóc để trái đào, mặc áo dài thanh cát lon ton chạy theo cụ; trên trán mỗi đứa đều có điểm dấu bằng nước quét trầu đỏ chót.

Sau cụ Mốc là hàng mấy chục các bà các ông, thuộc hàng cô dì chú bác của cô dâu chú rể, vừa bồm bẻm nhai trầu vừa nói chuyện râm ran. Tiếp đến là dâu rể cùng các bạn bè phù dâu phù rể, ăn vận rất đẹp. Chú rể Sấn, lần đầu tiên trong đời được mặc chiếc áo dài thụng vải thanh cát còn thơm mùi hồ, lại đội chiếc khăn lượt đen xếp hình chữ nhân để lộ ra khuôn mặt đôn hậu và phảng phất chất kiêu dũng của con nhà võ, ẩn sau cặp mắt xếch và đôi chiếc lông mày mũi mác kia.

Sấn vận chiếc quần vải trắng ống rộng, chân đi giày vải đen mũi cong, nom bảnh bao tươi tắn khiến các chàng trai phù rể cảm thấy hãnh diện vì anh.

Cô dâu Lương Thị Lan, vợ Sấn vốn là một cô gái có duyên, ưa nhìn. Bữa nay, cô vận bộ áo dài mới ba càng làm tăng vẻ đài các của một cô gái con nhà giàu. Đó là bộ áo dài thụng, trong cùng là chiếc áo màu chàm, giữa là nếp áo thanh cát, lớp ngoài cùng là lụa đen, hoa cúc dây chìm. Cả ba chiếc áo dài đều có cổ lá sen trùm kín bờ vai, và đều viền nếp cổ bằng lụa trắng ở phía trong; chiếc thắt lưng lụa màu mỡ gà thắt mũi ra ngoài lớp áo mới ba, nom người cô thon thả bắt mắt. Lan đội chiếc khăn vuông trùm đầu bằng vải thanh cát ôm lấy khuôn mặt trái xoan đến là xinh, chân cô đi đôi hài mũi cong, váy thả chùng quét đất.

Sau Lan độ vài chục người là đoàn vận chuyển các đồ hồi môn. Đi đầu là chiếc giàn trong đựng năm đất đã gói bọc kỹ càng, đoạn hậu là hai con trâu tơ một con đực một con cái để kéo cày và chăn nái.

Năm cặp nữ – nường và ba chiếc trống cơm vẫn làm huyền não giòn trò. Đôi lúc mỗi chân, mỗi mồm tạm nghỉ thì họ lại đốt pháo. Những tràng pháo tép nổ giòn, khói xanh thơm thơm bay theo vụn giấy đỏ bám phủ lên đầu lên áo mọi người, và rơi hồng cả mặt đất.

Chẳng mấy chốc đã tới cổng nhà trai. Năm cặp trai gái múa nữ – nường thu đồ nghề lùi lại phía cuối đoàn người, nhường chỗ cho cặp trai gái khiêng chiếc giàn trong có cục đất hồi môn vào đặt giữa sân. Người nhà ra đón lấy năm đất hồi môn và đón cả đám cưới vào nhà.

Lễ tế tơ hồng bắt đầu. Trống phách, đàn sáo nổi lên. Quan viên hai họ ngồi kín rạp. Họ uống nước, ăn trầu, họ chúc tụng đủ mọi điều tốt đẹp cho bà cháu bà cụ Giá, ở hiền gặp lành và ai cũng bảo: “Ông Trời có mắt!”.

Đêm xuân tịch mịch. Khắp bốn mặt hoàng thành im phăng phắc. Thảng có đàn vạc ăn đêm thả vài tiếng vu vơ trên không trung, rồi sự yên tĩnh lại trả về cho đêm tối. Vua Thuận Thiên vẫn ngồi trước án, bên ngọn đèn dầu chín bắc để đọc sớ, tấu, biểu của các đài, sảnh, viện hoặc của các lộ gửi về.

Trong đám các giấy tờ đầy ắp ấy, thường nhà vua lựa những biểu chương từ các nơi biên trấn để đọc trước. Mặt bắc, mặt tây, mặt nam, mặt nào cũng phải cảnh giới. Bởi đâu chẳng là cương thổ của hoàng triều. Tuy nhiên, mặt bắc là trọng yếu nhất, vua thường nghĩ vậy.

Trái với lệ thường, bữa nay nhà vua lại lựa mấy bản tấu trình của các quan Tả, Hữu gián nghị đại phu để đọc trước.

Đọc xong bản tấu của quan Tả gián nghị Lương Tăng, mặt nhà vua bừng đỏ. Dẫn lòng, vua cầm lấy bản tấu của quan Hữu gián nghị Trịnh Túc.

Thì ra hai người cùng can ta một việc.

“... Bình là việc hiểm thế mà nhà vua lại ham đánh dẹp.

Nhà vua vừa tức vị tháng 10 năm Canh Tuất (1010), thì tháng 2 năm Tân Hợi (1011) đã thân chinh đốc suất sáu quân, đi đánh giặc Cử Long^[64] ở Ái Châu rồi.

Tiếp đến cuối năm Nhâm Tý (1012), lại thân dẫn đại quân đi chinh thảo Châu Diên, lúc về tính mạng suýt bị nguy ở Vũng Biện.

Kế đó, năm Quý Sửu (1013) lại tự mình cầm quân tiến đánh châu Vị Long. Sang năm Giáp Dần (1014) bình giặc man Tống trên châu Bình Lâm. Rồi mùa xuân năm Ất Mão (1015) lại dẹp các châu Đô Kim, Vị Long, Thường Tân, Bình Nguyên.

Đành rằng nước muốn thái bình phải dẹp yên bốn cõi. Nhưng năm lần ra quân ấy liệu có cần phải bệ hạ ra tay cả năm không? Thiết tưởng chỉ có lần hai mươi vạn giặc man Tống tràn sang lấn cõi năm Giáp Dần, bệ hạ đích thân thảo phạt, chúng thần không dám bàn cãi. Còn bốn lần kia, nơi thì đám giặc cỏ, nơi thì thủ lĩnh người man làm phản, triều đình thiếu gì tướng giỏi thừa sức đánh dẹp, há cần bệ hạ phải ra tay!

Bệ hạ là nhân chủ của một nước, phải biết giữ tấm thân muôn quý để dùng cho nước, thế mà lại ham chút công nhỏ của đám võ biên. Nơi trận mạc kẻ kia mai phục bắn lén, biết đâu mà lường. Còn như bệ hạ muốn tỏ uy vũ, thì trong nước ai mà chẳng nhớ võ công của bệ hạ tháng chạp năm Kỷ Hợi (999), ngày ấy bệ hạ chỉ là một tiểu tướng quân mới hai mươi lăm tuổi mà giúp Lê Hoàn hoàng đế chuyển bại thành thắng trong trận Hà Động dẹp tan khê động Thạch Thành làm phản. Lại như năm Giáp dần (1014) mới đây, chỉ ra tay một trận bệ hạ đã quét sạch hai mươi vạn quân binh man Tống, chém đầu hai tên đầu lĩnh Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí, thu năm vạn ngựa Hồ cùng biết bao binh khí quân lương, khiến Tống Chân tông khiếp sợ.

Uy vũ bệ hạ như thế tưởng đã là đủ. Nếu bệ hạ cứ bao biện làm cả việc của người dưới, thử hỏi chư tướng muốn lập chút công nhỏ ngoài mặt trận, để dâng bệ hạ, thì họ biết làm thế nào.

Vì đại cuộc, bệ hạ nên để tâm vào việc an trị thần dân. An trị muôn dân không gì bằng nuôi vỗ dân. Nuôi vỗ dân không bằng lo cho dân có ruộng cấy trâu cày. Đó là phần dân sinh. Còn dân trí, dân tâm thì sao?

Bệ hạ có bao nhiêu việc lớn phải lo, phải làm. Xin bệ hạ sớm liệu định.

Còn một điều nữa, chúng thần không hiểu được, rằng các hoàng tử, tuổi đang niên thiếu, biết gì đến chiến chinh, trận mạc mà bệ hạ đã sớm cho lĩnh ấn, cầm quân, tập thói quen chém giết, phỏng có ích gì cho việc dưỡng tâm?

Bệ hạ là người đức độ khoan dung, thần kính cẩn dâng lời nghịch nhĩ (trái tai).

Xin bệ hạ lượng xét.

Hữu gián nghị đại phu

Thần: Trịnh Túc...”

Đọc xong hai bản can gián của Tả, Hữu gián nghị, vua Thuận Thiên toát mồ hôi hột.

Thì ra các quan cho việc ta làm là chăm chút võ công, là đem gươm mổ ruồi. Nếu chỉ nhìn vào biểu can này thì hậu thế sẽ cho ta là một ông vua hiếu chiến, đa sát. Bởi mới chỉ có sáu năm chấp chính thì năm năm liền xuất binh. Chao ôi, các quan không hiểu được lòng ta. Điều quan yếu là ta muốn ra uy trong bốn cõi, khiến những kẻ manh tâm bạo loạn phải ngừng tay, để cho ta bình ổn xã hội. Xã hội mà không bình ổn thì làm sao mà định được dân tâm. Dân tâm đã không định thì làm sao mà hành đạo được.

Ta đánh châu Vị Long năm trước, cốt để cho Hà Trắc Tuấn tỉnh ngộ. Vì thế ta mới mở đường cho y trốn chạy. Nhưng y chứng nào tật ấy, năm sau ta lại ra binh, bắt Hà Trắc Tuấn đem về kinh sư chém bêu đầu ở bến chợ Cầu Đông. Thế là các châu Vị Long, Đô Kim, Thường Tân, Bình Nguyên đi vào đại định.

Việc cho các hoàng tử theo ta đi đánh dẹp, thì quả là các người không hiểu được. Thâm ý của ta, là tất cả các con ta, đều phải trở thành các tướng giỏi. Cho chúng đi, là để ta rèn dạy. Ta thừa biết đây là việc làm bất đắc dĩ, nhưng binh quyền để lọt vào tay kẻ khác thống lĩnh, thì việc phế bỏ một triều đại, là việc làm dễ như trở bàn tay.

Vì sao Đinh Bộ Lĩnh dẹp được mười hai sứ quân, là bởi trong tay ông có đội binh mạnh nhất.

Vì sao Lê Hoàn hiếp được ấu chúa, lấy cơ nghiệp nhà Đinh như lấy đồ vật trong túi áo mình vậy. Ấy cũng bởi quan Thập đạo nắm trọn binh quyền.

Hậu thế khờ khạo, cứ tưởng việc ấy là do sự tự ý thức của Dương hậu trước thế nước lâm nguy. Đâu phải vậy, chẳng qua Dương thị đã có chút tư tình với quan Thập đạo. Và việc y thị làm là để bảo trọng ngôi hậu của bà, chứ đâu phải vì việc nước.

Trao áo, trao mũ cho quan Thập đạo và khuyên mời ông lên ngôi, chẳng qua chỉ là một tích trò để che mắt thế gian. Và lại tình thế lúc ấy, Dương thị không thể làm khác được. Mọi sự, mọi việc đều ở một tay Lê Hoàn bày xếp cả.

Lại vì sao cơ nghiệp nhà Lê đưa về nhà Lý một cách êm xuôi như thế. Đành rằng có các bậc thiên sư dày công sắp đặt, nhưng nếu như Lý Công Uẩn này không thâm tóm được hết thấy cấm quân, thì dễ gì triều đình đã quy về một mối.

Suy nghĩ giây lâu, vua Thuận Thiên thở phào nhẹ nhõm. – May thay, ta được các quan gián nghị có cái nhìn sắc sảo để giám sát ta. Nhưng trước hết họ có cái tâm thiện nên mới nhìn thấu nhẽ đục trong.

Bình tâm suy xét lại, nhà vua tự nhủ: “Quả thật việc ta thân chinh như vậy, cũng hơi nhiều”.

Đĩa đèn vừa lụi tắt, cũng là lúc gà gáy dồn, phương đông đã ứng ứng một ráng hồng. Nhà vua vươn vai đứng dậy, thuận tay rút cây kích trong giá binh khí, ngài chạy ra phía sân sau đi một vài đường cho tỉnh ngủ, rồi hôm nay còn phải đến chùa Thăng Nghiêm dự lễ khai mở đạo tràng.

Từ mấy bữa nay chùa Thăng Nghiêm trang hoàng rực rỡ, nào cờ nhà Phật, nào phướn dài, ở mỗi cuối đuôi nheo lại đeo một chùm nhạc, và ở mỗi gót kèo, gót tàu, bấy đều có treo những chiếc khánh đồng gắn nhạc, gió hơi phơ phất đã nghe âm âm tiếng nhạc rung. Và những chiếc đèn lục lăng, đèn bát giác kết theo hình hoa sen hàm tiếu. Ở mỗi mặt đèn lại vẽ một cảnh thật là sinh động như cảnh đức Thích Ca Mâu Ni tu khổ hạnh; cảnh Phật ngồi nhập định dưới gốc cây bồ đề; cảnh Phật thuyết pháp; Phật thành đạo; Phật nhập niết bàn...

Xung quanh chùa, đại thụ mọc như rừng. Những cây đa, cây muỗm, cây bồ đề cành lá vươn dài. Sang xuân, lộc đa đâm tua tua tựa hàng trăm ngàn ngọn bút lông thỏ phơn phớt hồng như muốn viết vào nền trời xanh. Hoa muỗm phơi phới đón khí xuân. Mấy cây gạo trước cửa chùa gân guốc cành, nhánh búp hoa chúm chím, chỉ chờ nắng lên là thắp lửa rực trời. Lầu chuông ba tầng cao vút lên như một cây đại thiên tượng, trong đó treo quả đại hồng chung, đúc từ số tiền vua ban là tám trăm lạng bạc cùng với cả đấu vàng do thập phương công đức.

Sớm nay, vua Thuận Thiên tới chùa Thăng Nghiêm không dùng nghi lễ đế vương, người chỉ đi một chiếc kiệu hai đòn khiêng. Nhà vua đội mũ bình đính, mặc áo vóc đại hồng, không thắt đai. Theo hầu vua có quan hữu nhai tăng thống và hai quan chép sử cùng với nửa đô quân tùy long do tướng quân Lê Phụng Hiếu cầm đầu.

Bữa nay nhà vua không cho đám trung quan^[65] và quan nội hầu^[66] đi theo.

Tối tam quan, vua sai dừng kiệu để ngài dẫn bộ vào chùa.

Thiền lão Hương Nghiêm là sư trụ trì vội ra nghênh đón nhà vua. Theo sau là cả sa môn đoàn.

Thiền lão mời nhà vua vào toà phượng trưng. Chợt trông thấy thiền sư Vạn Hạnh đang ngồi đối ẩm với thiền sư Đa Bảo trên thiền sàng, nhà vua rảo bước tới trước hai vị, bõ mũ cúi đầu, chắp tay vái:

- Nam mô A-di-đà Phật, Công Uẩn tôi xin kính chào nhị vị sư phụ.

- Nam mô A-di-đà Phật!

- Nam mô A-di-đà Phật!

- Xin đừng gọi như thế. Xin đừng gọi như thế. Bệ hạ đứng đầu trăm họ, chúng tăng chỉ là kẻ xuất gia, – thiền sư Vạn Hạnh đáp lời rồi hai vị cùng bước ra khỏi kỷ vái đáp lễ nhà vua, nhường chỗ, mời ngồi.

Sư trụ trì vừa bước vào bèn mời nhà vua ngồi lên kỷ còn sư đứng cạnh hai đại lão.

Vua Thuận Thiên cung kính nói:

- Các đại lão đều thuộc hàng tiên bối, đạo cao đức trọng, trăm tui được ở trên trăm họ, nhưng đây là nơi cửa Phật, không phân biệt đối đãi, xin các vị tôn trưởng có ngồi thì trăm mới dám ngồi.

Kiểu từ hai ba lần không được, hai vị đại lão thiền sư mới cùng chịu ngồi chung với nhà vua. Quan theo hầu ngồi tản trên các đôn, kê rải rác khắp thiền phòng.

Nhà chùa dâng thiền trà. Đó là một thứ nước lấy từ thân cây mai già, chẻ nhỏ ra từng thanh, cho vào ấm giở hãm với nước sôi. Nước có màu hồng, vị thanh hơi ngọt. Được điển nói, loại trà này nhuận gan, ích mục, thanh nhiệt.

Lý Công Uẩn đâu có lạ, mấy chục năm làm tiểu tăng theo hầu sư phụ Vạn Hạnh, ngày nào chẳng phải hãm một vài bình cho thầy. Đối với các nhà tu hành, đây là loại trà quý. Thuở nhỏ, Công Uẩn còn phải lấy lá vối hoặc nụ vối, chế biến thành trà vối, pha hãm uống cả ngày. Nhưng thích nhất vẫn là lúc khát, được uống vài ngụm nước mưa ngâu.

Vừa nhấp xong tuần trà, sư trụ trì liền mở lời:

- Tâu hoàng thượng, thừa hai vị đạo trưởng cùng các quan tùy giá, đạo tràng này được ra đời cũng là nhờ mưa móc ơn trên. Nay chùa được mở rộng khang trang, lại thêm cả chục dãy nhà làm đạo tràng nữa. Công quả nhà vua lớn lắm. Lớn lắm! Thiền lão Hương Nghiêm cảm động nhắc đi nhắc lại. – Còn về việc lựa tuyển thiền sinh, ngài Hương Nghiêm nói – Chính là nhờ có chiếu của triều đình đã ban về các lộ, cấp độ điệp cho những ai có chí hướng xuất gia. Vì thế ở Thăng Long cũng đã khởi cấp được hơn ba trăm người, trong số triều đình cho phép là một ngàn người. Bởi nhẽ đó, nên đạo tràng Thăng Nghiêm đã chiêu tập được đủ số thiền sinh từ khắp mọi vùng của đất nước về học. Cái khó nhất của đạo tràng là việc tuyển lựa.

Bữa nay là ngày khai giảng đạo tràng, bản tăng có thỉnh hai đại lão thiền sư đây (vừa nói thiền sư Hương Nghiêm vừa trở vào hai ngài Vạn Hạnh và Đa Bảo) làm giảng chủ. Bởi nhẽ đây là khoá đầu, vị Hữu nhai tăng thống cũng khuyến cáo bản tự nên mời các thiền lão đạo cao đức trọng cộng sự, để các vị chỉ giáo cho những điều cần thiết.

Nhà vua vừa nghe vị Giám viện tức thiền sư Hương Nghiêm nói, vừa xem đồ hình phân chia các lớp. Vậy là tất thảy có bốn chục lớp, mỗi lớp hai mươi lăm thiền sinh, vị chi khoá này có một ngàn người tu học.

Nhà vua xem rất kỹ về khoá nghi tức là nghi thức tụng niệm hằng ngày chia làm nhị thời công phu (hai thời vào buổi sáng và buổi chiều).

Thời khoá buổi sáng:

- Chú Thủ Lăng Nghiêm

- Chú Đại Bi Tâm Kinh

- Chú Như Ý Bảo Luân Vương

- Chú Dược Sư Quán Đỉnh

- Bát Nhã Tâm Kinh

- Niệm Phật Thích Ca...

Thời khoá buổi chiều:

- Kinh A Di Đà

- Chú Vãng Sinh Tịnh Độ

- Bát Nhã Tâm Kinh

- Niệm Phật A Di Đà

- Hồi hướng Cực Lạc...

Nhà vua thầm nghĩ: chương trình sắp xếp thật là hợp lý. Tri tụng thần chú nhằm gia trì định lực, còn niệm Phật là để nhất tâm bất loạn.

Vua Thuận Thiên tỏ vẻ hài lòng về sự ra đời của đạo tràng. Bởi nếu không có đạo tràng đào tạo các sư tăng thì khó có thể quảng bá được sự đạo.

Về cõi mở nhưng thành kính, nhà vua quay sang nói với hai vị đại lão thiền sư:

- Xin hai vị tiền bối phát tâm dẫn dắt đám thiền sinh này vào đường Đạo, họ chính là những hạt giống của Giáo hội ta.

Từ lúc nhà vua bước vào nhà phượng trưng hai vị thiền lão thôi không thiền đàm nữa, mà chăm chú lắng nghe xem nhà vua có phán bảo điều gì. Nhưng nhà vua lại chú mục vào việc sắp xếp trường lớp của đạo tràng cùng giới đạo của bản đạo quy. Hoá nên hai vị đại lão cứ nhàn toạ chờ ý chỉ. Nom cái vẻ ung dung tự tại của hai vị, cứ tưởng như các vị đang chập chờn nửa tỉnh nửa thiền. Kỳ thực trong lòng các vị đang chộn rộn niềm vui. Không vui sao được khi thấy việc vun trồng của mình, điều ước đoán của mình đã ngày một hiển lộ rành rành. Như với thiền sư Vạn Hạnh thì từ khi gặp Lý Công Uẩn mới được sáu tuổi, tại chùa Kiến Sơ do sư Khánh Văn trụ trì. Mới nhắc tông Lý Công Uẩn, ông đã thấy cái thần minh anh tú, hiện ra từ đôi trông mắt và toàn thể gương mặt thơ ngây của cậu bé. Không kìm nén được, Vạn Hạnh đã buột miệng nói ra: “Thằng bé này không phải là người thường, sau này lớn lên, tất có thể giải quyết được mọi việc khó khăn trong đời, trở thành đấng vua giỏi trong thiên hạ”.

Ngày ấy Lý Công Uẩn còn quá nhỏ, chưa ý thức được lời khen của thầy. Và từ ấy, Vạn Hạnh lo nuôi dạy cho Công Uẩn nên người. Thay vì rèn dạy cho Công Uẩn trở thành người xuất gia xả tục, một đạo đồ kế tự truyền đăng của dòng thiền, Vạn Hạnh trước hết trao cho Công Uẩn cái tâm thiện của nhà Phật. Tiếp đó ông dạy cho Công Uẩn nắm được các yếu ước của nhà Nho trong mỗi rường sắp đặt và bình trị thiên hạ. Cả binh thư, đồ trận, thái ất thần kinh, thiên văn, địa lý ngài đều chỉ bảo đến chỗ rốt ráo của kinh văn. Phải nói, Công Uẩn là người có chí lớn, nên tiếp thụ sự giáo huấn có dụng tâm của Vạn Hạnh rất hài hoà, thầy trò thật là tâm đắc. Nay Công Uẩn công thành danh toại, đó chẳng phải là cái nhân Vạn Hạnh gieo đã thành cái quả Thuận Thiên rồi đó ư?

Còn với ngài Đa Bảo thì sao. Thiền sư là người có con mắt xanh thấu thị. Ngay từ thời Lý Công Uẩn còn là cậu bé mười bốn mười lăm tuổi, theo hầu thầy Vạn Hạnh tới kiết hạ tại chùa Khai Quốc, sư Đa Bảo trông thấy liền nói:

- Cậu bé này cốt tướng chẳng phải tầm thường, ngày sau làm vua, ắt là người này đây.

Lý Công Uẩn nghe sư nói cả sợ, bèn thưa:

- Thánh đế đang trị vì toàn cõi, đất nước yên bình, sư nói thế không khéo gây hoạ tru di cho cả họ nhà tôi.

Sư đáp:

- Mệnh trời đã sắp đặt, dù muốn hay không cũng không được. Nếu quả đúng như nhời, mong đừng quên nhau.

Thiền sư Vạn Hạnh nghe thấy lời đó cũng giật mình, sợ để Công Uẩn theo hầu sẽ có người bàn tán dị nghị, thì tính mệnh Công Uẩn khó toàn, bèn đuổi Công Uẩn trở về chùa Lục Tổ, lại căn dặn rất kỹ càng: “Các sách binh thư, lý số, nhâm cầm độn toán, thiên văn địa lý phải cất giấu đi. Đọc quyển nào lấy ra quyển ấy, không được khinh suất cho người ngoài thấy được”. Từ đấy, Công Uẩn rất cẩn trọng trong việc xuất lộ và giao tiếp.

Nay mọi việc đều đúng như nhờ các thiền sư tiên lượng, Lý Công Uẩn không biết lấy gì để trả cái ơn tri ngộ của các bậc tiền bối. Nhất là với thầy Vạn Hạnh, vừa giáo dưỡng, vừa dìu dắt, vừa bày xếp cho nhà vua từng bước, từng bước, cho đến ngày viên mãn. Có nhẽ điều tốt nhất để đền đáp công ơn nhà Phật là làm cho sự đạo được hưng thịnh.

Nghe lời thỉnh cầu của nhà vua, hai vị đại lão thiền sư rất lấy làm đẹp ý. Hai vị cứ đùn đẩy nhau không ai chịu mở lời trước. Một lát, thiền sư Đa Bảo nói:

- Tâu bệ hạ, tăng này là kẻ xuất gia, bốn bề đều là tâm Phật đất vua cả, nên lão tăng thường vân du khắp cõi, chứ có dừng lại ở đâu mà phụng sự bệ hạ. Nói xong thiền sư cười ha hả. Tiếng cười trong trẻo hồn nhiên của người không còn nhuốm một chút bụi trần nào, tựa như sư đã nuôi dưỡng được cái tâm vô lậu vậy.

Thiền sư Vạn Hạnh chột mở bừng mắt, ngài nói:

- Gần hết cuộc đời, tăng này gắn kết giữa Đạo với Đời, nay tuổi đã xế tàn, còn ngày nào, chỉ nguyện hiến dâng cho sự đạo, mong bệ hạ thể tất cho. Vả lại, các bậc sư tượng bây giờ nhiều vị còn trẻ mà tài năng đức độ đã tới mức quán thông, sức lực lại sung mãn, xin bệ hạ vờn những người đó, thì mới giúp bệ hạ lèo lái con thuyền quốc gia ra khỏi chỗ trì bế, mà các triều trước còn để lại gánh nặng cho bệ hạ.

Lý Công Uẩn nhìn hai người thầy mình với tấm lòng kính ái, và quả nhiên sức các vị đã xuống lắm rồi. Với cái tuổi ngoài bảy mươi, các vị sống qua ba triều đại, phải chứng kiến biết bao biến thiên lịch sử, thì cái sự bãi bể nương dâu cũng là chuyện thường tình. Nhà vua rất mong có dịp để đền đáp công ơn các bậc tiền bối. Như thầy Vạn Hạnh đó, nếu không có thầy dạy dỗ và hướng đạo cho, thì thân này bất quá cũng chỉ là một thầy tăng bình thường thôi, chứ có hơn gì ai. Rồi từng bước nhập thế, đều có sự dìu dắt, và cả sự che chở kín đáo của thầy. Công ơn sâu nặng ấy, làm sao ta có thể trả được. Có nhẽ ngài là một vị Bồ tát, do đức Thế tôn phái xuống để tạo nghiệp quả cho đất nước này, mà ta chỉ là một cơ duyên trong then máy do các ngài bày xếp.

Nhà vua lại tự nghĩ: nhưng đền đáp sao đây. Các vị đã xuất gia xả tục, thì các việc như danh lợi các vị coi không bằng cọng cỏ. Khi đã buông xả tất cả, không chấp hữu, chẳng chấp vô, thì đừng nói tới chuyện đền đáp ơn nghĩa với các bậc đại giác này. Nhưng quả thật, nếu không nhắc tới, hoặc không làm một cái gì đó để đền đáp trọng ân của các vị, thì lương tâm ta lại bức rứt.

Lý Công Uẩn thực sự loay hoay khi ông mở lời:

- Công Uẩn tôi được các sư phụ nuôi dạy thành người, được dân nước ái mộ, nên lạm ở trên trăm họ mà lòng lúc nào cũng run sợ, như người mặc áo cò khô ngồi trước lửa. Nhiều lúc lúng túng không biết phải làm gì để đáp lại tấm lòng của trăm họ. Vậy xin các bậc cao minh chỉ giáo cho, xem trong sáu năm chấp chính, những việc triều Thuận Thiên đã làm, cái gì được, cái gì sai hỏng. Và nữa những việc triều Thuận Thiên hành xử với đạo Phật cũng như các đạo Nho, Lão như vậy có được không; các bậc thức giả có dị ý gì không; xin các đại lão cho trẫm được tỏ tường.

Thiền lão Đa Bảo xua tay nói:

- Bệ hạ không phải nhiều lời. Sáu năm chấp chính tha liên tô thuế ba năm, thế là nhân. Bỏ hết các hình phạt tra tấn dã man như cùm kẹp, voi giày, ngựa xé, hổ báo răn rết hành hình đối với mọi người thế là nghĩa.

Khởi nghiệp của một triều đại bắt đầu từ những việc nhân nghĩa; triều đại ấy nhất định sẽ trường cửu chứ không đoán nghiệp như các triều Đinh, Lê.

Nghe thiền sư nói những điều chân thực bằng vào các việc mà triều Thuận Thiên đã làm, Lý Công Uẩn lấy làm hài lòng.

Là người từng trải sự đời lại thấu hiểu lòng dân, cho nên nhà vua lúc nào cũng băn khoăn về những việc mình làm. Tuy thân ở ngôi cửu ngũ mà lòng lúc nào cũng canh cánh lo âu.

Việc giản đơn như người nông phu thì phải có ruộng đất, phải có trâu bò để cày kéo. Ngay việc ấy cũng không dễ gì làm được. Bởi ruộng đất, trâu bò hiện do các nhà quan, các nhà giàu chiếm hữu gần hết. Không những thế, chúng còn giết mổ trâu bò ăn uống phê phởn vào các việc tế lễ, tang ma, cưới hỏi, trong khi đám

nông phu cứ phải è cổ ra kéo cày thay trâu. Triều Thuận Thiên tuy có khoan nới tô thuế, tạp dịch; song quả thực thân phận người nông phu vẫn chưa hơn gì thân phận đấm ngựa, trâu.

Thấy Đa Bảo thiền sư nói những việc có thật, nhưng lại hàm ý khen ngợi vẻ như tăng bốc nhà vua, thiền sư Vạn Hạnh nét mặt hơi nghiêm lại, sư nói:

- Triều Thuận Thiên tuy còn mới mẻ, nhưng đã làm được nhiều việc, thuần những việc nhân nghĩa như ngài Đa Bảo nói. Tuy vậy cũng còn ổi việc nhà vua cần phải làm tiếp.

Mong muốn của nhà vua là xây đắp một quốc gia, dân thì giàu mà nước thì mạnh. Gốc của nước là dân. Nhà vua mong cho dân giàu cũng tức là mong cho người nông phu phải có ruộng cấy, trâu cày. Bởi làm ra của cải cho toàn xã hội là ở lớp người này. Thế nhưng phần đông trong số họ, hiện đang phải đọa đày trong kiếp nông nô tại các dinh phủ của quan lớn quan bé, và ở trong các nhà phú hộ. Số không phải là nông nô, thì lại không có ruộng, không có trâu. Thành thử mong muốn của bệ hạ vẫn cứ là mong muốn thôi. Còn bệ hạ tha tô thuế, cũng chỉ người giàu có lợi.

Ngừng lại giây lâu, tựa như còn để cân nhắc nông sâu, đoạn thiền sư Vạn Hạnh lại tiếp: – Bệ hạ hẳn khoan hỏi đám thiền lão xem triều Thuận Thiên hành xử với các dòng đạo như thế, các bậc thiện trí thức, các giáo đoàn có dị ý gì không?

Vậy là bệ hạ đang quan hoài đến hai việc bao trùm toàn xã hội, tức là cả thể tục lẫn tâm linh, có đúng không nào? Nói xong, thiền sư ngừng nhìn nhà vua, đôi mắt ngài rọi sáng như hai luồng hào quang khiến gương mặt nhà vua như rạng rỡ thêm lên.

Vua Thuận Thiên gật đầu đáp:

- Đúng thế! Đúng thế. Đó là hai việc lớn quốc gia luôn luôn ám ảnh trẫm. Xin nhờ hai bậc quốc sư chỉ bảo cho trẫm những điều quan yếu nhất, mà triều Thuận Thiên cần phải tiếp nối canh cải.

- Vậy thời, Đa Bảo thiền sư hăng giọng, ngài với cây thiền trượng dựng bên mé thiền sàng gỗ xuống nền đất ba cái, rồi chống gậy đứng lên đi loanh quanh. Thiền sư Đa Bảo có thói quen, mỗi khi nói việc gì hệ trọng là người phải nói trong thế hành, tựa như một cao tăng vừa hành thiền vừa thuyết pháp. – Vậy thời, sư nhắc lại, – Việc cấp kỳ là phải làm sao cho người nông phu có ruộng đất cấy trồng. Có ruộng đất thì mới nói đến chuyện người nghèo đủ ăn, đủ mặc được. Nhưng lấy đâu ra ruộng đất cho người nghèo? Vừa buông câu hỏi đột ngột, sư vừa động mạnh cây thiền trượng xuống nền gạch, và nhìn thẳng vào mắt nhà vua đang chú mục nhìn sư.

- Quả vậy, nhà vua xác nhận, – ruộng đất cho nông phu là điều khiến trẫm lúc nào cũng canh cánh khôn nguôi, xin quốc sư chỉ giáo.

Thiền sư Đa Bảo đi thêm mấy bước nữa, rồi người ngoắt quay lại phía nhà vua giọng chậm rãi:

- Không! Không thể lấy hết ruộng đất của người giàu để chia cho người nghèo được. Nhưng cũng không thể để cho các chủ đất chiếm hầu hết đất ruộng được. Điều đó không công bằng. Sinh thời đức Thế Tôn cũng không chấp nhận điều này. Vậy thời chỉ có khuyến cáo người không có ruộng đất đem sức ra khai phá đất rừng, đất hoang hoá, đất bãi bồi. Triều đình cấp cho họ gạo ăn làm cái vốn để khai phá đất đai hoang hoá. Nếu không, họ khai phá đến đâu, lại phải bán cho các chủ đất đến đấy. Thiển nghĩ, nếu có chiếu vua ban, ai vỡ được đến đâu cho làm chủ luôn đất ấy, lại tùy theo công sức bỏ ra mà tha tô thuế từ năm đến mười lăm hoặc hai mươi năm, ắt là người nghèo sẽ đổ xô đi tìm đất.

Thấy mắt nhà vua vẫn hau háu muốn nghe, thiền sư Đa Bảo lại hồ hởi nói tiếp. Tuy tuổi già nhưng thiền lão có giọng nói sâu trầm khoẻ khoắn, chứng tỏ nội lực ngài còn dư dả. – Nếu nhà vua lại xem xét thấu đáo dân tình mà ban hành một đạo chiếu trong đó hạn chế việc chiếm nô, chiếm điền nữa thì sư này dám chắc với bệ hạ rằng, bệ hạ không muốn cho dân giàu cũng không được. Một khi dân đã giàu thì nước ắt phải mạnh. Đó chính là cái đạo nước nổi thuyền nổi, mà từ cổ xưa các bậc minh quân đã từng làm, mong bệ hạ lưu tâm.

Nhà vua rất hài lòng về lời chỉ bảo nhân nghĩa, mà chính ra đây là cả một kế sách an dân; xuất phát từ cái tâm thiện của thiền sư. Nhà vua chợt nhớ, đã lâu lắm, từ khi ta còn là một chú tiểu tăng ở chùa Lục Tổ hầu thầy Vạn Hạnh, thấy thiên hạ lắm điều bất công. Người thì tiền dư thóc mục, người thì chết đói, chết rét

nằm co quắp đầy đường sá, cầu quán.

Người mới sinh ra đã kẻ hầu người hạ cho đến già, đến chết; mưa không tới mặt, nắng chẳng tới đầu. Lại có người cha truyền con nối, đời đời kiếp kiếp làm thân nô lệ. Những điều mắt thấy tai nghe ấy, ta đem hỏi thầy. Thầy khen ta: *“Có tấm lòng trắc ẩn trước bất hạnh của người khác, ấy là dấu hiệu của lương tri. Giải toả được những bất hạnh ấy, tức là đem lại sự công bằng cho con người, cho xã hội, ấy là công việc của các bậc thượng trí, thượng giác. Ta kỳ vọng lớn lên con sẽ làm được các việc đó”*. Phải chăng bây giờ đã đến cái thời mà thầy ta kỳ vọng chăng?

Thiền sư Đa Bảo vừa dứt lời, ngài lại gõ gậy xuống sàn nhà ba lần rồi lui về tĩnh tọa trên thiền sàng. Vua Thuận Thiên đứng lên vái sư ba vái:

- Đa tạ! Đa tạ quốc sư chỉ bảo khiến cái tâm của trẫm đã bừng tỉnh.

Lúc này cả thiền sư Đa Bảo, cả nhà vua đều hướng về phía thiền sư Vạn Hạnh như chờ đón sự chỉ giáo của người. Nhưng thiền sư vẫn ngồi điềm tĩnh, đôi mắt nửa khép nửa mở, gương mặt bình yên như mặt nước hồ thu. Ở với thầy lâu năm, nhà vua biết trong trạng thái thế này là tâm thầy rất trong lặng, thầy đang tìm về với bản thể uyên nguyên. Và cứ sau giây phút như vậy, tuệ tâm của thầy lại phát sáng. Vì vậy nhà vua rất hoài vọng khi thầy bừng tỉnh là cầu kiến ngay.

Thiền sư Đa Bảo không để ý đến các sự việc thuộc về thiền hạnh của sư Vạn Hạnh, nhưng ngài lại biết rất rõ về thiền nghiệp của sư.

Đa Bảo nói nhỏ, nhưng thanh âm của ngài có độ rung mạnh mẽ, có nhẽ ngài chủ tâm kéo sư Vạn Hạnh vào cuộc tham vấn tròn đầy của nhà vua. Sư nói:

- Vân du khắp cõi, ham mãi bạn bầu với thông ngàn hạc nội, với gió thổi mây bay, với lâm tuyền hoang dã, có nhẽ đại lão hoà thượng không bằng bần tăng. Nhưng xét suy sau trước, tính việc ngàn năm, sắp đặt then máy với con mắt tuệ của thiền gia, thì bần tăng không bèn gót hoà thượng. Vậy kính xin thiền lão bố thí thiện tâm đáp lời cầu kiến của nhà vua.

- A-di-đà Phật! Sư Đa Bảo vừa dứt lời thì tiếng “A-di-đà” của sư Vạn Hạnh tiếp nối ngay. Và lời ngài nói cứ chảy ra như một dòng nước lưu thoát, như một thiền gia vừa đón ngộ. – Việc thế tục, việc lợi lạc quần sinh, thiền sư Đa Bảo nói vậy, kể đã đủ đầy. Xin nhà vua lưu tâm hành hoá. Nay Vạn Hạnh ta nói về việc Đạo, việc tâm linh. Nhà vua nên nhớ, khi người ta đói, người ta nghĩ về ăn. Vậy cơm ăn chính là đạo của người đói. Tới khi người ta no rồi, người ta có ruộng đất, trâu bò lúa gạo dư dả rồi thì người ta nghĩ về trí, về tâm. Trí là để khai hoá xã hội, tâm là để khai mở cái thần minh cao cả của con người, ấy là tâm linh Phật. Bởi thế khi người ta no bụng rồi, thì trí và tâm là đạo của người no vậy. Thật ra không hẳn là như thế. Người ta có thể đói, nhưng người ta không thể sống trong ngu muội vì thiếu phần trí tuệ khai mở, người ta càng không thể thiếu phần tâm linh dắt dẫn. Hoá nên không thể nói phải chờ khi nào người dân no đủ rồi mới tính tới con đường khai trí, con đường khai tâm, cũng tức là đường Đạo. Mà phải hiểu rằng, con người dễ bị rơi vào lầm lạc của dục vọng, đam mê, tăm tối, chỉ vì con người thiếu trí tuệ và tâm linh soi sáng. Những việc này sống dưới thời Lê Long Đĩnh, chắc bệ hạ đã tường, ta không nhắc lại nữa. Nay nhân việc nhà vua cho mở đạo tràng, cũng tức như nhà vua mong ân đức Thế Tôn. Ta đã nói từ khi bệ hạ còn trong độ tuổi thiếu niên rằng, nếu để dân ngu muội thì dễ trị. Nhưng dân ngu thì vua hèn, nước nhược, cuối cùng rơi vào sự thống trị của ngoại bang. Nay nhân nhà vua vừa hỏi về sự ứng xử dung hoà giữa các nền đạo, thì tăng này cứ thực lòng bày tỏ, có điều gì sơ khoáng xin bệ hạ đại xá. Trước hết nói về đạo Phật. Đạo Phật là đạo của từ bi hỉ xả, yêu mình, yêu người, quần sinh lợi lạc, không phân biệt sang hèn, giàu nghèo, trên dưới. Đức của nó lớn như nước, đâu đâu cũng nhuần thấm được hết. Vì tính thiện, tính từ ái bao trùm, nên có người bảo nó thiếu phần tranh đấu để tiến hoá. Thật ra thì Đạo Phật lấy nội lực làm động cơ tiến hoá chứ không ỷ vào tha lực. Vì vậy nó hợp với một xã hội mà người người đạt tới phần trí năng thuần khiết. Song le xã hội của bệ hạ thì muôn phần bề bộn mà phần nào cũng còn sơ khoáng lắm. Cho nên bệ hạ phải dựa vào Nho để tải Phật. Đạo Nho là thứ đạo bình trị thiên hạ, nên nó sắp xếp mối rường chặt chẽ. Đạo Nho cũng dạy con người vị nhân, nhưng thực là nó vị kỷ. Ngoài ra nó còn là một trường thực nghiệm các tư tưởng của Bách gia chư tử. Mà tư tưởng nào cũng đầy rẫy sự ganh đua của dục vọng. Dục vọng đẩy tới

thái quá thì thiên hạ đại loạn, tức là chiến tranh bùng nổ.

Còn đạo Lão thì sao? Thuyết của Lão Tử có điểm tương đồng với tư tưởng của đức Thế Tôn. Nghĩa là tôn trọng sự an bài của thượng đế. Lấy sự vô tranh làm căn cốt cho cuộc tiến hoá sinh tồn. Đạo ấy vời cao quá. Đạo ấy mông lung quá. Tựa trung người Trung Hoa không với tới được, không theo được. Vì thế nó đã đi trệch cái đích cao thượng mà Lão Tử khởi xuất. Tới nay nó là một thứ đạo của những kẻ mông du, những kẻ ham sống, những kẻ dị đoan. Đạo này nhập vào ta từ đời Đông Hán. Nhưng mới rộ lên từ đầu đời Bắc Tống. Hiện nước ta nhan nhản những kẻ lánh đời ẩn dật, những kẻ luyện đan cầu tìm sự trường sinh bất lão, nhưng nguy hại hơn cả là bọn vụ hích, tức bọn phù thuỷ, gieo rắc những trò dị đoan nhảm nhí, lừa mị dân lành, gây hao người tổn của.

Vạn Hạnh nói mà không cần biết nhà vua có còn muốn nghe. Tựa như ông coi những điều ông cần phải nói với nhà vua, là một bốn phận thiêng liêng vậy. Đột nhiên cặp mắt của thiền sư lim dim khép mở. Một lát sau, thiền sư lại tiếp lời: – Hiện trên đất của bệ hạ đang tồn tại ba nền đạo lớn. Mà đạo nào thì cũng từ ngoài đưa vào, chứ thực đạo của ta chưa có. Hoặc giả nó còn sơ khai lắm, nó chưa tiến hoá kịp với cuộc sống nhân quần.

Bởi thế ta phải mượn các nền đạo từ Tây Trúc, từ Trung Hoa để bù đắp cho cái mà ta thiếu hụt. Song bần tăng xin bệ hạ lưu tâm, cả ba dòng đạo đó, không một dòng nào viên mãn. Do vậy ta không nhất thiết phải trung thành với một dòng nào cả, cũng bởi không có một dòng nào thấu đạt được tâm linh hiền hoà nhưng sâu kín của dân ta. Từ xa xưa, các bậc tiền bối đã ứng hợp mà du nhập vào, thì nay ta phải nhiếp thống cái tinh tuý nhất của cả ba dòng đạo ấy lại, để có được một nền đạo thuần Việt mà không hề sai lạc cốt cách tinh tuý ban đầu của mỗi đạo.

Tựa trung Đạo của ta phải gồm đủ ba phần:

- Tâm linh Phật.
- Xã hội Nho.
- Thiên nhiên Đạo.

Nhưng phải lấy đạo Phật làm chủ thể. Vì đạo Phật ưu việt hơn tất thảy các nền đạo khác.

Như vậy là ta đã hoà đồng được các tông giáo. Nếu nhà vua lấy đạo Phật làm quốc đạo, thì cũng không vì thế mà ức Nho hoặc ức Lão. Nếu có sự phân biệt, ức chế ắt sẽ gây chia rẽ trong dân chúng, cũng tức là gây chia rẽ giữa các nền đạo, và nó sẽ là mối hiểm nguy tiềm tàng, dẫn tới các cuộc lưu huyết đau lòng.

Nhà vua chăm chú nghe như uống lấy từng lời từ người thầy mà theo ông, nếu thiếu ngài, chưa hẳn đã có cái triều đại nhà Lý ngày nay. Vua Thuận Thiên thâm reo lên ở trong lòng: “Cái ta cần tìm chính là cái thầy đã trao cho ta trọn vẹn! Ôi lòng ta sao sáng trong như người vừa đốn ngộ. Thật không có học thuyết nào cao hơn, hợp hơn cái học thuyết tam giáo hoà đồng của thầy ta. Phải, ta đại gì mà khư khư ôm lấy riêng một nền đạo, mà đạo nào cũng có một phần hoặc nhiều phần khiếm khuyết. Hơn nữa nó cũng chẳng phải là một thứ hương hoả của ông cha để lại mà phải khư khư giữ lấy làm gì. Tất cả các nền đạo đều chỉ là phương tiện cho sự sống của dân ta, tựa như đức Thế Tôn đã dạy: “Nó chỉ là cái bè, tức cái phương tiện giúp con người qua sông. Sang sông thì vứt bè lại đi bộ hoặc đi xe thì mới nhanh được. Khốn nạn cho những kẻ ngu khờ, cứ khư khư đội mãi cái bè trên đầu như đội một trái núi, khuất lấp hết cả tầm nhìn và cũng chẳng thể nào bước tiếp...”. Nhà vua vừa suy tư vừa lắng nghe bậc đại lão hoà thượng huấn hỏ.

Thiền sư Vạn Hạnh vẫn bền bỉ nói: – Nhân bữa nay khai mở đạo tràng, bần tăng lưu ý bệ hạ, phải giáo dưỡng lớp sư tăng này khi mãn khoá trở về tu chứng tại các chùa làng. Ngoài hướng hoá phần tâm linh cho nhân chúng, còn có bốn phận khai hoá cho con em họ. Tức mỗi ngôi chùa phải là một ngôi trường dạy chữ và truyền đạo, kể cả việc trị bệnh cứu người và hướng dẫn họ các việc về pháp luật nữa.

Làm được như vậy, dù bệ hạ có không muốn đất nước của bệ hạ phú cường, an lạc cũng không được.

- A-di-dà Phật! Thiền sư Vạn Hạnh đột ngột kêu hồng danh đức Phật. Và ngài đưa tay lên chuỗi tràng hạt đeo nơi cổ, vừa thầm niệm vừa lần hết 108 hạt Bồ đề^[67]. Chẳng hiểu trong lòng thiền sư có gì xao động, mà người phải ngừng lời để thầy bỏ phiền não. Đoạn ngài lại tiếp nối câu chuyện: – Bệ hạ! Vì sao bần tăng lại nói nên lấy đạo Phật làm quốc đạo?

Bởi yếu chỉ của Phật giáo không phân biệt giàu nghèo, đẳng cấp, ai cũng có thể theo đạo và tu đạo được. Ai cũng có cơ may trở thành Phật. Vì rằng trong cõi thế gian, ai ai cũng có Phật tính. Do vậy đức Thế Tôn mới nói: “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành”. Ngài cũng từng dạy, ngay các loài vật, hễ đã tiến hoá tới cửu khiêu^[68], đều có thể tu Phật.

Chính vì tính bác ái, đại đồng, chứ không kỳ thị chủng tộc như người Trung Hoa phân biệt giữa Hoa Hạ^[69] với tứ Di^[70]; không phân biệt đẳng cấp như quân tử với tiểu nhân của Nho học.

Lại cũng không quá mơ hồ, hư ảo như Lão học; hoá nên chọn đạo Phật làm nền đạo chính thống cho quốc gia Việt tộc là chân xác.

Và lại đạo Phật vào nước ta từ rất sớm, từ trước và sau thời nữ Trưng vương^[71] đã có các nhà truyền giáo từ Tây Trúc sang ta như Ma-ha-kỳ-vực, Khâu-đà-la, Mậu Tử, Khương Tăng Hội. Trước tác *LÝ HOẶC LUẬN* và nhiều sách khác cùng các bản kinh Phật quý báu do các vị viết và chuyển dịch sang Hán tự từ đất Luy Lâu^[72] vẫn còn truyền tới nay. Điều đó chứng tỏ, đạo Phật đã hòa nhập với tâm linh Việt tộc, cùng tiến hoá theo tư trào văn hoá Việt, mang cốt cách Việt và trở thành Việt Phật từ lâu rồi. Ngược dòng lịch sử ta thấy nền văn hóa Phật giáo vào nước ta từ thời Hùng Duệ Vương, tương ứng với thời đại Chiến quốc của Trung Hoa. Khi ấy nhà nước Văn Lang còn xa lạ với Nho học cũng như nhà Chu còn chưa biết đến đạo Phật.

So với ba nền đạo hiện tồn trên đất nước ta, thì chưa nền đạo nào đủ mạnh như đạo Phật. Đạo Phật có hàng trăm phái, hàng nghìn pháp môn, nhưng lại không có sự tranh chấp giữa các phái tới cố chấp, để trở thành xung đột, thành lưu huyết như các nền đạo khác. Dù nhiều pháp môn, nhưng đều tuân theo yếu chỉ: “Vạn Pháp quy không”^[73].

Phải nói, chưa một nền đạo nào có được học thuyết hàm uẩn và siêu việt như đạo Phật. Hiện có tới hàng vạn bốn kinh khác nhau, kinh nào cũng hướng con người tới cõi thiện, hướng con người tới giải thoát.

Ngoài kinh bốn đã du nhập vào nước ta từ lâu đời, còn có nhiều cao tăng đang hành hoá khắp cõi, lại có các đạo tràng đào luyện và huấn hồ sư tăng để hành đạo. Tín chúng theo về cũng ngày một đông đảo. Cứ ở đâu có hương ấp là có chùa tháp. Có chùa tháp là có tăng, ni chăm sóc phần tâm linh cho dân chúng.

Nói tới đây thiền sư Vạn Hạnh nhìn thẳng vào tròng mắt của nhà vua, như một lần nữa đo dò ý tứ. Và ngài thông thả tiếp – Vậy là bản tăng đã bộc bạch hết gan ruột để dâng lên bệ hạ, nếu bệ hạ xét suy sau trước dùng được điều nào thì dùng, không dùng được thì bỏ.

Thiền sư Vạn Hạnh vừa dứt lời, vua Thuận Thiên liền đứng dậy cúi đầu vòng tay vái thiền sư ba vái và từ tốn nói:

- Con xin lĩnh ý thầy.

Thiền sư Đa Bảo vụt đứng lên gõ cây thiền trượng xuống đất ba cái, ngài cười lớn, và nói:

- Nhời ta có sai đâu. Ta đã bảo đại lão Vạn Hạnh có con mắt tuệ nhìn thấu mọi nhẽ huyền vi của trời đất, ngài quả là bậc thánh tăng.

Đa Bảo thiền sư nheo mắt cười, ngài nói tiếp: – Nhân đại lão hoà thượng phát tâm Bồ đề với nhà vua, về các yếu chỉ dựng xây nền đạo cho Việt tộc, bản tăng xin nói thêm, không phải tới bây giờ, tới thời Thuận Thiên mà ngay từ các đời Đinh – Lê về trước, đạo Phật cũng giúp vào việc bình ổn xã hội nhiều lắm.

Nay triều Thuận Thiên mà khéo phối tạo được một nền Việt đạo, tức là Việt Phật, thì chính nền đạo đó là linh hồn của Việt tộc ta; nó sẽ bồi đắp cho sự tiến hoá không ngừng của non sông đất nước. Nó sẽ là mối dây gắn kết keo sơn giữa con người với con người trên toàn cõi. Nó chính là vật báu giữ nước. Vì vậy nó phải được truyền thừa. Mất nó, dân nước sẽ bơ vơ không nơi bầu vùi, không có chỗ trú ngụ tâm linh. Mất nó cũng tức là mất nước.

Thiền sư Đa Bảo vừa dừng lời, cũng vừa lúc viên Hữu nhai tăng thống Thẩm Văn Uyển cùng đạo sư Hương Nghiêm đã làm xong các việc khai tràng, và giáo huấn thiền sinh. Ông trở vào nhà phương trượng thỉnh nhà vua và hai bậc đại lão hoà thượng ra lễ đài để các thiền sinh được chiêm bái.

Cứ nghĩ đến việc ngày mai được đi mở phủ hoàng thái tử Lý Đức Chính lòng càng chộn rộn, hết đứng lại ngồi. Chàng nhớ, ba hôm trước, vua cha vờ vào điện Long Thụy căn dặn lại một lần nữa trước khi lên đường. Vua cha vỗ về: “Ta cho con đi mở phủ riêng, không phải là đày con vào nơi khổ ải. Mà ta muốn con có cơ may được sống chung lẫn với người dân. Bởi mai đây con sẽ thay ta trị vì thiên hạ. Trị vì thiên hạ không phải là đem quyền uy ra bắt toàn dân phải khuôn theo ý mình. Trị vì thiên hạ không có nghĩa rằng chỉ lo đến việc thoả lòng dục của riêng mình rồi đẩy dân chúng vào vòng lầm than. Nếu thế thì đã có tấm gương hoen ố mà Lê Long Đĩnh treo suốt bốn năm ròng để rồi thân, danh đều vùi chôn trong nhơ nhớp.”

Vì vậy người đứng đầu muôn dân không thể không biết dân muốn gì. Nếu muốn biết lòng dân thì phải sống chung lẫn với họ. Đôi khi con còn phải chung lo với họ những công việc nhỏ nhoi, mà kẻ giàu sang cho là hạ tiện. Ấy là miếng cơm manh áo hằng ngày hoặc khi ốm khi đau. Những thứ bé mọn ấy nhiều khi nó làm chìm ngấm cả một kiếp người. Con nên nhớ, người đứng đầu muôn dân phải có cái hạnh Bồ tát. Vì vậy con không được từ nan bất cứ điều gì mà dân chúng đang cần đến con. Con nên nhớ cha con bây giờ đứng đầu trăm họ, nhưng đã từng là một chú tiểu tăng, bách na chi nô, không thiếu một việc gì ta không làm. Ta nhớ, có những năm trời làm mất mùa, phải vào rừng đào củ mài, lấy bột báng biết bao là gian nan. Hoá nên bây giờ ta biết thương người nghèo đói.

Chẳng nói đâu xa, ngay như đức Lê Hoàn, khi đã được nước rồi, đã phá Tống bình Chiêm, thế nước vững như bàn thạch, uy danh trùm thiên hạ, thế mà mùa cày, mùa gặt ngài vẫn đóng khố đi cày, đi gặt lam lũ với đám nông phu. Chỉ tiếc rằng cha thì thế mà con thì thế. Ấy cũng bởi cái đức của họ Lê mỏng quá. Tưởng con nên lấy để làm gương...”

Vua cha cứ rủ rỉ nói với ta như là một sự khuyên nhủ đối với đứa con yêu, hoặc như với người bạn vong niên mà ông quý; lại như một sự bộc bạch có pha phần lo lắng cho vương nghiệp các đời sau của dòng họ Lý.

Ồi lời cha răn dạy, ắt ta phải ghi sâu vào đáy dạ. Nhưng cứ nghĩ đến cái ngày mai ta được về hương Tam Sơn, được gặp lại Mạnh Minh, người bạn mà ta hằng quý mến thì vui biết mấy. Nhưng ta cũng phải thừa nhận rằng, ta không thể nào xoá được hình ảnh cô gái quấy hai giỏ lá dâu nặng trĩu ở hai đầu đòn gánh, bước đi nhún nhảy như người chạy găng, có gương mặt tròn sáng như mặt trăng rằm với đôi mắt bồ câu đen lay láy. Chợt thấy ta, nàng ngơ ngác như một con nai tơ vừa bước ra khỏi nơi rừng rậm, lại có dáng e ấp ngờ ngàng như một nàng tiên vừa lác bước xuống trần.

Cái con nai tơ này, cái nàng tiên này đích thị là em gái của Mạnh Minh rồi, nhưng sao bữa ấy ta lại chưa kịp hỏi tên nàng. Anh nàng họ Mai, thôi thì ta cứ tạm cho nàng một cái tên là Mai thị vậy. Ước gì ta đến tuổi nạp phi, ta sẽ xin với phụ vương cho ta đưa nàng về cung. Trong giấc ngủ chập chờn, hoàng tử mơ về Mai thị và chàng cảm như có ai phủ lên thân thể chàng một tấm chăn mỏng nhẹ như khói, mà sao nó dịu êm đến thế. Chàng cảm như tấm chăn kia nâng bổng chàng lên, và cứ thế chàng bay, bay miết vào bầu trời thăm thẳm với triệu triệu ánh sao xanh.

Sớm mùa thu, những tia nắng trong trẻo luôn qua các song cửa vào nhảy nhót trên vầng trán, và đùa giỡn trên cặp má đậm lông tơ, khiến hoàng tử cảm thấy buồn buồn, như có ai mơn man vào da thịt mình. Chàng mở bừng mắt, ngồi nhòm dậy, tấm chăn lông chim tuột hẳn xuống chân giường, vừa lúc nhũ mẫu bước vào đón lấy. Bà vừa gấp chăn vừa nhìn chàng âu yếm. Nhưng trên gương mặt già nua kia thoáng hiện một nét buồn. Bà biết sớm nay hoàng thái tử cùng những phụ tá của chàng sẽ rời kinh thành đi mở phủ.

Nhũ mẫu tự biết thân phận mình chỉ là một người hầu, nhưng bà vẫn không kìm nén được tâm trạng của người mẹ, sắp phải xa đứa con ngoan mà mình biết bao công sức chăm bẵm nó, từ khi mới lọt lòng. Bà nhớ khi vào hầu trong nhà thân vệ tướng quân điện tiền chỉ huy sứ, ông còn đang coi sóc cấm quân ở Hoa Lư, phu nhân mới mang thai hoàng tử Đức Chính bây giờ được ba tháng. Nhũ mẫu đã từng đẻ tới chín lần, đậu được ba đứa một trai, hai gái. Đứa bé nhất mới tròn một tuổi thì phải để con lại cho chồng, đi nuôi

con của thân vệ. Chẳng có ai bức bách cả, nhưng nhà nghèo quá, lại có người mách được vào hầu hạ nhà quan. Vừa có công cao, lại được nương nhờ cửa quyền uy, gia đình, họ mạc nơi hương thôn không còn sợ đám xã quan đè nén nữa. Thế là bà vào nhà thân vệ ẩm bế, tắm rửa và cả cho công tử ấp vú từ khi mới chào đời. Nhớ từ khi được lọt vào cửa quyền quý, nhũ mẫu được ăn uống đủ thứ của ngon vật lạ trên đời, mà khi ở nhà chưa từng được nhìn thấy, nói gì được ăn. Thực tình như cái thứ bà, một con nạ dòng quê mùa ai người ta hơi đâu mà nuôi vỗ cho béo múp đầu đuôi như một con nhộng. Chẳng qua mình cũng chỉ là kiếp con bò sữa mà thôi. Nhưng ngờ đâu từ ngày nuôi ẩm công tử, bù trừ bú mớm, dõi theo từng hơi thở, từng bước đi của công tử, tự nhiên trong lòng nhũ mẫu nảy sinh tình cảm của người mẹ. Ấy là tự mình nghĩ thế thôi, chứ vía nhũ mẫu cũng không dám hé môi thổ lộ cùng ai. Nhất khi công tử đã trở thành hoàng thái tử, người kế vị vua cha trị vì thiên hạ. Nhũ mẫu thường phỉ thui, mỗi khi trong lòng chột nẩy cái ý nghĩ về tình mẫu tử đối với chàng hoàng tử này. Cho tới nay, khi sắp phải nhìn thấy hoàng thái tử ruổi ngựa lên đường, thì cái ý nghĩ diệt tộc kia, tức là cái lòng nhớ nhung thương cảm của người mẹ, chột bùng lên từ đáy lòng bà. Nước mắt bà tự nhiên cứ ứa ra, tấm chăn lông chim tuột khỏi tay rơi xuống đất lúc nào bà cũng không hay nữa.

Thái tử đọc được tình cảm của bà, chàng đứng dậy ôm choàng lấy cổ nhũ mẫu như ngày nào chàng còn năm, sáu tuổi. Chàng nói:

- Nhũ mẫu đừng khóc nữa. Tôi đi mấy ngày lại về với nhũ mẫu thôi mà.

Bà lấy đầu dài thắt lưng chấm nước mắt, hai tay ôm lấy thái tử vỗ về, giọng rưng rưng cảm động:

- Già này chỉ lo mấy ả a hoàn, mấy gã nội nhân không biết cách hầu hạ thái tử. Ước chi thái tử cho già được theo hầu, chăm sóc thái tử từ miếng ăn miếng uống thì già mới thật yên tâm.

Thái tử buông tay khỏi cổ nhũ mẫu, lắc hai bờ vai và nhìn thẳng vào gương mặt dãn deo u buồn của bà, chàng bật cười khanh khách: – Nhũ mẫu cứ coi tôi như trẻ nít mãi ư. Nhũ mẫu chẳng thấy tôi đã từng theo các tướng đi đánh giặc sao. Chàng lại rung rung hai cánh tay bà, tựa như đứa bé làm nũng mẹ. Chợt chàng buông hai tay lùi xa mấy bước, mặt hơi nghiêm, bắt chước giọng người lớn, chàng nói nửa như nũng nịu nửa như răn dạy: – Nhũ mẫu chưa biết phụ vương tôi thường phán bảo mọi người rằng: “Ta sẽ trị tội kẻ nào làm các con ta trở nên yếu đuối”.

Nhũ mẫu sợ quá, vội cúi xuống ôm gọn tấm chăn đi giật lùi ra cửa ngách.

Thái tử cười phá lên, gọi với:

- Nhũ mẫu! Nhũ mẫu, tôi nói đùa đấy, chớ sợ!

Sớm ra, một đoàn các người tùy tùng đã tề tựu trước sân điện để rước thái tử đi mở phủ.

Khác với lệ thường, bữa nay hoàng thái tử vận giản dị như một nho sinh nghèo. Áo dài thanh cát, đầu quần khăn lượt chữ nhân, chân đi hài vải. Các người hầu cũng theo đó mà phục sức kín đáo chứ không tiền hô hậu ủng làm kinh động đến khách qua đường.

Thái tử cỡi con ngựa sắc tía nòi Hồ, to cao có dáng dấp như một con thần mã. Con ngựa này có xoáy lông đen ngay giữa trán, và bốn khoáy nằm cân đối ở hai u vai và hai bên hông. Nó là con ngựa hay nhưng thuần tính. Theo sát thái tử là hai gã thiếu niên hộ vệ ở hai bên tả hữu cỡi hai con ngựa sắc huyền đáng hùng dũng. Đây chính là đám ngựa thu được của giặc man Tống do Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí cùng hai chục vạn binh kéo sang năm trước, bị quân ta tiêu diệt sạch sành sanh. Hai gã hộ vệ này còn trẻ măng, tuổi chừng mười sáu, mười bảy, tinh thông võ nghệ do bên cấm quân gửi theo hầu thái tử đã được gần một năm. Hai chàng đều vận áo quần thợ săn màu chàm. Mỗi chàng đeo một thanh đoản đao bên sườn, một cây cung bắt chéo ngang ngực, và giỏ tên lấp ló phía sau vai.

Dẫn đầu đoàn quân là tướng Lê Phụng Hiếu, một tướng nổi danh khắp toàn cõi từ trước khi hoàng thượng cho vời về kinh sư. Nghe nói Phụng Hiếu là người hương Bằng Sơn, châu Ái, có sức khoẻ hơn đời. Khi dân hai làng Bằng Sơn^[74] và Đàm Xá đánh nhau vì tranh chấp đất ruộng, ông can ngăn không được bèn vờn mình nhốt tre trong bụi làm gây vung đánh, nhiều người chạy không kịp nên bị thương. Người làng Đàm Xá sợ bỏ chạy. Nay hoàng thượng cho ông theo hầu hoàng thái tử, với mong muốn thái tử hấp thu được tính hùng dũng, tài thao lược của Phụng Hiếu. Lê Phụng Hiếu bữa nay vận quần áo chèn, may bằng

vải thanh cát, đội mũ bình đỉnh bằng da. Ông sử cây đại đao. Phụng Hiếu được hoàng thượng ban cho cái đặc ân là tự chọn trong lũ ngựa hàng vạn con thu được của đám giặc nhà man Tống để lấy một con vừa ý. Tướng quân đã lựa con Nê Thông có màu lông như màu bùn. Nom sắc lông không bắt mắt, nhưng đích thì nó là con ngựa chiến. Dạn lửa, bơi trong nước như đi trên bộ, chạy một mạch thông trăm dặm mà không cần nghỉ ngơi, ăn uống, không toát mồ hôi.

Sau Lê Phụng Hiếu là Lý Nhân Nghĩa, một Chi hậu cực đã hầu hạ hoàng thượng lâu năm. Ông là một người trung hậu, có học thức cao. Lý Nhân Nghĩa là tay chân thân tín của hoàng thượng; được cất cử theo hầu hoàng thái tử với mong muốn, ngoài việc gần gũi chăm sóc, còn là để giáo hoá hoàng thái tử về mọi mặt kể cả việc giám sát, không cho thái tử làm những điều trái đạo lý, trái pháp luật.

Bữa nay Lý Nhân Nghĩa mặc áo quần theo kiểu nho sinh, ông có dáng người dong dỏng, khuôn mặt thanh tú, vầng trán rộng, đôi mắt sáng, ưa nhìn thẳng. Ông cỡi con ngựa bạch nòi ngựa ré Nước Hai, nhỏ như một con la. Ông ngồi trên lưng ngựa, phía trước phía sau yên cương chất đầy sách.

Đi sau Lý Nhân Nghĩa là Ngô An Ngữ. Ngô An Ngữ, thuộc tướng của quan Điện tiền chỉ huy sứ Lý Công Uẩn dưới triều Lê Long Đinh. Ông có gương mặt vuông vức, bước đi mạnh mẽ, oai nghiêm. Có người nói ông còn có tên là Ngô Ích Vệ, là con trai Ngô Xương Xí, một trong mười hai sứ quân đóng tại Bình Kiều ở Châu Ái. Ngô Xương Xí lại là con của Ngô Xương Ngập tức Thiên Sách vương lên nối ngôi cha là Ngô vương Quyền, tức Ngô tiên chúa.

Nếu đúng như vậy thì Ngô An Ngữ là cháu bốn đời của Ngô Quyền, người đánh bại quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, giết chết tướng giặc là thái tử Lưu Hoảng Tháo, mở ra thời kỳ độc lập, tự chủ của nước nhà sau hơn một ngàn năm Bắc thuộc.

Trong cuộc tôn lập Lý Công Uẩn lên ngôi, Ngô An Ngữ cũng là người có công lớn. Ông là đô tướng nắm giữ các đô quân hồ bôn canh giữ bốn cổng thành, nghiêm ngặt đến nỗi một cánh chim cũng không lọt ra ngoài được. Vì thế, có nhiều kẻ âm mưu bạo loạn cũng không có cách nào mà trở tay được. Ngô An Ngữ là tướng tâm phúc cũng như các tướng tâm phúc khác của nhà vua, nay cho theo phò hoàng thái tử, đủ biết nhà vua coi trọng người kế nghiệp biết dường nào.

Thái tử dẫn đầu cả đoàn người sang nhà học đường đón quan sư phó. Sư phó chính là thầy đồ Trương Tuấn Minh, một người hay chữ và đức hạnh nổi tiếng khắp cả vùng Luy Lâu, mà hoàng thượng triệu vào cung nhằm giáo huấn cho hoàng thái tử nên người.

Thái tử thân vào trong nhà mời thầy. Hai chàng hộ vệ của thái tử bê hành lý và sách bút của thầy đem ra chất lên chiếc xe song mã, đang chờ thầy trước cửa dinh.

Quan sư phó mặc áo thụng xanh, đội mũ ô sa, vừa bước ra khỏi thềm nhà đã cúi đầu xá mọi người.

Thái tử đi sau thầy học của mình chừng một bước chân, dìu thầy lên xe rồi chàng mới leo lên mình ngựa.

Thái tử cùng với thầy học và tướng quân Lê Phụng Hiếu, nội nhân Lý Nhân Nghĩa qua sông trước. Đoàn tùy tùng cùng xe ngựa sang dò sau.

Đang lúc đứng chờ, mọi người cùng quay nhìn về phía kinh thành. Mặt trời đã lên gần tới ngọn cây, đang rắc cơ man những lớp bụi kim nhũ xuống không trung. Bầu trời kinh thành mới lộng lẫy làm sao.

Thái tử chợt nhìn xuống dòng sông. Sông cái mùa này nước cạn, để lộ ra hai bên bờ những ngấn đất phù sa đỏ au. Và dòng nước lúc nào cũng ngẫu đục chất chứa mỡ màu. Hai bên bờ sông, rừng cây rậm rạp chạy xô tới cả mép nước. Nhìn dòng sông hẹp, thái tử mơ ước có một cây cầu bắc qua, nhưng chợt nhớ mùa nước nổi, dòng sông mệnh mang đuối tầm mắt, nước chảy vun vút như mũi tên lao chẳng cầu nào chịu nổi. Xa kia, phía hạ lưu thấp thoáng mấy lá buồm cánh dơi, đang chậm chạp bơi trong làn sương mờ ảo. Những con thuyền khảm mạn, chuyên chở sản vật từ mọi miền đất nước về bồi trục cho Thăng Long.

Thái tử cố kiểm chân để tìm nơi lầu Ngũ Phụng tinh, là lầu cao nhất kinh thành, nhưng nó đã bị chìm khuất trong màu xanh cây lá. Chàng lại đảo mắt về phía hồ Dâm Đàm, nơi quanh năm sương khói cứ ùn ùn bốc lên. Có khi sương mù như quánch đặc lại, đến chim chóc cũng không dám bay qua.

Khi chuyển dò cuối cùng đưa hết người sang sông, cũng là lúc mặt trời đã lên tới đỉnh ngọn tre. Thầy

trò, chúa tôi đi mãi tới non chiều mới đến đất Tam Sơn. Thái tử chỉ ngòi chùa nằm chênh vênh bên sườn núi, ẩn hiện dưới bóng đại ngàn, chàng nói với mọi người:

- Để ta lên chùa chào thầy ta, và xin người cho ở đỡ ít ngày trong khi chờ chặt hạ cây que làm nhà mới.

Thái tử sai được vài chục bước chân ngựa thì có mấy người quần áo tề chỉnh, đã chờ sẵn ở lối rẽ lên chùa bước ra giữa đường vái:

- Tâu thái tử, chúng thần là hương chức cùng một số bậc cao niên thay mặt cho dân chúng trong hương ấp, nghe tin thái tử về bản hương mở phủ, chúng thần ra đầu ấp cung nghinh, xin thái tử đại xá!

Xã trưởng vừa dứt lời thì có bốn hoàng nam khiêng một án thư trên bày trầu, nước, cùng oản chuối dâng mời.

Thái tử xuống ngựa, đỡ các bộ lão và nói với chức dịch:

- Cảm ơn các vị bộ lão cùng xã quan, Đức Chính tôi được phụ hoàng cho về hương ấp ta mở phủ, triều đình đã có chỉ dụ không được làm điều gì phiền nhiễu đến chức dịch và dân chúng sở tại, có sao chư vị không giúp tôi giữ nghiêm phép nước.

Một bộ lão râu tóc bạc phơ vái dài thái tử một vái rồi nói:

- Tâu thái tử, đây là lòng dân. Dân kính đức lớn của quốc vương mà mến yêu thái tử, chứ thực như thời Lê Ngọa triều, quả dân chúng khiếp sợ người của triều đình như một bầy cọp dữ, nghe tiếng binh mã từ xa đã tìm đường lánh ẩn, chớ đâu dám cận kề chiêm bái như bây giờ. Xin thái tử chớ nghiêm quá mà bỏ mất cái tình của dân.

Nghe lời bộ lão nói chí tình, tấm lòng trong trắng của thái tử hốt nhiên xúc động, chàng vội nắm lấy tay cụ già vừa lắc lắc vừa nói:

- Đa tạ! Đa tạ!

Trong lúc thái tử còn đang bối rối, chưa biết hành xử thế nào thì Lý Nhân Nghĩa và Ngô An Ngữ đã tới. Nhân Nghĩa bèn đỡ lời:

- Các lão trưởng cùng dân trong hương ấp đã có lòng như vậy, xin thái tử đừng khách khí.

Thái tử bèn vẫy mọi người lại uống nước, ăn oản chuối.

Chờ mọi người ăn uống xong, xã trưởng lại đứng ra thưa:

- Xin thái tử tha tội, nghe thái tử về ở với dân, nên dân chúng đã phát quang mấy sào đất, dựng tạm một nếp nhà tranh làm chỗ cho thái tử cùng các vị tùy giá nghỉ tạm. Cả đất và nhà chỉ là tạm thời ạ, còn thái tử muốn cắm đất ở đâu, làm nhà như thế nào, xin thái tử chỉ dụ, dân chúng trong vùng hết lòng cung đón.

Nét mặt thái tử chợt buồn, chàng quay nói với mọi người:

- Phụ hoàng cho ta về đây mở phủ, cốt là để cho ta cảm thông với nỗi vất vả của người nông phu. Nếu như các việc từ phát cây rẫy cỏ, dựng lán dựng nhà, cuốc đất cấy trồng, các vị trưởng lão cùng dân chúng không cho ta làm, thì có nghĩa là ta đã trái mệnh triều đình, và cũng chẳng bao giờ có cơ hội gần dân nữa.

Các vị bộ lão cùng xã quan sợ quá, cúi đầu sụp lạy:

- Chúng thần không dám trái mệnh, xin thái tử tha tội.

- Thôi được, các vị trưởng lão cùng bách tính đã có lòng, ta xin mượn căn nhà đó để nghỉ tạm trước khi cất được nhà mới. Nay thì ta xin kiếu để lên chùa chào thầy ta đã. Nói rồi thái tử xăm xăm leo dốc lên đồi.

Qua một đêm ngủ nơi nhà tạm giữa lô đất rừng mới hạ cây cối, tre lá còn chưa kịp héo, nên mùi đất, mùi lá cây tươi cùng với sương rừng khí núi làm cho lạnh ngắt khiến thái tử trở nên khó ngủ. Chàng cựa mình rồi vùng dậy tới hai ba lần. Thái tử đã thử vận nội công, điều khí đi khắp cơ thể, nhưng cũng chỉ được một lúc rồi khí lạnh lại ngấm dần vào toàn thân.

Chàng tìm ra chỗ đốt lửa. Lửa tắt. Than tro tàn nguội. Đã toan gọi mấy đứa tả hữu hộ vệ dậy đốt lửa, nhưng thấy chúng ngủ ngon quá, chàng không nỡ đánh thức.

Trở về chỗ ngủ. Lắng nghe nhịp thở đều đều của mọi người, thái tử để ý thấy mỗi người thở theo một nhịp khác nhau. Thế mà trước đây ta cứ tưởng ai cũng thở như ai. Này nhé, tiếng thở của tướng quân Lê Phụng Hiếu thì trầm, sâu và to như tiếng ngáy; hơi thở của hai đứa dũng nhi thì ngắn mà phập phồng; hơi thở của quan sư phó thì nhẹ và chìm... Có nhẽ tính nết con người cũng biểu hiện ra trong hơi thở chăng.

Chợt đâu đó tiếng gà rừng gáy vang. Một con, hai con, ba, bốn con gáy, rồi tiếng gáy cứ lan toả mãi, khiến rừng cây trở nên xao động. Lát sau tiếng gà im bật, thái tử có cảm giác như rừng cây đã nuốt hết bầy gà. Nhưng ở đâu đó lại nổi lên tiếng rì rì như tiếng trùng ngân nga. Cái âm thanh mảnh nhẹ như sợi tơ trời kia cứ vuốt dài mãi ra, nghe sao da diết như nó sắp cửa vào da thịt, đến là khó chịu. Rồi bỗng tiếng mang tác, tiếng mấy con hoẵng kêu khiến cho tiếng trùng rền rĩ kia mất hẳn. Chợt tiếng hổ gầm, rồi tiếng chân các loài thú chạy rậm rịch, cây lá rung ào ào, thái tử có cảm giác như là động rừng. Động rừng, như nhũ mẩu thường kễ, thì sợ lắm, chàng đã toan gọi tướng quân Lê Phụng Hiếu. Nhưng rồi các thứ tiếng gầm gào, rung động kia bỗng im bật. Không gian lại tĩnh lặng y hệt lúc thái tử mới vào giấc ngủ. Lúc này chàng không cảm thấy cái giá lạnh của rừng đêm quấy rầy nữa. Chàng nghĩ đến công việc của ngày mai. Ôi chao, cứ nghĩ đến việc phải tự mình đi đốn cây dựng nhà, phá rừng lấy đất cấy trồng như những người nông phu lam lũ kia, là cả một chặng đường dài cực nhọc. Mới chỉ có một đêm ngủ ngoài cung điện thôi, nhưng vẫn có kẻ hầu người hạ, vẫn có giường chiếu, chăn đệm thế mà ta đã thấy thấm mệt. Vậy mà người nông phu cha truyền con nối, hết đời này sang đời khác sống trong bần hàn, nhưng lại bị không biết bao nhiêu tầng áp bức từ hương xã đến châu quận, phủ lộ và cả triều đình nữa. Thân phận họ như vậy, nhưng không biết dựa vào ai, không có một ai bên, che cho họ. Có nhẽ cảm thông từ nỗi niềm bất hạnh đó, vua cha mới cho ta về cái miền quê khuất lấp này mở phủ, cốt là để ta sống gần dân, hiểu được nỗi thống khổ ngàn đời của họ, hoạ may đem lại cho họ được phần nào an vui chăng? Ôi tấm lòng Bồ tát của phụ vương, con quyết không phụ sự kỳ vọng đó của cha. Cứ triền miên trong suy tưởng, thái tử lại chìm sâu vào giấc ngủ muện. Lúc thái tử thức dậy, mặt trời đã lên cao, mọi người đang hăm hở phát cây. Mấy ả a hoàn, kẻ bê nước nóng, người đem khăn lại cho thái tử rửa mặt, rồi sắp bữa ăn sáng. Họ bê vào một liễn cháo nấu bằng thủ lợn rừng, và một bát nằm sữa hầm củ sen dâng lên thái tử. Mấy a hoàn cứ sợ sệt vì bữa ăn đạm bạc. Thái tử vậy gọi:

- Bích Hoan, lại đây!

Cô ả có tên Bích Hoan tuổi chừng mười sáu mười bảy tóc búi sau gáy, gương mặt trái xoan, da trắng mịn, môi đỏ mọng như vừa mới tô son, thoăn thoắt chạy vào.

- Tâu, thái tử gọi con ạ.

Thái tử nhìn gương mặt ả hầu gái tươi rói, nhanh nhẹn, khác với khi ở trong cung dưới sự giám sát nghiêm ngặt của các trung quan, ả nào ả ấy mặt mũi lúc nào cũng trang nghiêm buồn tẻ. Cứ như việc chúng vào cung là bị ép buộc, là cực khổ lắm. Chàng thấy điều này hơi lạ, muốn hỏi lại cho rõ ngọn ngành xem có phải chúng bị ép vào cung không. Thế là chàng quên khuấy việc gọi ả đến làm gì.

Bích Hoan cứ đứng chờ thái tử sai khiến, còn thái tử lại cứ nhìn Bích Hoan với vẻ chăm chú, và ngạc nhiên nữa.

Một lát, Bích Hoan cảm thấy ngượng, mặt hơi đỏ, cúi xuống nói nhỏ:

- Thái tử có việc gì sai bảo con ạ?

Chợt nhớ, thái tử liền chỉ vào âu cháo và bát thịt hỏi:

- Các người cho ta ăn cái gì lạ thế này?

- Dạ thái tử, đêm qua lợn rừng về phá nương khoai, dân trong hương ấp bắt được một con, sớm nay họ khiêng đến, nói rằng để biếu thái tử.

Nội thị sai chúng con đem chiếc thủ cấp của con lợn rừng này nấu cháo dâng thái tử, còn chiếc nằm sữa thì hầm ngó sen. Người bảo thái tử ăn những thứ này bổ lắm.

Thái tử cười vui. Bích Hoan lấy bát mức cháo từ âu ra đưa mời thái tử. Chàng ăn ngon lành cả hai món đồ ăn, mà ở trong cung chưa bao giờ được thấy. Chàng bèn hỏi:

- Đây a hoàn, sao ở trong cung, ta không được ăn những thứ này?

- Tàu, nội hoả thực cho những thứ này là thức ăn hạ tiện, nên không cho vào thực đơn.

- Vậy thời nghe ta nói đây: – Từ nay cứ cho ta ăn các loại thức ăn của người hạ tiện.

Ăn xong, thái tử vươn vai đứng dậy rồi lao ra khỏi nhà. Chàng thấy cây cối mới bị chặt hạ nằm ngổn ngang. Chắc là chúng mới bị đốn từ sáng, bởi chiều tối qua tới đây, rừng cây còn ở sát căn nhà. Thấy một cây lớn vừa đổ, cành gãy răng rắc, chàng nhìn về phía đó thấy tướng quân Lê Phụng Hiếu vừa băng lên, gươm chém phập vào một thân cây khác. Loáng cái, chàng chưa kịp đếm xem Phụng Hiếu chặt được mấy nhát thì cây đã lại đổ. Cứ thế, Phụng Hiếu cứ phăng phăng như một con voi chiến đi mở đường, cây lớn cây nhỏ ào ào đổ dưới chân ông.

Góc rừng phía xa, Ngô An Ngữ và đám lính hộ vệ cũng đang ra sức chặt hạ cây cối. Mấy ả a hoàn xằng xái lúc thì đem nước uống cho mấy người ở chỗ này, lúc đem khoai luộc, thuốc Lào cho đám người ở chỗ kia.

Thái tử sau một hồi đi lại và nhòm ngó mọi người làm việc, chàng cũng cầm lấy một cây dao trường, xăm xăm nhẩy vào rừng phát, chặt. Hạ được chừng ba cây thân to bằng bắp đùi thì thái tử toát hết mồ hôi. Lúc đầu chàng bỏ áo choàng gấm, được một lát lại cởi áo đoạn chân bông. Lúc này chàng chỉ còn vận độc chiếc áo cánh lụa mờ gà hai cánh tay xăn cao tới nách, và chiếc quần dài xăn móng lợn. Mồ hôi ra ướt đầm áo, hằn lên hai bắp thịt nơi bờ vai và tấm lưng trắng phau. Mồ hôi làm bết cả lợn tóc mai, lấm tẩm trên vầng trán cao và chảy dài hai bên má. Thái tử mê mải làm việc như một tay thợ sơn tràng. Chàng có biết đâu, dân làng đang lấp ló đứng xem chàng hoàng tử của mình đi mở phủ như thế nào. Chàng có chăm chỉ làm việc không, hay chỉ ngó qua, rồi lại mất hút vào trong rừng với một nàng công chúa nào đấy. Còn công việc thì đồn trút cho một bày hổ, báo dưới sự sai bảo của một bà tiên trong những chuyện cổ tích xa xưa.

Nhưng không, hoàng tử của dân làng là một người lam làm. Cứ xem cung cách chàng vung tay dao chém phập vào thân cây rất mạnh, nhưng lại không nhắc được lưỡi dao ra ngay, đủ biết chàng làm các việc này chưa quen. Nhưng kìa, bộ quần áo lụa của chàng đã sũng mồ hôi, ướt đầm như người đi dưới mưa. Cơ thể chàng đã hiện rõ, tròn lẳn, trắng phau. Chàng đưa cánh tay lên quệt mồ hôi đang chảy ròng ròng xuống mắt.

- Thái tử! Thái tử để đấy dân làng làm cho! Bồng ai đó nói to lên như vậy. Rồi từ bốn phía, dân làng ủa vào vây quanh thái tử.

Chàng ngừng tay dao, ngẩng nhìn mọi người. Đôi mắt chàng lấp lánh toả sáng trên gương mặt đẹp như một tiên đồng. Cặp môi chàng đỏ mọng như môi con gái. Chợt nhìn bộ áo quần ướt đầm đìa, chàng tỏ vẻ lúng túng vì ngượng. Trong đám đông dân làng tay dao tay búa tới giúp chàng đốn cây, hoàng tử chợt nhận ra anh em Mạnh Minh. Chàng vội bỏ cây dao chạy ra nắm lấy tay bạn và luôn nói: “Quý hữu! Quý hữu!”. Đoạn thái tử quay ra nói với mọi người:

- Thưa các trưởng lão! Thưa dân làng, xin các trưởng lão cùng dân làng coi tôi như một người dân mới nhập cư. Sự giúp đỡ của dân làng với chúng tôi như thế là đủ rồi. Các trưởng lão và bà con cứ về, nhà nào làm việc nhà ấy. Công việc khẩn đất của chúng tôi không thể làm ngày một ngày hai mà xong được.

Một vị trưởng lão bước ra, chấp tay vái hoàng thái tử hai vái rồi nói:

- Thưa thái tử, tục dân chúng tôi ở đây, là hễ một nhà trong làng có việc, thì cả làng tới giúp. Từ việc hiếu, việc hỷ đến việc làm nhà, khẩn đất, không sót một việc gì là chúng tôi không giúp nhau. Nó là sự đồng lòng thôi thưa thái tử. Ông già vượt chòm râu bạc cười khà khà, lại tiếp: – Và lại, thái tử đã coi mình như một người mới nhập cư, thì dân làng cũng coi thái tử như người thân hữu trong làng xóm, trong họ

mạc. Vậy thì cái tình tắt lửa tối đèn có nhau, phải giúp nhau cũng là cái nghĩa lân bang nữa thái tử ạ. Nay mai trong làng, nhà nào có việc, thái tử lại đến giúp, lo gì.

Thái tử Đức Chính thấy nhen lên trong lòng một niềm vui khó tả. Chàng tự nghĩ: Vua cha bảo ta về thôn ấp để có lòng cảm thông và yêu thương họ – những người nông phu lam lũ. Trong khi ta chưa kịp yêu thương họ, thì họ đã chân thành giúp đỡ ta. Có đúng là họ chân thành hay họ định cầu cạnh gì nơi ta. Không, họ không nhờ vả gì ta đâu. Nghĩ về họ như vậy, thì thật là xấu hổ. Rõ ràng ta thấy họ coi ta y hệt con em họ, chứ chẳng có gì là trực lợi, là cầu cạnh. Họ không giống chút nào những bộ mặt các quan lớn quan bé ở trong triều. Cấp dưới đối với cấp trên thì xun xoe, khúm núm. Nhờ cậy ai việc gì thì quà cáp, biếu xén. Nói năng thì xu nịnh, bợ đỡ. Cứ nhìn cách họ cư xử với nhau, đủ biết họ đã giả dối một cách thành thật đến mức nào. Trái lại, khi người dân có việc đến công đường thì họ hống hách, quát nạt. Còn ở cái hương ấp này, từ người trẻ đến người già, ta đều thấy họ đôn hậu, chất phác, nghĩ sao nói vậy.

Được, để xem nhận xét của ta về họ có đúng không. Bởi ta còn phải ở đây chỉ ít cũng một vài năm. Mà như nhũ mẫu thường nói với ta:

Thức lâu mới biết đêm dài

Ở lâu mới biết rằng người có nhân.

Thái tử không làm sao từ chối được lòng tốt của dân làng. Và thế là mọi người vui vẻ cùng nhau làm việc.

Thái tử chưa bao giờ thấy cuộc sống lại đáng yêu như lúc này. Mọi người sống chan hoà. Sáng sớm đã lao vào rừng đốn hạ cây cối. Trưa, quây quần bên mấy nồi cơm to như những chiếc thúng. Thức ăn do mấy người thiện xạ vào rừng sâu săn bắn từ buổi đêm, còn ban ngày lại có một lũ người xuống suối bắt cá, mò cua. Được gì ăn nấy. Có hôm được con nai, con hoẵng, có hôm chẳng được con gì lại trở về với canh măng, rau ngót.

Vài bữa đầu, mấy a hoàn, mấy viên nội hầu còn ép thái tử phải ăn riêng, thức ăn do họ tự đi mua về chế biến. Nhưng cái không khí hợp quần với cộng đồng như một thứ men say quyến rũ khiến thái tử cảm như mình bị lạc lõng, mỗi khi chui vào lều lán, nhắm nháp một thứ thức ăn riêng với vài người hầu hạ quen thuộc. Trong khi đó, ở ngoài kia, hàng mấy chục người vừa ăn uống vừa trò chuyện vui đùa thật là thoải mái.

Nghỉ trưa trong căn nhà tạm, nghe rõ tiếng nói, cười oang oang của tướng quân Lê Phụng Hiếu. Giọng nói của tướng quân trầm nặng và vang xa như tiếng cồng. Giọng của tướng quân An Ngữ lại rất đanh. Còn giọng của Mạnh Minh hơi khàn khàn chưa vỡ tiếng. Giọng của Mai thị, tiểu muội của Mạnh Minh thì dù thái tử có nín thở cũng không nghe thấy. Nàng rất kín đáo, nhỏ nhẹ. Nhớ bữa bất chợt gặp nàng đi hái dâu về, ta còn nom rõ cả khuôn mặt. Nhưng từ ngày ta về đây mở phủ, Mai thị theo anh trai và dân làng ra làm giúp, ta lại không nhìn rõ mặt nàng. Là bởi nàng chít chéo một vuông khăn che gần hết khuôn mặt, chỉ còn nom rõ hai đốm mắt và phía trên đôi lông mày.

Thái tử nhắm nghiền đôi mắt, nhưng đầu óc hoàn toàn tỉnh thức, yên lặng lắng nghe động tĩnh từ phía ngoài. Và chàng cố hình dung ra gương mặt, ánh mắt và nụ cười của Mai thị. Và nữa hai gã thiếu niên hộ vệ thái tử vẫn thay nhau đi quanh căn lán dùng làm nơi ở tạm của chàng. Nghe những bước chân của hai gã trai đi êm nhẹ như chân mèo bước trên một tấm thảm nhung. Họ đi ngược chiều nhau, thái tử hình dung rất rõ bước chân của mỗi người. Như anh chàng có tên là Cam, gương mặt tròn xoe, môi đỏ, tóc rậm mà cứng như rễ tre, mỗi khi gã ta nói hoặc cười đôi má lúm rõ hai đồng tiền, nom đến là duyên. Chân tay rắn chắc như cây gậy sắt, thường sử đoản đao. Mũi đao y phóng vào gỗ ngập sâu cả đốt ngón tay. Các tiêu điểm vạch sẵn, đứng xa từ mười lăm đến hai mươi bước chân, y phóng không sai một ly. Con người như thế mà tiếng nói lại nhỏ nhẹ, ăn uống từ tốn, khác hẳn với lúc y lăm lăm vũ khí trong tay xông vào công kích đối phương, nom y dữ tợn như một con sư tử đang vồ mồi. Và bước chân y, êm nhẹ như lướt trên không khí, bởi không nghe thấy tiếng động mà chỉ nghe thấy tiếng gió hút. Ngược lại với Cam là anh chàng Bứa. Bứa người hơi thô. Chân tay mập, cơ bắp nổi cuộn lên, vai u. Mắt to, lông mày lười mác hơi xếch, tóc dựng đứng. Bứa thường sử dụng một chiếc giáo và một cây cung. Mũi giáo được làm bằng một thứ thép tôi già,

nước thép sáng xanh. Còn cây cung cánh gỗ cứng có sức căng đến hàng trăm cân. Búa có tài bắn cung, khó ai bì kịp. Về mùa chim di trú, sâm cầm, thiên nga bay giăng từng đàn rợp trời. Chim bay cao gần đuổi tầm mắt, Búa giơ cung lên nói bắn con thứ mấy trong hàng, và tên bay đi một loáng thì y như rằng con chim đó rơi trước sự thán phục của mọi người. Về lai lịch hai gã thiếu niên hộ vệ: Cam họ Nguyễn, người hương Cổ Pháp, cha gã là đô trưởng đô tùy long, một tay võ nghệ cao cường, thường theo hộ giá nhà vua. Còn Búa họ Đặng, người Man, lộ Đà Giang, cha y bắn ná thuộc loại “bách bộ xuyên dương”^[75], hiện đang giữ chức tổng quản, coi việc quân trong lộ.

Hai gã thiếu niên này đều con nhà nòi, được cha chúng rèn rửa từ bốn, năm tuổi, tới mười tuổi được tuyển vào đội tiểu hoàng môn chuyên học các ban đao, thương, cung, ná, quyền, cước tức là thập bát ban võ nghệ, không thiếu một môn nào không được học tới mức tinh thông. Triều đình nuôi dạy đám thiếu niên này trở thành các cao thủ võ nghệ, sau ra làm tướng. Gã nào tỏ ra xuất chúng, lại có tư chất trung thành, mẫn cán thì giữ lại sung vào các đội hổ bôn để phò giá, số còn lại chia về cho các lộ, trấn, dần dần cất nhắc.

Được chọn vào hầu và hộ vệ thái tử, hai gã thiếu niên đã sớm tỏ lộ lòng trung thành, tận tụy. Không có gì để thái tử phải phàn nàn về công việc của Cam và Búa. Chỉ đôi khi thái tử thấy khó chịu, ấy là những lúc chàng lại gần đám con gái, nhất là tới chỗ Mai thị, xem các nàng chắt canh, phát lá thì mấy đứa hộ vệ cứ cặp kè khiến các nàng vừa ngượng, vừa sợ sệt nữa.

Nghे như ngoài kia đã có tiếng rìu bổ phầm phập, tiếng cây đổ rào rào, mọi người lại đã làm việc rồi. Thái tử trở mình toan dậy, tấm chăn tuột khỏi bờ vai, hai a hoàn đang lấp ló ở đầu đó vội chạy vào kéo chăn. Thái tử vùng dậy, tấm chăn rơi xuống chân giường. Hai a hoàn tươi cười nói:

- Bẩm thái tử có ngủ nữa không ạ?

Lý Phật Mã mỉm cười đáp:

- Các người cứ để cho ta được tự nhiên, không phải canh gác vòng trong vòng ngoài như canh giữ một tên trọng phạm. Ta về đây là để làm nhà, vỡ đất, nếu ta không được làm lụng thì còn về đây làm gì. Nhìn thẳng vào mắt các a hoàn, thái tử nạt:

- Nếu phụ hoàng ta biết các người đang biến ta thành một kẻ lười nhác, thì các người mất đầu đó.

Hai a a hoàn vội rụt cổ lại cười rúc rích. Thái tử vội xỏ chân vào hia lao vút ra nơi người ta đang làm việc nhốn nháo. Hai vệ sĩ băng theo như hai mũi tên vừa bật khỏi dây cung.

Thái tử chạy về phía các tướng Lê Phụng Hiểu, Ngô An Ngữ cùng đám quân tùy tòng đang đốn ngã cây cối ầm ầm khiến thái tử cảm thấy như có một đàn voi rừng đang tàn phá hết sức hung hãn. Máu nóng bốc lên mặt, thái tử giăng lấy cây rìu từ tay một viên đô tướng, chàng xông vào chặt một thân cây to tới hai người ôm không xuể. Những nhát rìu chàng bổ xuống chắc nịch, dăm gỗ bay ra tới tấp. Nhưng đó là phần rác gỗ, vào sâu tới một phần ba thân cây thì mỗi nhát rìu của thái tử bổ vào thân cây, phát ra những tiếng kêu bong bong nặng trĩu, như lưỡi rìu đang chém vào đá. Thái tử không ngờ mình đang chặt phải một cây gỗ cứng như sắt. Lê Phụng Hiểu từ lâu đã liếc xéo thấy thái tử chặt rất hăng, nhưng sao mãi không hạ được cho cây đổ, ông bèn chạy lại, nắm lấy cổ tay thái tử và ra hiệu cho chàng dừng lại.

Lấy tay áo quạt những dòng mồ hôi đang từ trán chảy tràn xuống mắt, xuống mặt, thái tử nói:

- Gỗ rắn như đá. Sao lại có thứ gỗ chắc làm vậy tướng quân?

Lê Phụng Hiểu cười thân mật: – Đó là loại gỗ thuộc hàng tứ thiết, rắn như sắt, thái tử chưa biết sao?

- Chưa! Ta sao biết được. Tứ thiết là những loài nào, thái tử hỏi.

- Đó là bốn loài: đình, lim, sến, táu. Cây thái tử đang chặt đó là cây lim già. Chúng thần đã chữa ra không chặt. Để dùng nó vào việc lấy bóng mát. Cây cao, tán rộng, vừa che được nắng dài, vừa thoáng, không làm cho các loài cây trồng khác bị cớm. Tiếc quá, thái tử lại chặt hạ nó.

- Ta không chặt nữa, cứ để thế kia nó có sống được không?

Lê Phụng Hiểu bước qua xem xét rồi lắc đầu. – Không được, thái tử đã chặt đứt hết vỏ ở quanh thân cây rồi. Để thần cho nó nằm xuống. Vừa nói xong, Phụng Hiểu liền vung búa chém tiếp vào nơi thái tử đang chặt dở dang. Loáng cái, Phụng Hiểu đã hô mọi người tránh xa để ông cho cây đổ.

Thái tử lè lưỡi lắc đầu:

- Khiếp thật! Tướng quân dùng mãnh quá. Ta chặt mãi vẫn cứ như người gãi ghẻ; thế mà tướng quân ra tay, có nhẽ chỉ bằng thời gian hút xong một điếu thuốc lòn, cây lim to thế kia đã đổ gục. Đúng là “nhất nhân địch vạn”.

Bỗng gương mặt thái tử rạng rỡ hẳn lên. Như vừa chợt nảy ra một ý gì ở trong đầu, chàng nói như reo: – Để ta tâu với phụ hoàng cho tướng quân về triều, làm việc gì chứ ở đây đi chặt cây chặt que thế này vừa phí tài, vừa phí sức.

Lê Phụng Hiếu thầm biết ơn, ông mỉm cười đáp:

- Thái tử tưởng thần đi thế này là đi chơi sao. Thần có trọng trách phải hộ vệ thái tử. Dăm bữa nửa tháng dựng xong nhà cửa vườn tược, thần còn phải lo việc hầu giảng thái tử về đường võ nghệ.

Rồi quan sư phó hầu giảng thái tử về đường văn bài. Lại nữa, gần Tam bảo đây có cao tăng, thái tử phải lui tới nghe giảng về Thiền học nữa chứ. Các việc ấy, hoàng thượng hẳn dặn thần kỹ lắm.

- Những điều đó, ta cũng được phụ hoàng răn dạy, đâu dám sao nhãng.

Thái tử không đủ sức theo mấy đồ tướng kiệt xuất như Phụng Hiếu, An Ngữ, chàng liền nhập vào với đám trai làng. Nơi ấy có anh em nhà họ Mai.

Chùa Cảm Ứng hương Tam Sơn có thiền sư Định Hương trưởng lão trụ trì đã nổi tiếng từ lâu.

Định Hương vốn dòng họ Lã, hương Chu Minh, có căn tu, nên xuất gia từ nhỏ, theo học đạo với thiền sư Đa Bảo hơn hai mươi năm.

Đa Bảo là một cao tăng, nên tăng chúng xin đến thụ giới với sư nhiều vô kể. Nhưng không phải ai cũng được chấp nhận để thầy trao truyền tâm ấn. Thường là phải qua cuộc vấn đáp về các yếu chỉ của Thiền tông. Các cuộc vấn đáp này tùy thuộc vào cơ duyên, nghiệp quả của người học đạo. Có người ở tới cả chục năm, vẫn chưa được thầy Đa Bảo hỏi đến. Hẳn nhiên trong quá trình tu tập, ngài Đa Bảo thường quan sát trong đám thiền sinh, các mặt mạnh, yếu của họ đều được bộc lộ, qua đó xét ai là người xuất sắc mới được tuyển vào hàng đệ tử. Việc này đối với nhà Thiền là tối hệ trọng; bởi sự nghiệp kế tổ truyền đăng có được trường cửu hay không, thấy đều lệ thuộc vào đạo hạnh và trí huệ khai ngộ của thiền giả. Định Hương có hạnh Bồ tát từ khi còn là một thiền sinh. Cái học của ngài không phải ở chỗ trì tụng mê mải, cũng không phải học cho thuộc lòng nhiều kinh sách, hoặc giả giải đáp được nhiều các điển chương. Chính là thầy Định Hương mong dò tìm được sự nông sâu của nội điển, hiểu cho được cái rốt ráo của đạo Thiền. Và tìm cho đến cội nguồn của giải thoát của chân tâm. Và giải thoát để làm gì? Giải thoát cho riêng mình ư? Nếu vậy, sẽ là đạo của những kẻ tư kỷ, không có một chút Phật tính nào. Vì rằng, đạo Phật là đạo giúp người ta tự giải thoát, và giải thoát cho tất cả chúng sinh. Cao hơn nữa là giải thoát cho cả muôn loài.

Đào sâu mãi vào giải thoát và chân tâm, một hôm Định Hương thấy thầy Đa Bảo đi qua, liền hỏi:

- Làm sao thấy được chân tâm?

Thiền sư Đa Bảo đáp liền:

- Chính người phải tự tìm cho thấy nó ở trong người.

Định Hương bừng tỉnh ngộ, liền nói:

- Tất cả đều như thế, đâu phải chỉ riêng đệ tử.

Đa Bảo lại hỏi:

- Người đã hiểu chưa?

Đáp:

- Đệ tử hiểu rồi, nhưng cũng tựa như là chưa hiểu vậy.

Đa Bảo tiếp:

- Phải lấy tâm ấy mà bảo nhậm.

Định Hương bèn ôm tai đứng quay lại.

Đa Bảo liền quát:

- Đi đi!

Định Hương sụp xuống lạy tạ.

Đa Bảo lại nói:

- Về sau giao tiếp với người, người phải làm như kẻ điếc.

Định Hương là đệ tử xuất sắc nhất của thiền sư Đa Bảo. Vì vậy đại lão hoà thượng Đa Bảo đã trao truyền tâm ấn cho.

Từ khi về mở phủ tại hương Tam Sơn, thái tử Lý Phật Mã cùng các tùy tùng đều năng lui tới chùa. Việc lui tới chùa cũng có nhiều nhẽ. Cái thứ nhất là sự ngưỡng mộ của thái tử đối với thiền sư Định Hương từ khi thái tử còn là một công tử, con quan điện tiền, học với thiền sư Cứu Chỉ cũng là đệ tử của thiền sư Đa Bảo. Tới nay, Định Hương đã là một cao tăng nổi tiếng khắp nước. Cái nhẽ thứ hai, ngài là đệ tử chân truyền của đại lão thiền sư Đa Bảo. Mà thiền sư Đa Bảo lại được vua Thuận Thiên sùng ngưỡng, tôn kính như bậc thầy của mình vậy. Nhẽ thứ ba là thái tử có lòng mộ Phật, nên thường rất siêng năng học tập, cũng như muốn bàn rộng ra tới chỗ rốt ráo của kinh điển. Dù thông minh đến mấy, thì với sức tri và sức hành của một chàng trai mười lăm tuổi, làm sao đủ lực leo tìm trong chốn rừng thiền đại ngàn kia. Chính vì lẽ

đó mà thái tử năng lui tới chùa Tam Sơn để được tham vấn thiền sư.

Chùa Tam Sơn tọa lạc trên một ngọn đồi um tùm cây cối, được ba ngọn núi mọc như hình một cánh cung. Chùa tựa lưng vào ngọn núi ở chính giữa có đỉnh cao nhất, và nhô ra như một chiếc tán lá che cho ngôi chùa, hai ngọn núi vòng như hai cánh tay ngai ở hai bên tả hữu, rõ ra cái thế nâng đỡ, phù trợ. Chùa hướng nam, nhìn ra một dòng sông. Xa trông ngôi chùa tựa như một viên ngọc, được ngậm trong cái hòng rồng khổng lồ, mà đầu rồng chính là dãy núi Tam Sơn kia.

Người xưa rất kỹ tính trong việc chọn thế đất, để tạo lập những công trình vĩnh cửu. Và lại, với vẻ khiêm nhường của dòng giống Đại Việt, những công trình dù lớn đến đâu, cũng nằm ẩn giấu dưới các tán cây cổ thụ, khiến ta có cảm giác, con người và thiên nhiên ở đây sống trộn lẫn một cách hài hoà. Con người tựa vào thiên nhiên. Thiên nhiên nhờ có bàn tay con người điểm xuyết, trở nên một thứ thiên nhiên hữu tình.

Ngôi chùa kiến tạo theo hình chữ tam, tức là ba nếp nhà ngói song song. Ngoài cùng là nhà đại bái, ngôi thứ hai thờ các tượng Phật từ Giáo chủ Thích Ca Mâu Ni tới các đệ tử của ngài như An-nan, Ca-diếp, Văn Thù, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí... Ngôi trong cùng là thượng điện thờ A-di-đà tam tôn. Ba pho tượng thếp bằng vàng ròng nom uy nghi đường bệ, và như lúc nào cũng toả hào quang. Quý nhất trong ngôi chùa là tượng Cửu Long với đức Phật vừa đản sinh, có chín con rồng đang phun nước tắm cho ngài; đây là một kiệt tác về nghệ thuật đúc, nghệ thuật chạm, khắc vàng.

Nghe nói ngôi chùa này vừa xây cất xong, tới khi sắp khánh thành thì có khách từ kinh đô về thăm, họ thấy mấy hiệp thợ đang hối hả soi, chạm nhóm tượng Cửu Long bằng gỗ mít. Kề ra gỗ lõi mít lại được những tay thợ giỏi nghề tạo tác, rồi mạ thếp vàng son lên cũng đã là đẹp, là quý rồi. Thế nhưng mấy người khách không nghĩ thế, họ tìm đến viên quan bản hạt, xin được cung hiến mười cân vàng ròng để làm tượng Cửu Long. Làm việc Phật không ai nỡ từ chối, kể cả nhà cầm quyền. Thế là viên tri phủ sợ phải phái về một đô quân để trông coi việc làm tượng. Và ngay lập tức, những người thợ đúc giỏi nhất làng Dương Bái được triệu về Tam Sơn. Tiếp đó là các thợ chạm vàng giỏi nhất kinh kỳ, cũng được mời về làm việc hối hả suốt ba tháng ròng.

Vì vậy chùa Tam Sơn phải lui ngày khánh thành lại tới gần bốn tháng.

Vậy những người khách hiến vàng kia là ai. Đó là nhà triệu phú Phương Kim, chuyên bán bạc nén, làm chủ cả một phường Hàng Bạc; nhà Lương Ích Đường vừa là thầy lang nổi tiếng đất kinh kỳ, vừa là nhà thuốc lớn nhất chợ Cầu Đông; đó còn là nhà Hưng Long, người Triều Châu, đất Mân bên Tàu, một nhà buôn đồ gốm sứ lớn nhất phố khách. Ba nhà này gom nhau công đức đủ mười cân vàng nén.

Thợ làm tượng vàng dưới sự giám sát vòng trong vòng ngoài của những người lính, lúc nào mắt cũng tỉnh như sáo.

Những người thợ không cho đây là một sự phiền phức hay xúc phạm họ. Trái lại, họ yên tâm không sợ kẻ gian đến trộm cướp. Thật ra những việc làm thiêng liêng như thế này, không cần phải ai canh gác, bảo vệ. Vì rằng những người thợ đúc tượng Phật, chạm tro hoa lá, móng vuốt rồng, chỉ cầu mong làm đẹp, tiền công còn chẳng dám lấy, ai nghĩ đến việc tắt mắt. Và họ thậm trọng thu gom từng mảy bụi vàng, từ li ti phơi chạm để cho vào lò nấu đồng, đúc chuông.

Cũng có thể có kẻ gian rình mò trộm cắp, nhưng khi đã đúc thành tượng, đã có cao tăng yểm tâm rồi thì không một kẻ trộm nào dám động đến.

Thuở ấy, con người còn biết sợ thần linh, còn tin vào sự ân oán nhân quả. Bởi vậy, nhiều chùa có tượng vàng, tượng ngọc và các đồ thờ quý giá, cổng chùa mở suốt ngày đêm, kẻ trộm không bao giờ dám bén mảng, tơ hào.

Lại nữa, pháp luật cũng nghiêm lắm. Kẻ nào lấy trộm đồ thờ nơi chùa quán, miếu đền, bắt được quả tang, không những phải nộp lại vật đã lấy cắp, mà còn phải nộp một khoản tiền phạt gấp đôi giá trị món đồ, và lĩnh án tới mười năm lưu đày viễn châu, tức là phải tới nơi rừng thiêng, nước độc ở các tỉnh xa xôi miền biên viễn. Với kẻ lấy cắp tượng Phật, tượng thánh, tội rất nặng, ngang với tội cướp của, giết người. Ngoài kẻ trộm tượng bị lãnh án tử hình, thì cha mẹ, vợ con y cũng lãnh án đày vĩnh viễn đi các vùng biên

tái ma thiêng, nước độc.

Ngoài ba ngôi điện thờ Phật, còn có nhà phượng trưng, nhà tham vấn, mỗi ngôi năm gian quay về hướng tây; hai mươi bảy gian làm thành một dãy dài không có cửa, quay về hướng đông, dành làm nơi cho khách hành hương hoặc khách thập phương về dự hội chùa hằng năm cần nghỉ lại.

Sau dãy nhà hai mươi bảy gian còn có hai ngôi nhà, mỗi ngôi bảy gian, một ngôi dành cho sư tăng thường trụ, một ngôi dành cho thiền khách vắng lai.

Ngoài vườn tháp có bảy ngôi tháp đá, chôn cất xá lị của các vị thiền sư đã trụ và tịch diệt tại chùa này. Ngôi tháp ba tầng cao nhất kia là tháp tổ, chính là xá lị của thiền sư khai cơ.

Trước tháp dựng tấm bia, ghi bài kệ của thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng là tổ của dòng thiền Vô Ngôn Thông^[76].

Nhất thiết chư pháp

Giai tông tâm sinh

Tâm vô sở sinh

Pháp vô sở trụ

Nhược đạt tâm địa

Sở tác vô ngại

Phi ngộ thượng căn

Thận vật khinh hứa.^[77]

Chùa không có hàng rào bao quanh mà lẫn dưới tán cây rừng và cây trồng lâu đời như lim, sến, giẻ, tùng, bách hoàng anh... Xung quanh chùa trồng đủ các loại cây cho hoa thơm như ngọc lan, hoàng lan... Đường thập đạo trước sân chùa trồng cau ở hai bên vệ đường. Đường rộng, kiệu bốn đòn khiêng đi lại, quay trở không va vướng. Khoảng cách giữa hai cây cau lại xen các giống cây đỗ quỳen đỏ, đỗ quỳen vàng, đỗ quỳen trắng, rồi đến các loại hồng trà, bạch trà, hồng mai, hoàng mai, bạch mai, ngọc bút, ngâu, mộc, mẫu đơn đỏ, mẫu đơn trắng, mẫu đơn vàng. Bởi vậy, mùa nào trong vườn chùa cũng có hoa thơm. Đi về bất cứ hướng nào quanh ngọn đồi này cũng phảng phất mùi hương thơm. Đó là mùi thơm của các loài hoa, quỳen với mùi mật của hàng trăm đờ ong kéo đến làm tổ khắp khu đồi chùa.

Đường từ chân đồi lên tới sân chùa phải leo ba đoạn dốc. Đoạn dài nhất có 360 bậc, đoạn thứ hai 270 bậc, đoạn thứ ba 90 bậc. Các bậc lên xuống đều được kè bằng đá, đi lại dễ dàng. Với người già chỉ cần một cây gậy nhỏ thì việc lên xuống không có gì khó khăn, cản trở.

Trước cửa chùa dựng một tam quan đồ sộ. Trên đỉnh tam quan treo một chiếc đại hồng chung, hai người lớn nổi tay nhau ôm mới chỉ được hai phần ba thân chuông. Chuông này mỗi khi thỉnh, tiếng sâu lắng len lách đến tận lùm cây, vách núi, len lách đến tận tim óc mọi người, và vang xa tới cả chục dặm xung quanh. Giữa tam quan nổi lên ba chữ thật lớn: CẨM ỨNG TỰ. Nhưng dân trong vùng thường gọi là “Chùa Núi”.

Bữa nay thái tử lên chùa gặp thiền sư với một ý nghĩ đang ngổn ngang trong lòng. Chàng lén đi một mình. Mấy viên võ sĩ cận vệ đang mãi mê tập luyện phía sau trại nên không biết. Các ả a hoàn đang tíu tít sửa soạn bữa cơm chiều. Quan sư phó đang say mê với cuốn Luận ngữ. Các tướng Lê Phụng Hiểu, Ngô An Ngữ đang coi sóc đám quân làm đất trồng trọt.

Thái tử ra đi chỉ con Huyền Đề biết. Đây là một trong năm con chó trong đàn chó săn, và cũng là chó canh nhà của thái tử. Huyền Đề là một con chó khôn lanh, tới mức thái tử không có lúc nào lừa nổi nó để đi một mình. Nó có cái mũi đánh hơi cùng đôi tai rất thính. Có lần thái tử giả vờ ngủ, cả năm con chó cùng chạy ra sân đùa giỡn, dần dần chúng kéo nhau ra mãi tới bìa rừng, thái tử mở cửa sau đi lỏm tắt vào làng. Vừa gặp một cụ già, chàng dừng lại chào, bỗng con Huyền Đề nhảy vào đứng giữa hai người. Và nó sủa, không cho cụ già đến gần thái tử. Chàng thật sự kinh ngạc, không biết nó đã theo chàng từ lúc nào. Vì vậy, bữa nay lên chùa, nó lẻo đẻo đi sau, thái tử chẳng có gì phải ngạc nhiên nữa.

Con chó có sắc lông vàng cháy, gần ngả sang màu nâu. Bốn chân trắng toát như bông, hai chân sau, mỗi chân có một vòng huyền đề. Hai mắt đều có viền lông trắng. Giữa trán lại có một đốm lông trắng xoáy tròn thành một cái khoáy, ước nở, có một vệt lông trắng dài, nom như hình một con thạch sùng. Dân gian gọi đó

là “thạch sùng tám ức”. Lưng nó trường, mông nở, chân dài, lưỡi có chín khía. Mắt đen như màu hạt nhãn, hai tròng đen trắng phân minh.

Những người biết xem tướng chó, nói đây là con chó vương chủ, cực quý, nó hội đủ các tướng tốt của loài chó: trung thành, khôn, nhanh, thính, tinh. Tức là những gì người ta cần ở loài chó, thì con Huyền Đề có đủ. Ví như tính trung thành với chủ. Tính khôn, không bị miếng ăn đánh lừa để mắc bẫy, mắc bả, hoặc bị bạn tình quyến đi mất; nhưng lại phải chạy nhanh thì mới chặn được con mồi, đuổi được trộm cắp. Có đủ các đức tính trên là tốt, nhưng lại phải thính mũi. Có thính mũi thì trong đêm tối mới phân biệt được người quen người lạ, có thính tai mới phát giác được con mồi hoặc kẻ trộm đạo từ xa. Ngoài ra chó còn cần một đôi mắt rất tinh, thì từ việc xác định con mồi đến vồ mồi mới được chính xác. Lại cũng cần một trí nhớ rất dai. Có con chó, chủ vắng nhà hơn mười năm, bề ngoài thay đổi gần như hoàn toàn, đến nỗi người nhà còn ngỡ ngàng chưa nhận ra, nhưng con chó chỉ khịt mũi ba lần ngửi tay, ngửi quần áo là đã vẫy đuôi mừng quần quýt.

Huyền Đề là con chó quý của Hoàng Ân Vinh châu mục châu Bình Lâm, sau khi lập được chiến công lớn, cùng với quân triều đình tiêu diệt hai mươi vạn quân xâm lược người man Tống, được phụ hoàng ban thưởng công lao chức tước, lại gả quận chúa An Nhân cho. Cảm vì trọng ân, Hoàng Ân Vinh đã đem con “Huyền Đề” dâng phụ hoàng.

Phụ hoàng thương ta đi mở phủ giữa chốn suối rừng hoang vắng, e đêm hôm thú dữ bất thường, nên ban con Huyền Đề cho ta để ngày đêm cảnh giới. Kể cũng lạ, bữa Hoàng Ân Vinh trao nó cho phụ hoàng, y ghé vào tai nó nói cái gì ta nghe không rõ. Chỉ thấy nước mắt nó ứa ra, uể oải thè lưỡi liếm chậm chạp hai bàn tay Hoàng Ân Vinh, rồi chạy tới nằm phủ phục dưới chân phụ hoàng. Lúc Hoàng Ân Vinh vái lạy phụ hoàng đi trở lui ra khỏi điện, nó sủa ba tiếng rồi rạc, buồn bã. Ai mục kích cảnh chia ly ấy cũng thấy cảm động và cũng cho là một sự lạ. Lại bữa phụ hoàng ban nó cho ta. Người vuốt vuốt vào đầu vào má nó rồi nói: “Từ nay ta cho mày về ở với hoàng thái tử. Phải canh chừng kẻ gian, không được rời thái tử nửa bước, nghe chưa?” Nói xong, phụ hoàng đẩy nó về phía ta, nó quay lại nhìn phụ hoàng với vẻ mặt hờn hờ, vẫy đuôi ba lần, rồi chạy bổ lại ôm chân ta. Ôi con chó mà hiểu được tiếng người lại làm theo ý muốn của người như một con người thông minh, như một con người được huấn hỏ đầy đủ lễ giáo thì quả ta chưa nghe ai nói vậy. Ta xem đây cũng là một điều kỳ bí không lý giải được.

Thái tử xăm xăm bước vào nhà phượng trượng. Thiền sư đang tĩnh tọa trên thiền sàng, lưng xoay ra phía cửa. Mắt ngài vẫn nhắm, tay vẫn lần chuỗi tràng hạt, sư nói:

- Thái tử đi đâu ghé tam bảo? Ta có lời mừng.

Lý Phật Mã giật mình. Chàng thật sự không hiểu trưởng lão nói mừng ta là mừng cái gì. Bởi ta đang định lên đây hỏi trưởng lão một đôi điều sáng nay quan sư phó vừa dạy nhưng ta chưa hiểu thông nghĩa lý. Chàng vội chấp tay, nói:

- Bạch đại lão hoà thượng. Con lên chùa vấn an. Con đang có điều phân vân định lên chùa tham vấn, mà Người lại bảo “có lời mừng”. Chẳng hay đó là điều gì, con xin trưởng lão mở lời chỉ giáo.

Định Hương trưởng lão ngồi xoay lại, mở bừng mắt. Toàn khuôn mặt thiền sư bừng sáng. Ngài mỉm cười:

- Thái tử an tọa, bần tăng sẽ hầu chuyện ngay đây mà. Ngài chỉ tay vào một góc thiền sàng rồi quay gọi chú tiểu pha trà.

Một lát, chú tiểu bê lên hai chén trà. Loại chén có nắp để giữ được hương trà và độ nóng. Chú đặt trước thiền sư chén lão mai trà, và đặt mời thái tử chén trà cúc.

Thiền sư nâng chén trà mời thái tử. Thái tử vội đỡ lấy và khẽ gạt nhẹ chiếc nắp để những giọt nước đọng trên nắp khỏi rơi xuống kỷ. Nước trà màu xanh sánh. Mùi hương kim cúc bay ngào ngạt. Một vị thơm hơi nồng. Ấy là mùi hương của cúc tươi. Thái tử khẽ nhấp một ngụm nhỏ lại đặt chén xuống kỷ và đập nắp. Mùi hương cúc còn đọng nơi cổ họng, tạo một cảm giác ấm ấm, khiến mắt như sáng ra, và hơi thở như dịu nhẹ hơn.

Cùng lúc, thiền sư mở nắp chén trà của mình. Một mùi thơm mơ hồ như mùi của sương giá, khiến trưởng

lão thấy trong lòng nhẹ bỗng, một cảm giác thư thái, khoan hoà lan toả khắp huyết quản nhà sư. Trưởng lão cảm được mùi vị ấy nên có cảm giác ấy, còn thái tử không cảm thấy gì cả. Chàng chỉ nhìn thấy chén nước của hoà thượng có màu tía, trong suốt gợi cho chàng một cảm giác ấm áp. Không kìm nén được tính tò mò, thái tử buột miệng hỏi:

- Vậy, chớ trưởng lão uống thứ trà gì khác với trà của con?

- Đúng vậy! Trưởng lão đáp và nhẹ nhàng giảng giải. Ta mời thái tử uống trà cúc. Còn ta chỉ dùng loại thiền trà thôi.

- Vậy thưa trưởng lão, thiền trà chế từ hương thảo gì ạ?

Định Hương trưởng lão nở một nụ cười đôn hậu rồi thông thả tiếp lời: – Thiền trà của ta còn gọi là lão mai trà. Loại trà này chế từ thân cây mai già. Những cây to, gốc xù xì sống tới cả trăm năm. Cưa lấy thân nó, đem về chẻ nhỏ, phơi khô kiệt, bỏ trong các hộp kín, dùng dần. Mỗi ấm tích chỉ cho độ dăm thanh, chế nước sôi ủ trong ấm giở, dùng cả ngày. Nếu lại đào được cả rễ của loại lão mai này mà uống, thì cực tốt. Loại trà này thuần âm tính, lợi gan, ích mục, trí óc minh mẫn, hợp với nhà thiền.

Còn như trà cúc ta mời thái tử, được tính của nó cũng gần giống như lão mai trà. Nhưng nó mang dương tính, hương hắc, vị thơm nồng nàn.

Trưởng lão chợt dừng lời ngẩng nhìn thái tử, lại nhìn con chó đang ngồi ở góc cột châu về phía hai thầy trò trưởng lão đang nói chuyện. Nó nhìn một cách chăm chú, tựa như nó nghe và hiểu được tiếng người. Và dường như nó cũng đang tham gia vào câu chuyện.

Thái tử tuy không trực tiếp theo học trưởng lão nhưng từ mấy năm trước, khi thiền sư Đa Bảo còn tại thế, có lần đại sư ghé vào triều thăm phụ vương. Vừa nhắc thấy ta, đại sư nói luôn: “Thái tử sớm hiển lộ tướng quý của Phật. Chắc sau này có duyên làm việc Phật. Ta khuyên thái tử mai này nếu có gì vướng mắc trong kinh điển chưa lý hội được; kể cả những việc thế tục chưa minh định được, hãy tìm đến thầy Định Hương mà tham vấn”.

Chính vì lời khuyên đó, đã nhiều lần ta tìm đến tham vấn trưởng lão. Và thường được chỉ bảo đến rất ráo. Thiền sư quả là một bậc minh sư. Trong tâm ta, luôn thờ trưởng lão làm thầy.

Đoạn Định Hương trưởng lão cất lời:

- Lát nữa, ta sẽ nói việc ta mừng thái tử. Bây giờ thái tử hãy nói điều thái tử cần hỏi ta đi.

Được lời như cởi tấm lòng, thái tử bèn thưa:

- Bữa trước quan sư phó dạy con về “Lễ”. Thầy giảng, theo như đời Xuân Thu bên Trung Hoa thì lễ bao trùm toàn xã hội. Quan hệ về lễ giữa vua với bầy tôi. Quan hệ về lễ giữa quan với dân. Quan hệ về lễ giữa người với thần linh. Quan hệ về lễ giữa người sống với người chết. Và nhiều mối quan hệ khác phải ứng xử bằng lễ. Con hỏi quan sư phó: “Vậy thời “lễ” về đời Xuân Thu tựa như một thứ luật chi phối toàn xã hội”. Quan sư phó gật đầu. Nhưng lại bảo: “Nó vừa giống lại vừa không giống”. Rồi quan sư phó hỏi con: “Hiểu chưa?”. Con đáp: “Chưa hiểu”.

Đoạn thầy lại giảng:

- Lễ thời Xuân Thu tựa như luật. Là bởi ai cũng phải theo, từ thiên tử đến thứ dân. Song nó không giống luật ở chỗ, luật chỉ hành xử trong dân thôi. Dân phạm tội thì đem luật ra xử để trị tội. Còn đại phu phạm tội thì không xử bằng luật mà phải xử bằng lễ.

Con bảo như thế thì “lễ” của đời Xuân Thu là đầu mối của sự bất công. Còn luật của đời ấy khuôn theo lễ, cũng tức là noi theo sự bất công của lễ mà hành xử. Lễ ấy, luật ấy tạo sự chia rẽ giữa con người với con người trong xã hội, vậy thời ta học để làm gì. Và lại con người đại phu với con người thứ dân có gì khác nhau, mà cùng phạm một lỗi lầm như nhau, một bên thì đem lễ ra uốn nắn, còn bên kia thì đem luật ra trị tội.

Thầy con nghiêm giọng phán rằng:

- Sao thái tử lại không thấy sự khác nhau giữa người quân tử với kẻ tiểu nhân? Sao thái tử lại không thấy sự khác nhau giữa bậc sĩ đại phu với kẻ thứ dân, kẻ thất phu?

- Thưa thầy, tiểu nhân, thứ dân, thất phu là những người không có học, vì vô tình mà phạm luật, vì dốt

ngu mà phạm luật, nhẽ ra phải được khoan nới. Còn kẻ sĩ đại phu đã có học hành hiểu biết, là đẳng bậc chần dân mà phạm luật, tức là cố ý làm sai, nhẽ ra phải trị tội rất nặng thì mới đúng chữ. Lẽ với luật như thế là trắng đen lẫn lộn, trái phải đảo điên, thưa thầy ta không nên học những điều vô minh ấy làm gì.

Con nói vậy, quan sư phó giận lắm. Ngài kìm nén hết sức, mới không sai nọc con ra đánh đòn. Ngài nói giọng run run:

- Thái tử ơi, lẽ luật đó do các bậc thánh nhân đặt ra, sao thái tử dám ngạo mạn. Hầu giảng thái tử thế này tôi tồn thọ lắm.

Sợ quá, con phải vái thầy hai vái để tạ tội. – Bạch trưởng lão, nếu quan sư phó giảng điều đó là đúng. Mà sao không đúng, vì quan lấy từ *kinh Lễ* và sách *Luận ngữ* của Khổng Tử ra chứ có phải thầy bịa ra đâu. Vậy con xin trưởng lão chỉ cho cách hành xử của con có gì sai quấy. Và ta có nên theo lời Thánh dạy?

Định Hương trưởng lão xốc lại tấm áo cà sa, cuộn lại chuỗi hạt bồ đề đặt trên tráp kinh, ngồi lại ngay ngắn, hai bàn tay dãn deo xoa vào nhau rồi vuốt nhẹ lên hai bên má chằng chịt những nếp nhăn, đoạn nhà sư nói, giọng ngài ấm áp mà rành rẽ lạ thường:

- Những điều thái tử nói với quan sư phó là tự bản tâm buột ra hay thái tử đã nghe ai nói, hay thái tử đã đọc ở sách nào?

Dường như không cần phải đắn đo suy nghĩ, thái tử đáp luôn:

- Bạch trưởng lão, quả con chưa nghe ai nói, và cũng chưa có đọc ở sách nào.

- A-di-đà Phật! Vậy ta mừng cho thái tử có được cái trí vô sư bởi thái tử có cái tâm vô nhiễm. Đó là tâm Phật đấy, gắng mà nuôi dưỡng lấy nguồn tâm ấy.

Vậy ta hỏi thái tử, người thử ngắm xem giữa bản thân mình với trang lứa bạn bè cùng tuổi có gì khác chẳng? Cảm như thái tử chưa hiểu, thiền sư bèn dẫn dụ ý ta chỉ muốn nói về sự tạo hoá ban cho mỗi con người từ mặt mũi chân tay tới cả cửu khiếu, thái tử có thấy giữa người thuộc dòng dõi cao sang tốt bậc như thái tử với người thường có gì khác nhau không? Ví như thái tử có cửu khiếu nhưng người dân thường thuộc đám tiểu nhân, hạ tiện họ có đủ các bộ phận không hay họ chỉ có thất, bát khiếu hoặc ít hơn. Lại nữa tay họ có ngắn hơn, mắt họ có nhỏ hơn, tai họ có bé hơn, mõm họ có méo, mũi họ có vẹo không chẳng hạn. Thái tử ráng nhớ lại xem, họ có gì khuyết, hãm không?

Thái tử đỏ mặt vì chợt nghĩ đến một ai đó lại chỉ có tứ, ngũ hoặc thất bát khiếu. Và rồi chàng không kìm nén được lại bật cười, vì ai đó lại thiếu đi một vài bộ phận, chỉ vì người đó không ở trong tầng lớp thượng lưu quý tộc.

Chợt nhớ chưa đáp lời thiền sư, và cảm như việc bật cười của mình là khiếm lễ, thái tử bèn chấp tay vái thiền sư và đáp lời:

- Xin trưởng lão đại xá. Con không thấy giữa con với đồng loại, dù ở tầng lớp nào, lại có sự khác nhau về hình hài như tạo hoá đã ban cho mỗi con người.

Định Hương trưởng lão cũng cười xoa. Ta hỏi thái tử thế, để tự thái tử thấy tạo hoá đã không phân biệt về hình hài, ắt không phân biệt về đối đãi. Nho giáo phân biệt tiểu nhân với quân tử, phân biệt giữa sĩ đại phu với hạ tiện để phân biệt đối đãi, là tự họ gieo mầm bất an trong thiên hạ.

Lẽ khởi từ nhà Hạ, nhà Thương, rồi rầm phiên toái nhất bắt đầu từ nhà Chu. Đầu nhà Chu, nền nếp còn giữ được, giữa và cuối nhà Chu đạo lý rối nát, thiên hạ trở nên đại loạn, sử gọi là đời Chiến quốc. Vì thế Lão Tử mới nói “Lẽ là đầu mối của sự loạn. Vứt lẽ, bỏ đức theo về với sự hỗn nhiên của tạo vật xã hội tất bình yên”.

Tuy không chấp nhận sự phân biệt đối đãi quá đáng giữa các tầng lớp người như lẽ với luật của Nho giáo, nhưng lại vứt bỏ đi tất cả thì lấy gì để chế trị xã hội như ý của Lão Tử mà trưởng lão vừa dẫn ra. Thái tử thấy trong lòng bứt rứt, nhưng chưa dám bày tỏ.

Như đọc được ý nghĩ của thái tử, trưởng lão mỉm cười nhân hậu và tiếp:

- Thái tử chưa hiểu được ý của Lão Tử đó thôi. Lão Tử chỉ muốn loài người hãy thuận theo tự nhiên để mà sống. Ví như nhìn vào một rừng cây, ta thấy có cây to, cây nhỏ, cây cao cây thấp, cây cứng cây mềm. Ngạo ngễ như cây tùng cây bách, sống trên đỉnh núi đá cheo leo, bất chấp nóng lạnh, tuyết sương, bão gió.

Vườn thẳng lên trời cao chót vót như cây sến, cây chò. Cứng bền hơn cả sắt, đá như cây đinh, cây lim. Mềm mại lá lướt như cây sắn, cây bìm phải dựa vào thân cây khác leo lên để mà sống. Thấp bé tí teo như loài nấm, loài tảo. Tất cả đều sống yên ổn, cây nào phận ấy. Cây to không nuốt cây nhỏ, cây cứng không diệt cây mềm. Tất cả đều nhận phần ăn trong đất, phần thở theo ánh sáng và khí trời.

Trật tự tạo hoá đã bày xếp như thế, nó an hoà biết bao. Nếu loài người thuận theo trật tự ấy mà sống thì xã hội ắt công bằng, ắt bình yên.

Chính Lão Tử đã nhận thức được chân lý ấy từ thiên nhiên, nên ông truyền đạt lại cho loài người; trước hết là cho dân tộc Trung Hoa của ông. Đáng tiếc các học giả Trung Hoa không hiểu được tính minh triết của Lão học, nên họ thuần làm ngược lại cao ý của Lão Tử.

Vậy chớ thái tử đã hiểu chưa?

- Dạ, con hiểu ạ. Ngập ngừng một lát, chàng lại thưa: – Trưởng lão, điều Lão Tử nói kỳ diệu như vậy, sao dân nước ông không theo?

- Ta cũng định giảng giải kỹ điều này cho thái tử. Tuy nhiên không phải trong lúc này. Thái tử phải đọc thêm các sách kinh của Phật, các sách của Lão Tử, của Khổng Tử. Thôi được, thái tử cứ ổn định công việc trong phủ, ta sẽ chọn sách rồi cho người đem lại hầu thái tử.

Thiền sư im lặng, nhìn ngắm thái tử giây lâu với vẻ hài lòng, sư nói:

- Bây giờ nói về điều ta mừng cho thái tử. Trước hết mừng vì cái tâm tuệ của thái tử đã được khai mở. Thứ hai ta mừng vì thái tử mới có một đệ tử rất mực trung thành. Vừa nói, trưởng lão vừa chỉ tay về phía con Huyền Đề. Như cảm được điều thiền sư nói, con chó lập tức vẫy đuôi mừng quýnh. – Nó, chính con khuyến này sẽ hầu hạ thái tử, hộ vệ thái tử như một kẻ hộ pháp đặc lực. Nên nhớ, đây là ý của chư thiên gia hộ cho công cuộc trị bình và hoằng dương chính pháp của thái tử sau này. Ta tiết lộ cho thái tử biết để gắng sửa mình mà hoà vào đạo.

Thái tử vái trưởng lão hai vái rồi lui về phủ. Lòng chàng vui phơi phới.

Từ ngày xảy ra động đất trên các châu Bình Lâm, châu Đô Kim, lại tiếp đến Đào Cam Mộc không ốm mà chết, khiến vua Thuần Thiên cảm thấy hơi chột dạ.

Động đất không lớn, không gây chết người, hại của, nhưng đó chẳng phải là trời răn ta sao?

Đào Cam Mộc chẳng phải là ân nhân của ta sao? Đào Cam Mộc chẳng phải là chân tay thân tín của ta sao? Đào Cam Mộc chẳng phải là bạn đồng triều với ta dưới thời Lê Long Đĩnh sao? Đào Cam Mộc chẳng phải là phò mã của ta sao?

Trời hại Cam Mộc, hẳn có ý răn ta không được chinh chiến làm tổn hại sinh linh.

Quả thật năm trước, các quan tả hữu gián nghị đại phu Lương Tăng, Trịnh Văn Túc có dâng sớ can ta hãy ngưng ngay việc đánh dẹp. Lời lẽ thật là thống thiết, thật là quyết liệt.

Ta biết, việc Tăng, Túc can ta là trung, là chính. Nhưng sao ta vẫn cứ u mê không chịu tỉnh giấc. Thật tình không phải ta ác ý, mà chủ ở thiện tâm. Ta dẹp nốt một vài nơi là cốt sao trong toàn cõi, mọi người dân đều được sống trong an lạc.

Tối nay, mọi việc đã như ta mong muốn. Nhưng Trời đã kịp lấy đi mạng sống của Đào Cam Mộc, tựa như chặt bớt chân tay, vây cánh của ta. Đến nỗi con gái ta đang phơi phơi tuổi xuân, bỗng chốc trở thành goá bụa.

Nhà vua thật sự ân hận, thật sự hối hận. Vua sai lập đàn tràng, thân làm chủ tế, tế vọng các danh sơn. Truy phong Đào Cam Mộc chức Thái sư á vương, lại cho làm tang lễ trọng hậu. Nhân đó, vua xuống chiếu xá tô thuế cho thiên hạ thêm ba năm nữa.

Vua ăn chay trường tới cả tuần trăng, lại tự mình đi xem ngắm núi sông, thấy chỗ nào khuyết hãm, sạt lở thì sai quan chức các châu, quận phải kịp thời bồi đắp.

Khi tới bến đò Cổ Sở, nhìn dòng sông rộng, hai bên bờ bãi, ngô lúa xanh rờn; vua ngược nhìn bầu trời cao thăm, lại thấy phương tây ánh lên một ráng hồng; ngọn Tản Viên sừng sững như dang tay ôm lấy vùng thẳng địa Thăng Long. Một vùng núi sông cảm tú mà vượng khí nghe như ngưng tụ đâu đây, tâm thần nhà vua hốt nhiên cảm động, bèn rót rượu xuống đất mà khấn rằng: *“Trẫm xem nơi đây núi lạ, sông đẹp, nếu có nhân kiệt địa linh thì nhận lấy lễ này”*.

Lạ thay, vừa dứt lời khấn liền có sự cảm ứng tức thì, vua thấy một luồng khí ấm nóng chạy từ đỉnh đầu xuống dọc sống lưng.

Đêm ấy, vua ngủ lại hương Cổ Sở, đêm mộng thấy một người tướng mạo, cốt cách khác thường, áo quần trang nghiêm, cúi đầu lạy vua hai lạy và nói: *“Thần là người làng này, họ Lý, tên Phục Man, làm tướng giúp vua Lý Nam Đế. Vì thần là người trung dũng nên được vua giao cho coi sóc hai dải sông núi Đỗ Động và Đường Lâm, bọn giặc cướp không dám xâm phạm, dân chúng được an cư lạc nghiệp. Khi chết, Thượng đế khen là có công, nên lại cho giữ chức cũ. Khi thần chết, dân trong vùng sợ không có người che chở nên lập đền thờ. Vì vậy thần thường phảng phất trong cõi trời mây, lúc có giặc dã liền ra tay chống, đánh. Nay gặp bề hạ tới, lại được mời rượu thật là cảm kích. Thật là cảm kích”. Nói xong liền ngâm mấy câu thơ:*

Thiên hạ tao mông muội,

Trung thần nặc tính danh.

Trung thiên minh nhật nguyệt,

Tư khả hiện chân hình.

(Thiên hạ gặp lúc còn mờ tối,

Kẻ trung thần phải giấu họ tên.

Nay được mặt trời, mặt trăng sáng tỏ giữa trời,

Ấy là lúc có thể hiện chân tình).

Vua giật mình tỉnh giấc, nhớ các điều thần đã nói trong mơ, cả gương mặt thần, ngài cũng còn hình

dung rất rõ, duy có bài thơ vì sợ quên nên vua phải chép ngay vào giấy.

Sáng ra vua đem chuyện đó kể lại với quan ngự sử đại phu Lương Nhậm Văn, và trao cả bài thơ cho Văn đọc.

Ngẫm nghĩ một lúc, Lương Nhậm Văn nói:

- Tàu bệ hạ, cứ ý tứ trong bài thơ, nhất là câu ba, câu bốn thì thần mộng muốn bệ hạ tạc tượng cho thần đấy.

- Phải, ta cũng nghĩ như khanh.

Nhà vua bèn cho gọi chức dịch sở tại tìm mời thợ giỏi, để ngài mô tả hình dáng người trong mơ cho thợ nhớ lấy mà thể hiện. Lại sai tu bổ đền cho thật khang trang, và dựng bia ghi chép lại sự tích này.

Ngày khánh thành pho tượng, chức dịch hương Cổ Sở có sớ về triều xin vua cho rước tượng vào đền. Vua thân về dự lễ. Vừa nhác trông thấy pho tượng, vua Thuận Thiên bèn thốt lên:

- Giống quá! Giống quá! Đúng là người này ta đã gặp trong mơ ngày nọ. Vua liền cho dân rước tượng vào đền thờ làm phúc thần. Và phong cho thần mỹ hiệu là: “Trung liệt đại vương”.

Dân làng bốn mùa hương khói. Tới nay trải bao phen binh lửa tàn phá, trải bao gió táp mưa sa, đền cũng được trùng tu nhiều lần. Diện mạo ban đầu không còn nữa, duy có pho tượng và tấm bia đá ghi sự tích đền thì vẫn như xưa.

Nhân việc động đất, vua cho là Trời trách phạt nên ngài cứ ăn năn mãi. Ngoài việc tha tô, thuế, soát tù ngục, giảm hình án, vua lại thăng cho hữu gián nghị đại phu Trịnh Văn Túc làm thiếu sư. Vì năm trước Túc đã khẩn thiết khuyên vua giảm bớt việc binh. Cùng dâng sớ can với Túc còn có tả gián nghị đại phu Lương Tăng. Tăng hiện đi sứ chưa về. Chờ khi Tăng về, xét công việc đi sứ nữa ta sẽ thăng thưởng sau.

Tiếp đó vua cho dựng tại kinh thành thêm hai ngôi chùa Thiên Quang và Thiên Đức, đắp bốn pho tượng Thiên đế, cấp một ngàn độ điệp cho người ở kinh sư làm tăng, đạo. Lại xuất kho 800 lạng bạc để đúc hai quả chuông lớn treo ở chùa Thăng Nghiêm và lầu Ngũ Phụng tỉnh.

Đến đây vua tạm yên tâm mới quay về xem xét việc rèn trí và rèn đức của các hoàng tử.

Vua Thuận Thiên có nhiều con. Riêng con gái, ngài đã có tới mười ba nàng công chúa. Con trai cũng có tới cả chục hoàng tử. Nhưng đáng kể chỉ có mấy vị như: Khai Thiên vương, Khai Quốc vương, Đông Chinh vương, Dực Thánh vương, Vũ Đức vương.

Các công chúa và hoàng tử này tất không phải cùng một mẹ sinh ra. Bởi khi vừa được tôn vinh ngôi nước cuối năm Kỷ Dậu, ngài đã cùng lúc lập năm hoàng hậu; tới năm Bính Thìn (1016) ngài lại lập thêm ba hoàng hậu nữa.

Với năm chàng hoàng tử này mỗi người mỗi vẻ, mỗi tính mỗi nết. Duy có Khai Thiên vương, tư chất thông minh, đạo đức hướng thiện, vua thật sự yên tâm đã sách lập làm hoàng thái tử, sẽ là người kế vị sau này. Ngoài ra Khai Quốc vương cũng làm nhà vua hài lòng. Chàng sớm tỏ lộ một tài năng xuất chúng, văn võ kiêm thông. Vua đã đem lòng yêu và cho về trấn trị tại Trường Yên. Chỉ mỗi một bản khoán, Khai Quốc vương sắc sảo quá, e khi quyền bính thực sự vào tay, sẽ có sự cạnh tranh khắc bạc.

Nhưng như thế cũng không có gì làm nhà vua lo bằng chàng hoàng tử bé: Vũ Đức vương. Vũ Đức vương tính tình ngỗ ngược, hiếu thắng, tướng mạo thì phá hãm: cái mũi thanh tú là thế mà đường sống lại gãy gồ lên, hầu cũng lộ. Ta hơi lo. Đây là tướng phản phúc. Chẳng nhẽ con ta lại phản phúc cả ta sao? Nhưng lo hơn cả là thằng bé rất yếu tướng. Bản khoán, nhà vua bèn sang cung Tá quốc hoàng hậu, mẹ sinh của Vũ Đức vương để xem xét bình tình.

Thấy xa giá đến, bọn a hoàn chạy trốn tác vào cung bấm báo:

- Trình hoàng hậu, hoàng thượng tới thăm cung.

Hoàng hậu rồi rít không kịp trang điểm. Bọn a hoàn vội khoác cho hậu tấm áo gấm màu hoàng yến. Tóc rối chưa kịp chải, bà vội úp lên đầu chiếc mũ phốc là mũ hoàng tử thường đội khi đi tập võ hoặc đi săn. Không kịp cả thay hài, hậu phải đi đôi hài cũ, màu hơi bạc.

Bà vừa chạy vào dãy xuyên đường được vài bước thì một a hoàn chợt nhìn thấy chiếc mũ trên đầu hậu, thị hét lên:

- Hoàng hậu đội nhầm mũ của hoàng tử rồi.

Nhưng không kịp, vua Thuận Thiên đã bước tới.

Hậu quý sát đất bái lạy:

- Kính chào bệ hạ. Thần thiếp không biết bệ hạ tới, nên không kịp làm lễ cung nghinh, xin bệ hạ tha tội.

- Đứng lên đi, ta miễn lễ.

- Đội ơn bệ hạ.

Tá quốc hoàng hậu đứng dậy, khẽ nghiêng mình và nhoẻn cười: – Kính mời bệ hạ vào thăm cung của thần thiếp.

Vua Thuận Thiên đi trước vào trong cung. Đó là một ngôi nhà gỗ xoan đào không lớn lắm. Ngôi nhà năm gian lợp ngói mũi hài, men ngọc lưu ly. Hai gian đầu dùng làm buồng ngủ, một cho Tá quốc hoàng hậu, một cho đám a hoàn hầu hạ. Hai gian buồng được ngăn bằng hai bức thuận ghép thuần gỗ lõi xoan. Trong nhà sáng như gương mà ấm cúng lạ thường. Gian giữa kê một bàn trà lục lăng bằng gỗ gụ với sáu chiếc đôn lục lăng bằng gổm men ngọc, trên mặt đôn phủ một tấm đệm bông vỏ bọc lụa màu thiên thanh, để về mùa đông khách ngồi cho đỡ lạnh. Gian bên hữu, sát cạnh khuê phòng của hoàng hậu, kê một bộ kỷ gỗ vàng tâm. Gian bên tả, sát phòng của mấy a hoàn kê một bộ kỷ bằng tre ngà.

Trong nhà không trang hoàng hoành phi, câu đối, chỉ có bức đại tự sơn son thếp vàng treo ở gian giữa gồm hai chữ: ĐOAN CHÍNH. Và nơi các gót tàu bầy đều treo một chùm khánh nhạc. Gió hơi phơ phất đã nghe tiếng nhạc rung. Lại nữa một đỉnh trầm đặt cạnh chân cột, nơi dưới bức đại tự luôn phảng phất bay ra một làn khói trắng thấm đẫm hương thơm.

Tá quốc hoàng hậu sau một vài cử chỉ lúng túng đã lấy lại được bình tâm, bà thét gọi đám a hoàn:

- Bay đâu!

- Dạ, – tiếng dạ ran của cả chục đứa hầu gái.

- Dâng trà!

Thị nữ bê khay trà ra, hoàng hậu đón lấy và tự tay dâng lên hoàng thượng.

- Thần thiếp mời bệ hạ thưởng trà.

Vua Thuận Thiên đỡ lấy chén trà, mắt nhà vua vẫn nhìn chiếc mũ của hoàng tử Vũ Đức vương mà Tá quốc hoàng hậu đang đội trên đầu. Nhà vua mỉm cười hỏi:

- Sao hậu lại đội mũ của hoàng tử?

- Trình bệ hạ, hoàng tử từ ngày được bệ hạ cho đi mở phủ, lòng lúc nào cũng nhớ đến phụ hoàng và mẫu hậu. Trước khi đi, hoàng tử có để chiếc mũ lại và dặn: “Mũ tượng trưng cho lễ. Con không ở lại cung hầu hạ phụ hoàng và mẫu hậu được, con xin để chiếc mũ lại nhà, để mỗi khi phụ hoàng và mẫu hậu nhìn thấy mũ của con, coi như con đang có mặt hầu hạ phụ hoàng và mẫu hậu”. Thần thiếp đội mũ của hoàng tử ra cung nghinh hoàng thượng coi như hai mẹ con thần thiếp cùng được diện kiến long nhan.

Nghe hoàng hậu nói, nhà vua hơi biến sắc mặt. Ngài tự nhủ, rõ ràng ta đến bất chợt, nên nàng không kịp cả điểm trang. Xiêm y xộc xệch, đôi hài cũ vẫn mang dưới chân, cuống quýt vợ cả mũ của con trai chụp lên đầu. Lúc nàng chạy ra đón ta, lũ hầu gái đã thét gọi: “Hoàng hậu đội nhầm mũ rồi!” Nhưng lỡ vì ta đã trông thấy, nàng không thể quay lại thay mũ nữa. Thế mà nàng lại khéo biến báo. Chao ôi, chung sống với nhau ngót hai chục năm trời, ta vẫn ngỡ nàng là người trung hậu, tuy hơi có chút vụng về; bởi nàng sinh ra và lớn lên trong chốn quê mùa, thiếu học. Được trời phú cho chút nhan sắc, nên ta cũng rủ lòng thương. Ai dè, tâm địa nàng lại trở nên trí trá.

Ngẫm nghĩ giây lát, nhà vua lại tự vấn hoặc là ta đã làm hư nàng. Bởi trong cung cấm này lắm quyền, nhiều lợi. Hậu nào, phi nào cũng mong được ta sủng ái. Nàng nào cũng muốn con mình được lập, nên đua nhau đút lót cho bọn trung quan để chúng bày cho hết mưu này kế nọ. Sống dưới thời Ngọa triều, ta còn lạ gì các ngón nghề của lũ trung quan cùng bọn phi tần. Ta quyết không để cho bọn trung quan cùng đám đàn bà này làm loạn chốn thâm cung.

Thấy nhà vua cầm chén trà nơi tay hơi lâu, và nhà vua như đang mãi nghĩ suy một điều gì, Tá quốc hoàng hậu bèn lên tiếng:

- Thần thiếp có điều gì đáng trách phạt, khiến bệ hạ phải bận tâm. Thiếp xin được nghe bệ hạ răn dạy.
Nhà vua ngừng đầu nở nụ cười gượng, ngài cầm lấy chiếc mũ trên đầu hậu và nói:

- Nàng đi vào trang điểm đi.

- Tạ ơn bệ hạ. Tá quốc hoàng hậu vái nhà vua rồi đi thẳng vào phòng điểm trang.

Một lát hoàng hậu trở ra, nom bà lộng lẫy trong mớ xiêm y đắt giá: áo dài vóc màu thiên thanh, thêu những bông hoa kim tuyến ánh vàng. Váy nhiễu tím. Gấu váy thêu hoa cúc dây màu ánh bạc. Cổ đeo chuỗi hạt trai màu trắng đục. Trên đầu hậu mang chiếc mũ có viên hồng ngọc to bằng đầu ngón tay đính nơi vành mũ ngay trước trán. Ánh ngọc toả khiến gương mặt hậu rực lên như một đoá hồng.

Nhà vua nhìn hậu một cách ngỡ ngàng. Ngài không tin ở mắt mình nữa. Bởi mới vừa đây, trước vua là một mụ nà dòng váy yếm xộc xệch, da dẻ nhợt nhạt, đầu bù tóc rối, mũ áo nhố nhăng. Vậy mà trước ta lúc này có đúng là nàng không? Có đúng là Tá quốc hoàng hậu mi thanh mục tú, trầm gài ngọc dầy, mỗi bước đi của nàng như toả sáng hào quang.

Vua định thần nhìn vào tận sâu đáy mắt hậu, và tự nhủ: thực ra thì cũng chẳng có gì là khác lạ. Vẫn cái thân giả hợp kia, được khoác lên bởi bộ đồ giả trang hào nhoáng thôi, có gì đâu. Người đời nói quả không sai: “Hơn nhau tấm áo manh quần, thả ra mình trần ai cũng như ai”.

Hoàng hậu tươi cười nhún mình quỳ lạy.

- Thần thiếp kính chào bệ hạ. – Hậu vừa cúi vừa liếc xéo ánh mắt như dò hỏi: “Thiếp xinh lắm phải không?”

Ôi, có là tượng đá thì trước ánh mắt và nụ cười duyên của người đẹp, cũng không thể không nhúc nhích.

Vua Thuận Thiên giơ tay đỡ bàn tay hậu và nói lời dịu ngọt:

- Nàng đa lễ quá.

Vua dịu hậu ngồi vào kỷ.

Tì nữ lại dâng trà.

Uống xong tuần trà thứ hai, nhà vua liền đứng dậy, toan đi.

Hậu cảm như tui thân, tự nhiên nước mắt ứa ra.

- Sao nàng khóc? – Vua hỏi.

Hậu không ghìm được nữa, bật khóc to, nước mắt cứ trào ra.

Vua đưa tay nhẹ nâng cằm hậu, gương mặt nàng như vừa rửa bằng nước mắt, tựa như một đoá hoa thấm đẫm sương khuya, nom nàng rực rỡ hẳn lên, khiến nhà vua hơi động lòng. Lại hỏi:

- Vậy chớ vì sao nàng khóc?

Hậu sụp lạy:

- Bệ hạ! Bệ hạ! Thiếp có tội gì mà cứ phải ngày đêm vò võ chốn khuê phòng?

- Ta tưởng ta mới đến với nàng cách đây...

- Dạ, cách đây hơn một năm rồi bệ hạ. Bệ hạ có cả chục hoàng hậu, cả trăm cung nữ...

- Trời, ta cứ tưởng ta mới ở với nàng... Thôi được, đêm nay ta ở lại cung Quỳnh Hoa.

- Đội ơn bệ hạ đã đoái thương đến thần thiếp. Lũ thần thiếp sao dám dối bệ hạ. Vì rằng, ngày tháng năm nào, bệ hạ vào cung nào từ giờ nào đến giờ nào, bọn trung quan ghi chép cẩn thận lắm. Có nhẽ họ còn biên chép rõ ràng hơn cả bên Quốc sử viện.

- Thôi, thôi nàng nói nhiều quá. Hãy để cho ta một chút yên tĩnh.

Hoàng hậu ngồi thu vào một góc kỷ, không dám nói gì nữa.

Nhà vua lại cầm lấy chiếc mũ của hoàng tử, đưa cho hậu, vua nói:

- Nàng cất cái mũ này đi cho con, nó bỏ quên ở nhà từ bao giờ đấy?

Cảm về lời nói âu yếm của nhà vua, hoàng hậu buột miệng trả lời:

- Hoàng thượng, tuần trước con nó về, lúc đi vội quá để quên cả mũ.

Vua lặng thinh.

Cầm chén trà trong lòng tay phảng phất mùi thơm, vua Thuận Thiên khẽ nhấp. Nước trà nóng, mùi hương mộc cùng lúc ulla vào khiến nhà vua có cảm giác nhẹ nhàng thanh khiết. Uống thêm một ngụm nữa, vị trà đọng nơi cổ họng và cứ tan dần mùi hương vào tận sâu các huyết mạch, khiến nhà vua thấy đầu óc thông sáng hẳn ra.

Đâu đó tiếng gà gáy dồn, tiếng vít chè đánh thức trẻ dậy học bài, lại vắng đâu đó tiếng chim cu gáy sớm. Nhà vua nhớ lại cảnh hồi nhỏ, có lẽ còn sớm hơn giờ này, ta đã phải dậy thay nước, thắp đèn nhang rồi vào khoá lễ. Ngoài trời sương giăng mờ, chỉ loáng thoáng thấy nóc các ngôi điện Càn Nguyên, điện Tập Hiền... Còn cây cối chỉ là những lùm sẫm sẫm dùng đục màu sương.

Đâu đó tiếng chuông, tiếng mõ và cả tiếng cầu kinh đều đều của khoá lễ sớm. Để ý nghe kỹ, nhà vua biết Tá quốc hoàng hậu đang niệm kinh trong điện thờ Phật phía tây cung Quỳnh Hoa.

Nghe tiếng mõ và tiếng chuông điểm, vua biết hậu đang niệm chú “Thủ Lăng Nghiêm”. Chuông mõ đã thành thạo, niệm kinh ắt trôi chảy. Nhưng liệu hậu có hiểu được lời kinh dạy. Và quan trọng là có làm được những điều mà Phật đã giáo hoá trong kinh văn.

Tiếng chuông mõ ngừng bật. Một lát sau hậu đã kịp trang điểm và ra hầu trà nhà vua.

Hậu sai đám nô tì đi súc lại ấm chén, rồi mang hũn bếp lò than lại gần kỹ để hậu tự tay chế trà hầu nhà vua.

Nom hậu tráng ấm chén bằng nước sôi, và nâng lên đặt xuống những chiếc chén quý cứ thoăn thoắt như người múa, và chính xác như người thợ mộc lấy mực thước khi đóng đồ vậy. Vua khen:

- Nàng quả là khéo tay.

- Đội ơn bệ hạ khen.

Hai tay hậu dâng khay trà mời vua.

- Nàng cứ đặt khay xuống. Ta ban cho nàng một chung, uống đi. Vua bê lấy chung trà và trở vào chung kia mời hậu.

Thấy nhà vua vui vẻ, hậu bèn nâng lấy chung trà, khếp nép ngồi bên mép ghế, và nói:

- Tạ ơn bệ hạ. Thần thiếp kính mời bệ hạ thưởng trà.

Vua Thuận Thiên vừa mở nắp chung trà, mùi hương mộc, lại vẫn là mùi hương mộc, toả theo làn khói nước mảnh mai. Một mùi thơm quen thuộc dường như đã ngấm sâu vào cả tâm, can, tì, phế của nhà vua từ thuở niên thiếu, theo học thầy Vạn Hạnh nơi chùa Lục Tổ. Nhà vua nhớ, quanh chùa, nơi các cửa vào ra lên xuống, thường trồng ngâu, trồng mộc. Ngoài vườn thầy còn cho trồng cả hoa sói nữa. Đây là những loài hoa có hương thơm tĩnh lặng. Nhưng mỗi thứ mỗi vẻ. Hoa ngâu hương trầm sâu. Hoa sói, hương lại hơi gắt. Hoa mộc, mùi thơm dịu ngọt, thi thoảng như chột có chột không. Cả ba loài hoa này, thầy ta đều dùng được. Song người ưa nhất vẫn là hương hoa mộc. Vì vậy, thầy cho trồng tới cả chục cây mộc quanh chùa. Khi hoa mộc nở, đi khắp vườn chùa, chỗ nào cũng sức nức hương thơm. Nhất những ngày oi nồng, đi làm đồng về nóng bức, vừa bước chân vào cổng chùa, đã có ngay cảm giác mát lạnh bởi mùi thơm hương mộc.

Cũng lạ, các loài hoa khác như sen, như lail ướp trà, khi uống chỉ thấy mùi thơm nồng nàn của lail, của sen mà mất hẳn mùi trà. Trái lại ngâu, sói, mộc mà ướp trà, khi uống vẫn phân biệt được hương của hoa và vị của trà. Chúng tựa như những bậc phong lưu tao nhã, giao du kết bạn với ai, vẫn giữ một khoảng cách phân biệt chủ khách rạch ròi chứ không bao giờ chơi trò khách lẩn chủ. Bởi vậy thầy ta gọi các loài sói, mộc, ngâu là thiên tự chi hoa.

Nhà vua đã uống xong chung trà, chiếc chén vẫn nằm gọn trong lòng tay, nhưng tâm trí ngai để mãi đâu đâu.

- Xin bệ hạ cho thần thiếp rót hầu bệ hạ một chung trà nữa.

Vua Thuận Thiên chợt ngừng lên đưa chiếc chén cho hậu rót nước.

Nhận lại chén nước, vua nói:

- Sớm nay có nhẽ sau buổi thiết triều ta phải sang cung Vũ Đức vương.

Mắt hậu vụt sáng, nàng quỳ trước nhà vua.

- Tạ ơn hoàng thượng đã lưu tâm đến mẹ con thần thiếp.

- Đứng dậy đi. Đã là vợ chồng mà nàng cứ thủ lễ một cách thái quá. Ta thấy nó cứ thế nào ấy.

- Đội ơn bệ hạ, thần thiếp được các ông trung quan răn dạy kỹ lưỡng về lễ nghi, phép tắc. “Ngay cả khi được hoàng thượng sủng ái, kể cả trong chốn buồng thê, vẫn phải giữ lễ vua tôi chứ không được sàm sỡ mà phạm vào trọng tội”. Các quan thường răn dạy thiếp như vậy, sao thiếp dám lơ là.

- Ai dạy nàng? Lão móm hay thằng Phùng.

- Dạ, cả hai người ấy, một già một trẻ đều nói giống nhau.

- Phải. Phép tắc là thế. Nhưng khi chỉ có ta với nàng, ta châm chước, không bắt bẻ. Nàng phải nhớ, sự chung chạ là ở nơi mức độ chứ không phải nơi lễ độ.

- Dạ, thiếp xin lĩnh ý bệ hạ.

Nhà vua đã toan đứng dậy, lại ngồi xuống âu yếm vỗ vai hậu, và hỏi:

- Từ ngày nàng vào cung tới nay thoát đã gần hai chục năm, ta chưa thấy nàng xin ta một điều gì. Vậy chớ trong chỗ họ hàng, bà con, không có ai cậy nhờ gì nàng sao?

- Đội ơn bệ hạ đoái đến thần thiếp. Ngay cả điều ấy, thiếp cũng được các quan răn dạy: “Triều đình đã có chính sách với người thân như cha mẹ, anh em của các hậu, các phi, tần. Lộc vua đã ban khắp, từ ruộng đất đến tước trật cũng như việc tha tô, thuế, tha phu phen, tạp dịch. Ngoài ra ai có tài tài lên, làm được việc gì, xứng chức nào, cho giữ chức đó”.

Dạ, mọi chính lệnh của bệ hạ đã rõ ràng, thiếp không có điều gì khúc mắc cả.

- Riêng phần nàng và Vũ Đức vương, nàng có điều gì muốn nói?

- Tâu bệ hạ, thần thiếp được như thế này cũng là nhờ trọng ân của bệ hạ, thần thiếp không dám cầu mong điều gì hơn nữa. Chỉ xin bệ hạ rủ lòng thương đến Vũ Đức vương. Hoàng tử tính tình bông bột, xốc nổi lại ham việc cung kiếm hơn là việc thi thư. Thiếp chỉ lo khi con lớn lên đầu óc sẽ thiên lệch.

- Muốn con không thiên lệch thì mẹ phải trung chính. Muốn con thiện thì mẹ phải nhân.

Nàng có biết vì sao ta cho treo ở đây hai chữ “ĐOAN CHÍNH” không? Vừa nói vua vừa chỉ vào bức đại tự. Đoan là đoan trang, ấy là cái nết mà người đàn bà phải theo. Chính là trung chính, là ngay thẳng, thật thà.

Mẹ con nàng theo được hai chữ này ắt là có phận. Còn trong điện Phật, ngay trước chỗ ngồi niệm kinh, ta đã cho treo một chữ TÂM. Bởi tu Phật cốt ở tu tâm. Tâm là cái thần minh cao cả của con người, nhờ nó ta mới cảm ứng được với vạn vật, nó cũng là cái gốc của cõi thiện, cái gốc của lòng từ ái. Người thường nếu tu được tới chỗ định tâm, lo gì không có phúc. Ấy thế mà nàng lại cứ hay lơ là, vọng động.

Ta không cần biết nàng vọng động cái gì, chỉ nghe tiếng chuông, tiếng mõ của nàng cũng biết trong lòng nàng đang có điều gì bồn rối. Lại nữa hôm qua, ta tới bất chợt, nàng vội vã ra đón, đội nhâm mũ của con, rồi nàng lại biến báo, làm cứ như Vũ Đức vương là đứa con chí hiếu. Vua dừng lại ngắm nhìn hậu, rồi nói tiếp: – Vậy những điều ta nói có đúng, hay là ta lấy quyền uy mà áp đặt cho nàng. Nghe vua nói, gương mặt hậu cứ tái xanh tái mét. Đoạn nàng quỳ lạy:

- Xin đại vương tha tội! Xin đại vương tha tội, thần thiếp vì ngu muội mà trót đại.

- Đứng dậy đi, nàng không có tội, chỉ một chút lỗi nhỏ thôi. Chịu khó đổi lỗi, chịu khó dưỡng tâm, nàng vẫn là người tốt. Nàng nên biết, con người ta ở đời đâu phải là các bậc thánh. Cho nên sai điều này, phạm điều kia, thật khó tránh. Vậy cái quan yếu nhất là phải thành tâm đổi lỗi, để rồi không mắc vào các lỗi lầm đã mắc, để lại phải ân hận. Ta không trách người có lỗi. Ta chỉ trách người không chịu sửa lỗi. Và nếu như kẻ nào hai ba lần phạm cùng một lỗi thì đó chính là kẻ xảo trá, kẻ đê tiện, đáng ghê tởm, phải trị tội nặng gấp hai ba lần.

Ngừng một lát, vua lại nói:

- Thôi ta phải vào triều, nàng nhớ các điều ta dặn chưa?

- Tâu bệ hạ, thần thiếp nguyện ghi nhớ nằm lòng. Đội ơn bệ hạ đã gia ân.

Ra khỏi cung Quỳnh Hoa, vua Thuận Thiên không vào thiết triều nữa mà sai kiệu đi thẳng ra ngoài thành để vào phủ của Vũ Đức vương.

Thấy kiệu nhà vua tới, mấy đứa quân hầu phủ phục lạy. Có đứa nhanh chân, chạy vào trong phủ bẩm với quan sử phó:

- Trình quan, bệ hạ giá lâm.

Quan sử phó cùng mấy viên thư lại đang ngồi uống trà, bình văn, vội bỏ tất cả chạy ra sân đón vua.

Vua Thuận Thiên xuống kiệu chào đáp lễ quan sử phó, rồi cùng vào trong nhà học của hoàng tử.

Quan sử phó vòng tay vái vua rồi thưa:

- Tâu bệ hạ, bữa nay hoàng tử ra bãi tập.

- Tập gì vậy? – Vua hỏi.

- Tâu bệ hạ, hoàng tử tập phi ngựa bắn cung. Tập đánh phục kích và đánh phản phục kích. Hoàng tử rất siêng năng rèn tập. Nếu nhìn thấy hoàng tử nơi bãi tập, hân bệ hạ phải đẹp lòng lắm.

- Vậy thì đi xem con ta tập tành. – Vua Thuận Thiên làm một cái khoát tay. Mọi người theo vua ra bãi tập.

Một chàng thiếu niên mảnh dẻ, gọn gàng trong bộ võ phục màu tía, đầu đội mũ đầu mâu bằng da dê, đuôi mũ phủ trùm gáy, chân đi đôi hia màu đen cao tới nửa bắp chân, ống quần tём gọn trong hia. Chàng cỡi con ngựa tía, lưng đeo một cây cung và một giỏ tên, đang phóng như bay quanh trường bắn. Vó ngựa cứ soải dài, hai chân trước vừa chạm đất, hai vó sau đã hất bổng lên không. Thiếu niên cúi rạp mình trên lưng ngựa, nhưng luôn đánh mặt về phía tấm bia. Biển bia màu trắng, vẽ mười vòng tròn đen. Vòng nhỏ nhất ở trong cùng, điểm màu son đỏ rực như màu máu. Thiếu niên cứ vừa phi ngựa vừa ước lượng khoảng cách và hồng tâm, bỗng tới cái vạch thứ nhất của vòng quy ước, chàng buông cương, một tay với qua vai, rút được một mũi tên từ trong giỏ cùng lúc chàng hẩy nhẹ vai phải, chiếc cung đã nằm gọn trong bàn tay trái. Và bằng một cử chỉ rất nhẹ, chàng lấp tên, ta chỉ nghe tách một cái, đã thấy mũi tên cắm phập vào mặt bia. Vừa lúc con ngựa đã dừng phắt lại trước vạch trắng thứ hai. Đó là khoảng cách đúng một trăm năm mươi bước chân. Một tấm biển nhỏ từ dưới hố gần xế cột bia giương cao chữ “thất”. Điều đó có nghĩa là cung thủ vừa bắn trúng vòng thứ bảy. Cũng tức là được bảy điểm.

Chàng lại tiếp tục nắm lấy cương ngựa và làm y hệt lần trước. Kết quả là mũi tên lần thứ hai cũng xuyên trúng vòng số bảy nhưng ở phía đối xứng với mũi tên bắn lần trước. Thiếu niên lại nắm lấy dây cương, chàng cúi rạp mình trên lưng ngựa, lấy tay vỗ nhẹ vào cổ nó và nói điều gì, chắc chỉ có con ngựa tía kia mới hiểu được. Bỗng con ngựa dừng đứng hai chân sau rồi nó lao vào con đường vòng, khiến mọi người loá mắt, không còn ai nhìn rõ người và ngựa nữa, chỉ thấy một vật vút dài như cái đuôi sao chổi. Kết thúc vòng thứ ba, con ngựa dừng tấp lự trước vạch cự ly, cùng lúc mũi tên đã cắm phập vào hồng tâm. Mấy đô quân cùng các tướng đang ngồi xem như bị thôi miên, bỗng oà lên một tiếng reo vang: “Thần tiễn!”, “Thần tiễn!”. Và rồi họ reo hò chúc mừng chàng hoàng tử, nghe âm âm như muốn sập cả quân trường.

Tới lúc này, Vũ Đức vương vẫn chưa biết có vua cha ghé thăm. Chàng thả lỏng tay cương đi về phía các võ sư đã dạy chàng. Vũ Đức vương xuống ngựa, cúi đầu sát đất, chào các bậc sư phụ.

Chợt có người rẽ đám đông cúi chào chàng và nói hồi hả:

- Trình vương, có hoàng thượng tới thăm, ngài đang đứng phía cửa đông.

Vũ Đức vương cùng các vị sư phó và cả đám quan quân chạy nháo nhác về phía nhà vua, quỳ lạy.

Vua Thuận Thiên tươi cười nói:

- Ta miễn lễ! Đứng dậy cả đi.

Nhà vua đích thân nắm tay Vũ Đức vương kéo chàng đứng dậy. – Khá khen, con đã trở thành một cung thủ thiện xạ. Chẳng hay thầy của con là ai vậy?

Vũ Đức vương chỉ vào hai vị võ sư:

- Trình phụ hoàng, thầy võ này là Nguyễn Nguyên Thủ, vốn là đô trưởng đô Tuỳ long.

Nhà vua gật đầu, vỗ nhẹ vào vai vị võ sư nói: – Ta biết khanh từ cuộc thi tài cung thủ từ hồi còn ở đất Trường Yên. Có phải tên cũ của khanh là Nguyễn Đạt Tài?

- Tâu bệ hạ đúng ạ. Trong lòng vị võ sư vừa mừng vừa lo. Mừng vì vua còn nhớ rành rõ mình từ thuở còn là một tên tiểu tốt vô danh. Chỉ vì trong cuộc thi tuyển ba kỳ lấy cung thủ thiện xạ sung vào đội quân Tuỳ long để hộ giá, ta đều đỗ đầu. Vua liền hỏi tên họ quê quán. Nghe xong, vua phán: “Vậy là người đã “đạt tài” rồi. Nay ta cho người cái tên khác để chứng tỏ tài thần tiên của người; thay vì Nguyễn Đạt Tài, từ nay tên người là: Nguyễn Nguyên Thủ”.

Còn lo là bởi hoàng tử ham mãi kiếm cung thái quá, nên có phần xao nhãng học hành chữ nghĩa. Việc này, nếu các ông sư phó hặc tâu, ắt ta mang trọng tội. Hơn nữa, sức hoàng tử quả có hơi mãnh. Nhưng ý chí lại rất cương cường.

- Tốt lắm! Gắng hầu hạ hoàng tử cho nghiêm cẩn, ta sẽ có thưởng. – Thế còn vị này, vua Thuận Thiên chỉ tay vào người đứng sau võ sư Nguyễn Nguyên Thủ.

Mặt ông ta ngậy ra như không hiểu hoàng thượng hỏi gì.

Vua sinh nghi, hỏi hoàng tử:

- Vũ Đức, người này ở đâu tới dạy con?

Vua Thuận Thiên lim dim mắt, tay vỗ vỗ nơi vầng trán rộng như cố nhớ lại một điều gì. Chợt ngài ngừng phất đầu lên, với vẻ quả quyết, ngài hỏi:

- Có phải người này là bộ tướng của Dương Trường Huệ người man Tống, bị ta bắt cầm tù từ năm Giáp Dần (1014). Sao y lại ở đây dạy con?

Hoàng tử mặt biến sắc, quỳ tâu:

- Lạy phụ hoàng tha tội. Chỉ vì con nghe lời phụ hoàng răn dạy: – Phải thông hiểu kinh sách. Lại phải giỏi việc quân. Mưu lược không chưa đủ, phải giỏi cả đường cung kiếm. Về cung, con đã có vị đô trưởng đây rèn dạy. Còn về kiếm, quả chưa có bậc cao thủ nào chỉ dẫn. Một bữa con ghé thăm trại tù binh, thấy người này cầm thanh củi múa trước các bạn tù. Nom các đường kiếm của ông ta uyển chuyển, mềm mại như hoa rơi tuyết rụng. Con ngó ý với viên giám ngục mượn người này một thời gian. Thoạt đầu y bảo nguy hiểm lắm. Nếu họ trở mặt thì sinh mệnh hoàng tử, tôi không thể lấy đầu ra bảo đảm được. Một lát sau, ngắm nghĩ thế nào, viên giám ngục ghé tai căn dặn người này điều gì rồi y bảo con: thôi được, thần cho hoàng tử mượn y sáu tháng. Thần sẽ cho người giám sát y.

Nhà vua có vẻ đắm chiêu suy ngẫm, hết nhìn vẻ sợ hãi của hoàng tử lại nhìn gương mặt người tù binh. “Tam đình, ngũ nhạc nở nang, cân đối, mắt sáng, tai to... Nếu ta thu dụng, người này có thể trở thành tướng tâm phúc”.

Nghĩ vậy, vua Thuận Thiên quay lại hỏi con:

- Vậy chớ đường kiếm thuật, con hấp thu được đến đâu rồi? – Ông ta có thực tâm truyền dạy cho con ta không? Nhà vua chợt hỏi Nguyễn Nguyên Thủ.

- Tâu bệ hạ, hoàng tử... Nguyễn Nguyên Thủ nói ắp ứng – quả thật thần không biết nói thế nào cả. Chính bệ hạ đã thấy tài thần tiên của hoàng tử rồi. Còn về đường kiếm thuật, cũng chỉ mới học được vài bữa; nhưng hoàng tử đã sớm tỏ lộ một tay kiếm bạt quần. Thần chỉ tiếc, sức hoàng tử hơi mãnh.

- Thôi được, ta hỏi người nếu ta dùng người này làm tướng dưới trướng của con ta có được không, có sợ y manh tâm phản phúc không? Người có giám sát được y không?

- Tâu bệ hạ, để chắc chắn, bệ hạ nên sai bên khu mật viện và ty phản gián tra xét lai lịch y cho rõ ràng, rồi sau đó bệ hạ giao y cho thần quản lãnh, chắc là được. Tâu bệ hạ, có một điều thần rất băn khoăn, nhưng không thể không trình lên bệ hạ xem xét. Dạ, thần băn khoăn chỉ vì y là một tay kiếm siêu việt, nếu bệ hạ không thu phục y, thì nên giết đi, chớ không nên thả y về lại đất Tống.

Vua Thuận Thiên cho những lời tâu của Nguyễn Nguyên Thủ là chuẩn xác. Nhà vua cho gọi người tù binh tới, ngài bảo viên thông ngôn:

- Người hỏi xem ông ta có phải người Hán không?

Được vua hỏi, viên hàng tướng quỳ lạy, và nói:

- Tâu bệ hạ, thần là Lưu Hoảng Định, tự Đích Nhân gốc người Hán, quê Sơn Đông, xưa là nước Lỗ. Nhà thần nhiều đời làm tướng. Cha thần từng giữ chức đô thống, coi thiết đột quân tước Dĩnh xuyên hầu.

Dạ, muôn tâu, thần được người cha là bậc trí huệ, nên cho con cái học hành khá chu đáo. Thần được đi học từ thuở sáu, bảy tuổi, thi vào tới tam trường thì vua xuống chiếu: “Cấm con cái các nhà xuất thân nghiệp võ không được vào thi hội”. Thần phải trở về học tại giảng võ điện. Và đã đậu tào sĩ khoa thi năm Kỷ Dậu, liệt ưu hạng.

Nghe viên hàng tướng kể trôi chảy một cách đáng ngờ, nhà vua muốn tự mình thẩm định nhân cách và tài năng của y, trước khi y được phép dạy hoàng tử. Nghĩ vậy, vua liền bảo Nguyễn Nguyên Thù:

- Khanh dẫn y về phủ Vũ Đức vương để ta hỏi chuyện.

Phân ngôi chủ khách xong, vua cho gọi cả hoàng tử và mấy ông sư phó cùng vào nghe. Nhà vua hỏi:

- Sau khi thi đỗ, người có được bổ dụng ngay không?

- Tâu bệ hạ, vì thần là con nhà dòng dõi, nên sau khi thi đỗ, thần được gọi vào cấm quân, phiên chế trong vệ Kim ngô, chức tả vũ vệ.

- Đang giữ chức tả vũ vệ trong cấm binh, gần cận thiên tử, cơ may thăng tiến hơn người, cớ sao người lại về dưới trướng Dương Trường Huệ?

- Muôn tâu bệ hạ, đầu đuôi câu chuyện hơi dài dòng, bệ hạ có cho phép thần mới dám tường trình lại.

- Được, người cứ nói những gì mà người biết.

- Tâu bệ hạ, nước Tống từ lâu khốn đốn với các rợ Khiết Đan, rợ Liêu và Hạ. Triều đình phải tuế cống cho họ mỗi năm hàng triệu lạng bạc, hàng mấy trăm ngàn súc vải. Nhưng họ vẫn thường xâm lấn biên cương, vào sâu trong cõi bắt gia súc, gái đẹp cùng ngựa chiến. Đang lo mặt bắc chưa yên thì mặt nam, hai viên đầu lĩnh người Thái, người Nùng là Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí nổi lên. Dân theo về chúng như nước vỡ bờ, thế của chúng như chẻ tre, chỉ trong mấy tháng đánh đuổi hết các châu mục, chiếm lĩnh vùng tả hữu giang, làm chấn động cả triều đình.

Thiên tử đang định phái tướng đi đánh dẹp, thì được tin hai nhà Dương – Đoàn liên thủ với nhau, thanh thế lớn lắm. Tể tướng Vương Khâm Nhược bàn rằng: “Nếu đánh hai nhà Dương – Đoàn lỡ không thắng mà nhân cơ hội An Nam lại tiến quân vào cõi, rồi mặt bắc đám Liêu, Hạ lại nhất tề xua quân vào sâu nội địa thì nam bắc lưỡng đầu thọ địch, Trung nguyên nguy mất”.

Dạ, tâu bệ hạ, trong lúc tình thế thật là khó xử, tiến thoái lưỡng nan thì hai nhà Dương – Đoàn dâng sớ xin cắt đất phong vương. Tể tướng Vương Khâm Nhược xin nhà vua nhân cơ hội dụ bảo hai nhà Dương – Đoàn tiến đánh An Nam, chiếm thêm mấy châu, lộ nữa, triều đình sẽ gộp đất hai vùng tả hữu giang cắt cho hai tướng và phong vương luôn thể. Vì háms lợi, hai tướng nhận liền, nhưng xin triều đình cấp thêm cho năm vạn ngựa chiến, một vạn binh cùng ba mươi vạn học lương. Cực chẳng đã, Tống Chân tông không còn cách nào thoái thác.

Thần được phong làm phó đô nguyên súy cùng với đô nguyên súy Lỗ Nguyên, dẫn quân triều đình về vùng tả hữu giang phối hợp với hai tướng man để đánh An Nam. Nếu sau khi hai nhà Dương – Đoàn toàn thắng, chúng thần phải tìm cách trừ khử để tránh hậu họa cho đại Tống. Nhưng thừa bệ hạ, bọn người man này tinh ranh như cáo. Lũ chúng thần vừa chân ướt chân ráo hạ trại, thì hai tướng mở đại tiệc tẩy trần, mời tất cả đám tướng soái của triều đình tới dự. Tiệc chưa tàn thì giáp binh của chúng xông ra trói chặt lũ thần lại bắt giải về dinh. Một vạn quân triều đình được chúng chia nhỏ ra để nhập với binh man. Còn lũ chúng thần được đưa về dưới trướng giam lỏng.

Viên hàng tướng thở dài như vừa trút được gánh nặng, đoạn y nói tiếp: – Tâu bệ hạ, thật là may mắn cho thần, chính bệ hạ đã cứu sinh mệnh thần.

Vua Thuận Thiên mỉm cười hỏi lại:

- Sao vậy?

- Tâu, nếu như lũ tướng man Dương – Đoàn kia mà thắng, thì chắc chắn là chúng sẽ giết bọn thần trước khi chúng được Tống Chân tông phong vương. Và rồi chúng cũng sẽ giết nhau.

- Nhắm vào bằng cớ nào mà người nói vậy? – Vua hỏi.

- Tâu bệ hạ, khi thần bị giam lỏng dưới trướng Dương Trường Huệ, vẫn thấy Đoàn Kính Chí lui tới viếng thăm nhau. Đôi lần họ đã bàn đến chuyện chinh phục xong An Nam, Tống Chân tông phong vương thì

ai làm vương, ai giữ ấn. Hai tướng đều không có ý nhường nhau. Cứ lần nào bàn đến chuyện này họ cũng đều to tiếng. Thần ngờ rằng họ có âm mưu hạ sát nhau. Và vì vậy, bọn thần tuy là tướng của triều đình, nhưng nếu ở với bên này, ắt là kẻ thù của bên kia. Vì thế, hai bên sẽ cùng ra sức lôi kéo. Lôi kéo không được, ắt sẽ trừ khử. Bởi thế được thua trận, lại được làm tù binh của bên hạ, thần cho là đại hạnh.

Vua Thuận Thiên nghe người tù binh nói có lý, trong lòng đã bớt nghi hoặc tới tám chín phần. Nhưng lại nghe y xu nịnh “được thua trận, được bắt làm tù binh là một đại hạnh”, thì nhà vua thấy nó nghịch cái lỗ tai quá; ngài cảm thấy khinh ghét nhân cách viên hàng tướng nhà đại Tống này tới mức không còn muốn hỏi chuyện y nữa.

Phút im lặng nặng nề khiến người tù binh cảm nhận như có điều gì nguy hiểm đang đến với y.

Chợt vua Thuận Thiên cao giọng hỏi:

- Nếu ta tha mạng sống cho ngươi, lại cho ngươi về đất Tống thì sao?

Y vòng tay vái nhà vua rồi quỳ xuống lạy hai lạy. Y nói giọng ấp úng như là một sự bề bàng:

- Tâu bệ hạ, thần biết bệ hạ không chỉ khinh bỉ thần mà còn khinh bỉ cả Tống Chân tông. Vì rằng vua nào thì tôi ấy. Tống Chân tông hèn yếu tới mức bất cứ một kẻ nào đe dọa xâm lăng là ông ta đã run lên rồi. Triều quan nước Tống của thần phần đông là lũ sâu mọt, chỉ đủ tài đức khoét và ức hiếp dân lành, nhưng lại sẵn lòng hợp tác hoặc đầu hàng kẻ thù. Ngay mấy thủ lĩnh người man như Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí vốn là những thổ hào quy tụ đám dân đói khát, ô hợp vài chục vạn người mà quan quân bản hạt cũng sợ rúm người lại không dám đánh dẹp. Còn triều đình thì chúng vừa yêu sách đã phải lập tức thoả mãn. Như thế có khác nào khuyến khích bọn chúng làm loạn.

Tâu bệ hạ, nước Tống của thần hiện nay quan lại phần nhiều là bọn lưu manh, giặc cướp cả. Chẳng thế mà trong dân gian đang lưu hành câu ngạn ngữ: “Dục đắc quan, sát nhân phóng hoả thọ chiêu an”^[78]. Vì rằng những kẻ được chiêu an lại thường được phong quan chức.

Viên hàng tướng dường như không nén giấu nổi xúc động đành để rơi mấy giọt lệ. Ông ta đưa cánh tay áo quệt nước mắt rồi nói tiếp: – Tâu, bệ hạ có thể khinh bỉ thần. Song quả thực sống trong một đất nước mà những người đứng đầu nhu nhược, hèn yếu như vậy thì người dân khó có khả năng gìn giữ được nhân cách. Dạ đúng như thế đấy ạ, đạo quân tử là xuất phát từ thời Xuân Thu. Nhưng nước Trung Hoa của thần ngày nay hầu như chỉ có lũ tiểu nhân ngự trị.

Tâu hoàng thượng, thần cũng chỉ là một con tốt đen trong đám tiểu nhân ấy thôi. Thần là một đứa nhu nhược đã hai lần bại trận. Đến nỗi mấy tên đầu mục người man chúng cũng lừa bắt gọn bọn thần rồi cướp không cả một vạn quân triều đình. Bệ hạ còn hỏi thần vì sao ư? Muôn tâu, ấy là từ quan đến lính không một ai còn muốn đánh nhau nữa. Mà đánh nhau cho ai, chết vì cái gì chứ. Nước của thần hiện giờ không khác gì một hũ tương thối. Chính vì vậy thần muốn nói được thua trận lại được làm tù binh của bên hạ là đại hạnh. Và chính bên hạ đã cứu thần. Thần nói đó là nghĩ suy thành thật tận đáy lòng, nhưng cũng vì thế mà bên hạ khinh bỉ thần là một kẻ giá áo túi cơm. Thần là kẻ cùng đường mặt vắn lại xô vào nghịch cảnh, bên hạ thương tha cho, ơn ấy mong có ngày báo đáp. Song le, nếu bên hạ bắt thần phải về đất Tống, thì thần xin bên hạ cho được chết trên đất của bên hạ.

Nghe những lời trần tình chân thực như được nhỏ ra từ máu và nước mắt của viên hàng tướng nhà đại Tống, vua Thuận Thiên không những thương cho thân phận của y mà nhà vua còn thầm biết ơn vì chính y, đã vô tình cảnh tỉnh cho ta bài học cay đắng của vua tôi nhà Tống. Đó là sự ngu tối của kẻ cầm đầu bộ máy quốc gia, khiến cho cả triều đình lâm vào trì trệ, kéo theo cả một triều đại suy yếu. Sự hèn kém của triều đình khiến cả một đất nước vĩ đại dường ấy, mà phải sống chui nhủi như một lũ chuột.

Vua lại tự nghĩ, cứ gì nhà Tống, ngay trên đất nước này hơn chục năm về trước, Ngọa triều Lê Long Đình trị vì, y chẳng đã biến cả đất nước thành một nhà tù vĩ đại, biến cả đất nước thành một pháp trường đó sao. Dân chúng thì đói khổ, sợ sệt, ly tán không ai còn muốn sống nữa. Ngay ta là một quan lớn, chức tới điện tiền chỉ huy phó sứ trông coi cấm binh, mà tính mệnh lúc nào cũng như cá nằm trên thớt. Chỉ cần vua phật ý, là bị bỏ nấu trong vạc dầu như chơi. Nhiều lúc ta tự hỏi: không hiểu mình đang sống trong thời đại nào đây. Ngoài vua ra, sinh mệnh mọi người không có gì bảo đảm. Thật là man rợ, khi con người

ta sống trong một xã hội không có luật pháp. Dù có vài quy ước gọi là luật pháp thì cũng không bao giờ được tôn trọng, thử hỏi có khác gì xã hội của loài cầm thú. Ôi chao, cái thời mạt kiếp đó mà còn tồn tại tới ngày nay, dân tộc ta chắc đã bị diệt chủng.

Chợt nhớ đang nói chuyện với Lưu Hoảng Định, một viên hàng tướng với biết bao nỗi niềm cay đắng và mang một bầu tâm sự đầy bi phẫn, nhà vua cảm thấy nể trọng y và thực tâm muốn cứu y. Vua bèn khẫu dụ:

- Lưu Hoảng Định tướng quân, người có bằng lòng làm quan tại nước Nam không? Ta cho người giữ chức cũ, lại cho người rèn dạy con ta thành tài, ý người thế nào?

Lưu Hoảng Định quỳ lạy nhà vua ba lạy:

- Bệ hạ chính là người đã sinh ra thần lần thứ hai, thần nguyện đem hết tâm lực ra phụng sự bệ hạ.

- Thôi được, vua Thuận Thiên nói. – Tạm thời khanh cứ ở lại cung của Vũ Đức vương, ta sẽ sai Trung thư sảnh sắp xếp sau.

Thái tử Lý Phật Mã đi mở phủ, thoát đã được gần ba năm. Thầy trò khai phá được một khoảnh đất chừng năm mẫu. Mấy vụ đầu đám ruộng cao gieo lúa nương, còn khoảnh trũng cấy lúa nước, nhưng từ khi lúa trở bông tới lúc vào mẩy, hết chuột đến gà rừng, công, trĩ cùng lợn rừng phá hết. Gặt về chỉ được năm rơm còn đeo bám mấy hạt lúa lép.

Vụ thứ hai chuyển sang trồng khoai, trồng lạc cũng bị nhím và lợn rừng moi móc hết củ, chỉ còn trơ lại đám dây héo.

Thái tử than vãn với mấy cụ lão nông trong hương ấp đến chơi:

- Cứ cái đà này, hết hạn đi mở phủ, lũ chúng tôi lấy gì mà nộp thuế cho quan.

Cụ Thảo, người trong xóm hay lân la ra ngoài trang ấp của thái tử thăm viếng, lúc con cá khi lá rau, nhà có gì thường hay đem biếu. Gọi là hàng xóm, tắt lửa tối đèn có nhau. Nghe thái tử nói, cụ vuốt râu mỉm cười:

- Thái tử cứ lo xa, quan quân nào dám tới đây thu thuế của ngài.

Ông xã trưởng về khúm núm:

- Thái tử cả nghĩ, từ ngày khai phá mảnh đất này, ngài đã thu hoạch được chút hoa lợi nào đâu mà lo tới chuyện thuế với tô, vả lại triều đình đã có mệnh, đất mới khai vỡ được miễn tô, thuế từ năm đến mười năm kia mà.

Lý Phật Mã nhìn mọi người với vẻ biết ơn vì lòng cảm thông của họ, thái tử nói:

- Từ ngày chúng tôi về đây, may mắn được bà con đùm bọc. Các vị chức dịch cũng coi chúng tôi như dân trong hương ấp, tình cảm thật là ấm áp. Ngặt vì chúng tôi vụng quá, có làm mà chẳng có ăn. Đó là tại chúng tôi không giữ được, để thú rừng nó tranh ăn mất chứ có phải thiên tai địch họa gì mà đòi ân giảm tô, thuế. Thái tử có vẻ lo lắng: – Nếu không có cách nào canh giữ được chim, thú thì chúng tôi vẫn cứ phải đóng thuế cho quan trên.

Cụ Thảo thở dài, vẻ cảm thông, cụ nói:

- Bẩm thái tử, hay là thế này, thái tử thử tính lại xem, nếu ta trồng dâu, chăn tằm thì sao. Chân đất này ưa dâu lắm. Dâu bốn mươi ngày một lứa hái, tằm cũng bốn mươi ngày là chín. Có dâu là có kén, có kén là có tơ, có lụa. Tơ lụa đổi lấy lúa gạo, lo gì.

Lý Phật Mã vỗ tay đánh đét một cái, chàng reo lên, cái giọng đang vỡ, nghe nửa ấm, nửa khàn:

- Ôi trời, có thế mà không nghĩ ra. Chàng nhìn cụ Thảo với vẻ biết ơn. Lúc này thái tử nhìn cụ bằng cả tấm lòng của mình, nên thấy được các nét sâu kín qua các đường nhăn ngang dọc hằn trên gương mặt già nua của cụ. Đúng là ông cụ lo lắng cho ta, như cha mẹ ta lo cho ta vậy. Khẽ nắm bàn tay chai thô nháp của cụ Thảo, thái tử nói với vẻ xúc động:

- Phật Mã tôi vô cùng biết ơn tấm lòng bao dung của các cố lão. Xin các cố lão chỉ dẫn cho. Tôi sẽ bắt tay ngay vào việc trồng dâu. Chắc là không có con vật nào ăn lá dâu nữa mà sợ mất mùa.

Cụ Thảo phủ cái nhìn lên người thái tử như toả một tình thương ấm áp lên cái thơ ngây của tuổi trẻ. Với giọng cười xởi lởi, cụ đáp:

- Trồng dâu là chắc ăn, nhưng vẫn phải canh giữ đấy thái tử ạ.

- Sao vậy, thưa cụ?

- Loại thú ăn củ, ăn quả thì nó không ăn lá, cụ Thảo thùng thảng nói: – Nhưng loại thú ăn cỏ như hươu nai thì nó lại ăn lá thưa thái tử.

Về thất vọng, thái tử hỏi: – Vậy làm thế nào mà giữ được, thưa cụ?

- Thái tử khỏi lo. Loại thú này dễ giữ lắm. Chỉ cần đóng cọc vây quanh nương dâu, rồi lấy dây chằng lừa thừa quanh cọc. Trông thấy vậy, là chúng đã bỏ đi rồi, chứ không tìm cách phá rào như lũ lợn rừng.

Sáu tháng sau, nương dâu tốt xanh mơn mớn. Bốn lá tằm chăn thử lứa đầu trông đã bắt mắt. Tuy chưa đến kỳ ăn rồi, nhưng da tằm sáng đẹp, đều con. Dân trong làng ai cũng khen “thái tử mát tay”.

Để khi tắm chín có kén, phải có người biết ươm tơ, nếu không cũng chỉ là công dã tràng; thái tử bèn vào trong hương ấp nơi nhà người bạn Mai Mạnh Minh học cách ươm tơ. Chẳng là thái tử thường qua lại nhà bạn, thấy người em gái Mạnh Minh ươm tơ giỏi lắm!

Bữa nay thái tử đến đột ngột. Dường như chỉ có một mình chàng với con Huyền Đề lẻo đẻo theo sau. Có khi nó chạy vượt lên trước, khịt khịt cái mũi đánh hơi, rồi nó dẫn chàng đến đứng cổng nhà họ Mai.

Con Huyền Đề sủa ba tiếng đồng đặc, tựa như nó gọi chủ nhà. Bên trong cổng, đàn chó thấy động kéo cả bầy sủa ầm ĩ. Người nhà ra xua chó vào cũi, và người mở cổng lại chính là cô Mai Minh Nguyệt. Nguyệt cúi chào thái tử, nàng bèn lên mời thái tử vào ngôi tiền đường, nơi cha và anh nàng thường tiếp khách.

Minh Nguyệt xin phép xuống nhà. Lát sau nàng đã thay một tấm áo dài lụa màu thanh cát, tay bê khay trà, và người lực điền bê theo sau chiếc ấm giở. Con Huyền Đề nhảy chồm lên ngăn không cho người lực điền bước qua ngưỡng cửa. Bị con chó dữ chồm bất ngờ, người lực điền buông tay, chống đỡ. Chiếc ấm giở đầy nước nóng rơi xuống vỡ tan. Nước bắn tung toé, chân anh lực điền bị bỏng nhẹ. Con chó nhảy lùi lại phía sau ngoạm vào gấu quần anh lực điền không cho anh nhúc nhích.

Thái tử vội chạy ra mắng con Huyền Đề:

- Mày hỗn! Vào nhà ngay!

Con chó nhảy vọt qua ngưỡng cửa vào nhà. Mắt nó vẫn không rời khỏi anh lực điền.

- Nằm vào góc kia! Thái tử vừa nói vừa chỉ vào góc nhà. Con chó chạy vào nằm gọn, đầu cúi xuống như thể biết rằng nó có lỗi.

Mọi việc xảy ra nhanh quá, lúc này thái tử mới nhìn thấy Minh Nguyệt đứng nép vào cạnh cửa, mặt tái xanh, tay vẫn ôm khư khư khay trà.

Với vẻ lúng túng, thái tử phân bua:

- Chỉ tại con chó của ta làm nàng hoảng sợ, xin nàng thứ lỗi.

Gương mặt thiếu nữ từ tái xanh chuyển sang hồng hào. Nàng nói như người mắc cỡ:

- Xin thái tử tha tội, song thân và cả huynh trưởng thiếp sớm nay về thăm quê ngoại, thiếp phận gái vùng về, quê kệch.

- Ô không! Không sao cả. Lỗi tại ta. Ta đến thăm đường đột quá khiến nàng khó xử. Mong nàng thứ lỗi cho.

Trong khi cả thái tử và Minh Nguyệt đều khó xử, vì không một người đàn ông nào có nhà, thì Mai Trọng Mẫn, người anh kế của Minh Nguyệt đi săn cũng vừa về. Vai chàng mặc một cây cung, giỏ tên trĩu phía sau hông. Tay xách trĩu tới cả chục con gà gô và chim trĩ. Hai con chó săn mình thon, chân cao như chân sếu chạy quanh quẩn bên chân chàng.

Trọng Mẫn vừa bước vào sân, thái tử đã nhận ngay ra người em của bạn mình, chàng ló ra cửa vừa trông thấy Trọng Mẫn trong dáng vẻ người lính vừa thắng trận trở về. Chàng khen:

- Ta nom công tử oai phong như một vị tướng.

Nhận ra thái tử, Trọng Mẫn mừng rỡ reo lên:

- Kính chào thái tử có lòng hạ cố. Xin thái tử tha tội, bữa nay song thân và huynh trưởng của thần về vấn an bên quê ngoại, thành thử không biết có thái tử ghé thăm để làm lễ cung nghinh.

- Ô không! Ô không! Thái tử xua tay đáp lời. Hãy coi ta như một người bạn của anh em công tử. Hôm nay ta đến đây có việc phải phiền đến lão bá và hai công tử.

Vừa lúc người lực điền bị con Huyền Đề làm phiền ban nãy chạy lên nhà chào cậu chủ, và nhân tiện báo với cô chủ:

- Thưa cô, nồi kén ươm sôi già lắm rồi, cô xuống nhà ngay kéo hồng mễ kén.

Minh Nguyệt bèn lên vái thái tử rồi xin phép xuống nhà. Cô chạy nhanh vào ngôi nhà ngang. Tại đây một nồi kén đầy đã phơi khô, màu kén vàng ươm thơm mùi tơ và cả mùi nắng. Nồi nước kéo kén sôi liu riu, nhưng mễ kén đang kéo dở thì có khách, lúc này thấm nước, mọng sẫm.

Nguyệt ngồi ngay vào ghế, tay cầm lấy đôi đũa khuấy khuấy vào những chiếc kén thấm nước nửa nổi nửa chìm, để tìm ra một đầu mối. Khuấy mãi mới lấy được mối, nhưng không kéo thành sợi được, mà chỉ

thành những đoạn tơ ngắn, gút xù xì. Mọi cố gắng đều không thành, cô đành vớt mẻ kén ra một chiếc bát múc canh. Mẻ kén hồng là bởi ngâm trong nước sôi quá lâu. Chờ cho nước sôi bùng lên, cô bốc một nắm kén bỏ vào nồi, rút bớt củi cho lửa cháy lom rom. Nguyệt vừa khuấy đầu đũa vào đã lôi ra được một đầu sợi; cô ghìm đũa giữa đám kén liu riu, và tay kia cô kéo một sợi tơ dài tưởng như vô tận. Những sợi tơ xếp chồng lên nhau trên một chiếc sàng thưa nom như đám dây tơ hồng phủ trên giậu cúc tần nơi đầu ngõ.

Lúc ở trên nhà, sau khi nghe thái tử nói có việc phải nhờ, Trọng Mẫn ngạc nhiên hỏi lại:

- Thừa thái tử, chẳng hay thái tử có điều gì cần sai khiến?

- Không có điều gì quan yếu lắm đâu công tử. Chẳng là các cụ trong hương ấp bày cho ta cách trồng dâu, chăn tằm. Nay dâu đã tốt, tằm thì đang ở lứa đầu, vài ngày nữa sẽ đến kỳ ăn rồi. Chẳng mấy mà tằm vào kén. Ở chỗ ta không có ai biết ươm tơ cả. Bữa trước ta thấy tiểu muội của công tử ươm tơ thạo lắm, định vào đây thưa với lão bá cùng hai công tử để nhờ nàng dạy cho biết ươm tơ.

Nghe xong, Trọng Mẫn cả cười:

- Bẩm thái tử, đó là công việc của đám con gái, đàn bà, thái tử học làm gì. Khi nào tằm của thái tử chín, thần sẽ sai tiểu muội vào kéo tơ hầu thái tử.

- Sao công tử lại nói thế? – Thái tử hơi nghiêm nét mặt. – Phụ vương cho ta đi mở phủ, cốt là để gần dân. Gần dân mà không biết dân làm ăn sinh sống như thế nào, sao thấu hiểu được lòng dân. Cứ lấy việc bọn ta sức vóc như thế này, mấy chục con người khai phá bấy nhiêu lâu mới được năm mẫu ruộng, cấy trồng vật lộn suốt ba năm liền, không thu hoạch được cái gì có thể nuôi sống nhau lấy một ngày. Bọn ta còn được triều đình chu cấp, chớ người dân thì họ sống sao nổi. Nỗi khó nhọc cay đắng của người dân nếu không thấm vào ta, sao ta dám xin phụ vương tha tô thuế cho người nông phu vào những năm bão lụt hoặc sâu bệnh làm cho mất mùa. Công tử à, thái tử hạ thấp giọng, vẻ thân tình – Chính vì lẽ đó, mà ta muốn biết và muốn học cách làm như thế nào để người nông phu có thể sống được. Vậy công tử có bằng lòng giúp ta không?

Trọng Mẫn nghe những lời bộc bạch chân thành và cả việc làm của thái tử, tới lúc này chàng mới nhận ra chính sách thân dân của vị vua mở nghiệp đương triều. Đúng là trước đây chàng cho việc thái tử Lý Phật Mã về quê chàng mở phủ là việc làm chơi bời vờ vịt của mấy ông hoàng, nhằm che mắt thế gian. Không dè, đó lại là chính sách lớn, mang tính lâu dài, phát khởi từ lòng yêu dân, kính dân và thương dân của một đệ tử Phật, một lòng một dạ nhập thế để cứu thế của vua Thuận Thiên. Và vì thế từ đáy lòng mình, Trọng Mẫn cảm phục cả đức vua và thái tử. Vì rằng chính sách này được ban ra từ tấm lòng từ mẫn, chứ không phải là sự canh cải đầu lười của lũ ma vương xảo trá. Nghĩ vậy, công tử bèn đáp:

- Thái tử với lòng cầu thị, Trọng Mẫn tôi vốn thô lậu nên chậm hiểu, mong thái tử tha tội. Chỉ hiềm nơi nhà ngang chật chội, sợ bất tiện cho thái tử.

- Không sao. Không sao. Miễn là ta biết kéo tơ.

Trọng Mẫn mời thái tử xuống nhà ngang. Minh Nguyệt đang ươm tơ, thấy anh mình dẫn thái tử vào thì hốt hoảng đứng dậy. Nàng rất ngượng vì ăn vận sơ sài mộc mạc quá, lại nơi nhà ngang đang bề bộn.

Thái tử như hiểu tất cả, chàng đưa tay ra hiệu cho mọi người việc nào cứ việc ấy.

Trọng Mẫn nói ý định học ươm tơ của thái tử. Chàng bảo em gái:

- Em ráng giúp cho thái tử những gì mà người cần.

Minh Nguyệt không những ngạc nhiên mà còn nghi ngờ việc chàng hoàng tử này đường đột vào nhà, nhân lúc cha mẹ nàng vắng mặt. Nay lại muốn nàng kèm cặp học cách ươm tơ. Chẳng hiểu thâm ý của chàng là gì đây. Nghĩ vậy, Minh Nguyệt tự nhủ: “Nhất định ta phải canh chừng chàng”.

Nhẹ nhàng, Minh Nguyệt nói:

- Tâu, nếu thực lòng muốn học ươm tơ, chắc không có gì khó khăn lắm đối với người sáng dạ như thái tử, song trước hết xin thái tử hãy cứ ngồi xem thiếp làm đã, rồi sau đó người sẽ làm được ngay thôi.

Được lời như cời tấm lòng. Người nhà đưa ra hai chiếc đôn ngồi, chẻ đôi từ một ống tre bương, thái tử và cả Trọng Mẫn cùng ngồi xem Minh Nguyệt ươm tơ.

Thái tử nhìn như dán mắt vào đôi bàn tay nhỏ nhắn của Minh Nguyệt, chàng không bỏ sót một cử chỉ

nào. Thoạt tiên, nàng cho chiếc muôi dừa có đục lỗ vớt những con nhộng đã kéo hết kén đổ ra một chiếc rá. Lại đẩy vung nồi ươm, khơi to ngọn lửa cho nước sôi cuộn lên. Hạ bớt lửa, nàng lấy tay nhẹ dúm một nắm kén bỏ vào nồi. Tay kia cầm đôi đũa khuấy một vòng chìm kén ngập xuống nước, rồi nàng lấy đầu đũa dấp dứ vào búi kén, kéo ra một sợi tơ mảnh. Tay phải dùng đũa chìm hồ búi kén trong nước sôi liu riu, tay trái cứ kéo mãi, kéo mãi sợi tơ cho đến khi trong nồi chỉ còn trơ lại những con nhộng. Mớ tơ đó chuyển ngay sang gian bên cho một người guồng vào quạng. Loáng một cái đã thành “con tơ” và người ta móc nó vào một cây sào tre đem hong nắng ngoài sân.

Thấy Minh Nguyệt làm thoăn thoắt, đôi đũa trong tay nàng tựa như đôi đũa thần, nàng khiến nó một cách ngon lành như người ta gấp thức ăn ở trong bát mình vậy.

Sau khi để thái tử xem mình kéo xong hai mớ tơ, Minh Nguyệt quay ra hỏi:

- Thưa, bây giờ thái tử thử một chút xem sao? Nàng chìa đôi đũa về phía chàng. Đôi má bắt lửa hồng như một trái đào chín, mấy sợi tóc vương trên vầng trán rịn mồ hôi, nom nàng có vẻ đẹp hồn nhiên như một bông hoa tầm xuân nở trước giậu cúc tần. Đón đôi đũa từ tay nàng trao, ngồi lên chiếc ghế còn ấm hơi nàng, tự nhiên chàng trai đang vào tuổi dậy thì thấy lòng mình xốn xang.

Thái tử lặp lại công việc hết Minh Nguyệt vừa làm; cũng tăng lửa, giảm lửa; cũng thả kén vào nồi rồi khuấy đũa. Nhưng oái oăm thay, chàng không lôi ra được một sợi tơ nào, mà chỉ bùng nhùng một búi kén quện vào nhau như mớ chỉ rối.

Cả chục con mắt hồi hộp dõi theo đôi đũa trong tay thái tử, bỗng một ai đó bật ra tiếng cười, rồi oà vỡ những tiếng cười vui làm chật thêm căn nhà nồng hơi lửa và thơm phức mùi tơ ướt, mùi nhộng chín ngày ngậy.

Chính thái tử cũng bật cười, đôi đũa trong tay trở nên luống cuống, chàng khuấy đại một vòng rồi nhắc lên. Nó là một mớ bông bong. Chàng chìa đôi đũa về phía Minh Nguyệt nói như phân bua:

- Ta cũng làm y hết nàng vừa làm, tại sao lại không được, nàng nói thử ta nghe.

Minh Nguyệt đỡ lấy đôi đũa từ tay thái tử, nàng nói:

- Xin thái tử cứ ngồi đó, xem thiếp làm lại một lần nữa. Nói xong, nàng lấy đũa ghì búi kén xuống nước, lại dấp dứ và lấy ra một sợi tơ mảnh, rồi nàng cứ thế kéo dài, dài mãi.

Bất chợt, nàng trao đôi đũa vào tay thái tử:

- Bây giờ điện hạ làm đi. Lần này chắc là được.

Không hiểu sao cầm đôi đũa trong tay, thái tử trở nên lúng túng, không biết bắt đầu từ đâu. Như quên hết tất cả những gì mà chàng nhìn thấy Minh Nguyệt vừa làm.

Nom thái tử lóng ngóng một cách tức cười, Minh Nguyệt bèn nắm trùm lên bàn tay cầm đũa của thái tử, rồi nàng trực tiếp dạy cho chàng cách lấy ra sợi tơ đầu tiên.

Lạ thay, thái tử như “ngộ” ra, và sợi tơ nơi tay trái chàng vẫn kéo dài thun thút. Có điều rằng, tơ Minh Nguyệt kéo, sợi đều tăm tắp. Còn thái tử kéo lại được loại sợi thô, có nhiều gút như sợi dũi.

Mọi người khen thái tử sáng dạ, khéo tay. Và chiều ấy, chàng kéo mãi miết cho đến tối mịt thì được hai con tơ. Mồ hôi rịn ra ướt cả mấy lần áo quần, mặt đỏ gay, nhưng chưa bao giờ thái tử thấy trong lòng mình vui sướng, rảnh rang đến thế.

Đúng lúc ấy Lê Phụng Hiếu, Lý Nhân Nghĩa, Ngô An Ngữ cùng đoàn tùy tùng đi tìm thái tử cũng vừa tới cổng. lát sau cả Mai Mạnh Minh cùng song thân chàng cũng vừa về tới trang ấp.

Khi mọi người vỡ lẽ về cuộc vi hành của thái tử, đều cho rằng sau này thái tử sẽ trở thành vị vua gần dân nhất, thương dân nhất.

Thái tử nhún mình khiêm tốn:

- Lão bá cùng chư vị quá khen, khéo làm Phật Mã tôi tổn thọ mất.

Trong khi mọi người đang quây quần trò chuyện, thì bà Mai Trọng Hựu đã sai gia nhân mổ dê, làm cơm mời khách.

Mùa đông, tiết trời hanh heo, lạnh giá, cây cối trong vườn ngự lá đã ngả hết sang màu vàng úa. Vua Thuận Thiên thấy người hơi khó ở. Chân tay không đau mà mỏi. Trong các khớp chân, khớp tay cứ buồn buồn như có kiến bò, thật là khó chịu.

Thái y viện đã cử đến bốn năm ngự y giỏi vào thăm bệnh, kê đơn, bốc thuốc, nhưng vẫn không trị được.

Trong người đã buồn bực khó chịu, lại liên tiếp nhận được biểu của biên quan, biên tướng nam thủy tâu về, khiến nhà vua càng thêm bực mình.

Rằng nước Chiêm Thành cứ liên tiếp cho quân sang cướp phá, khiến biên dân của ta hãi sợ, không dám ở yên. Nhiều làng dân bỏ đi gần hết. Lúa má, ruộng đồng, cây trái bỏ mặc không người chăm sóc.

Người Chiêm Thành không đánh lớn, không ra mặt xâm lăng. Nhưng cứ nay đổ lên chỗ này một đô quân, mai một lại đổ lên chỗ kia vài đô quân, cướp sạch trơn của nả, trâu bò cày kéo của dân. Gặp ai chống cự là họ bắt trói đem theo xuống thuyền. Khi trở về họ quăng xuống biển.

Kể ra quân thám của họ cũng giỏi. Cứ chỗ nào có quân ta mai phục, họ đều biết và tránh được hết. Bởi họ chỉ quấy nhiễu bằng thuyền nhỏ, quân thì núp kín trong thuyền, lặn vào với những thuyền đánh cá, khiến khó bị phát lộ khi họ chuyển quân.

Cũng phải kể đến việc họ rất thông thạo nghề biển và đường biển. Từ việc tránh đá ngầm, lạch ngòi cạn, nổi, thuyền có thể vào ra lúc nào theo con nước, dường như họ thông thạo hơn cả người mình đã từng sinh sống trong vùng.

Suốt một dải biên thủy thủy bộ dài hàng trăm dặm, họ vào đất ta xuất quỷ nhập thần, như ma. Họ quấy phá khiến dân ta không thể nào mà an cư lạc nghiệp được.

Xem xét kỹ lưỡng các biểu dâng của biên quan, biên tướng, vua Thuận Thiên đã toan ngự giá thân chinh thảo phạt.

Triều quan ra sức can ngăn vua mới tạm nguôi ngoai, chờ cho sức khoẻ bình phục. Nhưng dẫn đo cân nhắc thế nào, vua lại cho triệu Khai Thiên vương, nội thị Lý Nhân Nghĩa, tướng quân Lê Phụng Hiếu, đô tướng Ngô An Ngữ gấp về triều.

Nhận chỉ tuyên triệu của vua cha, hoàng thái tử Lý Phật Mã đốc thúc các tướng phải thu xếp lên đường ngay. Hoàng tử chỉ đem theo vệ sĩ Nguyễn Văn Săn. Con Huyền Đề đã định để lại, nhưng nó tìm mọi cách để được theo chủ. Cuối cùng hoàng tử phải cho nó đi cùng.

Công việc nông trại, hoàng tử nhờ thầy sư phó Trương Tuấn Minh ở nhà sai bảo mấy đứa hầu coi sóc.

Hoàng thái tử vừa về đến kinh, thay đổi y phục xong lập tức đến vấn an hoàng hậu, vấn an nhũ mẫu rồi chàng vào thẳng điện Long An để vấn an vua cha.

Thấy sắc diện và cả tiếng nói của vua cha khác thường, thái tử lấy làm lo lắng hỏi:

- Con cảm thấy phụ hoàng không được khoẻ. Chẳng hay người đã cho ngự y thăm bệnh chưa ạ?
- Đúng là ta hơi khó chịu. Chắc là do tuổi già thôi.
- Con không được hầu hạ phụ hoàng... Thái tử lấy làm buồn.
- Thôi con. Việc đau yếu là chuyện thường như thời tiết khi nắng khi mưa, con không phải lo cho ta.

Riêng có việc này, ta muốn trao cho con.

- Nếu phụ hoàng uỷ thác, dù xông vào nước, lửa con cũng không dám từ nan.
- Vậy thì con chuẩn bị thay ta đi dẹp nạn hải tặc Chiêm Thành.
- Thừa phụ hoàng, Chiêm Thành lại gây hấn?
- Ta rất đau lòng chuyện nam thủy. Thật ra ta muốn sống hoà hiếu, nhưng người Chiêm cứ cho quân sang cướp bóc, gây rối, khiến biên dân của ta không được an cư lạc nghiệp.

- Phụ hoàng đã tin cần trao cho con trọng trách, xin phụ hoàng cho con phương lược. Con đánh thẳng vào kinh đô nước họ, bắt vua họ, hay chỉ đánh vào mấy châu, quận biên thủy thôi ạ.

Vua Thuận Thiên đỡ văng trán hơi lấm tấm mồ hôi. Với vẻ cân nhắc thận trọng, ngài nói:

- Gây hấn với nước láng giềng là điều ta không muốn. Song Champa coi thường ta quá. Dù rằng ta đã có nhờ cảnh báo với vua nước họ rằng, chớ phạm đến biên dân của ta mà tự chuốc lấy tai hoạ.

Vua Thuận Thiên đặt tay lên vai hoàng thái tử Phật Mã, nhà vua nói chậm rãi vừa như cha con bộc bạch tâm tình, vừa như giao trọng trách cho con. Nếu như ta không bị đau, hẳn ta phải đạp đổ kinh thành nước họ, bắt vua họ về trị tội. Nhưng thôi, còn nhiều cơ hội. Ta chắc rằng họ sẽ còn khiêu khích ta, còn cướp bóc dân ta, còn mưu đồ gặm nhấm giang san của ta; cho tới khi nào họ bị tiêu diệt hoàn toàn. Ta cũng không hiểu vì sao những kẻ giữ trọng trách chăn dân của nước này lại thờ ơ với thân phận người dân nước họ đến thế. Một khi họ đã không muốn cho dân nước láng giềng được sống yên ổn; thử hỏi nước láng giềng có để cho dân họ được sống an cư không?

Ấy là chưa kể nước họ yếu hơn nước ta. Dân họ ít hơn dân ta.

Thái tử chăm chú lắng nghe những lời than phiền mang nỗi bức bối của vua cha đối với người Chiêm.

- Con à! Nhà vua lại nhìn thái tử với vẻ trù mến và tiếp: – Con chưa đủ sức đánh vào kinh thành nước họ, hỏi tội vua họ đâu. Việc ấy, chắc sẽ phải xảy ra, nếu như Chiêm Thành vẫn mang lòng hiếu chiến. Bây giờ, ta chỉ cần con đem binh đánh nát trại Bồ Chính cho ta. Con phải đánh triệt hạ tận sào huyệt chúng nó, nhưng chớ có tàn sát người dân vô tội, chớ có cướp phá đồ ăn thức đựng cùng là các dụng cụ cày kéo của họ.

- Lần xuất chinh này, ta muốn tập dượt cho con, để mai đây, khi ở ngôi, con biết phương lược điều hành đất nước. Biết đối sách với lân bang trong thế cường, nhu tùy sức, tùy thời.

Thái tử nghe vua cha răn dạy, tự thấy lo lắng nhiều hơn về con đường mai hậu. Chàng nhẹ nhàng nói:

- Bẩm phụ vương, chẳng hay con được đem bao nhiêu quân, có những tướng nào trợ giúp, và bao giờ thì con được phép xuất quân?

- Được! Ta đang định nói với con về các điều đó. Trước hết, con được mang theo tất cả tì tướng của con mà ta đã cho theo con từ mấy năm nay. Con nên nhớ, đó là những danh tướng của triều ta, mà cha ưu ái dành cho con.

Suy nghĩ giây lâu, nhà vua lại nói:

- Ta sẽ cho thái bảo Đào Thạc Phụ đi cùng con. Người này tuổi tuy cao, nhưng đầu óc lúc nào cũng thông sáng, mưu lược táo bạo, bất ngờ. Có tài lừa địch, dụ địch, biết tránh chỗ mạnh và biết đánh vào chỗ địch yếu. Con, lần đầu tiên viễn chinh, nên ta phải dùng Thái bảo để mưu việc cùng con. Bởi con chưa quen thạo chiến trận, nhất là đối với kẻ địch mưu mô như ma, ẩn hiện như quỷ, nên con phải biết nghe lời khuyên của các bậc lão thần, của những tướng lĩnh đã quen thông trận mạc.

- Bẩm phụ vương, con được phụ vương bày xếp cho chu đáo đến từng việc, con quyết không dám phụ lòng. Thế còn việc xuất quân, con chưa nghe phụ vương dạy bảo?

- Con khỏi lo, để mai ta triệu Thái bảo cùng các tướng mật bàn. Việc này phải kín nhem như bưng, người trong nước không ai được biết, thì mới lừa được bọn ngoại gián vẫn lẩn lộn ở Thăng Long.

Sáng sớm, Thái bảo Đào Thạc Phụ đã có mặt tại điện Long An. Một lát sau các tướng Lê Phụng Hiểu, Ngô An Ngữ, Lý Huyền Sư cùng nội thị Lý Nhân Nghĩa và cả hoàng thái tử Lý Phật Mã đã tề tựu đông đủ tại nhà đại bái.

Vua Thuận Thiên từ trong hậu điện bước ra. Các tướng lạy chào.

- Miễn lễ! Miễn lễ! Nhà vua nói. – Các khanh an tọa, ta bàn việc luôn.

Trà nô dâng vừa xong một tuần nước. Vua lại sai ban cho mỗi người một chung ngự tửu.

Đoạn vua hỏi:

- Vậy chớ các khanh có biết ta triệu các khanh về đây có việc gì không? Nhà vua nhìn khắp lượt, rồi dừng mắt ở thái bảo Đào Thạc Phụ.

Đào Thạc Phụ mỉm cười, tựa như ông đã biết hết các việc mà vua sắp bàn. Chậm rãi, thái bảo nói:

- Muôn tâu, bệ hạ gọi chúng thần về để ban cho ngự tửu. Thái bảo ngập ngừng... Rồi sau đó, bệ hạ cho chúng thần đi chinh phạt phương nam ạ.

Vua Thuận Thiên cười lớn:

- Khanh quả thật là tri kỷ của ta. Thôi được, ta nói vào việc ngay. Chiêm Thành không để cho dân ta sống yên. Vì vậy phải trừng phạt để răn đe. Nhưng đánh thế nào, để dân Chăm phải oán vua nước họ, thì việc xuất chinh của ta mới thu được thành tựu cao.

- Phụ hoàng dạy thế, có nghĩa chúng thần phải đem binh đánh vào lòng người? Hoàng thái tử Phật Mã hỏi vua cha.

- Đúng vậy! Nhà vua đáp. – Nếu các khanh chỉ chú trọng tàn sát người và của của dân Chiêm Thành, tức là các khanh đã phá kế hiếu hoà của ta, và giúp đắc lực cho sách lược hiếu chiến của triều đình Chiêm đạt thành tựu mỹ mãn.

- Con xin lĩnh ý phụ hoàng.

- Vậy thời, vua Thuận Thiên nói: – Ta cho các khanh xuất năm vạn binh. Thái tử Phật Mã giữ ấn nam chinh, giữ quyền thượng tướng.

Thái bảo Đào Thạc Phụ, Phó Đô nguyên súy chinh thảo thượng tướng quân, giúp rập mọi việc cho hoàng thái tử.

Ta cho Lý Nhân Nghĩa, Lý Huyền Sư làm tả hữu cho Phật Mã, Lê Phụng Hiếu làm tướng tiên phong.

Ngoài ra cất nhắc tướng nào vào việc nào, hành binh thế nào, tiến đánh thế nào, tùy các khanh sắp đặt. Ta chỉ khuyên các khanh một điều phải nhớ kỹ: Không được coi thường địch. Không ham đuổi địch vào sâu đất nó mà mắc mưu. Chinh phạt xong, mau chóng rút về, không được ở lâu trên đất địch. Đến, đi đều phải thoát ẩn, thoát hiện, kín nhem như bưng. Nếu không sẽ là đại bại.

Thái bảo Đào Thạc Phụ lại hỏi:

- Bệ hạ, bao giờ thì chúng thần phải lên đường?

- Nhanh nhất là mười ngày, chậm nhất là ba mươi ngày, các người phải xuất quân.

Đào Thạc Phụ quay sang nói với thái tử:

- Xin thái tử nhận với hoàng thượng hạn kỳ nhanh nhất đi. Thần đã có kế đây rồi.

Thái tử bèn xin với vua cha:

- Chúng thần xin được xuất binh sau mười ngày nữa.

- Được! Nhưng phải chu đáo mọi mặt, không vì hạn kỳ nhanh mà để sơ khoáng trong việc chuẩn bị khí giới, lương thảo, thuốc men.

Ngày ngày hôm sau, thái bảo Đào Thạc Phụ đã trình thái tử phương sách chuẩn bị gấp gáp cho việc xuất quân.

Để quân đi được kín nhem, sẽ không điều về Thăng Long. Ngược lại quân tại Thăng Long chỉ điều một vạn xuống thuyền đi ngay. Ngày ấn nấu trong khe lạch, đêm thuận gió giông buồm.

Ba vạn quân khác lấy tại hai lộ Sơn Nam thượng, hạ. Một vạn quân xuống thuyền đi tại cửa Đại Ác. Hai vạn xuống thuyền đi tại cửa Thần Phù.

Một vạn quân lấy tại Ái Châu, xuống thuyền đi tại Cửa Biện. Tất cả các đoàn, đội đều ngày nghỉ, đêm đi. Sao cho nửa tuần trăng thì về hội đủ tại Cửa Hội.

Từ Cửa Biện trở vào nam phải ém quân kín như bưng. Bởi vùng này gần biển Chiêm Thành quân Chăm thường dùng hải đội đi lùng sục, cướp bóc các thương thuyền qua lại. Nếu để lộ, họ biết mà phòng bị kỹ càng, quân ta sẽ hao tổn máu xương không kể xiết.

Mười ngày sau kể từ lúc rời Thăng Long, thái tử và đoàn tùy tùng đã dừng thuyền neo đậu tại Vũng Biện Sơn, cũng gọi là Cửa Biện.

Thấy núi sông hùng vĩ, biển trời bao la, hoàng thái tử cảm nhận như có khí thiêng ngưng tụ, hẳn có thần linh ngự trị. Bèn sai thiết lập hương án, sắp bày trà nước cùng hoa trái để thái tử tự mình cáo với trời đất và thần linh.

Lễ vật sắp đặt xong, trời vừa sẩm tối. Phút chốc màn đen phủ kín bầu trời, khiến không phân biệt được đất liền với trời biển nữa.

Thái tử thắp một bó nhang, vái trời, vái đất, vái bốn phương tám hướng rồi khấn rằng:

“Thần là một thiếu niên mới lớn, chưa hiểu thấu đạo trời, lễ người. Nhân vì nước Chiêm Thành vô

cố cho quân xâm hại đất nước của thần, giết hại lương dân khiến thần, người đều giận.

Nay vâng mệnh vua cha đem binh đánh dẹp kẻ ác. Thần lần đầu tiên cầm quân viễn chinh vào đất địch. Tuổi còn niên thiếu, chưa trải chiến chinh trận mạc, chỉ biết đem lòng chí thiện trừ quân gian ác, xin trời, thần phù hộ cho sự nghiệp trừ ác được viên thành”.

Khấn xong, thái tử cắm hương vào bình rồi rót một chén rượu, một nửa vẩy lên trời, một nửa đổ úp xuống đất.

Lạ thay, từ dưới đất bốc lên một làn khói trắng xông thẳng lên trời. Trời tự nhiên quang đãng trở lại. Sao hiện ra chi chít.

Đêm ấy thái tử ngủ tại trung quân. Nửa đêm mơ thấy một vị thần mắt sáng như sao, da mặt ánh lên một màu vàng rực. Cất giọng cười vang vang như tiếng chuông. Vị thần đó nhìn thái tử với vẻ trù mến, rồi nói:

“Ta là thần ĐỒNG CỔ Ở NÚI ĐAN NÊ. Nhân buổi tối nghe thái tử đem lòng nhân đi dẹp giặc, có cầu kiến thần phù hộ.

Vậy nghe ta nói đây. Nếu thái tử vào đất giặc đem cái tâm thiện trừ kẻ ác, giữ sự an lành cho dân, thời ta sẽ phù trợ cho được thắng trận trở về”. Nói xong, thần giơ bàn tay huơ lên mặt thái tử rồi vụt biến.

Tỉnh dậy, thái tử lấy làm mừng lắm. Muốn để chiêm nghiệm xem việc đó thực hư thế nào, nên thái tử không kể lại với ai, mà chỉ hỏi quan sở tại xem trong vùng có đền nào thờ thần “Đồng Cổ”, có địa danh nào tên gọi “Đan Nê” không. Chức dịch cho biết, ngôi đền thờ thần Trống Đồng ấy thế truyền có từ thời Hùng Vương nhưng không biết vào đời nào thuộc chi Hùng nào. Chỉ biết thần rất thiêng như hạn hán mà cầu đảo ắt được mưa. Dịch bệnh mà lập đàn cúng lễ, tai ương cũng qua. Đan Nê cách Cửa Biện chừng vài chục dặm.

Nghe nói vậy, thái tử lấy làm mừng rỡ, và tự hẹn, nếu thắng trận trở về thế nào cũng đến tạ.

Quân đã về hội đủ tại Cửa Biện, thay vì vào Cửa Hội. Vì Cửa Hội rất gần với hải phận của người Chiêm. Thái tử cho nghỉ ba ngày rồi lại tiếp tục hải trình vào đất giặc.

Chừng giờ mùi, hải binh xuất phát. Thuận gió, thuyền đi như bay. Tới giờ tí, các thuyền được lệnh phải cho quân ăn uống no nê, và mỗi người mang theo một vắt cơm nắm để dành cho bữa sau. Phòng khi vừa cập bến đã gặp địch, phải giao chiến ngay.

Đầu giờ dần, khi trời còn chưa sáng rõ, toàn thể năm vạn quân đã đổ bộ lên bờ, lập xong doanh trại, bố phòng sau trước ứng cứu liên hoàn, phòng quân Chiêm bất ngờ tập kích.

Tới giờ thìn, vẫn không thấy phía người Chiêm cho quân đến khiêu chiến, thái tử Lý Phật Mã bèn phái Hữu đô tướng quân Lê Phụng Hiếu lĩnh năm trăm quân đi vòng phía nam vào thành Bố Chính.

Tả đô tướng quân Ngô An Ngữ lĩnh năm trăm quân đi vòng về phía tây thành Bố Chính.

Các trung đô tướng quân Lý Nhân Nghĩa, Lý Huyền Sư mỗi người lĩnh năm trăm quân đi vào các cửa phía bắc và phía đông thành Bố Chính.

Nhiệm vụ của các tướng là đi thám sát, nếu gặp địch phục kích thì vừa đánh vừa lui, bốn cánh quân phải yểm trợ cho nhau không được để xảy ra điều gì sơ suất, làm nhụt nhuệ khí quân ta.

Các tướng vừa lĩnh quân ra khỏi trại, Thái bảo Đào Thạc Phụ xướng xuất với thái tử, cử quân đi bắt vài người dân địa phương đến hỏi han đường sá dò xét binh tình.

Thái tử vừa toan cho gọi đô lực sĩ Nguyễn Văn Săn, thường gọi là đô Săn trao cho việc này.

Vừa lúc đó, Săn từ ngoài trại vào dẫn theo ba người đàn ông Chiêm, mặt mày phờ phạc đáng đi xiêu vẹo như người say.

Thái tử và Thái bảo trông thấy liền chạy ra hỏi xem có điều gì xảy ra.

Đô Săn bèn thưa:

- Bẩm thái tử, thần đi tuần cảnh giới quanh trại quân, thấy động sột soạt trong bụi cây ven rừng. Vừa lo hồ báo, vừa nghi có quân phục, thần bèn núp xuống vệ đường. Một lúc sau thấy từ trong lùm cây có tiếng nói thì thầm. Thần nghĩ, chắc là quân mai phục rồi. Đang chưa biết tính sao thì ba tên này từ trong lùm cây nhảy ra giữa đường. Chúng đứng ngay gần phía trên đầu thần bàn bạc cái gì đó. Có nhẽ chúng không trông thấy thần ẩn ngay dưới chân chúng. Thế là thần nhảy vọt lên dùng thất trảo pháp đánh cho ba đứa ngã lẩn.

Trong khi chúng bị bất ngờ đang hãi sợ thì thần điểm huyết rồi lôi chúng về đây.

Nói xong, đô Sấn lần lượt giải khai huyết đạo cho từng đứa rồi dẫn chúng vào trung quân.

Trong quân có người biết tiếng Chiêm liền tách riêng chúng ra để tra hỏi. Chúng khai:

“Quan tổng trấn thành Bồ Chính nửa đêm qua mới biết có quân Việt đang tiến vào cõi. Gấp quá không kịp cầu kiến về Trà Bàn. Hải đội nhỏ không dám ở lại đối đầu, đã rút về ẩn dưới chân đèo “Mây Bạc”. Quân trong thành đã rút ra mai phục ở ngoài, chờ quân Việt vào thành sẽ đánh, để khoá chặt bốn cửa thành. Sau đó quân trên núi đổ xuống, quân thuỷ từ Trà Bàn đánh ra bắt quân Việt phải đầu hàng...”

Tạm giữ mấy người Chiêm để còn xét hư thực về những điều họ nói. Trong chiến trận, ai đã dám tin vào những cái lưỡi của kẻ thù.

Thái tử phân vân hỏi Đào Thạc Phụ:

- Thái bảo nghĩ thế nào về những điều mấy người lính kia khai?

- Vậy chớ cảm nhận của thái tử thế nào về các điều ấy, nhất là lần đầu tiên thái tử viễn chinh? Thái bảo Đào Thạc Phụ hỏi lại, là ông muốn đo lường sức tinh nhạy của một ông hoàng trẻ làm tướng viễn chinh, xem đã đủ lực cầm quân chưa.

- Ta cứ nói mà không sợ hồ đồ. Bởi nếu sai đã có ông. Phụ vương cử ông đi, cốt là để giám sát ta mọi việc cho thận trọng. Theo ta, những người lính Chiêm đã nói thật.

Vì sao à? Ta đã nhìn kỹ nơi mắt họ. Mỗi người đều nói ra với vẻ tự nhiên, nhưng khớp lại đều giống nhau. Ta cũng biết binh pháp có câu: “Hư hư thực thực, lấy hư giả thực, lấy thực giả hư”. Như những người lính Chiêm đây, nếu như họ đều đã được huấn hễ để nói ra cùng một sự việc, thì họ sẽ có cái giả dối thành thật. Và như vậy thì chủ của họ đang dùng kế lấy thực giả hư để quân ta phân tâm không biết tiến lui thế nào. Nếu ta không mau tiến binh đuổi gấp, chắc họ sẽ sớm trở lại đánh ta.

Chẳng biết ý Thái bảo thế nào.

Đào Thạc Phụ mỉm cười sung sướng. Trong lòng ông rất khâm phục sức bén nhạy của thái tử. Và những kiến giải của thái tử cũng đúng như ông suy nghĩ. Đoạn ông quay ra nói với thái tử:

- Những xét đoán của thái tử điện hạ sẽ sớm được nhìn nhận là có lý, là đúng với sự thật.

Vừa lúc đó Lê Phụng Hiếu, Ngô An Ngữ, Lý Huyền Sư, Lý Nhân Nghĩa đều lần lượt về xin gấp rút truy đánh quân Chiêm.

Lê Phụng Hiếu còn nói:

- Nếu thái tử điện hạ cùng Thái bảo còn nghi hoặc không tiến binh, thì xin lập tức dàn bày thế trận để nghênh địch. Thần đoán chắc rằng, quân Chiêm sẽ quay lại sớm tối ngày hôm nay.

Các tướng thấy đều xin xuất binh truy đuổi quân Chiêm.

Lập tức lệnh được ban ra. Quân chia làm bốn đội: tả, hữu, tiền, hậu cả thấy bốn vạn. Còn một vạn ở lại giữ trại và giữ thuyền.

Thái tử trước lúc lên ngựa còn dặn Lý Nhân Nghĩa:

- Việc ông ở lại là rất mực trọng yếu, không kém việc truy đuổi giặc. Bởi phải lo giữ trại, giữ căn cứ hải đội không để cho giặc đột nhập. Nếu vạn nhất mà sơ hở để giặc cướp mất trại, đốt hết thuyền bè thì quân ta không có đường về.

Thoắt thái tử đã nhảy lên mình ngựa có đô Sấn cưỡi con Nê Thông đi sau hộ vệ.

Như không yên tâm, thái tử lại gọi Lý Nhân Nghĩa ra nhận mệnh:

- Tướng quân phải nghiêm cấm không cho bất cứ một tên quân nào được tự ý ra khỏi trại. Không được phép vào nhà dân sục sạo, bắt bớ, hãm hiếp, cướp của, đốt nhà, giết người. – Thái tử nhấn mạnh: – Nếu vô cớ giết người vô tội thời phải thương mạng. Nếu làm đúng lời ta dặn, thì từ nay dân Chiêm không còn theo binh lính của họ sang hôi của cải của dân ta nữa.

Nói xong, thái tử quất ngựa ra roi. Nó lao ngay về phía trước như một mũi tên vừa bật khỏi dây cung.

Đại quân rầm rộ kéo đi, đến đầu giờ thân thì gặp quân Chiêm đang thối nấu ăn trong một thung lũng khá rộng. Quân phân chia thành từng đội chừng một trăm người. Đội nọ cách đội kia độ mười trượng. Tất cả đều không có lều trại. Chứng tỏ họ chỉ vừa dừng lại và cũng sắp ra đi. Thái tử bèn cho mấy người tù binh

đem thư thách đánh của quân Việt. Lại sai các tướng đem kỳ binh mai phục các đường đèo, những nơi quân địch có thể liều chết phá vây.

Lại sai quân cung nỏ mai phục để đón đánh quân Chiêm rút chạy.

Khi những người lính Chiêm được thả về, đem thư dâng lên chủ soái.

Lập tức một hiệu kèn Saranay thổi vang thung lũng. Tiếng kèn len lỏi vào rừng cây, vách núi rồi đọng lại rên rỉ như ma quái, như núi rừng lên tiếng khóc than.

Đô thống chế của quân Chiêm là Bồ Linh xem chiến thư xong cười khẩy. Đoạn y phê vào góc chiến thư hàng chữ sau đây:

“Đô thống chế thành Bồ Chính nước Champa hùng cường là Bồ Linh, dụ cho các chiến binh nước Việt rằng: – Các người muốn toàn tính mệnh, hãy chém đầu thái tử Lý Phật Mã; chém đầu Thái bảo Đào Thạc Phụ đem nộp dưới trướng.

Nhược bằng ngoan cố chống lại mệnh này thì từ người, ngựa, thuyền bè, khí giới không một thứ gì có thể ra khỏi đất Champa”.

Đọc mấy dòng thách thức đầy ngạo mạn của tướng giặc, thái tử Lý Phật Mã mỉm cười. Đoạn thái tử cho triệu các tướng đến thương nghị.

Sau một hồi bàn bạc, Lê Phụng Hiếu nói:

- Quân ta đến bất ngờ. Chiêm Thành không biết thực hư thế nào nên bỏ thành chạy, chứ không phải họ dùng “kế không thành”^[79]. Chúng tụ quân tại thung lũng mà không chiếm giữ các điểm cao làm thế nường tựa, tức là đối phương hoang mang chạy trốn chứ không phải là kế “dụ địch”. Nay quân ta đã khép kín vòng vây; tướng giặc lại còn huênh hoang đe dọa. Đó chỉ là một sự léo mép, thần xin lĩnh một ngàn quân đao cung, đánh thẳng vào phía đông, tướng Ngô An Ngữ cùng một ngàn quân đánh phía tây, tướng Lý Huyền Sư cho quân hò reo ở phía bắc, thái tử đem một vạn quân phục ở phía nam đón bắt tướng giặc.

Thái tử bèn hỏi lại:

- Tại sao các tướng chỉ lĩnh có một ngàn quân mà ông cho ta những một vạn quân. Tại sao phía bắc chỉ reo hò thanh viện chứ không đánh?

- Tàu, giặc cậy đông người lại trên đất chúng nên chủ quan, coi thường quân ta. Kịp đến khi bị đánh bất ngờ chúng hoang mang không kịp chống đỡ mà chỉ có tháo chạy. Tại sao phía bắc không cần đánh? – thưa thái tử là vì đại lực lượng quân ta đang án ngữ, mà theo thói quen chúng sẽ chạy về phía nam, bởi nơi đó là cả nước Chiêm đứng đằng sau họ.

Nghe Lê Phụng Hiếu nói hợp ý mình, thái tử gật gù đầu tới hai ba lần. Lúc này chàng mới kịp ngẩng nhìn vị tướng của mình. Lê Phụng Hiếu có thân hình cao to lẫm liệt, dáng đi đứng oai vệ như một con hổ. Phụng Hiếu mặc nhung phục lại đeo giáp hộ tâm, đội mũ đầu mâu che kín cả trán và gáy, bên sườn đeo trể một thanh gươm. Mưu kế ấy cùng với tướng tinh ấy khiến thái tử an tâm tin tưởng. Chàng quay hỏi Đào Thạc Phụ và Lý Nhân Nghĩa:

- Kế sách của tướng quân Lê Phụng Hiếu là vậy, liệu có thực thi được chăng, xin Thái úy cùng thị lang cho biết?

Đào Thạc Phụ vốn nổi tiếng trong triều là một người thận trọng. Ông nở một nụ cười làm tươi thêm gương mặt có nước da hồng hào, điểm những chấm đồi mồi khiến ta có cảm giác ông là một ông già đôn hậu hơn là một vị tướng từng trải. Đoạn ông nói:

- Bẩm thái tử, thần mừng Lê Phụng Hiếu là một tướng trẻ mà đã sớm tinh thông binh pháp, nên lâm trận không rối. Mưu kế vững vàng. Tuy nhiên, ở hai hướng đông, tây mỗi hướng phải cử thêm năm ngàn quân trợ lực. Hướng bắc tuy không đánh, vì giặc sẽ không chạy theo hướng này, đúng như Lê Phụng Hiếu dự liệu. Nhưng trong lúc rối loạn, lính không phân biệt được hướng nào là hướng nam, nên cứ thấy hướng nào không bị chặn đánh là chúng chạy lao vào mong thoát chết. Vì vậy, lực lượng ở đây phải sẵn sàng: giặc nhiều thì tiêu diệt, giặc ít thì bắt sống, về mặt nam, xin thái tử cho quân phục xa vài ba dặm để tản quân giặc ra mà đánh. Thái tử nên chú ý, ở phía tây nam thung lũng này còn có con đường hẻm lên núi Long Ty. Trong núi có hang lớn có thể chứa vài ngàn người. Vượt sang bên kia núi lại có đường ra biển. Tại đây

thường có một hải đoàn quân Chiêm túc trực. Nếu để đại quân của Chiêm thoát được sang bên kia núi, thế nào ta cũng phải đối phó với một trận tập kích hoặc một trận hải chiến lớn.

Kế hoạch vừa ban bố xong, các tướng nhận mệnh lên đường ngay lập tức.

Lúc này quân Chiêm cũng vừa ăn uống xong. Một phát pháo hiệu nổ chói tai rồi như thác lũ quân ta ào xuống thung lũng, trong khi đó ở trên cao, máy bắn đá dội xuống trung quân của Chiêm khiến họ trở tay không kịp.

Tướng Lê Phụng Hiếu xung trận như mãnh hổ quần giữa bầy dê. Tướng quân đi đến đâu là quân Chiêm quang vợi hẳn. Phút chốc ông đã đánh thông từ đông sang tây gặp tướng Ngô An Ngữ. Hai tướng hợp lực đánh nhào quân Chiêm trong thung lũng, lại đuổi áp sát toán quân tháo chạy về hướng nam. Đô Săn chặn mặt nam khá vững, quân Chiêm liệu chết không vượt nổi.

Tướng Chiêm là Bồ Linh bèn sai các đô tướng Inva và Darung tiến lên đánh mở đường. Hai dũng tướng vượt ra khỏi đoàn quân đang hỗn chiến với quân Việt, xông thẳng đánh sập với đô Săn.

Săn chống nhau với hai tướng Chiêm tới hai trăm hiệp mà chưa hề sơ hở. Quân Chiêm vẫn ùn ùn sau lưng hai tướng Inva và Darung. Quân hai bên đều lăm lăm cung nỏ nhưng đều không dám bắn, bởi chỉ sợ bắn vào tướng nhà.

Săn đánh mãi vẫn không hạ được đối phương vì Săn dùng kiếm, phải địch với hai tay đao nổi tiếng của Chiêm.

Đường kiếm của Săn tuy lợi hại, sức của Săn tuy siêu phàm, nhưng kiếm vừa ngăn lại vừa nhẹ, chỉ lợi đường thủ mà khó đường công. Nghĩ vậy, đô Săn bèn hét lên một tiếng làm rung chuyển cả cây cối. Hai viên tướng Chiêm khựng tay đao, đô Săn bèn nhảy về phía đầu hàng của quân ta, giật ngay lấy chiếc thiết lĩnh trong tay một vị phó đô tướng quân. Chàng nhảy vào đánh tiếp với hai dũng tướng của Chiêm. Nhanh như một tia chớp, đô Săn tung thiết lĩnh lên chụp trúng hai cây đao đang cùng một lúc bổ xuống đầu chàng làm toé lửa. Chàng xoay người giật mạnh hai cây đao của Inva và Darung. Hai vị hổ tướng ngã văng xuống đất. Quân ta nhanh như hổ bắt gọn hai viên đô tướng. Quân Chiêm hỗn loạn tháo chạy. Thống tướng Bồ Linh biết không thể vượt được trùng vây mà chạy về phía nam để thoát qua núi Long Ty. Lúc này chỉ còn vài bộ tướng cùng mấy chục tên quân đã bị đánh tơi tả suốt từ giờ Dậu đến giờ Sửu.

Chạy được chừng non chục dặm không thấy có quân Việt đuổi theo ở phía sau, cũng chẳng vấp phải quân phục ở phía trước, tướng Bồ Linh bèn bảo các thủ hạ:

- Ta mệt lắm rồi, nghỉ lại đây lấy sức đã. Quân Việt có tài như thần Shiva hồ đồ đã biết nẻo đường này.

Các bộ tướng của Bồ Linh bèn can:

- Chủ tướng nên đi gấp, không thể nán lại đây được. Ta sắp phải vượt khe “Hung thần”. Một bên vách núi dựng đứng. Một bên vực sâu thăm thẳm. Chỉ cần vài tên quân cung nỏ phục tại đó, ta cũng phải nộp mạng cho chúng rồi.

Bồ Linh bực bội quát:

- Ta há lại không biết con đường này sao các người phải dạy khôn. Nói xong bèn cởi gươm, tháo giáp làm vật gối đầu lăn ra ngủ. Một lúc sau không thấy có động tĩnh gì, mọi người đều ngủ cả. Duy có một người lính thấy ruột nóng như có một lò lửa đang bùng cháy. Không nằm ngồi được, anh ta bèn xách cây giáo dài đi đi lại lại canh phòng cho các bậc bề trên yên giấc.

Lại nói về thái tử Lý Phật Mã cùng năm trăm quân mai phục trên con đường hẻm tới núi Long Ty, chờ gần qua đêm vẫn chưa thấy quân Chiêm chạy qua.

Linh tính như báo cho chàng có điều gì hệ trọng sắp xảy ra, thái tử truyền mệnh lệnh từ đầu đến cuối đám quân mai phục: “Phải chinh bị sẵn sàng chờ giặc đến”.

Lệnh vừa ban ra thì nghe văng vẳng tiếng quân reo vang dậy đất. Rồi ầm ầm kẻ chạy, người rượt đuổi. Chẳng mấy chốc đám quân Chiêm ô hợp lọt vào vòng vây của thái tử. Một tiếng hô vang, trăm người bật dậy ào ra đánh vỡ mặt quân Chiêm. Mấy viên đô tướng Chiêm Thành đánh không lại được với bộ tướng của thái tử. Đứng ngoài xem xét thái tử thấy mấy viên đô tướng kia vừa đánh vừa đỡ, vừa che chắn cho một viên tướng già đang ở giữa vòng vây. Thái tử bèn hét lên một tiếng khiến lũ người kia kinh hoàng phải

dừng tay. Ngay lập tức, thái tử nhảy theo thế đại bàng vỗ mồi chém sã vai viên tướng già. Lũ người kia, kẻ quỳ mọp xin hàng, kẻ chạy thực mạng. Viên tướng già cùng một bên vai bị chém sã cũng vùng lên chạy. Nhưng thái tử chỉ nhún ba bước chân đã đuổi kịp, chàng nhẹ hốt lưỡi đao, chiếc cổ của y lập tức rời khỏi đầu. Quân ta xô vào lượm thủ cấp.

Vừa lúc ấy đô Sấn cùng đoàn quân truy đuổi xộc tới. Thì ra Sấn chặn mặt nam, lúc quân Chiêm tán loạn không biết chủ tướng họ chạy đi đâu. Mãi sau tra hỏi những tù binh, họ bèn khai có một con đường nhỏ chạy về núi Long Ty. Thế là đô Sấn cho quân truy đuổi, mãi gần sáng mới bắt kịp. Và khi họ chạy vọt lên, lại đứng nơi thái tử đã đón lõng từ lâu.

Thủ cấp viên tướng Chiêm đem về quân doanh, thái tử sai mời một số người dân đứng tuổi đến để nhận dạng.

Lạ thay, khi hòm gỗ vừa mở nắp mấy người dân Chiêm còn đứng xa ngó lại, thì gương mặt của chiếc đầu lâu như tượng bán thân kia nhả lại và đôi mắt chột hé mở.

Những người dân Chiêm không sợ hãi. Họ còn cho đó là hồn ma trở về nhận đồng bào.

Khi hỏi người bị giết đó là ai, họ đều quay mặt đi, không nói năng gì và oà khóc thật là thảm thiết. Mặc dù họ chẳng may may thương tiếc ông. Bởi khi sống, ông là hiện thân của cái ác đối với dân lành. Tuy nhiên, họ khóc đây là khóc cho lòng tự trọng dân tộc bị tổn thương. Khóc cho nước Champa có những người con ngạo mạn đã làm đất nước ngày một suy yếu.

Sau gặng hỏi mãi mới biết đó chính là Bồ Linh, quan tổng trấn thành Bồ Chính.

Thái tử sai đem trả chiếc thủ cấp đó cho người Chiêm để họ tự chôn cất theo phong tục Champa.

Sau ba ngày ổn định cho dân chúng trong thành được an cư; quân ta cũng được nghỉ ngơi, sức đã lại, thái tử cho chấn chỉnh trong quân rồi rút về nước.

Trước khi rút quân về, thái tử cho dán tờ cáo thị khắp mọi nơi. Nói rõ việc người Việt cực chẳng đã, buộc phải đưa quân vào đất Champa, là bởi người Champa luôn cho quân sang cướp phá gây không biết bao nhiêu đau thương tang tóc cho dân lành nước Việt. Nay nếu người Champa không quấy phá biên cương nước Việt nữa, lập tức mọi sự sẽ trở nên tốt đẹp.

Quân trở về xuôi nước xuôi gió, thuyền đi như lướt trên mặt biển. Khi qua Vũng Biện Sơn thái tử cho neo đậu thuyền lại một đêm để lập đàn tạ ơn trời đất, thần núi thần biển đã hộ trì quân Việt toàn thắng trở về.

Xong thái tử cùng một số cận thần như Lê Phụng Hiếu, Lý Nhân Nghĩa, Lý Huyền Sư, Đào Thạc Phụ, đô Sấn tướng quân, đều kéo về đền Đồng Cổ trên núi Đan Nê cách Vũng Biện chừng ba chục dặm đường làm lễ tạ thần.

Thái tử khẩn rằng: “Đúng như lời thần báo mộng, Lý Phật Mã tôi đã đánh thắng trận, lại chém được tướng giặc, khiến người Champa từ nay phải nể sợ. Cũng theo lời thần, chúng tôi không làm hại dân lành.

Công ấy thuộc về thần Đồng Cổ; tôi xin cảm tạ và hứa khi nào lên ngôi sẽ lập đền, bốn mùa thờ phụng, hương khói”.

Đêm ấy thái tử lại mơ thấy thần Đồng Cổ hiện về, ngài chỉ nói có một câu: “*Ta không thể tiết lộ thiên cơ, nhưng hứa sẽ khuông phò thái tử vào những lúc hoạ biến*”. Thái tử giấu nhem điều thần báo mộng để chiêm nghiệm.

Mùa xuân. Tiết trời lạnh mát. Gió xuân hây hây, mưa bụi như rắc phấn khiến cây cối đâm chồi nảy lộc. Hoa chanh, hoa bưởi từ các vườn nhà toả mùi thơm nồng nàn khắp xóm thôn.

Đi về bất cứ nẻo nào trên đường quê cũng thấy không khí như được ướp tẩm bởi một thứ hương thơm đồng nội. Từng bầy, từng bầy ong bướm dập dìu với cả ngàn cánh vỗ rì rầm như lời tỏ tình của chúa xuân.

Làng Xuân Phương vừa rã hội, ai nấy như còn đang nuối tiếc những ngày vui thì xã trưởng mời bà con dân làng ra chùa bàn việc nước.

Đang vụ nông nhàn, nhà nhà rồi việc, nên già trẻ, lớn bé nô nức kéo nhau ra chùa. Vừa là ghé cửa Tam bảo thăm chùa, cầu phúc, vừa nhân thể hội họp. Ai nấy mặt mày rạng rỡ.

Sư cụ thu xếp cho làng họp ngay trong nhà Tổ. Ngôi nhà năm gian, chỉ kê một ban thờ với bài vị của các vị tổ của chùa nối tiếp từ ngày khởi dựng tới nay. Trước ban thờ Tổ, kê một bộ tràng kỷ bằng tre hóp, lâu ngày đen bóng như sừng. Một ấm giỗ ủ nước hãm nụ vối. Đó là nơi dành cho các bậc cao tuổi và mấy vị chức sắc của làng. Hai bên tả hữu đều nhất loạt trải chiếu. Được cái chùa nhiều chiếu lể. Mấy chú tiểu xằng xái lo việc trầu nước. Cứ mỗi chiếc chiếu bày một cơi trầu sáu miếng, một ấm nước vối, và một đĩa sáu chiếc chén sành. Góc hiên phía ngoài cửa bức bàn đặt ba chiếc điều cày; nhà chùa chỉ có một chiếc điều bát đã đặt trong kỷ, nơi dành tiếp các bậc lão niên và chức dịch của làng, ba hộp thuốc Lào hình tròn làm bằng vỏ cam, một ống đóm tre ngâm tước mỏng trắng phau và một chiếc nùn rơm đang ngùn khói.

Các bà vừa nhai trầu vừa nói chuyện râm ran. Mấy cụ già răng rụng đang hí hoáy giã trầu trong chiếc cối đồng nhỏ như một khẩu mía. Giã giã, đảo đảo một lúc, trầu, cau, vỏ nhuyển ra và có màu đỏ tươi, cụ nào cụ ấy ngửa cổ lấy chiếc chày nhỏ xiu vuôn miếng trầu vào miệng nhai bồm bẻm. Cánh đàn ông ngồi quanh mấy chiếc điều cày, mỗi người vè một mồi thuốc trên đầu ngón tay. Thuốc vo tròn như một viên bi. Một người cầm chiếc nùn rơm giơ lên thổi lửa. Tàn tro bay tứ tung phả cả lên đầu tóc và vai áo mấy người ngồi chờ đến lượt hút.

Đóm tre ngâm cháy xanh ngọn lửa. Tiếng rít thuốc kêu sòng sọc. Và cùng một lượt ba bốn cái miệng, phả khói lên trời, nom tựa ba cái vòi rồng cuốn nước trong các cơn dông. Khói toả xanh mờ cả một góc nhà. Chừng hơn hai chục đứa trẻ theo ông bà hoặc cha mẹ ra chùa, chúng đang tha thần chơi ngoài sân, ngoài vườn chùa. Mấy bé gái chơi trò chồng nụ, chồng hoa, đánh chắt, đánh chuyền nơi góc vườn. Mấy bé trai đi tìm cây mạ lấy nơm làm “cần câu” câu công công. Những con công công cứ thập thò trên miệng lỗ, hễ thấy động là chúng chui tọt xuống lỗ sâu, tha hồ cho các tay câu thả mồi chúng cũng không động dấy. Mấy bé nhỏ liền hát đồng dao gọi: “Công công mày lên ăn mạ, kéo quạ ăn hết”. Kỳ lạ, trẻ hát vài lần, lại thấy công công thập thò bên cửa lỗ. Và kia nữa mấy bé trai khác lại say sưa đánh cờ chân chó. Chúng hí húi, lạng lể chơi chứ không reo hò khuấy đảo làm người lớn phải bận tâm.

Mọi người an toạ đầu vào đây, ông xã trưởng Lương Thanh Khiết liền nói:

- Bữa nay, tôi mời các cụ và bà con ra đây, cốt là để bàn việc nước. Ông xã trưởng nói chưa dứt thì mấy bà đã nhao nhao cướp lời:

- Ông xã trưởng ơi, ông có lòng thì chị em tôi xin giã ớn lòng, chứ việc vua việc nước chị em tôi chẳng đèo bòng được đâu.

Mọi người lại ồ lên cười. Không khí thật là vui vẻ. Nhìn trước nhìn sau không thấy sư cụ, ông xã trưởng đích thân lên chùa mời và dẫn nhà sư vào ngồi trong kỷ với các bậc cao niên.

Ông xã trưởng mặt mày rạng rỡ nói:

- Thừa các cụ, thừa bà con, từ khi vua Thuận Thiên ở ngôi, trên thuận mệnh trời, dưới hợp lòng người. Nhờ ơn mưa móc nên được quốc thái dân an. Mới có hơn chục năm trị vì, vua đã tha tô thuế cho dân ta tới sáu năm. Đó là việc mà từ thượng cổ tới nay chưa từng thấy. Sử sách các đời cũng không thấy có ghi việc này; bên ta cũng thế mà bên Tàu cũng vậy. Sử Tàu nói đời Nghiêu – Thuấn được như vậy. Nhưng đó là đời hồng hoang, các nước đều còn man mợ bán khai cả, ai chứng được điều ấy, lấy gì làm bằng cứ. Cho nên

để tri ân, tôi nghĩ nhân tiết Thiên thành tức lễ mừng thọ nhà vua năm nay, bà con ta nên có chút vật phẩm gì đem dâng tặng, để tỏ tấm lòng của dân đối với người đứng đầu trăm họ.

Không ai nổi lời ông xã trưởng cả. Nhưng mọi người quay ra bàn tán với nhau:

- Từ ngày vua Thuận Thiên lên là mất biển cảnh sừu cao thuế nặng, cảnh chức dịch tróc nã thuế khoá đến từng nhà.

- Vua Thuận Thiên lên, hết cảnh bắt bớ, giam cầm vô cớ.

- Vua Thuận Thiên lên, ai cũng có ruộng cấy, có cơm ăn, không còn bị đói nữa.

- Từ ngày vua Thuận Thiên lên, làng nào cũng có chùa thờ Phật, có sư chỉ bảo nhẽ thiệt hơn, trẻ con đều được nhà chùa dạy chữ, rèn đức, ốm đau thì nhà sư lại thuốc men chữa trị cho.

- Vua Thuận Thiên... Nói bao nhiêu cho xuể, cái hay, cái đẹp của triều Thuận Thiên. Nhưng mọi người đều ngó ra: “Làng mình thì có sản vật gì quý để dâng vua?”.

Sau một hồi bàn thảo, ông xã trưởng lại lên tiếng:

- Xin các cụ cho biết, làng ta nên dâng sản vật gì vào tiết Thiên thành của nhà vua?

Cụ Ngật xóm Tây bèn lên tiếng:

- Ông xã trưởng mở tâm như thế là chí phải. Đây đúng là chuyện “Hà ẩm tư nguyên”, tức là uống nước nhớ nguồn như các cụ ta xưa đã dạy.

Dân ta được như ngày nay là nhờ có triều đại của vua Thuận Thiên. Ôi lắm lúc nghĩ về cái thời của ông Lê Ngọa triều là tôi cứ lạnh buốt cả sống lưng, tóc gáy dựng đứng cả lên. Mà lạ thật, bà con có thấy không, cũng đất đai ấy, cũng người dân ấy chứ có phải vua Thuận Thiên lên là đổi dân khác, đổi đất khác đâu. Thoắt một cái, vua mới lên, thế là người dân đổi đời ngay. Thú thật, ngày trước tôi chán sống lắm. Bởi con người như bị cầm tù cả từ trong suy tư, trong tâm tưởng. Vua thì khinh dân, coi mạng sống của dân không bằng con tôm con tép, con sâu con bọ, dân thì coi vua như sói lang, hổ báo. Lão Ngật vừa nuốt chòm râu bạc vừa nuốt hơi đánh ực một cái. Lão tuy đã ngoài bảy chục tuổi, nhưng là người có học, nghe nói đâu thuở trai trẻ ông lão đã từng theo học thiền sư Sùng Phạm là bậc cao tăng đương thời.

Nhìn khắp mọi người một lượt rồi lão Ngật cười khà khà. Giọng cười của một người tỏ ra vừa vui tính vừa tự tin. Đoạn lão tiếp: – Quả thật khi mà người đứng đầu muôn dân quý cái dân yêu, căm cái dân ghét thì dân cũng quý kính như bậc cha bậc mẹ, thậm chí còn tôn kính như thánh như thần. Ấy thế mà có kẻ đứng trên thiên hạ lại coi thiên hạ như cỏ rác, và chỉ thuần yêu cái dân ghét mà ghét cái dân yêu thì sự nghiệp làm sao mà trường cửu, mệnh số làm sao mà dài lâu được. Róc mía trên đầu sư, làm cả điều ô uế nơi thiền môn. Khinh sư, nhạo Phật tránh sao khỏi bị đoạ. Vì thế mới có hăm ba tuổi^[80] đã phải chết trong đau đớn, tanh hôi... Cứ mỗi lần nói đến vị hôn quân này, cụ Ngật thường trào ra một niềm khinh bỉ sâu sắc. Như sự nhớ ra mình đã đi quá xa điều mà ông xã trưởng đưa ra bàn bạc, cụ liền quay ngoắt về điểm khởi đầu. – Phải, đúng thế, làng mình phải có cái gì thật quý để dâng đức Thuận Thiên trong tiết Thiên thành sắp tới. Tức là làng ta phải có chút quà lễ gì đáng giá. Nhưng quà gì nhỉ: gạo tẻ, gạo nếp, gà, lợn, trâu, bò, đậu, lạc, ngô, khoai, sắn là sản vật quý đây. Nhưng chỉ quý đối với bà con ta thôi. Tôi chưa nghe ai nói, và cũng chưa bao giờ thấy ai dám tiến vua các loại sản vật như thế bao giờ.

Ngừng một lát, nhìn khắp lượt rồi cụ dừng lại nơi mấy người trong phường sắn, cụ Ngật hất hàm: – Hay là mấy bác giúp cho một phen? – Ta phải kiếm một con hổ sống để dâng nhà vua.

Mọi người cười rộ lên. Cụ Ngật cũng xoa tay cười ngất rồi ngồi xuống.

Ông xã trưởng vẫy tay cho mọi người im lặng. Xoa hai bàn tay vào nhau, nhìn khắp dân làng, với vẻ nhần nhó, ông chậm rãi: – Khó thật đấy. Đúng như cụ Ngật nói, làng ta chẳng có sản vật gì đáng giá để dâng hoàng thượng. Nhưng chẳng nhẽ làng ta không có một thứ gì để tri ân nhà vua sao?

Ông xã trưởng nhìn đăm đăm về phía nhà sư như tìm nơi cụ một phép màu.

Đáp lại, sư cụ nhẹ nhàng nói:

- Kính bạch chư vị. Làng ta có vật quý có thể tiến vua được.

Mọi người nhao nhao như sắp nhảy dựng cả lên. Ai nấy vừa mừng vừa tò mò, muốn biết vật quý sư cụ nói là cái gì, mà cả làng không biết. Nhiều giọng tranh nhau nói:

- Bạch cụ xin cụ cho làng biết vật ấy là cái gì ạ?

- Bạch cụ.

- Bạch cụ... Bạch... Bạch...

Sư cụ vẫy tay cho mọi người im lặng.

- Vật quý làng ta, tôi chắc cả nước cũng không có được. Các vị cứ hay ngưỡng vọng những gì xa ngái mà quên mất quý vật mình đang có. Tôi nghĩ, làng ta nên cung tiến nhà vua giọng hát của mẹ con bà Đào. Chỉ một canh hát của mẹ con bà Đào thôi cũng đủ làm nhà vua tăng thêm tuổi thọ.

Mọi người lại rộ lên:

- Đúng! Đúng! Bạch cụ đúng là giọng bà Đào thì đến chuông đồng cũng không sánh được.

- Bạch cụ, bà Đào hát thì đệ nhất thế gian rồi. Nhưng sao cả làng không ai nghĩ ra nhỉ?

Trong khi mọi người đang rào rào tán thán cái sáng ý của nhà chùa, thì nơi góc cột kia, bà Đào trở nên lúng túng. Đôi má bà hồng ửng lên. Đầu hơi cúi, làm đôi chiếc dải yếm buộc sau gáy khế lúc lắc. Trong lòng bà Đào trộn lẫn cả niềm vui và nỗi buồn. Vui vì dân làng không có phân biệt đối đãi với bà. Vui vì mọi người thừa nhận bà có chút tài mọn, ấy là giọng hát. Còn buồn vì nhẽ, cũng chính giọng hát đã làm hại bà. Nhớ những năm sống goá bụa, chồng chết, đứa con gái còn ẵm ngửa. Lặn lội thờ chồng, nuôi con. Khi con bà mới năm tuổi thì lão Thăng chạy ngược chạy xuôi được chân xã trưởng. Từ ngày lão làm xã trưởng, lão hay qua lại căn nhà nhỏ bé tuềnh toàng của mẹ con bà khuất lấp nơi góc làng. Và đêm đêm, lão bắt bà phải hát hầu lão. Lúc đầu còn có vài người tuần đình theo lão. Sau, lão chỉ đến một mình. Nghe hát xong buông lời hoa nguyệt sàm sỡ. Rồi lão bức bách bà phải cho lão làm cái việc chó ngựa. Cho tới khi bà có chửa, khi cái bụng đã chềnh ềnh không che giấu nổi nữa. Cả làng đều biết lão là thủ phạm. Nhưng lão lại cho người đến bắt khoán bà về tội chửa hoang. Nhà nghèo không có gì nộp khoán, bà phải khai thật với dân làng kẻ nào là thủ phạm.

Lão xã Thăng tức giận vì bẽ mặt, liền sai bắt giam bà tại nhà tù ngoài miếu về tội “đổ vấy” rồi đánh đòn tra khảo cho tới khi vua Thuận Thiên vi hành... Và bây giờ đã hơn mười năm. Đứa bé đã lớn. Và lão cũng mãn hạn tù được năm năm. Ba mẹ con đang sống yên ổn. Con gái lớn của bà đang hờ hớ tuổi xuân. Nay sư cụ nói đem giọng hát của ta tiến vua. Chẳng biết điềm lành hay điềm dở đây. Bất hạnh cho con bà, nó cũng có giọng hát hay chẳng kém gì bà. Lại còn nhan sắc của nó nữa chứ. Ôi chao, nếu kỳ này dân làng bắt mẹ con bà phải đem giọng hát, hát tiến vua thì chẳng biết thân phận mẹ con bà sẽ ra sao. Và nữa chuyện thằng cu Cún. Bà đặt cho nó cái tên đó không phải vì yêu, mà là để bỏ lòng căm ghét cái lão Thăng đã hiếp đáp bà. Cún là chó con. Chó con là con của thằng chó bố. Vậy nhưng bây giờ thằng bé lớn lên ngoan ngoãn, đẹp người đẹp nết, cả làng ai cũng thương nó; tự nhiên bà lại thấy hối vì đã đặt cho con cái tên xấu xí. Lão Thăng từ khi mãn án tù năm năm trở về, cứ nem nép như rắn mòng năm, không dám bén mảng đến nhà bà. Lão ta đã mấy lần bắn tiếng sẽ đến thăm hai mẹ con. Bà đe, nếu vác mặt đến, bà sẽ đi trình quan. Không được đến thăm con, nhận con, nhưng tháng tháng vẫn cứ phải cho gia nhân đem thóc đến nộp để nuôi thằng Cún, đến năm nó mười lăm tuổi như án luật đã định. Tuy vậy, ba mẹ con bà ít năm nay đã khấm khá, nên khi thằng Cún tròn mười tuổi, bà không khiến nhà kia đóng góp vào việc nuôi nó nữa. Bà làm như vậy là để cố quên đi cái bộ mặt vênh vênh cậy quyền, cái bộ mặt hống hách, tàn ác trước đây của cha nó. Bà muốn quên cái chuyện buồn ấy đi để cố yêu thương nó.

Bỗng có giọng nói run run cất lên. Mọi người nhìn xem ai. Thì ra là bà cụ Giá. Cụ Giá có anh cháu nội lấy cô Lan con gái ông xã trưởng Lương Thanh Khiết. Anh con trai khỏe nhất làng ấy có tên là Sấn. Từ ngày làm rể ông xã trưởng, ông đón thầy đồ về dạy chữ. Sấn học chăm chỉ lắm. Một năm sau ông cho vào chùa làng học sư cụ. Rồi hai năm sau lại cho theo học thiền sư Định Hương – bên chùa Tam Sơn. Hoàng thái tử Phật Mã qua lại chùa thường gặp Sấn chăm chỉ học hành, lại thường hay xốc vác các công việc nặng nhọc, trong lòng đã có đôi phần cảm mến. Nhưng phải chờ đến một hôm, hoàng thái tử bất chợt gặp Sấn đang luyện công ở một góc rừng, nơi đoạn đường dốc lên chùa. Nhìn tấm thân trần đóng khố, nước da nâu rám, chân tay cơ bắp rắn chắc như những thỏi sắt, nhất là gương mặt Sấn vuông chữ điền, vừa bình thản vừa phúc hậu khiến thái tử muốn thu dụng tới tám chín phần.

Sau thái tử ngỏ lời với thiền sư:

- Con muốn thuê người này làm thủ túc, có nên chăng xin thầy chỉ giáo?

Thiền sư cười độ lượng:

- Bần tăng đang định rèn dạy đệ tử này tới khi tinh thông văn võ, sẽ tiến cử y với thái tử điện hạ.

Ít lâu sau Nguyễn Văn Sấn đã ở trong đội cận vệ của thái tử Phật Mã.

Cháu dâu là con gái ông xã trưởng giàu có nhất làng, lại có cháu trai đi hầu cận hoàng thái tử nên trong làng ai cũng trọng nể cụ Giá. Mặc dù cụ đã gần tám chục tuổi rồi, nhưng do lam làm nên cụ còn mạnh chân khoẻ tay, đầu óc tỉnh táo. Cụ nói:

- Kính bạch nhà chùa, kính thưa ông xã trưởng, tôi già lão nói năng thất thố, có điều gì không phải xin nhà chùa, xin ông xã trưởng cùng các cụ và bà con dân làng đại xá cho. Cụ Giá lúng túng đưa tay lên chiếc đầu dải thắt lưng chấm chấm dử mắt. Cụ lại lấy hai đầu ngón tay tém vành môi, nhả miếng bã trầu ra cầm tay, và nói tiếp: – Cách đây mười mấy năm, chắc làng ta ai cũng tỏ cảnh ngộ của mẹ con bà Đào. Trần gian là khổ. Mấy năm nay nhờ ơn vua, mẹ con bà Đào đã mát mặt. Phỉ thui, tôi cứ nghĩ, nếu mẹ con bà ấy phải tiến kinh, không biết lênh đừ thế nào. Nói đại chứ, nếu hai mẹ con bà Đào bị giữ lại hầu vua, thì thăng cụ Cún ở nhà biết nương tựa nơi đâu? Hay là... Bà cụ Giá ngập ngừng, hay là xin với sư cụ, xin với ông xã trưởng cùng dân làng tha cho mẹ con bà Đào có được không. Dứt lời, cụ ngồi xuống, hai hàng nước mắt nhều ra. Cụ thương mẹ con bà Đào đến se thắt cả lòng dạ.

Mọi người đều biết bà cụ Giá thật lòng, nhưng đều bật cười vì cụ cổ quá. Bởi vua Thuận Thiên chứ có phải vua Ngọa triều đâu mà lo.

Sư cụ giảng giải, ông xã trưởng giảng giải về mọi đường sáng, tối cách biệt như ngày với đêm giữa vua Thuận Thiên với hôn quân Ngọa triều. Dân làng thấy đều an tâm, và nhất đán tưởng thưởng việc đem giọng hát của bà Đào tiến vua.

Mọi việc tưởng thế đã là xong, bỗng sư cụ buông một câu hỏi:

- Đây mới là ý của làng. Thiết tưởng làng cũng phải hỏi bà Đào xem, bà có đồng lòng với dân làng không. Vì rằng giọng hát là giọng hát của bà Đào, chứ có phải giọng hát của làng đâu mà làng tự tiện. Tôi nói thật, nếu bà Đào không tự mình ngỏ ra điều này, mà chỉ là sự bắt buộc thôi, thì lời ca của bà cất lên sẽ đượm màu bi ai, sầu thảm, là lời điệu chứ chẳng phải niềm vui chúc tụng nhân ngày sinh của hoàng đế bệ hạ đâu.

Thấy sư cụ nói có lý, mọi người đổ xô nhìn về phía bà Đào. Bà Đào ngồi cạnh cụ Giá, bà đang mở miếng trầu cánh phượng ra xem vôi tằm đã vừa chưa. Bà nhón thêm một miếng vỏ, một miếng cau toan bỏ vào miệng thì thấy tiếng mọi người nhao nhao:

- Bà Đào cho làng biết ý của bà thế nào đi?

- Bà Đào có thích vào hát ở trong cung không?

- Bà Đào có lo sợ gì không?

- Bà Đào có đi không?

- Bà Đào nói đi!

- Bà Đào nói đi!...

Ông xã trưởng huơ tay cho mọi người im lặng. Đoạn ông chậm rãi hỏi:

- Sư cụ nói rất có lý. Hảo ý của làng là muốn tiến cử giọng hát của bà Đào lên nhà vua. Chẳng biết ý bà thế nào. Tôi xin nói để bà Đào yên tâm. Nếu bà thấy việc cả làng tiến cử không có gì khiên cưỡng, mà bà cũng thấy đó là sự vui vẻ, thì làng sẽ làm sớ tâu về triều. Chắc là triều đình còn phải cử người về tuyển. Bà mà đắc cử, thì cả làng sẽ đứng ra lo liệu. Nhược bằng bà không thuận, cũng xin bà nói cho một nhời, để làng quay tìm hướng khác. Tuyệt nhiên làng không có ý gò ép bà.

Bà Đào đã toan bỏ khẩu trầu vào miệng, lại đặt nó vào khay. Nở nụ cười rất tươi, bà nói:

- Bạch sư cụ, thưa ông xã trưởng, thưa các cụ cùng bà con dân làng. Mẹ con nhà Đào này sống được đến ngày nay là nhờ có sự đùm bọc của dân làng. Nhưng trước hết nếu không có sự dời đổi, hôn quân không chết, minh quân không ra đời, thì con mụ Đào tôi hẳn phải mục xương trong nhà tù của xã Thăng ở

ngoài miếu. Thừa các cụ, cụ Đào tôi đang lo không biết làm thế nào để báo đáp ơn vua, trả nghĩa dân làng. May quá, đúng dịp lễ Thiên thành của nhà vua, các cụ lại có lòng cho cụ Đào tôi đem tiếng hát dâng hiến lên ngài. Dù có phải xả thân ra để đáp đền ơn trên, tôi cũng không ngại, huống chi chỉ có tiếng hát. Dám xin các bậc bề trên cứ dâng sớ về triều đi. Tôi quyết không phụ công ơn trời biển của dân làng đâu.

Nghe bà Đào nói, cả làng đều hỉ hả. Sư cụ chấp hai tay trước ngực niệm: “Nam mô A-di-đà... Cầu chúc cho xứ xứ đều thái bình, an lạc. Cầu chúc cho người người đều làm việc thiện, nhà nhà đều làm việc thiện”.

Mọi người rời chùa, lòng tràn ngập niềm vui.

Sắc thái làng Xuân Phương lại bừng lên rực rỡ. Như sắp đón một cái tết nữa. Như sắp mở lại hội làng. Mặc dù mới đầu tháng hai. Tết mới qua một tháng. Hội mới đã có nửa tuần trăng.

Nhà nhà đều quét dọn, sửa sang. Đường làng, ngõ xóm, chẳng ai bảo cũng cứ ào ra quét tước, tu sửa lại cho phẳng phiu. Cờ thần, phướn Phật lại treo rợp cửa chùa làng. Các ông, các bà ngày ngày áo quần tề chỉnh lũ lượt ra chùa lễ Phật, ra chùa làm công quả.

Đêm đêm trai gái lén đến cái xóm khuất nẻo cuối làng, nơi có ngôi nhà tranh bé tẹo của ba mẹ con bà Đào để nghe hát. Các chàng trai, các cô gái im lặng ngồi ngoài hàng giậu cúc tần nghe mẹ con bà Đào luyện giọng.

Trong nhà tối om, chỉ nghe văng qua khe liếp tiếng hát, tiếng đàn và tiếng trống khua lúc khoan lúc nhặt.

Đêm khuya tịch mịch, giọng bà Đào vang vọng như tiếng chuông ngân.

Trèo lên cây bưởi hái hoa

Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân...

Sấn, người vệ sĩ của hoàng thái tử Phật Mã bữa nay được phép về thăm bà, thăm vợ con cũng theo đám trai làng đi nghe lén bà Đào hát.

Vẫn những lời ca quen thuộc, không ai không nhớ nằm lòng. Nhưng sao khi nghe bà Đào hát, Sấn cảm nhận như đây là bài ca định mệnh của chính bà. Vẫn cái giọng trong muốt và mát lạnh, len lỏi khắp cơ thể người nghe, đôi lúc sồn cả gai ốc khi bà cất cao giọng hát. Nhưng khi giọng bà trầm xuống, nó mảnh nhẹ như đã tan ra thành từng mảnh vụn, li ti như những hạt cát lấp lánh bên bờ bãi sông Như Nguyệt, khi ánh chiều xiên ngả.

Vẫn cái giọng chuông vàng cùng lời ca thao thiết, bà Đào ngân nga:

... Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc,

Em có chồng anh tiếc lắm thay

Ba đồng một mớ trâu cày,

Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không.

Một tình yêu đắm say mà ngang trái. Để rồi mỗi người ôm một nỗi đau đang dờ, khiến tâm hồn bất định như một kẻ mộng du.

Sấn không có nỗi đau như nỗi đau của bà Đào, nhưng anh cảm nhận được hết nỗi niềm bi phần của mẹ con bà. Tức nỗi không làm thế nào để sẻ chia cùng bà.

Đám trai gái trong làng đêm nào cũng kéo đến lén nghe giọng hát của mẹ con bà Đào. Nhưng chủ yếu là bà Đào hát. Con gái bà, cái Cúc, giọng hát mượt mà đầy đặn, báo hiệu cuộc đời nó sẽ bớt gian truân hơn mẹ nó. Cúc năm nay vào tuổi mười bảy. Cái tuổi đẹp nhất trong cuộc đời thiếu nữ, tựa như một bông hồng hé nụ, chỉ cần một chút hương xuân là bừng nở.

Chiều, vừa về tới nhà đã nghe bà cùng vợ nói tới chuyện dân làng sẽ đem giọng hát của bà Đào tiến vua. Lại nghe nói, mẹ con bà đang luyện giọng, đêm đêm trai gái trong làng kéo nhau tới lén nghe. Thế là Sấn nhập vào với số bạn bè. Lúc đầu, Sấn cứ nghĩ, nghe bà Đào hát một vài bài rồi về với vợ, với con. Ai dè tiếng hát của bà như níu giữ hồn người, Sấn nhìn tận mặt từng người ngồi cạnh, thấy ai cũng như ngây dại. Và mãi tới khi mẹ con bà Đào thôi đàn, thôi trống, thôi hát, mọi người mới lục tục kéo nhau về. Khi ấy gà đã gáy dồn, đã sang canh hai.

Sấn chạy ập vào giường vợ, ôm chặt lấy Lan. Từ tối, Lan vẫn chập chờn chờ Sấn. Những tưởng chồng đi một loáng rồi về. Lan biết, chồng không bờm xờm, không dan díu với ai, nhưng sao đến giờ này mới về. Lan giả vờ ngủ, mặc cho chồng vuốt mắt, vuốt má, nắn, sờ... Mãi tới khi Sấn luồn tay qua đầu Lan, rồi ôm gọn cô vào trong lòng vỗ về, nựng nịu, lúc ấy Lan mới bật cười, gắt khề:

- Đi gì mà đi hết cả đêm! Đi nữa đi! Vừa nói, nàng vừa hất tay chồng ra.

Sấn như biết lỗi, khề thối hơi nóng vào tai vợ, lại quệt cái cằm đầy râu lên má vợ. Và mơn trớn làm cái

việc vợ anh đang khao khát thức chờ gần trọn đêm. Sấn vốn là một chàng trai khoẻ nhất làng. Nay lại được vào hầu hoàng thái tử. Được học hành có chữ nghĩa hần hoi, lại được luyện tập võ nghệ. Nên trong việc hành xử, Sấn đã biết cách đối đãi tế vi. Nhất là về sức lực thì ngay cả hồi còn ở cái tuổi mười bảy, mười tám cũng chưa thể sung mãn như bây giờ. Dù rằng bây giờ Sấn cũng mới có hai mươi bảy tuổi thôi. Ấy vậy mà vợ chồng đã ăn ở với nhau được bảy năm rồi. Đứa con lớn đã năm tuổi.

Lúc tối, thằng bé cứ thức mãi đợi bố về. Buồn ngủ quá, cu cậu lăn ra ngủ ngay trên chiếc phản ăn cơm ở giữa nhà. Cụ nội bắt bằng được Lan phải bế cháu vào ngủ trong buồng với cụ.

Hai vợ chồng trẻ, sức lực căng tràn, lại xa nhau tới cả tháng, nên mỗi lần về nhà, Sấn ân ái với vợ suốt đêm, cứ như ngày đầu mới cưới, khiến cho Lan mệt vì sung sướng.

Sức Sấn dẻo dai cường tráng, Lan không thể theo kịp chàng. Tuy mới hai mươi lăm tuổi, nhưng cặp má không còn hồng, đôi môi không còn thắm như hồi mới cưới bảy năm về trước nữa. Không phải Lan không yêu chồng thắm thiết, không phải Lan không khao khát bàn tay ve vuốt ấp ôm của chồng, mà bởi tình yêu ấy đã sẻ chia thành nghĩa vụ. Phần phụng dưỡng bà nội, phần nuôi dạy con. Phần phải trông nom cày cấy cả hai mẫu ruộng, sớm hôm vất vả. Cho nên sự nồng nàn trong ân ái không thể nói là không giảm sút.

Sấn từ khi được làm rể ông xã trưởng Lương Thanh Khiết, được ông thương quý như con đẻ. Ông cho Sấn theo học sư cụ trong chùa làng. Chữ nghĩa đã kha khá, ông lại gửi Sấn sang chùa Tam Sơn theo học với thiền sư Định Hương trưởng lão. Rồi từ đây lọt mắt hoàng thái tử. Chàng bèn thân Sấn về làm vệ sĩ dưới trướng. Bởi thế, anh được nuôi vỗ để dốc toàn tâm toàn sức vào việc luyện rèn võ thuật. Cuộc đời Sấn cứ phôi phới đi lên.

Sấn ôm gọn Lan vào lòng, hai chiếc thân trần nóng hổi áp sát vào nhau. Lan thở hổn hển vì mệt nhưng vẫn gắng chiều chồng, Sấn dư thừa khí lực nên càng ân ái chàng càng khoái hoạt say mê. Chợt nghe tiếng gà vỗ cánh rồi tiếng cùng cục gọi con của gà mẹ, tiếng chiêm chiếp của gà con. Ngoài chuồng, tiếng lợn đòi ăn kêu ụt ịt. Tất cả những tiếng động quen thuộc ấy ập vào tai Lan, khiến cô vùng dậy. Nhưng cả một tấm thân đồ sộ của Sấn còn đang đè phủ trên người cô. Lan khẽ đẩy Sấn và nói: “Anh ơi, sáng rồi, em phải dậy nấu cơm, nấu cám lợn đây”.

Sấn đành nghiêng mình nằm xuống. Lan kéo chiếc chăn mỏng trùm lên tấm thân trần như nhộng của Sấn, rồi cô mở hé tấm liếp che cửa chạy ù xuống bếp nấu cơm.

Sấn vùi ngay vào giấc ngủ muện, tiếng ngáy bỗng vang lên. Lúc đầu còn rì rì như tiếng sáo diều, loại sáo con. Sau to lên không khọc như tiếng sáo đấu, rồi rền vang như tiếng sáo công. Dần dần tiếng ngáy chìm trong tiếng khua động buổi sớm của làng quê. Nào tiếng tháo đóng chuồng, dắt trâu ra đồng. Tiếng trâu bò gõ móng, tiếng gà cục tác nhảy ổ, tiếng mèo kêu, chó sủa, tiếng người gọi nhau í ới từ nhà nọ sang nhà kia, vang vang khắp nẻo đường làng.

Nấu cơm xong, Lan đi vội cám cho lợn ăn, rồi vào sắp dọn mâm bát cho bữa sáng. Chiếc mâm tre, gọi là mâm chõng có bốn chân cao độ một gang tay làm bằng tre sào. Mặt ken những chiếc nan vót tròn bóng như những chiếc răng nơm. Dây ken bằng những sợi mây mảnh mai có màu trắng đục như màu ngà. Những ngọn rau muống luộc xanh như mực, gắp từ chiếc rổ be bé xinh xinh, vun thành một đồng nhỏ trên mâm. Bên cạnh là bát nước mắm cáy đỏ như son. Một đĩa cá giếc kho khô, từng chiếc vảy cá thấm đẫm màu đỏ đậm của lá phèn đen và lá đỏ ngọn, cong lên như thể một con nhím xù lông.

Xong đâu đấy, Lan vào trong buồng mở cửa liếp mời bà dậy ăn cơm. Cô dắt con ra chân vại nước, múc vài gáo đổ vào chiếc chậu sành to bằng hai vốc tay, rồi lấy vuông khăn nâu xin rửa mặt cho con. Thằng bé mắt nhắm mắt mở sà ngay vào lòng cụ, quên cả chuyện chờ bố suốt buổi tối hôm qua.

Một vệt nắng xói qua khe liếp ập vào nhà, Sấn trở mình, hơi hé mắt, rồi lại nhắm nghiền. Anh mơ mơ màng màng cứ tưởng đó là ánh trăng. Cái vệt “trăng” nhạt ấy làm Sấn rùng mình, anh cảm như cả thế gian này đều ớn lạnh. Và giọng hát của bà Đào như vẫn còn văng vẳng bên tai:

Sáng giăng sông sáng cả vườn đào

Sáng sang vườn mạn sáng vào vườn mơ.

Bà Đào đang hát theo điệu “cò lả” bỗng chuyển ngay sang điệu “sa lệch chênh”:

Ba bốn cô vác nạng chòi đào,
Có một quả chín rơi vào tay anh.
Hai tay anh vít hai cành

Quả chín thì trầy quả xanh thì dùng.

Sẵn hình dung rất rõ mấy cậu mấy cô đang riu rít vác cây vác que, chòi quả, vin cành.

Thoắt cái giọng hát lại chuyển sang điệu “làn thắm”:

Mấy năm nay ăn ở trong rừng,

Chim kêu vượn hót nửa mừng nửa lo.

Sa chân lờ bước xuống đò,

Văng mình xuống sạp những lo cùng phiền.

Sẵn có cảm giác như mình đang chênh vênh, hụt hẫng bước chân.

Bỗng có tiếng bước mạnh và một giọng nói khá to:

- Dậy! Dậy anh! Con nó đang hỏi bố đấy. Rồi Lan giật tung chăn lên. Sẵn co dúm người lại như để che giấu tấm thân trần. Anh vợ vội chiếc quần đùi mặc vào, tay xách chiếc côn sắt ra đầu sân đi mấy bài. Sẵn múa cây côn sắt như người ta múa chiếc gậy tre rồng. Những đường côn đi lấp loáng xoay tròn bốn mặt, che chắn trước sau, trên dưới mọi bộ vị thật là kín đáo, tới mức nếu có ai ném đá, ném sỏi vào anh, sẽ bị chiếc côn đang lượn múa kia làm bắn ra ngoài. Ngay cả trời mưa, chưa chắc anh đã bị ướt đầu.

Thằng Tuấn vừa ăn xong bát cơm thứ ba, buông đũa bát chạy ra đầu hè. Nom thấy bố múa côn, nó thích quá réo gọi thật to:

- Bố! Bố giỏi quá! Bố dạy con múa gậy đi.

Sẵn ngừng tay, đặt nằm cây côn sắt xuống sân rồi chạy ào ra bế xốc con lên. Anh đặt thằng bé ngồi lên cổ mình, giả vờ làm ngựa, Sẵn bảo cu Tuấn: “Con nắm lấy tóc bố kêu nhong nhong, giả vờ cưỡi ngựa đi!”

Cu Tuấn giật tung “bờm ngựa”, Sẵn chạy gằn bước một như ngựa đi nước kiệu. Cu Tuấn mê tít bố.

Bố con Sẵn vào trong buồng bà nội. Răng bà rụng gần hết, nên suốt ngày bà ngồi trên góc giường giả trầu.

Nhìn thấy bố con Sẵn, cụ gọi:

- Bố con thằng Sẵn vào đây cụ bảo.

Sẵn ngồi cạnh bà. Cu Tuấn chạy vòng ra phía sau ôm lấy cổ cụ. Nó kéo cụ ngả người ra, cười như nắc nẻ. Và hỏi:

- Cụ ơi, suốt ngày cụ chỉ ăn trầu thôi à?

Cụ Giá đang vườn cối trầu vào miệng, chưa kịp đáp. Thằng cháu lại nhắc lại câu hỏi:

- Cụ ơi...

- Đã bảo cụ biết rồi. Cụ Giá kéo thằng chặt nội vào lòng, cụ xoa đầu nó, cụ chửi yêu: “Cha cái cục cưng của cụ. Nhớ lớn lên chịu khó học lấy dăm ba chữ con nhá...”. Những điều cụ răn dạy ấy, nó đã thuộc lòng cả rồi. Nó không hiểu “chữ” là cái gì mà ai cũng bảo nó: “Thằng bé sáng dạ, nhớn chắc học giỏi”. Nó vẫn cứ ngược mắt nhìn cái miệng móm của cụ nội bồm bẻm nhai trầu.

Cụ vừa xoa đầu cu Tuấn vừa hỏi Sẵn:

- Bà nghe ông xã trưởng nói, từ cuối năm ngoái con đã vào hầu thái tử có phải không?

- Vâng ạ! Thái tử thấy cháu theo học tại chùa Tam Sơn, ngài ưng ý nên cho gọi vào hầu.

- Con ơi, thế cái ông thái tử ấy làm chức gì, có to bằng ông xã trưởng làng mình không. Quý hoá, con được làm rể ông xã trưởng nhân từ, bà mừng quá con ơi. Nhà mình đại phúc đó con.

Nói thế nào cho bà hiểu đây. Sẵn cứ loay hoay mãi về câu hỏi của bà. Đoạn anh thử cố gắng giảng giải:

- Bà à, hoàng tử tức là con vua ấy mà. Như nhà mình con cái đẻ ra, trai thì gọi là “cu” là “cò”, gái thì gọi là “hĩm”.

Cụ Giá gật gật cái đầu. Gương mặt cụ như là vô cảm, cụ lại hỏi:

- Thế cái ông hoàng tử mà con được hầu hạ đấy sau này có lên làm vua không?

- Con không biết. Nhưng mọi người bảo vị hoàng thái tử con đang theo hầu đã được lập rồi. Chắc sẽ

lên làm vua thôi bà ạ.

Mặt cụ Giá bỗng tái đi. Cụ ngồi yên lặng như đang toan tính một điều gì nghiêm trọng lắm.

- Thôi được, để rồi bà phải gặp ông xã trưởng, xin ông đã thương thì thương cho trót.

- Bà bảo gặp nhạc phụ con xin cái gì kia?

- Bà định nhờ ông xin cho con về, đừng hầu hạ hoàng tử nữa. Mai đây ông ấy lại còn lên làm vua nữa, nguy lắm.

- Ấy thôi, con xin bà. Nhà mình đại phúc đấy bà ơi. Con cái các nhà đại quan, xin theo hầu thái tử còn chẳng được, sao bà lại bắt con về?

Cụ Giá vẫn ngồi thản nhiên, cụ giơ tay xoa đầu thẳng chặt nội, nhưng nó đã chạy ra ngoài, Sấn đang ngồi thế chỗ con. Cái tay cụ giơ lên chỉ đến ngang tẩm vai lồ lộ của thẳng cháu nội mà mới ngày nào nó cũng chỉ bằng thẳng con nó bây giờ.

- Gần lửa rất mặt. Cụ Giá nói thong thả từng tiếng như cụ đã lọc chắt ra từ máu thịt cuộc đời. Như việc chẳng may nhà cụ ở sát nhà ông xã Thăng, suýt nữa vừa mất vườn vừa mất nhà. Nay thẳng cháu cụ lại hầu hạ con vua. Mai đây người ấy lại làm vua nữa thì nhà cụ gặp phúc hay gặp họa đây.

Bàn tay già nua của cụ Giá cứ rờ mãi cái cổ to, cái gáy đầy xun của thẳng cháu nội. Hai bà cháu vẫn ngồi trong im lặng. Đôi mắt nhòe dử của cụ nhìn vào một điểm mơ hồ, cụ lại nói, như với xa xăm:

- Con ơi hầu hạ vua như hầu hạ thú dữ, hùm, beo, rắn, rết; nó trở mặt là mình mất mạng. Hùm, beo, rắn, rết nó trở mặt, nó chỉ giết được một người. Nhưng vua trở mặt thì ba họ nhà người ta phải chết. Cụ Giá buông tiếng thở dài rồi nắm chặt bàn tay Sấn. – Con ơi, bà sẽ thừa với ông xã trưởng xin cho con về. No đói bà cháu nuôi nhau được mà.

Sấn bật cười. Anh đứng dậy ôm lấy vai bà nói nhỏ:

- Bà ơi, bà hiểu nhầm rồi. Vua bây giờ khác chứ không như vua thời bà đâu. Bà không thấy từ ngày vua Thuận Thiên lên, bà cháu mình không còn bị ai ức hiếp nữa. Không những không mất vườn mất nhà, lại còn được tha tô, thuế. Được chia ruộng đất. Khai khẩn được đến đâu thì làm chủ đất đai đến đấy. Vì thế nhà mình mới có được hai mẫu ruộng chứ bà. Đấy, bà thấy không. Con sẽ theo hầu các vị vua như thế. Bà vui lên đi.

Cụ Giá lấy hai bàn tay vuốt xuôi khuôn mặt già nua, rồi cụ lấy hai ngón tay tóm lại vành môi cho gọn nước quết trầu. Nhả miếng bã trầu cầm tay, cụ lại nói:

- Vẫn biết những điều con nói là thật cả. Những điều ấy bà biết cả. Con người chứ có phải giống súc vật đâu, mà không biết ơn người đã đem lại no ấm cho mình. Nhưng con ơi vua thì cũng vẫn cứ là vua. Cũng như hổ báo là hổ báo. Nhân đức, thương người, may ra cũng chỉ được một đời thôi. Đời sau lại đổ đốn. Lại dối trá, lừa lọc. Bà sống qua mấy triều vua rồi. Vì thế bà mới khuyên con.

Sấn thấy bà buồn thật sự, lo lắng thật sự. Anh không ngờ cái đời ông hôn quân Ngọa triều lại ám ảnh bà nặng nề đến thế. Sấn nắm chặt hai bàn tay bà. Anh cứ để yên thế một lúc. Hai bà cháu không ai nói gì nữa. Nhưng Sấn thầm nói ở trong đầu: “Bà ơi, vận may nhà mình con mới được hầu hạ hoàng thái tử Phật Mã đấy. Ông ấy nhân đức lắm! Sau này nhất định sẽ là một ông vua giỏi. Vua biết thương dân. Y hệt ông vua bố! Bà nghe con đi. Bà đừng buồn nữa. Con sẽ lập công để rạng danh dòng họ nhà mình, cho bà được mát lòng hả dạ. Bà ơi...”

Lạ thay, cứ như là một thứ tâm truyền tâm. Cụ Giá dường như nghe được hết thấy những tiếng nói thầm thì từ trong tâm tưởng của Sấn. Cụ hiểu tấm lòng của thẳng cháu nội. Vì thế cụ thấy đã hơi tin tin ở vị hoàng tử này.

Bỗng gương mặt cụ tươi hẳn lên, cụ cười trơ cả hai hàng lợi móm, nói giọng thêu thào:

- Thôi được, bà tin con. Con cứ yên tâm theo hầu ngài. Hai bàn tay dãn đeo của cụ lại đặt lên tẩm vai đồ sộ của cháu, và buông lời chửi yêu: “Cha bố anh!”

Tiết Thiên thành năm nay Trung thư sảnh^[81] dâng sớ xin vua cho Sáu bộ, Sáu khoa cùng các trấn lộ đến lạy mừng. Lại xin cho kinh thành Thăng Long được mở hội, theo ý nguyện của dân chúng muốn được bày tỏ lòng trung với triều Thuận Thiên.

Trung thư sảnh viện cứ rằng từ năm Đinh Tỵ tới năm Canh thân, nhà vua đã không cho triều đình và dân trong nước được vào cung chúc thọ. Các lễ đều đình hoãn. Nếu nói các năm trước, Trời có ý răn đe đã đành. Nhưng năm ngoái cả nước bội thu liền hai vụ lúa. Bão lụt không có. Hoàng thái tử Khai Thiên vương vâng mệnh vua lĩnh ấn nam chinh, đánh thắng người Chiêm Thành thường cho binh sang quấy nhiễu. Thái tử đã chém được tướng Chiêm là Bồ Linh, lại tiêu diệt quá nửa số quân của trại Bồ Chính. Cuối năm, kỳ lân lại xuất hiện ở Châu Hoan. Đó chẳng phải là điềm Trời hết giận, Trời thương rồi sao...

Đọc đi đọc lại bản tấu của Trung thư sảnh, vua Thuận Thiên lòng vẫn phân vân chưa quyết, bèn sai nội thư gia tìm các bản tấu của các ông tả, hữu giám nghị đại phu Lương Tăng và Trịnh Văn Túc vào các năm Đinh Tỵ, Mậu Ngọ ra đọc lại.

Bản tấu của hữu giám nghị đại phu Trịnh Văn Túc viết: “Năm ngoái, cả nước được mùa to. Nhân đó bệ hạ lại xá tô thuế ba năm liền để hồi phục sức dân. Ấy là đức lớn không dễ gì triều đại nào cũng làm được. Nhưng sao gần cuối năm, trời không mưa gió mà sét đánh sạt một góc điện Càn Nguyên, khiến bệ hạ phải dời việc coi châu sang điện bên Đông.

Từ khi được thiên hạ, bệ hạ đã làm không biết bao nhiêu việc to lớn ích quốc lợi dân. Ấy thế mà Trời vẫn chưa cho là được, nên mới có chuyện răn đe. Ất là thời trước, hôn quân Lê Ngọa triều gây nhiều tội ác, bao nỗi oan khuất uất ức, thần, người đều chưa nguôi.

Xin bệ hạ cho soát lại án tù, ân giảm nhất loạt, bỏ án tử hình. Lễ, tiết nên giản đơn. Cái nào bỏ được thì bỏ. Việc đàn chay cúng kiếng cốt ở tâm thành chứ không phải nơi lễ trọng. Trong cung nên lấy sự kiệm ước để làm gương cho thiên hạ”.

Cầm bản tấu lật đi lật lại, đọc đi đọc lại, vua nghĩ, các điều Văn Túc nói đều phải cả. Các việc Văn Túc khuyên đều đúng cả. Ta cũng đã làm như Túc nói. Kể cả việc ta bãi bỏ lễ Thiên thành là ngày sinh của ta. Vậy mà năm nay Trung thư sảnh lại xin cho khôi phục tiết Thiên thành. Một lát, nhà vua lại cầm xem bản tấu của quan Tả giám nghị đại phu Lương Tăng. “... Từ ngày năm giữ ngôi trời, không lúc nào bệ hạ không lo nghĩ về đời sống và sinh mệnh của người dân. Thời gian ở ngôi mới được mười năm, nhưng không giấy bút nào ghi xuể các việc làm đại nhân đại nghĩa của triều Thuận Thiên. Từ thượng cổ chưa triều đại nào mới chấp chính có mười năm, đã sáu năm tha tô thuế cho toàn dân. Nhưng thần cứ băn khoăn tự hỏi, vì sao giữa mùa đông, trời không có mưa gió sấm chớp gì, lại tự nhiên nổ ra một tiếng sét đánh sạt góc điện bên Đông, nơi bệ hạ coi châu. Nay lại phải lấy điện bên Tây để vua coi châu. Sét đánh điện Càn Nguyên và điện bên Đông giữa lúc trời quang mây tạnh, chẳng nhẽ đó không phải là điềm Trời răn sao? Răn thôi chớ không phạt. Vì cả hai lần sét đánh, đều không phải lúc vua coi châu, đều không có người chết.

Thần trộm nghĩ, ắt trong thiên hạ còn nhiều người già cả cô đơn không nơi nương tựa mà chưa được chăm sóc. Nhiều trẻ mồ côi cù bơ cù bất đầu đường xó chợ còn chưa được đoái tới. Hoặc các nơi núi, chằm, bờ biển sạt lở không được bồi đắp. Hoặc còn nơi thâm sơn cùng cốc nào đấy mà ân, uy của bệ hạ chưa tới được. Hoặc nơi đền miếu nào đấy bị bỏ hoang phế, từ thời hôn quân Lê Ngọa triều còn chưa được tu bổ, hương khói.

Xin bệ hạ cho Sáu bộ, Sáu khoa nhất loạt kiểm xét trong cả nước và có chính sách tu chính cấp thời. Việc khoan nới sức dân cùng việc kiệm ước của triều đình, xin bệ hạ luôn coi trọng”.

Lương Tăng cũng giống như Văn Túc thường khuyên điều phải. Ta đã làm theo những lời khuyên tâm huyết của họ. Ta biết hai người này đều có nhân cách cao thượng. Nhớ những năm đầu, ta phải đánh dẹp nay đây mai đó; cũng hai người này đã dâng sớ can ta, nhờ nhẽ thật là thống thiết, gay gắt. May mà ta kìm

nén được.

Vua Thuận Thiên trầm ngâm sau khi đọc lại hai bản tâu của hai vị tả, hữu gián nghị đại phu cách nhau hai năm. Vua tự nhủ: – Họ không gay gắt, không đòi ta phải làm cái nọ bỏ cái kia, mà chỉ hướng ta vào các việc vì lợi ích quốc gia. Những người chăn dân, nếu thương dân thật lòng, sao có thể thoái thác. Và lại, làm điều thiện là bản tính của ta. Ta lớn lên nơi cửa Phật. Các thầy ta đều là các bậc đạo cao đức trọng, các bậc thiện trí thức, đã không tiếc công tiếc sức giáo hoá ta trở thành người đứng đầu trăm họ. Vậy trách phận của ta là phải chuyển tải những ý tưởng thâm viển của thầy vào cuộc sống thế gian.

Trong khi nhà vua còn đang miên viễn với ý tưởng cao đẹp, bỗng có tiếng nói vọng lên từ dưới bậc thềm.

- Thần bạo gan vào tham kiến bệ hạ, xin bệ hạ tha tội.

Vua Thuận Thiên vừa quay lại, đã thấy quan hữu gián nghị đại phu Trịnh Văn Túc quỳ trước thềm điện.

- Là khanh à! Ta đang nghĩ về khanh. Miễn lễ, vua Thuận Thiên vừa nói vừa dặt tay Trịnh Văn Túc vào nội điện.

Nội thị dâng trà xong, vua hỏi:

- Vậy chớ khanh vào nội điện tìm ta có việc gì can ngăn khẩn cấp đây? Hoặc khanh cáo giác đàn hặc ai đây? Ta miễn lễ, khanh cứ ngồi nói cho tự nhiên.

Trịnh Văn Túc nâng hai tay sửa lại vành mũ và dải mũ cho ngay ngắn, rồi vòng tay thưa:

- Tâu bệ hạ, nếu thần đàn hặc hoặc cáo giác ai mà vào nội điện, thì việc thần làm đâu còn mình bạch nữa. Các việc ấy, tâu bệ hạ, nếu xảy ra phải giữa chốn triều đình, giữa thanh thiên bạch nhật. Còn việc can ngăn khẩn cấp, chắc là không. Vì rằng, các việc bệ hạ hành hoá lâu nay, dường như đã đi vào đúng then máy của Đạo rồi, lũ thần sao còn dám mở mồm can ngăn bệ hạ.

Lý Công Uẩn vỗ tay cười lớn. Dứt tiếng cười nhà vua nói với giọng thân tình:

- Ta bắt quả tang quan Gián nghị đại phu bên Đài ngự sử nói lời nịnh vua. Nào khanh đã cứng họng chưa.

Trịnh Văn Túc cũng bật thành tiếng cười sáng khoái.

- Tâu bệ hạ, nếu thần có nịnh bệ hạ thì cũng như thần nịnh trời cao, có gì lạ đâu.

- Khanh lấu lăm! Thôi có gì nói mau.

- Bệ hạ, lũ thần nghe bên Trung thư sảnh có bản tâu về tiết Thiên thành năm nay, chờ mãi không thấy bệ hạ hồi âm. Sợ cận ngày quá, lại trễ công việc.

- Chính ta đang xem xét việc đó thì khanh đến. Đây, cả bản tấu của khanh, tấu của Lương Tăng, tấu của Trung thư sảnh. Nhà vua giơ cả ba bản tấu cho Trịnh Văn Túc xem rồi tiếp: – Ta biết, nếu để cho triều đình làm lễ Thiên thành, vua tôi gặp nhau trong ngày vui cũng tăng phần thiện cảm. Nhưng ta vẫn chưa hết lo về hai vụ sét đánh giữa ban ngày, giữa lúc trời quang mây tạnh. Đánh vào điện Càn Nguyên, ta phải dịch việc coi châu sang điện bên Đông. Lại đánh vào điện bên Đông, khiến ta lại phải dịch việc coi châu sang điện bên Tây. Khanh và Lương Tăng khuyên ta thế là phải. Ta còn làm nhiều hơn các việc mà hai khanh xướng xuất. Ta không run sợ sao được, khi mà Trời răn quở. Chính vì thế mà mấy năm nay các việc chi tiêu xa phí như xây cất cung điện ta đều dẹp bỏ. Hoặc lương bổng cho tam cung lục viện, hoặc việc ăn việc mặc, việc đi lại du ngoạn, tất thấy ta đều phải để mắt tới, phải lấy sự kiệm ước làm đầu. Ta phải lấy việc phát triển dân sinh, mở mang dân trí, khai phóng dân tâm làm quốc sách lâu dài. Ngay cả việc lấy ngày sinh của ta làm tiết Thiên thành, mấy năm nay ta cũng cho bãi hết.

- Nhưng năm nay và các năm sau xin bệ hạ cho tiến hành bình thường, Trịnh Văn Túc chen ngang lời vua.

- Sao lại phải làm như vậy? – Vua hỏi.

- Tâu, mấy năm qua Trời có ý răn dạy, bệ hạ làm như vậy là tỏ lòng tuân phục, lòng kính cẩn, tưởng thế là đủ. Và lại, đây là triều Thuận Thiên phải chấn chỉnh, phải sửa đổi những điều sai quấy, những tội ác mà hôn quân Ngọa triều gây ra. Vì lỗi không do triều Thuận Thiên, nên trời chỉ ra oai chứ có trách phạt gì bệ hạ đâu. Lại từ năm ngoái tới giờ, biết bao điềm lành xuất hiện như kỳ lân ở Châu Hoan, voi trắng ở Đà

Giang, các động sách người Man phía bắc, phía tây đều một lòng quy phục triều đình. Hoàng thái tử Khai Thiên vương tự mình cầm quân đánh dẹp mặt nam, thu toàn thắng. Mưa ra gạo đầy sân chùa Tư Phúc. Tất cả những việc đó chẳng phải điềm lành do Trời làm ra ư? Cho nên bệ hạ không nên khư khư giữ lấy sự tiết giảm cho một ngày lễ sinh nhật là điều lợi nhỏ mà bỏ mất phép tắc của một nước có văn hiến là điều lợi lớn.

Tâu, đây mới là việc thần can bệ hạ.

- Thôi được, ngày mai thiết triều ta sẽ y tâu của Trung thư sảnh.

- Đội ơn bệ hạ. Thần vào cung chỉ có một việc đó. Nay xin bệ hạ trị tội thần đi.

Nhà vua ngạc nhiên hỏi:

- Vậy chớ khanh có tội gì?

- Thần dám đường đột vào điện Dưỡng Tâm làm kinh động đến bệ hạ. Nếu bệ hạ không trị tội thần thì luật pháp đâu còn nghiêm nữa. Vả lại tâu bệ hạ, người của Ngự sử đài mà phạm pháp, phải trị tội nặng gấp đôi. Nói rồi Trịnh Văn Túc quỳ trước thềm chờ vua phán xét.

Tình thế dẫn nhà vua vào chỗ khó xử. Vua thầm nghĩ: Túc can ta là vì việc nước chứ không phải việc của nhà y. Nhưng Túc tự tiện vào điện Dưỡng Tâm, là nơi yên tĩnh, dành cho hoàng đế nghỉ ngơi.

Điện Dưỡng Tâm cũng là nơi thảo chiếu quan trọng mà nếu không được phép của ta, các đại thần kể cả hoàng thân quốc thích, đều không được vào. Nếu ta không trị tội Văn Túc thì luật không nghiêm. Nếu trị tội Văn Túc, thì lòng ta cũng không yên.

Hai tay chấp sau lưng, long bào quét thềm, vua Thuận Thiên cứ đi đi lại lại nghĩ suy xem có cách nào hoá giải được việc này. Mải nghĩ, nhà vua quên cả Văn Túc đang quỳ ngoài thềm chờ thánh chỉ.

“Phải rồi, nhà vua vỗ tay lên trán tới ba lần. – Muốn tha tội cho Văn Túc chỉ có cách là phải sửa luật”.

- Văn Túc! Văn Túc khanh đâu rồi! Ta đã có cách. Nhà vua gọi hối hả.

- Tâu bệ hạ thần đang ở đây.

Nhìn ra ngoài thềm, thấy Trịnh Văn Túc vẫn quỳ. Nâng chiều xói vào làm mờ hơi trán quan ngự sử hữu gián nghị đại phu chảy ròng ròng.

- Ôi ta vô tâm để khanh phải quỳ lâu quá. Đã bảo miễn lễ kia mà. Khanh vào kỷ ngời đi. Ta sẽ nói diệu kế.

Vua cầm cây vồ nhỏ gõ vào cái chuông bé tạo ba tiếng, một viên quan thị mặt xám như chì, người loắt choắt khó đoán tuổi. Y mặc chiếc áo thụng xanh, dây lưng thắt ngang bụng, đầu đội mũ ô sa, khom lưng trước nhà vua, tai hơi nghiêng chú tâm lắng nghe lệnh truyền.

- Mỹ tửu!

Loáng cái viên quan thị ^[82], tức là trung quan bê một khay bạc trên đặt be rượu và hai chiếc chén ngọc. Vua thân rót rượu mời Văn Túc.

Quan hữu gián nghị đại phu hai ba lần cảm tạ rồi nâng chén uống.

Đoạn nhà vua phán:

- Ta trọng khanh là người có nhân cách cao thượng, thấy việc nghĩa xả thân làm, không mưu cầu danh, lợi. Khanh là người trung dũng, một kẻ sĩ như khanh không phải thời nào cũng có được. Song ta cũng phải nói thực lòng, nếu như ta không được các bậc đại lão thiên sư cải hoá cho được cái tâm thiện, và không có lòng bao dung chắc là vua tôi không có được ngày nay. Vì bọn khanh nhiều khi cứng quá.

- Tạ ơn bệ hạ. Bệ hạ có được cái tâm Đạo, ấy là điều phúc hạnh cho nước hơn là cho thần.

- Khanh thật đáng ghét. Khanh nói điều gì cũng đúng, cũng chí lý cả.

Ta định mai ra triều, sẽ cho bãi bỏ việc ngăn cấm các quan bên Ngự sử đài vào điện Dưỡng Tâm tâu báo khi có công việc khẩn cấp. Đương nhiên không còn ai dám nói gì đến khanh nữa. Nhân đây ta muốn đọc lại một câu cách ngôn mà thầy Vạn Hạnh dạy ta từ hồi còn là một chú tiểu để chia sẻ cùng khanh. Đó là: “*Làm điều thiện như mang nặng leo núi, chỉ tuy vững nhưng sức còn sợ không leo nổi. Làm điều ác như cưỡi ngựa xuống dốc, roi tuy không đánh mà chân ngựa vẫn khó kìm*”.

- Tạ ơn bệ hạ, thần sẽ coi câu cách ngôn đó chính là lời răn của bệ hạ để rèn đức và sửa mình.

Thăng Long vào hội! Hội mừng lễ Thiên thành tức lễ dân sinh nhà vua. Dân chúng hồ hởi. Bởi chưa có dịp nào người dân kinh thành được tỏ lòng tri ân nhà vua. Những năm trước, lễ Thiên thành chỉ làm hẹp trong phạm vi triều đình, năm nay mới bố cáo cho toàn thiên hạ biết. Và cũng chỉ có kinh thành Thăng Long được đặc ân mở hội.

Dân kinh thành nườm nượp đi sửa sang đường phố, chăng đèn kết hoa. Nhà nhà đều quét dọn gọn ghẽ, cổng ngõ góc ngách phố phường đều sạch sẽ tinh tươm. Mùa xuân, khí trời dịu mát, thỉnh thoảng có một vài đợt mưa phùn, rồi nắng ấm lại hoe lên. Cây cối đâm chồi, nảy lộc xanh um. Chanh bưởi từ các vườn nhà nở hoa thơm ngát. Đường Muối thuần những cây cổ thụ xanh um, hoa nở đầy xum xum như những mâm xôi khổng lồ, nhụy hoa li ti rụng phủ kín đường cái quan, khiến con đường như được trải tấm thảm nhung nâu, dài hun hút. Và kia là Đường Hoè, trước tết nom xơ xác đen thui, cả một dặm dài đứng lặng trong giấc ngủ đông. Thế mà mới sang xuân, Đường Hoè như bừng tỉnh, những mầm non lá nõn oà nở sáng cả cung đường. Thân cành đều căng mọng và như sắp rạn nứt ra, vì sức sống mùa xuân làm cho nhựa cây chuyển vận hồi hả.

Đường phố và nhà dân đều sáng sủa, sạch đẹp. Nhưng rực rỡ thì phải nói đến khu vực hoàng thành và cấm thành. Bốn cửa hoàng thành như Đại Hưng ở phía nam, Diệu Đức ở phía bắc, Tường Phù ở phía đông, Quảng Phúc ở phía tây đều trang hoàng đèn lồng, đèn kéo quân cùng cờ thần, phướn Phật nối nhau giăng mắc. Nhất là hai cửa Đại Hưng và Tường Phù đèn hoa, cờ phướn kéo dài về hai bên tả hữu. Khi đêm xuống, cả vạn chiếc đèn thi nhau toả sáng, từ xa nom tựa dải Ngân hà sà xuống ôm lấy hoàng thành.

Trong cấm thành, các điện Càn Nguyên, điện Tập Hiền, quán Thái Thanh, chùa Vạn Tuế, điện Nhật Quang, điện Nguyệt Minh, lầu Ngũ Phượng tinh... vốn đã nguy nga tráng lệ, nay lại trang hoàng thêm, thật muôn phần long lẫy.

Ngoài cửa Quảng Phúc dựng hẳn một ngọn núi kết bằng tre xanh cao chót vót có bốn chữ “VẠN THỌ NAM SƠN” xếp thuận bằng đèn kéo quân chạy đủ các tích trò. Trước cung Long Trì có một sân rộng mênh mông, các phường hát nổi tiếng của kinh thành và tứ trấn, được tin Thăng Long mở hội nhân tiết Thiên thành, cũng nô nức kéo nhau về công diễn. Họ đang căng màn, dựng rạp để chờ ngày khai diễn.

Đêm trước ngày đại lễ, các cao tăng đã tề tựu trong chùa Vạn Tuế, làm lễ cầu phúc cho nhà vua. Các bậc sư trưởng như Vạn Hạnh thiền sư, Định Hương trưởng lão, Ma Ha thiền sư, Hương Nghiêm thiền sư... thầy đều có mặt cầu phước cho nhà vua, cầu cho quốc thái dân an.

Bên quán Thái Thanh, các đạo sĩ Huyền Linh, đạo sĩ Viên Sơn... cũng lập đàn tràng cầu Ngọc hoàng thượng đế, cầu Thái thượng Lão quân ban phước cho nhà vua được trường thọ.

Sớm ngày mười hai tháng hai, vua ra ngự tại điện Càn Nguyên. Bữa nay nhà vua vận áo long bào bằng gấm đại hồng, đội mũ bình đỉnh có chuỗi bạch ngọc rủ tua trước trán. Hàng trăm ngọn bạch lạp thấp sáng choang cả nội điện. Mấy đỉnh trầm xông hương thơm ngào ngạt.

Các quan thuộc sáu bộ, sáu khoa, các đô, đài, sảnh, viện lần lượt vào lạy mừng và dâng đồ lễ.

Tới lượt các thiền sư, các đạo sĩ vào mừng, vua thân xuống thềm điện nghênh đón.

Sau những lời chúc tụng và tụng hô, vua Thuận Thiên xúc động, nói mấy lời cảm tạ. Sau lễ khánh chúc vua dụ mời các vị thiền sư, đạo sĩ và trăm quan về điện Tập Hiền thết yến.

Lại nói ông Lương Thanh Khiết, xã trưởng xã Xuân Phương được làng cử đem tiếng hát của mẹ con bà Đào lên kinh để dâng thánh thượng. Thực tên bà là Phúc, họ Đào; nhưng làng vẫn quen gọi là bà Đào. Người quyền thế thì gọi bà là Đào thị.

Hai anh trai làng tháp tùng ông xã trưởng cùng ba mẹ con bà Đào lên kinh.

Ông xã trưởng tuy nhà giàu có, nhưng ít giao du, nên bạn bè ở Thăng Long hầu như không có. Khi miền đất này còn là thành Đại La, ông được cụ thân sinh cho theo đi mua sắm ít đồ nấu như hải sâm, vây cá về để làm lễ đại thọ. Khi vua Thuận Thiên dời đô từ Hoa Lư về, đổi tên là Thăng Long. Nghe nói có rồng vàng hiện lên bên thuyền ngự, rồi lại bay vút về trời. Vài năm sau, ông có tới thăm Thăng Long, thì mọi vật đã đổi khác so với thành Đại La trước. Thực tình ông không nhận ra gương mặt cũ của Đại La.

Tổ thầy còn đang ngó nghiêng đi tìm nhà trọ. Trong khi trời đã xế chiều, mọi người đã mệt mỏi sau ba

bốn ngày lợi bộ. Nhất thẳng Cún, con bà Đào, thẳng bé chưa đầy mười một tuổi, lần đầu tiên đi xa như thế. Đôi chân nó bước đi một cách nặng nề. Được cái gan cóc tía, nó chưa bao giờ đòi nghỉ trước khi ông xã trưởng cho nghỉ; cũng như nó chưa bao giờ thốt ra nửa lời kêu ca.

Đang đi, bỗng có bốn năm con ngựa với từng ấy tay cương dừng lại trước mặt ngáng đường. Bốn người xuống ngựa, một người vẫn ngồi trên lưng con ngựa tía. Bỗng một chàng trai đến trước ông xã trưởng cúi đầu: “Con chào thầy”. Nghe giọng nói quen quen, ông xã trưởng ngừng nhìn.

- Sẵn! Sẵn! Con đấy à. Ông xã trưởng mừng quýnh: – Sao con lại ở đây? Thầy tưởng con vẫn theo hầu thái tử ở Tam Sơn.

- Dạ thưa thầy, thái tử về triều để ngày mai mừng thọ hoàng thượng nhân tiết Thiên thành. Hoàng thái tử đang ngồi trên lưng ngựa, con mời thầy lại chào ngài.

Thấy ông già đi lại phía mình, thái tử vội xuống ngựa. Hỏi ra mới biết ông là xã trưởng hương Xuân Phương, dẫn phường hát của xã lên hát mừng thọ vua cha. Hiện mọi người đang loay hoay tìm nhà trọ.

Thái tử cho người dẫn xã trưởng Lương Thanh Khiết đến giao cho Lương Minh Châu, phường trưởng phường Cửa Đông là dân sở tại, lo chu tất chốn ăn ở. Thái tử hứa thế nào cũng thu xếp cho phường hát xã Xuân Phương được ra mắt nhà vua.

Trên đường về cung, Sẵn kể hết khúc nhôi về cuộc đời và gánh hát của ba mẹ con bà Đào Thị Phúc, nhất là giọng hát của bà thì thế gian khó kiếm. Thái tử vốn là người say mê âm nhạc, lại giàu lòng nhân ái, thấy cảnh ngộ bất hạnh của mẹ con bà, càng thôi thúc chàng ngày mai phải thu xếp cho bằng được với các viên thượng cấp môn sứ sắp đặt, để mẹ con Đào thị được phô diễn giọng hát hầu phụ vương. May ra mẹ con thị được thu nạp vào ty giáo phường, thì đây cũng là cái phúc đời của mấy người bất hạnh.

Sân Long Trì diễn ra không biết bao nhiêu trò vui. Chỗ này diễn võ, chỗ kia đấu vật. Chỗ này vừa chạy vừa đốt lửa thổi cơm thi. Chỗ kia trống phách rập rình đang rước tới mấy chục cặp “nữ” – “nường” to như chiếc nón đội đầu và chiếc chày giã cua, lại sơn phết màu mè nom đến nực cười. Các chàng trai, các cô gái cầm nữ của nam và cầm nường của nữ được chọn thuần những người to khỏe, đẹp gái, đẹp trai. Họ chỉ trong độ tuổi từ mười tám đến hai mươi. Con gái môi đỏ như tô son, má hồng như trái đào lên mã. Con trai má còn đậm lông tơ, tóc cứng mà đen như mực. Con trai đóng khổ đỏ, con gái mặc váy màu nâu tươi, yếm lụa màu mỡ gà, cổ xẻ che kín ngực, hai cánh tay và bả vai để trần. Họ nhảy từng bước theo nhịp trống và miêng đọc lời thiêng “TINH! TINH PHOỌC!”. Trẻ con, người lớn chạy theo đám rước nữ – nường đông như kiến. Có nhẽ không có trò nào đông vui như trò này. Trẻ nhỏ thì chạy theo cái hiệu kỳ. Người lớn thì thích thú cảnh này trong những ngày hội chen, hoặc trong các tiệc rượu đêm, khi mọi người đã say khướt, từ lệnh (chủ trò) ra lệnh tắt đèn đuốc. Và phút hỗn dâm bắt đầu. Có nhẽ cái tâm điểm của ngày hội là ở trò hấp dẫn này. Vì thế các tích cứ diễn đi diễn lại mà năm nào hội cũng vẫn đông.

Từ cổ xưa, sau cuộc rước NỮ – NUỜNG là tiếp đến cuộc chen. Trai gái ùa vào chen vai thích cánh nhau cho đến lúc toát mồ hôi, áo, khố, yếm, váy bật tung, cũng là lúc đèn đuốc tắt phụt. Trống, chiêng ngừng bật. Trời tối om. Ấy là lúc trai gái thỏa sức tự do... Và may mắn cho cô nàng nào sau hội chen lại sinh ra được một mụn con, thì đứa nhỏ đó được cả làng nâng niu quý trọng. Bởi dân gian cho đó là con Thánh. Và đứa nhỏ đó suốt đời phải chịu cảnh không có bố. Cho dù mẹ nó có biết rõ bố đứa trẻ là ai cũng không dám nhận. Vì nếu nhận, lập tức sẽ bị làng ghép vào tội gian dâm.

Điện Tập Hiền có hành lang bốn mặt rộng, thoáng. Những hàng cột gỗ sơn son thếp vàng, cột nào cũng giăng mắc đèn, nến, nom cung điện rực rỡ như chốn thiên tiên.

Các phường nhạc vừa tấu xong khúc “Nguyên hoà”, các quan dâng rượu tiến vua.

Nhà vua tay cầm chén ngự tửu bước xuống bậc tam cấp. Ngừng nhìn khắp lượt các triều quan, vua bèn đặt chén rượu vào chiếc khay ngọc do một viên quan thị đang khom lưng bê chiếc khay không, đứng xếp phía sau ngài. Vua nói:

- Bữa nay, vua tôi được sum vầy. Trăm họ no ấm. Khắp các nẻo biên thủy bắc, nam đều yên ổn. Các nước lân bang không dám ngó dòm, các khanh có biết vì sao không?

- Vì đức lớn của bệ hạ! Các quan đồng thanh đáp.

Lại hô:

- Hoàng thượng thiên tuế!

- Hoàng thượng vạn tuế!

Vua Thuận Thiên xua tay, lắc đầu. – Ta cảm tạ lời nói tốt đẹp của các khanh. Ta lưu ý các khanh, nước được như ngày nay là do lòng dân yên ổn. Chính là cái tâm của dân đã định được. Dân tâm an định, thế nước ắt vững như bàn thạch.

- Nước được như ngày nay, vua Thuận Thiên nhắc lại, – là nhờ phúc ấm tổ tiên, là nhờ Trời, Phật hộ trì. Vua ngưng lại nhìn khắp lượt quần thần rồi tiếp, – nhưng cái chính là nhờ vào trăm họ, nhờ dân chúng đẩy.

Các khanh nên nhớ, phải hết sức chăm lo mọi mặt cho dân, cũng tức là tận tâm làm cho nước chóng được giàu mạnh. Tuy nhiên, ta không thể không nói lời cảm tạ chư khanh, đã vì ta mà bao năm nhọc sức. Ta biết, ta chăm lo cho các khanh chưa được là bao. Dẫu sao cái thời cam go của nước, vua tôi ta đã vượt thoát qua rồi. Nay ta có chén rượu vui nhân ngày đản của ta, mời các khanh cạn chén.

Các quan nhất loạt nâng chén rượu lên ngang mày, nói lời cảm tạ.

Các phường nhạc lập tức tấu khúc “Thái hoà”.

Nhạc tắt. Vua tôi vui vầy yến ấm, chuyện nỏ ran như pháo. Người ôn lại chuyện cũ thời Lê Ngọa triều. Người nói chuyện đánh dẹp quân man Tống, diệt gọn hai mươi vạn quân của Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí. Người lại nói chuyện đem một trăm con ngựa chiến nòi Hồ sang cống vua Chân tông nhà Tống. Chuyện cũ từ năm Giáp Dần, nhưng nhiều người vẫn còn muốn nghe lại. Người ta thường kể đi kể lại cho nhau nghe. Chuyện tam sao thất bản. Nay được nghe từ cửa miệng các quan chánh phó sứ, ai mà chẳng thích.

Sử quan Hoàng Công Bình đang ngồi ở bàn bên cạnh cũng nghiêng vành tai để nghe lại câu chuyện. Thật ra thì ông đã được nghe chính các quan chánh, phó sứ về tâu lại cặn kẽ trước hoàng thượng diễn tiến của sự việc. Và ông đã có ghi chép không bỏ sót một chi tiết nào vào cuốn biên niên sử. Tuy vậy, theo ông, vẫn cứ phải nghe đi nghe lại nhiều lần; vì rất có thể các lần trước các quan chánh phó sứ còn bỏ quên một vài việc chưa kể hết, nay bổ túc thêm vào. Hoặc giả, các sự, các việc mà các ông tâu về thêm vào, nay chắc sẽ không còn nhớ để mà kể. Phải, chỉ có nghe đi, nghe lại như thế để chặt lọc thì mới được một sự thật đáng cho đời sau tin cậy.

Bổng quan ngự sử Phạm Khiêm Ích ngồi đối diện với viên ngoại lang Phùng Chân, nguyên là chánh sứ đoàn sang nước Tống năm Giáp Dần bèn lên tiếng:

- Có một số người đã được nghe quan chánh sứ kể chuyện vua ta cống ngựa vua Tống năm Giáp Dần, nhưng chuyện xảy ra tới gần chục năm rồi. Nhiều người chỉ được nghe thuật lại, chỉ bằng quan huynh một lần nữa kể vắn tắt để mọi người nghe cho nó sướng cái tai.

- Đúng đấy!

- Đúng đấy! Xin viên ngoại lang cho nghe chuyện đi sứ.

Kể nhiều lần nên Phùng Chân như đã thuộc nằm lòng. Và ông cũng không cho đó là việc phiền toái. Vả lại, mọi người, kể cả người dân trong nước cần phải biết đến cái sự quan hệ bang giao này. Nghĩ vậy, quan viên ngoại lang bèn vuốt râu cười ha hả:

- Đời tôi đã chứng kiến nhiều chuyện. Nhưng không có chuyện nào lại đặc ý như chuyện đi sứ nhà Tống năm Giáp Dần. Năm ấy, sau khi vua ta phá tan âm mưu của Tống Chân tông, định dùng sức mạnh người man Tống đè bẹp nước Nam ta. Chiến cuộc năm ấy, chắc các vị còn nhớ cả. Nhưng để cho vua tôi nhà Tống ôm hận và ngấm đòn, vua ta sai lũ chúng tôi đem một trăm con ngựa nòi Hồ sang Tống báo tiệp, và cũng là cống vật của nước ta. Lúc đầu, mọi người chưa hiểu thâm ý của vua ta, sau vỡ lẽ mới biết hoàng thượng thực là sáng suốt.

Dường như sau khi nước ta tiêu diệt sạch sành sanh hai mươi vạn quân (tất nhiên trong đó có nhiều quân ô hợp) của Dương Trường Huệ và Đoàn Kính Chí, thì vua tôi Tống Chân tông hết sức bối rối. Và chỉ sợ bên ta nhân chuyện này làm khó cho họ. Bởi vậy, để lấy lòng sứ giả, Chân tông xuống chiếu cho các quan sở tại, những nơi có sứ thần nước ta đi qua, phải đón tiếp long trọng, đệ trạm phải cung đón cho đầy

đủ. Nhất nhất không để xảy ra điều gì sơ khoáng, khiến sứ giả phải phàn nàn.

Vì vậy, khi sứ đoàn ta cùng với cả trăm con ngựa chiến, làm tung bụi mịt mù suốt mấy dặm đường trước cửa ải, thì viên quan biên trấn bạt vía kinh hồn. Họ tưởng bên ta đem quân trách phạt nhân vụ Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí. Tới khi sứ ta đệ trình quốc thư cùng các đồ tể cống xin qua ải, họ mới hoàn hồn.

Viên đô tướng trấn Nam thủy cứ lắc đầu lia lịa: “Lạ quá! Đồ cống lễ gì mà kỳ quặc, cứ như là quân thiết đột của Tây Hạ vậy”. Thời ấy, tây thủy nhà Tống bị quân Tây Hạ đánh cho tơi tả. Vì vậy nhìn thấy ngựa là họ sợ.

Các quan đều lấy làm thích thú, mọi người cười hể hả.

Bổng quan trung thư thị lang hỏi:

- Quan huynh cho bọn đệ nghe cái đoạn các quan hàng tỉnh bên nước Tàu tiếp sứ đoàn ta như thế nào đi.

Viên ngoại lang Phùng Chân lấy làm đặc ý lắm, ông ve vuốt chòm râu bạc tới hai ba lần, rồi mới cất cái giọng trầm ấm lên nói tiếp:

- Thưa các quan, do ta đánh tan đội quân xâm lăng mấy chục vạn của Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí mà thực chất là quân binh nhà Tống. Vì vậy, thanh thế của sứ đoàn được coi trọng chưa từng thấy trong lịch sử bang giao với triều Tống. Nghĩa là đoàn sứ giả đi tới địa đầu tỉnh nào thì quan đầu tỉnh ra nghênh đón, và mở tiệc yến chiêu đãi. Không những sứ giả được trọng nể, mà lũ ngựa cũng được săn sóc chu đáo. Giám mã của ta kén rất kỹ các loại thức ăn như thóc khô, cỏ tươi, cả việc cho ngựa ăn trứng gà để chúng bóng da, mượt lông cũng đều có trong thực đơn của ngựa. Lại cả việc tắm tấp, chuồng trại và cắt xén lông bờm, lông đuôi các đệ trạm của Tống đều không được sơ khoáng. Đám các quan đầu tỉnh rất sợ sứ đoàn đem các khiếm khuyết của họ tâu lên vua Tống. Bởi vậy, họ săn sóc chu đáo khi sứ đoàn lưu trú, và quà cáp rất hậu hỹ khi sứ đoàn lên đường.

Khi đoàn vào tới Biện Kinh, tể tướng Vương Khâm Nhược thân ra tiếp sứ, và ngay đêm đầu tiên đã sai bày yến chiêu đãi sứ thần, gọi là tiệc tẩy trần. Ngày hôm sau, Tống Chân tông đích thân tiếp sứ tại điện Sùng Đức. Chân tông không ngớt lời ca ngợi vua ta và ban thưởng nhiều đồ quý cho từng người trong sứ đoàn. Về Chân tông á. Thật tình ông ta là một người nhút nhát, không có chính kiến. Một điều lạ nữa là sứ đoàn của ta muốn đi đâu cũng được, muốn ở lại bao lâu cũng được, rồi muốn khi nào về nước cũng được. Chưa bao giờ, và cũng chưa có thời nào thiên triều lại dễ tính đến như vậy.

Câu chuyện đi sứ đang hồi hấp dẫn thì có tiếng giáo trò nổi lên rộn rã. Một cậu bé mặc áo cánh màu nâu đỏ thắt dải khăn đầu rìu, đeo một chiếc trống khau trước ngực bước ra giáo trò. Cậu bước đi khoan thai đĩnh đạc, vẻ mặt hơi trang nghiêm nhưng vẫn có nét ngộ nghĩnh. Cậu cúi đầu chào nhà vua, chào bốn phía rồi vừa múa vừa hát:

Trình làng trình chạ

Thượng hạ tây đông

Tư cảnh hoà trung

Nghe tôi giáo trống

Tới đây, cậu dừng lại vừa nhảy, múa vừa vỗ một hồi trên hai mặt trống, rồi nói tiếp:

Trướng không phong động

Cũng bởi trống tôi

Làng đã vào ngồi

Tôi xin diễn tích...

Nói xong, cậu bé lại cúi chào rồi lui về chỗ ngồi. Cậu bé đó chẳng phải ai xa lạ, chính là thằng cu Cún con bà Đào.

Bà Đào Thị Phúc xúng xính trong bộ áo dài màu cánh trả, yếm lụa màu mỡ gà, cổ xẻ cánh nhận, thắt lưng màu hoa hiên, váy lụa sồi đen nhức, tay cầm chiếc quạt lụa che nửa mặt, bước đi với vẻ tự tin. Bà tiến gần tới chỗ đức vua ngồi, quạt giắt sau cổ áo, cúi đầu vái lạy nhà vua ba vái. Rồi bà quay ra diễn trò. Vừa xoay cây quạt trong tay, khi khoan khi nhặt, khi hát, khi múa mà chỉ trong vòng một chiếc chiếu, nhưng

ta có cảm giác như bà đang đi trên một chiếc sân rộng.

Hai con bà, cô Cúc và cậu Cún một cây nhị và một chiếc trống con phụ hoạ, đôi khi làm náo loạn cả chiếu trò. Giọng hát bà Đào khi vang lảnh như tiếng chuông ngân, khi buốt lạnh như một mũi giáo nhọn sắc đâm thẳng vào lòng người. Bà không diễn điều gì xa lạ. Chỉ kể lại cuộc đời một người đàn bà goá, bị xã trưởng ức hiếp, gieo tai hoạ, bắt giam cầm, cho tới khi đức vua vi hành và giải thoát. Nó chính là câu chuyện cuộc đời bà. Nhưng bà khéo sắp xếp thành tích trò, lại biết đặt lời hát thật là lâm li.

Bà Đào vừa hát, vừa phô diễn tâm trạng làm cho người nghe phải nhiều phen rơi lệ.

Chính cái tích trò bà diễn, khiến đức Thuận Thiên dần nhớ lại cuộc vi hành đầu tiên về làng Xuân Phương, và bắt gặp xã trưởng đang đánh đập tù nhân, trong cái nhà tù của làng, ẩn trong một miếu tre rậm rạp. Nhờ tích diễn của mẹ con bà Đào đã giúp nhà vua nhớ lại tất cả. Và ngài tự nhủ: “Công việc cải hoá của ta mới chỉ bắt đầu”.

Tích diễn đã mãn. Người diễn trò đã cúi đầu vái lạy tới ba lần, nhà vua mới sực nhớ ra và gật đầu. Chợt vua hỏi:

- Chẳng hay nương tử kia tên là gì? Vua chỉ tay vào bà Phúc. Hoàng thái tử ngồi cạnh vua cha liền đáp:
- Tâu phụ vương, người ấy họ Đào.
- Cho mẹ con nương tử đó sáp vào ban nhạc cung đình.

Do vua gọi như vậy, nên từ đó người trong nước đều gọi những con hát là đào nương.

Yến lễ đã mãn, quan kinh sư đại doãn và các đại quan mời nhà vua ghé cửa Quảng Phúc để xem thêm một vài trò lạ do dân kinh thành trình diễn.

Vừa bước ra khỏi cổng phía tây kinh thành, một hình ảnh thật lạ mắt khiến mọi người kinh ngạc. Đó là một ngọn núi cao kết thuần bằng tre, do dân các phường Hàng Tre, Hàng Cót, Hàng Manh, Hàng Mã làm để chúc thọ nhà vua.

Vừa thấy hoàng thượng tới, người trưởng trò cho thắp sáng một dãy đèn kéo quân trên đỉnh núi kết thành bốn chữ “VẠN THỌ NAM SƠN”. Và khắp ngọn núi rải rác ánh đèn mờ tỏ, làm người xem có cảm giác trên núi còn có cả rừng cây. Rồi lấp loáng, chim bay, thú chạy rượt đuổi nhau loang loáng. Lại nữa cả những giọng bắt chước tiếng chim hót líu lo, tiếng thú dữ gầm gào, tiếng nước suối chảy ào ào cuốn hút người xem vào trong một thế giới vừa trần gian vừa huyền mộng. Dân chúng reo hò mãi không ngớt.

Vua Thuận Thiên ngắm xem không chán mắt. Bỗng nhà vua thốt lên:

- Khéo quá! Tài quá!

Quay lại phía quan kinh sư đại doãn, vua nói:

- Ta cảm ơn khanh cùng dân chúng kinh thành, đã không tiếc sức vì ngày vui của ta. Ta sẽ có sắc khen, có phần thưởng xứng đáng cho những người kỳ tài, đã dựng lên ngọn núi cùng các trò vui thuần bằng tre này. Nhưng nhân đây, ta cũng nói luôn: Từ nay thôi không làm núi giả nữa nhé, khó nhọc cho dân lăm chấy, tốn kém lăm chấy. Vẫn biết rằng dân mình vốn rất tài hoa.

Quan kinh sư đại doãn liền thưa:

- Tâu, nếu bệ hạ không cho làm thì các ngón nghề tinh xảo này sẽ mai một rồi thất truyền mất.
- Nếu dân thích làm trong ngày hội, ta không cấm. Nhưng tiết Thiên thành thì ta miễn.

Từ đó, trò làm núi giả này không xuất hiện trong lễ sinh nhật nhà vua nữa.

Nhân hoàng thái tử giữ ấn nam chinh thẳng trận trở về, có đem theo tù binh để làm lễ hiến phù ở nhà thái miếu, vua Thuận Thiên cho thiết triều để bình công.

Thái bảo Đào Thạc Phụ được nhà vua trao quyền giám quản tựa như một vị quân sư cho hoàng thái tử, trong cuộc thảo phạt Chiêm Thành, đã tâu trình cặn kẽ mọi diễn tiến của cuộc nam chinh. Thái bảo hết lời ca ngợi tài cầm quân của hoàng thái tử. Ông nói với tất cả lòng trung thực và dưới con mắt của một vị giám sát nghiêm ngặt: – Thái tử tuy còn rất trẻ, mới gần hai chục tuổi thôi, nhưng đã tỏ lộ bản lĩnh vững vàng của một bậc nhân tướng, bậc trí tướng. Vì sao thần lại nói thái tử sớm tỏ lộ các đức tính ưu việt này, là bởi đối với quân sĩ dưới quyền, thái tử hết lòng yêu thương họ, dè sẻn máu xương họ. Bằng cớ là mỗi khi phân phái binh sĩ vào nơi hiểm địa, thái tử đều cho người đi dò la đường sá, dò la lực lượng địch, kể cả sự mạnh yếu nhất thời của nó. Lại sắp xếp cả viện binh ứng cứu khi cần, để người vào trận yên tâm rằng mình không bị cắt đứt với hậu quân, với đại quân.

Lại trước khi khai triển lực lượng tiến đánh địch quân, thái tử cho hội chư tướng để họ được biết về nội tình của giặc, lực lượng của giặc, cả những nơi quân giặc đồn trú. Sau đó lập sa bàn, rồi bày thành thế trận. Lúc nào vây hãm, lúc nào khiêu chiến, lúc nào đột kích ở đâu ở đâu, rồi lúc nhất tề cùng tiến, hiệu lệnh, mật lệnh, khẩu lệnh tất thấy đều rành mạch, rõ ràng không thể nhầm lẫn được. Tất thấy các việc trên thái tử đều hỏi han tham bác các tướng dưới quyền.

Cho nên khi vào trận, từ các mũi tiến quân đến các tướng cầm quân, tiến lui, công thủ thấy đều nhịp nhàng, không hề có rối loạn.

Đánh địch ngay trên đất địch, mà thái tử còn nắm chắc địa hình địch, như biết rõ trong lòng bàn tay mình có bao nhiêu đường nét vậy. Cứ xem cung cách thái tử chỉ huy, bày xếp, đủ tỏ là bậc trí tướng.

Không chỉ bày xếp, sai phái binh sĩ, mà đích thân thái tử cũng xông pha như một vị tướng. Chính thái tử đã cầm đầu toán quân phục nơi đường hẻm, đứng đường giặc chạy trốn, và chém đầu tướng giặc, khiến giặc phải đầu hàng. Vì vậy, công cuộc thảo phạt đạt thành tựu nhanh chóng. Tâu bệ hạ, điều này nữa, tỏ lộ thêm đức dũng của người làm tướng nơi thái tử.

Tâu bệ hạ, điều đáng nói ở đây là khi quân ta rút đi rồi, vẫn không bị người Chiêm coi như một kẻ xâm lăng. Trái lại, họ coi ta như một đội quân nhân nghĩa. Còn lỗi lầm, họ đổ lên đầu các nhà cầm quyền nước họ, trước hết là tổng trấn Bồ Linh là kẻ luôn gieo rắc mầm hoạ. Chinh phục được cả lòng dân nước địch, không phải là việc bất cứ một vị tướng nào cũng làm được.

Lại nói về các thuộc hạ của thái tử như nội thị Lý Nhân Nghĩa, tướng quân Lê Phụng Hiếu, tướng quân Ngô An Ngữ, Lý Huyền Sư... khi lâm trận đều là những bậc tài trí, dũng mãnh cả. Họ xứng đáng được bệ hạ ban thưởng. Công trạng của từng người, thần sẽ lập thành một bản tấu riêng để bệ hạ ngự duyệt.

Dạ muôn tâu, tước trật hay phẩm vật mà tự tay hoàng thượng ban cho, không ai không coi đó là niềm phúc hạnh của đời mình.

Thần xin bệ hạ gia ân cho một việc nữa, ấy là binh sĩ theo thái tử đi chinh phạt khó nhọc, lại lập được công lớn, xin bệ hạ cho mở tiệc khao quân, rồi cho phép họ nghỉ dưỡng bữa nửa tháng, để họ về lại gia hương thăm ông bà, cha mẹ và vợ con, mai này có giặc họ lại hăng hái lập công.

Nghe thái bảo lược tâu về cuộc nam chinh đại thắng, vua Thuận Thiên lấy làm đẹp ý. Nhất là sự trưởng thành của hoàng thái tử.

- Vậy là con ta đã có phong độ của một vị tướng, có cốt cách của một bậc quân trưởng. Thế là con ta đã thành người lớn, đủ trí lực vào đời.

Nhà vua nhìn khắp lượt quần thần, gương mặt ai nấy đều rạng rỡ chứng tỏ mọi người đều đồng lòng.

Với vẻ cười mở, vua nói:

- Thái bảo tâu trình các việc như thế đều rõ cả. Nhân đây ta có nhờ khen thái bảo, khen tất cả đoàn quân nam chinh. Ta y chuẩn các việc thái bảo vừa tâu.

Nhân có việc mà ta muốn bàn với các khanh. Ấy là việc hoàng thái tử đã lớn, đã đến tuổi nạp phi, làm hôn thú để chính danh vị. Chẳng là bữa trước, ta nghe Lý Nhân Nghĩa tâu báo việc thái tử Lý Phật Mã có để mắt tới con gái nhà họ Mai bên hương Tam Sơn – nơi thái tử về mở phủ. Chẳng hay gia thế nhà họ Mai thế nào, nhân thân Mai thị ra sao, khanh nói mau để các quan còn nghị bàn.

Lý Nhân Nghĩa liền xuất ban tâu:

- Trình hoàng thượng, Mai Trọng Hựu hương Tam Sơn là một nhà hào phú nổi đời tu nhân tích đức, con cái được học hành, được giáo dưỡng nên người. Mai Trọng Hựu là một cư sĩ nổi tiếng trong vùng. Các thiền sư thường triệu thỉnh ông ta đi giảng về Phật pháp cho các sa môn. Con trai cả của nhà họ Mai là Mai Mạnh Minh, bạn đồng môn với hoàng thái tử mà sư phụ chính là thiền sư Cửu Chỉ.

Nghe đến đây, nhà vua bỗng “À!” lên một tiếng.

- Được! Được lắm! Gia đạo như thế là được lắm. Khanh nói tiếp đi.

- Tâu, người con thứ hai là Mai Trọng Mẫn cũng vào hàng mẫn tiệp. Thứ nữ là Mai Minh Nguyệt có theo đòi chữ nghĩa ít năm. Nay tuổi vừa trăng tròn. Nhan sắc không thuộc loại chim sa cá lặn, nhưng lại có vẻ đẹp hoang sơ nơi hương ấp, còn tính hiếu thuận, lòng nhân từ chất phác thì thần chưa thấy ai có thể sánh được với người thiếu nữ này. Mai phu nhân là người đoan chính coi sóc việc nhà cũng như truyền dạy cho ái nữ các điều về dung, công, ngôn, hạnh thật khó có ai bì kịp.

Nội thị Lý Nhân Nghĩa tỏ vẻ đặc ý. Ông ngược nhìn nhà vua, nhìn triều quan:

- Tâu hoàng thượng, hoàng thái tử đúng là người có con mắt tinh đời. Tuy vậy, tâu hoàng thượng, thần chỉ còn một chút băn khoăn, Lý Nhân Nghĩa vừa nói xong liền ngồi thụp xuống.

- Được rồi, lát nữa khanh hãy nói điều băn khoăn của khanh, nhà vua vừa nói vừa nhìn khắp lượt triều quan. Bỗng nhà vua gặng hỏi:

- Ở đây có ai biết về gia thế nhà họ Mai nữa không?

Mấy vị triều quan quê ở Đông Ngàn, Tiên Du nói rõ thêm về gia đạo nhà họ Mai từ mấy đời trước. Đại loại là việc tu nhân tích đức, việc học hành, họ Mai từng nổi tiếng trong vùng.

Vua lại hỏi:

- Nếu ta lập ái nữ của Mai Trọng Hựu làm chính phi cho hoàng thái tử thì ý các khanh thế nào? À quên, ban này viên ngoại lang Lý Nhân Nghĩa nói có một chút băn khoăn. Vậy băn khoăn nổi gì, khanh nói rõ ta nghe.

Viên ngoại lang nội thị Lý Nhân Nghĩa lại xuất ban:

- Tâu hoàng thượng, thần chỉ băn khoăn là gia thế nhà họ Mai không đăng đối được với hoàng thái tử, còn như về đường gia đạo thì không có gì phải phàn nàn cả.

- Khanh kỹ tính quá. Nếu xét đăng đối thì con ta ế vợ mất. Nhà vua cười vỡ ra. Cả triều quan cùng cười, vua tôi thật là vui vẻ.

Vua Thuận Thiên lại nói:

- Ta kén vợ cho con cũng như các ông thôi, là chọn nơi có đức chứ không phải chọn nơi có của, có quyền. Giàu có mà thất đức; chức trọng quyền cao mà thất đức thì sự nghiệp mỏng lắm, sập đổ lúc nào không biết. Vua gặng hỏi: – Nếu các quan không có ai phản bác, thì ta quyết lập ái nữ của nhà họ Mai làm chính phi cho hoàng thái tử. Vậy ta nhờ viên ngoại lang Lý Nhân Nghĩa đứng ra làm mai làm mối cho. Bên khâm thiên giám chọn ngày lành tháng tốt để làm lễ kết tóc cho hai trẻ. Vua lại dụ cho ty Thái chúc phải lo yến tiệc và đưa dẫn lễ lạt qua nhà họ Mai cho đúng với phép tắc của triều đình, và phong tục của dân nước.

Qua lễ cưới dân nước đồn ầm lên về chuyện con vua lại lấy con nhà thứ dân. Chuyện lan truyền đến làng Xuân Phương.

Bà con trong làng ngày nào cũng kéo nhau đến nhà cụ Giá. Họ muốn gặp đích thân cháu cụ theo hầu hoàng thái tử, để hỏi cho ra ngô ra khoai, xem có đúng như nhời đồn thiên hạ không.

Bữa nọ đô Sấn tướng quân từ kinh đô về thăm nhà. Theo hầu chàng còn có một gã “dũng nhi” tuổi chừng mười sáu, mười bảy.

Đồ Săn cỡi con ngựa tía, nòi Hồ. Nom chàng cao lớn, phương phi, oai vệ khác thường. Viên “dũng nhi” cỡi con ngựa ré Nước Hai, nom nhỏ nhắn như một con la, bốn chân thon, mình lẳn, móng chắc, bắp săn; sức sỏi không bằng con tía nòi Hồ, nhưng sức dẻo dai và ăn tạp thì con tía của đồ Săn chắc không thể theo được con ngựa Nước Hai này.

“Dũng nhi” là con cái thuộc các nhà nòi tướng, được tuyển chọn kỹ càng qua các kỳ sát hạch dựa trên các khiếu năng bẩm thụ, lại cho vào trường huấn hổ từ mười ba đến mười lăm tuổi, và phải qua một kỳ khảo hạch cuối nữa. Võ sinh nào trúng cách mới được chọn vào đội “Dũng nhi”. Từ đội “Dũng nhi” lại được phái theo hầu các tướng để kèm dạy, cho tới khi phương trưởng sẽ trở thành các tiểu tướng quân.

Viên “dũng nhi” theo hầu đồ Săn là con ruột của biên tướng Nùng Tồn Mộc đang trọng trấn tại châu Bình Lâm. Y có tên là Nùng Tồn Thụ, nhưng mọi người vẫn quen gọi y là “dũng nhi”.

Lại nói đồ Săn vừa bước vào sân, trao dây cương cho Tồn Thụ cột ngựa vào gốc cây mít ở góc vườn, chàng chạy ào vào góc nhà, ôm lấy hai vai bà cụ Giá, giọng vồn vã, chàng hỏi:

- Bà! Bà ơi! Bà có khoẻ không? Bà có nhớ cháu không? Ôi bà, bà gầy quá.

Bà cụ Giá dạo này điếc lẩm. Cụ không nghe được những gì cháu nói. Cụ ngừng nhìn Săn, đôi tròng mắt đục lờ cùi nhân, nước mắt rân rân ứa ra, chắc là cụ đang xúc động. Cụ dùng mười đầu ngón tay teo tóp như những chiếc cẳng gà phơi khô, cứ rờ nắn khuôn mặt của Săn. Mãi lâu sau, cụ mới nói được ra lời, giọng run run:

- Cha mẹ mày, không nhớ vợ nhớ con ư mà mãi hôm nay mới về.

Đồ Săn cười hì hì. Vẫn cái giọng cười của anh lực điền ngày nào. Nhìn trước nhìn sau không thấy vợ con, Săn ghé vào tai bà hỏi thật to:

- Bà ơi! Mẹ con thằng Cò đi đâu rồi?

- Mẹ con nó về thăm ngoại từ sáng sớm. Chắc nó sắp về đấy.

Đang mãi thăm hỏi bà nội sau mấy tháng chưa về, vừa quay mặt ra nhà ngoài, đồ Săn đã thấy bà con xóm làng kéo nhau đến đầy một nhà. Săn vội ra chào hỏi mọi người. Đang loay hoay không biết phải nước non tiếp đón dân làng như thế nào, thì mẹ con Lan cũng vừa bước vào sân. Cô đơn đã chào hỏi bà con, rồi dẫn thằng Cò vào trong buồng chào cụ. Đặt chiếc bánh khúc còn nóng hổi vào bát, hai tay nâng lên rồi đặt vào tay bà cụ Giá:

- Cụ ơi! Bánh khúc nóng mẹ con gọi biểu cụ. Cụ ăn cho nóng ạ.

Cụ Giá không nom rõ trong bát là vật gì. Cũng không nghe rõ cháu dâu nói gì, nhưng ngửi thấy mùi hăng hăng của lá khúc, mùi mỡ phần ngầy ngậy, mùi tiêu cay cay, và mùi thơm xôi nếp, cụ biết nó là bánh khúc. Cụ cũng thầm đoán là bên nhà ông xã trưởng làm bánh khúc, nhân con bé đưa con sang thăm ông bà ngoại, cụ ngoại, lúc về bà xã trưởng gọi biểu đây. Chao ôi, người gì mà nhân đức thế. Đúng là ông xã trưởng đã đối đời cho bà cháu bà. Lại còn cho cô Lan về làm dâu nhà bà nữa chứ. Thứ bậc, nó là vợ thằng Săn, thì nó gọi mình bằng bà thôi, chứ cứ như cách ăn cách ở, cách cư xử của cô Lan, lắm lúc bà cứ nghĩ rằng giới phật thương bà cháu bà, nên cho cô tiên xuống làm vợ thằng Săn. Nghĩ thế, cho nên không bao giờ bà cụ dám gọi cháu dâu bằng con nọ con kia. Dù biết rằng cô Lan cũng thích bà gọi như vậy, mà bà cũng muốn gọi như vậy lắm để nó ấm cúng tình bà cháu. Nhưng bà lại chạnh nghĩ, nếu như có điều gì thất thổ, giới phật gọi cô ấy về thì bà cháu bà lại khổ, lại cô đơn. Bà cụ Giá cứ luẩn quẩn trong cái sự mắc vướng ấy, nên cụ vừa vui sướng, lại vừa lo âu, lắm lúc cứ nẫu cả ruột.

Nhà đông khách, thằng Cò không dám ra ngoài, nó cứ bện lấy cụ nội. Bà cụ Giá vừa đưa cái mùi thơm thơm của bánh khúc chớm vào miệng thì dừng lại. Cụ gọi:

- Cò ơi! Con ăn hộ cụ nhá!

Thằng Cò quay ngoắt về phía cụ nội. Nó nắm lấy bàn tay cầm đũa của cụ, lại cầm bát bánh đặt vào lòng tay cụ, nó nói, giọng trẻ đến là thương: – Cụ ơi, cụ ăn đi. Con vừa ăn bên bà ngoại rồi. Bà ngoại gói cho mẹ con một bọc to lắm đem về biểu cụ đấy. Cụ ăn hết con lại lấy nữa cụ ăn. Nó nâng bàn tay cầm bát của cụ lên đỡ dành: – Cụ ăn đi. Ăn đi nào!

Bà cụ Giá nở nụ cười sung sướng trên gương mặt già dãn deo. – Cha mẹ mày! Cụ chửi yêu thằng chắt

nội. – Nào thì cụ ăn.

Ở nhà ngoài, cô Lan xăng xái tằm trâu, rót nước mời khách. Viên “dũng nhi” Nùng Tồn Thụ cũng nhanh nhẹn giúp chủ tướng bê trâu nước mời tận tay các bậc cao tuổi. Cả một nhà tấp nập râm ran thì nghe tiếng vó ngựa lộp cộp phía đầu sân. Ai nấy ngoảnh nhìn ra. Ông xã trưởng vừa từ mình ngựa xuống đã nói ngay:

- Người của triều đình về, bản chức chưa kịp làm lễ tiếp rước. Thật là có lỗi! Có lỗi!

- Ôi thầy, Đô Sấn vừa ở trong nhà chạy ra sân đã vội chào nhạc phụ, và anh cúi xuống vái lạy ông xã trưởng ba vái: – Con lạy thầy! Con thật có tội. Con vừa về nhà chưa kịp sang thăm thầy...

Ông xã trưởng vừa bước vào nhà thì sư cụ chùa làng cũng xúng xính trong bộ áo chùng nâu, mũ nâu, tay chống cây gậy trúc bước vào sân.

Thấy sư cụ tới, mọi người ùa cả ra sân chào:

- Bạch cụ! Bạch cụ!... Cả làng từ già đến trẻ đều tỏ lòng tôn kính nhà sư.

Đô Sấn cũng chạy tới trước sư cụ chấp tay vái ba vái: – Con bạch cụ ạ!

Ông xã trưởng mời mọi người vào trong nhà. Nhưng khách đông quá, phải trải thêm chiếu ngồi ngoài sân.

Biết sự mong mỏi của dân làng, ông xã trưởng bèn lên tiếng:

- Bạch sư cụ, kính thưa các cụ và bà con dân làng. Từ độ nghe tin hoàng thái tử làm lễ kết tóc với một người con gái hương Tam Sơn, ai cũng cho đó là một sự lạ. Ai cũng bán tín bán nghi. Sao lại có chuyện con vua lấy con dân. Có đúng thế không thưa các cụ, thưa bà con.

- Đúng đấy! Đúng như thế đấy ông xã trưởng ạ. Mọi người đồng thanh đáp.

- Vậy thì thưa các cụ, thưa bà con, nhân có chuyện tể tử của tôi, đô Sấn vừa mới ở Thăng Long về, chính đô Sấn lại là tướng hầu cận của hoàng thái tử; sự việc có như thế nào, cháu Sấn đã mục sở thị, cháu sẽ kể lại hầu các cụ.

- Đa tạ! Đa tạ! Tiếng các cụ đáp lời ông xã trưởng.

- Vậy thời anh Sấn, con đã nghe tỏ đầu đuôi việc các cụ trong làng đến nhà con rồi chứ. Tỏ rồi, thì con kể lại những điều con được chứng kiến như thế nào để các cụ nghe.

- Thưa các cụ! Ông xã trưởng lại quay về phía mọi người nói tiếp: – Chính nhà cháu cũng u u minh minh về chuyện này. Thành thử bà con có ai hỏi, cháu cứ lúng túng ở trong mồm như người ngậm hột thị, chẳng biết nói năng làm sao. May quá, lại có anh tể tử ghé nhà. Cháu sẽ hầu chuyện các cụ – Nào, bắt đầu đi thẳng bố Sấn.

Sấn đứng giữa nhà, chấp tay vái bốn hướng – Xin các cụ, con xin tường lại đầu đuôi sự việc để các cụ rõ.

- Đúng là hoàng thái tử của đương kim hoàng thượng triều Thuận Thiên, đã làm lễ kết tóc với một người con gái họ Mai ở hương Tam Sơn. Nhà họ Mai là một phú hộ, nối đời làm việc thiện, nên được hưởng phúc. Nhà họ Mai là một nhà hiếu học. Mai ông là cư sĩ, thường giao du với các bậc thiên sư đạo cao đức trọng. Các bậc cao tăng thường tôn Mai ông là bậc thiện trí thức. Người huynh trưởng của Mai thị từng là đồng môn với thái tử thời niên thiếu. Dạ bẩm các cụ, đúng là hoàng thái tử đã làm lễ kết tóc với con gái của một nhà thứ dân, vì rằng Mai ông không có một thứ phẩm hàm, chức tước nào cả. Dạ, gọi là thứ dân thôi chứ không phải thường dân đâu ạ.

- Như vậy cũng đã là ghê lắm! Một cụ cắt lời đô Sấn nói chen – Đúng là từ thượng cổ chưa có chuyện con vua lấy con nhà thứ dân.

- Bạch các cụ, tôi xin có đôi lời. Sư cụ lên tiếng:

- Thật ra việc hoàng thái tử gả nghĩa với một thôn nữ, đối với triều Thuận Thiên cũng không lấy gì làm lạ lắm đâu ạ. Sư cụ ngưng lời nhìn mọi người. Dân làng im phăng phắc ngóng nghe lời sư. – Chẳng là đức Thuận Thiên xuất thân từ cửa Phật – sư nói tiếp, nên tâm của ngài là tâm Phật. Đã là tâm Phật thì không có sự phân biệt đối đãi. Đã không phân thứ bậc nữa thì đối đãi sao còn có phân biệt. Hoá nên một khi thái tử cầu xin, lập tức hoàng thượng y chuẩn.

- Dạ đúng như thế đấy ạ. Sự việc diễn ra đúng như nhời sư cụ vừa dạy đó, đô Sấn xác nhận. Song mọi

người vẫn chưa hết ngạc nhiên, vẫn cho đó là một sự lạ.

Đoạn sư cụ lại quay về phía đô Sấn hỏi:

- Quan tướng quân có nhớ mấy năm trước, nhân tiết Thiên thành đức Thuận Thiên, dân làng ta đem tiến kinh giọng hát của bà Đào?

- Bạch cụ, con nhớ. Đạo ấy con và thái tử có gặp nhạc phụ con ở trên kinh. Nghe biết sự việc, con đã trình với hoàng thái tử. Chính nhờ có hoàng thái tử ra tay thu xếp, nên mẹ con bà Đào mới được ra mắt hoàng thượng, trình giọng hát. Dạ, bạch cụ vì rằng đồ lễ khắp nước tiến dâng, mọi thứ kỳ bí, phi phàm của đủ mọi người, mà ai cũng đều muốn đích thân đem dâng tiến nhà vua. Đông đúc đến như thế, nếu không có tay trong, thật khó mà lọt được tới bệ rồng. Dạ, bạch cụ, con có nghe nói giọng hát của bà Đào đã lay động cả hoàng cung, đã làm se thắt bao con tim của các bậc vương giả. Chính vì thế, hoàng thượng đã truyền phải thu nhận mẹ con bà Đào vào ban nhạc cung đình. Cũng từ bữa ấy, nhà vua thường lui tới phường nhạc, để lại được nghe giọng hát của bà Đào. Bỗng một hôm ngài truyền hỏi, nương tử có giọng hát thần sầu kia tên gì. Viên trung quan bèn thưa:

- Trình hoàng thượng, thị ấy tên Đào.

Nhân đó vua truyền:

- Từ nay các con hát đều gọi là “đào nương”.

- Phước thiện thay! Sư cụ nói – Ở đời mọi việc không ra ngoài luật nhân quả, – cụ lại tiếp.

Sư cụ dứt lời, không khí từ trong nhà tới ngoài sân đều im phăng phắc. Mọi người đều có ý nán chờ xem sư cụ có nói gì nữa không. Bởi trong làng, sư cụ là người được kính trọng nhất. Thử hỏi, tới cả chục năm nay, nghĩa là từ khi triều Thuận Thiên được thiết lập, các anh trai làng này, anh nào có chữ mà chẳng là học trò sư cụ. Lại các điều hơn nhẽ thiệt ai chưa thông tỏ đều phải chạy ra chùa, nhờ sư cụ giảng giải. Rồi ốm đau, tật bệnh, thuốc men có việc gì không đến tay nhà chùa. Sư cụ đúng là một bậc thầy của cả làng.

Một phút im lặng qua đi, vừa đủ cho mọi người nghĩ suy về các việc hành xử của triều Thuận Thiên. Chợt ông nho Quế bèn cất tiếng nói. Ông nho Quế cũng vào loại chữ nghĩa kha khá ở trong làng. Đành rằng về sức học, ông không thể so với sư cụ là người đã từng theo học tại Đạo tràng Thăng Long. Nhưng cỡ tuổi ông ở cái làng Xuân Phương này, về đường chữ nghĩa, là ông ngang ngửa với ông xã trưởng Lương Thanh Khiết.

Ông nho Quế hăng giọng:

- Tôi xin được hỏi thêm về hoàng thái tử. Chúng tôi vẫn nghe nói, thái tử có về mở phủ tại hương Tam Sơn. Đồn rằng thầy, tớ, quân quyền về đấy cũng phát cây lẩn rừng, làm nhà, cấy trồng như đám nông phu chúng tôi. Lại nghe nói, đích thân thái tử trần lộng ra làm như mọi người, ăn cùng mọi người. Rồi cũng phải đóng tô đóng thuế như mọi người. Chẳng hay chuyện đó hư thực thế nào ông đô Sấn?

Đô Sấn liền đứng dậy, anh mỉm cười vái các cụ hai vái rồi nói:

- Trình các cụ, tất cả các việc mà cụ nho Quế hỏi là thực cả đấy, chứ không phải là chuyện đồn thổi đâu ạ. Chính nhà cháu khi về hầu thái tử là từ đất Tam Sơn, cho nên mọi việc cháu đều được chứng kiến cả. Thưa các cụ, chẳng riêng gì hoàng thái tử cầm dao phát rẫy, cầm cuốc cuốc đất mà ngay cả hoàng thượng cũng đích thân năm theo cày, cày ruộng tịch điền hằng năm ở Thăng Long kia chứ có đâu xa. Và thưa các cụ, hoàng thượng vẫn tự cấy lấy lúa gạo để làm xôi oản dâng cúng tổ tiên vào các ngày huý kỵ và các ngày lễ, tết trong năm. Hoàng thượng thường răn dạy các hoàng tử, không ỷ lại vào dân, mà phải tự mình làm ra phẩm vật của mùa vụ để dâng kính tổ tiên, ấy là đạo hiếu! Một khi hoàng thượng đã có nhời răn bảo, các hoàng tử sao dám trái ý ngài.

Ông nho Quế giơ tay lên vái trời:

- Con lạy chư thiên, một triều đại như thế, đạo nghĩa như thế, đạo lý như thế dân ta ắt được cậy nhờ. Cái đói, cái rét, cái bất nhân, cái ngu muội chắc không còn được dung dưỡng như dưới triều Lê Long Đĩnh nữa.

- Đúng là như vậy đấy! Các người cứ ngắm mà xem, sư cụ nói.

Từ ngày lập Mai Thị Minh Nguyệt làm chính phi lại đưa về ở cung Long Đức, nom thái tử như người phát tướng. Gương mặt lúc nào cũng bừng sáng, rạng rỡ. Nói năng hoạt bát. Các việc làm đều nhịp nhàng giờ nào việc ấy, lúc kiếm cung tập tành, lúc thi thư xướng hoạ. Lại cũng hay tới phường Thái Hoà thăm nhà Ngô An Ngữ. Chẳng là năm trước nhà họ Ngô sinh được một trưởng nam, thật là khôi ngô tuấn tú. Ngô An Ngữ trước sinh tới năm con gái liền mà không được một đứa trai, tưởng bị phạt tử, ông ta buồn lắm. Lại đi cưới một người thiếp, ai ngờ vẫn sinh con gái. Ngày đêm cầu khẩn, chăm làm việc thiện, ai dè tới năm Kỷ Mùi, tức Thuận Thiên thứ mười (1019) thì sinh đặng con trai. Cũng là sự lạ, thằng bé lúc sinh lại ra ngược, một tay nắm chặt cuống nhau, tay kia thì che bụng, nom thật nực cười. Bà mẹ bảo cậu bé này có cái vẻ như người vừa thủ thế vừa công thế, sau này làm tướng võ chẳng?

Ngô An Ngữ năm trước sinh con trai, năm sau theo thái tử đi chinh phạt Chiêm Thành lập được công lớn, ai cũng bảo nhà ấy phúc đáo trùng lai. Đứa bé mới hơn một tuổi đã chạy nhanh, nói sõi. Nom đẹp như một tiên đồng. Đôi mắt to phát ánh sáng xanh, lông mày rậm hơi xếch, dài trùm đuôi mắt. Trán cao, lưỡng quyền như hai chiếc gò nở nang, cằm bạnh; mũi thẳng, chuẩn đầu hơi tròn; miệng rộng; môi đỏ hơi dày, nhân trung vừa rộng vừa sâu. Nom cậu bé tam đình ngũ nhạc cân đối rõ ra một quý tướng. Năm bé ba tuổi có một thầy tướng nhác trông đã nói: “Cậu bé này ra đời làm vượng cho nước”. Ngắm nghía giây lâu, ông chép miệng: “Chỉ tiếc một nỗi...” rồi ông bỏ lửng. Ngô An Ngữ gạn hỏi thế nào ông cũng không nói nữa. Chuyện ấy lâu ngày người ta cũng quên mà chỉ chú ý tới đứa bé cứ lớn như thổi, không một tật bệnh gì, không nhõng nhẽo quấy khóc như đám trẻ cùng lứa. Vừa tròn ba tuổi thì Ngô An Ngữ đã đón thầy về nhà dạy bé học. Cũng là thử xem đứa bé có khiếu năng học hành, có sáng dạ không. Ai ngờ, từ buổi đầu nó đã ngoan ngoãn nghe lời thầy chỉ bảo. Rồi từ đấy, hằng ngày nó chịu học như một đứa bé tám, chín tuổi.

Theo thầy đồ thì đứa bé rất sáng dạ, dạy đâu nhớ đó, chỉ một lần là thuộc cả chữ lẫn nghĩa. Sau dăm bảy ngày thử sức, Ngô An Ngữ nói với thầy chỉ nên dạy truyền khẩu, chớ không cho học chữ nữa, sợ thằng bé hại sức. Ai dè đứa bé nhất định không nghe, đòi học chữ cho bằng được. Cũng năm ấy nhà họ Ngô lại sinh tiếp một bé trai nữa. Đứa bé này, về mọi mặt không được như anh nó.

Hoàng thái tử dường như thích ngắm nhìn, thích trò chuyện với đứa bé con nhà họ Ngô. Có lần thái tử dạy nó một câu thật khó. Thái tử viết ra cho đứa bé nhận mặt chữ, rồi dạy cho cách đọc. Xong thái tử lấy đi ngay tờ giấy đó. Ba ngày sau hoàng thái tử trở lại nhà Ngô An Ngữ gọi bé con ra bảo: “Người viết lại những chữ hôm trước ta dạy ngươi”. Đứa bé cầm bút viết đủ câu, các chữ không chữ nào thiếu nét. Thái tử lại bảo: “Người đọc đi”. Đứa bé chỉ vào từng chữ đọc: “Nhân bất phong ba vị lão tài”. Thái tử bèn hỏi: “Chữ này của ai?”. Đáp: “Của thái tử cho cháu ạ!”

Thái tử ôm lấy đứa bé vừa cười vừa nói: “Đúng là chữ ta cho cháu viết. Nhưng không phải chữ của ta, chữ của đức Mạnh Tử đó”. Không ngờ mấy chữ thái tử cho để đo trí của đứa bé, lại hoá thành định mệnh của cuộc đời nó.

Nhìn ngắm đứa bé giây lâu trong vòng tay, thái tử buột miệng hỏi Ngô An Ngữ:

- Tướng quân đã đặt tên cho cháu bé chưa?
- Dạ bẩm thái tử, thần chỉ mới đặt nhũ danh cho cháu là “Cò” thôi ạ, còn tên tự thần chưa kịp đặt. Nếu thái tử không chê thằng bé, xin thái tử ban cho cháu một cái tên.
- Ông cho ta vinh dự này chẳng, thái tử nói với tất cả niềm vui và cả tình yêu từ lâu người đã dành cho đứa bé. – Theo ta, thằng bé này đỉnh ngộ lắm, cứ đặt cho nó cái tên Tuấn, Ngô Tuấn. Vậy chớ tướng quân có chấp nhận không?
- Bẩm thái tử, đó là đại hạnh cho cha con thần.
- Ta quên hỏi tướng quân, chẳng hay có trùng với tên ai trong phả hệ họ Ngô không. Tướng quân phải xem lại, nếu trùng, ta sẽ đặt cho cháu một cái tên khác.
- Bẩm thái tử, theo trí nhớ của thần thì trong phả tộc nhà thần chưa có ai mang tên đó.

- Vậy là cháu bé có cái duyên được mang tên Ngô Tuấn rồi.

Cũng từ bữa đó, gia đình nhà Ngô An Ngữ gọi con là Tuấn, và bỏ luôn nhũ danh “Cò”.

Lại nói, từ ngày chính phi về làm chủ cung Long Đức, thái tử hay mời khách thi văn, khách kiếm cung đến đàm đạo. Có khi còn gọi cả phường hát vào hát thâu đêm. Đôi khi thái tử còn soạn cả lời cho đào hát.

Từ ngày trở lại cung Long Đức, phần đất khai khẩn được, gọi là “mở phủ”, thái tử đem cúng cả cho chùa Tam Sơn của thiền sư Định Hương trưởng lão.

Bữa làm lễ hiến đất trước Tam bảo xong, trưởng lão mời thái tử về trai phòng đàm đạo.

Sư nói: – Vậy là việc con đi mở phủ đã viên thành. Ta mừng cho con. Hoàng thượng đưa con đi mở phủ, tức là cho con cận dân, để mai này trị vì thiên hạ, con biết thương dân. Ta chắc nhà vua đã giáo huấn con nhiều điều, lại được các bậc sư phó chấn dặt, khai mở cho con với biết bao nhiêu kinh sách. Dù con đã biết, nhưng ta vẫn muốn nhắc lại, đức Cồ Đàm đã bỏ ra gần hết cuộc đời để tìm lẽ sinh tử. Cuối cùng ngài ngộ ra một chữ “KHÔNG”. Đó là cửa đi vào giải thoát. Ngài từ bỏ ngôi vua để đi tìm lẽ đạo. Còn con, nghiệp của con là trị vì thiên hạ. Người ở trên thiên hạ không phải là người cái gì cũng biết. Cho nên con phải biết lắng nghe. Nghe những người thân cận ta, nghe những người yêu ta, nghe cả người ghét ta, nghe cả kẻ thù của ta. Hãy xem tất cả họ nói gì. Sau đó con lại nghe người dân nói. Con nên nhớ những gì thuộc về sự thật, nó thường làm ta cay đắng. Nhưng nếu ta biết chấp nhận nó, và dám đương đầu với nó một cách kiên cường, lúc ấy con sẽ là người xuất chúng, xứng đáng là người đứng đầu trăm họ. Con nên nhớ, khi con ở ngôi cửu ngũ, mỗi cái phẩy tay, mỗi cái gật đầu của con là ảnh hưởng tốt, xấu tới toàn thiên hạ. Đôi khi nó là cả sự thịnh suy, sự mất còn của cả quốc gia nữa đấy. Nay cờ đã sắp đến tay, nên con phải học hỏi để mai đây điều hành nó, tức là vận hành cả cái sinh mệnh của nước, cho thật đúng với thiện đạo của trời đất. Thiền sư bỗng ngừng lời, ngài nhìn sâu vào ấn đường của thái tử một lát, lại tiếp: – Con tuổi Canh Tý, tới năm Mậu Thìn, tức là năm năm nữa tới kỳ đại hạn. Hạn tam hợp này lại biến tam tai, cuối cùng con vẫn trụ được. Lấy gì giải hạn ư? Lấy tâm để giải hạn, lấy trí để trừ hung. Con nhớ nhé, Phật dạy ta Đại bi, Phật cũng lại dạy phải Đại hùng. Trước khi về triều, tình thầy trò, ta chỉ biết khuyên con như vậy. Con đã học Phật. Con còn nhớ Phật dạy sinh tử là lẽ thường hằng. Rồi Phật lại dạy chớ coi thường chuyện sinh tử. Ý tứ nhẽ đời, nhẽ đạo phải từ đây suy ra mà hành hoá, kéo lại mắc vào mê ngộ. Vừa dứt lời thiền sư đã thả hồn vào hư không tịch tĩnh, thái tử vẫn có ý chờ thầy khai ngộ tiếp. Im lặng chừng tới nửa khắc canh giờ, bỗng sư cất tiếng nói như thả từ thình không xuống từng thanh âm trong suốt: – Thôi con về đi, mọi sự ở đời đều không thể vượt qua được thiên mệnh. Ta cũng không dám tiết lộ gì thêm nữa.

Thái tử về triều đem giấy bút ra chép lại những lời thầy dạy mà chàng đã khắc ghi trong óc não. Những ngày sau đó, chàng cứ băn khoăn về cái đại hạn tam hợp năm Mậu Thìn sắp tới, mà thầy bảo nó sẽ biến thành tam tai. Không yên tâm, thái tử quay ra bốc được quẻ bát thuần càn, nhưng cả hào một và hào ba của nội quái đều động. Tức là quẻ thuần càn cương kiện biến thành quẻ “tụng”. Tụng là tranh chấp. Tranh chấp là đổ vỡ. Đổ vỡ là có quan hệ đến an nguy, đến sinh tử. Thảo nào thầy dặn ta về “chớ coi thường chuyện sinh tử”. Thái tử cảm thấy lo sợ, không biết điều gì sẽ đến. Chàng lại khảo tiếp. Hào năm của ngoại quái lại động. Quy về quẻ “vị tể”. Thái tử tạm yên tâm và tự nhủ: Thầy dặn thêm lời cuối: “Mọi sự ở đời đều không thể vượt qua được thiên mệnh”, ứng với quẻ này đây. Lại nghĩ, đoạn trường còn những năm năm nữa lo gì. Và lại phụ vương còn, vương triều vững như bàn thạch, đất nước bốn phương đều thái bình. Biên cương chỉ lo cái hoạ phương bắc thì nhà Tống đang suy yếu, lo giữ nhà chẳng xong, sao dám giở trò gì với ta. Mặt nam, đã chịu thường niên triều cống. Vậy ta còn phải lo gì nữa.

Tuổi trẻ cũng làm cho mọi thứ quên mau. Nhất là từ mấy tháng nay, cái bụng của chính phi đã hơi hơi căng khiến thái tử vui như mở hội ở trong lòng. Miệng chàng luôn luôn mỉm cười. Chàng nhớ, cách đây chừng ba tháng, sau cuộc ân ái, chàng còn đang thân trần nằm duỗi dài bên nàng, ngủ say như một cây gỗ. Bỗng nàng lay gọi chàng cho bằng được. Chàng dậy trong ánh nến nhạt nhoà, chàng nhận ra gương mặt của chính phi đẹp như một thiên thần. Chàng ghì riết nàng vào trong lòng, lại toan... nàng vội đẩy chàng ra và nghiêm giọng:

- Có một việc hệ trọng thiếp muốn tâu.

- Giời ơi, còn có việc gì hệ trọng hơn việc ân ái giữa ta với nàng trong buổi đêm khuya khoắt này. Nói xong, chàng xiết chặt vòng tay ôm nàng.

Nàng nghiêm giọng:

- Chàng phải để cho thiếp ngủ yên đã.

- Vậy nàng nói ngay đi, ta nghe đây. Đang ngủ say thì thức ta dậy. Tưởng nàng đòi ta ân ái nữa, hoá ra lại có chuyện gì đây.

Giọng e ấp – Lúc chàng với em qua xong việc mây mưa. Chàng ngủ say, thiếp cũng ngủ say. Thiếp mơ đang đi chơi cùng chàng trên đồi thông vào một đêm trăng tỏ. Vừa lên tới đỉnh đồi mệt quá, thiếp ngồi nghỉ dưới gốc thông. Thấy thảm lá thông êm như đệm, thiếp bèn ngả mình dưới gốc thông nhìn bầu trời, nhìn vầng trăng tròn vành vạnh. Tự nhiên thiếp như buồn ngủ, liền ngáp to một cái. Thế là vầng trăng chui tọt vào miệng thiếp, và nó còn đang nằm trong bụng đây này. Vẫn chưa hết bàng hoàng, nàng chỉ tay vào bụng. Chàng ơi, chẳng biết đây là điềm mộng gì. Nàng tỏ ra lo lắng.

Thái tử vội nhóm ngồi dậy, với tấm xiêm quàng tạm lên mình, vẻ nghiêm cẩn, chàng nói:

- Ta với nàng ăn nằm với nhau mấy năm nay, sự thăng hoa trong những lúc ái ân thì nhiều đấy, nhưng chưa một lần kết trái. Giấc mơ của nàng, nếu đúng như nhời, thời lần này ắt nàng sinh quý tử. Điềm lành đấy! Đại cát đấy! Đó là trời cho thiên tiên đồng tử xuống đầu thai vào nhà họ Lý. Hãy bảo trọng. Nói xong thái tử nhẹ đặt lên má chính phi một nụ hôn. Chàng đặt tay lên bụng vợ vuốt nhẹ: – Thiên tiên đồng tử của ta. Đứng dậy, mặc áo quần xong, chàng nói: – Ngày mai ta phải làm lễ tạ ơn trời đất. Nhất định lần này nàng sẽ thụ thai.

... Tới kỳ khai hoa, trong cung sức nức mùi thơm. Chẳng hiểu đó là hương lạ trời ban hay bọn hoạn quan xông kỳ nam rồi phao lên rằng đó là thiên hương mà đi khắp tam cung lục viện, không một nơi nào có được mùi thơm tinh khiết ấy.

Chính phi không cảm thấy đau đớn như những cô gái sinh con lần đầu, nàng chỉ thấy hơi từng tức phần bụng dưới. Lại thấy đứa bé trong bụng như giấy đập đòi ra.

Viên thái y dâng nàng một bát thuốc có màu hồng nhạt, mùi thơm ngọt, uống xong, thấy trong người dễ chịu. Các bà mẹ dìu chính phi vào phòng kín. Một lát đã thấy tiếng trẻ khóc oa oa.

Nghe nói quý tử vừa ra khỏi lòng mẹ đã mở mắt nhìn mọi người, hai bàn tay nắm chặt. Bà mẹ xòe tay bé ra, mỗi lòng bàn tay đều có một chữ nhất.

Gần một tuổi hoàng nhi đã lẫm chẫm biết đi, nói cười bi bô. Vầng trán cao, đôi mắt tròn xoe, sáng rực như có thần nhãn, da trắng hồng, đôi môi đỏ mọng. Ngày hoàng nhi tròn một tuổi cung Long Đức vui như ngày hội. Các quan trong triều đều đến chúc mừng. Tổ nội, vua Thuận Thiên mặc áo bào bằng vóc đại hồng, trước ngực thêu hai con rồng vờn mặt trời, chân đi hia đen thêu lưỡng long tranh châu, ngài thân đến cung Long Đức thăm cháu. Nhà vua vừa chìa hai bàn tay ra, hoàng nhi bèn chạy ào vào lòng ông, ôm chặt lấy cổ ông.

Vua Thuận Thiên xúc động đến rơi nước mắt. Ngài bế cháu tung lên cao. Hoàng nhi cười khanh khách, vuốt râu ông. Chợt trông thấy con rồng trước ngực áo nhà vua, hoàng nhi bèn đưa tay tóm lấy. Không nắm được con rồng, hoàng nhi khóc ré lên.

Nhà vua vui lắm. Ngài quay ra nói với mọi người:

- Thăng bé này có nhân cách đế vương.

Các quan làm lễ đặt tên, bàn thảo mãi mọi người dâng cái tên Nhật Tôn. Vua Thuận Thiên và cả hoàng tử đều hài lòng. Hoàng thái tử rất muốn cho con mình sớm bầu bạn với Ngô Tuấn, con của Ngô An Ngữ. Bởi thái tử rất yêu con của Ngữ.

Cứ theo như nhận xét của thái tử, Ngô Tuấn lớn lên sẽ trở thành người hữu dụng cho nước. Nhất định ta phải nuôi vỗ thăng bé này, sau sẽ trở thành người tâm phúc của con ta. Thoạt đầu thái tử nói Ngô An Ngữ đưa Ngô Tuấn sang cung Long Đức chơi với hoàng nhi. Không ngờ, ngay từ phút đầu, hai trẻ đã hợp nhau. Ngô Tuấn bốn tuổi, hoàng nhi một tuổi. Tuấn vừa biết bày xếp đồ chơi, vừa biết cách chơi với em bé, lại cũng biết nhường nhịn nữa.

Thế là hàng ngày bên cung Long Đức đánh xe song mã sang phường Thái Hoà đón Ngô Tuấn sang chơi với hoàng nhi. Phải chăng đây là điềm triệu do trời bày xếp. Ta hãy cứ theo hai trẻ này cho tới ngày khôn lớn.

Thấm thoát khoá thiền đầu tiên của Đạo tràng Thăng Nghiêm đã sắp mãn. Sau bốn năm, các thiền sinh đã lãnh hội nơi các thầy về các pháp tu chứng thật là vi diệu. Nhưng cũng còn nhiều điều mong được tỏ sáng hơn. Ý nguyện chung của các thiền sinh là được tham vấn các bậc cao tăng trong nước. Vì vậy, thiền sư Hương Nghiêm, tu viện trưởng bèn thỉnh các bậc túc thiền về để cho các thiền sinh tham vấn.

Thiền sinh đông kể có cả ngàn người, nhưng cao tăng lại quá ít, nên không thể giải đáp cho từng người, mà phải phân ra từng nhóm; mỗi nhóm vài chục thiền sinh để tham vấn với một thiền sư.

Nhóm do Đa Bảo thiền sư giải đáp, có một thiền sinh bê vào thiền phòng một đỉnh trầm đặt trước chỗ Đa Bảo ngồi. Khói trầm toả thơm ngào ngạt.

Đa Bảo hỏi:

- Hỡi thiền sinh, con vừa mang cái gì vào thiền phòng đó?
- Bạch thầy, lư trầm ạ.
- Để làm gì vậy?
- Dạ, để cho cái tâm của chúng con được an định.

Thiền sư Đa Bảo cười ha hả:

- Vậy chớ theo con, tâm của chúng ta đang vọng động chẳng?
- Dạ thầy không ạ. – Tất cả thiền sinh đều đồng thanh đáp.
- Vậy thì ta cần gì đến cái hư ảnh của lư trầm. Ta không nghĩ là tất cả, nhưng ở đây có người đã có ý cầu tìm tha lực. Điều đó sẽ làm cản trở con đường tinh tấn của các con.

Mọi người im lặng. Đại lão thiền sư vẻ mặt an nhiên tự tại. Ta có cảm giác đất có sụt xuống nơi ngài đang ngồi, thì gương mặt kia cũng không có gì thay đổi. Bỗng ngài mở lời:

- Hỡi các thiền sinh, ta có thể giúp gì được nơi các con đây?

Một thiền sinh xin nói:

- Bạch thầy, con nghe các thầy giảng: “Đức Như Lai thường nói các pháp sinh đều do nơi cái tâm biến hiện ra, nghĩa là tất cả mọi sự vô hình như nhân quả, luân hồi hay các sự hữu hình to lớn như thế giới, nhỏ như vi trần cũng đều do tâm tạo ra”.

Vậy bạch thầy, tâm là cái gì ạ?

Đa Bảo mỉm cười lắc đầu:

- Tâm là cái thần minh cao cả của con người. Nhờ nó thế giới hữu hình, thế giới vô hình mới hiển lộ được, mới hiện hữu được. Nhưng ta hỏi, cái tâm của con ở đâu, hình tướng nó thế nào, con có thấy không? Thiền sư Đa Bảo vừa hỏi vừa chỉ vào một thiền sinh ngồi trước ngài.

Thiền sinh đó liền đáp:

- Lạy thầy, thầy hỏi chân tâm hay vọng tâm?
- Vậy, con nhìn ra cái tâm phân biệt, tức là sắc tướng và vô sắc tướng. Như vậy nếu cái vọng tâm diệt ắt cái chân tâm cũng không còn nữa. Và nếu cái tâm của con phải chịu cảnh đoạn diệt thì con tu để làm gì?

Thiền sinh kia đáp:

- Con bạch thầy, thế nào là chân tâm ạ?
- Theo con thì cái gì không phải chân tâm? – Đa Bảo hỏi lại.

Thiền sinh kia bừng tỉnh, mặt mày khoáng hoạt như người vừa đốn ngộ bèn hỏi lại sư:

- Bạch thầy, thầy lấy gì làm bảo chứng?
- Đói ăn, khát uống. – Đa Bảo đáp.

Vị thiền sinh kia liền sụp lạy.

Đại lão thiền sư đưa mắt nhìn khắp lượt các thiền sinh, ngài thầm nghĩ, mấy người này nay mai sẽ về trụ tại các chùa để giáo hoá đám nông phu. Trong đó có người trí, có kẻ ngu. Nếu không đem cái tâm vị tha hi xả của Bồ tát ra hành hoá, mà còn có sự phân biệt đối đãi giữa trí ngu, sang hèn, giàu nghèo thì làm sao mà

dắt dẫn mọi người tới được bến bờ giải thoát, và lại, họ còn quá trẻ, ít trải qua chứng nghiệm, nên có thể bị động dao, nghiêng ngả. Sư bèn hỏi:

- Hỡi các thiền sinh, mai đây các con sẽ về trụ tại các chùa. Không phải hằng ngày các con chỉ ăn ở với kinh sách và tượng bụt, mà các con phải lăn xả vào đời để cứu đời. Vậy chớ các con đã vững lòng tin vào mình chưa? Ta nghĩ, qua bốn năm học hành, tu tập, các con mới bước đầu được khai thị thôi, Đạo học còn mệnh mang lắm. Các con nghĩ thế nào?

Sau bốn năm giam hãm trong các thiền phòng tu học, nay sắp mãn khoá, trong lòng các thiền sinh đều như chim sắp được sổ lồng, nên háo hức lắm, tin ở nơi mình lắm. Mọi người đồng thanh đáp:

- Bạch thầy, tâm chúng con đã hướng trọn về Phật Đà, không gì có thể chuyển lay nổi.

Nghe các thiền sinh đáp với giọng điệu tự mãn, thiền sư mỉm cười.

- Nếu được như nhờ, ta mừng cho các con. Song ta lưu ý các con. Tu đạo là cốt ở tu tâm. Các con học kinh là nhằm lãnh hội các ý tưởng cao đẹp của kinh, chớ đừng phụ thuộc vào lời kinh. Không nên câu chấp dễ trở thành mê mờ. Như người đi đường chợt gặp một con sông cần phải vượt qua. Có người hảo tâm đem đến cho mượn một chiếc thuyền để vượt sông. Khi sang tới bờ bên kia, thay vì bỏ thuyền lại cho những ai cần qua sông, thì anh ta lại cứ khư khư đội cái thuyền ở trên đầu với ý nghĩ, biết đâu lại chẳng gặp một con sông khác. Thành thử anh ta không tiến lên được mà vớt thuyền đi lại tiếc. Đó là kẻ si, nhận lầm phương tiện làm mục đích.

- Bạch thầy như vậy có nghĩa chúng con vẫn phải suốt đời tu đạo? – Các thiền sinh đồng lòng hỏi vậy.

Sư đáp:

- Phải! Tu cho tới bậc đại giác. Ấy là tâm nguyện ta mong cho các con. Ta mong sao các con, lứa thiền sinh khoá đầu của thời Thuận Thiên, sẽ là những hạt giống tốt, cho việc Đạo của dân tộc được phát khởi. Nó cũng chính là nguồn lực làm cho nước nhà giàu thịnh về mọi mặt.

Trong khi đó, ở một thiền phòng khác, Thiền sư Vạn Hạnh đang giảng giải về tham dục của con người thế gian: "... Dục vọng của con người thường được phóng chiếu ra thành những huyền tượng tương lai; rồi tận lực theo đuổi để thực hiện cho bằng được cái tương lai hư vọng ấy, và gọi đó là lý tưởng siêu việt. Rồi hối thúc toàn xã hội phải sống theo ý tưởng đó, làm theo ý tưởng đó; thường là áp đặt, khiên cưỡng mọi người phải tuân phục bằng một hệ thống pháp luật và cường quyền.

Song, người đời có biết đâu rằng làm như vậy là đẩy cả một xã hội chạy theo một ý niệm, một vọng tưởng, một ảo ảnh do bản ngã vẽ ra, nhằm thoả mãn tham vọng của một số người, đôi khi lại chỉ do một người thao túng. Cho nên chỉ có người mê mới đi cầu tìm nơi tương lai mờ huyền, còn người ngộ thì cứ tùy duyên mà hành xử. Ấy là Đạo. Đáng tiếc, phần nhiều những kẻ râu tóc hết quyền lực trong tay cho mưu đồ thống trị; đều sống trong mê ngộ mà không tự biết. Chợt đến khi trắng tay vì sụp đổ, chúng mới kịp nhận ra thì đã quá muộn. Về tham dục, ta nhớ trong kinh Viên Giác có ghi lời Phật dạy: "Kẻ nào muốn có tất cả, kẻ đó sẽ mất hết".

Thiền sư chợt ngừng lời, phóng nhãn tạt tới khắp lượt thiền sinh. Chợt ngài im lặng ngồi trong thế kiết già như người nhập định.

Đám thiền sinh từ lâu nghe danh đã từng ngưỡng mộ thầy Vạn Hạnh. Nay lại được diện kiến thầy, tham vấn thầy thì thật là ngoài tầm mong ước của hầu hết các thiền sinh; thật chẳng khác gì cái hạnh phúc được thấy đức Phật thị hiện. Và biết đâu, thầy chẳng là hậu thân của một vị Phật hoặc một vị Bồ tát nào đấy. Đạo lực của thầy huyền diệu khiến các bậc cao tăng tiền bối như Đỗ Pháp Thuận, Đạo giả Thiên Ông còn phải kính nể. Người ta còn đồn đại thầy là hiện thân của Tam thế Phật. Bởi những điều thầy chỉ dẫn cho quá khứ, hiện tại và tương lai thấy đều như lời thầy nói, không sai biệt một ly nào.

Thầy là người cao tuổi nhất trong các bậc thiền lão hiện tồn của cả nước. Thầy cũng là người đạo cao đức trọng nhất trong các bậc thiền sư của cả nước. Vì vậy, được nghe thầy giảng pháp, thiền sinh nào chẳng cho đó là phước duyên trốn đường tu đạo của mình.

Tuy tuổi cao, nhưng trí tuệ thầy còn minh mẫn tới mức siêu phàm. Giọng nói thầy trầm sâu và vang xa, chứng tỏ nội lực của thầy còn thâm hậu lắm.

Đột nhiên thầy hỏi:

- Nay hỡi các thiên sinh, có điều gì cần hỏi thì hỏi cho rớt ráo đi.

Được thầy khích lệ, không khí trong thiền phòng như ấm áp hẳn lên, sinh động hẳn lên.

Một thiên sinh bước ra khỏi chỗ ngồi, mạnh dạn thưa:

- Bạch thầy, tại sao vào các khoá lễ, các thầy cũng như lớp thiên sinh chúng con đều phải niệm Phật? Nhất là các tín chúng hễ vào chùa là vái tượng Phật, rồi niệm Phật dài dài. Vậy chớ có ai thấy Phật ở đâu mà cứ niệm hoài như vậy?

Thầy Vạn Hạnh cười. Giọng thầy trong trẻo mà ấm áp như tiếng chuông ngân khiến mọi người cảm thấy gần gũi. Chợt thầy đáp:

- Vậy chớ nếu có Phật thị hiện thì ai còn niệm Phật làm gì nữa.

Đám thiên sinh cười vỡ ra.

Khi yên tĩnh trở lại, thầy Vạn Hạnh bèn nói:

- Niệm Phật, không phải là kêu hồng danh của vị Phật nào ra để cầu xin một cái gì tựa như công danh, tiền bạc, phước đức. Phật không thể cho, và cũng không có để mà cho. Phật đã chẳng nói: “Nhân nào thì quả ấy”. Có nghĩa là có gieo trồng mới có gặt hái. Hạnh phúc của mỗi người là do người ấy tạo lập, không ai có thể làm thay được, kể cả Phật. Ý nghĩa của việc niệm Phật là ghi nhớ các đức tính của các bậc giác ngộ như thanh tịnh, giải thoát, trí tuệ... Niệm Phật là để khai mở những đức tính như tinh tấn, tỉnh giác, từ bi, hỷ xả... sẵn có nơi mỗi con người được mở tung ra, và dùng nó để hành xử.

Vậy niệm Phật là để khai mở Phật tính nơi mỗi con người, cũng tức là khai mở nội lực thay vì bám víu vào tha lực. Niệm Phật như thế chính là niệm Phật tại tâm đó.

Do niệm Phật thành tâm mà lòng từ ái khai mở, khổ báo được yên, nên người ta đã nhân cách hoá thành Đức Quán Thế Âm Bồ tát.

Do niệm Phật mà phát khởi thiện tâm, không thoái hoá vào đường ác, nên nhân cách hoá thành Đức Địa Tạng Bồ tát.

Do niệm Phật trầm tĩnh mà chân khí hoàn nguyên, tiêu tan tật bệnh nên nhân cách hoá thành Đức Dược Sư Bồ tát...

Còn như ai đó đạo lực đã viên mãn, đã đạt tới chính đẳng, chính giác thì người đó chính là Phật rồi, còn phải niệm Phật làm gì nữa.

Mặc dù đã học hành tu tập trong suốt bốn năm, nhưng tới bây giờ các thiên sinh mới hiểu đến rớt ráo ý nghĩa của việc niệm Phật. Mọi người thật sự vui mừng vì đã có duyên phước được nghe thầy giảng dạy.

- Hỡi các thiên sinh! Thiền sư Vạn Hạnh bỗng cất cao tiếng gọi. – Sứ mệnh của các con sắp tới không chỉ là về một ngôi chùa làng, khư khư việc tụng kinh gõ mõ, suốt đời nấu mình dưới bóng Phật đài, mong cầu giải thoát cho riêng mình.

Nếu chỉ có vậy, thì công lao học hành, tu tập suốt đời của các con thật là uổng phí. Mà hãy noi gương Phật tổ. Giải thoát bản thân mình, song cũng phải giáo hoá để cho nhiều người được giải thoát. Phật giải thoát cho chúng sinh của cả thế giới ta bà. Còn các con, phải khai ngộ cho chúng sinh nơi mình chần dốt, để họ tìm lấy con đường giải thoát.

Muốn khai ngộ cho họ đi vào con đường giải thoát, thì phải khai tâm. Nhưng muốn khai tâm, trước hết phải khai trí cho họ. Người chưa được khai trí thì tuệ chưa sinh; tuệ chưa sinh thì làm sao mà phân biệt được sự phải quấy. Phải quấy đã không nhận ra được thì biết nẻo nào là giải thoát, nẻo nào là địa ngục, là trầm luân.

Người chưa có trí tuệ soi sáng, thường bị hãm trong vòng vây của vô minh. Cho nên công việc của các con trước hết là khai trí cho dân chúng đang đắm chìm trong ngòi, đầm, ao, lạch của tham-sân-si.

Lại nhìn như rọi sáng vào từng cặp mắt của mỗi thiên sinh, thầy Vạn Hạnh ân cần nhắc nhở:

- Các con, nếu mỗi người không khai được trí, không mở được tâm thì giải thoát không có nẻo tìm vào. Con người như vậy, có khác nào một sinh linh chưa tiến hoá. Công việc của các con vô cùng khó nhọc. Hẳn đây cũng là điều Phật Đà thử thách lòng từ hỉ nơi các con. Ta chắc các con đều nhận thấy từ khi nhà

Lý thay thế nhà Lê trị vì thiên hạ, vua Thuận Thiên đã làm được những việc mà lịch sử trước đó chưa hề có.

Tha giảm tô thuế, đã đành là việc cực lớn. Nhưng cái lớn hơn là phá bỏ cả một hệ thống nhà tù cùng các cực hình man rợ đối với con người. Bãi bỏ án tử hình, tôn trọng các quyền của con người mà Phật Đà cùng chư thiên đã ban cho họ. Trong đó các quyền về dân sinh được tạo lập một cách công bằng. Mọi người ai cũng có quyền có ruộng đất để sinh sống, nếu họ chịu khó khai khẩn đất đai hoang hoá, đất lẩn rừng, lẩn biển sẽ là của họ. Nhà nước tha tô thuế từ bảy đến mười năm, tùy theo công sức họ bỏ ra.

Này các con! Thầy Vạn Hạnh bỗng gieo một câu nói hết đời thân thương. Dường như nó phát ra nơi cái tâm từ ái của thầy – Dù vua Thuận Thiên đã làm hết sức mình, nhưng sự hồi sinh của đất nước lại quá chậm chạp. Vì sao vậy? Vì mấy năm ở ngôi dù chỉ bốn năm thôi, nhưng Lê Ngọa triều đã vắt kiệt sức dân để lao vào các thú ăn chơi hoang phí và đua lạc.

Các con đều là con em của nhà nông, chắc các con hiểu người nông phu cần gì?

Các bậc sĩ đại phu các đời đều có bàn đến chuyện này. Song ta thấy duy có đức Khổng Tử là người nói đúng nhất về cái mà người nông phu cần.

Phu Tử nói: “Vua lấy dân làm Trời. Dân lấy miếng ăn làm Trời”.

Trời của người nông phu hiện nay vẫn còn là miếng ăn. Vì vậy, các con phải lo giúp người nông phu gắng sức cấy trồng, chăn nuôi để sao trong vòng vài ba năm nữa ổn cố được phần dân sinh.

Muốn ổn cố được dân sinh thì phải triệt bọn mua lúa non vào lúc giáp hạt, triệt cả bọn cho vay nặng lãi. Bằng cách nào ư? Phải khuyến cáo người nông phu biết ăn tiêu dè sẻn ngay từ đầu vụ gặt, ngay từ khi lúa còn ẩm ập đầy bồ. Tới khi giáp hạt, chớ có bán lúa non, mà các nhà trợ giúp lẫn nhau, cho nhau vay đổi hạt. Chỉ vài ba vụ như thế là người nông phu chống được nạn đói khi giáp hạt. Chống được nạn bán lúa non. Một sào lúa tốt, khi gặt được năm đến sáu phương thóc khô, nhưng nếu phải bán cho nhà giàu từ khi lúa mới vào mẩy thì chỉ được có một phương thóc khô thôi. Việc này có nhẽ nhà chùa phải làm gương. Vì rằng chùa nào cũng được nhà nước cấp cho dăm ba mẫu ruộng, chùa nào cũng có thóc dư. Vậy đem số thóc dư đó ra giúp người nông phu trong mùa giáp hạt.

Thứ nữa là phải chống cái nạn chức dịch nơi hương thôn hà hiếp người dân, phụ thu lạm bổ quá nhiều khiến cho họ đến khánh kiệt. Nơi nào có bọn đục khoét dân, lập tức các nhà sư phải có sớ tâu ngay về triều. Triều Thuận Thiên không dung túng lũ quan ăn tàn phá hại này đâu.

Song hành với việc mở trường, dạy cho lũ trẻ biết chữ, nhà chùa cũng nên giảng giải cho người nông phu trong làng vào các ngày sóc, vọng họ ra chùa lễ Phật khá đông, về những điều được phép làm và những điều cấm kỵ theo luật pháp của triều đình. Chỉ khi người dân làm quen với luật pháp và hiểu luật pháp, thì khi đó họ mới tự bảo vệ mình được.

Khi dân sinh, dân trí đã an định rồi, thì việc khai phóng dân tâm mới có cơ thành tựu. Và lại các con nên nhớ, các việc ta nói trên đều là quốc sách lâu dài của triều Thuận Thiên.

Vì sao ta nói các con phải hiệp tác với triều đình? Là bởi các việc triều đình đang làm đều khế hợp với giáo lý Phật; đều khế hợp với lòng mong mỏi của muôn dân. Cái may mắn cho các con là đang sống vào buổi thịnh thời. Chứ thực vào các bước suy vong, triều đình chỉ lo hút máu hút mỡ dân lành, khiến toàn dân phải bức giận mà chống đối như thời Lê Ngọa triều mà ta vừa trải đó.

Ngưng nghỉ giây lát, thiền sư lại nói: – Này các con, đời người không ai không trải qua bốn núi. Tức là SINH-GIÀ-ỒM-CHẾT. Đối với các nhà tu hành, các bậc thiện trí thức, họ coi việc đó nhẹ như hơi thở. Nhưng đối với người nông phu thì núi nào cũng là núi Thái Sơn cả.

Vì vậy, các con ngoài danh phận là một thầy chùa còn phải kiêm cả thầy giáo và thầy thuốc nữa. Phải dạy cho người dân cách chữa trị lấy bệnh tật. Giúp họ biết cách tìm hái cây thuốc, biết trồng cây thuốc trong vườn để trị các bệnh thông thường. Bệnh nặng, bệnh khó chữa trị mới phải đến chùa hoặc thầy lang.

Làm trọn vẹn các điều trên thì việc hoằng dương chính pháp của các con mới có cơ may thành tựu.

Từ Đạo tràng, thiền sư Vạn Hạnh về thẳng viện Cảm Tuyền chứ không ghé điện Dưỡng Tâm thăm vua Thuận Thiên như đã dự liệu. Tự nhiên sư thấy động tâm, bèn ôn nhớ lại cả cuộc đời từ khi còn niên

thiếu... Cũng không biết do cơ duyên nào mà dòng họ Nguyễn nhà ta, một dòng họ danh gia vọng tộc lại đời đời thờ Phật. Cha ta chủ về Phật, nhưng trong nhà lại chất chứa không biết bao nhiêu là sách của hai nhà Nho – Lão. Thành thử lớn lên, ta đọc không sót một nhà nào. Cho đến cả y, lý, số, phong thủy, cùng sách của các binh gia ta đều tham bác cả. Đầu óc chất chứa đầy kinh luân của cả ba nhà PHẬT-NHO-LÃO. Với sức tri như thế ắt phải hành rồi.

Cha mẹ ướm hỏi ta có muốn lập gia đình, có muốn ra làm quan. Thường vào tuổi hai mươi, con người ta đều thích công danh phú quý, vợ đẹp con khôn. Thế mà ta lại thờ ơ, ghét chán. Ta bèn ngỏ ý với song thân xin được xuất gia tu Phật. Song thân ta đôi phen khuyên bảo, nhưng thấy ý ta đã quyết, bèn thu xếp cho ta học với Thiền Ông đạo giả là bậc chân tu nổi tiếng đương thời.

Ta còn có người bạn tu là Định Huệ cũng được Thiền Ông thu nạp làm đệ tử.

Tiếng rằng tu Phật, nhưng thầy truyền dạy cho ta không thiếu một sách gì của cả ba nhà Thích-Nho-Đạo. Có lẽ vì thế mà cái trí được rộng mở, nên thấy biết được chỗ ưu việt của đạo Thích mà sở đắc.

Trao truyền tâm ấn cho ta được ít lâu thì thầy viên tịch. Ta là người kế tổ truyền đăng, nối pháp. Thế rồi ta gặp Công Uẩn bên chùa Kiến Sơ, nơi bạn ta là sư Lý Khánh Văn đang trụ trì tại đó. Thấy thằng bé có tướng lạ, sau có thể trở thành vị vua giỏi, làm cho nước nhà được giàu thịnh, ta tỏ lời ngợi khen.

Khánh Văn bèn đem Công Uẩn ký thác cho ta nuôi dạy. Ta rắp tâm trao truyền cho Công Uẩn những gì mà ta biết. Những mong Công Uẩn không chỉ vực cho nước ta trở nên cường thịnh, mà còn phải tận tâm biến cả nước ta trở thành quốc độ Phật ở trong cõi thế gian này.

Nhưng để cho Công Uẩn tồn tại và hiển lộ được, thì quả là một kỳ công. Trước hết phải biến một thằng bé ngu ngơ thành một bậc đại trí. Bởi nếu không là một bậc đại trí thì làm sao mà ở trên thiên hạ, làm sao mà sai khiến được thiên hạ. Nhưng có trí mà không có được cái TÂM ĐẠO, thì khi quyền thế vào tay, là ra tay tàn sát rồi sa vào tham dục như Ngọa triều Lê Long Đĩnh đó.

Việc ta đưa Công Uẩn vào coi sóc cấm quân của hoàng đế Lê Hoàn, không phải là chuyện khó. Nhưng tránh được hiểm họa khi có kẻ nói “Lê mất Lý lên”, rồi Ngọa triều ăn quả khế thấy hạt mặn, thì xuống lệnh tàn sát người họ Lý, khiến ta phải ra tay che chắn cho vị thế của Lý Công Uẩn và cả tính mệnh của Công Uẩn nữa, thì đó là chuyện muôn khó. Lại khi Ngọa triều mất, làm thế nào để cả triều đình cùng nhìn nhận người giữ ngôi tôn của nước Nam phải là Lý Công Uẩn... Chao ôi, từ khi Công Uẩn sáu tuổi, đến ba mươi sáu tuổi thì được nước, suốt ba mươi năm ròng rã ta xiết bao khó nhọc. Tuy vậy, ta vẫn nghĩ đó là sự sắp đặt của chư thiên, sự hộ trì của chư Phật và hồn thiêng sông núi thì công việc mới viên thành, chớ cứ như mưu người, sức người sao có thể làm nổi các việc tày trời đó. Lại như Công Uẩn không phải là người có tư chất thiên bẩm, thì làm sao tiếp nhận nổi cả tâm tuệ và trí tuệ Phật để vào đời mà hành xử được.

Ấu cũng là cơ trời, vận nước; còn ta chỉ là kẻ trợ duyên...

Liên sau đó Vạn Hạnh cho gọi các đệ tử vào, ngày đêm giảng pháp. Lại luôn lục vấn các đệ tử xem ai có mắc mớ gì về việc tu tập, việc sống chết, việc nhân quả, việc luân hồi... để thầy khai mở cho đến chỗ rốt ráo.

Vào một đêm đẹp trời, trăng sáng như rót bạc xuống trần gian. Bốn bề núi rừng đều yên ắng. Ngay cả tiếng chim, tiếng thú ăn đêm cũng bật vắng. Phủ của hoàng thái tử Lý Phật Mã cũng chìm trong sự lặng câm đó. Thái tử đang vào giấc ngủ sâu sau buổi tọa thiền thì bỗng giật mình bởi tiếng chó sủa rất to phía ngoài cửa. Con Huyền Đề sủa đúng ba tiếng rồi lách liếp chui vào nhà. Nó bắc hai chân lên giường liếm láp cánh tay thái tử đang bỏ ngoài chăn. Vừa lúc thái tử tỉnh ngủ liền tung chăn trở dậy. Con chó mừng rồi rít, nó thả ra tiếng rên ư ử.

Biết Huyền Đề là con chó khôn, chắc có chuyện gì nó mới phải vào đánh thức chủ. Thái tử vừa tra chân vào đôi dép cỏ, con Huyền Đề đã te tái chạy theo. Cửa vừa hé, nó đã nhảy vọt ra, và cứ thế xăm xăm dẫn thái tử về phía tàu ngựa.

Con Nê Thông thấy chủ bèn hí lên một hồi rồi thúc chuồng đòi ra. Cảm như có sự lạ, thái tử bèn mở cửa tàu ngựa. Con Nê Thông lao ra giữa sân đứng lúc lắc bờm, chờ chủ. Không kịp đóng yên, thái tử nhảy luôn lên lưng ngựa. Con Huyền Đề lập tức chạy trước dẫn đường, con Nê Thông phóng nước đại chạy theo.

Vừa đến cổng chùa Lục Tổ là ngôi chùa mà Vạn Hạnh xuất gia theo học với Thiền Ông Đạo Giả rồi sau đó được kế tiếp trụ trì, thì cả hai con Huyền Đê và Nê Thông cùng dừng lại.

Trước đó chừng một khắc, sư Vạn Hạnh bảo các đệ tử đang thọ pháp:

- Các con đi sửa soạn nước uống, độ một khắc canh nữa ra mở cổng đón khách vào cho ta.

Đúng lúc con Nê Thông dừng lại thì cánh cổng bên trong chùa cũng bật mở. Thái tử hết sức kinh ngạc, rằng sao đại lão thiền sư biết ta đến mà cho người ra mở cửa đúng lúc thế này.

Vị sa môn, đệ tử của sư Vạn Hạnh còn khiếp phục hơn thế. Rằng thầy đã đạt tới mức thiên nhĩ thông mà các trò không một ai hay biết.

Bước vào thiền môn, hoàng thái tử thấy sư đang ngồi bán kiết trên thiền sàng. Một cây đèn sáu bậc soi tỏ nét an nhiên tự tại trên gương mặt thiền sư, hoàng thái tử sụp lạy.

- Đa tạ! – Sư nói. Ta già rồi không ra ngoài làm lễ cung nghinh được, mong thái tử đại xá.

- Chúng con thuộc hàng đệ tử, đại sư chớ đa lễ.

- Ta mong thái tử quá. Sắp đến ngày của ta rồi đó. Phật pháp và cả sự bình trị nữa, còn điều gì chưa hiểu, hỏi đi.

- Con chỉ muốn hỏi đại sư, nếu mai này con chết, con sẽ đi về đâu?

- Thái tử đã biết mình từ đâu đến chưa?

Lý Phật Mã chột bưng tỉnh. Sụp lạy đại sư ba lạy.

- Con đã ngộ lẽ sinh tử rồi ạ.

- Còn việc bình trị thiên hạ, tới đây thái tử phải gánh vác. Vậy có điều gì cần hỏi? – Vạn Hạnh phóng chiếu nhãn quang ấm áp trùm phủ lên thái tử.

Lý Phật Mã mạnh dạn thưa:

- Con xin đại sư cho lời chỉ giáo.

Nhìn thẳng vào gương mặt đạo hạnh của hoàng thái tử Lý Phật Mã, sư Vạn Hạnh nói thông thả như đếm từng lời:

- Thái tử sẽ là người nối dòng đại thống, trị vì thiên hạ. Thái tử sẽ là người hoằng chính pháp.

Nên nhớ, phụ vương thái tử được nước là nhờ có trí tuệ, có đức tuệ, có tâm tuệ. Cứ theo đó mà làm cho thật tốt, nước ắt phải mạnh, đạo ắt phải vững vàng khởi phát.

Ngừng một lát rồi như chìm vào trạng thái nhập định. Chột đại sư lại nói:

- Ta dặn lời này, thái tử phải nhớ nằm lòng, nếu không sẽ thiệt tới cả sinh mạng đó. Thương nước, thương dân, thương chúng sinh, nhưng trước hết phải thương lấy thân mình. Nếu cái thân không còn thời chẳng thương nổi ai đâu.

Khuyến người làm điều thiện thì phải trừng trị kẻ làm điều gian manh, ác hiểm. Nếu không sẽ là đại họa.

Từ nay cho đến lúc lên ngôi, thái tử không bao giờ được rời xa hai vị tả hữu phụ bật là Lê Phụng Hiếu, Lý Nhân Nghĩa. Còn Ngô An Ngữ, Nguyễn Văn Sản là những chân tay thân tín. An Ngữ sẽ có duyên nghiệp lâu dài với nhà Lý đó.

Thiền sư Vạn Hạnh mở bừng hai mắt. Sư nhìn Lý Phật Mã với một tình cảm thăm thiết, như ngài đang thầm trao cả tâm đạo và tâm ấn cho thái tử. Rồi sư đặt bàn tay dẫn deo lên đỉnh đầu thái tử, miệng đọc chú làm lễ quán đánh cho Lý Phật Mã, một vị vua Phật sau này.

Lý Phật Mã phủ phục, tạ đại sư ba lễ. Sư vẫy tay hất lui:

- Thái tử về, về ngay đi!

Thái tử tạ sư rồi trở về phủ tại hương Tam Sơn. Trời vừa hửng sáng.

Sớm ra, sư gọi các đệ tử vào thiền phòng, đọc cho mọi người nghe bài kệ:

Chân như điện ảnh hữu hoàn vô,

Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô.

Nhậm vận thịnh suy vô bổ ứ

Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.^[83]

Đọc xong lời kệ, Vạn Hạnh ngồi theo thế kiết già mà hoá. Hôm ấy đúng là ngày rằm, sư ra đi trong tình trạng tỉnh thức, không ốm đau bệnh tật gì.

Triều đình cùng giáo hội làm lễ hoả thiêu rồi xây tháp chứa xá lý để đèn hương phụng thờ. Từ vua, quan cho chí người dân trong nước, không ai là không tỏ lòng tôn kính, không ai không tỏ lòng thương tiếc một thiền tăng đã suốt đời phụng sự quốc gia dân tộc và đạo pháp.

Vừa đi kinh lý các trấn, lộ và các vùng cửa quan xung yếu nơi biên ải về, vua Thuận Thiên bèn cho triệu hoàng thái tử Lý Phật Mã về triều. Vua nói:

- Từ nay con về ở hần cung Long Đức. Cung đó vừa gần dân vừa gần hoàng thành, tiện công việc cho con, và cũng tiện ta sai bảo.

- Thừa phụ vương, con về ngay hay bao giờ về ạ? – Lý Phật Mã nhẹ nhàng hỏi vua cha.

- Con về ngay. Có nhiều việc ta cần bàn bạc với con, và trao truyền cho con cái thuật trị nước, để dù có bất chợt ta ra đi, con không bị hẫng hụt.

Nghe vua cha nói đến sự ra đi, hoàng tử chợt buồn, chưa bao giờ chàng cảm thấy muốn gần phụ vương như lúc này.

Một lát, nhà vua lại hỏi:

- Nếu mai đây việc trị quốc vào tay, con sẽ làm như thế nào?

- Được phụ vương răn dạy kỹ càng, lại được các thiên sư là các bậc thiện trí thức dẫn dắt, con sẽ gắng sức noi theo các việc phụ vương đã hành hoá mà con được biết tới cả chục năm nay.

Lý Công Uẩn có vẻ hài lòng về người con mà nhà vua sẽ trao truyền ngôi báu. Vì vậy, nhà vua càng muốn trao cho con mình cái tâm thiện để chấn dặt muôn dân.

Vua Thuận Thiên nhìn con với cái nhìn trù mẫn, ngài đứng dậy và vẫy tay cho Phật Mã đi theo ra phía vườn ngự.

Ngồi trên chiếc ghế đẹo từ củ tre già đặt dưới gốc một cây mai cổ, nhà vua chỉ vào một phiến đá cạnh đó bảo Phật Mã:

- Con ngồi đây! Ta muốn hằng ngày cha con ta luôn có những cuộc chuyện trò. Con đừng ngại nói những điều con nghĩ, đôi khi con tưởng như điều đó không làm đẹp lòng ta.

Vừa rồi con nói, con đã xem xét các việc ta làm. Chắc là sau này con sẽ làm như cha đã làm. Có phải thế không con?

Thái tử có vẻ ngập ngừng.

- Con cứ nói điều con nghĩ. Đừng sợ cha cho là sai quấy rồi trách phạt. Nếu cha không biết sự đúng, sai của con, sao cha có thể chỉ bảo cho con được.

- Dạ thưa phụ vương, con xem xét các việc phụ vương đã làm trên nền tảng của cái thiện, để sau này con cũng sẽ làm các việc trên nền tảng đó. Còn như vào việc thì mỗi lúc, mỗi thời có những nét riêng của nó. Con giả dụ rằng, trong hơn mười năm qua, phụ vương tha tô thuế tới ba lần, trong đó hai lần, mỗi lần tha tới ba năm liền.

Phụ vương thương dân, là bởi sức dân quá kiệt. Lê Ngọa triều tróc nã người dân đến tận xương, tận tủy. Bây giờ sức dân đã hồi phục, mùa màng bội thu tới mấy năm liền.

Khi phụ vương trao trọng trách cho con, dân vừa no đủ, vừa được mùa, mà con lại tiếp tục tha tô thuế nữa, chắc con sẽ phạm sai lầm không thể tha thứ.

- Vì sao vậy? Vua Thuận Thiên hỏi.

- Thưa phụ vương, khi người dân đã no đủ rồi mà triều đình vẫn tiếp tục tha tô thuế, sẽ khiến cho người dân sao nhãng trách phận của họ đối với nước. Sẽ khiến cho họ có ý nghĩ là triều đình sợ dân. Bởi việc tha tô thuế lúc này hoàn toàn không gây được ảnh hưởng gì trong dân. Nó không còn ý nghĩa của việc cứu trợ nữa. Và lại thưa phụ hoàng, con nghĩ nhà nước cũng cần phải có tiền bạc để mở mang công nghiệp như khai phá đất đai, tăng việc cấy trồng. Và cả sự học hành của người dân nữa. Sao cho nhiều người biết chữ. Chức dịch từ hương ấp trở lên đều phải tinh thông chữ nghĩa, am tường pháp luật. Có thể họ mới hướng đạo cho dân được. Ngoài ra, quốc khố phải đầy đủ mới có thể nuôi quân, luyện quân và sắm sửa binh khí. Bởi binh không chỉ là việc hiểm, mà còn tốn kém vào bậc nhất trong mọi khoản chi tiêu.

Lý Phật Mã được vua cha khích lệ, nên lời nói trở nên lưu loát, chữ nghĩa thông sáng. Chàng nhìn vua

cha, xem ông có còn muốn nghe.

Vua Thuận Thiên nở nụ cười, như thầm khen thái tử là người trí lự. Đoạn ngài nói:

- Ta mừng vì con đã khôn lớn. Ngay từ bây giờ, con có thể thay ta cầm cân nảy mực quốc gia này. Vì sao ư? Bởi vì con đã biết cân nhắc, việc gì nên làm, việc gì không nên làm. Cũng như việc gì cần theo về triều trước, việc gì không nên theo triều trước. Không có lệ, tạo ra lệ. Không có luật, ban hành luật. Song luật lệ gì thì cũng phải xuất phát từ sự ích lợi của toàn dân. Nếu chỉ làm điều mà triều đình yêu thích, còn dân thì chán ghét, tức là tự biến triều đình thành kẻ thù của dân. Khi ấy thì không sức mạnh nào có thể giữ cho triều đình khỏi sụp đổ.

Thái tử lại hỏi:

- Thừa phụ hoàng, bấy lâu con vẫn cứ băn khoăn. Đứng ở ngôi quân trưởng, quyền uy nhất nước, mọi thứ đều khuôn theo ý mình, như thế thì làm sao mà tránh khỏi lầm lẫn được. Kể cả sự lầm lẫn chết người.

Vua Thuận Thiên vụt đứng dậy đi đi lại lại với vẻ khoái hoạt.

- Bẩm phụ vương có gì vui bất chợt? – Thái tử hỏi nhà vua.

- Ta không vui sao được. Vui là bởi con đã có nghĩ suy về những trạng huống đó, thì nhất định con sẽ không vương mắc vào nó.

Nếu con muốn biết việc con làm có đúng hay không đúng, con phải lấy trí ra xét đoán cho mình bạch.

Nếu con muốn biết việc con làm có thiện hay không thiện, con phải lấy cái tâm con ra thẩm định.

Nếu trí bảo đúng mà tâm vẫn còn băn khoăn thì việc chưa nên quyết vội.

Vua Thuận Thiên ngừng lời, ngài nhìn thái tử với cái nhìn bao trùm, như là ngài đo lại một lần nữa tài năng, trí tuệ và thiện đức nơi chàng. Đoạn nhà vua nói:

- Con hãy lắng nghe ta nói đây. Nếu muốn tránh được sai lầm, con phải biết lắng nghe. Dừng cảm lẫn con mới nghe nổi những điều nói thật. Khi con gạt những điều nói thật ra ngoài tai, thì triều đình chỉ còn thuần một bầu xu nịnh, và dối lừa đến tận trời.

Ta nhớ những năm đầu triều Thuận Thiên, các gián nghị đại phu đã dâng sớ can ta nhiều việc. Có việc ta nghe. Có việc ta không nghe. Các quan không chịu, dâng mãi sớ như là hạch tội ta.

Nếu ta không bình tâm xem xét, ắt phải chém đầu họ mất.

Ngự sử đài nhiều người can. Nhưng có lý lẽ nhất vẫn là hai vị tả hữu gián nghị đại phu là Lương Tăng và Trịnh Văn Túc.

Nhất là Trịnh Văn Túc, ta đã chớm ghét ông ta. Ta thường tránh mặt hoặc không cho gặp.

Sau kiểm xét lại, thấy họ vì nước, vì ta mà quên cả tấm thân quý giá của mình, để liều chết can ngăn ta.

Vua Thuận Thiên nuốt một tiếng thở dài, dường như nhà vua vẫn còn ân hận về những hành vi thái quá của mình.

- Đất nước, vua nói tiếp, – nếu không có được những tôi trung như thế, sao có thể đứng vững được.

Nếu người làm vua biết gần các bề tôi trung thực, thẳng thắn thì đất nước lo gì không vững mạnh. Người trung thực tựa như một loài ngọc quý, tự thân nó đã đẹp, không cần khoác lên nó một thứ màu mè gì hết. Không cần phải các lời hoa mỹ để nói về nó. Tuy nhiên, không phải ai cũng nhìn ra ngọc thật đâu con ạ. Thế gian hầu hết nhận đá làm ngọc. Bởi đá người ta mới cần mài, giũa cho thật nhẵn nhụi, thật bóng lên. Rồi không biết bao nhiêu lời lẻo mép khoe khoang nào là trân ngọc, bảo ngọc. Nào là người quyền quý này đòi mua nó; người quyền quý kia trả giá bao nhiêu. Rốt cuộc nó chỉ là đá, nhưng lại được ấp ôm như một báu vật. Còn ngọc thật thì lăn lóc chẳng ai hay. Lịch sử đã cho ta một bài học khó quên, đó là “ngọc bích họ Hoà” thời Chiến quốc.

Để tưởng thưởng tấm lòng kiên trung của một bề tôi, thế là năm Ất mao, ta thăng cho Trịnh Văn Túc đứng đầu hàng tam cô, chức Thiếu sư.

Túc không phải là người ham chức tước, tiền bạc. Được thăng, Văn Túc chỉ làm một tờ biểu tạ ơn. Không hãnh diện, không hống hách.

- Được! Được! Lúc nào rồi ta sẽ cho con đọc lại những tờ biểu của hai người này.

Con nên nhớ kỹ một điều, nếu trong triều có những bầy tôi như thế, những kẻ mạnh tâm kéo bè kéo cánh,

xu nịnh không dám ra mặt. Cho nên phải bảo vệ trung thần bằng cách trao cho họ những trọng trách quốc gia. Nhưng trên hết phải tin họ. Nếu nghe lời bọn xiêm nịnh gièm pha rồi đi đến hắt hủi họ, thì chẳng mấy chốc bọn nịnh thần sẽ biến trung thần của con thành gian thần hết.

Thái tử chú ý lắng nghe từng lời của vua cha căn dặn. Bỗng chàng băn khoăn hỏi:

- Bẩm phụ vương, con thấy việc này không dễ gì mà biện biệt được người trung với kẻ nịnh. Bởi phụ vương ở ngôi cửu ngũ, bề tôi nào mà chẳng kính cần ngọt ngào.

Vua Thuận Thiên bật cười vỗ vai thái tử:

- Con ta thơ ngây quá. Bởi con chưa trải đời, trải việc. Vào việc, tự con sẽ đọc được nhân cách của mỗi người qua gương mặt và lời nói của họ. Tới khi xét định thành tựu các việc làm của họ nữa, là con có thể định giá họ được.

Thông thường, người trung thực, việc làm và lời nói của họ không sai khác. Còn người không trung thực, lời nói thường hay uốn éo quanh co. Nói thì hay, còn làm lại dở. Người trung thực, tài đảm, họ sống gần với chân lý, nên họ không cần viện dẫn kinh sách hoặc cầu cạnh các thế lực để che chắn. Do vậy, nó góc cạnh, xù xì, đôi khi làm ta khó chịu. Chính các ông Trịnh Văn Túc và Lương Tăng đã giúp cha nhận ra điều này. Ta mong con, khi cầm quyền chớ có xa lánh những lời nói thẳng ngay và những người liều chết can ngăn. Chính những người đó mới là những nhà ái quốc chân chính, và cũng là người yêu con thật lòng.

Thái tử nghe vua cha nói mà cảm thấy lo lắng. Mặc dù chàng mới ngoài hai chục tuổi, cũng đã từng cầm quân đánh dẹp các sách, động người man làm phản. Kể cả cầm quân viễn chinh, phá trận giặc, chém tướng giặc nhưng xem ra không rồi rãm như thế trận lòng người.

Về trầm ngâm, chàng nói:

- Phụ vương, con sẽ gắng nhập tâm để hành xử những điều phụ vương răn dạy. Song, con ao ước, nếu như phụ vương lại viết ra những điều căn cốt nhất trong đạo trị nước, để lưu dấu cho đời sau thì đó mới thực là đại hạnh.

Vua Thuận Thiên không kìm được tiếng cười, ngài đứng bật dậy và cười lớn. Một lát, cơn cười dịu xuống, nhà vua vỗ vai con, thân mật nói:

- Con à, sách viết về đạo trị nước thì nhiều lắm, nhưng không ai vượt nổi hai nhà: Khổng Tử và Mạnh Tử.

Có phải các bậc vua chúa mù chữ và vô học cả đâu. Nhưng từ sách đến cuộc đời không phải là việc giản đơn. Cho nên Khổng Tử mới dạy phải thành ý mới chính được tâm. Tức là phải chân thực thì mới chính tâm được. Mà tâm có chính, mới chính được các điều bất chính. Còn Mạnh Tử thì ra sức viết sách để dạy đời, nhưng ông lại lưu ý hậu thế rằng: “Tín tận thư như vô thư”. Tức là tận tụy vào sách thà đừng đọc sách. Cho nên sách, chỉ là những bài học, những phương hướng gợi mở, còn cuộc đời thực mới là những chương sách quý chớ người sau viết tiếp.

Bởi vậy, cha có viết để lại cho con cả trăm pho sách, về những việc thành bại trong đời cha có quan hệ đến việc thành bại của nước, thì đó cũng chỉ là để con tham bác chứ nó không thể là phương lược hành xử của thời đại con được. Bởi người nào có việc của người ấy. Thời đại nào có việc của chính thời đại ấy, nó không giống các thời trước nó hoặc sau nó. Cho nên không thể đem việc xưa vào việc nay được. Nhưng từ các việc của người xưa ấy, ta học được sự thành bại của đời trước, để bước đi của ta thêm vững vàng. Đây chính là sự học rút ra từ lịch sử, tựa như mục đích của Khổng Tử soạn kinh Xuân Thu vậy.

- Dạ, con xin lĩnh ý phụ vương.

- Ta gọi con về đây, tức ta muốn trao truyền cho con những gì ta đã trải, đã thành và đã bại. Vậy có gì con đang trăn trở suy tư, con cứ hỏi. Không phải mọi điều ta đều thông sáng cả đâu. Nếu có điều gì cả hai cha con ta cùng không gỡ được, ta sẽ tìm đến các vị cao tăng, các đạo sĩ để tham vấn. Nào, con thử nói ta nghe, nếu như con đã ở ngôi.

Sau một hồi suy tư trầm lắng, thái tử lên tiếng:

- Thừa phụ vương, đối với một quốc gia điều gì là quan yếu nhất?

- Phải rồi, con phải đặt ra những chuyện như vậy. Vì đã sắp tới lúc con phải phát cờ rồi đó. Vua Thuận

Thiên với vẻ cười mở, ngài nói: – Việc quan yếu nhất của một quốc gia là sự ổn định chính trị. Muốn có ổn định chính trị, phải ổn định được kinh tế. Sao cho người dân ai cũng có việc làm, ai cũng có cái ăn, cái mặc. Hai cái ổn định này hỗ trợ nhau tạo thành sự ổn định quốc gia.

- Nhưng thưa phụ vương, căn cốt của sự ổn định quốc gia là những cái gì ạ?

- A ha! Nhà vua lại cười lớn. – Thì ra con ta đã trưởng thành. Thế mà cha cứ tưởng con vẫn là một chàng hoàng tử bé bỏng ngày nào. Đúng là cha nhìn nhận con không lầm. Sinh thời, thầy của ta – đức Vạn Hạnh cũng lượng định con sẽ là người đức độ, quyền biến. Ngay cái tên con cũng nói lên điều đó. Ta đặt tên con là Đức Chính, còn thầy ta lại gọi con là Phật Mã. Tức là con ngựa của nhà Phật. Con sẽ là người tài đạo.

Sực nhớ lời con hỏi, vua Thuận Thiên bèn nói – Suýt ta quên con hỏi về căn cốt của sự ổn định quốc gia là những cái gì.

Căn cốt đó là bộ máy nhà nước con ạ, tức những người cầm quyền ấy. Sao cho vừa đủ, không nhiều quá dễ gây cồng kềnh, chông chéo mà tốn kém. Cũng đừng ít quá để bề bộn không làm hết việc. Nhưng quan yếu hơn cả là phải tận dụng được hầu hết nhân tài trong nước.

Triều đình phải chăm lo vun đắp nhân tài, khi đã có nhân tài rồi phải lo cất đặt đúng người đúng việc, đúng sở trường của họ.

Việc sử dụng hiền tài không dễ, phải biết nhún nhường thì mới dùng được người hiền tài. Nếu cậy mình ở ngôi cao, bắt mọi người phải khuôn theo ý mình thì khó có thể thu dụng được người hiền tài. Bắt tù ai hoặc giết ai trong vương quốc ta trị vì thì quá dễ. Nhưng bắt kẻ sĩ, tức những bậc chân tài làm theo ý ngông ngạo của mình thì khó đấy. Họ có thể bỏ bỏ lòng, bỏ tất cả để đi ở ẩn, thậm chí họ có thể tự chết trước khi ta có ý định giết họ. Con cũng nên nhớ thêm điều này, nếu con sử dụng sở đoản của các bậc chân tài vào việc lớn, tức là con đã giết họ mà con không tự biết. Nước sẽ vì thế mà suy yếu.

Một điều nữa ta cũng cần lưu ý con rằng: đường thịnh nghiệp có rất nhiều ngã, rất nhiều cách khác nhau để đưa quốc gia tới chỗ giàu mạnh. Nhưng suy vong thì chỉ có một nẻo thôi. Vì vậy sự suy vi sụp đổ nó mau hơn sự hưng thịnh. Nẻo đó là gì? Là bắt đầu từ sự xa lìa người tốt, thân cận với kẻ xấu. Ghét người nói thẳng, ưa kẻ xu nịnh. Ngại gian khó, đắm chìm trong các lạc thú trần gian. Như vậy không chỉ sụp đổ cơ nghiệp tổ tông mà còn có nguy cơ mất nước.

Lý Phật Mã không ngờ được vua cha ưu ái trao truyền cho những điều quan yếu nhất của phép trị nước, tựa như các bậc chân tu trao truyền tâm ấn cho đệ tử. Chàng phần chấn tự tin và mạnh dạn hỏi thêm:

- Thưa phụ hoàng, thế còn đối sách với nước Đại Tống cùng các nước Lão Qua, Chiêm Thành, Chân Lạp thì sao?

- Lão Qua là nước nhỏ yếu. Chỉ gây nổi các vụ cướp vặt không làm nên trò trống gì. Giả dụ họ có gây rối biên dân, thì biên quan ta gửi điệp văn sang trách cứ và đòi bồi hoàn là đủ.

Lại như nước Chiêm Thành cậy có hải đoàn hùng mạnh, hay gây hấn với nước ta. Thực ra đây cũng chỉ là những vụ cướp lớn của đám hải tặc do nhà nước Champa chủ trương thôi chứ chưa phải là quy mô của một cuộc xâm lăng.

Với nước Chiêm Thành, thì đối sách trừng phạt như ta sai con đi chinh thảo tháng chạp năm Canh thân là được. Ta cũng lạ, cái nước Champa này chỉ chuyên việc gây rối. Họ tuy mạnh về hải binh, nhưng bộ binh, kỵ binh lại rất tồi, và ý chí của họ không kiên định. Nước này không có gì đáng ngại. Nếu bị trừng phạt đau, thì họ cũng nể sợ được một thời gian vừa đủ để ngấm đòn.

Còn nước Chân Lạp thì ở xa ta. Nước này đang cường thịnh. Họ đã thôn tính xong mấy nước lân bang. Nước ta với Chân Lạp vốn không có thù oán lại ở xa nhau, nên họ cũng muốn sống hoà hiếu. Họ thường sai sứ mang phương vật sang tặng biếu ta. Với nước này, nên kết hảo.

Ngoài ra, Tống là một nước lớn. Nước này đang vào thịnh thời của sự yếu suy. Phía bắc, phía tây đang khốn đốn với các nước Liêu, Hạ.

Không những thế, nội bộ họ còn bị chia rẽ trầm trọng. Vì vậy, trước mắt với người Tống chưa có chuyện gì đáng ngại. Nhưng về lâu về dài thì phải phòng bị kỹ càng mặt bắc.

Người Trung Hoa có thể mạnh về mặt văn hoá. Văn tự họ có rất sớm. Lại sản sinh được nhiều học giả với các học thuyết lớn từ thời nhà Chu. Nền văn minh của họ phát sinh từ lưu vực sông Hoàng Hà. Nơi đây mênh mông những cánh đồng phù sa màu mỡ, nền nông nghiệp của họ không một nước nào theo kịp. Do vậy, đất nước của họ phát triển về mọi mặt, mặt nào cũng đạt tới đỉnh cao rất sớm, khiến các lân bang phải khất thêm.

Thoạt kỳ thủy, nước Trung Hoa cũng không lớn hơn nhiều lắm so với các nước lân bang. Nhưng với chính sách chinh phục và đồng hoá, khiến nhiều quốc gia bị tiêu vong. Và nước Trung Hoa ngày càng phình đại ra mênh mông như ngày nay.

Thái tử nghe vua cha nói, mà chàng cảm như là một sự lạ. Bèn hỏi:

- Bẩm phụ vương, làm thế nào mà họ đồng hoá được cả một quốc gia. Như nước ta, họ đô hộ tới cả ngàn năm rồi, nhưng nước ta vẫn là nước ta chứ đồng hoá làm sao nổi ạ.

Vua Thuận Thiên cười độ lượng, ngài thân mật vỗ vai hoàng tử, rồi thuận tay ngài chỉ vào cội chi mai ngay bên chỗ ngồi, và nói:

- Con hãy coi cây mai đây. Con có thấy thân hình nó mảnh dẻ, cành nhánh nhỏ xíu mà khô khốc như mấy nhành rào tre. Mùa này trút hết lá, rút nhựa vào trong để nuôi thân và vỏ cây. Nhưng con nhìn kỹ xem, nơi các đốt cành kia đã hơi nhu nhú chiếc mầm chờ. Mai đây khi mùa xuân tới, là nó bật nụ, trổ hoa, nảy lộc. Đó, con xem, dân tộc mình có đức tính của loài mai. Tuy mảnh mai nhỏ bé, song bất chấp sương, tuyết, gió, mưa; biết cách đối phó để sinh tồn. Vì vậy, Trung Hoa không thể Hán hoá, không thể đồng hoá chúng ta được.

Chung đụng biên thủy với nước này chẳng qua là chuyện bất khả kháng thôi con ạ. Song ta lưu ý con phải hết sức tỉnh giác, nếu không họ dùng sách tầm ăn dâu lấn hết đất ta đó.

Thoạt đầu là họ lừa dân họ sang xâm canh ở những vùng khuất lấp trên đất ta. Biên dân, biên quân ta chưa phát lộ được thì họ đã xua dân họ sang làm nhà làm cửa ở tràn lan. Rồi đưa cả mồ ông mã cha sang chôn cất.

Xâm canh, xâm cư, xâm táng xong, ta mới phát lộ được thì rất khó thu hồi. Biên quan họ cãi lý với ta rằng, họ ở đất này đã lâu đời thì mới có nhà cửa, mồ mã chứ. Nếu như ta không đủ vũ lực để đòi lại, mà họ cũng không đủ lý, đủ lực để giữ đất lấn cướp phi pháp ấy, thì họ thương nghị. Rất chi là dẻo mềm, thôi thì mỗi bên chịu thiệt một ít, xin chia đôi mỗi bên một nửa phần đất tranh chấp. Đó là một cách con ạ. Cách này họ chỉ làm khi nước họ đang có quan hệ tốt với ta, hoặc là trong nước họ đang có loạn, hoặc là họ đang ở thế yếu. Chung quy, họ chỉ có quan hệ tốt với ta khi họ đang suy yếu.

- Thừa phụ vương, vậy khi họ cường thịnh thì đối sách của họ với lân bang ra sao?

Đột nhiên gương mặt nhà vua trở nên trầm buồn. Ngài chậm rãi dẫn từng tiếng:

- Con ạ, họ cường thịnh thì là một đại họa cho các nước lân bang. Nếu họ chưa chinh phục được, chưa thôn tính được thì các quốc gia lân bang phải thần phục họ, triều cống họ, và phải chịu là thân phận thần tử.

Thái tử nghe vua cha nói, trong lòng sôi sục bầu máu nóng. Có nhẽ chàng không thể nào chấp nhận cái sự lấy thịt đè người ấy, bèn hỏi:

- Bẩm phụ vương, nếu họ chinh phục được, thì họ làm gì ạ?

Nhà vua cười, cái cười mới đau khổ làm sao. Nhìn con với vẻ cảm thông, vua nói:

- Con à, nếu họ chinh phục được, thì mình phải làm nô lệ cho họ, họ muốn gì ở mình mà chẳng được. Họ chinh phục được thì họ bắt mình phải bỏ tất cả những cái gì của mình hiện có để theo họ. Bỏ cái gì à? Bỏ văn hoá của mình như phong tục, tập quán và các lễ thói do tổ tiên mình truyền lại. Bỏ cả cách ăn, cách mặc của mình để phải ăn, phải mặc như người họ. Rồi cuối cùng là phải bỏ cả tiếng nói của mình để nói tiếng của họ. Thế là xong cuộc đồng hoá của họ. Qua vài đời là đào thải hết gốc gác Việt tộc, chỉ còn thuần túy một thứ Hán nửa mùa thôi.

Vua Thuận Thiên lại mỉm cười.

- Vậy chứ con nghĩ sao? – Nhà vua hỏi.

- Thừa phụ vương, nếu đúng như phụ vương nói, thì qua một ngàn năm nước ta bị người Tàu đô hộ,

người mình phải trở thành người Hán cả rồi chứ ạ?

- Hàng ngàn quốc gia nhỏ bé khác, sống xung quanh lưu vực sông Hoàng Hà đã bị như vậy đó. Vì thế, nước Trung Hoa ngày nay mới mệnh mông như vậy, chứ hồi mới lập quốc, họ chỉ quanh quẩn trong khu vực của mấy nước Lỗ, nước Tề, nước Tống, nước Tần... cổ xưa mà thôi.

Đất Bách Việt ở phía nam sông Trường Giang xưa, đâu phải là đất Trung Hoa. Thế mà nay tất cả đều là dân Trung Hoa, đất Trung Hoa trừ xứ Lạc Việt chúng ta.

Vì sao ta không bị đồng hoá ư?

Vì dân ta kiên cường không chịu từ bỏ tập tục của mình; không từ bỏ tiếng nói của mình; không chịu lấy chồng, lấy vợ người Hán. Nếu mất tiếng nói, mất phong tục tập quán và máu huyết bị pha loãng thì sẽ mất đứt dân tộc và mất luôn cả Tổ quốc con à.

Trong khi vua Thuận Thiên từng giờ, từng phút giảng giải để khai mở cho vua nổi về thuật trị nước và đối sách với các nước lân bang, thì tại cung của Vũ Đức vương, các vương là hoàng đệ của Đông cung thái tử Lý Đức Chính như Khai Quốc vương, Đông Chinh vương, Dực Thánh vương, họp bàn. Mở đầu, Vũ Đức vương nói:

- Chư huynh đệ, chúng ta đều là con của phụ hoàng cả. Thế mà việc chọn lập, chúng ta không được đếm xỉa gì đến. Thật là vô lý.

Nói rằng chủ về đức ư? Thì Đức Chính đã hơn gì anh em ta. Cùng là con của phụ hoàng cả, sao lại có người ưu đức có người thiếu đức. Chúng ta đã làm gì thất đức nào? Vả lại xưa nay có ai trị nước chỉ bằng đức?

- Có! Có người trị nước bằng đức – Khai Quốc vương nói – Đó là Khổng phu tử, khi ông làm quan đại tư khấu tại nước Lỗ. Thật ra là ông mong mỗi có một xã hội đức trị thì đúng hơn. Vua nước Lỗ không chịu được, bởi lúc nào ông cũng lải nhải nói về đức. Cuối cùng, ông cũng phải bỏ nước Lỗ mà đi chu du thật là cực nhọc khắp thiên hạ, chẳng một nước nào chịu trao quyền chức cho ông. Rốt cuộc, ông cũng chỉ là một ông thầy rao giảng về đạo đức suốt cuộc đời. Nhưng dưới gầm trời, chẳng có một nước nào từ cổ chí kim, thực thi được một nền đức trị, mà chỉ mơ về sự đức hoá cũng như là sự thiện hoá xã hội thôi.

Dực Thánh vương nghe các người anh em nói cũng thấy nóng nảy phía vánh tai. Chàng nói:

- Có khi chúng ta phải cùng xin phụ hoàng cho mở cuộc thi tài. Ai đứng đầu thập bát ban, người ấy sẽ được kế vị.

Nói xong, Dực Thánh vương cảm như mình bị hố to. Bởi nếu thi thố thì kiếm thuật, cung thuật không ai địch nổi Vũ Đức vương. Quyền thuật, đao thuật không ai sánh nổi Khai Quốc vương. Roi và thiết lĩnh không ai bằng Đông Chinh vương.

Tự so sánh, rồi tự hỏi: “Còn ta, ta giỏi cái gì nào?”. “À, ta chỉ được mỗi cái sở đắc là thiết trùy, không thể so với mọi người được. Mà rồi có thi thố, có bình chọn cũng chẳng đến lượt ta. Lại còn thể lực nữa chứ. Mẹ của Vũ Đức vương đã khiến được phụ hoàng sủng ái. Các thầy văn thầy võ của Vũ Đức vương cũng là những bậc siêu phàm.

Từ trong sâu thẳm của lòng mình, Đông Chinh vương vẫn cho rằng trong mấy người anh em, cả tài lẫn đức, không ai bằng huynh trưởng Đức Chính. Thế nhưng...

Những cuộc bàn bạc như thế cứ mau dần. Mấy anh em cũng vì thế mà trở nên thân thiết, gần gũi. Đôi khi, các cuộc họp kín còn mời cả các thầy võ, thầy văn dự bàn.

Trong số các thầy dạy võ, có Lưu Hoảng Định người Tống vốn là một tay kiếm khách bạt quàn được Tống Chân tông cử về giúp Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí xâm lăng nước ta, bị bắt cầm tù năm Giáp dần. Cho tới khi Vũ Đức vương phát lộ ra tài năng của Lưu Hoảng Định, rồi được phép của vua cha, Vũ bá Định làm thầy. Nay thấy các hoàng tử tụ họp bàn chuyện không phục vua nổi đã lập. Cứ đà này, chắc họ sẽ bàn tới chuyện sát hại đông cung hoàng thái tử Lý Đức Chính. Và nếu như hạ sát được Đức Chính, sẽ đến lượt họ hạ sát nhau. Còn như việc này bại lộ, không những họ có tội mà ta cũng bị liên lụy.

Nghĩ vậy, Lưu Hoảng Định thấy không thể lẫn quất ở kinh thành được nữa. Tai bay vạ gió đến nơi rồi.

Vào một đêm tối trời, y khoác tay nải trốn khỏi kinh thành, ra tận cảng Vân Đồn, trèo lên một chiếc tàu

buôn nước ngoài. Từ đấy, không ai rõ tin tức Lưu Hoảng Định ở đâu nữa.

Khai Quốc vương dự bàn với mấy người anh em xong bèn lên ngựa về thẳng Trường Yên.

Khai Quốc vương vốn là một người mẫn nhuệ, đa mưu túc trí, lại được gia thần vào hàng trí huệ như Đinh Thành cư sĩ, nên mọi việc làm đều có mưu tính trước sau.

Chẳng hạn như việc Khai Quốc vương được cư sĩ gà cho xin với vua Thuận Thiên về mở phủ tại Trường Yên.

Cư sĩ Đinh Thành nói:

- Vương nghĩ xem, ở nước ta có nơi nào địa thế vừa hiểm trở vừa thuận lợi như Trường Yên. Sát nách hai bên tả hữu đều có sông lớn, có thể dùng vào việc hành binh hoặc luyện tập quân thủy. Hơn chục dặm về phía đông là đã ra tới cửa biển. Phía tây là núi rừng hiểm trở. Đất này đã giúp hai triều Đinh – Lê giữ vững nghiệp đế. Tiến có thể đưa quân đi khắp nơi trong bờ cõi. Xa hơn có thể ra biển, đi tới bất cứ nước nào mà ta muốn. Lúc về, ta có thể thủ thế trong núi, trong hang. Cả một vùng sơn động nổi tiếng từ xưa. Nơi đây, nếu biết dụng binh, có thể nhân sức mình lên gấp cả trăm lần so với nơi khác. Sao Vương không xin với hoàng thượng về trấn trị Trường Yên?

Đó là lời mách bảo của cư sĩ Đinh Thành, vị gia thần của hoàng tử Bồ tức Khai Quốc vương.

Vì vậy, Khai Quốc vương đã có biểu trình vua cha xin đi trấn trị Trường Yên, với sứ mệnh làm phen giầu cho Thăng Long.

Nghe thuận tai và cũng cần có tướng tâm phúc giữ vùng đất hiểm yếu này; và lại Khai Quốc vương tuy tuổi còn trẻ nhưng mưu lược hơn người, lại được các gia tướng là những người đã từng trải, nên nhà vua bằng lòng cho hoàng tử ra trấn giữ Trường Yên.

Từ ngày được về làm chủ đất Trường Yên, Khai Quốc vương để tâm ngay vào việc rèn luyện cho mình một đội binh mạnh.

Về hội với các huynh đệ trong phủ Vũ Đức vương, Khai Quốc vương muốn giữ mối quan hệ ràng buộc. Nếu như trong các vương, có vương nào được lên ngôi thay Phật Mã, thì chàng vẫn là chỗ thân tín. Ngược lại, nếu các vương không làm xoay chuyển được tình thế, chuyện lộ ra thì chàng là người ngoài cuộc, vô can. Bởi chàng ở khuất lấp tại nẻo Trường Yên. Phật Mã chẳng lấy căn cứ gì mà trị tội. Còn như lấy danh nghĩa triều đình đem quân trách phạt, thì với địa thế hiểm trở này, với đội quân tinh nhuệ này, sao ta không có thể hùng cứ một phương.

Tính toán kỹ càng, mọi việc đều kín như bưng, trong số các anh em, không ai dò biết được thâm ý của Khai Quốc vương, cũng như không ai có cơ gì có thể nghi ngờ vương.

Khai Quốc thường cho người về kinh thành hỏi các huynh đệ, và luôn có những món quà lạ gửi biếu các vương. Khi thì cặp ngựa voi, lúc lại chiếc mật gấu hoặc mỗi vương một cặp sừng sơn dương làm vật trang trí trong nhà.

Cử người về thăm hỏi, biếu xén quà cáp chỉ là chuyện bề ngoài, thực tình vương cho người tâm phúc đi dò xét, thám thính xem sự động tĩnh trong các vương phủ, và cả động tĩnh trong triều đình.

Quân về báo, tại các vương phủ của Vũ Đức vương, Dực Thánh vương, Đông Chinh vương đang ráo riết luyện quân như cung nỏ, đao kiếm, giáo trụ, kết hợp với các môn quyền, cước, đả thương, điểm huyết. Mọi thứ nghe ra đều gấp gáp lắm.

Trong khi đó tại cung Long Đức, đông cung thái tử Lý Đức Chính ngày ngày vẫn đọc sách hoặc bình văn với các bậc sư phó. Đôi khi bàn bạc về các thuật trong *Tôn Tử binh pháp* với các gia tướng thật là sôi nổi.

Có lần thái tử mở cuộc nhàn đàm với các gia tướng, kỳ thực là một cuộc sát hạch. Ví như thái tử hỏi tướng quân Lê Phụng Hiểu:

- Giả dụ như phía sau quân ta, có quân giặc truy đuổi gấp. Tới một ngã ba, có một ngã đường rộng thênh thang, mặt đường vắng ngắt, không hề có một dấu hiệu nào chứng tỏ có quân phục. Ngã kia là đường độc

đạo len giữa hai vách núi dựng đứng, đây đó có một vài lá cờ như là cờ hiệu lại loáng thoáng có những ngọn khói trắng bốc lên, chứng tỏ trong rừng có quân đóng, ngoài đường có quân phục. Vậy nếu tướng quân nắm quyền tổng quản, tướng quân sẽ cho quân đi theo đường nào?

Cau vằng trán rộng, vẻ suy tư và lim dim đôi mắt chim ưng, Lê Phụng Hiếu đáp:

- Theo thiên ý của thần, trong binh pháp có nói hư hư thực thực, lấy thực làm hư, lấy hư làm thực để lừa địch, dụ địch hoặc tránh địch. Phép này thiên biến vạn hoá. Cái cảnh ngộ mà thái tử hỏi đó thật khó nói. Bởi khi lâm trận, phải biết kẻ đối đầu với mình là ai, trí lự họ đến đâu, tài cán họ đến đâu mà ứng phó.

Nhưng thông thường, ít ai dám dẫn đại quân đi vào đường hẻm. Đối phương không đại gì mà không dụng cái thế nhất nhân địch vạn, nhờ vào sự hiểm trở của núi rừng.

Còn như biết chắc nơi đường lớn có quân phục, có thể trận đã bày sẵn thì phải cứu xét nó là thế trận gì mà tìm ra cách phá. Lấy cái mạnh nhất thời của ta đánh vào chỗ yếu nhất thời của địch, chắc sẽ chuyển được từ thế bị địch chặn sang thế chặn địch. Trong binh pháp gọi thế này là “phản vi chủ”.

Thế trận mà thái tử vừa hỏi thần, chính là kế của Khổng Minh sai Quan Vân Trường bắt Tào Tháo nơi Hoa Dong tiều lộ.

Sở dĩ Khổng Minh thắng Tào Tháo ở trận này, là do ông nắm được tâm lý đa nghi của Tháo chứ thực ra Tào Tháo đâu phải là tướng tồi. Vì thế thần mới nói, phải xem tướng đối địch với mình là người như thế nào, thì sự đối phó mới hợp.

Vả lại, bầm thái tử, nếu đi vào đường lớn, mà ta đề phòng sẽ có quân phục thì ta lập kế đánh phản phục, nếu không thu toàn thắng cũng không thể bị thiệt hại nhiều như đi đường hẻm. Bởi đường hẻm, không cách gì có thể khai triển được lực lượng, phát huy được cái mạnh sở trường của quân ta.

Thái tử gật đầu, có vẻ đẹp lòng về các kiến giải của tướng Lê Phụng Hiếu. Đoạn chàng quay sang hỏi đô Sấn tướng quân:

- Nếu lâm trận, người phải giao đấu với một lão tướng dày dặn chiến trường của giặc. Vị lão tướng ấy tuy tuổi cao, nhưng sức lực không thua kém người, võ nghệ ngang tầm với người; người sẽ đối phó ra sao?

Đô Sấn vốn là một cậu bé mồ côi cha mẹ, nhà nghèo, thất học ở với bà, được ông xã trưởng Lương Thanh Khiết gả con gái và gởi theo học với các bậc thiền sư danh tiếng. Sau gặp thái tử Phật Mã thu dụng như ta đã biết. Thái tử lại cho theo đoàn viễn chinh sang Chiêm Thành lập được công lớn.

Đô Sấn bây giờ là một đô tướng có học, chứ không phải thằng cu Sấn của bà cụ Giá bị xã trưởng Thăng chèn ép như dưới thời Lê Ngọa triều nữa.

Thấy thái tử đưa ra một giả tưởng để Sấn ứng phó, chàng lập tức đưa nó vào đầu và bắt nó hiển lộ. Chàng hình dung một viên dũng tướng tả xung hữu đột, đang bổ một cây đại đao xuống đầu chàng.

Sức nhớ thái tử hỏi, Sấn vội đáp:

- Tàu thái tử, gặp một lão tướng võ nghệ cao cường, sức lực dư thừa, kinh nghiệm dồi dào thần trước hết phải kính cẩn và thận trọng.

- Tại sao phải kính cẩn? Thái tử hỏi – Lâm trận, bất phân già trẻ, gặp khi đối phương sơ hở phải đánh phủ đầu để giành phần thắng chứ?

Sấn nhún miệng cười rất tươi. Chàng vòng tay bái thái tử, rồi tiếp:

- Tàu, người lớn tuổi, thần coi như cha thần, nên phải kính cẩn. Nói năng phải lễ độ. Vào giao đấu, thần phải bái trước để xin phép, bởi trong khi đánh nhau quyết liệt vì lẽ tồn vong không thể nhường, nhún. Rồi thần còn phải mời vị trưởng thượng đó ra đôn trước. Gặp khi họ bất lợi vì binh khí bị đánh gãy, hoặc đánh bật ra khỏi tay, thì thần phải ngừng tay đao để đối phương thay binh khí. Dạ bầm, thái tử đã từng dạy thần về lễ trong giao đấu. Các sư phụ và sư huynh cũng đều răn dạy như thế, sao thần dám làm trái được.

- Tiếp đó là gì nữa? Thái tử hỏi.

- Bầm thái tử, thần phải vừa đánh vừa dò xem sự biến ảo của các ngón đòn có gì lợi hại. Người giỏi võ lại từng trải trận mạc, qua giao đấu cả trăm hợp cũng chưa chắc đã phát lộ được điểm yếu của họ. Nhưng thừa thái tử, dù giỏi giang đến mấy mà tuổi cao, thì đánh tới năm trăm hiệp tay đao ắt đã kém phần linh lợi. Dầu có đòn hiểm cũng khó bề thi triển. Dạ, đối với các cao thủ mà giao đấu với đối phương trẻ tuổi, trong

vòng một trăm hiệp đầu, thường là người trẻ tuổi bị thua. Dạ, thua vì tuổi trẻ hay mắc tính kiêu ngông, vừa vào trận đã toan hạ gục đối thủ. Do háo thắng, nên rất dễ sơ hở. Mà đối với các bậc cao thủ, chỉ cần một sơ hở nhỏ của đối phương là họ có thể hạ gục đối phương ngay tức thì.

Dạ, gặp đối thủ như vậy, thần phải rèn cho mình ý chí quyết đấu và quyết thắng. Nhưng phải kiên nhẫn chờ đợi, đối phương phải bộc lộ nhược điểm, trong khi sức của họ xuống dần, sức của thần vẫn còn sung mãn, nhằm đúng lúc họ vừa mệt vừa sơ hở thì việc hạ gục họ chỉ còn trong giây lát.

- Khá khen cho người. Thái tử rất bằng lòng về sự tiến bộ vượt bậc của đô Săn. – Ta hy vọng, vương nói tiếp – người sẽ là một tướng giỏi của triều đình.

Nhìn Ngô An Ngữ, một người điềm đạm, tuy tuổi không còn trẻ, nhưng Ngô là một tướng cơ mưu, dòng dõi Ngô tiên chúa, ông đã từng làm quan dưới triều Lê Trung tông, Lê Long Đinh cùng với phụ vương ta. Thái tử nói:

- Ta muốn dành cho tướng quân một câu hỏi, mà ngay chính ta cũng rất lúng túng trong phép giải đáp. Chẳng hay tướng quân có vui lòng ứng hợp.

Ngô An Ngữ vui vẻ:

- Bẩm thái tử cứ dạy, phận bề tôi, thần biết đến đâu, tâu đến đó.

- Vậy thì nếu tướng quân được cử đi bình một đất nước mà người dân được chăm sóc no đủ. Vua nước họ được dân kính, dân yêu. Quan lại trong ngoài triều đều biết chăm dân, lo cho dân có cuộc sống an lạc. Nước họ biết sống hoà hiếu với lân bang.

Đó, nếu phải chinh phục một nước như vậy, tướng quân dùng phương sách nào.

Dường như không cần phải suy nghĩ, tướng Ngô An Ngữ liền đáp:

- Bẩm thái tử, một nước mà vua tôi đồng lòng như vậy, vua yêu dân như con, dân kính vua như cha. Quan lại cũng một lòng một dạ vì nước, vì dân. Nước ấy lại hiếu hoà, không một lân quốc nào bị coi là nước địch.

Tâu thái tử, nếu có một nước như thế mà kẻ nào dám kéo quân đến xâm phạm, chắc chắn là thủ bại. Một nước như thế, không kẻ thù nào không bị đánh bại.

Thần trộm nghĩ, nếu có một nước như thế, thái tử nên xin với hoàng thượng mau mau kết hảo.

Thái tử Lý Phật Mã bỗng cười phá lên.

- Quả đúng là như vậy. Tướng quân có tư cách của một bậc nhân tướng! Ôi, ta không thể không vui sướng vì có các tướng như ông phò tá.

Từ ngày đông cung hoàng thái tử Lý Đức Chính được vua cha triệu về và cho ở cung Long Đức để gần cận tiện bề cho nhà vua giáo hoá và trao truyền những yếu chỉ trong phép trị nước, thái tử luôn sửa mình để nghe vua cha răn dạy. Chàng vui mừng vì vua cha không chỉ nói những điều hay, và cả những điều dở đã đem ra thi thố mà mình không tự biết. Vua cha nói về cái thành cũng có, nhưng thường là nhà vua nói về cái bại của mình để làm gương răn dạy thái tử.

Có lần thái tử đã mạnh dạn hỏi:

- Thưa phụ hoàng, làm thế nào để có thể biết được các chính lệnh của triều đình ban ra là đúng hoặc là sai.

Nhìn thái tử với cái nhìn bao trùm, nhà vua như một lần nữa nhắc cân xem con người này – cái phần máu thịt này của ta, có đủ sức gánh vác việc lớn quốc gia. Không phải đây là lần đầu tiên ngài có suy nghĩ như vậy. Thực ra đã rất nhiều lần ngài đem chuyện kể vị ra bàn trong khu mật viện, rằng phải cân nhắc thật kỹ càng, trong số các hoàng tử, ai là người đủ đức, đủ tài ở ngôi quân trưởng. Nhà vua có nhiều hoàng tử, nhưng thực tài, rốt lại chỉ có hai người. Đó là Chính và Bồ. Tức là Khai Thiên vương và Khai Quốc vương. Hai người này tài thì xấp xỉ ngang nhau, nhưng đức thì Chính hơn hẳn Bồ.

Thực ra nhà vua còn một hoàng tử thứ tám nữa là Uy Minh vương Lý Nhật Quang thường được khen là người có đức. Nhưng vì tính nhân, nhu thái quá, sợ gặp việc lớn khó quyết nên vua không chọn lập; nhưng lại hết lòng yêu thương chăm sóc.

Khu mật viện đã bàn đi bàn lại, nhà vua cũng cân nhắc mãi. Ngài đặt lợi quyền quốc gia lên trên hết,

không câu nệ vào chuyện con trưởng, con thứ, miễn là người ấy phải có tài và có đức.

Thật ra thì không phải không có nhiều người nói tốt cho Bồ. Vua biết Bồ rất khôn ngoan, hay lo lót cậy nhờ người này người khác. Còn Chính thì đúng là một cái cây mọc thẳng. Nó là một người vừa trung thực, vừa bộc trực mà có thiện tâm. Cái mà một người làm việc lớn trên phương diện quốc gia cần phải có, là tính vị nhân chứ không vị kỷ, là lòng khoan dung. Cái đó ta thấy có ở Chính. Vậy ta yên tâm trao truyền ngôi báu.

Triền miên mãi với các ý nghĩ gần xa, vua Thuận Thiên chợt nhớ đến câu hỏi của con. Ngài thân mật đáp:

- Này con, mỗi khi chính lệnh ban ra, con phải luôn nghĩ về nó. Nếu lương tâm con không áy náy, chắc là ổn đó. Nhưng người có thể xem xét chính lệnh của triều đình ban ra hợp hay không hợp lòng người, ấy chính là dân. Còn triều đình thì bao giờ mà chẳng đúng. Suy cho cùng thì chính lệnh gì cũng đổ lên đầu dân. Vậy muốn biết điều này, phải cử người của triều đình về các miền quê, kể cả nơi thôn cùng xóm vắng nghe ngóng xem người dân khi thi hành các chính lệnh ấy, thì có lợi hay có hại cho họ. Có lợi thì họ khen, có hại thì họ oán. Cứ theo đó khắc biết mà chỉnh bị lại cho ngay chính. Việc này ta đã đặt chức xuất nạp quan. Qua đó có thể đo được lòng dân.

Bữa nọ, nhà vua thấy trong người nhẹ nhõm, lòng đang phấn chấn, tự dừng lại nhớ cảnh Dâm Đàm, bèn gọi nội thị vào phán:

- Người nói viên đô úy đô Tùy long, soạn sửa lâu thuyền Kim Phượng, nửa giờ nữa ta sẽ dùng đến.

Lại cho gọi hoàng thái tử Lý Phật Mã vào chầu. Hoàng thái tử vừa ló vào cung, nhà vua liền đứng dậy vỗ vai chàng rồi kéo ra phía Long Trì – Con đi cùng ta. Chiều nay ta muốn ngoạn cảnh Dâm Đàm.

Hoàng thái tử lặng lẽ bước theo vua cha xuống lâu thuyền.

Kim Phượng là một trong bốn lâu thuyền mà đức Thuận Thiên ưa dùng. Lâu thuyền không lớn, chỉ có hai tầng. Tầng dưới chứa các đồ ngự dụng để dâng đức kim thượng trong khi du ngoạn như trà, rượu, các đồ ăn nhẹ cùng nhiều vật dụng khác. Lâu thuyền gắn hai chục mái chèo cùng bốn mươi trái thủ cực khoẻ thay nhau chèo để giữ cho thuyền lúc nào cũng đi nhanh. Nếu cần đi gấp, mỗi mái hai tay chèo, thuyền đi chẳng kém gì sức ngựa phi.

Tầng dưới của lâu thuyền đóng kín như thuyền chiến, từ ngoài nhìn vào mạn chỉ thấy các mái chèo bổ nước đều tăm tắp, chứ không thấy trái thủ. Tầng trên chia làm ba khoang, mỗi khoang là một phòng. Khoang lái, dành cho mười lính hộ vệ trong đội hổ bôn. Khoang giữa, vua ngự. Khoang mũi, dành cho mấy ả a hoàn hầu hạ vua.

Khoang vua ngự, sàn ghép thuần gỗ thơm như tùng, bách. Vách thuyền là những con tiện bằng gỗ đình hương vừa thơm vừa chắc. Hai bên vách thuyền treo loáng thoáng vài bức tranh thêu cảnh ngư-tiêu-canh-độc, cảnh Yên Tử sơn, Tản Viên sơn nom sống động như các cảnh đó đang thị hiện.

Mới non chiều, mặt trời đang chênh chếch phía Tản Viên sơn. Hơi nước bốc như khói, như sương giăng trắng mặt hồ. Những cánh rừng rậm rì trên những hòn đảo nhấp nhô trong hồ lúc ẩn lúc hiện, nom như cảnh sắc thần tiên. Nhà vua chột ngưỡng nhìn lên bầu trời chói nắng. Cái nắng thật là mạnh, những tia hồng hồng rọi xuống cố chọc thủng màn sương khói bao phủ mặt hồ mà không thể nào lách xuống được. Đầu xuân, được một ngày nắng như thế này thật là hiếm hoi. Tuy trời nắng, nhưng vẫn giá lạnh ngắt. Vua Thuận Thiên đang ngược nhìn về phía trời tây, gắng tìm qua phía bầu trời trắng đục màu sữa kia, xem đỉnh Ba Vì, đỉnh Tản Viên nằm ở chỗ nào. Thật ra đỉnh Ba Vì, đỉnh Tản Viên sơn nằm ở chỗ nào, thì ngay trong đêm tối nhà vua cũng nhìn thấy nó ở trong lòng. Tuy nhiên, lúc này nhà vua vẫn muốn nhìn thấy nó như nhiều lần qua lại vùng này nhà vua đã nhìn thấy Ba Vì hiển hiện như một bức tường thành ở phía tây, và dòng sông Cái có sắc nước đỏ ngầu tựa như một lưỡi kiếm khổng lồ ở phía đông, chặn lối vào của giặc từ phương bắc. Từ khi còn làm chức quan nhỏ dưới triều Lê Hoàn, Lý Công Uẩn thường từ Hoa Lư qua lại vùng này để về quê hương Dịch Bảng, hoặc từ Dịch Bảng qua đây để vào kinh thành Hoa Lư, nhà vua đã thuộc nằm lòng tất cả.

Nhà vua bèn vẫy hoàng thái tử lại gần, ngài chỉ tay ra mặt hồ, lại chỉ lên bầu trời, rồi khoát tay vòng từ phía đông sang phía tây và hỏi:

- Con có thấy non sông ta thật là cẩm tú không?

- Bẩm phụ vương, đất nước ta không những đẹp mà còn hùng vĩ nữa.

- Đúng như con nói. Chỉ tiếc bữa nay trời mù sương quá. Nếu không, dãy Ba Vì kia và dòng sông đỏ lạng này hiển lộ, con mới thấy nó khả ái dường nào. Vừa nói, vua Thuận Thiên vừa chỉ về phía tây, rồi ngài ngoáy tay chỉ về phía đông.

Hoàng thái tử thấy vua cha bữa nay như khoẻ ra, như có điều gì vui lắm người đang ấp ủ ở trong lòng. Đáp lời cha, Lý Phật Mã nói:

- Trình phụ vương, con đã được phụ vương nhiều lần răn dạy về thế đất của Thăng Long. Phía tây, dãy Ba Vì đột khởi lên như một bức tường thành, lại như một chiếc lưng ngai làm điểm tựa vững chắc cho Thăng Long, mà nhìn từ xa, những đỉnh núi như những mãnh hổ đang ngồi phục với thế thật là vững chãi.

Lại phía đông, dòng sông uốn lượn như một con thần long đang cuộn mình. Và dòng sông đỏ lạng phù sa kia cũng tựa như một lưỡi kiếm thép khổng lồ lúc nào cũng nung đỏ để chặn bước tiến của giặc dữ phương

bắc.

Thái tử hạ giọng:

- Phụ vương đã dạy như thế, sao con dám nguôi quên. Bẩm phụ vương, chẳng cần trời quang mây tạnh, ngay cả ban đêm, nhắm mắt lại con vẫn thấy núi Tản, sông Lô hiển hiện ở trong đầu.

Nhìn con, nhìn bầu trời trắng đục, ánh nắng mờ mờ, nghe tiếng những mái chèo khua nước đều đều, nhà vua nở một nụ cười hiền hậu, ngài vỗ vai hoàng thái tử, giọng trìu mến:

- Con à, cái thế rồng cuộn hổ ngồi mà con vừa nhắc lại, đâu phải ý của ta.

- Bẩm phụ vương, ngoài phụ vương ra, còn ai đủ kiến văn nhìn ra những điều kỳ bí đó trong khu linh địa này.

Nhà vua nhìn con mỉm cười:

- Vậy con thử đoán xem, ở nước ta, ai có con mắt nhìn thấu tám cõi đó.

Thái tử chau mày, dường như chàng đang kiểm xét trong trí nhớ của chàng xem có những đẳng bậc nào có tài quán thông khiến phụ vương cũng phải tâm phục làm vậy. Chợt có một cái gì đó vừa loé ở trong đầu, thái tử vội chấp tay:

- Bẩm phụ vương, con ngờ rằng người kỳ tài ấy là đức Vạn Hạnh thiền sư. Nói xong chàng ngừng nhìn vua cha, chờ một ý cha ban.

Vua Thuận Thiên mỉm cười khiến gương mặt ngài như sáng lên, ngài vỗ vai con xác nhận:

- Đúng vậy con ạ. Chính đức Vạn Hạnh đã chỉ ra những điều bí ẩn đó. Và ngài khuyên với ý xa xôi từ khi ta còn giữ một chức quan nhỏ trong cấm đình dưới triều Lê Long Đĩnh. Nhớ một bữa ta với ngài cùng đi từ hương Dịch Bảng về Hoa Lư. Khi qua vùng Dâm Đàm ngài sai dừng thuyền lại để ngài xem ngắm núi sông. Đoạn ngài nói với vẻ băng quơ: “Đây mới chính là đất của đế đô muôn đời. Ta chỉ tiếc nhà Lê với nhân giới thiên cận cứ thủ hiểm kinh đô ở nơi hang động, khiến thế nước không thoát ra được, không hanh thông lên được”.

Thả tầm mắt ra bốn hướng chợt nhà vua bắt gặp một đàn sếu bay ngang đầu. Trời mù sương sếu phải bay thấp nên nghe rõ tiếng chim đập cánh. Đàn chim bay đen cả bầu trời. Chúng bay theo hình chữ bát^[84]. Nhô lên trước hình chữ bát là một tốp dẫn đầu chừng năm con bay theo hàng dọc.

Đầu đàn phải là con chim khỏe nhất, khôn nhất và định hướng bay chính xác nhất. Tốp đầu đàn thường có từ ba đến năm con, phòng khi con đầu tiên gặp rủi ro thì con tiếp theo thay thế. Do đó hành trình của cả đàn không bao giờ bị rối loạn hoặc lạc hướng bay.

Như là một sự lạ, bởi chưa bao giờ nhà vua bắt gặp một đàn chim đông đến như vậy, ngài bèn ngược nhìn. Bỗng từ đâu đó, như có ai thả rơi một vật khá nặng trúng vai nhà vua. Vật lạ đánh trúng móm xương vai phải của ngài ngự. Thấy nhói đau, ngài vội so vai và cũng có phần hơi hoảng sợ nữa, tưởng như có thích khách.

Đám a hoàn vội hô hoán:

- Bệ hạ! Bệ hạ! Trứng ngỗng trời! Trứng ngỗng trời!

Nhà vua ngoái nhìn bả vai thấy lòng trắng, lòng đỏ trứng rớt nhoe nhoét cả long bào.

Mấy a hoàn xúm vào lau áo cho vua. Thái tử sắp lại gần vua cha. Lòng chàng bối rối không biết đây là điềm lành hay điềm gở.

Mặt nhà vua hơi biến sắc. Chắc ngài nghĩ đến một điềm triệu gì đây. Nhưng nhà vua tự trấn tĩnh ngay. Ngài đặt tay lên vai con và lại tiếp tục câu chuyện đang nói dở:

- Nay con! Nhưng người phát lộ ra vùng đất này tụ hội anh linh tú khí trước cả đức Vạn Hạnh, lại chính là Cao Biền kia.

Cao Biền được Đường Hàm Thông phái sang làm Tiết độ sứ cai quản đất này từ năm Bính tuất (866), y đã chọn nơi đây làm Tiết trấn. Chính y cho đắp La thành vòng quanh tới một nghìn chín trăm tám mươi hai trượng. Lại đắp đê bao không cho nước tràn vào tới hai nghìn một trăm hai mươi nhăm trượng. Và đi xem xét hình thế núi Tản sông Lô, thấy đất này có vượng khí đế vương, nên y đã cho đào đắp, yểm trấn nhiều nơi nhằm triệt long mạch.

Nghe vua cha nói “Cao Biền triệt long mạch”, hoàng thái tử giật mình hỏi lại ngay:

- Bẩm phụ vương, Cao Biền trấn yểm thế có gây họa hại gì cho đất nước mình không ạ?

- Việc núi sông hình thành là do Trời đã an bài. Nước ta có vùng linh địa này cũng là tự Trời bày xếp cả. Ấy là mệnh trời. Cao Biền không tự lượng sức dám chống lại thiên đạo. Lúc đầu y cũng có làm cho thế nước ta chao đảo. Nhưng sau, núi sông lại liền mạch, việc yểm trấn trở nên vô dụng. Đó chẳng là ý trời ư? Ngay phía tây thành Đại La, Biền đã yểm dưới hố sâu tới cả ngàn cân sắt, nhưng trời nổi sấm sét đánh bật tung giữa một đêm trăng sáng, khiến Biền phải run sợ mà từ bỏ dã tâm.

Cho nên sau này nổi nghiệp ta, con phải nhớ truyền đời, chính nơi đây – chính cái hồ Dâm Đàm này là một đại huyết của nước Nam. Đây là vùng tụ khí của cả miền linh địa; hồ này chính là não thủy của Thăng Long. Vậy nên phải giữ để cho không bao giờ nước hồ cạn kiệt, không được san lấp mặt hồ. Nhà vua bỗng nghiêm trang lạ thường. Ngài nói dần từng tiếng: “Con phải nhớ năm lòng lời ta dặn đây: DÂM ĐÂM TUYỆT THĂNG LONG DIỆT”.

Thái tử như đã lãnh hội được tính nghiêm cẩn trong lời vua cha ký thác, chàng đáp:

- Bẩm phụ vương, con xin ghi lòng tạc dạ.

Lâu thuyền vẫn rẽ nước đi loanh quanh mấy hòn đảo. Càng về chiều, sương khói càng bốc lên mù mịt, che lấp cả tầm nhìn. Chỉ vài chục trượng đã không nhìn rõ hình thù các vật phía trước. Vì vậy, có khi thuyền đi sát vào bãi sầm cầm, cả người và chim đều không nhìn thấy nhau, chợt động nước, chim vút bay lên, người chỉ nghe thấy tiếng vỗ cánh rào rào mà đoán đàn chim đông đúc tới mức nào. Trời mỗi lúc mỗi mù mịt thêm. Thuyền không dám đi nhanh nữa, sợ va vào các thuyền câu, thuyền chài lưới, hoặc đâm vào các đảo chi chít cây rừng. Người cầm lái đã phải gõ chuông làm tín hiệu cho các thuyền lạ biết mà tránh.

Nhìn bầu trời càng lúc càng trắng đục như sữa, nhà vua bảo con:

- Đất nước ta tuy cấm tú, nhưng cũng là miền đất lam chướng, người phương bắc đến đất này chỉ mắc bệnh thời khí mà chết. Vì vậy sứ nhà đông Hán sau khi ở nước ta về đã can gián vua họ rằng: “Xứ ấy ở xa ta hàng vạn dặm. Đường đi hiểm trở, sông nước mịt mù. Quân ta có đánh chưa chắc đã lấy được nước ấy. Dầu có lấy được cũng không ở được, bởi khí hậu lam chướng. Quanh năm ẩm thấp, sương mù đến nghìn nhận, chim còn chẳng nhìn thấy đường bay, đâm vào nhau rơi xuống chết trắng cả mặt đường...”

Nhà vua ngừng lời nhìn ra bầu trời bốn bề mù mịt khói sương. Gió xuân hây hây, đem theo cái mát lạnh của mặt hồ phả vào khoang thuyền. Vua Thuận Thiên rung mình ớn lạnh. Thái tử khoát tay chỉ vào vai nhà vua, mấy ả a hoàn vội lấy áo ấm khoác lên vai ngài ngự. Lý Phật Mã nhìn sắc mặt vua cha như có phần hồ nghi về sức khỏe của ngài. Chàng hỏi:

- Bẩm phụ vương có thấy trong người khó ở không ạ.

Nhà vua lắc đầu.

Chàng lại hỏi:

- Bẩm phụ vương, người Hán biết đất ta hiểm trở, lại cũng biết đất ta lam chướng. Nhưng nổi đời họ vẫn không từ bỏ mưu đồ xâm lấn. Từ Tần, Hán, Ngô, Tấn, Tề, Lương, Tùy, Đường rồi lại Tống, chẳng triều đại nào chúng không dòm ngó đất ta.

- Đúng thế đấy con ạ. Đó là thói tham bần của một con ác thú. Về phần ta, có giữ được nước hay không đều như ở sức ta cả. Ta yếu, thì họ xâm lăng, họ đặt nền thống trị. Ta mạnh, thì họ xin rút quân, xin giảng hoà. Trước khi rút, thế nào họ cũng ngoạm một miếng giang san của ta, để ta cứ phải đòi đi đòi lại trong thế giằng co. Rồi cũng lại từ mảnh đất giằng co ấy, họ vin vào làm cớ để khai lại cuộc chiến khi nào họ đủ lực. Thành thử sống chung với họ rất chi là khó chịu. Họ trở mặt như trở bàn tay, mình nhu như một tí là mất nước như chơi.

Thái tử thở dài, hỏi lại:

- Bẩm phụ vương, thế có cách nào tránh được can qua không ạ.

- Có chứ con. – Vua Thuận Thiên nói với con bằng một giọng âu yếm, cứ như chàng còn trong độ tuổi thiếu niên – Tránh được con ạ, nhà vua nói tiếp. – Nhưng ta phải mạnh về binh lực, giàu về lương thảo, khí giới. Dân ta phải cùng một lòng một dạ giữ nước.

- Tâu phụ vương, có cách nào làm cho thể nước được như phụ vương nói. Như nước ta hiện nay binh đã đủ mạnh chưa, lương thảo đã dư dả chưa.

- Này con! Con thử tính xem từ khi cha được nước tới nay là bao nhiêu năm rồi?

- Thưa phụ hoàng, đã sang năm thứ mười tám rồi. Chẳng lẽ người không nhớ sao?

- Tính năm thì là mười tám năm đấy, nhưng thực ra ta mới trị vì có mười bảy năm, mùa xuân này mới là mùa xuân thứ mười tám của triều Thuận Thiên. Vậy con có biết ta tha tô thuế cho dân bao nhiêu năm không?

- Dạ, khi phụ vương tha tô thuế là lúc con còn nhỏ. Nhưng xem trong biên niên sử, con biết dân được tha ba lần, hai lần đầu, mỗi lần ba năm; lần thứ hai chỉ có một năm rưỡi thôi. Con không hiểu phụ vương tha tô thuế nhiều như vậy thì nhà nước lấy gì nuôi quân, nuôi bộ máy cai trị.

- Tha tô thuế cho dân nhiều làm vậy, nhưng có mất gì của ta, mất gì của triều đình. Ngược lại, triều đình còn nhân đó có lợi nhiều lắm. Ta nói con nghe, trước hết là việc binh, ta dùng chính sách ngụ binh ư nông. Vậy là ta có một đội quân cực lớn, triều đình lại đỡ phải chi phí tốn kém. Hằng năm, cứ tới vụ nông nhàn tháng ba, tháng tám xuân thu nhị kỳ, ta tập trung tất cả nông phu trong toàn cõi từ mười tám đến bốn mươi nhăm tuổi đi luyện tập. Triều đình chỉ cử người thành thạo việc binh về huấn dạy cho họ các thứ binh khí mà trong quân đang dùng, cũng như các thuật đánh thành, đánh quân phục, thuật hành binh... Ngay đến cả áo quần tập luyện cho tới việc ăn uống, người nông phu cũng đều phải tự lo hết. Thế mà họ vẫn vui vẻ chấp thuận.

Ngừng lời, nhà vua nhìn hoàng thái tử với một vẻ như là mãn nguyện. Chợt vua lại nói:

- Con thử nghĩ xem, ta giấu việc nguy hiểm, chính là việc binh ấy, vào cái chỗ nhàn nhả nhất, tức là nơi thôn ấp đồng quê, nghĩa là ta tin vào dân như ta tin vào chính ta vậy. Do được tha tô thuế, lại không bị ép buộc phải xa nhà, người nông phu vì thế càng rảnh sức làm ăn để thoát khỏi cảnh đói nghèo. Ngoài tha tô thuế liên năm, ta còn cấp thêm đất ruộng, lại khuyến khích khai hoang vỡ hoá, rồi cho sở hữu luôn đất ấy. Còn thuế khoá chung trong toàn xã hội, ta chỉ quy về sáu sắc thuế đánh vào các nguồn lợi từ rừng và biển. Và lại, nếu ta có thu số thuế gấp cả chục lần số thuế ta đã tha cho họ, vị tất đã nuôi nổi đội quân lớn như vậy. Không những thế, triều đình còn bị dân oán nữa. Một khi đã được tha tô thuế, người dân còn có lý gì để oán ta. Còn có lý gì để không rảnh sức làm giàu cho chính mình. Khi họ đã có của ăn của để mà kẻ nào dám động đến quốc thổ ta, ắt kẻ ấy tự chuốc lấy thất bại. Bởi toàn thể đất nước ta, mỗi người dân sẽ là một người lính, nước có giặc là họ lập tức ra mặt trận ngay, vì rằng ai ai cũng đều được tập tành huấn hỏ rồi. Mà đi chiến đấu là để bảo vệ chính mình.

Việc nuôi dân, nuôi quân như thế, con hiểu rồi chứ. Nhà vua nói và lặng nhìn thái tử.

- Bẩm phụ vương con hiểu ạ. Con hiểu cả cái ý sâu xa, cao cả của việc phụ vương liên năm tha tô thuế, là nhằm nuôi vỗ sức dân lâu dài, nhằm hưng thế nước. Vâng con hiểu.

- Còn việc nuôi bộ máy cai trị cũng không tốn kém nhiều đâu con ạ. Những chức dịch nơi hương ấp do dân bầu ra, dân sẽ góp trả họ bằng công lao dịch. Chẳng hạn mỗi người dân đến tuổi trưởng thành mỗi năm phải góp cho nhà nước mười lăm ngày công để cấy ruộng công và làm các việc công ích khác, thì trích cho xã trưởng từ một trăm đến một trăm năm mươi ngày công tùy số dân của hương ấp. Các quan từ châu, quận đến lộ và các quan làm việc tại triều, được trả theo số lúa được quy định theo từng cấp bậc. Số lúa ấy lấy từ ruộng công điền. Ngoài ra còn được triều đình cấp thêm đất ruộng tại nơi hương ấp.

Lâu thuyền vẫn lướt nhẹ trên mặt hồ mù sương. Tiếng gõ mành lạnh canh của mấy chiếc thuyền đang bủa lưới khiến người lái thuyền phải đổi hướng. Thuyền rẽ ngoặt sang một góc khuất nơi một hòn đảo lơ lửng như một trái núi giữa hồ, bất chợt đâm vào một đàn sâm cầm đang dập dềnh trên mặt nước, chúng hốt hoảng lao vút khỏi mặt hồ, tạo thành những tiếng động rào rào như trời chợt đổ cơn mưa đá.

Nhìn sát những gương mặt dịu hiền của mấy ả a hoàn, lại nhìn cảnh đất nước thanh bình, giàu thịnh như một xứ sở thần tiên, vua Thuận Thiên bỗng động lòng trắc ẩn nhớ cảnh đất nước điêu linh dưới triều ác vương Lê Long Đĩnh. Lại nhớ đến công lao vun đắp cho ngôi nước của các bậc thiện sư như thầy Vạn Hạnh, thầy Đa Bảo cùng biết bao bậc thiện trí thức khác. Vậy mà các ngài đã lần lượt bỏ ta mà nhập niết

bàn. Lòng rưng rưng nhà vua gọi con:

- Này Phật Mã!

Thái tử vẫn đứng cách nhà vua chưa đầy hai bước chân, chàng bèn ngoảnh lại:

- Dạ thưa phụ vương có điều gì dạy con ạ.

- Con nhớ kỹ điều ta sắp nói đây. Mắt nhà vua như nhìn vào xa xăm. Đoạn ngài chậm rãi. Mỗi lời nói như được ủ bọc từ tim óc nhà vua bỗng nhiên bật nảy ra. – Này con, ta sở dĩ được nước, công lao chủ yếu từ nơi các bậc đại thiên sư, bản thân ta cũng được sinh ra và được giáo dưỡng từ nơi cửa Phật. Vậy là triều đại nhà Lý ta gốc ở Phật. Cho nên trách phận của con sau này vừa phải giữ nước, vừa phải giữ đạo. Giữ sao cho đạo hoà được vào đời, nhưng không được đời quá, không được thế tục quá. Thế tục quá thì đạo suy. Nhưng cũng đừng siêu việt quá. Siêu việt quá thì đạo nhạt, vì dân không theo được.

Suốt một đời hành hoá, ta nghiệm ra điều này: Nước là nhân của đạo, đạo là hồn của nước, chúng dân là nhựa sống của cả hai thứ đó.

Nói xong, nhà vua vỗ nhẹ vào hai vai thái tử rồi ngài lui vào lầu thuyền, và khoát tay cho thuyền quay mũi, còn ngài ngồi kiết già trên tấm toạ cụ, mắt lim dim thả hồn vào đại định.

Từ bữa đi thăm lại hồ Dâm Đàm trở về, nhà vua cứ hăm hấp sốt về chiều, mồ hôi rịn ra thấm hết cả lưng áo. Cứ một canh giờ, nội thị lại thay áo cho vua. Và khoảng cuối giờ Hợi thì cất sốt, mồ hôi cũng ráo hẳn. Ngày hôm sau lại lặp lại y hệt ngày trước đó.

Hội đủ các thái y danh tiếng để tìm ra phương thuốc chẩn trị, nhưng không một phương thuốc nào công hiệu.

Thấy trong mình ngày một khó ở, nhà vua biết mệnh mình đã sắp tận, bèn cho triệu tả hữu đến điện Long An để lập di chiếu.

Trong số các tả hữu thân cận với nhà vua có thái úy Lý Trưng Hiền, viên ngoại lang Lý Nhân Nghĩa, thái phó Đặng Văn Hiếu, thái bảo Đào Thạc Phụ.

Các quan đến đầy đủ, vua dụ:

- Sinh diệt tự tán là lẽ thường hằng của tạo hoá. Phàm ở đời hễ có sinh là có diệt. Ta cũng không nằm ngoài cái lý đó. Nay ta còn minh mẫn, muốn lập di chiếu truyền ngôi cho hoàng thái tử Lý Đức Chính là hoàng trưởng tử. Ta đã lập ngôi Đông cung cho Đức Chính từ năm Nhâm Tý. Đức Chính vừa có đức độ vừa có phong thái của một bậc đế vương, là người hiểu thông kim cổ, giỏi việc trị loạn, ta tin Đức Chính có thể thay ta làm cho quốc gia hùng mạnh, hồn Việt thăng hoa. Nếu ta có mệnh hệ nào thì phải lập ngay Đức Chính là vua nối. Vậy theo lời ta vừa dụ, các khanh lập ngay tờ di chiếu để ta phê trước mặt các khanh. Sau đó các khanh cùng ký làm bảo chứng. Các khanh cũng phải thề trước ta, sau khi ta viên tịch, không ai được đổi ý.

Các quan cùng rạp đầu vái lạy. Di chiếu được lập tức thì.

Nội thị viên ngoại lang Lý Nhân Nghĩa nâng tờ di chiếu cho vua đọc. Vua lại sai đọc to cho mọi người cùng nghe. Sau đó ngài châu phê, rồi lần lượt đưa cho bốn vị đại thần ký bảo chứng ở phía dưới.

Lập xong di chiếu, vua ngậm ngùi nói với mọi người.

- Ta vô cùng biết ơn các khanh đã cùng ta gánh vác việc nước. Nay mệnh ta đã sắp tận mà các khanh cũng đã luống tuổi. Trong cuộc đời phụng sự quốc gia, ta biết các khanh đã tận lòng trung với nước. Tiếc rằng ta hậu đãi các khanh không được như ý. Ta đã nói Đức Chính khi lên ngôi, phải trọng đãi các khanh. Thôi, các khanh về đi. Nói xong vua vẫy tay cho mọi người lui. Ai nấy chảy nước mắt cúi đầu vái lạy.

Vua lại gọi:

- Nhân Nghĩa ở lại với ta.

Lý Nhân Nghĩa vừa phủ phục dưới chân long sàng, vua sai đuổi hết tả hữu và bọn nội nhân, bọn trung quan khác ra khỏi cung. Lại sai Nhân Nghĩa đi kiểm xét thêm một lần nữa.

Khi Nhân Nghĩa đóng hết các cửa cung quay lại long sàng, vua nói:

- Ta với khanh, tình là nội tộc, nghĩa là vua tôi. Nay ta sắp đi, muốn ký thác cho khanh một việc lớn. Khanh chưa làm hỏng một việc nào mỗi khi ta giao phó. Nhưng các việc khanh đã làm cho triều Thuần Thiên, chưa việc nào hệ trọng như việc ta sắp ký thác cho khanh đây. Nếu khanh chịu giúp, ta mới nói.

Lý Nhân Nghĩa khóc mà tâu rằng:

- Bệ hạ đã có lòng uỷ thác trước khi đi xa, thần dù da ngựa bọc thây, dù gan nát óc lầy cũng không từ nan. Nếu bệ hạ còn chút nghi ngờ, thần xin chết trước để bệ hạ thấy tấm lòng son. Nói rồi Nhân Nghĩa vụt chạy ra toan đập đầu vào cột điện mà chết.

- Nhân Nghĩa! Nhân Nghĩa! Khanh mau lại đây. Nhà vua hét gọi lạc cả giọng. Cơn ho đến khiến nhà vua vừa đỡ ngực vừa rũ xuống.

Lý Nhân Nghĩa vội chạy lại đỡ nhà vua rồi luôn miệng nói:

- Bệ hạ! Bệ hạ! Thần đáng tội chết. Xin bệ hạ bình tâm ban thánh chỉ. Thần hứa sẽ tận lực.

Ngồi thở một lát, mặt nhà vua đã hơi có sắc máu. Vua vẫy tay nói nhỏ:

- Khanh ngồi sát vào ta đi.

Lý Nhân Nghĩa lấy thân mình cho vua tựa.

- Khanh đúng là nhân nghĩa, hết như cái tên tổ phụ đặt cho. Ta chỉ tiếc vì không trọng dụng Khanh được nữa, nhưng lòng tin cần với Khanh, ta chưa bao giờ phải ân hận. Khanh biết đấy, ta sinh được nhiều hoàng nam. Đáng tiếc, ngôi vua chỉ có một. Con ta nhiều đứa có tài. Nhưng trị nước, đòi hỏi người có đức. Đức lớn bao trùm mới bao dung được kẻ dưới, mới chịu nhún mình mà dụng nhân tài. Mấy chục năm ròng, ta luôn kiểm xét các con để chọn người kế vị. Quả thật trong bọn chúng, chỉ có Đức Chính là hơn cả. Ta nghĩ vậy. Và triều quan ai cũng nói đúng như vậy.

- Tàu bệ hạ, việc đó đã rõ ràng rành, ngôi Đông cung đã lập. Nay bệ hạ lại có di chiếu. Nếu chẳng may bệ hạ thất lạc, thì triều đình cứ việc tuyên chiếu để tôn hoàng thái tử lên ngôi, bệ hạ còn phải lo gì nữa. Và lại, các hoàng tử khác cũng đã an phận.

- Thì ta cũng chỉ mong sự việc được như thế. Nhưng ta mơ hồ cảm thấy chúng nó sẽ nghịch mệnh.

- Tàu, người có khả năng nghịch mệnh nhất là Khai Quốc vương, bệ hạ đã cho đi trấn Trường Yên rồi. Sao bệ hạ còn phải bận tâm trước lúc đi xa.

Nhà vua cười, nụ cười méo mó nở trên gương mặt khắc khổ. Đoạn vua nói:

- Ở đời cái chỗ không ngờ nhất lại là chỗ đáng ngờ nhất. Thôi thì cứ phòng bị là hơn cả. Và lại, bữa trước chơi hồ Dâm Đàm, bỗng nhiên một trái trứng ngỗng trời để rơi trúng vai bên tả của ta. Chiếc trứng vỡ nát, lòng đỏ, lòng trắng chảy tràn nửa thân áo ta. Bởi vậy, ta ngờ có chuyện người trong một bọc gây họa. Đó chẳng phải là điềm báo trước sao. Cho nên Khanh cùng bọn người tâm phúc như Phụng Hiếu, Phùng Chân, Lý Thạc, Ngô An Ngữ... từ giờ không được rời Đức Chính nửa bước. Lại nữa khi ta đi, phải tuyên chiếu tôn Đức Chính lên ngôi đã, rồi mới được phát tang. Khanh nhớ nhé.

Nói xong, nhà vua ngã xuống chông gối xếp nằm nghỉ.

Lý Nhân Nghĩa rời điện Long An thì trời đã chạng vạng tối. Ông không về nhà mình mà đi thẳng tới cung Long Đức.

Thái tử hỏi han sức khỏe vua cha và toan vào cung thăm viếng.

Lý Nhân Nghĩa ngăn lại:

- Hoàng thượng cùng tả hữu vừa lập xong di chiếu chiều nay. Điện Long An từ giờ phút này nội bất xuất ngoại bất nhập, thái tử không thể vào cung được nữa. Tất cả đều phải chờ tin tức từ điện Long An phát ra qua thái úy Lý Trưng Hiền.

Lý Nhân Nghĩa cho hội Lý Huyền Sư, Lý Thạc, Phùng Chân, Lê Phụng Hiếu, Ngô An Ngữ, đô Sấn cùng các tướng tâm phúc để trao việc, phòng có biến. Lại nói kín nói hở vua Thuận Thiên đang lâm trọng bệnh. Qua đó, mọi người đều hiểu nhà vua sắp băng, và phải bảo vệ thái tử lên ngôi bằng mọi giá.

Lê Phụng Hiếu cũng cho triệu đội dũng sĩ để giao phó công việc cho từng người.

Thật ra thì từ đêm trước, thái tử đã mơ thấy một giấc mơ lạ... Cứ như là thần đã báo trước cho biết mọi việc. Vì vậy, mỗi việc làm, thái tử đều cân nhắc thận trọng. Lại sai Phụng Hiếu phải canh phòng nghiêm ngặt, phòng có biến, nhưng không được làm kinh động. Các vương Đông Chinh, Vũ Đức, Dực Thánh từ ngày biết vua cha lâm trọng bệnh đã cùng nhau nhóm họp tại cung của Vũ Đức vương để bàn bạc. Các vương đều nói:

- Vua cha bất công.

Vũ Đức vương mặt lạnh tanh nói:

- Thử hỏi chúng ta kém gì Đức Chính. Chẳng qua Đức Chính có tài ton hót, nịnh bợ, nên được vua cha tin yêu. Lại bọn tả hữu của Đức Chính năng lui tới điện Long An, nói lớt cho Chính. Phen này mà trừ được Đức Chính, ta thề sẽ bêu đầu hết bọn tả hữu của Chính.

Cũng từ bữa đó, phủ binh của các vương đều cấm trại, và cử người giám sát điện Long An, giám sát cung Long Đức rất chặt chẽ.

Ngay buổi chiều, thấy các quan đầu triều được triệu vào điện Long An như thái úy Lý Trưng Hiền, phó Đặng Văn Hiếu, thái bảo Đào Thạc Phụ, viên ngoại lang Lý Nhân Nghĩa, các vương đều đoán là có việc thảo di chiếu, và thiên tử thác mệnh.

Giờ sừ, ngày mậu tuất tháng ba vua băng. Được tin, các quan đều kéo tới cung Long Đức mời hoàng tử Lý Đức Chính sớm mai về điện Long An để tuyên chiếu và vâng mệnh lên ngôi.

Trong khi đó ba vương cũng đã sẵn sàng. Ai cũng biết, cung Long Đức nằm ở phía tây kinh thành, nên mỗi khi vào cấm thành, thái tử Lý Đức Chính thường đi cửa Quảng Phúc. Vì vậy, Vũ Đức vương, Dực Thánh vương hợp binh phục tại cửa này, chờ Đức Chính vào cấm thành là đánh úp. Còn Đông Chinh vương đem binh vào phục các nơi hiểm yếu trong Long thành. Các vương cũng cử người tâm phúc mật báo cho Khai Quốc vương tại Trường Yên, kíp ra tay phối hợp.

Sáng ra, thái tử vào cấm thành từ cửa Tường Phù, tức là cửa phía đông kinh thành. Thật ra thì thái tử đã định đi cửa Quảng Phúc như thói quen thường ngày. Nhưng từ sáng sớm, con Huyền Đề đã nằm phục trước cửa tàu ngựa, nơi con Nê Thông đang đứng đình nhai từng cọng cỏ. Tới khi có mã phu vào dắt ngựa ra đóng yên cương, và khi thái tử nhảy lên mình ngựa ra roi nhắm cửa phía tây kinh thành thì con Nê Thông quay ngoắt lại và cứ thế bổ vó theo con Huyền Đề dẫn đường từ phía trước.

Nghĩ đây cũng là một điềm triệu, nhất là với con Huyền Đề thì thái tử đã có đôi lần chiêm nghiệm. Vì thế, thái tử khoát tay cho tả hữu quân quyền đi theo về cửa Tường Phù ở phía đông cấm thành.

Thái tử vừa vào tới điện Càn Nguyên thì biết là đang có biến, liền sai đóng hết các cửa điện lại và cử các dũng sĩ canh gác nghiêm cẩn.

Lúc này tại cửa Quảng Phúc hai vương Vũ Đức và Dực Thánh đang tung quân đánh gấp.

Trong cấm thành, Đông Chinh vương cũng cho quân đi sục sạo tìm kiếm nơi ẩn náu của thái tử Đức Chính. Các vương đã bàn tính, sau khi trừ xong thái tử Đức Chính, sẽ hội quân tại điện Long An, ép các quan lập vua mới rồi mới phát tang Thái tổ.

Tin tức các nơi cấp báo về điện Càn Nguyên, phủ binh của ba vương đang đánh rất lắm, sợ cấm quân không chống đỡ nổi, xin thái tử ra tay.

Lý Đức Chính bèn nói với tả hữu rằng:

- Ta đối với anh em chưa có một chút gì phụ bạc. Nay ba vương dám làm việc bất nghĩa như thế. Muốn chiếm ngôi báu, không coi di mệnh của tiên đế ra gì. Vậy ta phải làm gì đây? Các người hãy nghĩ giùm ta.

Nội thị Lý Nhân Nghĩa nói ngay:

- Đã gọi là anh em thì phải coi nhau như chân như tay, sống chết có nhau. Bên trong thì cùng nhau bàn bạc, bên ngoài đồng tâm hiệp lực chống giặc, giữ nước, giữ nhà. Nay tiên đế vừa băng, ba vương nhẫn tâm làm phản mưu hại thái tử để cướp ngôi. Vừa trái di mệnh vừa trái đạo lý; các vương đã phạm vào tội bất trung, bất hiếu, bất nhân, bất nghĩa. Vậy có còn là anh em nữa không, hay đã là cừu địch? Xin thái tử xuống lệnh cho bọn thần bắt các vương về trị tội.

Thái tử với vẻ buồn rầu đáp:

- Ta thật lấy làm xấu hổ, tiên đế vừa băng, chưa kịp khâm liệm, chưa kịp phát tang mà anh em đã chém giết lẫn nhau, để cho muôn đời sau còn có chỗ chê cười.

Vừa lúc đó thái úy Lý Trưng Hiền cho quân vào bẩm:

- Quân của Vũ Đức vương, Dực Thánh vương đang bủa vây điện Tập Hiền, điện Nhật Quang.

Đông Chinh vương đang kéo quân về phía điện Cao Minh. Điện Càn Nguyên bị uy hiếp! Cấp báo! Cấp báo!

Mọi người đang rối như ngồi trên đồng lửa. Lê Phụng Hiếu lòng lộn như một con hổ đang muốn phá cũi sổ lồng. Trong khi đó hoàng thái tử Lý Đức Chính vẫn cứ điềm tĩnh, dường như là án binh bất động.

Lý Nhân Nghĩa không còn giữ được bình tĩnh nữa, bèn lên tiếng gay gắt:

- Tiên đế cho điện hạ là người: đức có thể nổi được cái chí, tài có thể làm nổi việc lớn, nên đem thiên hạ phó thác cho điện hạ. Nay giặc đánh đến tận cửa khuyết rồi, mà còn ngồi đây nói đến điều nhân nghĩa kiểu đàn bà, thử hỏi đối với sự phó thác của tiên đế sẽ ra sao đây?

Thái tử sầm mặt lại nói với tả hữu:

- Ta há không biết điều đó sao. Chẳng qua ta muốn giấu tội ác cho ba vương, tưởng họ biết hối lỗi tự thẹn mà lui quân, ai dè họ lại rắp tâm làm loạn. Tình thế đã đến nước này, quả ta không còn chọn lựa nào

khác. Các tướng nghe lệnh ta truyền:

- Lý Nhân Nghĩa, Lê Phụng Hiếu, Ngô An Ngữ, Lý Huyền Sư, Dương Bình, Quách Thịnh, đô Sấn, cơ nào, đội ấy các người ra tay đi! Hãy đốt ba phát pháo hiệu để các cánh quân khác của ta biết hiệu lệnh mà xông ra phối hợp.

Các tướng khóc vì cảm động và phục lạy:

- Chết vì hoạn nạn của vua là chức phận của chúng thần. Nay đã được chỗ đáng chết, chúng thần xin phụng mệnh.

Ba phát pháo hiệu nổ vang như tiếng sét. Các cửa điện Càn Nguyên đều nhất loạt mở toang. Quân trong cung ào ra như lũ quét, mỗi người mang trong mình sức mạnh có thể địch tới cả trăm người.

Nghe pháo hiệu, quân tả hữu kim ngô của Vệ Trúc, Phí Xa Lỗi phục trong cung Long Thụy, cung Thuý Hoa; quân tả hữu Vũ vệ của Đàm Thản, Đô Giản phục trong điện Giảng Võ, cung Nguyệt Minh cùng lúc ào ra vây bủa quân của ba vương.

Lê Phụng Hiếu vỗ ngựa kéo quân xốc thẳng tới cửa Quảng Phúc. Con Huyền Đề vút lên như một mũi tên chạy trước ngựa của Phụng Hiếu để vòng về phía điện Tập Hiền.

Đúng lúc ấy Vũ Đức vương, Dực Thánh vương cũng quật ngựa lại vây lấy Phụng Hiếu. Và quân tả hữu kim ngô của Vệ Trúc, Phí Xa Lỗi cũng đuổi gần kịp hai vương.

Lê Phụng Hiếu ghìim ngựa quát to kể tội các vương:

- Tiên đế vừa băng. Bọn Vũ Đức vương đã ngấp nghé ngôi báu, không coi vua nối vào đâu, trên quên ơn tiên đế, dưới trái nghĩa tôi con.

Vì thế, thần là Phụng Hiếu xin đem thanh gươm này để dâng! Nói xong vung gươm, tể ngựa xông thẳng vào Vũ Đức vương.

Vương quay ngựa toan dùng miếng đà đao học được của Lưu Hoảng Định, bộ tướng của Dương Trường Huệ bị bắt làm tù binh trong trận đánh ở bến Kim Hoa năm Giáp dần, sau trở thành thầy dạy võ cho Vũ Đức vương. Song vì thấy vương chỉ mưu toan chuyện tạo phản, sợ cháy thành vạ lây, Hoảng Định đã bỏ vương đi từ lâu.

Khi Vũ Đức vương vừa quay ngựa, lập tức con Huyền Đề lao vào đớp đúng bắp vế con ngựa của Vũ Đức vương. Ngựa của vương vừa khuyu chân trước, Lê Phụng Hiếu lướt ngựa tới hươi đao, vương và cả con ngựa chưa kịp gượng dậy thì đầu của vương đã rơi “bịch” trước chân ngựa của Lê Phụng Hiếu.

Phụng Hiếu hơi né mình lấy mũi đao gảy một cái, đầu của Vũ Đức vương tung lên, tay kia của Phụng Hiếu liền tóm lấy. Ông đáp lại phía sau cho đám thuộc hạ bọc gói đem về. Lúc này máu từ cổ Vũ Đức vương mới kịp phun lên như một cây pháo bông đỏ lôm.

Thừa thắng, Lê Phụng Hiếu tung quân đánh rát, lại sai quân đi chặn bốn cửa thành. Phủ binh của ba vương chỉ là một lũ lính công tử, địch sao được với binh của triều đình, địch sao nổi với cường binh của Lê Phụng Hiếu. Vì thế bọn này bị truy đuổi, bị chém giết tơi bời, không một mống nào chạy thoát.

Lê Phụng Hiếu tể ngựa sục khắp bốn cửa đông, tây, nam, bắc muốn tìm giết hết bọn Đông Chinh vương, Dực Thánh vương để trừ hậu hoạ cho nước.

Bọn các vương do Vũ Đức cầm đầu, vì Vũ Đức được giới võ lâm tôn như một bậc cao thủ. Ấy thế mà khi gặp Lê Phụng Hiếu, chưa kịp giao đấu đã rơi đầu, khiến các vương khiếp sợ phải bỏ ngựa, quăng gươm, thay áo chạy vào cung Thuý Hoa nhờ đám cung nữ và hoạn quan che chở, vẫn còn chưa hết run sợ.

Lê Phụng Hiếu trở về, nhưng phục còn nhuốm máu đỏ tươi, vội quỳ trước linh cữu Thái tổ, tâu việc thắng trận. Sau đó trở lại điện Càn Nguyên báo cho thái tử hay, đã dẹp xong loạn ba vương.

Thái tử nhìn nhung phục của Lê Phụng Hiếu vẫn còn vết máu tươi, lại nhìn gương mặt hiên ngang khí phách của viên dũng tướng mà tiên đế đã sáng suốt ban cho, để kết thành tâm phúc, lòng rưng rưng cảm động, chàng nói:

- Ta sở dĩ gánh vác được cơ nghiệp to lớn của tiên đế, lại giữ được toàn vẹn tấm thân của cha mẹ để lại, đều là nhờ vào sức của khanh. Thuở nhỏ ta đọc sử nhà Đường bên Tàu, thấy Uất Trì Kính Đức xả thân cứu vua gặp nạn. Đúng là không có Uất Trì Kính Đức quên thân cứu chủ, chắc là Tần vương^[85] đã chết

trước mũi giáo của Đơn Hùng Tín. Khi lớn lên, ta cứ bị chuyện này ám ảnh mãi và ta tự nghĩ, đời sau chắc không ai được như Kính Đức.

Nay gặp nạn mới thấy Phụng Hiếu còn trung dũng hơn Kính Đức nhiều lắm. Thế mới biết lửa thử vàng...

Cảm kích về lời khen của chủ, Lê Phụng Hiếu lạy hai lạy mà rằng:

- Đức lớn của điện hạ đã cảm thấu cả trời đất. Hoá nên kẻ nào xâm phạm đến điện hạ, lập tức thần linh ra tay mà giết đi, bọn thần có công gì đâu.

- Đúng là có trời đất, thần linh giúp rập, nhưng nếu không có sự trung dũng của chư khanh, thì cơ nghiệp của ta sao giữ được. Không nên quy công tất cả cho thần.

Ngày hôm sau, trước linh cữu Thái tổ, quần thần tôn thái tử Lý Phật Mã lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiên Thành.

Đông Chinh, Dực Thánh đến cửa khuyết khóc lạy xin được tha tội, và xin được chịu tang Thái tổ.

Từ điện Long An, nơi quần di hài Thái tổ trở về cung Long Đức, vua Thái tông^[86] thấy trong lòng cuộn lên nỗi buồn ngùi khó tả.

Vua sai nội thị mở cung Dưỡng Tâm để ngài vào đó nghỉ. Gọi là nghỉ, nhưng thực ngốn ngang trăm mối. Mới chỉ một hai ngày qua, mà sao nhà vua cảm như công việc của cả trăm năm dồn nén lại, và nó bật tung ra như một cơn ác mộng. Nhà vua tự hỏi: – Có phải đức ta bạc hay kiếp trước ta mắc vào nghiệp chướng, nay phải trả nghiệp đây. Ai dè tiên đế nằm xuống chưa kịp khâm liệm, chưa kịp phát tang thì một lũ em đã rủ nhau nổi loạn. Ta không biết, nếu giết được ta thì chúng sẽ làm gì. Ba đứa ấy lòng tham đều chất ngất, sẽ chẳng đứa nào chịu cho đứa nào giữ ngôi tôn. Chúng sẽ dàn xếp với nhau thế nào. Chắc lại giết lẫn nhau một lần nữa. Trong ba đứa ấy, mưu mô thủ đoạn thì Vũ Đức vương đứng đầu. Đúng là nó chẳng chịu ở yên bao giờ. Vua cha đến khổ vì nó. Mặc dù người đã rất nghiêm khắc. Mới hay cha sinh con, trời sinh tính.

Phụ vương đã từng căn dặn ta về mấy người anh em. Khai Quốc là kẻ có tài, lắm mưu. Làm tướng đánh trận thì giỏi, nhưng thiếu tính bao dung, nên người dưới khó ở. Vũ Đức thì hẹp lượng, lại sân si làm cho nó phải đoán mệnh.

Phụ vương lại dụ, chúng nó mắc vào vòng tham dục của thế gian, chấp vào cái lý thế gian nên tự mình chuốc lấy phiền não. Khi nào họa đến, con gắng kìm nén cuồng nộ mà mở lòng từ ái với các em. Ta biết trước sau rồi tai họa sẽ đến, nhưng ta chưa đủ đạo lực để hoá giải. Phải chăng quả này là do nhân đã gieo trồng từ những kiếp trước. Đúng là hạnh phúc hay bất hạnh của mỗi con người đều tự mình tạo lập lấy.

Không ngờ những điều tiên đế dự liệu nó lại đến sớm như vậy. Bây giờ ta biết tính sao đây. Triều Thái tông vừa lập, nếu luật pháp không nghiêm từ trong nhà, như người xưa thường nói “quân pháp vô thân”, thì làm sao mà nêu gương cho thiên hạ được. Nếu nghiêm phép nước, tạo phản là tội phải chém bêu đầu. Chẳng nhẽ mở đầu cho triều đại Thái tông lại là cái chết của ba người anh em ư? Nếu vậy, ta sẽ mắc tội bất nghĩa vì giết em, lại mắc tội bất hiếu vì không nghe lời tiên đế đã căn dặn lúc sinh thời.

Ôi, những người anh em, sao các người làm ta khó xử. Nếu không trị tội các người, thì các tướng còn ai dám vì ta mà dấn thân vào nơi nước lửa. Mà trị tội các người có khác nào tay phải cầm dao chém vào tay trái. Việc này, ta phải hỏi mấy người tâm phúc.

Đúng lúc ấy cung quan là Lý Huyền Sư rón rén bước vào. Thấy nhà vua thân tựa chõng gối xếp, tay bóp trán, mặt bơ phờ mệt mỏi, y khẽ bước đến gần, chấp tay cung kính, miệng mấp máy như người nói thầm:

- Bệ hạ! Bệ hạ còn buồn nỗi gì nữa.

Không thấy nhà vua bắt chuyện Lý Huyền Sư lại nhả nhỏ:

- Bệ hạ! Bệ hạ nên giải khuây đi. Cớ chi bệ hạ tự làm khổ mình đến thế. Đẳng nào thì tiên đế cũng đã bằng. Khi sinh thời, người từng dạy: sống chết là đạo của trời đất. Đời là bể khổ, nay tiên đế đã giải thoát khỏi kiếp nhân sinh đi vào cõi niết bàn rồi, hà cớ gì bệ hạ còn phải buồn.

Hay vì cái loạn tam vương? Thì đã dẹp bỏ xong xuôi. Không còn gì làm cho bệ hạ phải lo nữa, vậy cớ chi bệ hạ phải buồn.

Dù Lý Huyền Sư là người tâm phúc, lại dám xả thân vì chủ, nhưng sao Thái tông vẫn không hay biết y

đang nói gì. Nhà vua chỉ cảm thấy một thứ âm thanh vo ve như tiếng nặng kêu phía vành tai.

Không kéo được Thái tông ra khỏi nỗi buồn trĩu nặng, Lý Huyền Sư quanh quẩn một lúc rồi cũng lui ra ngoài. Phía hành lang, một thiếu nữ đang gục ngủ trên mặt kỷ. Huyền Sư núng tóc cô bé giật ngửa mặt lên. Thiếu nữ kêu: Ồi! Ồi!

- Mẹ cha mà y số đen rồi con ạ! Huyền Sư cất tiếng chửi tục. Người con gái vẫn còn ngái ngủ, mặt ngơ ngác. Nom gương mặt thiếu nữ chẳng khác một đứa trẻ mới lớn.

- Mà y mấy tuổi rồi? – Huyền Sư hỏi.

- Dạ bẩm, con mười ba tuổi.

- Đúng không?

- Dạ đúng. Mẹ con bảo thế.

- Mà y tiến cung được mấy hôm rồi.

- Dạ, con mới vào hôm nay.

- Mà y có biết mà y vào đây làm gì không?

- Dạ không.

- Thôi được, mà y tên gì?

- Con tên là Gái. Nhưng vào đây các ông bảo tên con là Quỳnh Hoa.

- Ai bảo?

- Cái ông già không râu, mồm móm nói lắp, dạy con như thế.

- Cha mà. Cụ ấy mà nghe mà y nói thế, là không còn cái xương nào đâu con ơi. Ông mà y đây còn phải sợ nữa là. Thôi được mà y là gì Hoa?

- Dạ Quỳnh Hoa.

- Ừ thì Quỳnh Hoa, hôm nay tao định đưa mà y vào hầu thiên tử giải khuây. Nhưng số mà y không may, để hôm khác. Nhớ mặt tao nhá, nếu sau này được sủng ái phải đền ơn tao.

- Con chẳng hiểu ông nói cái gì.

- Thế mà y vào đây làm gì?

- Làm sao mà con biết được. Các quan bảo lệnh triều đình bắt đi. Con khóc. Mẹ con cũng khóc. Chỉ có bố con là không khóc, nhưng ông buồn lắm. Nếu ông cho con về nhà với bố mẹ, thì con nhớ ơn ông suốt đời.

- Ngu ạ. Mà y mà được hoàng thượng sủng ái thì cả họ nhà mà y sướng. Huyền Sư lại dẫn người cung nữ mới tuyển trả về cung.

Trong điện Dưỡng Tâm nhà vua thiếp ngủ đi lúc nào. Trong mơ: người, vật, lửa cháy, quân reo cứ diễn ra chập chờn. Bỗng thấy Vũ Đức vương lộ mặt vào. Vũ không chào hỏi nói năng, mặt lạnh tanh. Vua hỏi: – Vương đệ đến ta có việc gì. Vũ hét lên: – Trả đầu ta đây! Y vừa dứt lời xong thì chiếc đầu rụng xuống lăn lông lốc, và một dòng máu đỏ phun lên từ cổ Vũ. Thái tông hét lên: Thích khách!

Thị vệ chạy vào. Nhà vua mặt tái nhợt, mồ hôi lấm tấm trên vầng trán rộng.

- Nước!

Thị vệ dâng trà bổ dưỡng, uống xong, vua cho lui.

Còn lại một mình trong cung, vua dần hồi nhớ giấc mơ hãi hùng. Lần giở lại mấy đêm trước, tức là trước khi ba vương khởi loạn một ngày, vua mơ thấy thần núi Đồng Cổ hiện về, nói các việc ba vương sẽ làm phản vào ngày hôm sau, hãy đem quân đánh dẹp ngay đi. Thức dậy, vua lấy làm lạ. Nhưng nhớ hồi năm Canh thân, tức chín năm về trước nhân chuyển nam chinh, thảo phạt người Chiêm, vua có ghé núi Đan Nê, vào làm lễ thần Đồng Cổ. Đêm ấy thần cũng báo mộng kỳ này đi đánh dẹp sẽ lập công lớn trở về. Thần hứa, sẽ đi theo hộ trì. Mọi việc diễn ra hết như lời trong mộng. Vì thế lần này vua tin ngay, và đã có mặt bàn với thái úy Lý Trưng Hiền đem các vệ Kim ngô, Vũ vệ phục tại các nơi hiểm yếu trước. Lại giữ đội quân Thần bổng và tướng hùng sói Lê Phụng Hiếu ở bên mình; và giấu nhem cánh quân này trong điện Càn Nguyên. Vì thế khi ba vương đem binh nổi loạn, vua vẫn giữ được bình tĩnh, và chỉ cho quân ra đánh dẹp khi các vương kia đã lộ hình tích là kẻ phản nghịch. Công ấy của thần lớn lắm, không thể không lập miếu

thờ. Tuy nhiên, các việc này vua chỉ cho làm lặng lẽ chứ không hé lộ thiên cơ cho bất kỳ một người nào được biết.

Sáng hôm sau thiết triều, dù đã cố nén giấu, vua Thái tông cũng không xoá nổi những nét u buồn, khắc khổ trên gương mặt một người trai non ba chục tuổi.

Khai triều, nhà vua nói:

- Ta rất xấu hổ với các quan về việc ba vương làm loạn. Vũ Đức vương tự mình làm nên tội chết, đã phải chết. Còn Đông Chinh vương, Dực Thánh vương hôm qua đã tới cửa khuyết lạy xin được tha tội và được chịu tang tiên đế. Ta vì tình cốt nhục chưa nỡ giết. Trộm nghĩ, còn phép nước thì sao. Chẳng nhẽ người trong hoàng gia, hoàng tộc thì có quyền đứng ngoài hoặc đứng trên phép nước chăng.

Nhìn khắp lượt triều quan rồi dừng lại giây lâu, nhà vua lại tiếp:

- Lòng ta đang rối bời, ta mong các khanh hãy giúp ta khu xử việc này, để sao ta không mắc tội bất nhân, bất nhẫn tàn sát cả anh em; nhưng cũng đừng để đương thời và hậu thế coi ta là kẻ trị vì nhu nhược đặt tình riêng trên phép nước.

Nhân đây, ta tỏ lòng khen ngợi các khanh trong lúc hoạn nạn, đã chung sức chung lòng, cương dũng vượt qua hiểm nguy, sớm chấm dứt cuộc đầu rơi, máu đổ. Công ấy lớn lắm. Ta mong các khanh tận tâm giúp rập cho triều Thiên Thành hơn nữa.

Hết thầy triều quan đều im lặng. Ai cũng cho việc này là muôn khó. Được tình thì thất lý. Được lý lại đoạn tình. Tội ác ba vương đã rành rành. Bận nghịch là tội chém bêu đầu. Nhà vua có lượng tình thì cũng phải lĩnh án tam ban^[87].

Các quan cứ rì rầm bàn tán, mãi không có người nào xuất ban. Nhà vua cũng nóng lòng, lúc thì nhìn Lý Nhân Nghĩa, lúc lại nhìn Lương Nhậm Văn, Lý Đạo Kỳ, Liêu Gia Trung... như là một sự cầu cứu. Mãi lâu sau Lương Nhậm Văn mới xuất ban tâu:

- Thần trộm nghĩ, tội các vương đã rõ rành rành, không thể nào mà che bịt được. Thử hỏi, người trong nước, lúc này còn ai không biết tội các vương. Vì vậy, triều đình dứt khoát phải nghiêm xử.

Lương Nhậm Văn dừng lại nhìn khắp lượt triều quan, xem ý tứ các quan thế nào. Xem ra các quan, ai cũng gật gù tán thưởng. Nhậm Văn lại chú mục vào đức kim thượng, thấy nhà vua mặt ủ buồn, chứ không tươi như lúc ta vừa xuất ban. Lương Nhậm Văn lại cất giọng sang sảng:

- Tội của ba vương đã rõ ràng không có gì phải bàn cãi. Nhưng tội của những người dạy dỗ các vương thì sao? Theo thần, các bà thái hậu sinh ra các vương vì nuông chiều con thái quá, để các vương lộng hành, không thể nói là các bà không có tội. Vì vậy phải hạ phẩm cấp từ hàng thái hậu xuống phu nhân hoặc thực nhân, cung nhân hay nữ nhân, nhũ nhân là tùy các quan nghị bàn và hoàng thượng y chuẩn. Vậy còn các bậc sư phó, tức những người thầy dạy của các hoàng tử thì sao? Thần nhớ, có lần còn sinh thời Thái tổ, người đã cho triệu tất cả các vị sư phó đến dụ rằng: “Ta giao phó các con ta để các ông dạy dỗ cho nên người. Nếu các con ta trở thành người trung hiếu, công các ông lớn lắm. Nếu các con ta hư hỏng hoặc mắc vào vòng lao lý, tội các ông cũng lớn lắm...”. Trong những năm qua triều đình đã tri ân các bậc sư phó, trọng đãi, hậu đãi như thế, Thái tổ vẫn chưa cho là đủ. Thế mà nay ba vương, tức là các học trò của các vị mắc vào tội đại nghịch, chẳng nhẽ các vị lại vô can sao?

Chưa có chứng cứ để nói các vị sư phó là tông phạm, nhưng chuyện rõ ràng rành rành là các vị giáo hoá học trò không thấu đáo phận vua tôi, không đạt tình hiếu để. Dạy học trò trở nên bất trung, bất hiếu mà thầy vẫn nhởn nhơ hưởng lương hưởng lộc sao? Thiết nghĩ triều đình phải thu lại ruộng lộc điền của các ông sư phó này, bãi bỏ cái danh nghĩa sư phó, đuổi về quê quán làm thứ dân, và phải chịu phần lao dịch.

Xem ra phần nghị tội các bà thái hậu và các vị sư phó của Lương Nhậm Văn khiến các quan ai nấy đều có vẻ tâm phục.

Còn về phần các ông hoàng đã phạm tội thì sao? Lương Nhậm Văn lại nhìn các triều quan thấy ai nấy đều có vẻ căng thẳng. Ngay nhà vua cũng bần thần. Thái tông tự nghĩ: Y luận tội các bà thái hậu, các ông sư phó, rồi y đưa ra cách xử rất công minh, không ai có thể bắt bẻ. Nếu như bây giờ, y lại buộc các vương vào tội đại nghịch mà xử thì sao? Kể cũng khó mà bác được y. đành rằng, ta có thể dùng quyền tối hậu mà

phán xét. Nhưng đó là chuyện thể bất đắc dĩ.

- Còn tội của tam vương thì sao? – Lương Nhậm Văn cao giọng hỏi: – Vũ Đức vương đã thọ án chém. Việc ấy là xứng đáng. Thần xin bệ hạ sớm ban thưởng cho Vũ vệ tướng quân Lê Phụng Hiếu để khuyến khích người trung dũng.

Đối với Dực Thánh vương và Đông Chinh vương tội đáng bêu đầu nhưng các bà thái hậu, các ông sư phó đã đồng chịu tội nên có thể giảm bớt bằng cách tha cho sinh mạng, nhưng từ nay không được phép lập phủ binh nữa, nhằm tránh hậu họa.

Dám xin bệ hạ minh xét. Nói xong Lương Nhậm Văn vái nhà vua hai vái, quay vái các đồng liệt một vái rồi lui về chỗ.

Các quan đều cho cao kiến của Lương Nhậm Văn là thấu tình đạt lý. Đành rằng cho các vương hưởng án ấy là quá nương tay. Nhưng như nhà vua đã nói, ngài không muốn buổi khai triều của thời đại Thiên Thành, lại cũng là buổi khai đao với mấy người anh em ruột thịt.

Về phần nhà vua, thật ngoài tầm mong đợi của ngài. Vừa không mang tiếng giết người đồng tông, vừa không thả lỏng kỷ cương pháp độ, lại vừa ngăn lấp hậu họa.

Vua Thái tông đưa hai tay sửa lại cái mũ bình thiên cho ngay ngắn, mà nó vốn đã ngay ngắn. Sửa lại nếp áo long bào, thả vạt trước cho phủ kín cả đôi hia, tay cầm chiếc kim hốt giơ cao, vua phán:

- Ta thấy những lời phân giải của Lương Nhậm Văn là hữu lý, hữu tình. Theo ta, không còn cách nào tốt hơn thế. Nếu các quan không có ai phản bác thì ta y chuẩn.

Dưới sân rồng các quan đều hô to:

- Thiên tuế! Thiên tuế! Thiên thiên tuế!

Lời hô ấy có nghĩa là mọi người đã đồng tâm nhất trí.

Vua lại nói, ta muốn nhân cơ hội này để chấn chỉnh nội các. Vậy các khanh tự nghĩ, ai xứng chức nào được tự mình đề xuất, hoặc đề xuất cho người khác. Nhưng phải công tâm, phải chịu trách nhiệm về các việc đề cử ấy, tức là phải có bảo cử. Ai vì tham lam hoặc kéo bè kết cánh một cách xằng bậy mà đẩy nhau lên, xét tài đức đều không xứng chức, tất bị biếm, bị bãi. Việc này phiên châu sau, ta sẽ quyết. Vua phẩy chiếc kim hốt và phán:

- Bãi châu!

Thái tổ bằng nhưng chưa chọn được ngày lành để an táng nên vẫn quàn tại điện Long An.

Việc làm lễ chiêu tịch điện^[88] do các nhà sư đảm nhiệm cúng kiếng. Một tuần làm lễ cầu siêu một lần, do các bậc cao tăng và các đạo sĩ cùng lên đàn tràng. Nhà vua chỉ có mặt những lúc cần thiết vào các ngày cầu siêu. Việc triều chính vẫn diễn ra bình thường.

Vừa lên ngôi, vua bèn xuống chiếu đại xá thiên hạ. Tôn mẹ là Lê thị làm Linh hiền thái hậu. Lại cũng theo tiên đế, cùng lúc lập bảy hoàng hậu. Cho cha sinh hoàng hậu họ Mai là Mai Trọng Hựu làm An quốc thượng tướng, cha sinh hoàng hậu họ Vương là Vương Đổ làm Phụ quốc thượng tướng, cha sinh hoàng hậu họ Đinh là Đinh Ngô Thượng làm Khương quốc thượng tướng. Đây chỉ là các hư chức nhằm tôn vinh các vị quốc trưởng đang còn tại thế để cho ăn lộc, chứ không có thực quyền.

Công việc triều chính thật là bề bộn. Vua vừa về quê hương Dịch Bảng khánh thành nhà Thái miếu và miếu Thái tổ. Trở lại Thăng Long chưa kịp tra xét công việc, đã có tin báo người man ở châu Chân Đẳng mưu làm phản.

Để phen giậu nơi biên ải được chắc chắn, năm trước vua lên tuần thú châu Lạng có vời đầu mục Thân Thiệu Thái đến phủ dụ.

Họ Thân vây cánh trùm phủ khắp vùng lại là nhà hào phú hay phóng tài hoá thu nhân tâm. Gặp những năm mất mùa, đói kém, Thiệu Thái thường xuất lúa gạo ra cứu giúp người dân trong vùng. Vì thế dân rất kính nể, có thể nói nhất hô bá ứng. Người dân ở vùng này phần đông biết họ Thân hơn là biết đến triều đình. Vì thế, vua Thái tông muốn thu phục họ này để kết làm vây cánh, thêm sức mạnh cho vùng biên ải, cũng tức là thêm sức mạnh cho triều đình.

Do đấy, nhà vua bèn dụ Thân Thiệu Thái về triều, cho đi thăm thú cảnh đẹp Thăng Long. Đêm đêm nhà vua thết yến tại điện Tập Hiền, tại thềm Đan Trì. Cũng có đêm yến tiệc được bày tại vườn Thượng uyển. Cung nữ từng bày múa hát, nhạc thiều réo rắt khiến Thân Thiệu Thái tưởng như mình đang lạc vào xứ sở của thần tiên. Mặt ngậy ra nhìn bày vũ nữ, tai chập ứ tiếng ti tiếng trúc. Bốn phương tám hướng, hương nào cũng ngậy ngát hương thơm. Còn hoa thì lấp lánh đủ màu dưới ánh sáng lung linh của hàng ngàn ngọn đèn lồng, nom tựa một trời sao. Thân Thiệu Thái thầm so sánh: Ta làm chủ một vùng, giàu có, thần thế, quân quyền, tưởng đã là tột đỉnh vinh hoa phú quý, nhưng về tới Thăng Long, về tới triều đình, ta chẳng là cái gì cả.

Hết yến tiệc đến vũ nữ, mỹ nữ cái gì Thân Thiệu Thái cũng được vua cho thưởng thức. Cuộc đời như thế này, tưởng đã đến cùng xa cực xỉ. Nay Thái lại được đi xem duyệt mấy đô quân. Nào kỵ binh, nào thủy binh, nào tượng binh, cơ nào đội ấy uy nghi, nghiêm chỉnh. Cờ hiệu, kèn trống, lệnh truyền tiến lui nhất nhất tề chỉnh, khiến Thân Thiệu Thái phải tâm phục. Vua lại cho Thái xem đội quân thần nỏ.

Nom đội quân thần nỏ của thiên tử diễu võ dương oai quanh trường bắn, Thái nghĩ thầm: – Nhà vua uy hiếp mình đây. Ta có thua triều đình, chỉ thua về thủy binh, kỵ binh, tượng binh thôi. Còn như cung nỏ, sao thiện xạ bằng quân của ta được.

Một trăm cung thủ với mười tám bia. Mỗi đợt có mười cung thủ tham dự. Các cung thủ nom còn rất trẻ, môi đỏ như tô son, má đậm lông tơ, da săn chắc, bắp thịt tròn lẳn. Mỗi chàng đóng một chiếc khố vải màu thanh cát. Vai nở, ngực to, bụng lẳn, mông tròn nom các chàng xạ thủ có dáng dấp như những con ngựa chiến nòi Hồ. Mỗi cung thủ đeo trên vai một cây cung và một giỏ tên có ba mũi tên đánh dấu nhất, nhị, tam.

Dứt ba hồi chín tiếng trống thì các cung thủ đã đứng vào bệ bắn. Khoảng cách từ bệ bắn tới bia là một trăm năm mươi bộ. Trên đài cao điểm một tiếng trống. Các cung thủ lấp tên vào ỗ. Sang tiếng trống thứ hai, nhất loạt giương cung. Tiếng trống thứ ba vừa điểm, nghe phụt một tiếng gió. Cùng một lúc mười mũi tên dàn hàng ngang vun vút lao đi như mười cánh én, rồi cùng cắm phập vào mười tám bia.

Sau ba lần bắn thì viên đô úy coi sóc trường bắn dẫn Thân Thiệu Thái lần lượt đi xem từng tám bia một. Điều làm cho viên đầu mục xứ Lạng châu này kinh ngạc là không có một mũi tên nào bay lạc hướng.

Tất cả các bia, cả ba mũi tên đều chụm quanh hồng tâm. Nghĩa là tên cắm ở các vòng từ số bảy đến số mười. Có tới ba bia, cả ba mũi tên đều xuyên đúng hồng tâm.

Sau mười loạt bắn, Thân Thiệu Thái đều được mời đi kiểm xét kết quả trên bia đã khiến họ Thân phải tâm phục đội thần nể của triều đình.

Viên đô úy coi sóc trường bắn, đang định mời Thân Thiệu Thái vào nhà tân khách thì nghe có tiếng vó ngựa dồn dập phía cổng ngoài. Vừa ló ra, đã thấy một đoàn người ngựa dừng lại trước sân.

Viên tùy long vội vào bẩm:

- Hoàng thượng giá lâm!

Viên đô úy và mọi người tới trước ngựa nhà vua cúi lạy:

- Hoàng thượng tha tội, lũ thần chưa kịp làm lễ cung nghinh.

- Miễn lễ. – Vua vừa nói vừa xuống ngựa.

Viên mã phu vội đón lấy dây cương rồi dẫn ngựa vào tàu cho ăn uống.

Sau vua là công chúa Bình Dương. Bữa nay công chúa phục trang thật là giản dị. Một dải khăn lụa màu hồng, điểm những viên kim cương lấp lánh ánh sáng bảy sắc cầu vồng, chít ngang mái tóc thề đen như mực, buông xoã trên bờ vai. Công chúa có vẻ đẹp khác thường. Nàng hồn nhiên, khoẻ khoắn. Cặp mắt tròn như mắt nai, nhưng tinh anh như mắt bồ câu chứ không ngơ ngác. Gương mặt hơi tròn, chiếc mũi thẳng thanh tú, miệng nhỏ xinh xinh, cặp môi đỏ mọng, hai hàm răng nhỏ đều tăm tắp, trắng muốt. Mỗi khi nàng nhoẻn cười hàm răng loá sáng, khiến gương mặt tươi như một đoá hồng hàm tiếu. Nàng có nước da trắng và mịn làm sao. Thật chẳng có gì so sánh được. Trứng gà bóc ư. Làm gì có màu trắng mịn phơn phớt hồng như cặp má kia của nàng. Công chúa có dáng người cao, thon thả. Đôi tay dài, các ngón thon như những búp măng. Hai cổ tay đeo đôi vòng ngọc bích. Cái màu xanh kỳ ảo của ngọc như tôn lên vẻ đẹp của cổ tay, của bàn tay người con gái sinh ra từ nơi cung cấm. Công chúa vận chiếc áo dài lụa bạch. Trước ngực thêu đôi chim phượng múa. Nơi mắt phượng, mào phượng và ở các sắc lông cánh dát li ti hàng trăm viên kim cương. Chiếc áo rộng được thắt hờ một chiếc đai nạm đầy ngọc quý khiến thân hình thon thon đầy đặn. Nơi cổ công chúa đeo chiếc vòng vàng mảnh mai nạm hồng ngọc, sắc ngọc hồng ánh lên làm gương mặt công chúa lúc nào cũng có vẻ hồng hào. Đôi bàn chân nhỏ nhắn của công chúa xỏ hờ vào cặp hài nhung màu huyết dụ, rắc loáng thoáng mấy hạt kim cương. Mỗi bước đi uyển chuyển, kim cương nơi mũi hài hút nắng lại loá lên như những ánh sao rơi.

Đi sau công chúa là đô thống thượng tướng quân Lê Phụng Hiếu. Sau nữa là đô Sấn. Hai viên quan cận vệ của nhà vua.

Thấy mười tấm bia và các mũi tên còn chụm trên từng bia, vua hỏi viên Đô úy:

- Chẳng hay những ai vừa bắn kia?

- Tâu bệ hạ, đó là các cung thủ trong đội quân thần nể của thiên tử, vừa thi triển cho châu mục Lạng Châu xem đấy ạ.

Vua Thái tông nở nụ cười thân mật hỏi Thân Thiệu Thái:

- Khanh thấy quân cung nỏ của trẫm thế nào?

- Muôn tâu, thật là những vị thần nể.

- Trẫm muốn được mục kích tài “bách bộ xuyên dương” của khanh. Nhà vua lại cười: – Ta nghe đồn khi khanh đã giương cung thì không một con thú nào chạy thoát.

- Đô úy đâu! Vua gọi. – Đem cung tên lại đây hầu Thân châu mục.

Lập tức cung tên được đưa tới. Đích thân nhà vua trao cung tên vào tay Thân Thiệu Thái.

Thân Thiệu Thái cúi đầu vái nhà vua hai vái rồi đỡ lấy cung, tên.

Thái không đứng vào bệ bắn mà đứng cách xa bệ chừng năm mươi bộ nữa. Như thế có nghĩa là Thân Thiệu Thái chấp các cung thủ trong đội thần nể của triều đình năm mươi bộ. Y chọn một mũi tên có đuôi màu đỏ, lắp tên giương cung bắn vào một tấm bia mà ba mũi tên đã chen chúc trong hồng tâm. Dây cung vừa bật nhẹ, chỉ thấy tiếng gió rít, mũi tên có cái đuôi đỏ đang rung rung trên tấm bia. Mọi người vỗ tay reo hò cổ vũ. Thân Thiệu Thái vừa cảm động vừa tự phụ, y lắp một mũi tên khác toan bắn tiếp. Công chúa

Bình Dương khẽ nhún chân nhảy một bước đến cạnh Thân Thiệu Thái. Nàng cầm lấy cây cung từ tay họ Thân, và chọn một mũi tên khác có đuôi màu cánh trả. Lắp tên, giương cung và tách một tiếng. Mũi tên cũng lao đi như mọi mũi tên của các cung thủ khác. Ai nấy hò reo tưởng đến vỡ trời. Tất cả cùng ủa chạy tới xem bia. Mũi tên của Thân Thiệu Thái nằm chen giữa ba mũi tên trong hồng tâm. Còn mũi tên màu cánh trả của công chúa thì chệch đôi cuống tên của họ Thân và nằm kẹp chặt trong đó, đuôi tên màu cánh trả vẫn còn rung rung trong gió.

Thân Thiệu Thái từ lúc nom thấy dung nhan công chúa đã như người bị hút hồn, nay thấy tài thần tiễn của nàng, chàng như người mất cả hồn vía. Đến trước công chúa, Thân Thiệu Thái xá một xá rồi quỳ xuống lạy nàng hai lạy.

Công chúa ngạc nhiên đỡ người đàn ông lạ mặt mà vua cha tỏ vẻ ưu ái này, nàng đáp lại một xá.

Từ lâu, Thân Thiệu Thái và cánh họ Thân trên Lạng Châu vẫn tự phụ tài thiện chiến của họ, binh triều đình không thể so bì được. Đến như binh nước đại Tống, đôi khi tràn sang cướp phá mùa màng hoặc bắt trộm trâu bò, còn bị gia binh của họ Thân đánh cho tơi bời. Xong việc, Thái cử người sang trách cứ và đòi bồi thường thiệt hại. Các quan binh Tống triều muốn cầu hoà, nên cứ phải nén giận bồi hoàn.

Nay tận mắt thấy các sắc binh của triều đình, loại nào cũng hùng mạnh như binh tướng nhà trời cả. Ngay chuyện cung nỏ, xưa nay người man vẫn coi thường tài thiện xạ của người xuôi, thế mà công chúa, liễu yếu đào tơ cũng làm cho ta phải bẽ mặt. Lại còn Lê Phụng Hiếu, nom ông ta quả là một dũng tướng. Chỉ nửa bước ngựa đã chém bay đầu Vũ Đức vương. Vũ Đức vương tiếng đồn dậy Châu Lạng, rằng hoàng tử đích thị là một cao thủ võ lâm. Thế mà... Càng nghĩ, Thân Thiệu Thái càng tâm phục nhà vua, tâm phục triều đình và các tướng sĩ tài giỏi của người.

Vua Lý Thái tông đưa tay rút nhẹ hai mũi tên kẹp vào nhau của công chúa Bình Dương và châu mục Lạng Châu Thân Thiệu Thái. Nhà vua sai lấy vuông lụa bạch gói lại rồi đưa về cung.

Đêm ấy, sau tiệc yến, vua cho triệu Thân Thiệu Thái vào cung Long Đức. Vua hỏi han tình hình biên ải. Và binh dân nhà Tống còn quấy nhiễu bên ta không. Lại hỏi mấy ngày về Thăng Long có làm cho Thân Thiệu Thái hài lòng không. Thân Thiệu Thái nói không sót một điều gì. Cuối cùng Thái bày tỏ:

- Bệ hạ! Nếu thần không về Thăng Long thì nhân giới của thần còn hẹp lắm. Thần đội ơn bệ hạ. Bệ hạ cứ tin ở thần, trao việc gì thần xin hết lòng trung với bệ hạ.

- Vậy thì nghe ta nói đây. Nhà vua mỉm cười nhìn Thân Thiệu Thái với tất cả sự tin tưởng và hào hứng:
- Ta cho khanh thu hết tô thuế đồng ruộng và rừng cây toàn Châu Lạng mà không phải nộp về triều nữa.

- Đội ơn bệ hạ, cho thần nhiều thế.

Thật ra thì từ trước tới nay, triều đình cũng chẳng thu được một xu thuế nào ở Lạng Châu. Bởi các đầu mục tróc nã được của dân đến đâu, lại ăn tiêu xa xỉ đến đấy. Thà rằng ta cho họ cái mà ta không lấy được để họ phải chịu ơn ta. Nhà vua nghĩ vậy và hào phóng thi ân cho châu mục Thân Thiệu Thái khoản tô thuế kénh xù. Thái sung sướng ra mặt.

- Nhưng khanh phải thay ta làm mấy việc, nhà vua nhắc lại.

- Bệ hạ cứ giao cả trăm việc thần cũng làm được mà. Bệ hạ nói đi.

- Việc thứ nhất, khanh phải khoan thư để dân có thể sống được. Làm sao trong dân không còn người nào phải chịu đói nữa. Nếu đói, dân sẽ tự nhau đi cướp bóc, làm loạn xã hội. Để dân phải làm loạn thì của nả của khanh khó mà giữ được nữa. Việc thứ hai, khanh phải lập lấy một đội binh mạnh, phối hợp với binh của triều đình giữ gìn biên cương cho thật chắc. Một tấc đất của ta cũng không để lọt vào tay người Tống được.

Việc thứ ba, ta sẽ gả công chúa Bình Dương cho người. Vua Thái tông ngừng lời để dò xem ý tứ của họ Thân.

Quả nhiên Thân Thiệu Thái không còn tin ở tai mình nữa. Mắt y nhìn nhà vua như lờ ra, giọng run run y phủ phục dưới chân nhà vua hỏi lại:

- Bệ hạ! Bệ hạ nói gì thần không hiểu được nữa rồi.

- Ta nói, ta gả công chúa, con ta cho người. Vậy chứ người nghe rõ chưa?

- Thần nghe rõ rồi ạ. Tâu, có phải cái cô bắn mũi tên ban chiều không ạ?

Thái tông quay lại phía sau kỷ, với lấy vương lụa bạch. Ngài mở ra. Hai mũi tên vẫn còn ôm xiết lấy nhau giữa hai màu đỏ và xanh cánh trả. Vua lại nói:

- Đây là duyên trời xe cho khanh cùng công chúa.

- Bệ hạ! Nhưng mà thần đã có vợ rồi. Lại có một thằng con be bé thế này này. Vừa nói y vừa dư dư bàn tay làm cỡ chiều cao một đứa bé vài ba tuổi.

- Sao ta không biết điều đó. Một người có thể lấy nhiều vợ. Khanh có mấy vợ rồi?

- Thần mới lấy một vợ thôi. Bệ hạ, cô công chúa bắn cung giỏi quá, thần sợ đấy. Mà cô ấy cũng còn be bé mà.

Nhà vua cười vỡ ra. Sự thật vua rất vui vì tính hồn nhiên chân thật của họ Thần. Vua an ủi:

- Ta gả công chúa cho người. Vì công chúa là ngọc diệp kim chi, dù có lấy sau người vợ trước của người, vẫn phải coi là chính thất. Nhưng quả là công chúa còn nhỏ tuổi. Sang năm mới đến tuổi trăng tròn. Vậy sang năm nữa, khi công chúa tròn mười sáu tuổi, triều đình sẽ cho người làm lễ vu quy với công chúa.

Người còn muốn lưu lại Thăng Long bao lâu nữa, muốn thăm thú những nơi nào nữa, muốn mua sắm cái gì cứ nói, nội thị sẽ lo tất cả cho người.

- Tâu bệ hạ, thần chỉ muốn về lại Lạng Châu thôi. Thần nhớ nhà, nhớ vợ con lắm rồi.

- Vậy thời ta sẽ cho người về sớm. Người đã nhớ các việc ta dặn cần phải làm ngay không.

- Tâu, thần nhớ ạ. Bệ hạ giao cho thần làm ba việc. Không để dân đói. Giữ biên cương không để mất một tấc đất. Đúng rồi, thần chỉ phải làm hai việc ấy thôi. Còn việc thứ ba thì bệ hạ phải làm chứ. Tâu, bệ hạ gả công chúa cho thần là việc thứ ba. Việc ấy bệ hạ phải làm chứ, thần không làm được đâu.

- Ôi cái thằng man này chỉ khéo dại ăn người! Nhà vua kêu lên như vậy trong tiếng cười độ lượng.

Lại nói đến Khai Quốc vương tức hoàng tử Bồ được vua cha cho trị nhậm phủ Trường Yên từ tháng sáu năm Quý sửu, tới nay kể đã mười lăm năm. Khai Quốc vương là người có tư chất thông minh từ nhỏ. Học đâu nhớ đấy, nhưng không thiên trọng nghiệp văn. Càng lớn, hoàng tử càng muốn tìm kết thân với các bậc hào kiệt trong thiên hạ. Lại thích giao du với các cao thủ võ lâm, và thường tổ chức giao đấu giữa các môn phái để tìm ra các bậc siêu tuyệt, trước là để đo sức mình với thiên hạ, sau đó là chiêu tập về tụ dưới trướng, vừa để tăng sức mạnh, vừa để tăng vây cánh.

Ít lâu nay, các hoàng tử Đông Chinh vương, Dực Thánh vương, Vũ Đức vương thường hay đi lại thăm viếng phủ Trường Yên, và cũng có đôi lần Khai Quốc vương về Thăng Long đáp lễ.

Dò xét ý tứ, thấy con đường mình đã ngầm chọn với cao vọng của các vương xem ra không hợp nhau. Khai Thiên vương đã tỏ lộ cái mầm vương đạo, nên được vua cha chọn lập từ sớm. Ta được xem như một kẻ ương gàn, nên vua cha đuổi ra Trường Yên trấn trị. Chính cư sĩ Đinh Thành xui ta xin vua cha cho ra Trường Yên. Ngày đó còn nhỏ tuổi, đôi lúc nhớ kinh thành, nhớ mẫu hậu, nhớ nhũ mẫu nên nhiều lúc ta cứ oán vua cha đẩy đi miền sơn cước. Nhưng lớn lên, ta ý thức được đây là miền đất thủ hiểm vô song. Chính Đinh Tiên Hoàng nhờ đất này mà nên nghiệp đế. Đúng là trong họa có phúc. Vì vậy ta đã không ngừng chinh bị binh lực, và đã rèn luyện trong tay có một đội tinh binh vào hàng xuất quỷ nhập thần. Lại nữa, các cao thủ võ lâm trong vùng đều một lòng quy phục. Chỉ cần ta hô một tiếng, lập tức các anh hùng, hảo hán sẽ nhanh chóng tới châu.

Sẵn có sức mạnh về binh lực, lại có cả uy lực, và võ công của bản thân Khai Quốc vương cũng vào hàng thượng thặng, kết hợp với tính hiếu thắng và cả hiếu kỳ nữa, nên vương đã cùng với bọn bộ hạ mặc các đồ giả trang, đeo mặt nạ của các loài ma quỷ đón đường cướp bóc khách thương, hoặc xông vào các làng gây nhiễu loạn cho các nhà giàu có.

Các xã quan, hoặc châu, quận tâu lên các việc vừa xảy ra, thì lập tức vương sai họ phải tìm ra manh mối, bắt kẻ đầu sỏ giao nộp; nếu không sẽ bị trừng trị. Thế là các chức dịch thấy đều sợ hãi, không dám tâu báo về phủ hoặc về triều đình. Thật ra thì cả người dân lẫn chức dịch đều biết Khai Quốc vương là kẻ ném đá giấu tay. Nên không có một ai đại gì mà tố giác. Từ đó, Khai Quốc vương mặc sức hoành hành trong giới lục lâm. Nhưng các việc đó chỉ diễn ra vào ban đêm, và cũng chỉ xảy ra mang tính nhất thời, còn ban ngày thì luật pháp vẫn được nghiêm giữ. Thăng có kẻ nào dùng quyền thế, dùng sức mạnh mà uy hiếp hoặc đè nén, cướp bóc kẻ yếu, sự việc được phát giác thì Khai Quốc vương trị tội rất nặng. Thành thử dân chúng và cả quan lại trong phủ Trường Yên, vừa tin sợ vương lại vừa nghi ngờ vương, đôi khi oán vương.

Được tin vua cha vừa băng, các vương ở Thăng Long đang nổi loạn, Khai Quốc vương bèn họp tả hữu. Vương nói:

- Tiên đế vừa băng. Ngôi nước đã lập. Đông cung chưa kịp tức vị thì các vương đã nổi lên tranh cướp ngôi báu. Ta ở xa Thăng Long. Và ta cũng biết việc này thế tất sẽ xảy ra, nhưng ta không tham dự. Đất nước hẳn lại phân ly như thời tiền Đinh mà thôi.

Nay thời cơ đã đến. Trong lúc các vương còn mải tranh chấp ngôi trời, không phòng bị, ta định nhân cơ hội tiến binh để mở mang cương thổ, chẳng hay ý các ông thế nào?

Hai viên tả hữu vũ vệ cùng xuất ban xin nói. Nom hai viên tướng oai phong凛冽, mặc dù họ không mang theo binh khí, không mặc nhung phục, Khai Quốc vương có vẻ bằng lòng lắm. Thuận tay, vương chỉ vào viên tả vũ vệ:

- Tướng quân nói thử ta nghe.

Tả vũ vệ Đinh Trọng Toán năm nay ba mươi hai tuổi, vốn là một tay thợ săn nổi tiếng, vừa có tài thiện xạ, vừa có sức khoẻ hơn người. Nhưng nổi tiếng nhất là lần y tay không đánh chết con gấu ngựa, khi con vật này nhảy chồm lên định cướp đồ ong mật trên tay Trọng Toán giữa một khu rừng rậm.

Đinh Trọng Toán đứng thẳng người, tay đưa lên vuốt nếp áo, rồi vuốt nhẹ một bên hông, theo thói quen

của một võ tướng thường hay rờ vào chuôi kiếm đeo ở bên sườn. Đoạn y nói:

- Bẩm đại vương, đại vương như con cá kình bị hãm nơi đầm ngòi chật hẹp không thể vẫy vùng cựa cựa; nay nước tràn, đề võ thì đâu cũng là biển cả, không nhân cơ hội này mà dẫn lên, thử hỏi đại vương còn chờ chi nữa?

Khai Quốc vương gật gật mái đầu đen nhức, tỏ vẻ hài lòng về viên bộ tướng. Vương lại hỏi:

- Người bảo ta dẫn lên là dẫn lên cái gì? Người nói rõ ta nghe.

- Tâu, dẫn lên tức là đánh thôi. Dem quân toả ra bốn phía mà mở mang cương thổ. Nếu các vương, mỗi vương hùng cứ một phương thì ai có nhiều đất, nhiều dân hơn thì người ấy làm bá chủ thiên hạ. Trọng Toán ngừng lời, nhìn thẳng về phía Khai Quốc vương, y nhấn mạnh: – Cái chí của đại vương chẳng phải thế sao?

Khai Quốc vương không đáp lời Đinh Trọng Toán, mà quay về phía hữu vũ vệ Nguyễn Quang Nhường, vương nói:

- Ta muốn nghe cao ý của tướng quân.

Nguyễn Quang Nhường liền đứng phắt dậy, vái Khai Quốc vương hai vái:

- Bẩm đại vương, nếu đại vương thấy việc nên làm, phải cấp kỳ làm ngay, không do dự; do dự là thời cơ qua đi, sẽ hỏng cả đại sự. Về ngập ngừng nửa muốn nói tiếp nửa lại e ngại.

Thoáng Khai Quốc vương đã đoán biết tới tám chín phần tâm trạng của Nhường, vương liền giục:

- Tướng quân cứ nói thẳng ý nghĩ của mình. Đây là lúc luận bàn, ta muốn nghe các người nói đúng điều các người nghĩ, phải trái mặc lòng, không ai bắt bẻ.

Thấy chủ tướng mở lòng, Nguyễn Quang Nhường lại tiếp:

- Tâu đại vương, đúng như ý của quan tả vũ vệ, ai chiếm được nhiều đất, nhiều dân, người đó sẽ nắm phần ưu thắng, sẽ làm bá trong thiên hạ. Theo thiên ý của thần, đại vương không nên kéo binh về kinh sư.

- Tại sao không đem binh về kinh sư? – Khai Quốc vương chẹn ngang bằng một câu hỏi.

Nguyễn Quang Nhường nhìn thẳng vào chủ tướng, lại nhìn vào đám quần hùng và mưu sĩ, đoạn thông thả nói:

- Dem binh về kinh sư có hai điều thất lợi: Thứ nhất là công nhiên chống lại triều đình. Dù ngôi tôn thuộc về ai thì lập tức người ấy cũng cho đại vương là làm phản. Đại vương không thể biện minh với ai được.

Điều thất lợi thứ hai là binh của đại vương sao hùng hậu bằng binh của triều đình. Vạn nhất mà xảy ra huyết chiến, đại vương có nắm chắc phần thắng về mình không, có bảo toàn được binh lực không?

Trái lại, bây giờ đại vương tản binh ra tứ phía mà chiếm đất, có khác chi đi vào chỗ không người. Bởi tình binh đã tập hợp hết về triều, còn lại đám dân binh sao dám đương đầu với đại vương. Thế là đại vương dùng sức quân nhàn rồi mà vẫn mở mang được cương thổ. Việc ấy, xưa nay ít người làm được lắm. Nói xong Nguyễn Quang Nhường vái Khai Quốc vương hai vái rồi lui về ban.

- Tướng quân nói rất hợp ý ta! – Khai Quốc vương khen. Vậy thời bên văn ban các ông có ý gì khác không. Nói xong, Khai Quốc vương nhìn khắp mấy người giúp rập mà vương thường coi là mưu sĩ, nhưng không thấy một ai nhúc nhích. Chợt thầy đồ Lương Thúc Bằng nắn lại chiếc khăn lượt, sửa lại hàng khuy áo, rồi đứng dậy vái Khai Quốc vương một vái và nói:

- Lương Thúc tôi xin có nhời.

- Ấy chết, sao sư phụ lại xử thế làm ta trở thành kẻ thất lễ với thầy. Dạ xin thầy cho nghe cao ý.

- Thần không thể không nói, bởi chưng đức Thuận Thiên đã giao phó cho thần giáo hoá hoàng tử biết biện biệt những điều phải quấy. Nay đức tiên đế vừa băng, việc tang chưa đâu vào đâu, các hoàng huynh, hoàng đệ đã nổi dậy tranh cướp ngôi trời. Nay đại vương lại đưa quân đi chiếm đất, thiết tưởng việc ấy không hợp với đạo Trời và cả lẽ người nữa.

Bản khoản giấy lát, Lương Thúc Bằng lại nói: – Nếu hoàng tử quyết làm việc này, Lương Thúc tôi xin liều chết mà nói rằng, ngài đã phạm vào tội bất mục đối với các vương huynh, vương đệ; còn đối với tiên đế, ngài phạm tội đại bất hiếu, dám xin vương nghĩ lại.

Càng nghe viên sư phó nói, Khai Quốc vương càng thấy bức bối, khó chịu, mặt hoàng tử đỏ phừng

phường, nếu không kìm nén, ắt đã có hành vi thất lễ với người thầy học.

Vái thêm một vái – xin vương đại xá, rồi Lương Thúc ngồi xuống ghế. Cái dáng ông vẫn không không của một người lớn tuổi.

- Còn ai can nữa thì nói mau đi! – Bồng Khai Quốc vương nói như người hét: – Ta đang muốn nghe đây!

Lại một vị sư phó nữa đứng lên. Ông này trẻ hơn, tuổi ngoại tứ tuần, dáng người to khỏe, giọng nói oang oang. Ông được triệu vào phủ Trường Yên để dạy hoàng tử về các môn thiên văn, địa lý. Vái hoàng tử một vái, ông nói luôn:

- Tôi không nghĩ như Lương tiên ông. Theo tôi, hiểu là ở trong lòng, mục là ở trong lòng. Nay các vương kia ở gần kề tiên đế, kíp khi tiên đế vừa băng, triều đình còn chưa kịp phát tang, trong ngoài còn chưa hay biết mà các vương đã khởi sự. Thử hỏi các vương kia có nghĩ đến hiếu, đến mục không. Nay thời cơ đến mà không tóm lấy ngay, e rằng tới ngày nào đó thầy trò lại không có chỗ nương thân. Theo thiên ý của thần, nếu hoàng tử thấy việc thuận thì cứ làm liền đi, kéo rồi lại hối không kịp. Sư phó Nguyễn Thiếu Kiệt nói xong vái Khai Quốc vương một vái, ông ngồi xuống nở nụ cười mãn nguyện, như tự tưởng thưởng cho cao ý của chính mình.

Tranh cãi râm ran mãi, người nói “nên”, người nói “không nên”, nhưng tựu trung “phe chiến” đông hơn “phe hoà”.

Khai Quốc vương lại một lần nữa gắng hỏi:

- Các ông có ai còn ý gì nói nốt ta nghe.

Cư sĩ Đình Thành từ nãy vẫn lắng nghe mọi người nói. Ông thấy có nhiều điều hợp với ý ông. Nhất là ý tưởng của hai viên tả hữu vũ vệ. Thật ra đó là bài bản mà ông đã bày xếp. Chính ông gà cho hoàng tử xin với vua Thuận Thiên để về trấn tại đất này. Nay thời cơ đến nhẽ ra ông phải là người đứng lên phất cờ chứ. Thế mà Khai Quốc vương đã quên khuấy cái việc vì sao vương được về đất này rồi.

Sự thế thế này, có nhẽ ta cũng phải quên ngay cái công ta khơi mào, nếu không trước sau rồi cũng mang hoạ vào thân. Nghĩ vậy, Đình Thành lại nhìn ông sư phó, tức thầy đồ Lương Thúc Bằng đang ngồi bó gối ở góc kia. Gương mặt ông ta an nhiên bình thản như mặt nước hồ thu, mặc dù ông ta vừa tấp vào mặt Khai Quốc vương những lời búa bổ. Ta chắc chẳng bao lâu nữa rồi ông ta cũng được mời khéo về quê. Nhưng quả thật ông ta là người có nhân cách cao, trong đám các ông thầy và đám mưu sĩ tại phủ Khai Quốc vương này.

Không ai nói nữa, Khai Quốc vương đi đến quyết sách:

- Theo ta, phải đánh cấp kỳ ba mặt đông, tây, nam. Còn bắc án binh bất động.

Các tướng nhao nhao hỏi:

- Sao đại vương lại kiêng mặt bắc?

- Thì đánh chó phải ngó chủ chứ. Các người không biết mặt bắc là mặt tiếp cận với Thăng Long sao. Ở đây, các vương huynh, vương đệ của ta đang tranh chấp. Vả lại phương ngôn có câu “ăn tìm đến, đánh nhau tìm đi” kia mà. Vậy các tướng hãy nghe ta nói đây.

Khai Quốc vương đồng dục tuyên lệnh:

- Tả vũ vệ Đình Trọng Toán, lĩnh một ngàn quân tiến về mặt đông.

- Hữu vũ vệ Nguyễn Quang Nhường, lĩnh một ngàn quân tiến về phía nam.

- Đô thống Lý Khôi Nguyên, lĩnh một ngàn quân tiến về phía tây.

- Các tướng nghe kỹ điều ta dặn đây! Các người phải tìm mọi cách tâm phục bộn đầu lĩnh để chúng đầu hàng, tránh mọi sự đổ máu. Sau khi chiêu vỗ xong, lại cho ở nguyên chức cũ, bổng lộc giữ nguyên không suy suyển. Cấm ngặt việc xua quân vào thôn ấp cướp của, giết người gây xáo trộn nhân tâm. Bởi cái đích của ta là mở mang cương giới, cho nên việc chiêu an không được xem thường. Kẻ nào trái lệnh, ta cho các tướng được quyền chém trước, tâu sau.

Các tướng cứ vững lòng tiến quân, đích thân ta trọng trấn Trường Yên và nghe ngóng động tĩnh từ Thăng Long, chờ các tướng báo tiếp về.

Một phát pháo hiệu nổ vang. Các tướng lần lượt dẫn quân ra khỏi cửa thành.

Khai Quốc vương vừa quay vào nơi trưởng hổ thì có sứ từ Thăng Long về cấp báo: “Ba vương nổi loạn. Vũ Đức vương, Dực Thánh vương phục quân cửa tây, đón giết thái tử vào cung. Nhưng thái tử lại đi cửa đông. Lê Phụng Hiếu đem quân ra nghênh chiến. Chưa giao đấu được hiệp nào Vũ Đức vương đã bị Lê Phụng Hiếu chém bay thủ cấp. Phủ binh của các vương tan tác. Đông Chinh vương, Dực Thánh vương đầu trần, chân đất đứng sau cửa khuyết xin hàng. Thăng Long đã yên trở lại”.

Khai Quốc vương tâm trạng rối bời. Thế chân vạc không còn nữa, ta biết tính sao đây. Quân vừa ra khỏi thành, vị tất đã gọi được chúng về. Lỡ triều đình đem binh đến chiêu an thì sao. Về với Phật Mã hay chống lại Phật Mã đây?

Phật Mã là đương kim thiên tử. Chống lại Phật Mã là chống lại triều đình.

Ta nhân danh gì để chống lại Phật Mã? – Hỏi tội Phật Mã giết hại anh em ư? Không được. Vũ Đức nổi loạn. Tam vương nổi loạn, cả Thăng Long đều biết.

Ta chống Phật Mã là danh không chính. Danh không chính thì ngôn khó thuận. Bởi kéo binh về Thăng Long là phải phát hịch. Lời hịch viết sao đây? Không viết được gì cả. Bởi nó nghịch nhĩ, trái đạo. Đã trái tại lại trái đạo, còn ai theo mình nữa. Khó thay!

Vậy ta phải làm gì đây? Ra hàng ư? Ai đánh mà ta hàng. Thôi thì án binh bất động là thượng sách.

Khai Quốc vương sai các tướng đem binh chặn các đường hiểm yếu từ Thăng Long đổ về Trường Yên, còn mình ở tại trung quân để nghe ngóng động tĩnh.

Tham tri chính sự Lý Mật dâng sớ hạch tội Khai Quốc vương.

Một là thiên tử bằng mà không về chịu tang.

Hai là vua mới nối dòng đại thống mà không về châu.

Ba là nhân cơ nước nhà có tang mà xua quân đi bốn phía mở mang cương thổ mưu bặt nghịch.

Phạm một trong ba tội ấy đã phải chém bêu đầu, thế mà Khai Quốc vương lại phạm cả ba trọng tội, xin bệ hạ sớm trừng trị để giữ nghiêm phép nước.

Lý Mật vừa vái nhà vua lui về chỗ thì Đỗ Sấm, Hữu gián nghị đại phu cũng xuất ban tâu:

- Bệ hạ, mấy hôm nay bên Thượng thư sảnh, Trung thư sảnh đều nghị bàn việc Khai Quốc vương làm phản. Tội của Khai Quốc vương đã rõ ràng rành, như bên Thượng thư sảnh đã cáo giác, qua lời sớ mà quan Tham tri chính sự Lý Mật vừa tuyên. Xin bệ hạ sớm trừ bỏ, đừng để cái ung nhọt ấy làm suy yếu cả quốc gia.

Tâu bệ hạ, ngay cả hai nước thù địch, thì cũng không nhân chuyện nước kia có tang mà đem quân vây đánh. Ngay cả hai nước đang đánh nhau mà một bên có quốc tang, bên kia lập tức hưu chiến. Chúng thần không hiểu Khai Quốc vương là hạng người nào, lại dám ngang nhiên giày xéo lên kỷ cương lễ luật như vậy.

Đỗ Sấm nhìn thẳng lên ngai vàng, nơi nhà vua đang ngự, với vẻ cương nghị, ông nói tiếp: – Tâu bệ hạ, nếu không sớm trị tội Khai Quốc, thì trong nước sẽ xảy ra huyết chiến, xảy ra huynh đệ tương tàn, nòi da xáo thịt. Nếu không nghiêm trị Khai Quốc người trong nước ắt chia lòng, luân thường đạo lý lại lâm vào rối nát như thời Long Đĩnh Ngọa triều mà thôi.

Vua Thái tông lòng ngổn ngang trăm mối. Vua cha chết còn chưa kịp mai táng, thì ba người anh em nổi lên định cướp ngôi. Nhờ phúc lớn ta dẹp yên, lại đến Khai Quốc vương làm phản. Các quan cáo giác không phải là vô cớ. Thật là nhục cho gia đạo, nhục cả quốc thống. Nhà vua còn chưa kịp huấn dụ gì thì nội lệnh sử Hoàng Thúc Phương đã lại xin nói. Vua biết người này lòng dạ thẳng ngay, nhưng nếu lại phải nghe những điều cáo giác đau lòng nữa, ta sao chịu nổi.

Hoàng Thúc Phương một lần nữa giơ cao chiếc hốt. – Thần, nội lệnh sử xin bệ hạ cho được tâu ạ. Nhà vua miễn cưỡng gật đầu. Hoàng Thúc Phương bước ra khỏi ban, vái nhà vua hai vái rồi nói:

- Tâu bệ hạ, thần không biết phải chép cái gì vào chính sử đây. Tưởng rằng cái họa Lê Long Đĩnh giết Lê Trung tông chỉ xảy ra một lần trong lịch sử nước ta. Thái tổ cao hoàng đế triều ta là một bậc học thức tinh thuần, lại xuất thân từ cửa Phật, nên từ khi triều Thuận Thiên trị vì, đã đem lại không biết bao điều tốt lành cho nhân quần xã hội. Biết bao thuần phong mỹ tục mới được hình thành trong mấy chục năm nay. Thái tổ rất coi trọng việc khai trí cho nhân chúng, hoá nên Thái tổ càng coi trọng việc giáo hoá cho các hoàng tử. Mỗi hoàng tử có tới mấy ông sư phó. Thuần chọn các bậc thầy văn, thầy võ vào hàng đệ nhất trong thiên hạ để giáo hoá. Tưởng được học hành dạy dỗ như vậy, các vương phải là những tấm gương cho thiên hạ soi vào. Nay vì lòng tham, sân khởi động, đã làm các vương trở thành sói lang, không những để hận cho nhà, mà còn là mối nguy họa cho xã tắc. Thử hỏi lấy gì mà gột rửa được vết nhơ này. Hoá nên, bệ hạ phải nhanh chóng trị tội Khai Quốc, để yên lòng thiên hạ. Nếu không, người hiền sẽ bỏ bệ hạ mà đi, người trí cũng bỏ bệ hạ mà đi. Tới lúc ấy, sự thế còn nguy hơn là nước có giặc. Xin bệ hạ lưu tâm.

Khu mật viên Xung Tân xuất ban xin nói:

- Tâu hoàng thượng, việc các đồng liêu của thần vừa trình bệ hạ, là việc không thể trì hoãn được nữa. Thần cũng không có ý gì khác. Duy có một điều để yên lòng thiên hạ, để đoạn diệt sự dòm ngó, chúng thần xin bệ hạ cho lập ngay ngôi Đông cung.

Các quan còn nhiều người giơ cao hốt xin nói. Nhưng nhà vua cho như thế là đủ, nên vẫy tay cho mọi người an tọa.

Nhà vua nói:

- Những điều các khanh vừa tâu, đều là nỗi bức xúc của trăm. Việc dẹp loạn Trường Yên, trăm sẽ thân chinh. Nhân đây trăm y chuẩn việc sách phong hoàng tử Nhật Tôn làm Đông cung thái tử.

- Chư khanh! – nhà vua nói, giọng cảm động. – Tại đây, nhiều người theo Thái tổ từ ngày mở nước, xiết bao khó nhọc, và không thể nói là đôi lúc không có hiểm nguy. Vì thế, có người đã phải bỏ cả mạng sống của mình ngoài chiến trận hoặc nơi biên tái. Nhiều vị tuổi cao, sức yếu không thể tiếp tục công việc mỗi ngày một nhiều hơn, nặng nhọc hơn. Vả lại, ở đời không có vật gì lại không thay đổi cả. Chức quan cũng thế thôi, khi thăng, khi giáng đều theo tài đức và công lao mà sắp đặt. Hơn nữa còn biết bao người trẻ tuổi có tài mà không được cất nhắc vào việc. Vậy nên, ta nhất loạt thăng cho mỗi quan một bậc. Và từ sáu mươi tuổi, nhất loạt hồi hưu. Ai chưa đến tuổi, nhưng vì sức yếu, hoặc ai tuổi còn trẻ, sức còn khỏe mà thấy không đủ tài đức gánh vác công việc, đều có thể xin nghỉ để còn được hưởng chế độ hưu quan. Chớ để khi ta khảo khoá mà thải, loại thì không được cấp hưu bổng nữa. Ta đã nói, mọi người đều nhất loạt được lên một bậc kể cả tại chức hay hồi hưu. Phần đất ruộng cấp cho các hưu quan, tùy theo chức tước và công lao mà được hưởng, đúng lệ mà tiên đế đã đặt ra. Ta vẫn muốn cấp cho các quan nhiều hơn thế, nhưng ruộng đất thì không sinh sôi mà con người ngày một nhiều thêm. Thử hỏi, vua tôi lấy đất ở đâu mà chia mãi cho nhau. Vậy, các khanh tạm bằng lòng như các pháp độ từ thời tiên đế.

Sau đây, ta tuyên cáo một số quan chức đầu triều. Là ta căn cứ vào tài đức của mỗi người được bộc lộ qua công việc, mà ta để ý từ cả chục năm qua. Trong số đó cũng có những người mới nổi gần đây.

Sau tuyên cáo này, nếu bên Khu mật viện thấy ai không xứng ở chức thì cáo giác. Các quan ở các đài, sảnh, viện thấy có điều gì bất như ý đều có thể làm sớ tâu lên. Lại nữa, các quan đã được ta cất nhắc, nhưng thấy không xứng chức, hoặc chức chưa xứng với tài đều có thể khải về.

Việc dẹp quân phản Trường Yên, ta sẽ thân chinh. Thái phó Ngô Thượng Đình, thái úy Nguyễn Quang Lợi, Đô thống thượng tướng quân Lê Phụng Hiếu, uy vệ thượng tướng quân Vũ Ba Tư đi theo quân cùng ta.

Nội trong ba ngày, thái úy Nguyễn Quang Lợi phải điều đủ năm vạn quân để đúng giờ dẫn ngày canh ngo khởi binh đi đánh Trường Yên.

Việc lưu thủ kinh sư ta trao cho Lý Nhân Nghĩa, Lương Nhậm Văn đồng giám quốc.

Đúng ngày giờ ba vạn quân gồm các chủng kỵ binh, tượng binh, bộ binh lục tục ra khỏi kinh thành. Hai vạn thủy binh từ hồ Dâm Đàm qua nẻo Nhuệ Giang mà vào Hoàng Giang.

Kiếp vua vừa ra khỏi cửa Đại Hưng, thì gặp một đám trẻ vừa trai vừa gái chơi trò chồng nọ chồng hoa và đá cầu lông gà.

Nom thấy cảnh vui mắt, vua bảo tả hữu dừng kiệu, rồi sai người đem cho lũ trẻ mỗi đứa một tiền. Đoạn vua bảo thái úy Nguyễn Quang Lợi, diêm triệu trẻ con chơi vui thế này, ta chắc việc chinh phục Trường Yên sẽ thuận lợi, không đổ máu.

Quân đi nườm nượp, cờ xí rợp trời. Voi ngựa hí vang, dân chúng kinh kỳ đổ ra xem như đi trẩy hội.

Đúng giờ mùi ngày nhâm thân, năm vạn quân triều đình đã hình thành thế bao vây Trường Yên.

Vua Lý Thái tông gửi cho Khai Quốc vương tờ cáo trạng:

“Ta gạt nước mắt viết hịch này. Tiên đế băng chưa kịp phát tang thì tam vương nổi loạn. Nay di hài của tiên đế vẫn còn quàn tại điện Long An chờ vương đệ về chịu tang.

Ai ngờ vương đệ chia lòng, đoạn tình cốt nhục, đang tâm làm phản. Các quan dưng sớ hạch vương đệ phạm ba trọng tội:

- Một là thiên tử tạ thế mà không về chịu tang.

- Hai là vua mới nổi dòng đại thống mà không về châu.

- Ba là nhân cơ nước có tang xua quân gây hấn mưu chia cắt núi sông, phá tán cơ nghiệp mà tổ tông tạo dựng.

Vương đệ thừa biết, phạm một trong ba tội ấy cũng đủ rơi đầu.

Nay ta đem đại binh đến hỏi tội. Nhược bằng biết hối lỗi ăn năn, sớm liệu quy hàng thì nể tình máu mủ ruột rà, ta sẽ mở đường hiếu sinh. Nếu chẳng biết liệu sức mình, manh tâm chống trả, buộc ta phải ra tay thì thành tan ngôi vỡ, ta không dám đảm bảo sự tồn sinh của các người”.

Khai Quốc vương cử ba ngàn quân và các tướng giỏi đi khua khoảng khắp nơi. Nói rằng chiêu an, nhưng quân đã quen thói hà hiếp dân nên đi đến đâu cũng xảy ra chuyện cướp của, đánh người, hãm hiếp đàn bà con gái. Thành thử lòng dân phẫn uất. Nay muốn thu quân về chống đỡ thì không kịp nữa. Trong thành chỉ còn hơn một ngàn quân, so với năm vạn quân hùng hổ của triều đình, khác nào đem trứng mà chọi với đá.

Còn một nhóm tả hữu, vương cho nhóm họp luận bàn. Chẳng ai có cao kiến gì hơn là việc quy phục triều đình, giữ tình hoà hiếu, trợn đạo vua tôi là thượng sách. Trước tình cảnh khốn cùng, dù có tham vọng đến mấy, mưu mô đến mấy cũng đành khoanh tay thúc thủ.

Khai Quốc vương sai người trối mình rồi đem ấn, kiếm cùng chìa khoá bốn cổng thành tới trước kiệu Thái tông xin hàng.

Vua hạ lệnh quan quân vào thành ai dám xâm phạm đến cái tơ cái tóc của dân, hà hiếp dân thì chém. Quân sĩ giữ nghiêm quân lệnh, nhân dân trong thành Trường Yên nô nức kéo nhau ra đứng đầy đường, tung hô vua mới. Lại dắt trâu, bò đem dê lợn cùng rượu dâng biếu để vua khao quân.

Vua vỗ về uly lạo. Cả thành Trường Yên đều thoả dạ thoả lòng.

Vua tuyên chỉ áp giải Khai Quốc vương và liêu thuộc về hết Thăng Long.

Từ Trường Yên về, vua xuống chiếu tha tội chết cho Khai Quốc vương, Đông Chinh vương, Dực Thánh vương, cho khôi phục tước hiệu, nhưng buộc tất cả đều phải ở lại Thăng Long, không được dời đi nơi khác, không được tái lập phủ binh. Lại cho cả mấy người cùng được chịu tang Thái tổ, hằng ngày được phép vào điện Long An túc trực bên linh cữu và dâng cơm, làm lễ chiêu tịch điện. Vua lại dụ: “Tiếc thay, các người không phải không có tài, chỉ vì tự phụ, không chịu nghe lời giáo huấn của tiên đế mà trở nên bất hiếu, bất trung, nêu gương xấu cho thiên hạ. Lại để thiệt cho nước. Nước mất người tài là yếu suy thế nước. Nay các người đang đối mặt với một sự thật là các người thiếu đức vì không gạt bỏ được tham-sân-si. Nếu dám đương đầu với nó một cách kiên cường và thẳng được nó, các người vẫn còn cơ hội đem tài ra giúp nước. Các người học Phật, sao không thăm nhờ Phật dạy. Các người có nhớ là Phật từng nói: “Nếu con thẳng được một người, con là lực sĩ. Nếu con thẳng được một trăm người, con là võ sĩ thượng thừa. Nhưng nếu con thẳng được chính con, con mới là võ sĩ siêu tuyệt”.

Vậy chớ các người có nhớ nhờ Phật dạy ấy chép ở Kinh nào không?

Từ nay, ta trông đợi nơi các người, gắng tu chính cái tâm để có thể thẳng được chính mình, để trở thành người hữu dụng cho nước...”

Các vương đều cúi mặt nghe lời dụ. Chẳng biết trong lòng đang xót xa, ân hận để rồi hối lỗi, hay đang âm mưu một điều gì khác nữa.

Hữu ty dâng sớ nói nhà vua sai xây toà miếu tại bên hữu thành Đại La, phía sau chùa Thánh Thọ trên đất làng Yên Thái, đến nay đã xong, xin nhà vua đến duyệt xét.

Vua đến xem lấy làm hài lòng. Lại cho đòi trung thư thị lang Liêu Gia Trung đến dụ:

- Đền này thờ thần Đồng Cổ. Công của thần lớn lắm, độ trì cho nước vững từ thời Hùng Vương. Lại năm Canh thân, vâng mệnh tiên đế ta đem quân đi đánh Chiêm Thành, qua đền thờ thần ở núi Đan Nê Châu Ái, ta có vào lễ và xin được thần trợ giúp. Đem thần về báo mộng sẽ giúp cho thắng trận.

Trận ấy, ta thắng lớn, trên đường về ta lại ghé Đan Nê để tạ thần. Ta cũng hứa, khi nào lên ngôi sẽ lập đền thờ. Lại gần đây khi Thái tổ sắp băng, thần cũng báo mộng cho ta hôm sau ba vương làm loạn, sớm trừ đi. Do đó, ta cắt cử các tướng phòng bị trước. Nên khi việc xảy ra là dẹp ngay được. Ta cho Khanh hay lai lịch của thần như vậy, để Khanh biết mà viết hoành phi, câu đối. Cấm Khanh không được tiết lộ thiên cơ. Khanh phải cử ngay người vào đền Đồng Cổ ở Đan Nê mà sao thần phả, rồi rước hèm về thờ tại đây. Hậu cung bày gì hả. Rước một cỗ ngai rồi đặt thần vị của Ngài vào đây. Ngoài ra phải có một chiếc trống đồng đặt trên kỷ sơn son thếp vàng, để tượng trưng cho linh ảnh của thần. Đúng rồi, đặt trống trong hậu cung, ngay phía trước ngai. Tả hữu ban, thờ thần nào hả. Tả ban thờ Thái thượng lão quân. Hữu ban thờ Phật. Khanh còn không biết nước ta theo về tam giáo sao.

Hôm sau, vua lại đến thăm đền Đồng Cổ, xem công việc đã hoàn tất chưa. Trong hậu cung đã lập xong

ban thờ đúng như ý vua.

Tả ban, các đạo sĩ trong quán Thái Thanh đang loay hoay đặt tượng Thái thượng Lão quân. Mấy người khác đang hí húi vẽ hình bát quái trước bệ thờ.

Hữu ban đã đặt xong tượng Phật tổ Thích Ca Mâu Ni. Vách khuôn hai bên bệ thờ, các thiền sư đang bàn bạc nên viết câu đối nào cho phù hợp. Vua đi qua thấy sẵn bút mực bèn cầm lấy một cây, viết luôn tám chữ:

Sinh diệt diệt dĩ

Tịch diệt vi lạc

Qua tám chữ, nhà vua muốn chỉ cho thế gian, nếu dứt bỏ được ý niệm về sự sinh diệt, thì sẽ hiểu cõi tịch diệt. Tức là cõi niết bàn.

Các bậc cao tăng, các đạo sĩ đều khen lời văn giản dị, ý tứ cao siêu.

Đúng sáng ngày hai mươi nhăm tháng ba, giờ dần, các quan từ nhất nhị phẩm tới hàng thất bát cửu phẩm, không sót một ai, đều phải có mặt trước sân rồng. Rồi cờ giông trống mở đi về phía đền Đồng Cổ. Dân chúng kinh kỳ thấy lạ, đổ ra xem vua và các quan dẫn bộ về phía đông Long thành.

Dân chúng đều lấy làm lạ, bởi từ thượng cổ chưa có một hội nào, một cuộc lễ rước nào mà đích thân nhà vua đi đầu và tất cả triều quan lục tục theo sau. Chỉ xem áo xiêm, mũ mấn, đai hia cùng nhìn rõ mặt rồng, nhìn tường tận từng viên quan cũng đã làm dân chúng thành Thăng Long thoả chí tò mò. Dân cứ nườm nượp đi theo đoàn rước về tới một ngôi đền thật là khang trang, to đẹp mà trước đó vài tháng chỉ là khu đất trồng rau của chùa Thánh Thọ, khiến mọi người sửng sò, tưởng như một phép lạ.

Khi vua và các quan tới cửa đền liền đi vòng về bên tả, qua một đàn đất mới đắp, cờ xí cắm la liệt quanh đàn. Đi hết một vòng thì đứng dàn thành hàng lối, đội ngũ tề chỉnh. Tất cả gươm, giáo đều treo trước thần vị. Một hoà thượng cùng một đạo sĩ nâng bát huyết pha rượu trắng, lấy từ các con vật hiến tế dâng lên hoàng thượng. Vua uống một ngụm rồi truyền cho tất cả các quan. Uống xong, viên quan chủ tế đọc to lời thề: “Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, xin thần minh giết chết!”^[89]. Mọi người hô theo: “Giết chết!” “Giết chết!” “Giết chết!” Lời thề được đọc ba lần. Lời đế vang lên chín lần.

Tiếng “giết chết” lạnh lạnh, vang xa. Ai nấy nghe được đều khiếp sợ đến dựng cả tóc gáy.

Lễ uống máu đọc lời thề thiêng trước thần Đồng Cổ, trở thành cuộc lễ hằng năm của triều đình. Những năm sau đó, dân chúng kinh kỳ thấy hay hay, bèn tấp vào đó một số trò diễn như tích Mục Liên – Thanh Đề, tích bà Chúa Ba tức Phật Bà, tích Tiểu Kính Tâm cùng một số trò chơi dân dã, nên lễ thề thần Đồng Cổ đã biến thành Hội thề Đồng Cổ, mà phần lễ của triều đình, phần hội là của dân chúng. Có điều tháng ba là tháng có Quốc kỵ, tức là giỗ Lý Thái tổ, nên Hội thề Đồng Cổ chuyển sang ngày mừng bốn tháng tư. Các quan ai vắng mặt trong hội thề phải chịu hình phạt đánh trượng trước sân đền. Ai tái phạm thì cách quan, đuổi về làm thứ dân.

Suốt triều đại nhà Lý kéo dài hai trăm mười lăm năm, tiếp nhà Trần một trăm bảy mươi nhăm năm nữa, hội thề Đồng Cổ vẫn nghiêm giữ, nhưng kẻ làm con bất hiếu, kẻ làm tôi bất trung sao cứ mỗi ngày mỗi nhiều thêm?

Ít bữa nữa tới kỳ bách nhật, triều đình làm lễ an táng Lý Thái tổ, thế là triều Thuận Thiên khép lại, triều Thiên Thành mở ra. Vận hội nước nhà thịnh suy, thăng giáng hãy xem sự điều hành chính sự của vua mới.

HẾT

[i] Tam cương là định chế tối thượng của chế độ phong kiến được định vị theo thứ bậc: Vua – Thầy – Cha tức là Quân – Sư – Phụ.

[ii] Ngũ thường là năm tiêu chuẩn về đạo đức của người quân tử: nhân, lễ, nghĩa, trí, tín.

[iii] Câu tiếng Pháp có nghĩa là: Nước Nam đã biết dùng binh lính vào việc cày ruộng trước cả nước La mã cổ xưa.

[iv] Một chức quan từ triều đình cử xuống để nắm bắt ý nguyện của dân, khi về tâu lại với nhà vua.

[1] Tùy long: quân theo vua. Tức là lính bảo vệ luôn theo sát vua khi ra ngoài kinh thành.

[2] Tức vị: lên ngôi vua.

[3] Từ nhà Phật gọi thân thể con người là “Xú bì đại” – tức là một cái túi da lớn đựng các thứ thối tha như bần.

[4] Ngoạ triều: vua Lê Long Đĩnh hoang dâm tửu sắc, dần mắc bệnh trĩ ngoại nặng, nằm mà coi triều, nên người ta gọi là Lê Ngoạ triều. Vua mất năm hai mươi bốn tuổi.

[5] Chức quan đầu triều thuộc hàng tam công gồm có: Thái sư, Thái phó, Thái bảo.

[6] Mơ, mai, mạn đều thuộc họ mạn và chữ Hán đều viết là “Lý”. Chi tiết này chứng tỏ lời đồng dao là có cơ sở khiến Ngoạ triều càng lo lắng.

[7] Xóm Vũ Long bên Đông

Gò Vũ Long bên Nam

Bắc có ao Trấn Hải,

Tây có quán Hạc Lâm.

[8] Tạm dịch: Tật Lê chìm biển bắc,

Cây Lý rợp trời nam.

Bốn phương chinh chiến hết,

Tám hướng hưởng thái bình.

[9] Trong chùa Tiêu Sơn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh hiện còn lưu giữ một phiến đá có hàng chữ: “LÝ GIA LINH THẠCH” đặt trong đài bia, cạnh chùa. Nghĩa là đá thiêng của dòng họ Lý.

[10] Người tu theo đạo Lão.

[11] Nguyên văn chữ Hán (dịch theo âm Hán Việt):

Thổ mộc tương sinh cần cạnh câ (kim)

Vi hà mưu ngã uẩn linh khâm

Đương thời ngũ khẩu tu tâm tuyệt

Chân chí vị lai bất hận tâm.

Trong bài dùng phép chiết tự để ám chỉ họ tên kẻ mưu hại: chữ “Thổ” hợp với chữ “Mộc” là chữ “Đỗ”, chữ “Cần” hợp với chữ “Kim” là chữ “Ngân”. Đại ý Đỗ Ngân mưu hại ta. Nhận được bài thơ, Đỗ Ngân sợ hãi mà từ bỏ âm mưu.

[12] Thuận Thiên: vua Lý Công Uẩn (Thuận Thiên là niên hiệu dưới thời Lý Công Uẩn).

[13] Chính là bài đồng dao trẻ con vừa hát ở đoạn trên.

[14] Nội điển đối với người tu hành, có nghĩa là các sách về kinh Phật.

[15] Trong kinh Dịch hào dương gọi là hào cửu, hào âm gọi là hào lục. Hào 5 trong kinh Dịch trở ngôi đế vương. Hào 5 lại là hào dương, vì vậy người ta gọi hào 5 là ngôi cửu ngũ trở vị trí của bậc chủ tể.

[16] Khi Lê Hoàn mất triều đình chưa kịp đặt miếu hiệu nên dân chúng gọi ông là Đại hành. Đại hành có nghĩa là đi xa (chỉ người chết).

[17] Họ Hồng Bàng và nhà nước Văn Lang (2879-258 trước Công nguyên).

[18] Nhà Thục và nước Âu Lạc (257-208 trước Công nguyên).

[19] Trưng nữ vương (40-43 sau Công nguyên).

[20] Nhà tiền Lý và nhà Triệu (544-603).

[21] Nhà Ngô (Ngô Quyền – 939-967).

[22] Nhà Đinh (968-980).

[23] Nhà tiền Lê (980-1009).

[24] Các nhà Hạ, Thương (Ân), Chu (thế kỷ 21 – 249 trước Công nguyên).

[25] Các bậc chân tu đã thành đạo quả có thể nhập Niết bàn, không sinh diệt nữa, nhưng vì thương chúng sinh nên thể hiện tại thế để cứu đời, nên gọi là Bồ tát.

[26] Nơi thờ tổ tiên của dòng họ.

[27] Nơi thờ tổ của chi họ tới năm đời.

[28] Nơi nhà vua tế trời hàng năm vào tiết đầu xuân.

[29] Các kinh sách của đạo Nho.

[30] Kinh sách của đạo Lão.

[31] Bốn tác phẩm kinh điển của Nho học: *Luận ngữ*, *Mạnh Tử*, *Đại học*, *Trung dung*.

[32] Năm tác phẩm kinh điển khác của Nho học: *kinh Dịch*, *kinh Thi*, *kinh Lễ*, *kinh Nhạc* và *kinh Xuân Thu*.

[33] Không làm thì không được ăn.

[34] Đỗ Pháp Thuận (915 – 990) là một nhà sư thứ mười thuộc dòng thiền Nam phương. Ông có kiến thức uyên bác, lại có tài thơ văn, thường cố vấn cho vua Lê Đại hành được nhiều việc lớn. Vua trọng phong làm pháp sư. Không gọi tên, chỉ gọi Đỗ pháp sư.

[35] Dịch thơ:

Phúc nước dài dằng dặc,

Trời nam mở thái bình.

Đạo đức ngự cung điện,

Chấn chấn tắt đao binh.

[36] Hữu nhai tăng thống: chức đứng đầu tăng quan thời bấy giờ.

[37] Sông Hồng từ xưa đã có một bãi bồi nổi lên ở giữa sông khiến đoạn sông đó nom như một vành tai, nên người đời gọi là “Nhĩ Hà”.

[38] Thái cực, Lưỡng nghi là cái nhất sinh nhì. Nói về sự biến dịch trong *kinh Dịch*.

[39] Sử quan ở trong triều theo dõi và ghi chép lời nói và việc làm của vua. Ở ta không phân biệt. Trung Hoa xưa còn chia Nội lệnh sử ra làm Tả sử chuyên ghi lời vua nói và Hữu sử chuyên ghi việc vua làm.

[40] Đơn vị hành chính thời Lý tương đương với cấp tỉnh, huyện ngày nay.

[41] Ngọa triều: nằm để coi châu.

[42] Tọa triều: ngồi để coi châu.

[43] Dịch: *Đỗ Thích giết hai Đình (hai cha con nhà vua là Đình Bộ Lĩnh và Đình Toàn),*

Nhà Lê nổi thánh minh.

Tranh nhau nhiều kẻ chết,

Đường sá người vắng tanh.

Mười hai xưng đại vương,

Toàn ác không một thiện.

Thập bát tử lên tiên.

[44] Thập-bát-tử: ba chữ này ghép lại thành chữ Lý. Ám chỉ họ Lý lên cầm quyền.

[45] Tên các ngành sử trong sử học cổ đại Trung Hoa. Thật ra có tới 15 ngành sử khác nhau. Nhưng ở ta chỉ chuộng có bốn ngành: Kỷ truyện, Biên niên, Kỷ sự bản末, Chính thư.

[46] Tướng công: chức quan văn đầu triều. Nhà Lý, thời Lý Công Uẩn có chức Thái phó, Thái bảo. Đây là các chức trong hàng tam công. Nhẽ ra đứng đầu phải là chức Thái sư. Nhưng Lý Thái tổ lại dùng chức Tướng công. Sang các đời sau không gọi là Tướng công mà gọi là Thái sư hoặc Tể tướng.

- [47] *Xuất nạp quan*: chức quan chuyên việc đem các chính lệnh của triều đình phổ biến đến tận thôn ấp. Rồi lấy ý kiến dân về các chính sách của triều đình đã ban có gì không hợp lòng dân về tâu lại. Nhờ đường lối này mà nhà Lý thực hiện được chính sách thân dân.
- [48] *Vu lan bồn*: tức là lễ rằm tháng bảy, là ngày Phật xá tội cho các vong hồn.
- [49] *Thượng nguyên*: lễ rằm tháng giêng. Đây là các ngày lễ trọng của nhà Phật.
- [50] *Đông cung*: chỗ ở của một người con vua được lập làm thái tử, sau sẽ lên nối ngôi. Theo truyền thuyết của Trung Hoa, ngoài biển Đông có núi Đông Minh, trên núi có cung điện xây bằng đá xanh, có biển đề: “Thiên địa trường nam chi cung” (Cung điện con trường của trời đất).
- [51] Khổng Tử nói về cuộc đời mình từ tuổi 15 đi học tới 30, 40, 50, 60, 70 tuổi. Về 50 tuổi ngài nói: “Đến tuổi 50 mới thấu hiểu chân lý của tạo hóa, tức là mệnh của Trời” (ngũ thập tri thiên mệnh). Ý nói sự trưởng thành của đời người theo từng mức độ tuổi khác nhau.
- [52] Tên thân mật chung cho con trai, con gái khi mới sinh. Con trai là “Cò”, con gái là “Hĩm”.
- [53] *Thăng*: đơn vị cân đo tương đương với 0,5 kg.
- [54] *Sách vỡ lòng* gồm những câu ngắn ba chữ một cho trẻ dễ học. Ví dụ: Nhân chi sơ – Tính bản thiện (nghĩa là: Người mới sinh – Bản tính tốt).
- [55] *Cụ túc*: Pháp giới của nhà Phật gồm 250 điều răn cấm đối với các tỳ khưu nam và gồm 500 điều đối với tỳ khưu nữ.
- [56] Tân ty (981) nhân sự kiện Đinh Tiên hoàng vừa mất, Lê Hoàn lên ngôi, nhà Tống đưa quân sang xâm lược. Quân ta, dưới sự chỉ huy của Lê Hoàn đã đánh tan cả đội quân lẫn âm mưu xâm lược của Tống Thái tông.
- [57] Quảng Nguyên xưa tương đương với địa giới tỉnh Cao Bằng bây giờ.
- [58] Bình Lâm xưa tương đương với huyện Nước Hai, Cao Bằng ngày nay.
- [59] Châu Vị Long xưa chính là đất tỉnh Tuyên Quang ngày nay. Nơi xảy ra sự việc là đất huyện Chiêm Hóa bây giờ.
- [60] Tháng giêng năm Giáp Dần (1014).
- [61] Giặc đã vào tới biên giới.
- [62] Thanh dã: vườn không nhà trồng.
- [63] Nguyên là lời của Lỗ Định công hỏi Khổng Tử, thiên *Tử Lộ*, sách *Luận ngữ*. “Nhất ngôn hưng bang, nhất ngôn táng bang”: nghĩa là “Một lời nói làm cho quốc gia hưng thịnh, một lời nói làm cho quốc gia tan nát”.
- [64] Bộ tộc người Thái vùng Cẩm Thủy, Thanh Hóa.
- [65] *Trung quan*: hoạn quan. Các đời Lê, Nguyễn gọi là thái giám.
- [66] *Quan nội hầu*: quan hầu cận ở trong cung.
- [67] Chuối Bồ đề (tràng hạt) của các tu sĩ có 108 hạt tương ứng với 108 phiền não.
- [68] *Cửu khiêu*: hai lỗ mắt, hai lỗ mũi, hai lỗ tai, mồm và hai lỗ bài tiết.
- [69] Người Trung Hoa thường cho mình có nguồn gốc cao quý nên họ tự gọi mình là “Hoa Hạ”.
- [70] Cũng do quan niệm Hoa Hạ nên họ kỳ thị, coi các dân tộc khác Hoa Hạ là man di mọi rợ. Cho nên xung quanh Trung Hoa họ gọi là tứ Di và phân ra: nam Man; bắc Địch; tây Nhung; đông Di. Bởi vậy khi cấu tạo chữ viết: chữ Man có bộ trùng, chữ Địch có bộ khuyển; tức là họ coi các dân tộc ngoài Hoa Hạ như là sâu bọ, chó má.
- [71] Trước sau thời Trưng Vương có nghĩa là trước và sau Công nguyên (trước và sau thế kỷ thứ 1).
- [72] Luy Lâu đời Hán, Đường là trị sở của bọn thống trị Trung Hoa. Nay thuộc đất Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, di tích còn lại có chùa Dâu tức chùa Pháp Vân.
- [73] “Vạn Pháp quy không” nghĩa là mọi phương pháp tu hành đều quy về Phật, tức là giác ngộ. “Không”

có nghĩa là Phật. “Cửa không” là “cửa nhà Phật”. “Quy không” là “quy về Phật”.

[74] Nay là xã Dương Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

[75] Đứng xa trăm bước bắn tên xuyên qua chiếc lá liễu.

[76] Thiền sư họ Trịnh người Quảng Châu, Trung Hoa. Tính sư trầm lặng ít nói, nhưng thông đạt đạo lý. Vì thế đời gọi ông là “Vô Ngôn Thông”. Cũng còn có nghĩa nữa là “Không nói mà thông”. Ông đến trụ trì tại chùa Kiến Sơ, hương Phù Đồng năm Canh Tý (820), niên hiệu Đường Nguyên Hòa 15, mở ra dòng thiền Vô Ngôn Thông ở nước ta. Đời sau tôn ông là tổ của dòng Thiền này.

[77] *Tất cả các pháp*

Đều từ tâm sinh

Tâm không chỗ sinh

Pháp không chỗ trụ

Nếu đạt đất lòng

Làm gì chẳng ngại

Không gặp thượng căn

Cẩn thận chớ nói.

(Theo Thiền uyển tập anh, bản dịch của Ngô Đức Thọ, NXB Văn học, Hà Nội, 1990).

[78] Tức là muốn được làm quan thì hãy giết người, đốt nhà rồi để cho nhà nước chiêu an.

[79] Bỏ thành trống, dụ cho quân địch vào rồi quân phục từ bốn phía trở lại vây thành.

[80] Ý muốn nói đến cái chết của Ngọa triều Lê Long Đĩnh (thật ra Lê Long Đĩnh thọ 24 tuổi).

[81] Cơ quan ở gần vua chuyên dự nghĩ mọi việc tâu lên vua, như các việc đề nghị cải cách, tuyển bổ. Làm các việc có tính tham mưu. Tựa như bí thư nội các sau này.

[82] Quan thị tức là hoạn quan, chuyên làm các việc hầu cận vua, kể cả việc ân ái của vua và giám sát cung nữ. Thời Lý gọi hoạn quan là “trung quan”.

[83] Dịch: *Thân như bóng chớp có rồi không,*

Cây cối xuân tươi thu nào nùng.

Mặc cuộc thịnh suy đừng sợ hãi,

Kìa kìa ngọn cỏ giọt sương đông.

[84] Tương tự hình chữ A trong mẫu tự La tinh.

[85] Đường Thái tông khi ấy còn là Tần vương, đi đánh Vương Thế Sung, bị Đơn Hùng Tín cầm giáo chạy đến định đâm, Kính Đức thấy nguy bèn vỗ ngựa phi tới đâm chết Đơn Hùng Tín (Thật ra chỉ là đuổi Đơn Hùng Tín đi. Sau Vương Thế Sung thua, Đơn Hùng Tín bị Lý Thế Dân bắt, dụ không hàng nên bị chém – Caruri).

[86] Thật ra Thái tổ, Thái tông là các miếu hiệu chỉ đặt ra và gọi sau khi nhà vua đã chết. Song để tiện cho bạn đọc theo dõi, trong truyện thống nhất gọi các vua theo miếu hiệu. Bởi mỗi vua, trong đời thường cải niên hiệu tới mấy lần, khiến người đọc bối ngỡ, do không thuộc chính sử.

[87] Bạo ngược (làm phản) là trọng tội, tội nhân không được chết toàn thân. Nghĩa là phải chém bêu đầu hoặc tử mã phanh thây, hoặc voi giày. Tam ban là ba hình thức chết được toàn thân. Tội nhân được chọn giữa ba hình thức chết: lưỡi dao (tự đâm cổ chết); chén thuốc độc (uống thuốc độc chết); dải lụa (tự treo cổ chết).

[88] Lễ cúng cơm từng bữa cho tới đủ 100 ngày.

[89] Nguyên văn: Vì tử bất hiếu, vì thần bất trung, thần minh cực chi.